

CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT - BIÊN KHẢO
SỐ 46 - XUÂN 2009



CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM

PHAN KHÂM

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN.

NGÔ TĂNG GIAO.

BÌNH HUYỀN.

PHẠM VĂN TUẤN.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (703) 471-1271

FAX (703) 471-1196

Email: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. QUỲNH ANH.

Ý ANH. VIỆT BẰNG. HẢI BẰNG H.D.B.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.

HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.

VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.

VI KHUÊ. HUY LẪM. NGUYỄN LÂN.

NGUYỄN PHÚ LONG. VŨ NAM.

CAO MỸ NHÂN. ĐẶNG NGUYỄN.

DIỆU TẦN. NGUYỄN VĂN THÀNH.

TIỂU THU. HỒNG THỦY.

LÊ THƯƠNG. TRƯƠNG ANH THUY.

BÙI THANH TIÊN. THANH TRANG.

HÀ BÌNH TRUNG. TẠ QUANG TRUNG.

NGUYỄN ĐĂNG TUẤN. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

HỒNG PHÚC: Dallas, TX

NGUYỄN ĐĂNG TUẤN: Riverview, FL

TIỂU THU: Québec, Canada

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

BÌNH HUYỀN: France

VŨ NAM: Germany



THÁNG 3 NĂM 2009

MỤC LỤC

	Trang		
BÌA		TRẦN THỊ HƯƠNG CAU:	157
VŨ THÁI HÒA: Mùa Xuân La Vang		Cơn Đâu Mù Lò	
		VŨ NAM: Em Sáu Cửa Tôi	163
		ĐỖ PHÚ: Bạn Hữu Ba Miền	167
		NGUYỄN THỊ THANH: Việt Nam	172
		Trung Tâm Nông Nghiệp, Lúa, Nước và	
		Công Nghiệp Đá, Xưa Nhất Thế Giới	
		LÊ THƯỜNG: Đầu Xuân Mua Vui	182
		với Truyện Kiều	
		HOÀNG DUNG: Bông Dưng	187
		Mùa Xuân Đến	
		THƠ	
		LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ:	25
		Hãy Gọi Xuân Về	
		HỒNG PHÚC: Hoa Bướm Vườn Xuân	25
		VIỆT BĂNG: Mùa Xuân Trong Mắt Em	30
		BÌNH HUYỀN: Tình Xuân Thoáng Qua	48
		ĐẶNG NGUYỄN: Xuân Không Màu	71
		HOÀNG SONG LIÊM: Tiệc Thương	98
		NGUYỄN PHÚ LONG: Quán Bên Đường	103
		CỰ VŨ: Cảm Đề “Hôm Đó Mùa Xuân”	107
		QUỲNH ANH: Xuân Hồng	110
		LÝ HIỂU: Hải Đăng	117
		DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN:	156
		Xuân Này Cháu Không Về	
		PHẠM KHÂM: Lên	156
		BÙI THANH TIÊN: Bài Tango Muôn Thuở	165
		ĐỖ BÌNH: Chờ Nhau	168
		VĂN THỊ KIỀU ANH: Góp Phần Xuân	170
		TRƯỜNG GIANG: Xin Nghỉ Hưu	171
		HÀ BÌNH TRUNG: Xuân Nhớ	175
		CẨM TÚ: Tiếng Cười	180
		U.P. MINH NGUYỆT: Giọt Buồn	180
		HOÀNG BẠCH MAI: Đến Với Nhau	180
		TRÙNG QUANG: Vọng Tưởng	185
		Bóng Cờ Xưa	
VĂN			
TRẦN BÍCH SAN: Văn Học Hán Nôm	6		
và Những Trở Ngại Trong Lãnh Vực			
Biên Khảo.			
HỒ TRƯỜNG AN: Mộng Tuyết Thất Tiểu			
Muội với Tuy Bút “Dưới Mái Trắng Non”	16		
TIỂU THU: Hương Xuân	26		
DƯƠNG HUỆ ANH:	32		
Thơ Đường Mở Rộng			
HẢI BĂNG H.D.B.: Vũ Hối: Kỹ thuật	34		
Tạo “Hồn” Trong Thư Họa			
VI KHUÊ: Ngày Xuân Nhớ Bà Tú Xương	43		
BÌNH HUYỀN: Bó Hoa Khô	50		
PHẠM THỊ NHUNG: Cô Kiều	60		
Với Phạm Quỳnh			
VĂN QUANG: Chuyện Vui,	69		
Chuyện Buồn, Tết Tây, Tết Ta.			
HÀ NGUYỄN: Về Thăm Yên Tử	78		
LÊ LUYẾN: Nữ Tướng Ngũ Phụng Thư	88		
NGUYỄN TƯỜNG THIẾT:	95		
Chai Rượu Khai Xuân			
ĐỖ DUNG: Tạ Tình	102		
KIM VŨ: Hôm Đó Mùa Xuân	105		
TẠ QUANG KHÔI: Niềm Vui Cuối Đời	108		
TRẦN ĐAN HÀ: Mưa Xuân Về Muộn	113		
PHONG THU: Chiều Thu Rơi	121		
Hạt Mưa Sa Cuối Mùa			
NGUYỄN PHÚ LONG:	125		
Tai Nạn Nghề Nghiệp			
PHẠM VĂN TUẤN: Charles Dickens	131		
DIỆU TÂN: Bánh Chưng Nam Mỹ	143		
NGUYỄN LÂN: Người Mẹ	150		

TA QUANG TRUNG: Long An	181
HỒ CÔNG TÂM: Niềm Tin Bất Diệt	181
NGUYỄN KINH BẮC: Chiều Nơi Đất Khách	188
NGUYỄN THỊ THANH BÌNH: Tuyết Chiều	188
YÊN VI: Bản Tình Ca Em Hát Trong Đêm 30	189
CAO MỸ NHÂN: Trong Mưa Sài Gòn	190
HỒNG THUYẾT: Như Giấc Chiêm Bao	190

HỌA

Triển Lãm Vũ Thái Hòa	40
-----------------------	----

TÁC GIẢ CỔ THƠM:

HỌA SĨ VŨ THÁI HÒA:	42
---------------------	----

NHẠC

ANH HUY, PHƯỢNG CÁC, BÌNH HUYỀN	49
------------------------------------	----

Tình Xuân Thoáng Qua

HUY LÃM: Jamais Deux Sans Trois	76
---------------------------------	----

VĨNH ĐIỆN & PHAN KHÂM:	141
------------------------	-----

Hoa Và Xuân

GIAO ĐIỂM

DIỄM HOA: La Note Universelle “Si”	186
------------------------------------	-----

EMILY DICKINSON:	191
------------------	-----

The Forgotten Grave

TÂM MINH NGÔ TẦNG GIAO: Mộ Hoang	191
----------------------------------	-----

WILLIAM WORDSWORTH:	192
---------------------	-----

I wandered Lonely As A Cloud

NGUYỄN T. N. DUNG:	192
--------------------	-----

Lang Thang Như Áng Mây Trời

SINH HOẠT CỔ THƠM:

Tin Mừng: Catherine Trần	140
--------------------------	-----

và Harry E. Fellows

Cổ Thơm Bán Sách Báo Chợ Tết	194
------------------------------	-----

Cổ Thơm Hợp Mặt Tân Niên	195
--------------------------	-----

Thư Mời Tham Gia Cổ Thơm	200
--------------------------	-----

Phiếu Tham Gia Cổ Thơm	201
------------------------	-----

Danh Sách Mạnh Thường Quân	202
----------------------------	-----

Phiếu Mua Báo, Quảng Cáo	203
--------------------------	-----

Tủ Sách Hội Viên	204
------------------	-----

SÁCH MỚI

NGUYỄN LÂN: Tìm Một Cõi Về	03
----------------------------	----

TM NGÔ TẦNG GIAO: Ấn Sĩ Khổ Hạnh,	191
-----------------------------------	-----

Quan Âm Thị Kính, Mục Liên Thanh Đề

KIỀU ANH: Thương Vàng Trăng Khuyết	193
------------------------------------	-----

HOÀNG VĂN MINH: Tâm Minh Bút	193
------------------------------	-----

QUẢNG CÁO

BUDDY PHOTO	33
-------------	----

BS NGUYỄN QUỐC QUÂN	120
---------------------	-----

BS NGUYỄN THỊ KIM DUNG	130
------------------------	-----

BS VÕ ĐẠM	142
-----------	-----

SOVEREIGN REALTY, INC.	155
------------------------	-----

ĐÓN ĐỌC

TÌM MỘT CÕI VỀ

Tiểu thuyết của

NHÀ VĂN NGUYỄN LÂN



do Cơ Sở Cổ Thơm xuất bản sẽ được ra mắt vào ngày 24 tháng 5, năm 2009 tại Virginia.

Tìm Một Cõi Về là cuốn truyện dài được phác họa ngay từ những trang đầu mục đích của đời người, càng về sau càng rõ nét... nhân vật

chính đi tìm một cõi về, cõi về ám cúng nơi trần thế, cõi về thanh bình trong tâm tưởng... dưới bàn tay kỳ diệu của Tạo Hoá. Một cuốn sách có chủ đề hiền hoà nhưng cũng có những đoạn vô cùng hấp dẫn dưới ngòi viết đặc biệt Nguyễn Lân. Liên lạc tác giả:

NGUYỄN LÂN

(703) 942 7320; <lanhoa@verizon.net>

CẢNH THƠ XUÂN

Sau ba tháng mùa đông lạnh giá, băng trơn, tuyết đổ, vùng Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn đã đi vào mùa Xuân. Thời tiết ấm áp hơn, người ta không còn lo sợ tuyết băng cản trở giao thông sinh hoạt hằng ngày. Trên đường phố lại xuất hiện những tấm áo khoác, những dải khăn quàng mỏng nhẹ màu sắc tươi vui. Những đọt lá, nụ hoa đã bắt đầu nhu nhú trên cành. Nhưng người Á đông kể cả người Việt, các văn, thi, nhạc sĩ, báo chí Việt kể cả Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đã chào mừng Mùa Xuân từ Tết, đầu năm Âm lịch. Chúng ta may mắn được ăn mừng mùa Xuân mỗi năm hai lần. Và, bây giờ Cỏ Thơm lại được đón mừng mùa Xuân lần thứ hai của năm 2009.

Khi Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm phát hành vào cuối tháng ba là lúc mùa Xuân bắt đầu trên đất Hoa Kỳ, mùa hoa anh đào rộ nở nhất vùng Thủ Đô. Hoa đào đơn màu hồng nhạt, hoa đào kép màu hồng thắm hay đỏ tươi rộ nở khắp các công viên lớn nhỏ, khắp đường phố lên đồi xuống dốc nên thơ, bên rừng thưa hay trên cánh đồng bát ngát, xao xuyến hồn người. Du khách đổ về Hoa Thịnh Đốn dự lễ hội hoa anh đào bên bờ Sông Potomac. Hoa được trình trọng thưởng thức, được chiêm ngưỡng nghiêm trang. Người ta có thể đứng gần những mỹ nhân của thiên nhiên ấy, chụp hình, quay phim đủ kiểu kỷ niệm, nhưng bất khả xâm phạm hoa lá cành. Đó là luật, nếu phạm sẽ bị phạt nặng bằng hiện kim hay ngồi tù. Ở những nước văn minh, những nơi con người được giáo dục căn bản, không cần phải nhắc nhở người ta cũng biết giữ trật tự, tôn trọng vẻ đẹp của thiên nhiên.

Nói đến người lại nghĩ đến ta, kể hèn này đau lòng liên tưởng tới cảnh vườn hoa, cây cảnh triển lãm ở Hà Nội mùa Tết vừa qua bị lũ đười ươi giày xéo, khỉ ngốc trà đạp đến tả tơi rơi rụng. Những cây anh đào quà tặng của Vương Quốc Nhật Bản bị vật hoa, bẻ cành, giứt cánh xác xơ. Ai xem đoạn video quái gở đó trên *net* cũng phải bàng hoàng, bất mãn. “Tiếc cho thân phận đào nương, để cho con mán, thằng mường chúng leo!” Không biết người Nhật nghĩ sao khi biết những cây đào lễ vật của họ tặng Hà Nội lại gặp cảnh tang thương cả đến hoa kia cành này? Và năm 2010, kỷ niệm 1000 năm đất Thăng Long, dân Hà Nội sẽ hành hạ danh lam thắng cảnh như thế nào nữa?

Nhưng thôi, hãy quên đi những hình ảnh đáng buồn ấy, và nghĩ tới những chuyện vui làm cuộc đời đẹp hơn, đáng sống hơn. Một tin mừng đáng kể, Văn Thi Sĩ Hồ Trường An của chúng đã qua cơn bạo bệnh. Anh đã đi lại được, tuy chân tay phải còn yếu, có thể đọc được sách báo, thư từ. Hồ Trường An đã gọi về Tòa Soạn Cỏ Thơm. Thật là xúc động nghe tiếng nói thân thương, nhấn nhủ dặn dò của Anh. Xin cảm ơn Thượng Đế.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đã in ấn, xuất bản nhiều sách của Hồ Trường An như Tác Phẩm Đẹp Của Bạn, (phê bình văn học), Hoài Cảm (thơ xứng họa), Vườn Cau Quê Ngoại (thơ), Giai Thoại Văn Chương (bút khảo), Náo Nức Hội Trần Rằm (văn luận). Chúng tôi có thể đăng văn thơ Hồ Trường An mấy thập niên không hết. Trong số báo này, Cỏ Thơm có bài của anh viết về tùy bút “Dưới Mái Trắng Non” của Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội. Chúc Văn Thi Sĩ Hồ Trường An chóng lành mạnh để tiếp tục cho ra đời những áng văn thơ phong phú, giá trị, để Cỏ Thơm được sự ủng hộ và khích lệ tinh thần của anh luôn luôn và mãi mãi.

Một tin mừng nữa đến với Cỏ Thơm là Học Giả Trần Bích San và phu nhân đã làm lễ thành hôn cho trưởng nữ là Catherine Trần sánh duyên cùng Harry Edwald Fellows. Nếu đám cưới được tổ chức ở

vùng Hoa Thịnh Đốn, nhất định toàn thể ban quản trị và biên tập Cỏ Thơm sẽ được mời tham dự đông vui lắm. Nhưng đám cưới lại ở New Orleans xa xôi lắm. Xin gửi đến tân lang và tân giai nhân những lời chúc tốt đẹp nhất.

Tin mừng văn học có Văn Thi Sĩ Tâm Minh Ngô Tằng Giao vừa cho phổ biến ba tập truyện bằng thơ về Phật Giáo: Ân Sĩ Khổ Hạnh, Mục Liên Thanh Đề, Quan Âm Thị Kính. Nữ Sĩ Kiều Anh vừa cho phát hành tập thơ Thương Vâng Trăng Khuyết. Nhà văn Nguyễn Lân sẽ cho ra mắt tác phẩm thứ hai, tiểu thuyết Tìm Một Cõi Về vào mùa Xuân năm nay. Xin chúc mừng quý tác giả và giới thiệu cùng độc giả.

Mùa Xuân là mùa hồi sinh của cây cỏ như tiếp sức sống hân hoan cho loài người. Cỏ Thơm số 46 phong phú đề tài Xuân. Bìa ngoài tươi mát với tranh “Mùa Xuân La Vang” của Họa sĩ Vũ Thái Hòa. Nội dung dồi dào truyện Xuân như “Hương Xuân” của Tiểu Thu, “Ngày Xuân Nhớ Bà Tú Sương” của Vi Khuê, “Chén Rượu Khai Xuân” của Nguyễn Tường Thiết “Hôm Đó Mùa Xuân” của Kim Vũ, “Mưa Xuân Về Muộn” của Trần Đan Hà, “Đầu Xuân Mua Vui với Truyện Kiều” của Lê Thương, “Bông Dưng Mùa Xuân Đến” của Hoàng Dung. Cỏ Thơm cũng không thiếu những bài thơ Xuân trữ tình của các nhà thơ Lam Điền Nguyên Thử, Hồng Phúc, Việt Bằng, Bình Huyền, Đăng Nguyên, Quỳnh Anh, Dư Thị Diễm Buồn, Văn Thị Kiều Anh, Hà Bình Trung.

Học Giả Trần Bích San sau hai kỳ vắng tên đã trở lại Cỏ Thơm với bài biên khảo ”Văn Học Hán Nôm”, biên soạn công phu với tài liệu văn học giá trị. Quý vị độc giả đi vào vườn Xuân Cỏ Thơm 46 sẽ thấy rằng ngoài ra còn rất nhiều bài văn, thơ, biên khảo có tâm cỡ, đến nỗi Cỏ Thơm phải in chữ nhỏ đi và gác lại số báo sau nhiều bài vở. Mong quý vị thông cảm.

Đó là phần “viết lách”. Phần văn nghệ Cỏ Thơm cũng thật xuất sắc, một năm trình diễn ít nhất bốn lần, xuân, hạ, thu, đông. Hai lần tại tư gia Hội Viên Cỏ Thơm, một lần tại Tòa Soạn Cỏ Thơm như tiệc Tân Niên vừa qua mà quý vị sẽ thấy trên những trang hình ảnh sinh hoạt trong số báo này. Một lần tại nhà hàng như chiều ngày 5 tháng 4 tại Harvest Moon Restaurant, kỷ niệm Cỏ Thơm 14 tuổi. Thành phần ca nhạc sĩ Cỏ Thơm có Hoàng Cung Fa, Hoàng Dung, Huy Lãm, Phan Anh Dũng, Tâm Hảo, Đàm Xuân Linh, Nguyễn Lân, Thái Phượng, Loan Phượng, Bạch Mai, Kiều Nga... Cỏ Thơm chỉ muốn có dịp chào mừng, họp mặt, hàn huyên rộng rãi hơn với văn thi nghệ sĩ, độc giả và thân hữu, miễn là vừa đủ chi tiêu nên giá vé nhà hàng rất khiêm nhượng là \$25 Mỹ kim thích hợp với thời buổi kinh tế khó khăn này.

Sở dĩ Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đã vượt được đoạn đường 14 năm vì chủ trương làm văn học nghiêm túc, khiêm tốn, bất vụ lợi. Cỏ Thơm không có hũ vàng cho ban quản trị. Trái lại, ban quản trị đã dốc lòng vun trồng, nuôi nấng Cỏ Thơm đến ngày nay. Cỏ Thơm không những được độc giả và thân chủ quảng cáo yêu văn chương nghệ thuật ủng hộ, các văn, thi, nghệ sĩ cũng thông cảm tình trạng làm báo tư nhân eo hẹp nên vào dịp họp mặt tân niên, thường “lì xì” Niên Liễm Cỏ Thơm với tính cách hội viên như được phổ biến trong “Thư Mời Tham Gia Tam Cá Nguyệt San” trang 200, để khuyến khích và nâng đỡ cả tinh thần lẫn vật chất, điều kiện “ắt có và đủ” để báo được trường tồn.

Tam Cá Nguyệt San hết lòng tri ân quý vị độc giả, tác giả và thân hữu. Hy vọng được hội ngộ cùng quý vị trong Chiều Xuân Cỏ Thơm 5 tháng 4, 2009 và mong quý vị hải lòng dạo chơi Vườn Cỏ Thơm số báo Xuân này... Chúc quý vị một năm hạnh phúc, tốt đẹp.

NGUYỄN NGỌC DUNG

VĂN HỌC HÁN NÔM VÀ NHỮNG TRỞ NGẠI TRONG LÃNH VỰC BIÊN KHẢO

TS Trần Bích San

LTS. Tham luận dưới đây là tóm lược những nét chính bài nói chuyện của Tiến Sĩ Trần Gia Thái (bút hiệu Trần Bích San) ngày 08 tháng 06, 2003 tại hội trường C.I.S.P. Maurice Ravel thuộc quận 12, Paris do Nhóm Văn Nghệ Sĩ Thế Hệ 2 tổ chức với sự tham dự của một số đông giới trí thức, văn học và báo chí Việt Nam tại thủ đô nước Pháp.

Cho đến nay bộ môn biên khảo văn học còn là một mảnh đất không có nhiều người khai phá. Kể từ khi chữ Nho được thay thế bằng chữ Quốc Ngữ, những nhà biên khảo có cái vốn Tây học gặp trở ngại rất lớn khi nghiên cứu về nền văn học lịch triều vì không tinh thông Hán học. Từ đầu thế kỷ 20, ý thức được nguy cơ những tài liệu bằng Hán Nôm sẽ bị mai một theo thời gian, một số các nhà trí thức đã cố võ cho phong trào hồi cứu nhằm phát huy những tinh hoa của cổ học. Nhiều nhà cựu học đã đem công sức dịch thuật thơ văn cũng như các tác phẩm từ thế kỷ thứ 19 trở về trước, tuy nhiên những cố gắng của họ mới chỉ đạt được những thành quả khiêm nhường.

THÀNH QUẢ CỦA PHONG TRAO HỒI CỨU

Phạm Quỳnh (1) và nhóm Nam Phong Tạp Chí (2) rồi tới nhóm Thanh Nghị (3), Tri Tân (4) đã nỗ lực nghiên cứu kho tàng văn học Hán Nôm nhưng kết quả chưa được bao nhiêu, phần nhiều chỉ gồm các thơ văn lẻ loi, các tài liệu rải rác được phiên dịch từ Hán Nôm ra chữ Quốc Ngữ, nói chung, đây mới chỉ là những mảnh vụn của văn học Việt Nam.

Trên tạp chí Tri Tân học giả Ứng Hoà Nguyễn Văn Tố (5) đã có công viết nhiều bài khảo luận đỉnh chính những bài văn cổ giúp cho việc chú giải thơ văn sau này được dễ dàng và chính xác hơn. Trên tờ Thanh Nghị học giả Hoàng Xuân Hãn (6) đưa ra ánh sáng tập Mai Đình Mộng Ký của Nguyễn Huy Hổ (7). Năm 1944 Việt Nam Văn Học Sử Yếu của Dương Quảng Hàm (8) ra đời. Đây là bộ Văn Học Sử đầu tiên và là một công trình khảo cứu rất công phu và giá trị nhưng tiếc rằng còn quá tóm lược, các tác giả và tác phẩm viết bằng Hán Nôm chỉ được đề cập đến một cách khái quát, sơ sài. Những cố gắng của Phạm Quỳnh, Phan Kế Bính (9), Nguyễn Hữu Tiến (10), Trần Trọng Kim (11), Dương Quảng Hàm, Đào Duy Anh (12), Trần Văn Giáp (13), Nguyễn Văn Tố, Hoàng Xuân Hãn... tuy giúp chúng ta có một cái nhìn tổng quát về nền văn học lịch triều nhưng còn rất nhiều vấn đề cần được tìm hiểu sâu xa và cận kề hơn. Điều này không thể thực hiện được do sự thiếu sót tài liệu. Đây là trở ngại chính yếu và lớn nhất trong lãnh vực biên khảo văn học.

NGUYÊN NHÂN CỦA SỰ THIẾU SÓT TÀI LIỆU VĂN HỌC

Học giả Trần Văn Giáp đã thiết lập được một bảng Thư Mục và cho biết những sách nào còn được lưu trữ tại Trường Viễn Đông Bác Cổ (14) ở Hà Nội. Sau này ông sửa chữa, bổ sung thành tác phẩm *Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam* (15) gồm các tác gia từ thế kỷ thứ 11 đến năm 1945. Ta có thể coi tác phẩm này như kim chỉ nam hữu ích cho các nhà biên khảo trong việc đi tìm tài liệu tham khảo. Về thời kỳ văn học Hán Nôm, tác giả đã dùng một số sách *Sử Chí*, *Đăng Khoa Lục*, *Thi Văn Tuyển Tập* làm tài liệu cơ sở mà phần chính căn cứ vào mục *Văn Nghệ Chí* trong bộ *Đại Việt Thông Sử* của Lê Quý Đôn (16) ghi chép các sách từ đời nhà Lý đến cuối đời nhà Lê, và mục *Văn Tịch Chí* trong bộ *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của Phan Huy Chú (17) ghi chép những sách được soạn từ đời nhà Lý đến đời Nguyễn Tây Sơn. *Văn Nghệ Chí* ghi nhận được 115 tác phẩm, *Văn Tịch Chí* ghi được 214 tác phẩm nhưng đa số chỉ có tên sách, không ai biết nội dung các tác phẩm này ra sao.

Tình trạng các tác phẩm chữ Hán của ta bị thất truyền có nhiều nguyên nhân. Trước tiên là các văn gia thuở trước vì đức khiêm cung của nhà Nho đã không muốn phổ biến rộng rãi tác phẩm của mình trong quần chúng. Các sáng tác thi văn chỉ dành cho bạn hữu thưởng thức, giữ trong tủ sách gia đình lưu lại cho con cháu mà thôi. Ngoài yếu tố chủ quan của văn gia, việc quảng bá các tác phẩm còn bị ảnh hưởng bởi những điều kiện khách quan như ấn loát, lưu trữ và độc giả.

Yếu Tố Độc Giả

Người đọc sách ngày xưa thuộc giới Nho sĩ. Để tiến thân bằng cử nghiệp, Nho gia chỉ chú trọng đến những sách dùng để đi học, đi thi gồm *Tứ Thư* và *Ngũ Kinh*, thường được gọi tắt là *Kinh*, *Truyện* (18). Các sách khác ngoài kinh và truyện đều bị coi là ngoại thư, ít người bỏ thì giờ tìm đọc loại sách phụ thuộc này. Vì vậy các sáng tác không được khuyến khích và thúc đẩy vì thiếu độc giả.

Yếu Tố Ấn Ấn

Kỹ thuật ấn loát của ta ngày xưa rất thô sơ. Trước khi người Pháp đặt nền móng cai trị ở Đông Dương, nước ta chỉ có lối in mộc bản. Từ thời nhà Lý ta đã biết cách in bằng bản khắc trên gỗ nhưng kỹ thuật còn rất thô sơ. Phải chờ đến khi Lương Như Hộc (19) đi sứ Trung Hoa hai lần vào năm 1443 và 1459 để tâm nghiên cứu lối in mộc bản ở các xưởng ấn loát của người Tàu. Khi về nước, ông đem kỹ thuật học được dạy cho dân hai làng Liễu Trai và Liễu Tràng thuộc huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương. Từ đó lối in ván khắc của ta mới trở nên tinh xảo và Việt Nam mới thực sự có thợ chuyên môn về ngành ấn loát. Sau này, Trung Hoa cải tiến nghề in bằng lối thạch bản, chữ nhỏ và sắc nét hơn, tiếc rằng người mình không học được kỹ thuật này vì sự dẫu nghề của người Trung Hoa nên ta phải dừng lại ở lối in mộc bản. Việc ấn loát ngày xưa rất tốn kém do đó chỉ những sách dùng vào việc học, việc thi, hoặc sách nào được triều đình nâng đỡ mới được in, ngoài ra đều phải viết tay. *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí* của Phan Huy Chú là một bộ sách đồ sộ gồm 49 quyển nhưng không được in, chỉ có thủ bản.

Yếu Tố Lưu Giữ

Giấy dùng để in sách ngày xưa là loại giấy bản. Giấy này được biến chế từ vỏ cây dó nên rất thấm nước, khi bị ẩm thấp dễ rách nát. Do đó việc lưu giữ sách vở rất công phu và khó khăn. Với các điều kiện bất lợi kể trên, việc phổ biến tác phẩm ngày xưa bị hạn chế đến mức tối đa. Đã thế, những phẩm

họa giáng xuống cho nhà, cho nước lại còn tai hại đến văn phẩm hơn nhiều. Đây cũng là nguyên nhân chính khiến cho các tác phẩm còn tồn tại đến ngày nay không được bao nhiêu. Khi Cao Bá Quát (20) bị tội tru di tam tộc không ai dám lưu giữ cái gọi là yêu văn, nguy tích của kẻ tử tội vì sợ bị vạ lây. Tuy ta không bị nạn phần thư đốt sách, chôn học trò như dưới triều Tần Thủy Hoàng bên Tàu, nhưng tai họa lớn nhất đối với các tác phẩm vẫn là chiến tranh. Không phải chỉ những cơn binh lửa đã thiêu hủy không biết bao nhiêu là sách vở, mà còn thêm nạn quân Tàu, với chủ trương xóa bỏ nền văn hóa của ta, mỗi khi sang xâm chiếm đều thu góp tất cả các sách vở đem về Trung Hoa. Những lần bị ngoại xâm sách vở mất mát không biết bao nhiêu mà kể. Đời vua Trần Nghệ Tông (1370-1372) quân Chiêm Thành của Chế Bồng Nga vượt cửa bể Đại An chiếm thành Thăng Long vào cung hô cửa, cướp phá khắp nơi, đốt sạch cung điện, sách vở của triều đình và các đại gia đều bị thiêu hủy. Đời nhà Hồ (1400-1407), sau khi quân Minh chiếm được nước ta năm 1407, Trương Phụ đã tịch thu các sách cổ kim đóng thùng chở về Kim Lăng. Chính vì thế mà văn học Lý, Trần hơn 300 trăm năm tàn mất gần hết, không còn lại bao nhiêu. Bộ Thiên Nam Dư Hạ Tập mười phần chỉ còn lại một hai (21).

Những cuộc khởi nghĩa chống Pháp suốt 80 năm bị đô hộ, và gần đây, chiến tranh Việt-Pháp 1945-1954, cuộc chiến Quốc-Cộng 1960-1975 đã có biết bao nhiêu tác phẩm ra tro theo ngọn lửa chiến tranh. Tệ hại nhất là sau khi chiếm được Miền Nam, Cộng Sản Bắc Việt đã tịch thu và hủy diệt hầu như tất cả các sách báo dưới thời VNCH. Ngày nay mấy người còn giữ được đủ bộ tạp chí Nam Phong (22), Tri Tân, Thanh Nghị (trước 1945), hay các bộ Sáng Tạo (23), Đại Học (24), Bách Khoa (25)?

Thân phận các tác phẩm chữ Nôm còn tệ hại hơn sách chữ Hán một bậc. Văn chương chữ Nôm không những không có địa vị chính thức mà còn bị rẻ rúng nữa nên ít người muốn lưu giữ. Trong thư chí của Lê Quý Đôn và Phan Huy Chú không có mục nào dành cho tác phẩm chữ Nôm. Thậm chí có thời kỳ triều đình cấm việc in các sách viết bằng chữ Nôm. Văn Nôm đa số được truyền lại qua truyền khẩu, truyện Kiều của Nguyễn Du bản in Phạm Quý Thích (26), còn được gọi là bản Phường, là một trong số rất ít tác phẩm chữ Nôm được in ấn.

HẬU QUẢ CỦA SỰ THIẾU SÓT TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chính vì thiếu sót tài liệu mà các nhà biên khảo văn học thường gặp những nghi vấn và lập lại những sai lầm của nhau. Học giả Hoàng Xuân Hãn với các tài liệu chính xác và khả tín được dẫn chứng trong tác phẩm Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo (nxb Minh Tân, Paris, 07/1953) đã làm sáng tỏ một nghi án lớn trong văn học Việt Nam: dịch giả tác phẩm của Đặng Trần Côn không phải là bà Đoàn Thị Điểm (27) như mọi người vẫn lầm tưởng, mà Phan Huy Ích (28) mới đích thực là tác giả những lời thơ bất hủ trong bản dịch Chinh Phụ Ngâm (bà Đoàn Thị Điểm cũng có dịch Chinh Phụ Ngâm, nhưng bản dịch của bà không phải là bản đã được ưa chuộng và dùng trong chương trình giáo khoa). Công trình khám phá của học giả Hoàng Xuân Hãn chỉ là một trường hợp thật hãn hữu, chúng ta còn rất nhiều những sai lầm, thiếu sót cần được hiệu chỉnh và bổ túc cho chính xác và đầy đủ hơn. Xin đơn cử vài thí dụ: dịch giả Bích Câu Kỳ Ngộ là vô danh hay Vũ Quốc Trân? tác giả Nhị Độ Mai là vô danh hay Hồ Quốc Lộc (29)? Nguyễn Công Trứ mất năm 1858 hay 1859? Nguyễn Khuyến được sơ bổ Đốc Học Thanh Hóa hay Nội Các Thừa Chỉ? Phạm Quỳnh có ba năm sinh: 1890, 1891, 1892, năm nào đích thực là năm sinh của chủ bút Nam Phong? (30) Bài văn tế Đại Úy Francis Garnier là của Tam Nguyên Yên Đổ hay thực ra đó là bài văn tế Thiếu Úy Crevier do một nhà Nho ở Thái Bình làm (31), Thành viên của Tự Lực Văn Đoàn có 7 người, nhưng căn cứ

trên dòng chữ "Trong Tự Lực Văn Đoàn" đề dưới tên tác giả ngoài bì mỗi quyển sách của nhóm thì chỉ có 6 người là: Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ, còn người thứ 7 là ai?... (32)

Điều hiển nhiên là trong lãnh vực biên khảo không một tác giả nào có thể tránh hết được các sai sót, không thể đính chính tất cả những sai lầm, đánh tan mọi nghi vấn văn học từ chữ Hán, chữ Nôm đến chữ Quốc Ngữ.

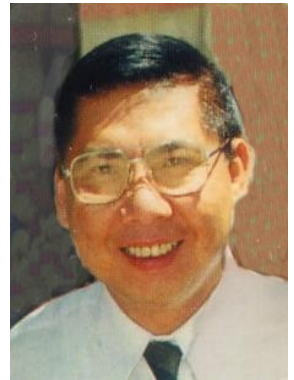
GIẢI PHÁP

Ngoài việc tin cậy vào công trình khảo cứu của các tác gia cẩn trọng và có uy tín, để giảm thiểu và tránh những sai lầm, thiếu sót trong vấn đề biên khảo văn học, công việc hợp soạn bởi nhiều người có kiến văn quảng bác, nghiên cứu có phương pháp là một giải pháp hữu hiệu. Bộ Bách Khoa Tự Điển (encyclopedia) của Tây Phương là công trình của hàng trăm học giả, khoa học gia, chuyên viên thẩm quyền về mọi lãnh vực. Tuy nhiên điều này khó thực hiện vì phí tổn quá lớn đối với cá nhân. Trước 1975, trong Nam, dưới thời VNCH có Ban Tu Thư thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục, ngoài Bắc có Viện Sử Học nơi tập hợp các nhà biên khảo, học giả, chuyên gia, các vị khoa bảng là một giải pháp tích cực cho vấn đề khảo cứu văn và sử học.

KẾT LUẬN

Dù với những đóng góp đáng kể của các tác gia có cái vốn cật học nhưng cho đến nay những văn bản Hán Nôm được dịch thuật ra quốc văn còn rất hạn chế. Hiện nay ở trong nước, sau khi miền Nam Việt Nam bị Cộng Sản xâm chiếm, sự xuất hiện một số công trình hợp soạn của nhiều người là điều rất đáng được khuyến khích. Chẳng hạn như quyển Văn Học Việt Nam Thế Kỷ XX (nxb Giáo Dục, 2005) do Phan Cự Đệ chủ biên với sự đóng góp của 9 tác gia khác, bộ Việt Nam Những Sự Kiện Lịch Sử, 4 quyển, (nxb Giáo Dục, 2001-2002-2003) loại sử viết theo lối biên niên từ khởi thủy đến 1975, là công trình của 11 người gồm Dương Kinh Quốc, Dương Trung Quốc, Đỗ Đức Hùng, Nguyễn Đức Huệ, Trần Thị Vinh, Trương Thị Yến., Trần Quỳnh Cư, Nguyễn Hữu Đạo, Đỗ Thị Nguyệt Quang, Nguyễn Tố Uyên, và Lưu Thị Tuyết Vân. Tuy nhiên, đối với những sách biên khảo của Cộng Sản thì chỉ những sách được dịch thuật trực tiếp từ Hán Nôm ra chữ quốc ngữ là có thể dùng được, ngoại giả, vì được viết dưới quan điểm của chủ thuyết Cộng Sản nên những công trình văn học này không những thiếu giá trị mà còn tạo thêm khó khăn cho những nhà biên khảo vì phải mất nhiều thì giờ để lọc, loại trừ những dữ kiện đã bị chi phối, bóp méo cho phù hợp với nhãn quan duy vật biện chứng.

Trong tương lai, chỉ khi nào các thành viên của cơ quan ở Việt Nam như Viện Sử Học, Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia... từ bỏ việc dùng chủ thuyết Marx-Lénin làm nền tảng cho việc nghiên cứu và biên soạn, thì lúc đó các công trình nghiên cứu tập thể của nguồn nhân tài đa năng đa dạng mới có giá trị và hữu ích cho lãnh vực văn và sử học.



TRẦN BÍCH SAN (New Orleans)

Chú Thích:

(1) Phạm Quỳnh (1892-1945): hiệu Thượng Chi, nguyên quán làng Thượng Hồng, phủ Bình Giang, tỉnh Hải Dương. 1908: tốt nghiệp trường Thông Ngôn, được bổ làm tại trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội.

1917: chủ nhiệm kiêm chủ bút tạp chí Nam Phong. 1932: Ngự Tiễn Văn Phòng của hoàng đế Bảo Đại, rồi Thượng Thư bộ Học, bộ Lại. 23/08/1945: bị Việt Minh bắt và giết ở Huế. Tác phẩm: Thượng Chi Văn Tập, Nam Phong Tùng Thư...

(2) Nam Phong Tạp Chí (1917-1934): gồm các cây bút Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Bá Học, Nguyễn Hữu Tiến, Phan Khôi, Tấn Đà, Thân Trọng Huề, Hoàng Tích Chu, Nguyễn Mạnh Bồng, Nguyễn Trọng Thuật, Nguyễn Đôn Phục, Nguyễn Triệu Luật, Hoàng Ngọc Phách, Đoàn Tư Thuật, Trần Trọng Kim, Phạm Duy Tồn, Vũ Đình Long, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tiến Lãng, Lê Dư, Bùi Kỷ, Tương Phố, Đông Hồ...

(3) Thanh Nghị (1941-1945): tập hợp các nhà trí thức xuất thân đại học Pháp, ra đời dưới dạng nguyệt san vào tháng 06/1941, từ tháng 05/1942 trở thành bán nguyệt san, rồi từ 01/1944 thành tuần báo. Với sự hợp tác của Vũ Văn Hiến, Phan Anh, Nghiêm Xuân Yên, Vũ Văn Cẩn, Hoàng Xuân Hãn, Nguyễn Thiệu Lâu, Nguyễn Văn Huyền, Vũ Đình Hoè, Đinh Gia Trinh, Lê Huy Vân.

(4) Tri Tân (1941-1945): ra đời vào 06/1941 với sự hợp tác của Nguyễn Văn Tố, Dương Bá Trạc, Nguyễn Đôn Phục, Tiên Đàm Nguyễn Tường Phượng, Trúc Khê Ngô Văn Triện, Thiếu Sơn Lê Sĩ Quý, Nhật Nam, Chu Thiên Hoàng Minh Giám, Khuông Việt, Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm...

(5) Nguyễn Văn Tố (1889-1947): bút hiệu Ứng Hoè, quê tỉnh Hà Đông, thuở nhỏ học chữ Hán, sau học tiếng Pháp, đỗ bằng Thành Chung, làm ở trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội, chuyên về văn học cổ VN. Bị Pháp bắt và giết tại Bắc Cạn ngày 07/10/1947. Các bài nghiên cứu của ông được đăng trên kỷ yếu của hội Trí Tri, tập san trường Viễn Đông Bác Cổ và tạp chí Tri Tân.

(6) Hoàng Xuân Hãn (1908-1996): quê làng Yên Hồ, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Thuở nhỏ học chữ Hán và quốc ngữ tại nhà, sau học trường tiểu học Thanh Hóa, rồi trường quốc học Vinh, trường Bưởi Hà Nội. 1926: đậu bằng Thành Chung ở Huế. 1928: đậu Tú Tài Tây. 1928: du học Pháp. 1930: tốt nghiệp École Normale Supérieure, 1934: tốt nghiệp École Pont et Chaussées. Về nước, sau đó trở lại Pháp. 1935: Cử Nhân Toán. 1936: Thạc Sĩ Toán, về nước dạy trường Bưởi, Đại Học Khoa Học Hà Nội. 1945: Chủ tịch Hội Đồng Cải Cách Giáo Dục, rồi Bộ Trưởng Giáo Dục và Mỹ Thuật trong chính phủ Trần Trọng Kim, ông ban hành chương trình trung học đầu tiên của nền giáo dục Việt Nam thay thế chương trình Pháp. 1946: tham dự hội nghị Đà Lạt. 1954: định cư tại Pháp. 1955: Kỹ Sư Nguyên Tử Lực. Mất ngày 10/03/1996 tại Paris. Cộng tác với các báo Khoa Học, Thanh Nghị, Văn Lang, Sử Địa, Bách khoa, Đoàn Kết, Diễn Đàn...

(7) Nguyễn Huy Hổ (1783-1841): tự Cách Như, hiệu Liên Pha, con thứ hai của Nguyễn Huy Tự (tác giả Truyện Hoa Tiên), mẹ là bà Nguyễn Thị Đài, con gái thứ của Nguyễn Khả, nên ông gọi Nguyễn Du bằng cậu. Chấn cảnh loạn lạc thời Hậu Lê ông không ra thi cử. Đến năm 30 tuổi (1822) được vua Minh Mạng bổ làm Linh Đài Lang, thường được nhà vua và các quan mời đến chữa bệnh, nổi tiếng danh y, danh sĩ. Ông sáng tác nhiều thơ văn, nhưng nay chỉ còn lại truyện thơ Mai Đình Mộng Ký.

(8) Dương Quảng Hàm (1898-1946): hiệu Hải Lương, quê làng Phú Thị, huyện Mỹ Sở, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. 1920: tốt nghiệp trường Cao Đẳng Sư Phạm, làm giáo sư trường Bưởi nhiều năm. 1946: mất tại Hà Nội. Tác phẩm: Quốc Văn Trích Diễm (1926), Những Bài Lịch Sử An Nam (1927), Văn Học Việt Nam (1939), Việt Nam Văn Học Sử Yếu (1941), Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển (1942), Việt Văn Giáo Khoa Thư (1942), Lục Vân Tiên (1943), Lý Văn Phức, Tiểu Sử, Văn Chương (1957).

(9) Phan Kế Bính (1875-1921): hiệu Bưư Văn, quê làng Thụy Khê, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. 1906: đỗ Cử Nhân, không ra làm quan ở nhà dạy học. Viết báo từ 1907, phụ trách phần chữ Hán trong *Đăng Cổ Tùng Báo*, sau cộng tác với *Đông Dương Tạp Chí*, *Trung Bắc Tân Văn*. Tác phẩm: *Nam Hải Dị Nhân* (1909), *Hưng Đạo Đại Vương Truyện* (1912), *Đại Nam Điển Lệ Toát Yếu* (1915), *Việt Nam Phong Tục* (1915), *Đại Nam Nhất Thống Chí* (1916), *Việt Nam Khai Quốc Chí* (1917), *Việt Hán Văn Khảo* (1918), *Đại Nam Liệt Truyện Chính Biên* (1919)...

(10) Nguyễn Hữu Tiến (1874-1941): hiệu Đông Châu, người làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, nay thuộc ngoại thành Hà Nội. Học chữ Hán, thi Hương đậu hai khoa Tú Tài. Viết cho *Nam Phong Tạp Chí*, chuyên về dịch thuật các sách chữ Hán ra Việt văn. Tác phẩm: *Việt Văn Hợp Tuyển Giảng Nghĩa* (1925), *Lĩnh Nam Dật Sử* (1925), *Giai Nhân Di Mặc* (1926), *Phật Giáo và Nho Giáo* (1935)...

(11) Trần Trọng Kim (1882-1953): hiệu Lê Thân, quê làng Kiều Lĩnh, xã Đan Phố, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. 1903: tốt nghiệp ưu hạng trường Thông Ngôn, được bổ về làm ở tỉnh lỵ Ninh Bình. 1904: cùng Nguyễn Văn Vĩnh qua Pháp học ở Lyon. 1911: về nước làm ở nha Học Chánh, Thanh Tra các trường tiểu học, tham dự hội đồng soạn thảo sách giáo khoa, dạy trường Sư Phạm Thực Hành Hà Nội, 1943: Về hưu. 1944: được Nhật đưa đi lánh nạn ở Singapore. 1945: Thủ Tướng Chính Phủ. 1953: Mất ở Đà Lạt. Tác phẩm: *Sơ Học Luân Lý* (1914), *Luân Lý Giáo Khoa Thư* (1916), *Sư Phạm Khoa Yếu Lược* (1916), *Sơ Học An Nam Lược Sử* (1917), *Truyện Thúy Kiều*, chú thích (1925), *Việt Nam Sử Lược*, 2 quyển (1928), *Nho Giáo*, 2 quyển (1930), *Hạnh Thục Ca*, chú thích (1936), *Phật Lục* (1940), *Việt Nam Văn Phạm* (1941), *Vũ Trụ Đại Quan* (1943), *Việt Thi* (1946).

(12) Đào Duy Anh (1904-1988): hiệu Vệ Thạch, nguyên quán làng Khúc Thủy, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, từ đời nội tổ cư ngụ ở Thanh Hóa. Thuở nhỏ học ở Thanh Hóa, sau học trường Quốc Học Huế. 1923: tốt nghiệp bằng Thành Chung, dạy học ở Đồng Hới. 1926: viết báo *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng. 1927: chủ trương *Quan Hải Tùng Thư*. 1929 bị Pháp bắt, 1930 được trả tự do, từ đó dạy trường Thuận Hóa ở Huế, rồi Đại Học Hà Nội. 1950: phụ trách ban Văn Sử Địa Bộ Giáo Dục. 1954: giáo sư trường Đại Học Sư Phạm và Tổng Hợp Hà Nội. 1957: liên hệ với nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, bị chuyển về dịch thuật tại Viện Khoa Học Xã Hội cho tới hưu trí. Tác phẩm: *Hán Việt Từ Điển* (1936), *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* (1938), *Khảo Luận Về Kim Vân Kiều* (1943), *Khổng Giáo Phê Bình Tiểu Luận* (1943), *Cổ Sử Việt Nam* (1955), *Lịch Sử Việt Nam* (1955), *Lịch Sử Cổ Đại Việt Nam* (1956), *Vấn Đề Hình Thành Dân Tộc Việt Nam* (1958), *Nguyễn Trãi Toàn Tập* (1969), *Đất Nước Việt Nam Qua Các Đời* (1964), *Khóa Hư Lục* (1974), *Tự Điển Truyện Kiều* (1974), *Chữ Nôm Nguồn Gốc, Cấu Tạo, Diễn Biến* (1975)...

(13) Trần Văn Giáp (1898-1973): hiệu Thúc Ngọc, quê làng Từ Ô, xã Thanh Trào, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Học chữ Hán, đỗ Tam Trường, sau chuyển sang học chữ Pháp. 1916: làm ở trường Viễn Đông Bác Cổ. Sau du học Pháp tốt nghiệp trường Cao Học Thực Hành Sorbonne, Viện Cao Học Hán Học, và trường Văn Hóa Hán Học. Về nước tiếp tục làm cho trường Viễn Đông Bác Cổ. Tác phẩm: *Lược Khảo Về Khoa Cử Việt Nam* (1941), *Nguyễn Trãi Quốc Âm Thi Tập* (1957), *Bích Câu Kỳ Ngô Khảo Thích* (1958), *Vân Đài Loại Ngữ*, 2 tập (biên dịch, khảo thích, 1962), *Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam* (tập I 1962/tập II 1972), *Phong Thổ Bắc Hà* (1971), *Nguyễn Trãi Toàn Tập* (1972), *Từ Điển Tiếng Việt* (1973).

(14) École Française d'Extrême-Orient: Pháp Quốc Viễn Đông Học Viện, thường được gọi là Trường Viễn Đông Bác Cổ.

(15) Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam (Trần Văn Giáp chủ biên, phụ soạn gồm Tạ Phong Châu, Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Tường Phượng, Đỗ Thiện): Tập I, hoàn thành năm 1962, gồm tác gia các sách Hán, Nôm từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XX. Tập II, biên soạn xong năm 1972, gồm tác gia các sách viết bằng chữ Quốc Ngữ từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945. Tác gia Hán Nôm có 735 người, tác gia chữ Quốc Ngữ có 116 người.

(16) Lê Quý Đôn (1726-1784): tự Doãn Hậu, hiệu Quế Đường, người làng Diên Hà, trấn Sơn Nam Hạ (nay là làng Phú Hiệu, huyện Duyên Hà, tỉnh Thái Bình), sinh năm 1726 mất ngày 14 tháng 4 năm Giáp Thìn (01/06/1784), là con Hình Bộ Thượng Thư Lê Phú Thứ (đỗ tiến sĩ năm 1724). Lúc nhỏ Lê Quý Đôn có tên là Lê Danh Phương nổi tiếng thân đồng. Mới 14 tuổi đã học hết Tứ Thư, Ngũ Kinh, Sử, Truyện, đọc hết chữ tử, bách gia. Trong một ngày ông có thể làm mười bài phú không phải nghĩ hay viết nháp. Năm 1739 theo cha du học ở kinh đô. Năm 1743, mới 18 tuổi, đậu giải nguyên trường thi Hương Sơn Nam. Sau đó vì tên Nguyễn Danh Phương trùng với tên một thủ lãnh nông dân khởi nghĩa nên ông đổi tên thành Lê Quý Đôn, ở nhà dạy học, viết sách. Năm 1752, mới 26 tuổi, đỗ đầu kỳ thi Hội và thi Đình đỗ đầu với học vị Bảng Nhãn (Tam Nguyên). Sau đó ông được bổ nhiệm chức Thị Thư ở Viện Hàn Lâm. Năm 1754, mùa Xuân, được xung vào ban Toàn Tu Quốc Sử. Năm 1756 phụng mạng đi liêm phòng ở tỉnh Sơn Nam, phát giác được sáu bảy viên quan ăn hối lộ. Đến tháng 5 năm ấy được biệt phái sang phủ Chúa Trịnh coi binh phiên, làm điều trần 19 khoản nói về chức chưởng Binh Phiên. Chúa Trịnh khen là am hiểu điều lệ nhà nước, thưởng cho 50 lạng bạc. Năm 1757 được thăng chức Hàn Lâm Viện Thị Giảng. Năm 1760 ông được cử đi sứ Tàu, lúc về được thăng Thừa Chỉ, tước Dĩnh Thành Bá nhưng sau bị gièm pha, ghen ghét, ông xin về nghỉ ở nhà viết sách. Chính thời gian này ông hoàn thành bộ Toàn Việt Thi Lục. Đến đời Trịnh Sâm được Nguyễn Bá Lân tiến cử với chúa Trịnh, ông lại ra làm quan lên đến chức Bồi Tụng, tước Dĩnh Thành Hầu. Sau ông đổi ra làm Hiệp Trấn Nghệ An và mất tại đó năm 1784 hưởng dương 58 tuổi. Khi mất được tặng Công Bộ Thượng Thư tước Dĩnh Quận Công. Lê Quý Đôn là một nhà bác học có tài. Ông biên soạn hơn 80 sách về kinh tế, triết học, văn học, sử học... Tác phẩm chính của ông gồm có: Lê Triều Thông Sử (30 quyển, soạn năm 1749), Quốc Sử Tục Biên (8 quyển), Phủ Biên Tạp Lục (6 quyển, soạn năm 1776), Bắc Sử Thông Lục (4 quyển, viết năm 1780), Kiến Văn Tiểu Lục, Tục Ứng Đáp Bang Giao Tập, Tây Chinh Toàn Tập (sử, văn), Toàn Việt Thi Lục (6 quyển, gồm 897 bài thơ của 73 nhà thơ từ đời Lý đến đời Tương Dực đế), Quế Đường Thi Tập, Quế Đường Văn Tập, Quế Đường Di Tập, Hoàng Việt Văn Hải, Liên Châu Toàn Tập, Quần Thư Khảo Biện, Thánh Mô Hiền Phạm, Âm Chất Văn Chú, Thiên Văn Thư, Địa Lý Tinh Ngôn Thư, Tồn Tâm Lục, Hoàng Triều Trị Giám Cương Mục, Địa Lý Tuyến Yếu, Địa Học Tinh Ngôn, Thái Ất Giải Dị Lục, Thái Ất Quái Vận, Lục Nhâm Hội Thông, Lục Nhâm Tuyến Túy, Hoàng Giáo Lục, Vân Đài Loại Ngữ (một thứ bách khoa toàn thư)...

(17) Phan Huy Chú (1782-1840): trước tên là Phan Huy Hạo, tự Lâm Khanh, hiệu Mai Phong, người ấp Yên Sơn, xã Thụy Khuê, phủ Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây (nay là Hà Tây), là con trai tiến sĩ Phan Huy Ích làm quan triều Nguyễn Tây Sơn. Lúc còn ít tuổi, Phan Huy Chú đã nổi tiếng hay chữ nhưng hai lần thi Hương chỉ đậu Tú Tài nên được gọi là ông Kép Thầy. Ông ở nhà dạy học và viết sách. Năm 1821, vua Minh Mệnh nghe tiếng triệu vào triều làm Biên Tu Trưởng Quốc Tử Giám. Năm 1828 làm

Phủ Thừa thăng Hiệp Trấn Quảng Nam rồi bị giáng xuống làm Hàn Lâm Thị Độc. Ông được cử đi sứ Trung Hoa hai lần, lần thứ hai bị cách chức và đi công cán Nam Dương bị đau chân ông cáo quan về làng dạy học. Tác phẩm giá trị nhất của ông là bộ Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí gồm 49 quyển chia làm 10 phần. Phan Huy Chú đã bỏ ra 10 năm để biên soạn bộ này và ông bắt đầu ngay từ khi còn đi học, đi thi. Năm 1821 khi làm Biên Tu Trưởng Quốc Tử Giám bộ sách của ông được vua Minh Mệnh khen và thưởng cho 30 lạng bạc, một chiếc áo sa, 30 bút và 30 thoi mực. Trong thời gian làm quan ông vẫn tiếp tục sáng tác, tác phẩm của ông gồm có: Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí, 49 quyển (sử), Hoàng Việt Dư Địa Chí (địa, sử), Hoa Thiều Ngâm Lục (văn), Hoa Thiều Tục Ngâm (văn), Lịch Đại Điển Yếu Thông Luận (sử), Mai Phong Di Tật Thành Dã Lục (văn), Hải Trình Chí Lược (sử, địa).

(18) Tứ Thư và Ngũ Kinh: các bộ sách nòng cốt của Nho Giáo. Tứ Thư (tức Truyện) gồm bốn bộ sách: Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học và Trung Dung. Ngũ Kinh (tức Kinh) gồm có: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu.

(19) Lương Như Hộc (1420-1501) tự Tường Phủ, người làng Hồng Liễu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. 1942 (đời vua Lê Thái Tông) đỗ Thám Hoa. Làm An Phủ Phó Sứ, Hàn Lâm Trực Học Sĩ đời vua Lê Nhân Tông. Khi Lê Nghi Dân cướp ngôi có sai ông đi sứ sang Tàu xin cầu phong nhà Minh. Đời vua Lê Thánh Tông ông làm Lễ Bộ Thị Lang, gia Trung Thư Lệnh kiêm Bí Thư Giám Học Sinh. Khi đi sứ ông học được nghề in mộc bản đem về truyền lại cho dân làng Hồng Liễu. Sau này phần nhiều thợ khắc ván gỗ in đều là người làng ông, nay là làng Liễu Tràng. Hiện ở đình Liễu Tràng vẫn thờ ông làm Thành Hoàng. Ông được coi là tổ sư của nghề in của Việt Nam. Tác phẩm: Cổ Kim Chế Từ Tập (3 quyển), Tinh Tuyển Chư Gia Thi Tập (5 quyển), Hồng Châu Quốc Ngữ Thi Tập và 6 bài thơ có chép trong Toàn Việt Thi Lục (quyển 12, tờ 13).

(20) Cao Bá Quát (1809-1854): tự Chu Thần, hiệu Cúc Đường, biệt hiệu Mẫn Hiên, quê làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh. Anh em song sinh với Cao Bá Đạt, nổi tiếng văn chương, tổ xa đời là Cao Bá Hiên, Thượng Thư Bộ Binh đời hậu Lê, cha là Cao Cửu Chiếu bậc danh tài đương thời. 1831: đậu Á Nguyên trường thi Hương Hà Nội, nhưng thi Hội 2 lần đều hỏng. Bỏ thi cử đi ngao du sơn thủy. 1841: được triệu vào Kinh sung chức Hành Tẩu Bộ Lễ. Ít lâu sau được cử đi chấm thi Hương ở Thừa Thiên. Ông và bạn đồng sự là Phan Nhạ dùng muối đèn chữa ít quyển văn hay mà phạm húy để giúp người tài. Không may chuyện bại lộ bị Giám Sát trường thi là Hồ Trọng Tuấn đàn hặc, kết tội tử hình nhưng được vua Thiệu Trị giảm tội, chỉ cách chức và phát phối vào Đà Nẵng. Gặp khi có sứ bộ Đào Trí Phú sang Tân Gia Ba công cán, ông được cho theo phái bộ lập công chuộc tội. Khi trở về được phục chức cũ rồi thăng làm Chủ Sự. 1854: đổi lên Sơn Tây làm Giáo Thụ phủ Quốc Oai. Buồn và phẫn chí ông đi theo làm quân sư cho Lê Duy Cự chống lại triều đình. Cuộc khởi nghĩa ở Mỹ Lương thất bại, bị bắt rồi bị hành quyết cùng với hai con trai là Cao Bá Phùng và Cao Bá Phong. Tác Phẩm: Chu Thần Thi Tập, Cao Chu Thần Thi Văn Tập.

(21) Lê Quý Đôn than thở trong mục Văn Nghệ Chí như sau: "Trong lúc nhà Trần còn thịnh văn nhã rõ ràng, điển chương chế độ rất đầy đủ. Đến đời Nghệ Tông gặp giặc Chiêm Thành vào cướp, sách vở bị đốt, bị lấy gần hết. Sau đó vừa thu thập được ít nhiều lại đến ngay hồi họ Hồ bị mất nước, tướng nhà Minh là Trương Phụ lấy hết sách cổ, sách kim, đóng hòm đem về Kim Lăng. Khi bản triều (chỉ nhà Lê) dẹp yên giặc Minh, các nhà danh Nho như các ông Nguyễn Trãi, Lý Tử Tấn, Phan Phú Tiên đã cùng sưu tầm, điển nhã, lượm lật sách vở tàn sót, nhưng vì trải qua một cơn binh lửa cho nên mười phần chỉ thu lại

được chừng bốn, năm phần ...Đến hồi Trần Cao làm loạn, kinh thành thất thủ, dân chúng tranh nhau vào nơi cấm sảnh hôi cướp vàng lụa, sách vở bỏ ùn đường cái. Qua đời nhà Mạc tuy đã thu thập, sao chép lại được đôi chút, nhưng đến khi nhà nước lấy lại được kinh sư thì biết bao sách vở lại bị thiêu cháy trong ngọn lửa binh. Cả đến sách của các nhà sĩ phu cũng ít có người giữ được. Tan nát đến vậy, đáng tiếc biết là chừng nào!

Ngày nay chẳng những các thứ chiếu sách sắc lệnh, tụng ca thị thập, nghị luận điển chương trong hơn 300 năm của hai đời Lý Trần, có thể kể ra từng món, đều bị tản mác đâu mất, mà đến cả bộ Thiên Nam Dư Hạ Tập chép những chế độ, luật lệ, ván hàn, điển cáo của bản triều, mười phần cũng chỉ còn độ một hai. Lại còn bao nhiêu thi tập của tiên hiền trong cuốn Trích Diễm Thi Tập có ghi, bây giờ cũng chỉ còn được cái tên, không ai được biết nội dung ra sao. Than ôi! Khổng Tử ngày xưa tuy có phàn nàn về nổi văn hiến của hai nước Kỷ, Tống không đủ, nhưng sự không đủ đó chỉ là điển chương sách vở của đời đã xa, có đâu đến nỗi như ở bản triều, bao nhiêu điển chương, sách vở từ đời Trung Hưng về trước đều theo hai đời Lý Trần cùng thành ra vật không có" (bản dịch của Ngô Tất Tố, Văn Học Đời Lý, trang 6-9).

(22) Người viết được bà Phạm Thị Hoàn, con gái học giả Phạm Quỳnh, hiện cư ngụ tại Pháp, cho biết hiện bà đang giữ được trọn bộ Nam Phong Tạp Chí từ số đầu đến số cuối, nhưng một vài số báo bắt đầu đã bị mối mọt. Do đó, vì đã có tuổi và không đủ điều kiện để bảo trì đúng mức, bà Hoàn có ý định gửi tặng cho thư viện lưu giữ. Nam Phong Tạp chí đã trở thành một phần của lịch sử văn học VN, là di sản chung của dân tộc, việc để nhiều người sử dụng là điều hợp lý và hữu ích cho văn học.

(23) Sáng Tạo: số 1 ra đời tháng 10/1956, nhóm chủ trương gồm có Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sĩ.

(24) Đại Học: tờ báo của Viện Đại Học Huế do linh mục Cao Văn Luận làm chủ nhiệm, ra đời năm 1958, hai cây viết cột trụ là Nguyễn Văn Trung và Nguyễn Nam Châu.

(25) Bách Khoa: xuất bản số đầu tháng 01/1957, do Huỳnh Văn Lang và Hoàng Minh Tuynh chủ trương, sau này chuyển về Lê Ngô Châu. Hai cây viết chủ yếu là Võ Phiến và Nguyễn Hiến Lê.

(26) Phạm Quý Thích (1760-1825): tự Dữ Đạo, hiệu Lập Trai, biệt hiệu Thảo Đường Cư Sĩ, quê xã Hoa Đường, huyện Đường An, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hải Dương. Bạn thân của Nguyễn Du. Người đầu tiên bình Kiều, làm bài "Đề vịnh truyện Kiều", và lo việc in ấn. 1779: đỗ Tiến Sĩ, làm Thiêm Sai Tri Công Phiên. 1811: vua Gia Long vời ông ra giữ chức Thị Trung Học Sĩ, trông coi việc chép sử. Ít lâu cáo quan về quê. 1821: vua Minh Mạng vời ra nhưng ông cáo bệnh ở quê nhà dạy học. 1825: mất, thọ 65 tuổi. Tác phẩm: Thảo Đường Thi Nguyên Tập, Lập Trai Tiên Sinh Di Thi Tục Tập, Thiên Nam Long Thủ Liệt Truyện...

(27) Đoàn Thị Điểm (1705-1748) hiệu Hồng Hà, thân phụ là Đoàn Doãn Nghi, tổ quán ở xã Hiến Phạm, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh. 1720: Thượng Thư Lê Anh Tuấn đưa về làm con nuôi, thử tài thấy lỗi lạc nên định tiến vào cung Chúa Trịnh nhưng bà không chịu và xin về. Cùng anh là Đoàn Doãn Lâm theo thân phụ tới chỗ dạy học tại làng Lạc Viên, huyện Yên Dương, tỉnh Kiến An. 1729: cha mất, cùng mẹ và anh tới cư ngụ ở làng Vô Ngại, huyện Đường Hào (nay là Mỹ Hào), tỉnh Hưng Yên là nơi anh mở trường dạy học. Nhiều người cầu hôn, trong đó có Nhữ Đình Toản (sau đậu tiến sĩ 1736), Thượng Thư Nguyễn Công Thái (tiến sĩ 1715), nhưng bà không thuận. Ít lâu sau anh mất, để tránh những kẻ quyền thế, bà nhận lời mời vào ở trong hậu cung dạy một cung tần được Chúa yêu. 1739: từ bỏ chức giáo thụ trong cung cấm về ngụ ở xã Chương Dương mở trường dạy học. 1743: lấy (kế thất) với quan Thị Lang Nguyễn Kiều (sinh năm 1695, 18 tuổi đỗ Giải Nguyên, 21 tuổi đỗ Tiến Sĩ năm 1715). Lấy nhau chưa được một tháng, Nguyễn Kiều

được cử làm Chánh Sứ sang Tàu tước cống tới 1745 mới trở về. 1748: Nguyễn Kiều được lệnh giữ chức Tham Thị ở Nghệ An, bà đi theo chồng bị cảm hàn dọc đường nên vừa tới nơi thì mất. Tác phẩm: Tục Truyền Kỳ (còn có tên là Truyền Kỳ Tân Phả).

(28) Phan Huy Ích (1750-1822): tự Khiêm Thụ Phú, hiệu Dụ Am, còn có tự là Chi Hòa, hiệu Đức Hiên, quê xã Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, con Tiến Sĩ Phan Huy Cận, rể Ngô Thì Sĩ, em rể Ngô Thì Nhậm. Thở nhỏ tên là Phan Công Huệ, vì kiêng húy bà Chúa Chè Đặng Thị Huệ nên đổi ra là Huy Ích. 1771: đỗ giải nguyên. 1775: đỗ Hội Nguyên. 1776: đỗ khoa Ứng Chế, được bổ làm Hàn Lâm Thừa Chỉ. 1777: đốc học Thanh Hóa, sau về triều làm Thiêm Sai Tri Hình ở phủ Chúa Trịnh. 1788: khi Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc lần thứ hai, ông cùng Ngô Thì Nhậm, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn được vời vào Phú Xuân lãnh nhiệm vụ ngoại giao với nhà Thanh. Vua Lê Chiêu Thống tức giận truyền đày ông và Ngô Thì Nhậm ở bia Tiến Sĩ Văn Miếu. Sau 1780, chán ghét vua Lê, chúa Trịnh, ông mấy lần cáo bệnh xin về hưu nhưng không được chấp nhận. 1790: được vua Quang Trung phong làm Tả Thị Lang bộ Hộ, và sai đi xứ Tàu cùng con trai nhà vua là Nguyễn Quang Thùy, Đại Tư Mã Ngô Văn Sở, Đô Đốc Nguyễn Duật... 1792: đi xứ về được thăng Thị Trung Ngự Sử ở tòa Nội Các. 1801: bị chúa Nguyễn Phúc Ánh bắt. 1802: bị đánh đòn ở Văn Miếu sau mới được tha về. 1803: về Sài Sơn ở ẩn. 1814: vào Thiên Lộc, Hà Tĩnh dạy học. 1819: về quê an dưỡng. 1822: mất, thọ 72 tuổi. Tác phẩm: Nam Trình Tọa Vịnh, Cẩm Trình Kỷ Hứng, Thanh Châu Lữ Hứng, Vân Sơn Khiển Hứng, Chinh Phụ Ngâm Diễn Âm, Cúc Thu Bách Vịnh, Dụ Am Văn Tập, Dụ Am Ngâm Tập.

(29) Vương Tư Hối: "Nhị Độ Mai và Tác Giả", Tân Văn số 1, Sài Gòn, tháng 4, 1968, trang 120-123.

(30) Theo bà Phạm Thị Hoàn thì thân phụ bà tuổi Thìn, như thế là năm sinh của học giả Phạm Quỳnh là 1892.

(31) Nguyễn Đông Thành: "Bé Cái Lầm Của Nhiều Nhà Biên Khảo Ở Cả Hai Miền Nam Bắc Nước Ta" (Giai Thoại Văn Chương, trang 7 - 24)

(32) Đặng Trần Huân là người nêu lên nghi vấn này trong tác phẩm Những Người Thích Dấu Huyền (nxb Văn Mới, Hoa Kỳ, 03/1998, trang 7-20: Huyền Thoại Tự Lực Văn Đoàn). Sau đó ông bỏ công truy cứu và đã tìm ra Xuân Diệu là thành viên thứ 7 của TLVD qua thủ bút của Nhất Linh (Đặng Trần Huân, Chữ Nghĩa Bề Bề, nxb Văn Mới, Hoa Kỳ, 2000, trang 193-210: Bảy Vì Tinh Tú).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bằng Giang, Mảnh Vụn Văn Học Sử, nxb Chân Lưu, Sài Gòn, 1974.
- Dương Quảng Hàm, Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Hà Nội 1944, Bộ Giáo Dục tái bản, Sài Gòn, 1968.
- Đặng Trần Huân, Những Người Thích Dấu Huyền, nxb Văn Mới, Hoa Kỳ, 1998.
- Hoàng Xuân Hãn, Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo, nxb Minh Tân, Paris, 07/1953.
- Ngô Tất Tố, Văn Học Đời Lý, nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1960, Đại Nam tái bản, Hoa Kỳ.
- Nguyễn Đông Thành, Giai Thoại Văn Chương, nxb Văn Hóa, Hoa Kỳ, 1997.
- Nguyễn Q. Thắng, Từ Điển Tác Gia Việt Nam, nxb Văn hóa, Hà Nội, 09/1999.
- Phạm Thế Ngũ, Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên (3 quyển), nxb Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1962-65.
- Trần Văn Giáp, Lược Truyện Các Tác Gia Việt Nam, nxb Văn Học, tái bản lần thứ 3, Hà Nội, 2000.
- Võ Phiến, Văn Học Miền Nam Tổng Quan, nxb Văn Nghệ tái bản lần thứ 3, Hoa Kỳ, 2000.

MỘNG TUYẾT THẮT TIỂU MUỘI

Với Tùy Bút

“DƯỚI MÁI TRẮNG NON”

Nữ sĩ Mộng Tuyết Thắt Tiểu Muội là đứa con út trong gia đình sáu anh em nên trong thơ văn bà thường nói tới nhân vật Nàng Út thay vì xưng tôi ở ngôi thứ nhất trong danh xưng. Trước năm 1945, bà cộng tác với các báo ngoài Hà Nội như Tiểu Thuyết Thứ Năm, Trung Bắc Chủ Nhật, Hà Nội Báo, Tri Tân, Con Ong...và các báo Sống, Gió Mùa, Ánh Sáng trong Nam (Sài Gòn).

Vốn là học sinh ưu tú của Trí Đức Học Xá do Nhà Thơ Đông Hồ chủ trương, bà viết những bài văn nho nhỏ, góp lại thành quyển hợp tuyển văn chương *Bông Hoa Đưa Nở* ký bút hiệu là Thái Nữ Mộng Tuyết để đăng ở Nam Phong tạp chí (1930). Sau khi Bà Linh Phượng qua đời, Ông Đông Hồ trước đó đã tái hôn lần thứ nhất với người chị ruột của bà Mộng Tuyết là Bà Thái Nhân Liên (tên thật là Thái thị Thân). Sau khi sanh cô con gái tên Lâm Yiễm Yiễm (đọc là cô Diễm Diễm), Bà Nhân Liên qua đời. Ông Đông Hồ tái hôn lần thứ hai với Nữ Sĩ Mộng Tuyết, cô học trò và cũng là cô em vợ của mình. Bà Mộng Tuyết còn làm môi giới để cho người cháu kêu mình bằng cô (về sau trở thành giám đốc nhà in Mạc Lâm) kết hôn với cô trưởng nữ Lâm

Mỹ Tuyên của Ông Đông Hồ. Bà Tuyên vốn là con Bà Linh Phượng.

Bà Mộng Tuyết vào thời tiền chiến đã đoạt giải văn chương do nhóm Tự Lực Văn Đoàn tổ chức vào năm 1937. Quyển này không bao giờ được xuất bản. Ngoài ra, bà cùng ba nữ sĩ gốc Bắc là Hằng Phượng, Vân Đài và Anh Thơ cùng đóng góp tập thơ *Hương Xuân*. Bà cũng được Hoài Thanh và

Hoài Chân đưa vào quyển phê bình *Thi Nhân Việt Nam*. Ngoài ra, bà còn viết cho báo Nhân Loại trong thời chiến tranh Đông Dương giữa Pháp và Việt Minh do Đông Hồ chủ trương.

Cũng trong thời chiến tranh Đông Dương, Bà Mộng Tuyết cộng tác cho báo Ánh Sáng và tham gia vào tuyển tập thi ca *Thơ Mùa Giải Phóng* gồm nhiều tác giả nổi tiếng ở miền Nam vào thời Nam Bộ Kháng Chiến như Chim

Xanh, Trúc Khanh, Phạm Tử Quyên, Từ Trầm Lệ... Sau Hiệp định Genève, bà cộng tác với một vài tạp san nổi tiếng ở miền Nam như Nhân Loại (do nhóm Ngọc Linh chủ trương), Tiểu Thuyết Thứ Bảy (ở Sài Gòn vào năm 1961), Văn Đàn, Văn, Bách Khoa... Năm 1960, bà cho xuất bản quyển tiểu thuyết đã sử *Nàng Ái Cơ Trong Chậu Úp* thi vị hóa cuộc diễm tình lệ sử giữa Tông Đức Hầu Mạc



Thiên Tôu vào nàng ái cơ Nguyễn Phù Cừ của ngài tại doanh trấn đất Phương Thành (Hà Tiên). Năm 1969, bà cho xuất bản quyển tùy bút *Dưới Mái Trắng Non*. Năm 1973, bà cho in tập thơ *Gầy Hoa Cúc...* Đó là những quyển sách xương sống của bà.

Ở quyển bút khảo này, bút giả chỉ nói tới quyển *Dưới Mái Trắng Non*, do Văn Nghệ (Sài Gòn) tái bản vào năm 1996.

Vào năm 1969, Lê Tất Điều cũng đã giới thiệu và nhận xét qua loa quyển tùy bút này trên nhật báo Tiền Tuyến. Quyển này ở lượt xuất bản lần đầu tiên chỉ đăng những bài văn xuôi. Thơ có chăng chỉ được lồng vào những bài văn xuôi coi như minh họa những điều mà tác giả muốn trình bày với độc giả. Hoặc đó là những câu thơ, những bài thơ coi như những viên kim cương hoặc những phiến bảo ngọc nạm trên những món bội hoàn chạm trổ tinh xảo, có tính cách trang trí cho đẹp bài viết. Nhưng khi do Văn Nghệ (Sài Gòn) tái bản vào năm 1996 thì tác giả thêm thơ và thêm nhiều bài tùy bút khác. Có thể là thơ trích trong thi tập *Phấn Hương Rừng* hoặc trong thi tập *Hương Xuân* hay thi tập *Thơ Mùa Giải Phóng*. Cũng có thể là thơ lẫn văn xuôi trích từ các tạp chí văn chương vào thời tiền chiến hoặc dưới hai chính thể Đệ nhất Cộng Hòa và Đệ nhị Cộng Hòa ở Miền Nam Việt Nam.

Trên hành trình thực hiện *Dưới Mái Trắng Non*, Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội phải trải qua trên 3/4 thế kỷ. Vận sự này khiến chúng ta liên tưởng đến quyển nhật ký *Mes Cahiers Bleus* của nàng đại danh kỹ Liane de Pougy vào Thời Đại Mỹ Lệ (La Belle Époque) từ khi nàng đặt bút hoa lên trang thứ nhất màu lam ngọc của quyển nhật ký cho tới trang chót mà quyển sách hãy còn dở dang. Quyển nhật ký ấy cũng phải trải qua hơn nửa thế kỷ. *Mes Cahiers Bleus* giống như *Dưới Mái Trắng Non* ở chỗ viết về các văn nhân thi sĩ đương thời với tác giả. Nhưng Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội chơi trội hơn Liane de Pougy ở chỗ biết làm thơ, ở chỗ miêu tả những thắng cảnh với những nét tạo hình kiêu

diễm có thể khắc sâu vào ấn tượng và niềm hoài cảm của độc giả.

Tên thật của Bà Mộng Tuyết bị hai OÂng Hoài Chân và Hoài Thanh ghi sai trong quyển *Thi Nhân Việt Nam*. Tên bà không phải là Lâm Thái Úc mà là Thái thị Sửu. Dù lai người Trung Hoa ba bốn đời, nhưng song thân bà vẫn nhiễm thói ăn nết ở của dân quê Nam Kỳ nên không đời nào đặt cho con gái họ một cái tên có ý nghĩa thâm thúy và kêu vang lãnh lót khi đọc lên được. Thuở xưa, dân Nam Kỳ không bao giờ đặt tên đẹp cho con gái mình, cốt tránh điều xuôi xẻo có thể xảy ra khi các cô ngọc nữ kia hãy còn thơ ấu.

Hồi tiền chiến, tác giả lấy bút hiệu là Mộng Tuyết. Kèm theo đó, bà còn lấy thêm bốn bút hiệu Nàng Út, Hà Tiên Cô, Bách Thảo Sương và Bán Bân Nữ Sĩ. Dưới chính thể Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam, bà thêm 3 chữ Thất Tiểu Muội vào bút hiệu Mộng Tuyết thường dùng của mình. Nhưng dưới chế độ Cộng Sản, bà bị rúng ép phải trở về bút hiệu Mộng Tuyết suông trơn thuở trước.

Thơ văn Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội điệu đà, thù hoa dẹt găm rất diêm dúa và sặc sỡ. Bà lại lấy cảm hứng ở văn chương Trung Hoa, dùng bối cảnh cổ kính của nước Tàu thời Trung Cổ, thời Cận Đại được vẽ trên tranh lụa, trên nền men ngọc của các món cổ ngoạn. Chúng ta không nên trách bà ngoại lai ở nếp sống và ở văn chương. Bà sinh trưởng tại thị trấn Hà Tiên có hồ thơ núi mộng, có những tòa kiến trúc theo kiểu lâu các đình viện của Tàu. Người xây dựng thị trấn này là Cửu Lộc Hầu Mạc Cửu vốn người Minh Hương bỏ chế độ quân chủ Mãn Thanh để qua Việt Nam lập nghiệp. Từ một góc nhỏ hoang dã và man rợ đầy sơn lam chướng khí của miền Cực Nam đất nước, Cửu Lộc Hầu đã biến thành thị trấn Phương Thành (về sau mới đổi tên là Hà Tiên) với cách kiến trúc rất Tàu. Nhưng gia đình của bà cũng theo cách sống của thôn dân Việt Nam nơi Xóm Rầy (vùng ngoại ô của Hà Tiên) nên văn chương bà có thể phản ánh được rất nhiều nếp sống và phong thái của người Việt Nam.

Ông Đông Hồ cũng lai Tào bốn năm đời gì đó. Ông yêu tiếng Việt, dân Việt. Nhưng trong tâm hồn ông vẫn bàng lảng chút khói hương thời Đường Tống của đất nước Trung Hoa. Cho nên ông tránh sao khỏi cái tính lập dị cá biệt. Tiệm sách của ông được đặt tên là Yiễm Yiễm Thư Trang, tiệm may của ông tên là Yiễm Yiễm Thương Điểm, nhà hóng mát của ông có treo vài giò phong lan được đặt tên là Vương Giả Hương Đình. Khu vườn của bên nhạc gia ông được đặt tên là Bách Phương Viên, rồi Úc Viên, mái hiên trên gác xép của Bà Mộng Tuyết được gọi là Tân Nguyệt Hiên (Mái Trăng Non). Sau này, khi thiên cư lên Sài Gòn, ông mang theo những cái tên Úc Viên, Mái Trăng Non, Vương Giả Hương Đình tọa lạc Nửong Nguyễn Thái Học. Nhà ông có cái tên Đại Ấn Am. Sau đó ít lâu, Yiễm Yiễm Thư Trang từ đường Nguyễn Thái Học dời qua Tân Định, gần rạp hát Moderne. Còn Đại Ấn Am, Vương Giả Hương Đình, Úc Viên, Mái Trăng Non được dời qua Phú Nhuận, gần Hồ Tắm Chi Lăng; chính tại đây Đại Ấn Am biến thành Quỳnh Lâm Thư Thất. Khi ông qua đời được ít lâu, Bà Mộng Tuyết thiên cư về Tân Sơn Hòa, Đường Nguyễn Minh Chiêu mang theo Quỳnh Lâm Thư Thất và Úc Viên đặt trên đèo đất có cây cao bóng mát.

Các bạn dù có trách lối sống kiểu cách đôi uyên ương nghệ sĩ kia đi nữa, nhưng các bạn phải công nhận họ có nếp sống đẹp. Nhà họ không có bàn ghế bằng danh mộc, không có hoành phi, liễn son, liễn mun, không có các món ngoạn hảo quý giá. Nhưng nó có những tủ kính vĩ đại đựng sách như một cái thư viện. Lại còn có những liễn bằng giấy bồi ghi những bài thơ của ông Đông Hồ qua nét thủ bút sắc như lưỡi dao và mềm như lá lan của chính ông.

*

Trong bài *Bạc Vườn Dưa của Nàng Út* của quyển *Dưới Mái Trăng Non*, Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội đã vạch rõ đường lối văn chương theo phái Duy Mỹ của mình như sau:

Vườn hoa nàng Út ngày nay không biết có tốt tươi xinh đẹp như vườn dưa nàng Út ngày xưa hay không và có rủ rê quyến luyến khách qua đường hay không, cái đó thì không làm sao biết được.

Duy, có một điều biết đợc là nàng Út bây giờ hẳn không khờ dại mà để cho ông Hoàng nào thấy hết cả vườn hoa quý của nàng.

“Để thường mình ích kỷ và hà tiện quá hay sao?”

Nàng tự hỏi mình như thế, trong lúc tay đang cầm chùm hoa “Thất tỉ muội” mới ngắt ở Bách Phương Viên, rút từng cánh nhỏ thổi tung đi.

Gió quện hơi thơm, nước trôi cánh đẹp, bay tới đâu, xuôi tới đâu và dừng lại nơi đâu, nàng cũng không làm sao biết được.

Nàng chỉ biết xin ai đừng đòi, ở bông hoa đó, những màu sắc diễm nùng với những làn hương nồng ngắt say sưa.

Đó chỉ là những đậm đậm thanh thanh, những ý trịnh diu diu, những ánh chiều mong manh và những tơ trắng mờ ảo, là những mở chậm chậm e dè của cảnh hồ người.

Hãy gượng nhẹ và dịu dàng, xin đừng mạnh tay mà cảnh hồ người khấp lại.

(các trang 478, 479)

Trong bài “*Đáp Lời Phỏng Vấn Văn Nghệ của Báo Bách Khoa*”, thêm một lần nữa bà xác định khuynh hướng văn chương của mình và vị trí của người đọc:

Mình chỉ viết cho mình, vì mình không phải nhà văn chuyên nghiệp cho nên đã để trôi qua biết bao nhiêu tình ý mà vì không cố công đuổi bắt nó, một khi nó lảng vảng đến mình.

Chỉ ghi lại những gì chín muồi như trái cây nhân sâm chín rụng, không biết dùng móc bạc mà hái nó, rồi cũng không biết dùng chậu vàng mà hứng nó thì e nó chui tuột hết xuống đất. Cảm hứng cũng mong manh, nhất tiếng động và ưa lẩn trốn như trái nhân sâm.

(trang 472)

...thơ nào cũng không nói được hết lời. Bèn nghĩ lối viết tùy bút. Và, thay vì làm thơ thì làm văn, với đúng nghĩa “làm văn”, với quan niệm “làm văn” cũng phải khó khăn, cũng phải rèn luyện, cũng phải công phu như “làm thơ”. Bài văn là bài thơ tự do không xuống dòng.

Và bài văn đó nhất định phải đẹp, phải đẹp như một bài thơ. Bài văn đó cũng phải điều luyện, cũng phải trau chuốt, cũng phải là lời vàng tiếng ngọc để mà diễn tả ý ngọc tình châu.

Và còn đọc văn nữa. Đọc một bài văn lại cũng phải công phu như đọc một bài thơ.

Người viết đã dọn mình mà viết, người đọc sao lại không dọn mình mà đọc, dẫu rằng người đọc không cùng một quan điểm với người viết nữa.

Chiếc vòng ngọc thạch, hoặc rộng hoặc hẹp, không vừa với cổ tay mình, nhưng mà nó vừa vặn với cổ tay người khác, thì mình dẫu không đeo nó, cũng phải biết thưởng thức đúng với cái đẹp của nó ở cổ tay của giai nhân không phải là mình.

(trang 473)

Tôi được đọc cuốn *Đời Viết Văn Của Tôi* của Học Giả Nguyễn Hiến Lê, tôi đã tiếp xúc với Tiến Sĩ Thái Văn Kiểm, Thiền Sư Thích Nhất Hạnh. Họ đều khen ngợi văn phong và cách diễn tả của Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội. Ốc quan sát của bà thật tinh nhuệ, thật bén nhạy và thật mãnh liệt. Những sự vật tầm thường dưới ngòi bút của bà trở nên linh động dị thường. Xin cùng đọc đoạn bà viết sách quốc cấm dưới thời Pháp thuộc bị đốt cháy:

Ánh lửa bập bùng trong lò cuộn khói. Ngón ngang đóng giấy, trang chữ in, đang bị ngọn lửa xanh, cháy xém. Lửa liếm tới đâu, tờ giấy như thun mình lại, uốn éo. Phồng lên, co dúm, quần quai như có tri giác, né tránh sức bạo tàn thiêu đốt.

Nhưng mà ngọn lửa bạo tàn có ngừng lại cho đâu. Một cái cử động nhỏ của que cời, đã giúp cho sức hung hăng, vừa khói vừa lửa, kiêu hành vươn cao gần tới nóc nhà bếp.

Út không dám có một lời nào, một cử chỉ nào: cô đứng im như tượng đá mà nhìn trân trân đống lửa.

Út thấy lòng bồi hồi đau xót. Ruột gan như cũng uốn mình chống trả lại với một quận thất vô hình, thần kinh như cũng co giãn theo mỗi chuyển mình của mỗi tờ giấy.

Trang giấy trắng tinh nổi rõ hàng chữ mực in, lần lần ngả sang màu vàng, dưới lưỡi lửa xanh lè ám khói, rồi mới cháy bùng lên.

Lửa ngọn hạ thấp dần, khói đen nhạt dần, những tờ giấy trở thành than đen nhánh. Kiếp giấy, than ôi đã mỏng, mỏng như phận mỏng cánh chuồn, nhưng mà tờ than của kiếp sách nó còn mỏng manh hơn mấy kiếp cánh chuồn chuồn.

Cô Út muốn đưa tay gom lại những tờ than giấy còn lò mờ nổi những chữ mực in kia. Nhưng mà trong lòng khối than giấy, lửa hầy còn âm ỉ. Lửa chưa hóa được những tờ kia thành tro bụi, lửa đâu chịu tàn cho.

Lửa hầy còn đốt phá ngấm ngấm cái mỏng manh hết sức mỏng manh của tờ than giấy.

(*Đốt Sách*, các trang 213, 214)

Qua đoạn trích dẫn trên đây chúng ta đã thấy cái tâm hồn nghệ sĩ của tác giả sâu sắc, thấm đượm là dường nào. Một nhà văn tài nghệ tầm thường làm sao có thể nhìn thấy cái đẹp tiềm ẩn và thấm nhuần trong cái chết chóc tàn hủy, trong những sự vật chưa phải là vưu vật và cũng không phải là kỳ quan hay thắng cảnh. Vậy mà tác giả dùng cách diễn tả rất thơ, tuổi tằm ngôn từ diễn tả bằng những rung cảm kỳ diệu để biến chúng thành chất liệu quý báu cho văn chương. Cho nên cảnh đốt sách quốc cấm dưới thời Pháp thuộc ấy một khi đi vào văn chương của bà nữ sĩ đất Hà Tiên đó cũng trở thành ra một bài bi ca (poème saturnien) diễm lệ.

Văn phong như thế này dù có uốn ọ thật đấy, nhưng chẳng những nó không dơ dáng đại hình mà còn có nét đẹp riêng, song song với cái đẹp cổ kính của lụa vẽ nhưng thêm xen lẫn cái đẹp của trời nước, của trăng sao, của hoa đồng cỏ nội trong các

bài tùy bút khác. Nguyễn Tuân trong *Vang Bóng Một Thời* tuy điệu đà mà vẫn giữ khí phách ngang tàng của tay giang hồ mã thượng. Xuân Diệu tuy có uốn ẹo trong thiên tùy bút *Phấn Thông Vaong* nhưng biểu dương những niềm rung cảm bén nhạy đối với cuộc sống hăm hiu, đối với những con người bất hạnh, đối với cảnh vật thô lương. Cho nên không ai lấy làm lạ rằng hai OÂng Nguyễn Tuân và Xuân Diệu trở thành tri âm tri kỷ của bà từ thuở nước nhà chưa ngùn ngời lửa chiến tranh (bắt đầu từ Đệ nhị Thế Chiến). Nhưng nói chung, cái điệu đà trong văn chương của Nguyễn Tuân chỉ là màu đậm hồng phơn phớt, còn cái điệu đà trong văn xuôi của Xuân Diệu là màu hồng đào tươi sáng, còn cách diễn tả uốn lượn uyển chuyển trong các bài tùy bút của Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội là màu hồng ngọc thắm thiết và sáng long lanh. Tự bấy lâu nay, có vài “phê bình gia” chê văn phong điệu đà của Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội một cách phiến diện bất công. Họ không sao giấu được chân tướng của loại người có tâm hồn hạn hán và có tâm địa hạn hẹp không thể mở rộng để đón nhận những sắc thái đặc biệt của văn chương nghệ thuật. Họ ưa dùng dao to búa lớn để chém ngã những công trình tinh tế của một nhà văn vì quá mê say cái Đẹp nên không tự chủ lúc cầm bút, nên tạo ra cách diễn tả hoa gấm kiêu sa cho văn phong của mình. Chém ngã như thế, các tay phê bình bạo dâm kia chúng tỏ ta đây trượng phu, ta đây uy mãnh và hào hùng, ta đây khinh thường loại văn chương nghệ thuật chỉ dành riêng cho phụ nữ thích làm dáng, thích nũng nịu với cuộc đời. Nhưng họ bị cái ép-phê ngược: họ càng để lộ cái căn tính hẹp hòi cùng khiêu thường ngoạn chai sượng và khô cứng, không thể thấm thấu chất mật ngọt và hương thơm cùng những phong vị tuyệt vời khác trong cuộc sống.

Viết tùy bút, nhà văn có thể dùng mọi thứ ngôn ngữ. Mai Thảo dùng ngôn ngữ trừu tượng và huyền bí pha lẫn những ngôn từ triết học, ngôn ngữ dành riêng cho thơ. Nguyễn Tuân và Xuân Diệu dùng ngôn ngữ dành cho cách viết truyện ngắn nhưng cả

hai vẫn dùng vài ngữ pháp kiêu diễm, vài ngôn từ thơ mộng để trang sức cho bài viết thêm sinh sắc. Có buồn cười chăng là OÂng Thi Vũ Võ văn Ái viết đoản văn, tùy bút, bình luận thời cuộc bằng ngôn từ do chính đờng sự biến chế ra hoặc những ngôn từ có trong tự nhiên chấp vá với chữ mà đờng sự moi móc ở đầu Tề đít Lỗ nào đó. Bài viết vì thế tuy có khoa động rồn rảng nhưng vì ý tứ nghèo nàn kém cỏi nên trở thành kệch cỡm. Những ngôn từ như thế chỉ là những lớp son phấn lòn loẹt không sao che giấu gương mặt rỗ chằng chịt. Trong khi đó, Bà Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội dùng ngôn từ thi ca để viết tùy bút. Cho nên mỗi bài tùy bút của bà là một bài thơ bằng văn xuôi đúng hơn.

*

Ở các bài tùy bút, Bà Mộng Tuyết vận dụng óc quan sát tối đa. Cộng thêm tính mẫn cảm, bà vạch nên những nét tạo hình sắc sảo trên vận sự được miêu tả. Trước hết xin đọc những nét mô tả khái quát như những nét phác thảo, nhưng vẫn là những nét sắc sảo của mạnh vào ấn tượng người đọc. Đây là thú đãi khách uống trà:

Chén trà đã quện hương rồi. Đó là những cánh trà đen, to và thô, pha từ nước thứ hai có mùi hoa mộc, từ nước thứ ba có mùi hoa thủy lan. Đó là loại trà Thiết Quan Âm, Thiết La Hán của Phúc Kiến mà tác giả “Những Cái Ấm Đất” công khó từ Hà Nội gửi vào.

Các thú trà đó, uống nó, người ta phải có những chén tống, chén quân, những cái ấm chuyên, ấm đồng; nhưng nay vì đông người quá, người ta phải làm lối ngủi ấm, pha cả bình.

Biết vậy, cô chủ nhân cái Yiễm Yiễm Trà Thất đã cẩn thận chọn bỏ ra, từ chiều những cánh trà già màu hơi vàng và đã tự tay nấu nước cho vừa độ, và tự tay pha lấy giữ cho hương trà không hao kém đi.

(Khói Trà Hương Đượm Chén Trùng Phùng, trang 194)

Trong *Hồng Lôu Mộng* của Tào Tuyết Cần, đạo cô Diệu Ngọc pha trà bằng tuyết đọng trên cánh hoa mai trong vườn chùa Huyền Mộ Thiền Hương.

Trong *Những Cái Ấm Đất* của quyển tùy bút *Vang Bóng Một Thời*, Nguyễn Tuân nói về cách pha trà bằng nước giếng chùa Đồi Mai và bằng sương đêm đọng trong lòng sâu của lá sen (trong bài *Chén Trà Trong Sương Sớm*).

Bà Mộng Tuyết thì không pha trà cầu kỳ như thế. Nhưng bà đã tìm được hương vị trà pha ở nước thứ nhì và ở nước thứ ba. Khòu giác bà phải tinh nhuệ lắm.

Và để tiếp theo, xin đọc một đoạn về việc se đôi bạch lạp trong bài *Đêm Bất Dạ* như sau:

Sáp lấy ở Ngan ong, làng Dương Hòa, là tốt có tiếng. Ngan ở đây là một cánh rừng to, mọc toàn cây đá và cây vông, đặc biệt là tứ niên, có ong đến đó làm tổ khắp giải rừng.

Sở phong ngạn là triều đình Chúa Nguyễn cấp làm đất hương hỏa đời đời cho dòng họ Mạc đã có công khai trấn đất Hà Tiên.

Năm năm có người thâu, đóng hoa lợi cho làng để cung việc tế tự.

Sáp lấy ở rừng này quý là vì ong chỉ ăn thuần một giống hoa, không ăn tạp giống hoa khác, cho nên chất sáp có một màu trong và một vị thơm đặc biệt.

Hai bát sáp úp vào nan, no tròn, trong ngon mát như cạp bánh dày trắng mịn.

(trang 133)

Sau hôm mồng bảy, hạ cây nêu trước nhà rồi, là cụ Hương lo việc đan tim (tức là bắc đèn) và phơi sáp. Trước nhất là thái sáp thành lát mỏng, chắp lại thành từng cái đĩa bàn, đem phơi giữa lúc nắng to. Rồi cả nhà, anh Ba, anh Tư cùng góp tay vào việc cho lửa nhồi sáp, nắn cho sáp được nhuyễn mềm.

Việc quan trọng là đặt tim vào lòng sáp. Cả khối sáp mềm vừa lăn dề lên trên tấm ván, đặc biệt để dùng xe đèn, vừa nắn cho nhanh và đều tay khối sáp dôi ra bao bọc đều vừa hết sợi tim đèn. Nắn sửa lại cho tròn thành cây đèn ngay thẳng, xong thì lóp

vỏ sáp cũng từ từ se nguội. Tưới một ít nước lã vào, lăn thêm ít ngoài, là sáp cứng lạnh. (trang 134).

Chúng ta đã bắt gặp những gì trên 2 đoạn trích dẫn này? Một chút khói sương và một chút óc quan sát trong tùy bút *Vang Bóng Một Thời* của Nguyễn Tuân có phải? Một niềm tha thiết bền sắt tươi son với vang bóng thời xa xưa trong văn chương của Vũ Bằng ở quyển *Mé Chử* có phải?

Bước qua lãnh vực ấn loát, sách ố, tức là qua lãnh vực kỹ nghệ khô khan, tác giả vẫn tìm được khía cạnh thơ mộng, một bản sắc kỳ đặc để mô tả. Chẳng hạn về giấy in, bà vạch những nét tạo hình tuyệt vời như sau:

Ôi thú vị thay! Người trần biết ký thác tâm tình tư tưởng họ trên những trang giấy thơm đẹp.

Mềm mại trắng tinh của tờ ngọc khấu, tờ cống xuyên nước Tàu thuần phác, xộp nhệ dễ yêu của tờ Bouffant, óng mỡ dịu mắt của tờ Velin, nhẵn láng mát tay của tờ couché phương Tây máy móc. Thanh nhã thay chất nhưng tơ của phẩm giấy Phù Tang và cao quý thay Dó lụa Việt Nam!...

(*Con Gái Út Nhà Trời Thác Sinh Lâm Nàng Mọt Sách*, trang 181)

Cũng viết về giấy, Mộng Tuyết Thất Tiểu Muội không quên nhắc tới Nguyễn Tuân, nhà văn viết tùy bút vĩ đại nhất thuở tiền chiến đối với tâm tưởng của bà:

... Bao nhiêu thư từ sách vở anh gửi cho từ năm 1939 đó, tuy không còn giữ đủ được, nhưng nội dung và kỷ niệm không thể phai mờ.

Lúc anh cho in quyển “Vang Bóng Một Thời” lần thứ nhất, anh gửi vào cho hai bản đặc biệt. Một bản lụa Dó dày đựng trong hộp bằng nũôi tơ vàng óng. Anh đề: Gửi Tuyết muội muội và bản kia cũng loại đặc biệt bằng giấy Bouffant impérial à la cuvec (có đóng triện son “Gió đã lên” với cánh buồm no gió và mảnh trăng liềm), anh đề tặng:

“Kính gửi Đông Hồ Lâm nhân huynh

“Hồ Tây, quý xuân Canh Thìn (1940)”.

Trong quyển giấy dó, anh kèm theo lời là phải rọc cách nào cho có “nhưng tờ óng mờ”. Thế là tôi phải thỉnh giáo lại. Anh dạy lấy khăn ướt lau cho ẩm ba bờ sách rồi mới dùng dao cùn mà rọc.

(Mưa Dầm Tháng Bảy, trang 415)

Những sự vật mà tác giả đã được mắt thấy tai nghe dĩ nhiên được óc quan sát của bà soi rọi, được óc thẩm mỹ và óc tế nhị của bà nếu không tô hồng chước lục khi gặp cảnh sắc xứng ý thì cũng làm cho chúng linh động hẳn lên, biến thành chi tiết hay toàn cảnh của một bức tranh sống.

Thì đây! Chúng ta cùng ngắm cảnh Đông Hồ dưới ánh trăng đêm rằm Nguyên Tiêu trong *Đêm Bất Dạ*:

Rằm tháng giêng... Tết đã qua mười lăm ngày rồi. Phong vị Tết đã nhạt dần từ hôm mồng ba mồng bốn...

Chiều hôm nay, lòng bỗng nôn nao. Dư vị của ba ngày xuân còn lắng đọng, tự nhiên như phơi phơi dăng lên.

Trẻ con lại được giở ra quần áo mới. Người giai nhân dự bị, từ sáng sớm, để hưởng một đêm Tết Có Trăng.

Mặt trời khuất sau tấm màn gió biếc của rặng Bình San thì bên kia Đông Hồ, vành trăng cũng từ từ nhô lên khỏi nước. Một cái ấn vàng đóng tròn trên mặt gương ngọc.

(các trang 131, 132)

Toàn cảnh bao la được thu nhỏ vào một khu vườn của tác giả ở Xóm Rẫy cũng vào một đêm trăng tròn, nhưng không phải vào những kỳ rằm; nơi ấy có một bông hoa quỳnh hé nở:

Một đêm kia, hình như không phải là đêm rằm mà sao bóng trăng tròn trĩnh quá! Nửa mái nhà và một góc vườn ngập ánh trăng.

Đâu đây, thoang thoang mùi thơm. Một mùi thơm là lạ, vương vãng có hơi bạch đàn hương, thanh hải hương và một chút ngọc quế hương.

Trăng diễm ảo, mùi thơm càng diễm ảo hơn. Trăng đã cao và sáng hơn. Mùi thơm theo độ trăng càng náo nức hơn.

Nàng Út say sưa gần như cuồng loạn. Nàng chạy khắp vườn.

Hương vương trong lá, hương rớt trên đường, hương tràn ngoài ngõ, hương vương trong tờ trăng. Ôi! Hương! Hương! Hương tràn ngập!

Gió thổi vờn làn tóc, Nàng Út nghĩ thầm: “Hay là gió quyen hơi thơm từ một lăng uyển nào về?”

Mùi thơm huyền diệu quá. Hoa hoa, lá lá, cả vườn thảo thức say hương.

Chớp mắt một cái, Nàng Út thấy mình đứng trước chậu hoa Quỳnh. Theo thói quen, nàng ngồi lại bên hoa, vuốt ve mấy cái lá xanh già.

Nàng ngạc nhiên nhìn chồi hoa đã cao lớn lên lúc nào. Và bài thơ chữ thảo li ti bên bức tranh lò mờ khắc trên men ngọc chậu sứ, nàng cũng nhận rõ ràng. Nàng đọc mấy chữ thơ mà mọi khi phải soi kiếng cũng không tìm đủ nét.

“Nhứt chi nùng diễm lộ ngưng hương”

Cái dáng dấp Dương Quý Phi tựa nghiêng bên gác trầm hương dường như pháp phối.

Nhưng mùi hương sực nức đã gọi Nàng Út ngẩng lên, không cần phải ngửi một hơi dài, nàng cũng cảm thấy mùi hương ngọt ngào, ngập tràn trong buồng phổi. Nàng đưa tay vạch một kê lá và kêu lên:

-- Ô! Một bông hoa Quỳnh hé cánh.

Cuống hoa xanh màu hoa lý từ trong nách một kê lá trở ra. Những cánh dài hoa còn vương vương có gân xanh đã nở bung dần. Ở trong còn bao lớp tuyết nhưng ngậm kín.

Sung sướng và say mê, Nàng Út yên lặng ngồi rình. Nàng không dám thở mạnh, sợ làm tan một cái gì mỏng manh, mỏng manh lắm. Ôi, còn gì mong manh hơn sự mỏng cánh của quần phượng!

Trăng cao cao dần, hoa hé hé dần. Ai đã đem tờ trăng huyền ảo mà buộc vào những cánh thần hoa? Những cánh trắng hơn tuyết, nõn hơn nhung, trong

hơn vân ngọc, mịn hơn vân ngà. Làn u hương kỳ diệu đồng thời toát theo từng cánh mở của bông hoa.

(*Úc Viên Ký*, các trang 279, 280, 281)

Có thể có vài bạn độc giả thắc mắc: trăng sáng tới mức độ nào mà tác giả thấy nét chữ thảo trên nền men ngọc của chậu hoa, thấy màu sắc của cuống hoa, đài hoa và cánh hoa? Nhưng mà ai ai cũng phải tin rằng dù dưới ánh trăng chưa tới kỳ rằm, cái phàm nhân của tác giả tuy không thấy rõ ràng và tách bạch nét chữ của bài thơ trên nền men của chậu hoa cùng hình ảnh và màu sắc của bông hoa đang nở, nhưng con mắt của tâm hồn bà cộng với ấn tượng của bà do một cảm giác mãnh liệt và đột xuất khơi dậy, khiến bà thấy những đối tượng ngoạn mục và thơ mộng kia. Do đó, trong văn chương, chúng ta có thể ý thức thêm một điều then chốt: nhìn cảnh đẹp đâu phải chỉ nhìn bằng mắt mà còn phải nhìn bằng tâm hồn.

Càng thu nhỏ hơn nữa, đó là những vật tầm thường như cái bánh qui bằng bột nhuộm đỏ dành để đãi Nguyễn Bình được bà ghi giống như “chiếc ấn son”. Những chiếc đèn lồng bằng dưa hấu (qua đăng) cũng được bà mô tả vừa kỳ đặc vừa gợi hình:

Trước nhất, cụ Hương bảo cắt mặt dưa, dù đỏ hay không đỏ cũng cứ để nguyên quả dưa mà móc bỏ hết sạch ruột đi. Quả dưa đã biến thành một cái đáy bụng của chiếc hồ lô. Rồi cụ dùng mũi dao sắc nhọn tĩa gọt, chạm sâu vào những nét lan, nét trúc, cánh bướm, bài thơ, trên mặt vỏ dưa. Bỏ vào bồn nước, ngâm giữ cho vỏ dưa đừng héo.

Trăng giải khắp. Trong Vườn Muôn Hương, dưới cảnh, trong lá loáng thoáng những quả lồng đèn dưa, nổi bật trên nền vỏ xanh, lọc ánh sáng thành một màu xanh ngọc bích.

Chiếc đèn to, trở theo kiểu nhất thi nhất họa của cụ Hương, treo giữa hiên. Những chiếc khác của các anh cũng chạm khắc theo lối đó, những ai không kể được đủ cả một bài thơ, bằng lối hành khải thư, như chiếc đèn chánh. Chỉ tả

“Nguyên tiêu thiên bắt dạ

“Đối cảnh phú Tràn An”.

Hoặc chỉ có ba chữ “bất dạ thiên” hay bốn chữ “nhất khắc thiên kim” theo lối lệ triện.

Riêng có chiếc đèn của Nàng Út thì cụ Hương cũng vạch phá cho mấy nét hai chữ “Úc Viên”, rồi để cho Út tự gọt lấy. Ngoài nét chữ ra, Út còn móc thêm những điểm sao rơi và những liềm trăng non. Chiếc Úc Viên Đàng được treo trên cành mai già trước cổng, có dán đôi câu đối viết trên giấy hồng đơn.

“Thế thượng mai hoa vô song phẩm

“Nguyệt trung đan quế đệ nhứt chi”.

*

Rất nhiều lần, Bà Mộng Tuyết Thát Tiểu Muội dựng những cảnh rất sống động, rất linh hoạt trong giấc mộng, trong câu truyện kể, trong truyện truyền kỳ. Nhưng mà, những khải tượng (les visions) trong chiêm bao hay trong ảo ảnh, trong tưởng tượng có cái nào mà không bắt nguồn từ sự thật?

Bởi sinh trưởng ở Hà Tiên, tác giả đã từng thấy đồng cỏ, rừng núi, ao suối, khe ngòi nên trong thiên tùy bút “Mộng Xanh”, bà dựng một phong cảnh trong giấc chiêm bao như sau:

Hà mơ thấy mình, như ban ngày, cùng con cháu bé đang thơ thẩn bên bờ Đông Hồ. Là bờ Đông Hồ, nhưng sao lại thấy một cây cầu bắc qua một cái suối con, nước chảy róc rách. Bước lên cầu. Cầu nhúng nhính. Qua bên kia suối, thì là một cảnh lạ lạ. Ngoảnh lại, nhìn chung quanh thì chỉ đứng đó một mình. Không nhận ra lúc ấy là ban chiều hay đêm trăng. Hà chỉ thấy bóng sáng mát giọi đều trên mặt đất, trông toàn một thứ cỏ xanh mát như nhung. Những con đường mờ mờ trắng chạy viền đều trên mặt cỏ.

Hà chạy tung tăng khắp các con đường. Đường không có sỏi đá, êm chân như trải bằng thứ cát lạ ở cõi tiên.

Đi mãi đến bên một cái đồi con. Những con nai, con hươu trên đầu mang cả một nhánh cây khô, ung dung ăn cỏ bên sườn đồi. Đồi cũng toàn một

màu xanh rờn rờn, lúa thưa có bóng rợp của tàn cây mát rượi.

Cô đứng lại, lắng tai nghe như có tiếng gió và tiếng chim.

Bên kia đồi, vài con thỏ vui đùa chạy giỡn, trông như những khối bông trắng tinh lăn trên thảm biếc.

Trèo lên ngọn đồi, ngó chung quanh, thấy toàn một màu xanh ngấn ngắt bạt ngàn. Vô số những cây liễu, cây dâu, những cây cỏ không hoa mà cũng không tên.

Hà đến bên cái biển cạn xây bằng cẩm thạch. Đá xanh, nước lại xanh hơn, làm xanh lây đến những con cá bơi lội trong hồ.

Màu xanh mát trong của nước như quyến rũ. Tự nhiên, Hà đưa tay cời bỏ dần khuy áo... Giật mình, ngừng tay, khép áo lại, ngơ ngác nhìn quanh...

(các trang 101, 102, 103)

Tác giả chỉ nghe người trưởng thượng kể lại vận sự ông nội của mình dong thương thuyền đi biển gặp con quái ngư khổng lồ cỡ chiếc tàu cũng đủ để bà dựng nên một hoạt cảnh sống động. Vận sự thì có thật. Nhưng hoạt cảnh vẫn là sản phẩm óc tưởng tượng phong phú của kẻ làm văn chương.

... Mũi tàu còn cách con cá không đầy trăm thước, đang lừ lừ tiến đến, chợt nghe ầm ầm quẫy mạnh đằng đuôi, cánh vi trên lưng cá như hướng nhích qua một bên. Đứng trên tàu, nhìn thấy chiều cạnh của cánh vi khổng lồ đó.

Ông nội tôi có tia hy vọng. Ông truyền cho bác tài công vung tay lái, cho tàu hướng trịch mũi về bên kia để tránh đà tiến của con cá.

Sóng nổi ồ ồ, cuộn cuộn, lớp lớp trùng trùng chuyển tới, tràn ngập cả sàn tàu.

Bây giờ mũi tàu đã tránh lệch khỏi được đường tiến con cá. Mũi tàu và lưng cá sắp sửa vượt trái nhau theo chiều dọc.

Cánh vi cá và cánh buồm chiếc tàu đã song song cao ngang nhau, cách không khoảng mười thước. Lưng cá cọ sát vào sườn tàu. Minh tàu nghiêng hẳn về một bên. Nước tràn ào ào. Người

trên tàu chạy đổ xô về bên phía trên, bên mạn thuyền cá vượt qua.

Ôi chao! Những mảng vẩy bông tròn tròn, xậm xậm nổi rõ trên lưng cá bằng từng chiếc nĩa to.

Ông nội tôi đã nhận ra đó là một con cá có vẩy to lớn vô cùng. Chiều cái vi trên lưng nó đã ngang với buồm tàu, thì cố nhiên, mình con cá cũng dài không kém chiếc tàu đâu.

Con cá vượt qua khỏi, thỉnh linh, đuôi nó quẫy mạnh một cái rồi nó đi thẳng, làm chiếc tàu quay tròn mấy vòng như vỏ quả trứng thả vào chậu nước đường xoáy.

Tuy vậy tàu cũng từ từ yên lại. Mọi vật trong tàu đã xáo trộn ngã đổ cả. Nhìn sau mũi lái, thì bác tài công, vì cố kềm ghi giữ tay lái cho vững, khi cá quẫy, bị cần lái đập vào người, ngã ra bất tỉnh.

(Ông Đạo Lập Quá Hải, các trang 356, 357, 358)

Về con quái ngư khổng lồ, bà chỉ tả đôi dòng nhưng cũng đủ gợi những nét tạo hình thật sắc sảo khắc sâu vào ấn tượng độc giả như cổ nhân khắc chữ lên bản in hay khắc dấu triện son trên gỗ, trên đá, trên đồng:

Nó không phải là cá xà cá mập, loài cá không vẩy, mình trơn, vi thấp. Đàng này, vi cá cao ngất như buồm cánh dơi, mình có vẩy đốm hoa to bằng chiếc nĩa.

Thì rõ ràng là loại cá mú khổng lồ. Cá mú mà ta thường thấy, mình nó tròn, lốm đốm hoa vàng, hoa nâu. Kỳ to, vi lớn, đuôi dẹp xò ra như cánh quạt, miệng to, hàm rộng, mang phồng. Những con nhỏ nhỏ mà ta trông thấy đã khỏe đẹp lắm. Nó cũng thuộc vào loại kinh nghệ mà sách Trang Tử đã nói đến đến trong thiên “Đại Tiêu Dao”.

(Ông Đạo Lập Quá Hải, trang 358)

(Còn tiếp một kỳ)

(Trích trong Náo Nức Hội Trăng Rằm)

HỒ TRƯỜNG AN

Hãy Gọi Xuân Về

(tặng các bạn già)

Mình đến đây mang theo trời dĩ vãng.
Cả quê hương sâu hận chất ngang đầu.
Xa hết bà con, chỉ còn bè bạn.
Từng thương đau nên biết thương nhau.

Xúm xít lại bầy chim hồng lưu lạc.
Giữa mùa đông giá buốt đón xuân về.
Chợt nhìn lại những mái đầu chớm bạc
Mới hay rằng Xuân đã khóc chia ly.

Từ buổi quê hương chiến trường réo gọi.
Chúng mình đi là hiện cả thời xuân.
Khi bếp ấm máu hồng rơi tắt lửa.
Vạn hồn oan nhớ Tết khóc vang rừng.

Đừng bỏ mùa xuân!
Hãy cứu mùa xuân!

Lòng trai trẻ chưa gọn màu oán hận.
Ra đi là cố giữ mảnh xuân xanh.
Dư tài sức! thể mà thua bút nã.
Đền chim muông cũng bật máu trên cành..

Thôi những mùa xuân!
Rồi những mùa Xuân!

Bóng tối, mùa đông, nát lòng tui nhục.
Cuộc phân ly đau nhức giống Tiên Rồng.
Những vết chém đã nát như tím óc.
Thì sá gì rơi vọt quất ngang lưng.

Chuyện mới hôm qua thể là quên hết.
Chuyện ngàn xưa lại nhớ đến đau lòng.
Không ai nói lẽ nào chim chẳng biết:
Đâu phải chúng mình đánh mất mùa xuân.

Nếu bỏ nước không phải là chạy trốn,
Thì nhọc nhằn bạn rộn chẳng u mê.

Người ở lại vẫn âm thầm tin tưởng
Người ra đi không mất hướng quay về.

Ta đợi gì đây đêm dài đời ngắn.
Gần hay xa, nền cũng thấp hai hàng.
Nếu mỗi một đến vô cùng chán nản.
Thì Đông tàn chưa chắc có Xuân sang.

Xúm xít lại bầy chim hồng lưu lạc.
Xuân đi xa ta hãy gọi xuân về.
Mây đen phủ tất có ngày mưa lớn.
Sẽ có ngày xanh ngát đất trời quê.

Lam Điền Nguyễn Thử

(North Carolina)

*

HOA BƯỚM VƯỜN XUÂN

Xuân về rộn rã khắp muôn nơi
Nước biếc non xanh dệt ý đời
Đàn én vờn quanh trong nắng mới
Em nghiêng mái tóc đón mây trời !

Nguyện ước bên nhau bóng với hình
Yêu trong đầm ấm mộng ngày xanh
Mặn mà hương sắc hoa kê bướm
Bướm lượn cùng hoa đẹp ý tình

Em đưa ánh mắt thả hồn mơ
Bỗng gặp hồn anh đáng ngần ngờ
Ai chọn tơ hồng buông sợi vương ?
Sợi luôn , sợi quấn buộc tình thơ !

Hồng Phúc

(Texas)

HƯƠNG XUÂN

Tiểu-Thu

Buổi chiều đi làm về, nghe mẹ báo tin năm nay nhà mình và nhà bác Minh sẽ ăn Tết chung.

Liên cười trả lời mẹ:

- Càng vui. Xưa nay nhà mình ăn Tết cu ky, buồn thấy mồ.

Buổi tối trong bàn ăn, bà Thuần, mẹ Liên, nói:

-Mới đó mà nhà bác Minh dọn tới khu này gần hai năm rồi. Thời gian đi mau phát sợ luôn! Ở tuổi mẹ, càng mong nó đi chậm bao nhiêu nó lại càng phi nước đại bấy nhiêu. Chẳng mấy chốc mà xuống lỗ!

Bé Uyên, đưa con gái mười ba tuổi của Liên, vội vàng đính chính:

- Đâu có. Con thấy ngoại còn trẻ lắm mà. Ngoại mới sáu mươi hai, bà Minh bảy mươi, còn già hơn ngoại nhiều!

Bà Thuần cười, mắng yêu con bé:

- Mẹ mà! Chỉ giỏi nịnh. Tuổi bà ở Việt Nam, mọi người đã phải gọi bằng Cụ rồi. Ở đó mà trẻ lắm!

Liên ngắt lời:

- Còn một tuần nữa là Tết. Năm nay mẹ có định gói bánh tét như năm ngoái không? Con thấy gói vui nhưng mẹ cực quá. Hay mình đặt dưới tiệm dì Ba cho rồi.

- Ôi, ngoài bữa cơm chiều mẹ cũng đâu có bận rộn gì. Một năm mới có một lần. Hơn nữa mẹ gói bánh tét ba màu, biểu nhà nào họ cũng thích. Để mẹ rủ bác Minh qua gói với mẹ cho vui.

- Mẹ vui là được rồi. Ngày mai thứ bảy, con chở mẹ đi chợ Kim Phát mua những thứ mẹ cần. Bánh mứt năm nay không biết sao, chờ đọc báo thấy hàng Trung Quốc ngán quá!

Tiến, chồng Liên, xen vô:

- Em tính đi. Hồi nào tới giờ em "tiếp thu" bao nhiêu chất độc trong hàng hoá, thực phẩm chế biến từ Trung Quốc? Cứ tưởng ăn chay với đậu hủ là an toàn nhất. Ngờ đâu trong đậu hủ cũng có độc luôn!

Rau, quả cũng đầy thuốc trừ sâu. Thôi, anh xuôi theo tự nhiên. Chừng nào ông trời gọi "Tiến" thì anh dạ. Nếu sợ thì chỉ có nước nhịn đời thôi em à!

- Xời, nói như anh! Hồi nào không biết thì dùng, bây giờ biết rồi cũng phải tránh chớ bộ!

-Cung ơi, thịt bò, thịt heo, thịt gà ở đây họ cũng cho hormone tăng trưởng như điên. Em không thấy ngày xưa ở Việt Nam. Con gái mười bốn, mười lăm mới thấy "kinh" lần đầu. "Mặt tiền" giống như hai cái chũm cau. Con nít bây giờ í há. Chín, mười tuổi đã "có" rồi và thay vì những cái chũm cau, toàn là cam với bưởi không à!

- Trời đất! Sao anh rành sáu câu vậy hả? Liên tròn mắt.

Tiến trả lời tinh bơ:

- Thời "A Công" mà em. Cứ lên mạng là thứ gì cũng có. Cả những "chiện" thâm cung bí sử từ thời ông Bành Tổ. Ngay những phương pháp giết người cũng có luôn mới là khiếp!

Liên nhăn mặt:

- Anh, trước mặt con mà anh nói chuyện ghé quá hà...

Nhưng bé Uyên lại có thắc mắc khác:

- Mẹ à, ông Bành Tổ là ông nào vậy mẹ? Trong lớp con có thằng tên Bành Trung Hiếu.

Liên hắt hàm qua phía chồng:

- Con hỏi ba con kia. Chắc ông rành hơn mẹ!

Tín cười hi hi:

-À, đó là một ông già sống lâu nhất lịch sử nhân loại. Nghe đâu ông sống tới tám trăm tuổi mới chịu khản gói quả mướp về bên kia thế giới. À mà hôm nào con hỏi thằng bạn con, chắc nó rành hơn ba. Thế nào họ cũng có bà con mà.

Nói xong Tiến đứng lên, xin phép mẹ vợ rồi đi ra phòng khách mở TV xem tin tức. Liên nhìn theo, lắc đầu:

- Mẹ coi, ảnh già đầu rồi mà cứ như con nít!

Nhưng bà Thuần cười hiền hậu:

- Nhờ vậy mà vui cửa vui nhà. Ba con hỏi trước nghiêm quá, thành ra tới bữa cơm ai cũng cảm cúi ần. Nhà mình không có tiếng cười như bây giờ. Thôi để chút nữa mẹ gọi điện thoại nói chuyện chơi với bác Minh. Luôn thể rủ bác thứ năm qua nhà mình gói bánh tét với mẹ. Mẹ và bác Minh coi vậy mà có duyên. Ai ngờ hơn nữa thế kỷ còn gặp

lại trên đất nước xa cả nửa vòng trái đất! Nhớ tới chuyện xưa mẹ còn buồn vô cùng! Thương cho bác và cậu hai của con!

Nói xong cặp mắt bà Thuần hơi ửng đỏ. Liên vội vàng gạt ngang:

-Thôi, mẹ nhớ làm gì những chuyện buồn như vậy. Bề nào cậu hai cũng mất rồi. Hơn nữa con thấy bác Minh vẫn vui vẻ chớ có buồn rầu gì đâu! Ở đời ai cũng có số mà. Mà mẹ quên câu "tình chỉ đẹp khi còn dang dở, lấy nhau rồi... nham nhờ lắm em ơi!" hay sao?

Bà Thuần đang buồn cũng phải bật cười. Cái con nhỏ này tếu giống hệt bà hồi trẻ.

-Bà ngoại. Bà ngoại kể lại chuyện ông cậu hai với bà Minh cho con nghe đi. Hôm trước con có nghe mà không để ý lắm. Như là ông cậu với bà Minh ngày xưa bỏ nhau phải không? Bé Uyên nắm tay bà ngoại lắc lắc, miệng cười duyên.

-Khiếp! Con nít con nôi mà nghe chi mấy chuyện này! Liên nhăn mặt.

-Không sao. Mười ba tuổi cũng đâu còn nhỏ nhít gì. Để bà kể cháu nghe. Chuyện bắt đầu hồi bà mới tám chín tuổi gì đó. Gia đình ông bà ngoại ở Sài Gòn, ngay Ngã Tư Bình Hòa. Ông cậu Hai của con năm đó hai mươi tuổi. Bà dì Ba mười bảy. Bà dì hồi con gái đẹp lộng lẫy. Da trắng như trứng gà bóc, mắt mũi đều đẹp như tranh. Mới mười lăm tuổi mà có cả chục chỗ đi coi mắt rồi đó.

Bé Uyên ngây thơ hỏi:

-Mắt bà dì bị gì mà người ta tới coi hà ngoại?

Liên phì cười:

-Coi mắt tức là đến nhà để xem bà dì xấu hay đẹp. Bà dì con nôi tiếng vừa đẹp vừa khéo. Được cả công dung ngôn hạnh nên nhiều người muốn cưới về làm vợ, hiểu chưa!

Con bé nghe mẹ nói một tràng bèn le lưỡi, rụt cổ, tỏ dấu ngạc nhiên:

- Còn bà ngoại, hồi nhỏ xấu hay đẹp hà ngoại?

-Ngoại hả? ngoại vừa đen vừa lùn, răng cò rất là vô trật tự. Nhưng "có diên" nên được mọi người cưng lắm!

Bé Uyên chống tay ngồi nghe. Bà Thuần, cặp mắt mơ màng, như đang sống lại cái thuở còn là một con bé tám tuổi, hàng ngày cắp sách đến

trường Tiểu học Chi Lăng, gần Lăng Ông Bà Chiểu...

...Mẹ có cửa hàng bán gạo ngoài chợ Cây Quê. Ba đi làm ngoài đường Tự Do. Anh Thiên học xong trung Học Pétrus Ký thì ghi tên học y tá. Chị Thu phụ mẹ ngoài cửa hàng. Gia đình có thể nói là êm ấm. Anh Thiên đẹp trai như tài tử xi nê nên được nhiều cô thương thầm. Trong số nữ sinh trong lớp có chị Thu Nguyệt. Chị thấy anh Thiên bảnh quá bèn rủ về nhà giới thiệu cho cô em gái tên Minh Nguyệt. Chị Thu Nguyệt đã có vị hôn phu là một sĩ quan Hải Quân. Trong nhà có ba cô con gái, mà cô nào cũng Nguyệt, nên họ có thói quen chỉ gọi tên lót. Do đó chị Minh Nguyệt được gọi tắt là Minh.

Năm đó chị Minh mười bảy tuổi. Khác với bà chị, chị Minh rất điệu dàng, nhỏ nhẹ. Chị có làn da trắng mịn và mái tóc thề xoắn ngang lưng. Chị hay buộc tóc bằng chiếc băng đô màu tím, khiến khuôn mặt trái xoan của chị càng nổi nà, xinh đẹp quyến rũ. Hàm răng đều, trắng như ngà. Khuôn mặt chị hoàn mỹ biết bao, nếu không có một nốt ruồi đen mọc ngay dưới khoe mắt! Dĩ nhiên trai tài gái sắc gặp nhau là dính như sam. Ba mẹ Thuần theo tây học nên đâu có thèm để ý đến lời "cảnh cáo" của bà chị dâu "Thím tư thấy sao chớ cái nút ruồi trích lệ thương phu này không mấy tốt à ghen". Ông bà trả lời "tụi nó thương nhau là được rồi. Con nhỏ vừa đẹp vừa hiền, tụi em ưng bụng lắm."

Bé Thuần đã từng theo mẹ đến thăm gia đình chị Minh. Nhà họ ở gần Cầu Bông. (Vi thể, sau này cứ nghe người ta hát ai đang đi trên Cầu Bông, té xuống sông ướt cái quần ny lông, là Mỹ Thuần lại nhớ đến chị Minh, lòng rung rung buồn!). Mẹ chị góa chồng và tu tại gia. Bà ốm nhom như con mấm, đầu cạo trọc và mặc áo màu dà, nói năng nhỏ nhẹ. Hai gia đình qua lại rất thân mật và đã ngầm nhận nhau là sui gia. Chị Minh đến nhà Mỹ Thuần, xuống bếp nấu nướng thoải mái như ở nhà chị. Anh Thiên châu đặng xóm Cầu Bông nhiều hơn xóm Bình Hòa. Hai nhà hứa hẹn khi anh Thiên ra trường sẽ làm đám cưới.

Nhưng (chữ nhưng thật đáng ghét!) đùng một cái ông nội dưới quê đau nặng. Chú út của Mỹ Thuần đưa ông cụ lên nhà thương Saint Paul. Họ

khám phá ra ông bị ung thư cổ họng. Điều trị gần một năm bệnh tình vẫn không thuyên giảm. Cuối cùng gia đình đành đem ông cụ về quê tịnh dưỡng... Một mình chú Út không thể vừa săn sóc cha vừa trông nom ruộng vườn, nên theo lệnh ông nội, gia đình Mỹ Thuận phải dọn về quê. Trừ anh Thiên đang học dở dang, phải ở tạm nhà người bác. Cô bé Mỹ Thuận và con bạn hàng xóm tên Kim Chi khóc mũi mẫn ngày cả nhà chất nhau lên xe rời Sài Gòn. Nhưng người buồn nhất có lẽ là mẹ. Công lao bà gầy dựng nên cửa nên nhà, bây giờ phải bán đồ bán tháo cho người ta! May mắn lúc đó dân di cư vào rất đông, vừa để bán là có người mua ngay.

Tuổi trẻ mau quên, nên sau một thời gian ngắn là bé Thuận lại tiếp tục vui đùa với những người bạn mới và học hành bình thường. Chị Mai Thu có người đi hỏi. Ba mẹ bằng lòng ngay, vì anh Phú đúng điệu là một trang nam tử hán! Anh cao lớn, cặp mắt sâu sáng quắc dưới hàng lông mày rậm. Cái miệng nói chuyện dẻo quẹo, nhưng mà thứ dẻo quẹo thiệt tình chớ không phải giả dối. Ngoài nhân vật chính là chị Mai Thu yêu anh da diết, hầu như cả họ đều thích anh nên đám cưới được tổ chức thật linh đình. Có một điều ông nội không mấy hài lòng, là gia đình anh Phú không được môn đăng hộ đối!

Anh Thiên sau khi ra trường về làm việc bên Long Xuyên. May quá, nơi đây có nhà bà cô của chị Minh. Ông bà không con, nên cưng anh Thiên như trứng mỏng. Thương yêu, săn sóc anh không khác con ruột. Bệnh tình ông nội càng ngày càng tăng. Ông sợ chết trước khi thấy mặt cháu dâu, nên thúc ba mẹ cưới vợ cho anh Thiên gấp. Khi trình với ông nội rằng sẽ cưới chị Minh Nguyệt cho anh Thiên, thì ba mẹ gặp ngay sự phản đối mãnh liệt! Tuy giọng ông thù thảo nhưng không kém phần cương quyết:

-Tao không muốn thằng Thiên cưới con gái Sài Gòn (!). Hai nữa con nhỏ đó tuy đẹp nhưng có cái nút ruồi trích lệ thương phu. (Xui cho chị Minh, khi ông nội còn nằm nhà thương Saint Paul, anh Thiên có dẫn chị vô thăm nên ông mới thấy cái nút ruồi của chị!). Vợ chồng bây có một thằng con trai, chắc bây hông muốn nó chết yếu chớ hả? Tao đã ngắm con Kim, con gái chú hai Lễ bên Hòa An rồi. Con nhỏ bằng tuổi con Thu nhà mình, mà giỏi lắm,

chăn dắt nguyên một đàn em sáu đứa. Trước đây tao có nói hơi hơi với chú hai Lễ rồi. Họ bằng lòng lắm.

Mẹ Thuận kêu lên thảng thốt:

- Cha à. Con thấy chị hai Lễ để sòn sòn năm một...

Ông nội trợn mắt cắt ngang:

- Bây nói gì kỳ vậy. Con một phải cháu bầy. Bầy vốn vẹn có một thằng con, phải có ít nhứt năm bầy đứa cháu. Hai đứa con gái đâu có ở với mình suốt đời. Bầy mà cãi tao là tao từ đó đi!

Anh Thiên được triệu về gấp để hỏi ý kiến. Trước cái tin sét đánh anh cũng muốn xiu luôn! Mấy ngày liền anh năn nỉ ông nội, nhưng ông vẫn một mực lắc đầu. Anh định bỏ nhà lên Sài Gòn, nhưng thấy mẹ khóc lóc năn nỉ quá, sau cùng anh phải cắn răng vàng lời ông nội đi cưới chị Kim.

Anh Thiên không dám gặp cô chị Minh. Anh viết cho hai ông bà một lá thư, nhờ thằng con chú Út cầm qua Long Xuyên và thu dọn đồ đạc mang về cho anh. Theo lời thằng Trung kể lại thì khi đọc xong bức thư, cô chị Minh ngã lăn ra...xiu ! Lúc tỉnh lại thì khóc như mưa sa bão táp. Anh Thiên và mẹ nghe xong cũng khóc quá trời! Nhưng người muốn mà trời định. Mà con người thì vốn nhỏ nhoi, địch sao lại với ông Trời!

Ít lâu sau ông nội ra đi với gương mặt thanh thản và nụ cười mãn nguyện. Có ngờ đâu, để ông vui lòng mà bao nhiêu con tim tan nát. Cuộc tình tưởng đẹp đã trở thành đau thương, ai oán!

Một năm sau chị Minh lấy một chàng trung úy Hải quân, bạn của ông anh rể. Anh này yêu chị Minh từ lâu, nhưng trái tim của chị đã trao cho người khác. Khi thấy chị Minh đau khổ vì bị anh Thiên bội ước, anh chàng đã đưa bờ vai rắn chắc của mình cho người đẹp mượn đỡ. Cuối cùng chị Minh cũng cảm động và nhận lời cầu hôn của anh ta.

Trời xui đất khiến một lần anh Thiên qua Long Xuyên thăm vợ chồng bà cô chị Minh (lúc này đã nguôi giận!). Đúng lúc chị cũng đang có mặt ở đó. Chị sững sờ nhìn anh mấy giây, rồi vội vàng bế con chạy vào buồng, khóc ngất. Gọi gì cũng nhất định không chịu ra. Anh Thiên trở về nhà mà mà lòng nát như tương!!! Thuận không biết chị Minh

có thật sự hạnh phúc với chồng không, nhưng phần anh Thiên thì cứ sống với chị Kim một cách ơ hờ. May mà chị Kim tính tình hiền hậu, chất phác. Lấy được anh Thiên là mãn nguyện, chả cần thắc mắc, suy nghĩ sâu sa. Cứ thế mà đề sồn sồn năm một như bà mẹ của chị. Chắc ông nội dưới suối vàng rất hài lòng!

Giờ đời cứ trôi, con người vẫn sống, dù cuộc đời có êm xuôi hay nghiệt ngã. Tháng Tư bảy năm, tai họa đổ ụp xuống miền Nam. Gia đình tan tác, chia lìa. Anh Thiên là chủ tiệm ăn nên không phải đi học tập. Anh Phước, chồng chị Mai Thu và Khanh, chồng của Mỹ Thuần là quân nhân cấp tá nên bị đưa đi học tập tận ngoài Bắc. Vùng khí hậu cò gáy, khí hậu khắc nghiệt Hoàng Liên Sơn. Ở lại Sài Gòn, hai chị em nương tựa nhau, buôn thúng bán mẹt để vừa nuôi con vừa nuôi chồng học tập cải tạo. May mà Mỹ Thuần chỉ có một đứa con gái là Mỹ Liên. Sau mấy năm lặn lội chợ trời, Mỹ Thuần cũng có được chút vốn. Sẵn dịp gia đình ông anh chồng vượt biên, cô gọi bé Liên đi theo, năm đó bé được chín tuổi. Gia đình người anh chồng chỉ có hai con trai nên cưng cháu như con ruột.

Nhờ học tập "tốt" nên mười năm sau, chồng Mỹ Thuần được Đảng khoan hồng, đem cái thân xác xơ, bệnh tật về đoàn tụ với gia đình. Mỹ Liên đã vào quốc tịch Canadienne, vội vàng lập hồ sơ xin cho ba mẹ qua theo diện đoàn tụ. Gặp lại đứa con gái thân yêu nay đã là một thiếu nữ dậy thì xinh đẹp, Mỹ Thuần khóc như mưa. Nhưng là những giọt nước mắt hạnh phúc tràn bờ!

Những tưởng từ đây không gì có thể chia rẽ họ được nữa. Vậy mà cách đây năm năm, ông Khanh đã qua đời vì ung thư gan. Cũng may ông đã nhìn thấy gia đình hạnh phúc của đứa con gái cưng độc nhất. Từ đó vợ chồng Mỹ Liên mời mẹ về ở chung với họ...

Cách đây mấy tháng, bà Thuần đi chợ Kim Phát. Đang lựa những chùm trái vải đỏ tươi, mọng nước, bà chợt nhìn qua người đàn bà đứng tuổi bên cạnh. Có một cái gì đó khiến bà thấy lẩn cảm trong lòng. Hình như bà đã gặp người này ở đâu rồi, nhưng ở đâu? Chắc chắn không phải ở đây. Chắc như vậy. Lúc đứng sắp hàng trả tiền, ngẫu nhiên bà ta lại đứng ngay phía sau. Bà Thuần làm ra vẻ tự

nhiên bất chuyện với bà nọ. Thì ra họ cùng ở St Léonard. Hai nhà cách nhau độ năm phút đi bộ. Coi như hàng xóm mà không bao giờ gặp nhau kể cũng lạ! Cái nốt ruồi dưới khóe mắt? Chưa kịp nghĩ tiếp thì tới phiên trả tiền. Đẩy xe thức ăn ra parking rồi mà bà Thuần còn nần nã đợi chưa muốn đi. Thấy bà ta ra tới nơi, bà Thuần vội nói:

-Hai chị em mình coi như hàng xóm. Nếu không phiền em xin số phon của chị, chị lấy số phon của em. Hai chị em mình thỉnh thoảng gọi nhau cho vui. Em tên Thuần. Mỹ Thuần. Chị cho em biết quý danh được không?

Có lẽ tên Mỹ Thuần cũng gọi cho người đàn bà lớn tuổi kia một cái gì đó, nên bà ta nhìn bà Thuần có vẻ chăm chú hơn:

- Tôi tên Minh Nguyệt.

Chữ Nguyệt vừa thoát ra khỏi miệng bà ta là bà Thuần đã ào tới ôm bà ta chặt cứng, méo máo:

-Trời ơi, chị Minh. Em là Mỹ Thuần, em của anh Thiên nè!

Nước mắt hòa trong nước mắt. Hai người chỉ biết ôm nhau khóc mùi mẫn. Mặc kệ những cặp mắt tò mò, kinh ngạc đang trở ra nhìn. Đến chừng có tiếng một người đàn ông cất lên, hai bà mới giật mình buông nhau ra.

-Mẹ! mẹ ...làm gì mà khóc dữ vậy?

Bà Minh lau nước mắt, gượng cười, miệng méo xệch: - Á Tú. Đây là di Thuần. Còn đây là Tú, con trai của chị.

Người đàn ông trạc năm mươi. Mặt mũi có vẻ hiền hậu, nhìn bà Thuần chăm chăm:

-Dạ chào di. Cháu là Tú. Chắc di và mẹ cháu quen nhau từ bên Việt Nam, hôm nay mới gặp lại?

Bà Thuần chưa kịp mở miệng thì bà Minh đã vội đỡ lời:

-Ồ, Di với mẹ hồi xưa ở cùng xóm. Thôi chị về. Rồi chị sẽ điện thoại cho em nghen.

Bà Minh ôm siết bà Thuần, thì thầm:

-Chị không muốn cháu Tú biết chuyện xưa. Em thông cảm cho chị. Trao đổi số điện thoại xong, bà Minh theo con trai ra xe. Bà Thuần đứng đó, nhìn theo bóng người xưa của ông anh, lòng bồi hồi khôn tả! Buồn vì nhớ tới người anh quá vắng đã mấy năm. Vui vì dù sao bà Minh cũng là một phần dĩ vãng của bà. Kỷ niệm dù vui, dù buồn

MÙA XUÂN TRONG MẮT EM

1

Nghiêng cả mùa Xuân trong mắt Em,
qua vòng tay ấy, tình anh còn buộc chặt,
trong sương khuya tóc ủ vai mềm,
trong những niềm vui ngồi ánh sao đêm

2

Quyến luyến bên nhau rất tự nhiên,
Em có còn hoang dại nét trinh nguyên?
Anh vẫn là ngọn hải đăng trong mưa bay
bão chuyển
cho cánh buồm ra khơi chưa định bến.

3

Bài thơ viết bên cây xương rồng tua tủa gai,
nói về một loài hoa trên trên lối cỏ sương mai.
Muốn biến Em thành giai nhân khuynh quốc,
để anh không còn cô độc.

4

Nếu Ronsard cho Hélène bắt từ
qua những vần thơ chau chuốt từng câu
Nếu là anh, cho em tình tự
đến bạc đầu...

VIỆT BẰNG

- Pierre de Ronsard (1524-1585), tiền thân
của Thi Ca Lãng Mạn Pháp Thế kỷ 18-19,
là một nhà thơ của tình yêu, nổi tiếng với
Sonnets pour Hélène (1574).

vẫn đẹp. Nhớ lại thì lòng cũng thấy xuyên xao.!

Về nhà bà Thuần kể ngay cho Mỹ Liên nghe
cuộc hội ngộ kỳ thú vừa qua. Tối đó com nước
xong, dẫn lòng không được, bà Thuần nhắc phôn
gọi cho bà Minh. Hai người ti tê tâm sự cả tiếng

đồng hồ. Thì ra ông Tuấn, chồng bà Minh sau này
lên tới Trung Tá Hạm Trường. Hai người có ba đứa
con. Một trai, hai gái. Tú may mắn được bố mẹ cho
sang Canada du học trước ngày mất nước. Chồng
bà Minh bỏ xác trong trại cải tạo. Chính Tú là
người bảo lãnh bà và hai cô con gái qua Canada.
Trước kia Tú có vợ người bản xứ. Nhưng hai người
đã ly hôn và bà Minh về ở với con trai cho tới bây
giờ. Bà săn sóc con trai và hai đứa cháu nội. Bà
Thuần không nén nổi, đưa ra câu hỏi mà trong lòng
bà vẫn thắc mắc từ lúc gặp lại bà Minh:

- Chị à, em hỏi thật chị đừng giận nha. Có khi
nào chị nhớ tới anh hai của em không?

Sau mấy giây yên lặng, có tiếng cười khẽ từ
đầu giây bên kia:

- Cô này thiệt tò mò! Nếu chị nói không thì thật sự
đổi lòng. Dù sao anh Thiên cũng là mối tình đầu của
chị. Em còn nhớ bản nhạc Sầu Lẽ Bóng của nhạc sĩ
Anh Bằng hay không?

Người ơi khi cố quên là khi lòng nhớ thêm,
Giờng đời là chuỗi tiếc nhớ...

.....
Đời việc gì đến sẽ đến,

Nhưng ai bạc bẽo mình vẫn không đành lòng quên!

Tuy là anh Tuấn yêu chị thiết tha, nhưng con
tim trong trắng của chị đã bị thương tổn. Rồi vết
thương nào cũng thành sẹo em à! Thật tình chị
không trách anh Thiên. Có đứa cháu nào nỡ trái ý
người sắp lia đời. Nếu là chị, chị cũng sẽ hy sinh
hạnh phúc của mình như anh hai em thôi. Chính vì
nghĩ như vậy nên chị không hề oán hận anh ấy. Mà
thôi, chuyện đã qua hơn nửa thế kỷ rồi. Chúng ta
đều đầu hai thứ tóc. Cho nên việc gì cũng phải xem
nhẹ. Từ lâu rồi, tâm hồn chị rất là an lạc, thanh thoi.

-Nghe chị nói vậy em rất mừng. Em sợ chị vẫn
còn giận anh hai em. Thứ bảy tới em mời chị và các
cháu tới nhà em ăn bánh xèo nghen. Cái xanh em
trồng trong vườn bảo đảm là ngon.

Bà Minh vui vẻ nhận lời. Và kế tiếp là những
bữa cơm thân mật khi thì nhà bà Minh, lúc lại nhà
bà Thuần. Hai bà tỏ ra rất tâm đắc...

*

-Ngoại ơi, chuyện của bà Minh với ông cậu hai
tội nghiệp quá hả bà. Ông nội của ngoại sao méchant

quá hà. Nếu là con, con không chịu đâu! Bé Uyên dẫu mở nói với ngoại. Bà Thuần cốc đầu con bé:

- Con có biết ngày xưa áo mặc không qua khỏi đầu hay không? Ở đó mà không chịu! Thôi, năm nay nhà mình tổ chức ăn tết thật to nha. Bà ngoại sẽ gói mười đòn bánh tét nè, sẽ làm chạo tôm nè, gói gỏi sen, bạch mộc nhĩ trộn tôm thịt nè...

-Thịt kho nước dừa ăn với dưa giá. Con mê món đó của ngoại làm. Bé Uyên ngắt lời bà Thuần.

- Ủ, thì thịt kho nước dừa. Mà con nhớ tiếp đãi hai đứa cháu bà Minh cho thật tốt nghen. Hôm trước ngoại thấy con la con Alice làm nó khóc.

-Tại nó phá đồ của con, Bé Uyên nhăn mặt. Mà thôi lần này Tết, con sẽ không la nó nữa.

*

Đúng bảy giờ có người bấm chuông. Bé Uyên xinh xắn trong chiếc áo dài gấm màu hồng đào, nổi những đóa mai, lan, cúc trúc màu vàng ánh. Mái tóc thắt hai cái bím cột ru băng hồng, chân mang hài cũng màu hồng, chạy ra mở cửa. Cả nhà bốn người của bà Minh mặc áo măng tô từ đầu tới chân đi vào, xuýt xoa vì lạnh. Tiến từ trong nhà chạy ra bắt tay Tú, rồi treo những chiếc áo lạnh dày cộm vô tú, xong mời mọi người vào phòng khách.

Bà Minh hôm nay thật đẹp trong chiếc áo dài gấm Thượng Hải màu xanh đậm. Cổ đeo chuỗi hạt vàng. Mái tóc nhiều muối hơn tiêu được bới gọn ra phía sau, để lộ đôi bông cắm thạch xanh biếc. Bà trang điểm thật nhẹ nhàng nhưng trông rất sang trọng. Hai đứa cháu nội mặc đầm. Chúng cứ theo rờ rẫm chiếc áo dài của bé Uyên, tỏ vẻ thích lắm. Bà Thuần từ trong phòng ăn đi ra. Ở tuổi sáu mươi hai, nhưng trông bà còn rất mượt mà trong chiếc áo dài màu tím hoa cà, có thêu những đóa mimosa vàng rải rác. Bà đeo toàn bộ nữ trang bằng hạt trai. Tóc cắt ngắn thật đơn sơ nên trông bà trẻ hơn tuổi thật rất nhiều. Mỹ Liên cũng mặc áo dài gấm màu vàng hoàng hậu, đeo nữ trang Chanel cho có vẻ tân thời.

Tiếng chào nói, chúc tụng dòn tan như pháo nổ. Giữa phòng khách là chiếc đợc bình bằng sứ, cắm những cành đào hoa nở bung khoe sắc hồng tươi thắm. Cúi trong lò sưởi nổ tí tách, ánh lửa đỏ nhảy múa trông thật ấm cúng. Bà Thuần mời mọi người qua phòng ăn. Dưới ánh đèn pha lê lung linh sáng, những đĩa thức ăn được bày kín trên chiếc

bàn dài phủ khăn màu trắng tinh. Chỉ mới nhìn thôi đã thấy ngon, bà Minh không ngớt xuýt xoa! Những cây chạo tôm bọc mía nướng vừa vàng, được xếp nằm khéo léo trên những lá sà lách xanh non. Đĩa gỏi gỏi sen, bạch mộc nhĩ, tôm, thịt được Mỹ Liên trang trí thêm bằng những bông hoa khắc từ cà rốt, radis thật mỹ thuật... Nhưng đặc biệt hơn cả là đĩa bánh tét. Những khoanh bánh được cắt ra, xếp ngay ngắn trong chiếc đĩa sứ màu trắng, càng làm tăng nét đẹp của màu sắc trong chiếc bánh. Vòng ngoài cùng, nếp trộn lá dứa nên có màu xanh cam thạch. Vòng kế, nếp trộn lá cẩm có màu tím. Vòng thứ ba là đậu xanh bóc vỏ màu vàng tươi và chính giữa là thịt heo ướp vừa miệng. Ăn miếng bánh vừa thơm, vừa bùi vừa béo. Món này bà Thuần học được từ người cô, lấy chồng miệt Sa Đéc. Nghe đâu những bà thuộc diện khéo vô địch, khi cắt ra, chính giữa khoanh bánh còn có chữ Thọ. Mực này thì bà xin chào thua!

Tú có đem một cặp rượu Champagne để uống mừng ngày Tết tha hương. Cũng là để mừng cuộc trùng phùng hy hữu của hai bà "hàng xóm" ngày xưa bên Việt Nam. Trước khi cầm đũa, Champagne được rót vào những chiếc ly pha lê trong vắt (cánh nhĩ đồng chỉ được uống coca!). Mọi người nâng ly, trao nhau những lời chúc tốt lành nhất cho năm mới. Trên môi là những nụ cười rạng rỡ, nhưng trong khoé mắt của hai bà mẹ lấp lánh những giọt lệ. Trong lòng hai bà đang dâng trào một niềm hạnh phúc khó tả. Lâng lâng như sương khói (mà chắc chắn không phải vì ép phê của rượu Champagne!). Tuy ngoài trời tuyết lát phát rơi, nhưng trong ngôi nhà ấm cúng, hương xuân vẫn ngào ngạt trong lòng mọi người...

Bé Uyên không quên nhắc nhở:

-Ngoại, ba mẹ, đừng quên tiền lì xì cho Alice với Aline à nha.

Bà Thuần cười:

-Con nhỏ này. Bữa nay sao hiền quá vậy kìa!

Bé Uyên nháy mắt:

- Hôm nay Tết mà ngoại!

Tiểu- Thu
(Canada)

Thơ Đường Mở Rộng

DƯƠNG HUỆ ANH

Luật Thơ Đường (hay Đường Thi) vốn chặt chẽ, phần đông ai cũng biết.. Bài thơ có 8 câu, mỗi câu 7 chữ, phải hợp niêm luật, vận. Rồi nào là Nhập đề, Phá đề, Thực, Luận, Kết ... kể cũng khó nhớ và áp dụng thuần thục, nếu không chịu khổ luyện, mất thời giờ.

Lúc còn nhỏ, tập làm thơ, chúng tôi không dám mó đến loại thơ này, vì thật sự là khó nuốt; làm thơ theo các thể lục bát, ngũ ngôn ... coi bộ dễ hơn (chưa phải là hay!)

Thực ra thì luật thơ do tiên nhân đặt ra là để giúp cho những người thích-thơ làm thơ dễ dàng hơn, cũng như người lái xe, cứ theo đúng luật mà lái thì an toàn hơn và đỡ bị cảnh sát công lộ hỏi thăm, túi tiền bớt bị hao hụt vô có.

Nhưng không phải ai cũng theo đúng luật thơ (vì không ai bó buộc cả!), nhiều thi gia nổi tiếng xưa, nay vẫn thường bất cần luật (phá luật), khi làm thơ, có thể tạm kể, một số thi nhân đời Đường (từ Thế Kỷ 6), như Lý Bạch, Thôi Hiệu, Nguyễn Du... và ở Việt Nam gần đây, chúng tôi nhớ có Quang Dũng, Hoàng Cầm, Hà Thượng Nhân, Tản Đà ...Tiêu biểu là những bài thơ: Hoàng Hạc Lâu, Anh Vũ Châu, Khúc Giang, Độc Thanh Ký ...(Xin xem bài viết của nữ sĩ Huệ Thu về những Phá cách trong Thơ!).

Tuy nhiên, không phải lúc nào các thi ông này cũng phá luật, mà chỉ bỏ quên luật trong những trường hợp tối cần thiết, khi muốn cho bài thơ được tự nhiên, làm cho bài thơ hay hơn.

Dù thế nào, bài thơ Đường luật, với 8 câu, 7 chữ, và những qui lệ chặt chẽ như vậy, cũng khó diễn tả đầy đủ đề tài, nếu bút pháp không tinh luyện, và như thế phải đòi hỏi thời gian.

Ở tuổi ba mươi, chúng tôi bắt đầu tập làm thơ Đường, khởi bằng cách học thuộc những bài thơ nổi tiếng trong quyển Việt Nam Văn học sử yếu của giáo sư Dương Quảng Hàm, - cốt nhất nhớ đúng niêm luật bài thơ - rồi sau bắt chước làm và so sánh với các bài mẫu, dần dần cũng quen đi, nhưng chắc không có giá trị bao nhiêu.

Cách đây gần 50 năm, nhân có dạy kèm ái nữ thi lão Đông Xuyên, chúng tôi có dịp nhờ ông xem và phủ chính một số thơ Đường, và đã được ông edit thật tinh. Ông không chê gì, nhưng chỉ nhắc là thanh niên phải có “chí lớn”, đừng quá yếu đuối với đám quần hồng (phụ nữ!).

Ngay hồi đó, người viết có thua với thi lão là có nên mở rộng cơ cấu thơ Đường không vì phạm vi hạn chế của nó, thì ông lắc đầu. Thi lão Đông Xuyên có tiếng là nghiêm ngặt, ngay cả thi sĩ Trình Xuyên (mất năm 1996), cũng xác nhận, nhưng có lẽ nhờ vậy mà sau này nhà thơ họ Trình đã được đánh giá cao về thơ Đường.

Đang trong hoàng hôn của cuộc đời, chúng tôi, nhờ hoàn cảnh đặc biệt, vẫn còn làm bạn với các nàng thơ Đường, và không cảm thấy khó khăn khi sang tác, vì đã tìm ra một lối thoát: *mở rộng phạm vi* của nó, thay vì 8 câu như thường lệ, đã thêm 4 câu, nối vào phần sau của bài thơ (thành ra bài thơ sẽ có 12 câu).

Về niêm luật, coi như là lập lại mấy câu 5-8 của bài thơ. Xin không dám nói về sự hay dở của đoạn văn đó, mà chỉ xin đưa ra để thí nghiệm. Xin được nghe ý kiến đóng góp của các bạn đọc và thức giả.

Trân trọng,

Dương Huệ Anh

San Jose 10/12/08

VÀI BÀI THƠ MẪU

QUẦN HỒNG... BÁU VẬT?

Quần hồng là báu vật trời ban,
Để giải sầu, nhưng dễ kết oan!
Nếu cứ đắm chìm trong thị dục,
Thì rồi loạn động cả tâm can!
Cái thân gọi cảm đây ô ứ,
Cái lưỡi dong đưa, khó luận bàn.
Theo luật tự nhiên, vui sống khoẻ,
Bà Khôn, cần phải có ông Càn!
*Tình luôn biến động, luôn thay, đổi,
Đời có thủy, chung, có hợp, tan!
Quả dục, thanh tâm, là lạc phúc,
Thủ hình. luyện khí, khá gian nan.*

DƯƠNG HUỆ ANH

08/12/08

CÁI KHỔ VÌ YÊU

Cái khổ vì yêu, khổ nhất đời!
Thần phùng, diệu pháp, biết nhờ ai?
Cảm ơn Phật chỉ con đường Giác,
Thâm phục Ngài nêu cách độ đời!
Bất tịnh, quán thân người ứ trước,
Vô thường, thương vạn hữu tan, rồi!
Vô ngã, nó, ta là giả tạm,
Từ Bi phổ, độ cả trong, ngoài!
*Đã coi tất cả là hư ảo,
Tan, hợp buồn chi cảnh Chợ trời!!
Cát bụi trở về, ôi cát bụi,
"Cái gì rồi cũng sẽ qua" thôi!! **
DƯƠNG HUỆ ANH

* Thơ Thương Hoài Thương.

** 4 câu sau này phá luật, đọc cho êm.

9/12/08

*** Sẽ xin trở lại, khi có điều kiện. Trân trọng.

Buddy Photo

Fully Digital Photofinishing Lab

7238 Arlington Blvd. Falls Church, Va 22042

703-698-9595

Rửa hình trong vòng 1 giờ (từ phim hay digital files)

- Phóng hình lớn - Chụp hình passport, thẻ xanh
- In photo business card - In hình từ phim slide v.v...

**Wedding Photography &
Video Production**

Xin gọi: Khánh Trần hay Hiếu Nguyễn

703-698-9595

571-278-0771

VŨ HỐI: KỸ THUẬT TẠO “HỒN” TRONG THƯ HỌA

(Phần Hai)

Tham khảo: Nghệ Thuật Thư Họa của Vũ Hối.
NXB: EM Magazine, EMMEKONG, INC. 2007

Hải Bằng.HDB

*

Vũ Hối vốn là một giáo sư hội họa kiêm thi sĩ. Năm 1989, nhờ quốc tế can thiệp, ông được nhà cầm quyền Hà Nội phóng thích. Ông qua Mỹ năm 1992 và hiện nay (2008) là một nhà thư pháp tâm vóc thế giới.

Bằng tác phẩm “Mộng Hòa Bình”, ông chiếm giải Khôi Nguyên “Kennedy’s Prize” năm 1963 với sự tham dự của 32 thư pháp gia thế giới và được vinh danh về “Tinh Sáng Tạo Nghệ Thuật” trong Đại Hội Mỹ Thuật Thế Giới năm 1994 tại Atlanta, Hoa Kỳ. Ông cũng được Quốc Hội Hoa Kỳ vinh danh là Chiến Sĩ Văn Hóa và Chiến Sĩ Nhân Quyền.

Tên tuổi của ông được ghi trong nhiều tự điển như cuốn tự điển *Thư Đạo của Nhật Bản* (2006) và trong *Dictionary Of Internaitonal Biography (tập XXVI) của The International Biographical Centre, Cambridge, England* (1998).

Vũ Hối đã từng dùng thư họa viết câu nói nổi tiếng của TT John F. Kennedy: “Ask not what your country can do for you. Ask what you can do for your country. (1963)”, dịch là: “Đừng hỏi đất nước có thể làm gì cho bạn. Hãy hỏi bạn có thể làm gì cho đất nước”. Ông cũng đã vẽ chân dung Đại Tướng Creighton W. Abraham (1970).

Ông là người sáng lập ra trường phái *Painting in Motion (Họa Động)* và *Thư Pháp Họa*.

*

Kỹ Thuật Tạo “Hồn” trong Thư Họa của Vũ Hối

Nói chung, viết thư pháp cho đẹp thì nhiều người cũng có thể viết được, nhưng viết cho “mát con mắt”, cho có “hồn”, ai ngắm cũng phải trầm trồ thích thú thì hiếm có người viết được như vậy. Không thiếu những bức thư pháp nhìn vào chỉ thấy những đường nét muốn như rối loạn hay loạng quạng hoặc thiếu cân đối, không tạo được một cảm xúc nào.

Nhà thư pháp Vũ Hối đã tìm tòi và tự tạo cho mình những dạng chữ đặc biệt để viết thư họa khiến cho những bức thư họa của Vũ Hối thu hút được cảm quan của người ngắm. Gần đây (khoảng tháng 7, 2008) trong dịp gây quỹ ở Fairfax, VA, nhân ngày tưởng niệm Hòa Thượng Thích Huyền Quang mới viên tịch, hai bức thư họa của Vũ Hối đấu giá được 1500 Mỹ Kim. Tất cả số tiền đó được xung vào quỹ yểm trợ.

Bức thư họa viết bài thơ của Hòa Thượng Thích Quảng Độ được đấu giá 1000 Mỹ Kim có nội dung như sau:

**Thân ta trong chốn lao tù
Tâm ta vàng vạc trắng thu mặt hồ
Bao trùm khắp cõi hư vô
Lao tù đâu thể nhiễm ô thân này?
Mặc cho thế sự vẫn xoay
Tâm ta vẫn chẳng chuyển lay được nào**
(Thư họa: Vũ Hối)

Để tạo vẻ đẹp cho bức thư họa, Vũ Hối phải cầu cứu tới thiên nhiên bởi lẽ thiên nhiên vốn là Mẹ của tất cả những vẻ đẹp. Vũ Hối vốn là một nhà nhiếp ảnh nên ông luôn luôn đi săn tìm những vẻ đẹp sẵn có trong thiên nhiên để sao chép ứng dụng trong thư họa và trong kỹ thuật Họa Động (Painting in Motion) của ông.

Ai lại không biết vẻ đẹp của lửa (hỏa) khi leo lắt hay khi bùng bùng cháy? Ai lại không thấy vẻ đẹp của nước (thủy) lăn tăn trên mặt hồ? Ai lại không thấy tâm hồn rung động khi ngắm cành trúc la đà, lá trúc khua xào xạc? Và, ai lại không thấy man mác buồn khi ngắm áng mây (vân) trôi? v.v.

Vâng, những nét đẹp thu hồn ấy của Mẹ Thiên Nhiên đã được thư họa gia Vũ Hối sao chép lại và đưa vào Thư Họa để tạo ra những dạng chữ mà ông gọi là: Hỏa Tự, Thủy Tự, Trúc Tự, Vân Tự, v.v.

Với những câu hay lời nói hừng hực lửa chí khí thì Vũ Hối dùng Hỏa Tự với màu sắc đỏ quạch và nét bút chập chờn như ánh lửa để viết. Chẳng hạn,

**Thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm Vương
đất Bắc**

Hay

Ngàn năm hừng hực lửa da vàng

Với những câu gợi tình, Vũ Hối dùng Trúc Tự với màu xanh lá cây để viết, như câu:

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương

Với những câu liên quan tới sông nước, Vũ Hối dùng dạng Thủy Tự với màu lam để viết, như câu:

Thuyền ra giữa bến thuyền dưng

Ai đi thương nước, nửa chùng lại thôi?!

Trách ai tình nước như vôi

Thù nhà, nợ nước buông trôi giữa dòng

(Thơ của Vũ Hối)

Để hiểu thêm về kỹ thuật thư họa của Vũ Hối, xin hãy đọc bác sĩ Lê Văn Lân Houston, TX) bàn về Thư Pháp trong cuốn Nghệ Thuật Thư Họa của Vũ Hối như sau (tr. 13):

Tôi muốn nhắc sơ lược lịch sử tiến triển của Thư Pháp cổ điển Trung Hoa trước khi nói đến Thư Họa của Vũ Hối.

Trên thế giới, về Thư Pháp chỉ có Trung Hoa và các nước Á Đông xưa là dùng bút lông, còn các nước khác thì phần lớn đều dùng ngòi bút cứng (bằng lông ngỗng hay bằng ngòi kim khí đủ cỡ, đủ loại). Tác giả Arthur Baker có khám phá ra ở thành phố La Mã ngày xưa cũng có dùng bút lông để viết những chữ La Mã. Đây là sự khám phá năm 1763 trên sự khai quật di chỉ của thành phố Pompei bị núi lửa Vesuvius phun ra và chôn vùi vào lòng đất năm 79. Chữ viết bằng bút lông được viết trên các bảng hiệu buôn hay các câu khẩu ngữ. Nhưng theo ông Baker, bút lông La Mã phần lớn là bút lông đẹp, mũi bằng, chứ ít dùng bút lông tròn, mũi nhọn như các nước Á Đông thường dùng.

Cần nói rõ thêm điểm này vì nó liên quan đến nghệ thuật thư họa của Vũ Hối qua sự dùng bút lông chứ không dùng bút ngòi cứng như nhiều văn, thi sĩ Việt Nam đã dùng để trình bày tác phẩm của họ, như Cao Tiêu, Võ Đình, hay Thi Sĩ Phạm Văn Toại với bút hiệu Bông chẳng hạn ... Ông Arthur Baker đã dùng ngòi bút lông để viết chữ Latin với những nét có đường sọc dọc do ngòi bút lông để lại. Phương pháp của ông là Dry Brush Calligraphy tựa như lối Can Bút của Trung Hoa. Can bút tức là “bút khô”, ngòi bút chỉ chấm mực vừa phải rồi tiếp tục viết cho đến khi nó khô ráo mực ... Lối Can Bút phải viết thật nhanh, ngòi bút lướt qua trên mặt giấy nên để lại nhiều đường sợi trắng xen kẽ với những đường sợi đen của mực, nên người Trung Hoa gọi là viết Phi Bạch. Ngòi

bút lông của Arthur Baker là bút mũi dẹt chứ không tròn và có mũi nhọn như bút lông Trung Hoa, nên chữ viết của Arthur Baker vẫn phải giữ những góc cạnh kỹ hà học của Thư Pháp Tây Phương. Arthur Baker cũng thử dùng ngòi bút kim khí để tạo ra chữ viết có dạng đậm, nhạt ... của Trung Hoa nhưng trông có vẻ cứng. Độ cứng của ngòi bút đã ảnh hưởng rõ ràng trên những nét viết của Trung Hoa. ...

Trong lối Thư Họa của Vũ Hối, ông đã tận dụng ngòi bút lông để viết những chữ đương nhiên là khác hẳn lối viết bằng ngòi bút kim loại. Do sự uyển chuyển của ngòi bút lông, phối hợp với con mắt của một họa sĩ yêu đường nét và bút pháp Á Đông, Vũ Hối đã tạo ra nhiều tự thể: nào là Thủy Tự, Hỏa Tự, Trúc Tự, Vân Tự ... tùy theo nội dung của câu thơ hay câu nói mà diễn tả trên mặt giấy.

Tuy nhiên, Vũ Hối cho biết thêm rằng:

Tôi còn là người làm thơ. Cho nên khi viết thư họa, tôi dựa theo câu thơ để viết. Thí dụ như “Gió đưa cành trúc la đà” ... thì tôi viết theo Trúc Tự. Còn “Ai đi thương nước giữa đường lại thôi” thì tôi dùng Thủy Tự như nước la đà trên sông. Tùy theo câu thơ mình mà lựa kiểu viết. Hiện giờ đã có những kiểu chữ do máy làm, nhưng nét chữ rất cứng. Còn do người viết, tùy theo cảm hứng, sẽ có những nét khác nhau. [Tr. 73 Nghệ Thuật Thư Họa]

Và ông khẳng định:

Khi ngòi viết, cũng như đang thiền định, phải tập trung. Viết chữ là từ tìm truyền đến cây bút. Tất cả đều xuất phát từ tâm. Thiền căn ở tại lòng ta. Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. Có tài mà không có tâm là văt đi. [tr. 73 NTTH]

Trong cuốn Thư Đạo của Nhật mới xuất bản năm 2006 - Đạo của chữ nghĩa — có ghi danh tính những người thư họa danh tiếng, trong đó có Vũ Hối.

Người ta hỏi: “Mối duyên nào mà ông được ghi nhận?”, Vũ Hối đáp:

Tôi không biết tiếng Nhật mà cũng không quen với người Nhật Bản. Tôi có xuất bản mấy cuốn sách thư họa, có lẽ họ thấy được, nên họ ghi nhận. [tr. 73 NTTH]

*

Vũ Hối cũng là người sáng tạo ra trường phái mà ông gọi là Painting in Motion, tạm dịch là “Họa Động”. Đó là những bức họa trong đó cảnh trí không đứng yên, tĩnh lặng mà Vũ Hối cố gắng dùng màu sắc và những đường nét chuyên biệt của thư họa để làm cho cảnh trí của bức họa như có chuyển động, có thay đổi với không gian và thời gian.

Nữ sĩ Như Hiền có nhận xét viết trong Nghệ Thuật Thư Họa [tr. 68] của Vũ Hối như sau:

Hiện nay có nhà danh họa Vũ Hối đã sáng chế ra một lối viết chữ độc đáo được hầu hết các nhà bình luận tiếng tăm trên văn đàn cũng như báo chí ở hải ngoại công nhận là một thư pháp gia số một ở hậu bán thế kỷ thứ XX. Họa sĩ Vũ Hối đã thể hiện được bản sắc dân tộc qua những nét chữ quốc ngữ, không lai căn nét bút của Tàu, không vay mượn nét chữ của Nhật hay bất cứ nước nào. ...

Thư họa gia Vũ Hối ngoài lối viết trên giấy, trên lụa bồi, trên sơn mài, v.v. ... còn đặc biệt viết trên đĩa sành bằng chất men sứ, sau đó đem nung lại. Đĩa thơ nghệ thuật này có thể gắn trên tường, để trong tủ kiếng. Đây cũng là một hình thức phổ biến thơ sâu rộng nhất đến với giới thưởng ngoạn qua lối thư họa của Vũ Hối, người đã cố công nghiên cứu lâu năm, đưa cái đẹp của lối viết chữ Quốc Ngữ lên cao, nên được rất nhiều người yêu chuộng. Đây còn là một niềm tự hào của người Việt Nam trong cũng như ngoài nước. ...

Tên tuổi của ông đã được đưa vào tự điển Larousse và giới yêu chuộng nghệ thuật quốc tế cũng đã biết đến tên ông qua loạt tranh sinh động "Painting in Motion". Đây cũng là một sáng tạo độc đáo của Vũ Hối nhằm mục đích đưa ý thơ hòa lẫn màu sắc trong bộ tranh "Họa Thi Giai Diệu". Những bức tranh vẽ trên lụa quê hương, với màu sắc hư thực đầy tính Liêu Trai được các phê bình gia quốc tế như bà Karen Lawson và ông Dave Jones nhận xét:

"Với đề tài thuần túy qua bút pháp Á Đông kết hợp với sự đồng nhất diệu kỳ của Trường Phái Trừu Tượng, họa sĩ Vũ Hối đã tạo được một phong cách nghệ thuật sinh động riêng, tuyệt vời trong nghệ thuật sáng tạo đầy mới lạ ở thời cận đại. Và họa phẩm của ông đã được cả thế giới thẩm định giá trị qua lời giải thích bằng Đại Số Học ứng dụng từ công thức của nhà bác học Einstein."

*

Vũ Hối: Một Nhà Thơ Yêu Nước

Vũ Hối không phải chỉ là một nhà thơ họa có tài, ông còn là một nhà thơ — nhà thơ yêu nước, thương nòi đậm đà. Ông rất thích thú làm và đọc và viết thư họa những vần thơ ca ngợi quê hương và các anh hùng liệt sĩ. Xin hãy nghe ông tâm sự trong bài thơ:

Nửa

Đời ta nửa tỉnh, nửa say
Nửa đen, nửa trắng, nửa ngày, nửa đêm
Nửa vui với nửa ưu phiền
Nửa sông cồn cát, nửa triền núi cao
Nửa thương, nửa nhớ nghẹn ngào
Nửa cười tha thiết, nửa ngao ngán tình
Nửa hôn đau kiếp phù sinh
Chênh vênh nửa cuộc hành trình bể dâu
Chập chờn nửa giấc canh thâu
Cười say bên ngọn đèn dầu nửa khuya

*

Cũng như tất cả mọi người yêu chuộng hòa bình chân chính, ông viết cho một giấc mơ hòa bình trên toàn thế giới:

Mắt thâm quầng, nghìn đêm thao thức
Mộng hòa bình, trắng cánh bồ câu
Năm ngón ngọc ngà, môi em e ấp
Trọn môi hôn trái tim địa cầu ...

Trước ngày Tổng Thống Bush lên đường sang Việt Nam phó hội APEC [17- 19/11/2006], nhà thư họa Vũ Hối đã viết tặng tổng thống Bush bức thư họa trên lụa rất đẹp câu nói của TT. Bush nhằm bày tỏ lập trường hiện nay của Hoa Kỳ do ông lãnh đạo rằng Hoa Kỳ sẽ không dùng tự do để đổi lấy ổn định nữa. Như vậy phải hiểu rằng Hoa Kỳ sẽ không nhường bước trong trách nhiệm giúp các nước khác được hưởng các quyền lợi của tự do. Trong tinh thần đó, TT. Bush đưa ra lời kêu gọi tại phiên họp hàng năm của Liên Hiệp Quốc vào tháng 9, 2006. Ông tuyên bố:

Lời kêu gọi thế giới không nên hy sinh tự do cho ổn định nữa. Những người chúng ta trong xã hội tự do phải giúp những người khác nhận thức được lợi ích của tự do. Tôi tin như vậy. Tôi tin đó là phần trách nhiệm của nước Mỹ trong thế giới.
[tr. 142 NTTH]:

The call that the world no longer should sacrifice freedom for stability. Those of us in free society must help others realize the benefits of liberty. I believe that. I believe that's part of America's responsibility in the world.

Bức thư họa này hiện được trang trí tại Tòa Bạch Cung. TT. Bush không quên gửi Vũ Hối bức thư cảm tạ. Đại ý nói rằng:

Ngày 26 Tháng Mười Hai năm 2006

Kính gửi Ông Vũ Hối

Falls Church, Virginia

Thưa Ông:

Cám ơn ông về lá thư và cuốn thư họa vinh danh chuyến đi của tôi qua Việt Nam. Laura và tôi

đã vui hưởng chuyến viếng thăm đất nước đáng chú ý này, và chúng tôi cảm tạ ông đã bỏ thì giờ viết thư họa.

Thật là một vinh hạnh không thể ngờ được khi làm Tổng Thống của một nước vĩ đại như thế, trong đó tự do là quyền của mỗi công dân. Trong giai đoạn quan trọng này của lịch sử Hoa Kỳ, chúng tôi sẽ lãnh đạo sự tiến triển của tự do, tạo khuôn hình nền kinh tế của chúng tôi, và cố gắng là một xã hội đầy tình thương hơn. Chúng tôi đang xây dựng nền tảng cho một Quốc Gia hùng cường hơn và một thế giới thanh bình hơn.

Xin gửi ông lời cầu chúc tốt đẹp nhất. Cầu Thượng Đế ban phước lành cho ông, và cầu Thượng Đế tiếp tục ban phước lành cho Mỹ Quốc.

Kính thư,

George Bush

Nguyên văn bức thư:

December 26, 2006

Mr. Vu Hoi

Falls Church, Virginia

Dear Vu:

Thank you for your kind letter and the scroll in honor my trip to Vietnam. Laura and I enjoyed our visit to this remarkable country, and we appreciate your taking time to write.

It is an incredible honor to be the President of a such great Nation, where freedom is the right of every citizen. During thi important moment in America's history, we will lead liberty's advance, shape our economic future, and strive to be a more compassionate society. We are building the foundation for a stronger Nation and a more peaceful world.

We send our best wishes. May God bless you, and may God continue to bless America.

Sincerely,

George Bush

*



Tổng Kết

Tôi đã nghe tiếng danh thu họa Vũ Hồi từ lâu và cách đây một năm (2008) tôi đã có dịp gặp anh trong bữa tiệc thân mật với một số anh em trong Nhóm Cổ Thơm do chị Nguyễn Thị Ngọc Dung ở Virginia tổ chức. Lúc đó tôi chưa dám “làm thân” với anh vì e ngại câu nói “thấy người sang bắt quàng làm họ” và cũng vì đã từ lâu tôi để cho chữ “duyên” dẫn dắt tôi trong các cuộc gặp gỡ.

Duyên may đưa đẩy, tôi lại được dịp gặp anh nhân ngày đi dự buổi lễ “Mười Năm Tưởng Niệm Cố Nhạc Sĩ Hoàng Trọng” được tổ chức tại James Lee Theater, Falls Church, VA ngày 20 tháng 7, 2008. Nhân dịp này tôi tặng anh cuốn *Người Việt Nín Lặng* của tôi vừa xuất bản. Có lẽ nhờ cuốn sách giao duyên đó mà anh đã hiểu tôi hơn và chúng tôi bỗng trở nên thân thiết hơn.

Sau đó ít ngày, tôi có dịp ghé thăm anh tại tư gia ở Laurel, Maryland và thật là một bất ngờ thích thú tôi được anh trao tặng một đĩa thư họa trên đó anh ghi bốn chữ: “Văn Dĩ Tả Đạo”. Bốn chữ này tôi có nêu trong tập thơ *Hương Yêu* nhằm nói lên khuyh hướng viết văn của tôi và

chính anh cũng rất tâm đắc ý đó trong cuộc đời nghệ sĩ của anh.

Thêm vào, anh còn tặng tôi một tấm thư họa viết một bài thơ của tôi mà anh nói là anh rất ưng ý. Đó là bài thơ thất ngôn bát cú in trong cuốn *Người Việt Nín Lặng* (tr. 175) bày tỏ lòng tri ân của tôi đối với các vị anh hùng tuấn tiết trong biến cố 30 tháng Tư năm 1975 mà tiêu biểu là sáu vị anh hùng tuấn tiết: Khoa, Nam, Phú, Hai, Vỹ, và Cẩn. Xin phép ghi lại bài thơ đó ở đây:

Anh Hùng Tuấn Tiết

Nòi Việt anh hùng tự thuở nào
Giang san hun đúc bậc tài cao
Núi sông dâng hiến toàn tâm trí
Đất nước hy sinh hết máu đào
Phú, Vỹ sát thân cho Tổ Quốc
Hưng, Nam tuấn tiết vị Đồng Bào
Cẩn, Hai tên họ hồng trang sử
Dòng giống Rồng Tiên rất tự hào
(*Người Việt Nín Lặng*, tr. 175)

Vâng, ngắm những bức thư họa hay những bức tranh “Painting in Motion” mang trình độ mỹ thuật cao của anh, tôi cảm thấy tâm hồn rung động, rung động một cách thanh cao và đầy sáng khoái khiến tôi vui mừng hy vọng rằng: tương lai của nhân loại rồi đây chắc chắn sẽ bùng sáng và tốt đẹp hơn nhờ những con người nghệ sĩ như anh suốt đời theo đuổi lý tưởng “Chân - Thiện - Mỹ”.

Cảm động trước cảm tình đặc biệt của anh, tôi biên soạn bài này dựa vào cuốn *Nghệ Thuật Thư Họa* của anh tặng tôi. Công việc của tôi chỉ là tóm lược những điều các tác giả đã viết trong đó và cho biết cảm nghĩ của tôi đối với anh. Tôi cũng có ý định chia sẻ bài viết này với thính giả Đài Tiếng Nước Tôi, Arizona nhằm mục đích giới thiệu bộ môn thư pháp và thư họa hiện đã và đang phổ biến ở nhiều tiểu bang và càng ngày càng có nhiều người hâm mộ. Đặc biệt ở bang Arizona,

nhà thơ Nam Giao cũng là một nhà thư pháp được nhiều người mến mộ.

Tôi cũng hy vọng là một ngày gần đây anh Vũ Hối sẽ lên tiếng trên Đài Tiếng Nước Tôi AZ để trình bày rõ hơn về nghệ thuật thư họa của anh và đặc biệt là về trường phái Painting in Motion do anh sáng lập. Chính trường phái này đã đưa tên tuổi của anh lên hàng danh họa thế giới.

Vũ Hối được rất nhiều người thuộc mọi giới hâm mộ không những vì tài nghệ họa và thư pháp họa thiên phú của anh mà còn vì những đức tính cao quý của anh. Trước hết anh có một tấm lòng đôn hậu với mọi người. Kết thân với anh chắc chắn sẽ không bao giờ sợ bị phản bội. Sau đó anh là một con người rất khiêm tốn và hòa nhã. Đặc biệt anh là một con người có tần số tâm linh rất cao và rất bén nhạy. Bởi vậy, những người có đời sống tâm linh đều thấy ấm áp và an vui khi giao tiếp với anh.

Được biết anh có tất cả 6 người con và nhiều cháu nội ngoại. Tất cả sống chung, ăn cơm chung trong cùng một khu nhà khang trang, rộng rãi ở thành phố Laurel, Maryland. Hỏi anh bí quyết nào mà gia đình anh vẫn duy trì được nếp sống đại gia đình như vậy. Anh cho biết đó là do phúc đức của ông bà để lại. Và lại đó cũng là truyền thống của gia đình anh đã có từ trước đến nay.

Trong những năm gần đây, anh luôn luôn bận rộn đi khắp đó đây tham dự các buổi họp mặt gây quỹ cứu trợ quên cả đường xa và sức khỏe yếu kém của tuổi cao. Anh luôn luôn nở một nụ cười hiền hòa và một thái độ tích cực trong giao tiếp. Anh tâm sự với tôi: anh không có gì nhiều để chia sẻ với mọi người ngoài nụ cười.

*

Hải Bằng.HDB
(Arizona)

KHAI MẠC TRIỂN LÃM TRANH CỦA HỌA SĨ VŨ THÁI HÒA TẠI PHÁP



Romilly Sur Seine (Pháp) - 12/12/2008 Thời tiết ở Pháp từ hơn một tuần lễ nay đã thay đổi , Tuy chưa vào đông nhưng nhiệt độ đã xuống độ trừ, nhiều thành phố, ruộng đồng tuyết phủ trắng xóa.

Thành phố Romilly Sur Seine mấy ngày qua, đường phố cũng tràn ngập tuyết, sự đi lại gặp nhiều khó khăn.

- Trước giờ khai mạc Phòng tranh của Họa sĩ Vũ Thái Hòa ,trời càng lúc càng buốt giá, mưa tuyết cùng lúc càng nhiều - Tuy nhiên đúng 18h30 chiều đã khai mạc phòng tranh của

Họa sĩ Vũ Thái Hòa bắt đầu tại số 66 Rue Gambetta thành phố Romilly Sur Seine (Pháp) với sự hiện diện của ông Eric Vuillemin Thị trưởng thành phố Romilly Sur Seine, ông Christian Rouge Phó Thị trưởng đặc trách Văn Hóa Nghệ Thuật Thành phố cùng với nhiều Quan khách yêu Hội Họa trong vùng .

Mở đầu khai mạc phòng tranh- Ông Christian Rouge Phó thị trưởng đặc trách Văn Hóa Nghệ Thuật của Thành phố đã giới thiệu với Ông Thị trưởng và Quan khách về Họa sĩ Vũ Thái Hòa, Ông cho biết HS Vũ Thái Hòa là một Họa sĩ VN định cư tại Thành Phố Troyes (Pháp) từ 1984 tác phẩm của VTH được nhiều người biết đến qua những cuộc triển lãm tranh trong vùng Champagne (Pháp) do các Trung tâm Văn Hóa các thành phố tổ chức, VTH có Họa phẩm : Longue a été la nuit (đêm dài) được UNESCO giới thiệu đưa vào Viện bảo tàng Loukine d' Arsonval (Pháp) và Họa sĩ Vũ Thái Hòa được UNESCO tặng huy chương hội họa : Picasso - Miró .

Bản thân Ông Christian Rouge cũng là một trong những người yêu tranh của Họa sĩ Vũ Thái Hòa vì tranh Vũ Thái Hòa màu sắc rất mạnh bạo, rực rỡ, vui tươi... với đường nét lạ, nhiều khai phá mới... Ông đã có dịp xem tranh của HS Vũ Thái Hòa trong các cuộc triển lãm gần đây ở các thành phố khác.

- Vì những lý do trên, chính Ông đã vận động với chính quyền tài trợ và mời Họa sĩ Vũ Thái Hòa đưa tranh đến đây triển lãm cho công chúng Pháp thành phố này xem.

Dịp này Ông Christian Rouge còn cho biết thêm là Ông và Họa sĩ Vũ Thái Hòa không hề quen biết nhau trước đây. - Ông rất hài lòng khi được giới thiệu tranh của HS Vũ Thái Hòa với công chúng yêu nghệ thuật.

Đáp từ - Họa sĩ Vũ Thái Hòa cảm ơn sự giúp đỡ, tài trợ của chính quyền địa phương cho cuộc triển lãm này, và cảm ơn riêng Ông Thị trưởng, Ông phó Thị trưởng đặc trách Văn Hóa Nghệ thuật cũng như những người yêu Hội họa đã bớt chút thì giờ quý báu đến dự lễ khai mạc và xem tranh Vũ Thái Hòa.

Sau đó, chiêu đãi nhẹ gồm rượu Champagne và bánh v...v...do Trung tâm Văn Hóa thành phố Romilly Sur Seine khoản đãi , Họa sĩ Vũ Thái Hòa đã ân cần trò chuyện với Ông Thị trưởng , Ông phó Thị trưởng đặc trách Văn Hóa Nghệ Thuật và những người khách yêu Hội Họa - Buổi lễ kết thúc lúc 21h00 cùng ngày.

Phòng tranh của Họa sĩ Vũ Thái Hòa tại Galerie du Cinéma Eden (Galerie này rất rộng, đầy đủ tiện nghi trang bị cho một phòng triển lãm tầm cỡ nằm ngay cửa vào tầng dưới của Rạp Cinéma Eden) - 66 Rue Gambetta Thành phố Romilly Sur Seine (Pháp) - Phòng tranh mở cửa : 13/12/2008 đến 04/01/2009./.

TRIỂN LÃM TRANH CỦA HỌA SĨ VŨ THÁI HÒA
tại Galerie du Cinéma Eden 66 Rue Gambetta Ó Romilly Sur Seine (Pháp)
Mở cửa : 12/12/2008 – 04/01/2009



TÁC GIẢ CỎ THƠM: HỌA SĨ VŨ THÁI HÒA

Họa Sĩ Vũ Thái Hòa là một thành viên trong Ban Biên Tập của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm từ năm 2008.

Ông sinh ngày 6 tháng 9 năm 1947 tại Trung Lao, Nam Định (Việt Nam). Hiện ông và gia đình đang sống tại Thành phố Troyes (Pháp)



1954: Di cư vào Nam Việt Nam

1965: - Bắt đầu sinh hoạt nghệ thuật. Cộng tác với các báo xuất bản tại Sài Gòn

- Tự học nhạc và hội họa

1970: Viết nhạc, vẽ tranh. Tác giả nhiều bài Tình ca và Thánh ca. Nhiều tình khúc đã thu băng xuất bản tại Sài Gòn. Nhiều bài Thánh Ca Công Giáo đã được chọn in trong “*Tuyển tập Vào Đồi*” phổ biến trong giới Công Giáo Việt Nam. Tranh Vũ Thái Hòa xuất hiện trên trang bìa các tác phẩm Thơ, Văn, Nhạc... của các văn nghệ sĩ tên tuổi, trên những cánh thiệp Chúc Mừng Giáng Sinh và Năm Mới, trên các báo Việt ngữ xuất bản tại Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Canada, Úc...

1984: Định cư tại Pháp Triển lãm tranh nhiều lần với các Họa sĩ Pháp tại Pháp

1986: Giải thưởng Hội họa Libé- nhật báo Libération Champagne (France)

1987: - Họa phẩm: *Longue a été la nuit* (Đêm dài) của Vũ Thái Hòa được UNESCO giới thiệu lưu giữ trong Viện bảo tàng Loukine d’Arsonval (France)

- Huy chương Hội họa Picasso-Miró do UNESCO trao tặng

1992: Phát hành 10 thiệp Chúc Mừng Giáng Sinh và Năm Mới với tranh Vũ Thái Hòa trên mỗi cánh thiệp.

1999, 2000, 2001: Trong Hội đồng Giám khảo thi Hội họa Quốc tế do UNESCO tổ chức hàng năm vào mùa

Xuân tại Troyes (France)

1999: Xuất bản tại Pháp: Tuyển tập Nhạc: “*Nắng Hinh Vàng*” gồm 12 Tình Khúc Vũ Thái Hòa.

2001: Xuất bản tại Pháp: Tuyển tập Nhạc: “*Tình Khúc Vũ Thái Hòa*” gồm 40 Tình Khúc.

2003: Triển lãm tranh tại Salon des Artisans d’Art và tại Centre Culturel de la Chapelle Saint Luc (France) Trung tâm Văn Hoá La Chapelle Saint Luc.

2004: Triển lãm tranh tại Mairie de Sainte Savine (France) Toà Hành Chánh Thành phố Sainte Savine.

2008: Triển lãm tranh tại: Galerie du Cinéma Eden do Trung tâm Văn Hóa Thành phố Romilly Sur Seine (Pháp) tổ chức (13/12/2008 - 04/01/2009)

Xin mời xem tranh của Vũ Thái Hòa trong tiết mục Hội Họa tại:

<http://cothommagazine.com/>

Và đôi nét về Ông bằng Slideshow tại: http://www.dunglac.org/slideshow/TieuSu_VTH.ppt

Ngày Xuân Nhớ Bà Tú Xương

VI KHUÊ

Bà Tú Xương, người vợ nổi tiếng nhất trong Thi Ca Cổ Điển Việt Nam. Trước bà không lâu, phu nhân của vị quyền Tổng Đốc Tam Nguyên Yên Đổ là thi sĩ Nguyễn Khuyến cũng là người sau này được nhắc nhớ trong văn học sử, nhưng chỉ phớt qua, rất mờ nhạt. Riêng bà Tú Xương hiền thể của ông Tú Vị Xuyên, thì rất là đậm nét, đến nỗi người đời sau có thể hình dung ra bà, từ vóc dáng đến tính tình và đời sống, nổi bật với những đức tính hàng đầu của người phụ nữ mẫu mực điển hình vào thời đại bà sống: tần tảo, đảm đang, chia sẻ cùng chồng trăm cay nghìn đắng, đến mức quên cả thân mình.

Trải qua nhiều giai đoạn của lịch sử, hẳn có dịp nhắc tới Thi Ca Trần Tế Xương, thì lại là một dịp người ta không quên gọi đến tên bà vợ để ca ngợi. Ở miền Nam Việt Nam, trước năm 1975, vào giai đoạn đẩy lên phong trào các nhà văn nữ viết báo, đặc biệt là đám mon men đến lãnh vực cầm kỳ hàng đầu đối với nữ giới là dục tính, thì có người đã kín đáo hay ranh mãnh ám chỉ rằng: "Đó là những Hồ Xuân Hương của thế kỷ 20!" Cũng như sau này, sau năm 1975, ở nước ngoài, trong cuộc sống "đôi đời" mà nhiều đảng trượng phu đã phải bỏ tay, chẳng thích nghi được với đời sống mới để kiếm tiền nuôi vợ, nuôi con, thì hơn một người đàn bà đã xắn tay đứng dậy xông vào đời, lo được tất cả. Họ liền được ca ngợi: "những bà Tú Xương cuối thế kỷ 20!" Ảnh hưởng của văn chương vào cuộc đời mạnh mẽ đến như vậy!

Xuân về tết đến. Lại một cơ hội bằng vàng để viết về thơ, gửi đi cho những tờ báo đẹp trình bày lộng lẫy vì được in tại cường quốc Hoa Kỳ dư thừa phương tiện ấn loát.

Xuân về, một dịp viết về thơ, và là thơ Trần Tế Xương, một tên tuổi lẫy lừng của dân tộc. Nhưng, người viết, Xuân này không viết về ông, mà lại viết về bà, bà Tú Xương, người vợ nổi tiếng nhất trong

thi ca cổ điển Việt Nam, người vợ của ông Tú tài tên thật là Trần Duy Uyên, sinh ngày 5 tháng 9 năm 1870 (Canh Ngọ) tại khu Đồng Hữu làng Vị Xuyên, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định nay là tỉnh Nam Hà, người đã oanh liệt đánh bại lớp khoa bảng xuất thân để giành lại chỗ đứng đích thực của văn chương cho văn chương.

Ông Nghè ông Thám vô mây khói.

Đứng lại văn chương một Tú Tài

Và:

Kìa ai chín suối xương không nát

Có lẽ nghìn thu tiếng vẫn còn

(Tam Nguyên Yên Đổ)

Chúng tôi yêu thơ Trần Tế Xương bởi vì ông biết chửi: Sự phẫn nộ bật ra thành lời không kiềm chế, một thứ tình cảm ở cường độ mạnh, yếu tố căn bản làm nên sức hấp dẫn, đồng thời là giá trị của tác phẩm. Hay nói một cách dễ hiểu hơn, thơ Trần Tế Xương, hay vì được viết ra với lòng phẫn nộ cùng cực. Ở đây, một trong thất tình lục dục vỡ òa ra như thác đổ: tình cảm Nộ. Cũng như ở chỗ khác, thơ Nguyễn Du hay vì tình cảm Ai và Ái ngập tràn như nước lũ phá bờ: Nguyễn Du thành thật thương xót cuộc đời, và trái tim ông biết thế nào là sức mạnh của tình yêu.

Loại xúc động bình thường, không quá độ chẳng giúp làm nên tác phẩm lớn. Chúng tôi yêu thơ Trần Tế Xương, như biết bao người đã yêu thơ ông vậy, nên Xuân năm nay xin được viết về bà – như có lẽ chưa ai từng đã viết – trong thâm tâm lấp lóe chút hy vọng soi sáng thêm một khía cạnh mới về "Trần Tế Xương, Tác Phẩm và Con Người"

Như trên đã nói, bà Tú Xương là một người vợ nổi tiếng nhất trong Thi Ca Cổ Điển Việt Nam. Nổi tiếng với tư cách Người vợ: "Một người vợ tảo tần, đảm đang, hết lòng thờ chồng nuôi con, chia sẻ cùng chồng trăm cay nghìn đắng, tóm lại, hy sinh vì chồng." (Kể ra thì cũng xưa, nhưng đây là chuyện đời xưa!)

Cho đến nay, hình ảnh bà hiện ra trước mắt chúng ta thật tội nghiệp, và rất là rõ nét, qua thơ ông:

*Quanh năm buôn bán ở mom sông
Nuôi nổi năm con với một chồng
Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo xèo mặt nước buổi đò đông*

Mom sông, chứ không phải ven sông, là nơi bà Tú Xương buôn bán quanh năm. Mom sông có lẽ là một nơi nhóm chợ tình cò mà thành chợ, trên một khoảnh đất nhỏ hẹp, chênh vênh, cheo leo, gập gềnh cho bước chân người, chứ chẳng được là một cái chợ sầm uất bình thường dựng lên ở ven sông. Bà buôn bán ở đó có lẽ vì không có phương tiện đi di chuyển xa hơn, và cũng dễ thích hợp với vốn liếng nhỏ nhoi của mình. Tài liệu sau này cho biết rằng bà Tú bấy giờ buôn gạo hàng đội, hàng thúng, chứ không có vốn buôn hàng thuyền như người ta. Bà lấy chồng nghèo, nghèo lắm, một người chồng học trò "dài lưng tốn vải" mà bà phải nuôi ăn nuôi mặc như bà đã phải nuôi mỗi năm một đứa con mà ông đã tặng cho bà xoành xoạch mỗi năm một đứa từ khi lấy vợ cho đến lúc 33 tuổi trời:

*Đường con, bu nó một năm một
Tính tuổi, nhà thầy ba lẽ ba.*

Bà Tú Xương buôn bán ở mom sông, thế mà cũng nuôi nổi năm con với một chồng. Chịu thương chịu khó biết bao nhiêu! Đã thế, lúc đi cũng như lúc về, bà đều lặn lội như "Cái cò lặn lội bờ sông / Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non"

Hình ảnh cái cò trong ca dao đã ám ảnh nhà thơ sông Vị khiến ông ngồi ở nhà mài mực đề thơ mà trông thấy vợ ông qua hình ảnh ấy, một mình lặn lội bờ sông trên quãng đường vắng vẻ, lại một mình xông xáo kiếm một chỗ ngồi trên chiếc đò ngang vào giờ vắng chợ thiên hạ ồn ào chen lấn nhau thật eo xèo. Bốn câu thơ, chỉ có bốn câu thôi mà đã để lại đến ngàn sau hình ảnh người đàn bà đảm đang tần tảo tất tả ngược xuôi, bốn câu thơ tượng hình gọi cảm như ca dao mà ai đã nghe một lần rồi thì nhớ mãi.

Sách vở ghi chép rằng: "Bà Tú Xương tên thật là Phạm Thị Mẫn, dòng dõi họ Phạm ở làng Lương Đường, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, nhưng sinh ở Nam Định, lớn hơn chồng một tuổi." Bà Phạm Thị Mẫn lấy chồng nghèo, như ta đã biết. Ở địa vị một ông Tú Tài thì nghèo đến như thế này là đã đến chỗ cùng chỗ cực, từ cực sang nhục rồi, chứ

không còn là nghèo thường nữa:

*... Vợ lăm le ở vú / Con tấp tễnh đi bơi.
... Khách hỏi nhà ông đến / Nhà ông đã bán rồi.
... Một tuồng rách rưới con như bố / Ba chữ
nghèo ngạo vợ chán chồng*

Bà Tú Xương nuôi chồng ăn học trong cảnh nghèo rớt mồng tơi đó, để rồi chia sẻ cùng chồng trăm cay nghìn đắng của kiếp nhà Nho nước ta vào thời đại ấy, thời đại xuất hiện của những thi tài lỗi lạc có một không hai: Nguyễn Khuyến – Trần Tế Xương – Tản Đà. Cả ba vị tiền bối đều đã trải qua cái bi kịch nào nê: xã hội Việt Nam hồi đó không có phát triển kinh tế, không có phát triển khoa học kỹ thuật gì ráo, chỉ có một đường tiến thân duy nhất cho người học trò là thi đỗ làm quan. Nếu chẳng làm quan thì cũng phải đồ đạc, càng cao càng có cơ may chiếm được một chỗ đứng sáng giá trong xã hội. Nếu chỉ đầu Tú Tài tron thì cũng giá là thầy đồ, thứ mà nhà thơ họ Cao vô cùng cao ngạo đã có lần lên tiếng đũa cọt, coi thường:

*Nhà trống hai ba gian, một thầy một cô một
chó cái*

*Học trò dăm bảy đứa, nửa người nửa ngợm
nửa đười ươi*

Ông Tú Xương không mơ ước làm quan như một vinh dự tinh thần, nhưng vẫn biết rằng mục tiêu thực tế phải nhắm tới là thi đỗ làm quan, nên có lúc, từ cõi vô thức, ông đã tổ chức một màn kịch do bố con ông diễn ở nhà, để ông có dịp nhắc đến bà, trong thơ:

*Một ngọn đèn xanh, mấy quyển vàng
Bốn con làm lính, bố làm quan
Câu thơ, câu phú, suu cùng thuê
Nghiên mực, nghiên son, tổng với làng
Nước quạt chưa xong, con nhẩy ngựa
Trống hầu vừa dứt, bố lên thang
Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ*

Đem chuyện trăm năm giờ lại bàn. Nhưng rồi, ông chẳng bao giờ thi đỗ để làm quan cả, dù rằng mỗi lần "thầy" lều chõng ra đi, "cô" ở nhà đều lo toan mọi mặt, từ chuyện tiền bạc giặt lung đi đường đến chuyện tìm thầy xem bói, lễ đèn lễ chùa để cầu nguyện:

*... Tấp tễnh người đi tớ cũng đi
Cũng lều cũng chõng cũng ra thi
Tiễn chân cô mắt hai đồng chân*

*Sờ bụng thầy không một chữ gì
... Thầy chắc hẳn vẫn chương rất mực, lễ thánh
xem giò*

*Cô mình thăm mũ áo đến tay, gặp người nói mộng
Sáng đi lễ Phật, còn kỳ này kỳ nữa là xong
Đêm dậy vái Trời qua mộng bốn mươi năm cho chóng*

Ông cứ đi thi như thế mãi, và hỏng một lần, hỏng hai lần, hỏng ba lần, hỏng bốn lần ... và còn hỏng nữa, trong khi nhà nước thì cách ba năm mới mở một khoa! Ông đau quá. Đau còn hơn người bạn đồng thời là thi sĩ Tân Đà mà sách vở thuật lại rằng "Khi nghe tin mình hỏng thi thì cứ như là chuyện Tăng Sâm giết người!" Quý vị còn nhớ sự tích Tăng Sâm?

Tích rằng: "Xưa, bà mẹ của Tăng Sâm, một học trò của Đức Không Tử, khi nghe tin đồn đến tai mình rằng Tăng Sâm giết người thì nhất định không tin, bởi vì Tăng Sâm mà giết người thì cũng như là chuyện trời sập, không thể xảy ra được." Nhà-Nho-Thi-Bá Tân Đà không đủ can đảm tin rằng mình đã hỏng thi. Còn Tú Xương thì khóc thét lên, khóc thật tình, không còn dấu diêm gì nữa, cũng không còn đủ li lợm để chườm như tát nước vào mặt cuộc đời nữa. Ông khóc thét lên rằng:

... Đau quá đòn hần, rát hơn lửa bỏng!

Túi bút túi nghiên, hổ lếu hổ chông!

... Người một nơi, phách một nơi, than thân với bóng!

Rồi ông ngồi đó khóc bằng thơ, dưới ngọn đèn mờ. Viết rồi, ông ngâm toáng lên từng hồi nức nở, mặc cho vợ con nằm im thin thít trong buồng âm thầm nức nở theo ông:

Lòng buồn còn muốn nói năng chi

Đệ nhất buồn là cái hỏng thi

Một việc văn chương thôi cũng lờ

Trăm năm thân thể có ra gì!

Rồi ông trần trối cùng vợ, réo gọi tên bà như ông vẫn thường réo gọi giữa mỗi cơn đau vì roi vọt của thực tế phũ phàng:

Ngày mai tớ hỏng tớ đi ngay

Cúng giỗ từ đây nhớ lấy ngày

Học đã sôi cơm nhưng chưa chín

Thì không ăn ót thế mà cay

Sách đèn phó mặc đàn con trẻ

Thung đầu nhờ tay một mẹ mày...

Cống hi, mét xi, đây thuộc cả

Chẳng sang Tàu, tớ cũng sang Tây...

Thử tưởng tượng: Bà Tú Xương. Bà cứ nghe ông than thân trách phận tới đâu là ruột gan bà như đứt ra từng đoạn tới đó. Thương quá là thương! Tưởng chừng như đã có lúc bà úa nước mắt nhờ bảo ông rằng:

- Thôi, "thầy em" ạ! Thi chẳng thi thì thôi, quan chẳng quan thì đừng, "thầy em" cứ ở nhà đọc sách ngâm thơ cho thỏa chí, một mình em xoay xở cũng đủ để vợ chồng cơm cháo với nhau thôi.

Nhưng rồi ông vẫn cứ tiếp tục thi, tiếp tục hỏng, và bà cứ tiếp tục nuôi ông. Bà nuôi ông không phải chỉ nuôi "ngày hai bữa cơm cháo với nhau," mà là nuôi một cách đặc biệt lắm kia à! Đây nhé:

Tiền bạc phó cho con mụ kiếm

Ngựa xe chẳng có lúc nào ngơi!

... Cờ bạc, kiệu cờ cao nhất xứ

Rượu chè, trai gái đủ trăm khoan!

Bà nuôi ông, nuôi cả bạc tiền để rượu chè, cờ bạc, nay cao lâu, mai tầu điếm, mốt đi tìm gái ở phố làng chơi. Bà nuôi ông, nuôi bộ vó lịch sự: áo the, quần trắng, giày Gia Định, áo bông áo dạ, khăn đội đầu bằng nhiễu hăn hoi.

Này nhé:

Có một thầy

Đốt chảnh đốt nào

Nhưng hay chữ lóng

Nghiện chè, nghiện rượu, nghiện cả cao lâu

Hay hát hay chơi, hay nghề xuống Lông

Thối nhà phong vận: áo hàng Dầu, khăn nhiễu tím, ô lục soạn xanh

Ra phố xênh xang, quần tổ nữ, bít tất tơ, giày Gia Định bóng...

Sang thiệt! Sang thiệt! Nhưng chưa hết. Bà còn nuôi ông, sắm trà sắm rượu cho ông ngồi đó mà làm thơ, ngâm thơ "thứ nhận" thật nham nhở trước mặt bà:

Một trà, một rượu, một đàn bà

Ba cái lằng nhằng nó quấy ta

Chừa được cái nào hay cái ấy

Có chảnh, chùa rượu với chùa trà!

Ngày nay người ta phải tự hỏi chẳng biết "đàn bà chùa" ở đâu ra lắm thế, cho ông – nghèo kiệt xác như thế – mà có được, để nghiện một cách quá dễ dàng? Lại nữa, các bà các cô vào thời đại của

ông đều "tiết hạnh khả phong" cả, thì... loại đàn bà này ở đâu ra? À, thì ra họ ở phố "Lông," tương đương với Ngã Ba gì đó của Sài Gòn trước 75 và đường số 14 của thủ đô Hoa Kỳ bây giờ vậy. Chẳng thế mà có một lần ông đã bị "em" giấu mặt ô (tức là cái dù che mưa):

*Đêm qua anh đến chơi đây
Giày giôn anh điện, ô tây anh cầm
Rạng ngày sang trống canh năm
Anh dậy em hãy còn nằm trơ trơ
Hỏi ô, ô mắt bao giờ
Hỏi em, em cứ ốm ở không thừa
Sợ e rày gió mai mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình!*

Ông cờ bạc, ông rượu chè, ông trai gái, ông đua đòi ăn mặc, lên ngựa xuống xe đúng điệu một tay chơi bời trác táng. Tệ hơn nữa, ông chơi một cách xấu xa, chẳng lương thiện tí nào:

*Cao lâu thường ăn quýt
Thỏ đi lại chơi lường!*

Nhà thơ lừng lẫy Trần Tế Xương – cuối thế kỷ thứ 19, đầu thế kỷ thứ 20 – của chúng ta, như vậy, đã rõ là một người có tư cách tồi tệ, đáng khinh bỉ. Nhưng, người Việt Nam yêu thơ mà đã biết đến thơ ông thấy đều khâm phục là hay. Một trong những điểm hay là: tác giả dám nói toạc ra hết những sự thật xấu xa về mình, như trên. Đối với ai khác thì có thể, nhưng riêng với ông Tú Xương thì chúng tôi không tin. Không tin rằng ông có thể xấu xa như vậy, trong tư cách một người chồng. Bởi vì, chính ông, qua thơ ông, hơn ai hết, đã tự chứng tỏ là một người chồng rất đặc biệt, một người chồng thi sĩ đã vẽ chân dung vợ mình tuyệt đẹp, để lại cho đời. Vì vậy mà hôm nay có bài viết này về bà Tú Xương, nhân một dịp Xuân về ở hải ngoại, rất long trọng mong xét lại vấn đề, hầu soi sáng lại một khía cạnh trong toàn bộ những gì đã được viết về ông từ trước đến nay: Tú Xương có phải là một người chơi bời trác táng như vậy không? Có hoàn cảnh để mà chơi bời như vậy không? Không. Nhất định không. Bởi vì ông nghèo lắm. Nghèo đến nỗi suốt đời than nghèo, như đã trích dẫn thơ. Lập lại một lần nữa:

THAN CÙNG

*Người bảo ông cùng mãi
Ông cũng thế này thôi*

*Vợ lăm le ở vú
Con tấp tễnh đi bơi
Khách hỏi nhà ông đến
Nhà ông bán mất rồi!*

MẮC AO BÔNG

*Bức sốt nhưng mình vẫn áo bông
Tuồng rằng ốm dậy hóa ra không
Một tuồng rách rưới con như bố
Ba chữ nghèo nghao vợ chán chồng*

THAN NGHÈO

*... Chẳng khôn cũng biết một hai điều
Chẳng chuyện gì hơn cái chuyện nghèo
... Chẳng phải rằng ngu, chẳng phải đàn
Chỉ vì túng kiệt phải bản thân*

*Cũng mong giàu có, thời chưa gặp
Vẫn muốn phong lưu ngộ lúc bản*

CÁI KHÓ

*Cái khó theo nhau mãi thế thôi
Cố ai, hay chỉ một mình tôi?*

Lúc nào cũng nghe ông than thân trách phận, và than nhiều nhất là than nghèo, nghèo đến kiệt xác, chứ không phải nghèo bình thường. Vậy thì ở đâu ra cái con người phong lưu, trác táng, cờ bạc, rượu chè, cao lâu, thỏ đi, lên xe xuống ngựa với một bộ váy màu mè chải chuốt chẳng khác gì Sở Khanh vậy? Giải thích thế nào đây?

Ngày Xuân Nhớ Bà Tú Xương. Bởi nhớ bà Tú Xương như một người vợ nổi tiếng nhất trong thị ca cổ điển Việt Nam, mà có bài này. Cho nên, vấn đề là bà Tú Xương, không phải là ông. Mà hình ảnh bà Tú Xương, như hậu thế có được cho đến hôm nay, đều là qua thơ của ông cả. Chính ông đã vẽ nên bà, từ vóc dáng, từ diện mạo đến tính tình, đến đức hy sinh... có thể nói là bao dung và quảng đại cho chồng, cho con. Chính ông đã vẽ nên bà, trong thơ, bằng một cái giọng âu yếm khác thường:

*Mặt nhẵn nhụi, chân tay trắng trẻo,
ai dám chê rằng béo, rằng gầy
Người ung dung, tính hạnh khoan hòa,
chỉ một bệnh hay gàn hay dở*
(Văn Tế Sóng Vọng)

Nhà Nho, đệ tử của Khổng Mạnh, mà tả vợ như thế là vợ đẹp lắm đó. Chứ "các ngài" khen ai thì khen, không có khen vợ đâu! Và, ở mỗi câu mỗi chữ ông nhắc đến bà đều xót xa quá đỗi, chưa kể là có

khí ông tự đặt mình vào địa vị của bà để mắng
chồng một câu đích đáng:

*Một duyên hai nợ âu đành phận
Năm nắng mười mưa, dám quản công
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc!*

Ông Tú Xương, một thi sĩ. Một người đầy tình,
đầy nghĩa. Lẽ nào lại có thể là một người chồng
xấu? Thì ông đó, ở những câu thơ về nên chân
dung của bà, đầy âu yếm xót xa, đầy ăn năn hối lỗi,
có khi ông còn tỏ ra thương vợ đến quay quắt và
tiếc cho bà đã lấy phải một người chồng "không ra
gi," "chẳng bằng ai": Người bảo ông điên ông
chẳng điên. Ông thương ông tiếc hóa ông phiền...

Lập luận như thế cũng là một cách "nói vợ vào,"
và có thể gặp phản ứng ngay: Nếu bảo rằng ông
Tú là một người đầy tình đầy nghĩa, một người
chồng tốt, một lòng yêu thương người bạn trăm
năm đã vì mình mà suốt đời tất tả ngược xuôi, vất
vả lam lũ, thì thử hỏi: Làm sao cắt nghĩa được
những bài thơ qua đó ông đã tự nhận rằng mình
từng cờ bạc rượu chè, ăn quýt ở cao lầu, chơi lờng
ở thổ dĩ, và lãng nhãng lít nhít với đủ hạng đàn bà?
Như thế, chẳng làm cho bà đau đớn lắm, sao? Vậy
mà cho rằng thương yêu vợ, cho rằng quý trọng
vợ? Chưa kể rằng con người của ông, qua thơ để
lại, nếu đã được khâm phục về thi tài, thì lại đã bị
coi thường vô cùng về tư cách! Hãy tưởng tượng:
Hôm nay, mừng một Tết, vọng linh bà Tú Xương
"đang ngậm cười nơi chín suối" bỗng lên tiếng trả
lời độc giả người Việt ở hải ngoại; ngôn ngữ của bà
xem chừng cũng tiến bộ, up to date lắm:

- Trải qua hơn một trăm năm, đến nay quý vị còn
thắc mắc về nhà thơ sông Vị như vậy, là đúng đấy.
Ông-Tú-nhà-tôi-xưa làm gì có điều kiện để mà
quần là áo lượt, chơi bời trác táng, đàng điếm đến
như vậy. Ông nghèo lắm, nghèo đến độ "bức sốt
nhưng mình vẫn áo bông," "một tuồng rách rưới
con như bố," cơ mà. Sở dĩ ông có những bài thơ
"cà chớn" về vụ đó thì... tôi có thể cam đoan rằng
thì là đều do tưởng tượng mà làm ra cả. Thi sĩ mà,
vốn giàu tưởng tượng, tôi nghe các nhà thơ đều nói
thế. Quý vị cứ xem ở mỗi một bài thơ "Bệnh" thì
đủ biết ông-Tú-nhà-tôi chỉ toàn là phịa ra cho vui
thôi. Bài thơ "Bệnh" của Trần Tế Xương mở đầu
như thế này:

*Thua bạc ra đi với mẹ nhà
Bệnh gì chẳng bệnh, bệnh tiêm la!*

Nói có trời chứng, tôi luôn luôn ở bên cạnh
"ông nhà tôi" mà - "mẹ nhà" là tôi đấy - ông có
mắc bệnh tiêm la bao giờ đâu! Chỉ toàn là đem
chuyện người ta về viết thành thơ chơi, chỉ toàn là
đùa dai đùa ngông, phóng đại con chuột ra thành
con voi để "nói thánh nói tướng" cho sướng cái
miệng, như kiểu bác Tân Đà khi hay tin bác ấy bị
hông thì ấy mà. Bác Hiếu viết:

*Bời ông hay quá ông không đỡ
Không đỡ ông càng tốt bộ ngông!*

Thì ông-Tú-nhà-tôi cũng vậy thôi. Ông ấy
nghèo lắm, khổ lắm và xót vợ xót con vô cùng.
Làm thơ, tôi biết, một phần là sự thật, nhưng phần
khác chỉ là tưởng tượng thôi. Đây nhé, hôm nay
nhân dịp Tết, xin quý vị đọc lại bài thơ "Sấm Tết"
của ông-nhà-tôi để mà biết ông có tài thù dật đặc
biệt, độc đáo như thế nào. Riêng tôi lấy làm hãnh
diện lắm. Giá mà ông sinh ra ở thời đại này để mà
có dịp di tản ra nước ngoài như quý vị sau năm
1975 thì tôi nhất quyết sẽ... ra bằng thơ cho ông, tổ
chức ra mắt sách cho ông, để cho tiếng tăm của
ông còn lừng lẫy hơn nữa! Hoài của! Ông đã mệnh
yêu qua đời từ năm 37 tuổi, mới đậu được cái Tú
Tài mấy năm sau tám kỳ đi thi mà hỏng! Giá như
ông-Tú-nhà-tôi mà được thọ như các cụ thi sĩ lão
thành bây giờ, thì sự nghiệp chắc còn khá lắm, tha
hồ mà... ra mắt sách đó đây!

Xin cảm ơn quý vị cho đến hôm nay còn tưởng
nhớ đến người đàn bà quê mùa này. Để đền đáp
trong muôn một, tôi xin tặng quý vị bài thơ "SấmTết"
của Trần Tế Xương, thiết tưởng cũng là món quà đầu
năm rất độc đáo, và nhất là nó chứng tỏ được rằng
ông Tú Xương chỉ chuyên... nói xạo thôi!

*Tết nhất năm nay mới thật là
Một mâm mứt rận mới bày ra
Xanh đồng trắng lại đen rưng rức
Áo đụp bò ra béo thực thà
Kẹo chú Triều Châu đầu sánh được
Bánh bà Hạnh Tú cũng thua xa
Sang năm quyết mở ngôi hàng mứt
Lại rưới thêm vào tí nước hoa*

VI KHUÊ (Virginia)

TÌNH XUÂN THOÁNG QUA

tặng Mộng-Thúy

Em như hoa mới giữa vườn Xuân,
Bướm đẹp là anh lượn đến gần,
Gió tạt hoa nghiêng rung cánh thẹn,
Nhụy toả hương say ngát cõi trần...

Phút chốc gặp anh, em đã mơ :
Cùng nhau nối tiếp một nguồn thơ,
Bốn mùa khăng khít tình hoa bướm,
Nấn nót cung lòng, đẹp trúc tơ...

Nhưng anh không ở lại bên hoa,
Vội ý thơ Xuân nhẹ bước qua,
Duyên Trời chẳng đậu tình nhen nhúm,
Xuân điệu vui, mà vắng thiết tha.

Vuốt đoá hoa Xuân hé dở dang,
Em nhìn anh trở gót đi ngang.
Nhủ lòng chôn chặt tình Xuân yếu,
Cho khỏi thành hoa sứ bể bàng!

Ai tặng em vương vãi trắng bông
Khi được tin em sắp lấy chồng ?
Đêm Xuân em sẽ dùng khăn ấy
Thấm lệ vu quy, chuốt má hồng.

Em nguyện chung thủy với lang quân,
Hồn trắng thân trinh đượm ái ân,
Phòng the nồng cháy bền hương lửa,
Và em quên để chút tình Xuân...

Đồng Tác Giả

BÌNH-HUYÊN

(Xuân Sài Gòn, 1957 -
Xuân Paris, 2009)



Tranh họa của

Bình-Huyền

Tình Xuân Thoáng Qua

Thơ: (Ngắm trước khi vào nhạc)

Em nguyện chung thủy với lòng, vườn,
Hồn trăng thân kính diễm ai ăn,
Phong tình nồng chảy bên hương lửa,
Và em quên đi chút tình xuân...

Thơ: Bình Huyền

Phổ Nhạc: Anh Huy x Cát Phượng

Tango ♩ = 96 BH (Tặng Mừng Thúy)

Em như hoa mới giữa vườn xuân, ... Bướm đẹp là anh liêu đời gần ...
Gió tạt hoa nghiêng rung cánh thẹn, ... Nhụy tỏa hương say ngát cõi trần ...
Phút chốc gặp anh, em đã mơ ... Cùng nhau nói tiếp một nguồn thơ,
Bón mưa khoáng khí tình hoa bướm, ... Nấn nót cung lòng đẹp trêu ta ...
Nhưng anh không ở lại bên hoa, ... Với ý thơ xuân nhẹ bước
qua, Duyên trời chẳng đậu tình ghen nhúm, xuân đi vui, mà vắng thiết
tha vượt đóa hoa xuân hé dẽ dang, Em như anh tẻo gọt đi
ngang ... Như lòng chôn chặt tình xuân yếu, Cha khơi thành hoa sẽ bẽ
bàng ... Ai tặng em vàng vãi trắng bàng ... Khi đi tóc tin em sắp lấy chồng?
Đêm xuân em sẽ dùng khăn ấy ... thắm lệ vu quy, chướt ma hồng ...

©: Trở về accord Mi-cro và ngân dài 1 Measure.

Phượng Các, đêm 18.04.2003
AHCP

Bố Hoa Khô

BÌNH HUYÊN

Em đã bỏ tôi một buổi chiều

Khi sương Đà Lạt đượm hương yêu

Rơi lên vành lá hoen màu lệ

Khóc hộ tình tôi lạnh đá rêu...

Nước mắt chan hoà, Hùng thơ thẩn bên bờ hồ Xuân-Hương, một trong những địa điểm kỷ niệm giữa chàng và Hà. Ven hồ, hai cây thông cao vút, khẳng khiu. Cây này có cành nhỏ bé đan vào cành của cây kia, như cặp tình nhân nắm tay nhau ngắm hồ. Trên một góc cây, ngang tầm mắt, hai chữ H lồng nhau được khắc sâu vào vỏ cây. Hình ảnh đó bây giờ chỉ mang lại cho người con trai mới hơn hai mươi ba tuổi nỗi đau buồn sâu đậm. Trong khoảnh khắc, Hùng thấy nước hồ Xuân-Hương mời gọi chàng thật tha thiết. Phải. Được thả mình cho chìm xuống đáy hồ chắc là thoải mái lắm, khi mà thể xác vô duyên không còn ngăn cản được linh hồn thanh thoát. Thịt da ngấm nước lạnh mười độ của mùa đông, co cứng lại, rồi từ từ rữa nát. Linh hồn kẻ thất tình tan vào nước hồ để thu hút lại tất cả hình ảnh, âm thanh, hương vị yêu đương của chàng với người yêu đã từng được nước hồ chứng giám. Hạnh phúc biết bao! Khổ đau sẽ hết. Tình yêu sẽ giữ được muôn đời.

Nhưng, cơn gió mát rượi từ đâu phào tới làm Hùng tỉnh lại, cứu chàng thoát khỏi ý nghĩ điên rồ là sẽ hủy diệt thân xác vì một con người phản trắc. Hà đã vâng theo lời cha mẹ, tuân theo lý trí của chính nàng, lấy chồng là một bác sĩ có tương lai sáng lạn, hứa hẹn cuộc sống huy hoàng, bảo đảm chắc chắn. Nàng bỏ rơi không thương tiếc mối tình đầu đã dẹt

thêu nên biết bao dấu vết tình yêu của họ để nhập vào vẻ đẹp thơ mộng của xứ Đà Lạt. Hai cặp bàn chân sóng đôi nhịp bước. Những trao đổi yêu đương qua cử chỉ duyên ái đam mê, tiếng thì thầm thể nguyện, hơi thở quyện nhau hâm nóng một khoảng trời nhỏ bé của không gian giá lạnh. Tất cả các phong cảnh chứa chan vẻ đẹp lãng mạn của vùng cao nguyên này không trốn tránh được dấu vết tình yêu đó : Nào là những phong cảnh ngoạn mục như Cầu Ông Đạo, hồ Lớn, hồ Than-Thở, Suối Vàng, thác Cam-Ly, Thung lũng Tình-Yêu... Nào là những địa điểm mang nhiều nét thực tế : Từ Nhà Thờ Lớn nguy nga, chùa Linh Sơn, chùa Trúc Lâm cổ kính, dinh Toàn Quyền, dinh Bảo Đại, đại học Đà Lạt, ga xe lửa kiến trúc kiểu Tây phương với ba nóc hình tam giác đặc biệt, vô số căn nhà nổi lênh bênh san sát theo hình vòng cung trên sông La Ngà, chợ Trung Ương ban đêm lộng lẫy ánh đèn vàng rực chiếu lên cây tháp Eiffel ngạo nghễ, cho đến những khu làng thiếu số đơn sơ, tối tăm, tịch mịch...

Tiếng nói mạnh và trong đượm âm sắc ra lệnh cất lên làm Hùng tỉnh hẳn :

- Ê! Hùng! Mày đi đâu làm tao tìm mãi, giờ mới thấy? Đi có một mình sao? Bỏ tèo đâu rồi?

Chưa kịp trả lời, đôi tai Hùng nhận thêm loạt âm thanh sắc bén:

- Thôi tao hiểu rồi. Bị bỏ cho leo cây phải không. Cứ nhìn gương mặt sầu thế kỷ là biết ngay.

Hùng để cho Giao, người bạn trai thân nhất của chàng, nắm tay kéo đi, miệng nói tiếp :

- Này! Bảo thật nghe. Tìm em khác đi. Đây thiếu gì em. Buồn chi cho tổn thọ! Về đi!

Bốn câu thơ "thất tình" lúc này mờ đi trong tâm trí Hùng, nhường chỗ cho hàng loạt hình ảnh các thiếu nữ mà chàng đã gặp, ngoài đời cũng như tại chỗ làm việc của chàng. Hùng ra trường thành giáo sư Việt văn mới được vài tháng của một năm Ất-Tị. Nhiệm sở của chàng ở rất xa nơi gia đình cha mẹ anh chị em chàng trú ngụ. Cao Lãnh. Một tỉnh nhỏ có bụi

đường hồng, nước kinh đục, dân quân quốc cộng sinh hoạt lẫn lộn.

Chàng nhớ rõ buổi chiều hôm ấy, từ trường trở về nhà trọ, nhận được lá thư mỏng manh. Mở ra đọc để thấy toàn thân bàng hoàng như người lên cơn đau tim. Mồ hôi chảy giàn giụa trên mặt, khắp thân thể chàng, không phải vì hơi nóng của miền Hậu Giang mưa nguồn nắng lửa, mà bởi lá thư gửi đến chàng đúng vào thời gian cuối năm với những hăm hở sắp được nghỉ lễ, về thăm gia đình và người yêu. Mảnh giấy xé vội chứa đựng vài dòng nguệch ngoạc bằng nét chữ con gái : "...Hà phải vàng lệnh song thân, lên xe về nhà chồng, cho trọn chữ hiếu. Vĩnh biệt mối tình đầu của tôi !..." Tạm biệt bầu trời miền nam vào mùa khô chan hoà ánh nắng, Hùng trở về vùng cao nguyên xanh tím trong mùa đông giá lạnh. Bộ *complet* và khăn quàng len không làm chàng ấm áp khi chàng biết rõ rằng Hà đã thực sự cho chàng tuột dù một cách lạnh lùng trái với hình ảnh "thục nữ vu qui" do nàng tạo ra trong lá thư vĩnh biệt.

Sau bữa ăn trưa nuốt vội, Hùng xin phép bố mẹ, ra phố. Bố Hùng nhìn theo, chép miệng:

- Biết bao giờ vết thương lòng của nó mới hàn gắn được!

Vết thương lòng ấy rỉ máu, xót sa, loét rộng theo mỗi bước chân của Hùng đi sâu vào vòm trời kỷ niệm. Chàng thả bộ trên hè, rảo bước qua đường, lom khom leo giốc, rón rén xuống các bậc đá, như người mộng du lang thang trên khắp nẻo đường phố tỉnh cao nguyên quá quen thuộc này. Thị giác của chàng thu nhỏ lại, nhường chỗ cho những cánh hoa ký ức nở đầy hình ảnh, kể lại một mối tình bốc lửa... Thỉnh thoảng, Hùng không ngăn được cảm xúc, mấp máy miệng nói lên thành tiếng, một mình, chân vẫn bước khi nhanh khi chậm, hai tay trong túi quần... Đầu đây, mấy khúc phim tình cảm riêng tư thoát ra khỏi ký ức, bay trong ánh sáng đục màu sương Đà Lạt...

*Đá rêu mòn nhấn ghé Ninh Kiều,
Em dẫn anh về đếm tiếng yêu,
Cùng nhau ấp ủ mùi hương tóc,*

Nhuộm đỏ môi hôn dưới nắng thiêu...

Hùng gặp Trúc-Đào vào ngày khai trường niên khoá 1967-1968. Nàng xuất thân giáo sư đệ nhất cấp ban Toán Trường Cao đẳng Sư phạm Cần Thơ. Nhan sắc của Trúc-Đào rất mặn mà với mái tóc đen nhánh chấm ngang lưng, cặp mắt to nhiều lòng đen dưới đôi lông mày dài thanh thanh đậm nét, chiếc mũi cong có hai cánh khá nở nang trên hai lỗ mũi có nhiều đường gãy, và cặp môi đầy mọng bôi son đỏ đậm. Thân hình nàng là cả bài thơ con gái chanh cơm: cặp nhũ hoa sừng trâu như muốn đẩy tung làn vải áo dài trắng in hoa nổi cũng màu trắng bó sát cái bụng thon và bờ lưng ong mềm mại.

Đàng trước, vải áo mềm phủ chiếc bụng lép nổi hình tam giác theo từng bước chân, phát phối ôm cặp đùi chắc nịch của nữ vũ công Tây ban nha, lấp ló đôi bắp chân thon thon kín kín hờ hờ trong lớp quần *satın* đen. Đàng sau, tà áo dài uốn éo nảy nhẹ trên cặp mông cong cong khiêu khích của gái tây phương. Mỗi bước chân đi của Trúc-Đào trên đôi giày da cao gót quai đỏ đẩy hai bờ mông khêu gợi đong đưa đều đều theo điệu vũ *rumba* ngắn gọn, thỉnh thoảng hất nhẹ gấu áo dài tung lên theo gió.

Trên con đường từ trường về nhà trọ, Hùng theo sau cách Trúc-Đào chừng mười thước. Chàng mãi mê ngắm thân hình tuyệt mỹ cùng dáng đi lẳng lơ một cách thơ ngây của nữ đồng nghiệp. Đến đầu phố dẫn tới nhà trọ của Hùng, Trúc-Đào rẽ trái vào nhà bà giám thị nhà trường tên là Ba. Trước khi biến hẳn vào trong khung cửa mờ tối, cô giáo trẻ đẹp quay lại, ban cho Hùng nụ cười đỏ tươi trắng bóng kèm theo cái nhìn tiết ra ánh đen nồng cháy.

Sáng hôm sau có buổi họp giáo sư lúc chín giờ. Đúng tám giờ ba mươi Hùng đến trước cửa nhà trọ của bà giám thị Ba. Trúc-Đào từ trong nhà bước ra, vẫn trình diễn đầy đủ nhan sắc, điệu đi, ánh nhìn, nụ cười hôm trước. Thêm vào đó, nàng cho đời được nghe tiếng oanh vàng bạo đạn cố hữu của gái miền Nam với câu hỏi gửi thẳng cho Hùng:

- Anh kiếm ai?

Hùng bàng hoàng, nhưng trấn tĩnh được ngay, cất tiếng của một ca sĩ đương thời nào đó:

- Chị Trúc-Đào muốn tôi kiếm ai cũng được.

Cả hai cùng cười giòn giã, sánh vai đi song song trên hè phố, tự nhiên như trên màn ảnh. Trúc-Đào vui vẻ nghiêng đầu, nói khẽ bên tai Hùng:

- Thôi. Anh Hùng khỏi cần kiếm ai nữa.

Hùng sung sướng, biết rằng Trúc-Đào đã để ý đến chàng từ hôm trước, khi ông hiệu trưởng Bình giới thiệu các giáo sư mới cũ tại Phòng Giáo sư. Từ hôm đó, các con đường đất, cây cối, bờ ruộng, vĩa hè phố, bờ sông, đều đẹp hẳn lên, vui khác thường, và thân mật vô vàn, vì in dấu chân, hình ảnh, màu sắc, âm thanh của cặp trai tài gái sắc. Dân chúng như đồng loạt với họ qua ánh nhìn, nụ cười, mỗi khi gặp cậu trai Bắc cặp cô gái Nam khả ái kia. Trên balcon nhà trọ lúc đêm tối, trong lối nhỏ giữa hai hàng rào cây rậm rạp của khu cư xá công chức tỉnh Cao Lãnh giữa buổi trưa vắng vẻ, rồi ngoài bến Ninh Kiều trong bóng chiều Tây Đô, trên chiếc ghế gỗ dài sau trường Phan Thanh Giản, dưới hàng cây me kín đáo cạnh trường Đoàn Thị Điểm vào những ngày nghỉ. Đầu đầu cũng in dấu tình yêu bóng chày giữa thiếu nữ mới vào tuổi người lớn, và thanh niên vừa thoát khỏi cơn khủng hoảng của một mất mát tình cảm hãy còn vương mùi vị đắng cay. Cuộc tình kéo dài hai mùa thi có nắng Hè chứng kiến.

Cho đến một hôm, đầu mùa Hè 1969, khi gặp nhau tại bến Ninh Kiều, Cần Thơ, tự nhiên như lần đầu nói chuyện với nhau, Trúc-Đào ngậm ngùi bảo Hùng, hai giọt lệ kim cương long lanh trong khoe mắt đen thăm thẳm :

- Trúc-Đào phải xa anh từ bữa nay!

Hùng gặp lại ngay được cái bàng hoàng thuở nào, khi bị bỏ cho tuột dù. Không phải qua lời thư nhạt nhẽo, mà với âm thanh hình ảnh sống động xảy ra trước mặt. Chàng không nói được, chỉ biết nhìn Trúc-Đào bằng ánh mắt đỏ ngầu chứa đầy nghi vấn. Trúc-Đào quay đầu, lắc mạnh cho mái tóc mây loà

xoà ôm trọn cặp vai tròn như muốn tặng cho chàng một nét khêu gợi cuối cùng. Mắt nhìn ra xa, nàng đọc tiếp bản án :

- Anh biết không. Khi còn học tại Đại học Cần Thơ, Trúc-Đào đã thầm yêu một ông thầy. Đối trường, học ngành giáo sư đệ nhất cấp, Trúc-Đào không gặp thầy ấy nữa. Sau mấy năm vắng mặt, bữa nọ, Trúc-Đào tình cờ gặp lại thầy khi đi qua mặt một căn nhà giữa tỉnh Cần Thơ. Thầy đứng ngoài vườn, trong bộ áo bà ba giản dị, mà sao Trúc-Đào thấy thương quá!

Hùng nổi giận :

- Thôi! Cô im đi.

Nói đoạn, Hùng quay ngoắt, đi nhanh về phía đầu phố, gọi chiếc xe lôi, ra bến xe đò Cần Thơ...

Tôi được nguồn thơ đã đổi vắn,

Yêu đương mở, đóng chẳng phân vân,

Tại em cũng chỉ là con gái,

Là quỉ, là tiên giáng cõi trần...

Ra đến bến xe đò Cần Thơ, Hùng sức nhớ rằng chàng phải có mặt tại Trung Tâm Hội Đồng Thi Tú Tài toàn phần trong trường Phan Thanh Giản sáng hôm sau. Hùng thả bộ trở về trường thi, lên lầu một, nơi có lớp học rộng rãi tổ chức thành phòng ngủ chung cho các nam giám thị kỳ thi Tú Tài sắp tới. Chàng uể oải tới ngồi xuống chiếc giường sắt có mắc sẵn mùng, bên cái tủ nhỏ đựng xác hành lý của chàng.

Làm công tác giám thị phòng thi một cách máy móc, Hùng gần như người mất hồn. Cũng may là chàng không bị sai sót nào trong công việc tỉ mỉ này. Buổi họp cuối cùng của Hội Đồng Thi được tổ chức trước khi các giám thị tiếp tục đi tới các trung tâm chấm thi. Nam nữ giám thị, gồm các giáo sư đệ nhất và đệ nhị cấp, nhận giấy tờ để sau mùa thi mang về nhiệm sở cho Phòng Kế toán làm hồ sơ xin phụ cấp gác thi và chấm thi. Họ có thời gian ngắn ngủi trao đổi với bạn bè đồng nghiệp mới cũng như cũ. Hùng hơi trở lại bình thường một chút. Chàng ngồi uống nước gần một nhóm nữ giáo sư đang riu rít chuyện

trò. Một câu nói vui tươi hiền hậu đượm âm thanh nũng nịu yêu kiều, lời cuốn chú ý của Hùng :

- Thủy-Tiên phải về Đà Lạt ngay. Có ai đi Sài Gòn, cho Thủy-Tiên nhờ một tí nào?

Không ai trả lời. Các bạn gái của Thủy-Tiên cười khúc khích. Một người nói :

- Lời chào bán hàng của mày ế rồi!

Giọng nói của nữ giáo sư mang tên Thủy-Tiên càng thêm nũng nịu yêu kiều hơn:

- Đừng trêu chọc! Tao khóc cho mà xem! Có việc cần mới lên tiếng nhờ chứ. Có ai...

Thủy-Tiên ngừng hỏi. Từ phía bàn gần đó, một bàn tay giơ lên trong nhóm nam giáo sư. Thủy-Tiên mừng rỡ, đứng dậy, tiến về chỗ người đã đáp lời kêu gọi của nàng. Đó là Hùng. Chàng mỉm cười nhẹ, thấy một thiếu nữ tầm thước, mặc áo dài xanh thêu hoa trắng trông phảng phất dáng một nữ sinh. Tóc nàng cắt ngắn, uốn cao. Đôi mắt đen láy thông minh. Chiếc mũi xinh xinh trên cặp môi kẻ son nhẹ màu san hô với cánh môi trên hơi cong lên trông rất đáng yêu. Làn da trắng mịn bao phủ khuôn mặt trái soan có chiếc cằm rất tài tử với phần giữa hơi lúm xuống. Hùng chưa kịp ngắm nốt thân hình thon thả với làn ngực nhô lên mang nét trinh trắng, Thủy-Tiên đã đứng sát bàn, tay cầm một bao thư khá dày dán kín, miệng chum chím làm duyên và ánh mắt nồng nàn cầu khẩn, khiến cho tâm hồn khô héo của người con trai mới mất người yêu như được truyền nhựa sống.

- Dạ, thưa anh. Thủy-Tiên nhờ anh chuyển lá thư quan trọng này cho một người quen ở Sài Gòn. Địa chỉ ghi trên mặt thư. Có được không ạ?

Không trả lời câu hỏi, Hùng nói nhỏ :

- Chị cũng ở trên Đà Lạt à?

- Vâng ạ. Còn anh?

- Gia đình tôi ở trên đó.

- Anh bằng lòng chuyển thư này hộ tôi nhé.

Hùng gật đầu, tay cầm lấy lá thư to và hơi nặng, mắt ngược nhìn Thủy-Tiên. Khi nàng nhìn trả lại bằng ánh mắt vô tội, chàng cúi xuống đọc tên và địa

chỉ người nhận ở mặt trước, rồi tên và địa chỉ người gửi ở mặt sau. Chàng lại ngược lên, mỉm cười:

- Hy vọng sẽ gặp lại chị ở Đà Lạt, sau kỳ thi này.

Thủy-Tiên nhẹ nhàng gật đầu, rồi quay về bàn với các bạn. Mấy nữ giáo sư từ nãy cùng im lặng theo dõi hai người lúc bấy giờ mới nhìn nhau, nhường cặp lông mày một cách đầy ý nghĩa. Thủy-Tiên chau đôi môi đỏ:

- Sao?

Những chuỗi cười vui tươi vang lên như đồng loa với niềm vui mới của Hùng...

Thủy-Tiên về với gia đình tại vùng cao nguyên Đà Lạt, hưởng nốt những ngày Hè tươi mát yên tĩnh, tránh xa bụi đỏ, nắng vàng cùng náo nhiệt của miền Nam. Nàng gặp lại các bạn gái chơi từ thuở bé. Hà là một bạn cố tri của Thủy-Tiên. Trong lúc hàn huyên, Hà chợt hỏi:

- Lá thư tao nhờ mày chuyển đến bà cô tao ở Sài Gòn, mày đã chuyển chưa? Trong bao thư có vài thứ quan trọng mà tao không muốn gửi qua đường Bưu điện.

Thủy-Tiên vui vẻ đáp:

- Tao nhờ một đồng nghiệp chuyển giùm.

- Sao thế?

- Tao xin nghỉ chấm thi, lấy cố bị mệt và có giấy bác sĩ cho. Sài Gòn nóng nực ồn ào quá ! Mày đừng lo, anh giáo sư đồng nghiệp của tao hào hoa, cẩn thận lắm. Hôm kia, tao nhận được thư của anh ấy từ Sài Gòn gửi lên thăm và báo tin đã làm xong "nhiệm vụ".

- Quen lâu chưa?

- Mới quen trong Hội Đồng Thi Phan Thanh Giản thôi.

- Ông ấy tên gì?

- Lý quốc Hùng...

Hà giật mình, mở to hai mắt, rồi phát nhẹ vào vai bạn:

- Lý quốc Hùng, giáo sư Việt văn Trung học Kiến Phong phải không?

Thủy-Tiên cũng giật mình, mở to đôi mắt nhưng, phát nhẹ vào vai bạn:

- Trong thư hỏi thăm, anh ấy cũng tự giới thiệu như thế. Có gì quan trọng không mà mà làm tao hết hồn?

Hà thở phào theo kiểu tây phương, lắc đầu, nhìn bạn bằng đôi mắt hơi nghiêm:

- Anh ấy là bồ cũ của tao. Đẹp trai, ăn nói duyên dáng bay bướm lắm...

Thủy-Tiên ngắt lời bạn :

- Thế sao mà lại cho anh ấy tuyệt dù?

Hà nghiêm trang:

- Anh ấy có người bạn trai tên là Giao. Anh ấy quý bạn hơn bồ, lại hay nghe lời anh bạn đó. Tao chịu đựng khá lâu, cuối cùng phải "Adieu". Mà coi chừng đó.

Thủy-Tiên cười hồn nhiên:

- Có gì đâu mà coi chừng. Lòng tao như tờ giấy trắng. Đừng lo.

... Tâm hồn trinh trắng ấy dần dần bị tư vương ám ảnh như một định mệnh. Hùng theo sát Thủy-Tiên như bóng ma ám ảnh người trần. Cần Thơ, Sài Gòn, Đà Lạt. Những con đường rợp bóng cây thơ mộng. Những quán nước, rạp *ciné*, phố phường lộng lẫy. Những buổi chiều hazy nắng trên ghé đá bến Ninh Kiều... Tất cả dần dần ghi ngày càng đậm đà hình ảnh âm thanh hương vị của cặp trai gái Quốc Hùng và Thủy-Tiên. Tất cả những viên gạch điểm tình đó như chồng chất ngày càng bề bộn trước cửa nhà trọ của Thủy-Tiên tại nhiệm sở Cần Thơ. Rồi một ngày định mệnh, trước áp lực của những đợt tấn công tình cảm tung ra bởi chàng trai đa tình, cánh cửa bảo vệ trinh nữ bật mở lần thứ nhất. Hùng được Thủy-Tiên mời lên căn phòng trọ xinh xắn, ngát thơm hương trinh. Tuy nhiên, kháng cự cuối cùng của người con gái chưa biết yêu đã được nền giáo dục kỹ lưỡng của gia đình trợ giúp hữu hiệu. Tấn công điêu luyện của người con trai đầy đặn trong kinh nghiệm đau khổ của tình yêu đã bị chặn lại trước ánh nhìn vô tội, giọng nói đoan trang, tiếng cười ngây thơ của cô gái Việt con nhà giòng dõi trâm anh. Căn phòng vắng nhờ vậy chỉ chứng kiến mỗi giao tình thanh khiết mà thôi. Cho đến một buổi sáng Chủ Nhật của vùng Tây Đô thiếu

nắng. Hùng ngồi trước cái bàn nhỏ đối diện với Thủy-Tiên. Chàng ngửa hai bàn tay lên mặt bàn, nhìn nàng, tha thiết nói:

- Thủy-Tiên ơi! Nếu em bằng lòng cho anh suốt đời được tôn thờ em là người yêu muôn thuở, người vợ đời đời, thì em hãy đặt hai bàn tay em vào lòng bàn tay anh đi.

Như bị thôi miên, Thủy-Tiên từ từ nhấc hai bàn tay đang ấp trong cặp đùi ấm áp, nhẹ nhàng để gọn gàng vào lòng bàn tay rộng rãi nóng bỏng của Hùng. Hai giọt lệ ngà dâng lên trong đôi khoé mắt nhưng vừa cảm động vừa nuối tiếc cho làn hương trinh mong manh quý giá đã bị bóc ra khỏi tâm hồn người con gái, lần đầu bị tình yêu khuất phục làm xụp đổ chiến lũy giáo dục gia đình! Tình yêu tháo cũi xổ lồng với cử chỉ đầu dựa đầu, má kề má, tay nắm tay, rồi thân thể áp chặt vào nhau không muốn rời. May sao, các cử chỉ luyến ái đưa cảm giác trinh nữ lên cao không đạt tới tột đỉnh khoái cảm được. Đó là cái may mắn cuối cùng của Thủy-Tiên. Nàng kiên quyết yêu cầu người yêu hãy dành nụ hôn đầu tiên cho đêm Tân Hôn. Hùng đành nghe theo, trong lòng quặn vài chói buốt khi hình ảnh Hà và Trúc-Đào thoáng qua, phủ phàng rút đi từng mảnh linh hồn chàng, mỗi khi linh hồn ấy không được thỏa mãn trong tình yêu. Cảm tưởng đó xảy ra với Hùng kể từ khi chàng bị thất tình lần sau cùng với Trúc-Đào.

Em như một đoá thủy tiên sâu,

Chuồn về rồi bị bỏ quên mau,

Bơ vơ trong góc vườn khô đất,

Lặng lẽ theo năm tháng đổi màu!

Rồi đêm Tân Hôn đến, cũng lại như một định mệnh, với Thủy-Tiên và Quốc Hùng. Sau bữa tiệc cưới linh đình giữa hai họ và thân hữu, chú rể đưa cô dâu trên chiếc xe hơi đẳng hoa lộng lẫy về ngôi nhà của đại gia đình họ Lý gồm bố mẹ và một số anh chị em của Hùng còn độc thân hoặc đã có gia đình nhưng chưa đi ở riêng. Cô dâu chú rể chiếm một căn phòng khá rộng trần thiết thật

đẹp mắt tiện nghi trên tầng hai. Trong căn phòng cửa đóng chặt, Thủy-Tiên và Hùng ngồi trên bờ giường nệm trắng tinh, nhìn nhau say đắm. Hai má cô dâu đỏ hồng vì còn e thẹn. Mặt chú rể đỏ gay vì men rượu. Hùng nở nụ cười chiến thắng với hai hàm răng trắng phau, cất giọng mạnh dạn:

- Em nợ anh nhiều lắm đấy nhé! Đêm nay, hai ta hãy yêu nhau hết mình, bù lại những ngày tháng dài đằng đặc đè nén khát khao để tuân theo lễ giáo.

Thủy-Tiên càng e thẹn hơn, nhìn chồng không nói. Hùng phải bắt đầu mọi thứ, biến đổi cô gái trinh học giỏi mà thiếu kinh nghiệm, thành người đàn bà chập chững những bước đầu tiên về nhà chồng. Đêm động phòng trôi qua, Thủy-Tiên tỉnh dậy lúc sáng sớm, nằm bên chồng, suy nghĩ:

- Mình đã trao trọn trinh tiết cho Hùng về thể xác, mà sao tâm hồn không thấy gì thay đổi cả? Mình vẫn yêu Hùng như hằng yêu. Lấy chồng là như thế này ư?

Thủy-Tiên lặng lẽ để Hùng nằm ngủ, nhẹ nhàng rời giường, vào phòng tắm trong bộ y phục nguyên thủy. Nàng tắm gội kỹ càng hơn thường lệ, lau khô người, khoác áo tắm, trở vào phòng ngủ. Dưới ánh rạng đông của một ngày, Hùng đang ngồi chống tay xuống giường, nhìn những vết máu vương trên nệm trắng. Thấy vợ, chàng cười sung sướng, giơ hai tay về phía vợ. Thủy Tiên lại gần, ngồi xuống giường cho chồng ôm lấy nàng. Miệng nàng thủ thỉ:

- Mình được gần nhau trọn vẹn trong tuần trăng mật, phải không, anh yêu?

Hùng ôm chặt vợ hơn, nói như hứa hẹn:

- Chứ còn gì nữa, người vợ, người yêu của anh!

Lời hứa rơi vào hư không với sự xuất hiện của Giao, bạn trai cố tri của Hùng. Giao từ đầu gõ cửa, vào chào bố mẹ Hùng, bước lên cầu thang đến gõ cửa phòng Hùng như thường lệ, mặc dù anh đã có mặt trong đám cưới của bạn tối hôm trước. Giao kéo Hùng ra khỏi nhà, để Thủy-Tiên một mình trong phòng vắng. Nàng chờ một lúc lâu, bèn xuống nhà, chào bố mẹ chồng, rồi xuống bếp dùng bữa quà sáng

đơn sơ với một cốc nước cam vắt sẵn để trong tủ lạnh. Đó là chỉ dẫn chớp nhoáng của Hùng trước khi theo bạn ra ngoài. Bữa cơm trưa rụt rè ăn chung với gia đình nhà chồng. Bữa cơm tối hoang mang, vì vắng mặt Hùng. Ban đêm trần trọc một mình với biết bao thắc mắc. Nhưng nàng vẫn hy vọng với tất cả sự hiền thực của cô gái đã được dạy dỗ chu đáo trước khi về nhà chồng.

Hy vọng đó khô héo dần như bông hoa thiếu nước. Hùng vắng nhà luôn ba bốn ngày. Khi trở về, chàng không nữa lời giải thích với cả gia đình lẫn người vợ mới cưới. Bởi vì chàng đã được Giao "giải thích" nhiều lần:

- Bạn là thủ túc. Vợ là y phục. Thiếu chân tay, cậu không tung hoành được. Thiếu quần áo, cậu có thể mượn hoặc mua cái khác. Nghe rõ chưa?

Thủy-Tiên đi từ ngạc nhiên sang thất vọng, từ thất vọng sang giận hờn. Vốn là nhà mô phạm luôn luôn được biết bao thanh niên thiếu nữ ngồi ngược mắt nhìn lên, kính cẩn nghe giáo sư giảng bài, Thủy-Tiên lặng lẽ thu xếp đồ dùng vào chiếc *valise* nhỏ. Chờ đến hết kỳ nghỉ, nàng lễ phép từ giã gia đình nhà chồng, trở về nhiệm sở Cần Thơ, tiếp tục dạy học, và không đệ đơn xin chuyển lên Đà Lạt như đã dự định với Hùng trước đây. Cuối tuần, nàng không trở về Đà Lạt như đã hẹn với Hùng. Trong khi ấy, Hùng cũng trở về Cao Lãnh dạy học, đồng thời xin chuyển gấp về Đà Lạt vì lý do gia đình. Cuối tuần, chàng đi xe đò về nhà bố mẹ. Không thấy Thủy-Tiên, lúc đầu Hùng tỏ vẻ không cần. Suốt mấy ngày nghỉ, chàng đi chơi với Giao một cách vui vẻ. Tình trạng này kéo dài cả tháng.

Trong khi ấy, Thủy-Tiên ở Cần Thơ gặp tai nạn. Chuyện xảy ra thật nhanh và bất ngờ. Đầu tháng sau ngày cưới, nàng bị tắt kinh. Bác sĩ sản khoa cho biết nàng có thai. Rồi một hôm đang đi ngang qua con lộ, nàng bị một xe xích-lô đụng ngã xuống đường. Tối hôm đó, nàng bị ra huyết. Mang khăn cấp vào bệnh viện, người ta cho biết nàng bị xảy thai. Nàng phải nằm bệnh viện một tuần lễ. Trong khi ấy, Hùng

được đổi lên Đà Lạt. Chàng bắt đầu sốt ruột về sự vắng mặt của Thủy-Tiên. Kể từ ngày Thủy-Tiên giận dỗi bỏ xuống Cần Thơ, không chịu trở về gặp chồng mỗi cuối tuần, hai người chỉ thỉnh thoảng gửi cho nhau lá thư ngắn trong viết vắn tắt những điều cần thiết. Cuối cùng, Hùng quyết định xin nghỉ dạy vài ngày, xuống Cần Thơ tìm gặp vợ tại phòng trọ cũ, nơi mà hai người từng hẹn hò trong thời gian mới quen nhau. Lúc bấy giờ Hùng mới biết Thủy-Tiên xảy thai và nàng đã không xin thuyền chuyển lên Đà Lạt như dự định. Khi gặp nhau, mặc cho Hùng năn nỉ hết lời, Thủy-Tiên chỉ nhắc đi nhắc lại một câu:

- Nếu anh muốn em xin thuyền chuyển gấp lên Đà Lạt, anh phải hứa với em là bớt giao du với người bạn trai vô lương tâm, chuyên môn xui anh bỏ thí vợ, rong chơi với họ tới ngày.

Giọng nói của nàng vẫn yêu kiều diễm lệ, nhưng mắt hẳn âm hưởng nũng nịu thuở ban đầu. Nàng vẫn nhìn chồng bằng cặp mắt đen láy, mà tiếc thay, cặp mắt đó không còn tiết ánh nòng nài cầu khẩn nữa!

Cuối cùng, Hùng long trọng hứa:

- Anh sẽ để em lên trên tất cả các bạn bè của anh.

...

*Em biết rằng anh bị yếu lòng,
Như chuyện Thạch Sanh với Lý Thông,
Thương con, em cố quên làm lỗi
Cố sống cho qua kiếp vợ chồng!*

...Việt Nam Cộng Hoà mất vào tay cộng sản. Hùng và Thủy-Tiên chung số phận với dân miền Nam sống nheo nhóc cho đến năm 1978. Trong thời gian đó, Thủy-Tiên cực khổ về vật chất, nhưng tinh thần được yên lành. Nàng có bầu, sinh ra một đứa con trai. Giao biến mất khỏi Đà Lạt.

Một hôm, đi dạy học về, Thủy-Tiên thấy Giao đang ngồi chuyện trò với Hùng. Nàng chưa kịp phản ứng, Hùng đã đứng lên, kéo tay vợ, nói nhỏ vào tai nàng:

- Anh Giao tìm được đường chạy tầu. Anh ấy đến rủ mình đi chung. Tuần tới, mình thu xếp quần áo tiền bạc, xin giấy phép phượt khám vào Sài Gòn thăm

họ hàng, rồi lên đi xuống Hà Tiên. Anh Giao sẽ chờ mình ở đó.

Thủy-Tiên và Giao lạnh lùng nhìn nhau. Nàng khẽ nói :

- Tiên bạc đầu ra mà đi, hở anh?

Hùng nói nhỏ:

- Bố mẹ anh còn cất giấu vàng để sau này chia cho các con. Anh sẽ năn nỉ hai cụ đưa trước cho mình phần của anh.

Thế là hai vợ chồng rời Đà Lạt xuống Hà Tiên. Họ lên chiếc tầu đánh cá sau khi nộp vàng cho chủ tầu cũng ở trong số người đi trốn. Trên tầu chật ních người. Gia đình Thủy-Tiên ngồi một góc tầu tối tăm bần thủ, cạnh cái bục gỗ rộng một thước, dài hai thước. Tối đầu tiên ngoài biển, gió lạnh, sóng đập dềnh, Thủy-Tiên cùng con trai leo lên bục gỗ nằm cho cao ráo. Hùng ngủ ngồi ngay cạnh bục. Đến đêm, Giao từ trên đi xuống, lại gần bục gỗ, nói trống không:

- Nằm sát vào trong cho ngả lưng chút đây! Mỗi người quay đầu một phía. Đến nước này, giữ ý tứ làm gì cho mệt!

Thế là Thủy-Tiên phải ôm con nằm bẹp vào thành tầu, mặt gần kề đôi bàn chân to xù xì như chân khỉ đột của Giao. Thỉnh thoảng gió đêm từ trên thổi lồng xuống, cho nàng gửi mùi chân thum thum quện hương tanh tanh của biển cả. Hùng không nói một lời. Ban ngày, cứ bữa ăn là Giao sà tới, ăn ké với gia đình Thủy-Tiên, lấy cơ đi vội không chuẩn bị lương thực. Bữa ăn chỉ có cơm nắm muối mè và nước lã. Qua ba ngày, tầu vẫn lênh đênh ngoài biển. Lương thực gần cạn. Cả tầu lao nhao, lo ngại. Thủy-Tiên và Hùng phải bớt phần ăn của họ, nhường cho con nhỏ. Giao vẫn đến đòi ăn, và ăn nhiều. May sao, đúng lúc cả tầu cạn lương thực và nước uống, họ được tầu ngoại quốc chạy qua tiếp tế, rồi kéo tầu vào bờ biển Nam Dương. Thủy-Tiên thoát cái nạn ban ngày ôm bụng đói, ban đêm nằm chung bục gỗ với bạn trai của chồng và gửi mùi chân của hắn, với tất cả hận thù ghê tởm!

Được Mỹ bảo lãnh, cho ở vùng California, gia đình Thủy-Tiên không còn gặp Giao nữa. Hấn xin lên ở tiểu bang Oregon chỗ có nhiều họ hàng của hấn tị nạn. Ở đó, Giao lấy vợ người Việt. Hấn và Hùng chỉ liên lạc với nhau bằng thư từ, điện thoại mà thôi. Vài năm sau, vợ chồng Giao từ Oregon xuống California chơi. Họ tới ăn ở tại nhà vợ chồng Hùng. Trước khi trở về Oregon, Thìn vợ của Giao lục hành lý lấy ra bộ dao kéo, bảo Thủy-Tiên:

- Tóc mình hơi dài. Chị cắt giùm mình một tí nhé.

Thủy-Tiên ngơ ngác:

- Tôi đâu biết cắt tóc.

- Dễ lắm. Tôi chỉ cho.

Giao đứng gần oang oang khuyến khích Thủy-Tiên. Hùng chỉ im lặng, hất cằm, ra dấu cho vợ hãy chiều ý Thìn. Sau nửa giờ hì hụi cắt tóc hầu vợ bạn của chồng, theo lời chỉ dẫn với giọng bà chủ, Thủy-Tiên ngừng tay, bảo Thìn:

- Xong rồi, chị.

Thìn cầm gương soi, kêu lên:

- Chị cắt dở quá ! Hai bên lệch, trên trán ngắn tếu à !

Thủy-Tiên bực mình, nói dối:

- Tôi đã bảo chị là tôi không biết cắt tóc mà !

Lúc đó Giao và Hùng đã ra ngoài. Hai người đàn bà găm giữ nhau chán, mỗi người vào phòng riêng đóng cửa lại. Hôm sau, hai vợ chồng Giao về Oregon với thái độ giận dữ. Hùng biết chuyện, cũng bắt đầu bực mình. Thủy-Tiên tuy căm giận vô cùng, nhưng vì thương chồng nên không nhắc lại chuyện đó lần thứ nhì. Hơn nữa, nàng bạn học cho xong khoá tu nghiệp cao cấp về ngành điện toán. Sau đó, nàng được một hãng lớn của Nhật cho làm chức vụ quan trọng. Năm sau, Thìn xuống California một mình, đến ở nhà họ hàng. Giao điện thoại báo cho Hùng biết. Nhưng Hùng đã hoàn toàn chán ghét cặp vợ chồng người bạn cố tri đó rồi, nên chàng không cùng vợ đến thăm Thìn. Ít lâu sau, Giao viết thư chửi vợ chồng Hùng thậm tệ. Hùng không trả lời. Tình bạn quái gở do đó chấm dứt sau bao năm liên hệ.

Mặc dù là người duy nhất mang vết thương lòng lê thê sâu đậm, Thủy-Tiên vẫn sống bên chồng với tình yêu trọn vẹn của vợ đối với chồng. Tuy nhiên, vì tự ái của một phụ nữ trí thức, nàng cương quyết không để tình nghĩa phu phụ ấy chuyển sang lãnh vực đam mê từng đến với nàng thuở ban đầu. Như một nữ tu, Thủy-Tiên hết sức mộc mạc ngoài giờ làm việc. Trong khi các phụ nữ khác vui hưởng hạnh phúc làm vợ, làm phái đẹp, nàng chỉ mặc quần áo giản dị, không son phấn nước hoa, không làm tóc, móng chân móng tay. Thế-Hào và Giáng-Tiên, hai người con thân yêu của Thủy-Tiên, biết rõ chuyện giữa bố mẹ, luôn luôn âu yếm mẹ, nói lời hoà giải:

- Mẹ ơi! Nhờ tình yêu tuyệt vời của bố, nên mẹ mới cho ra đời hai chúng con xinh đẹp giỏi giang như thế này, phải không Mẹ?

Lời nói hoà giải này không bao giờ xảy ra với Hy và Hà cũng như với Giao và Thìn. Giữa những cặp vợ chồng loại này, tình yêu chân thật không hiện diện.

...

Này hoa này lá của tôi ơi!

Sao chẳng còn tô điểm cõi đời?

Riêng tôi còn cõi lê chân bước

Sáng chiều góp nhặt cánh tim rơi!

Một buổi tối đi làm về, trong bữa cơm buồn nản, Hùng chọt cát tiếng khô khan bảo Thủy-Tiên:

- Anh quên chưa kể cho em nghe. Cách đây vài tháng, trong giờ nghỉ trưa, anh ra trung tâm thành phố Los Angeles đi dạo, bắt gặp Thìn vợ của Giao cặp tay một tên Mỹ. Thấy anh, Thìn lờ đi. Anh vội dùng điện thoại cầm tay gọi cho Giao mặc dù lòng hãy còn giận nó. Nghe anh kể chuyện Thìn đi với bồ Mỹ, Giao thản nhiên nói : "Nó bỏ tao lâu rồi. Còn tao hiện sống với vợ mới, kém tao hai mươi tuổi, lấy từ Việt Nam mang qua." Anh từ biệt nó, đóng máy lại.

Thủy-Tiên cũng bình thản kể:

- Ở Garden Grove, Hy chồng của Hà, bỏ cũ của anh, tự nhiên thu xếp hành lý lên Fresno ở với mẹ già của anh ta, bỏ Hà một mình. Các con của họ đã lớn và lập gia đình ra ở riêng lâu rồi. Chuyện đó xảy ra cả năm nay. Thịnh thoảng Hà có gọi điện thoại cho em để tâm sự.

Không nói ra, cả hai đều biết rằng dưới bầu trời Âu Mỹ văn minh tư bản tột đỉnh, có những linh hồn người vợ trở nên cần cỗi, đang kéo lê cuộc sống vô vị, như những bông hoa thiếu nước nuôi dưỡng trở thành những đóa hoa khô. Mặc dù người chồng lầm lỗi đã cố hết sức sống trọn vẹn với người vợ, nhưng vì nàng đã nhận quá nhiều dấu ấn mà không một thứ nước suối trần gian nào có thể gột rửa được, nên hai người sống với nhau như hai người máy được kỹ thuật điện tử thượng thặng xắp đặt cho sống cuộc đời vợ chồng hoàn hảo. Tuy nhiên, đằng sau cái hạnh phúc hoàn hảo đó là cả một vườn hoa tình cảm mất mùa, không có kỹ thuật nào cứu vãn được.

Tệ hơn nữa, tâm sự của Hà trao cho bạn gái Thủy-Tiên lại không thể hiện một vườn hoa mất mùa, vì giữa Hà và Hy chưa hề xây dựng một vườn hoa nào cả. Kể từ ngày cưới cho đến nay, hai vợ chồng trên giấy tờ chưa bao giờ chia sẻ với nhau vũ trụ tình cảm của họ. Hy lấy Hà vì nàng là con nhà nề nếp, học giỏi, xinh đẹp. Hà lấy Hy là theo ý của cha mẹ cũng như theo lựa chọn của lý trí, vì chàng có sự nghiệp vững chắc, gia tài đồ sộ, lại được vẻ bảnh trai trên trung bình của một thanh niên Việt Nam được du học lâu năm bên Âu Mỹ. Giờ đây, Hy về ở với mẹ già để trả hiếu cho mẹ, mà cũng để giữ lời hứa với Hà từ đầu là không để Hà phải " sống kiếp làm dâu ". Giờ đây, chàng trở thành lão làm vườn, ngày đêm tưới bón một gốc hoa đào lâu năm, từng mùa quét hoa lá già rơi rụng, vô tình quét bóng thời gian qua ngưỡng cửa cuộc đời, đi sâu vào lòng cát bụi... Còn Hà, mỗi khi điện thoại cho bạn gái, nàng như ca một bài vọng cổ lâu đời:

- Buổi sáng, buổi tối, tao soi gương, thấy mình không già. Bao nhiêu nét đẹp kiều sa thuở trước hãy còn in

trong mặt gương. Tao nhắm mắt và thấy rõ tất cả thời thanh xuân với bao khát khao, hồn nhiên, ... Mỗi khi các con tao đến thăm, hoặc anh Hy ghé chơi, những khao khát và hồn nhiên ấy mờ đi. Tao thấy mình thật già nua, từ ý nghĩ đến lời nói. Sau cùng, tao khám phá ra một điều : Giữa tuổi thanh xuân với tuổi già của tao là một khoảng trống vô vị, thiếu hẳn kỷ niệm phải có của một con người sống thật sự. Đời tao là cả một vườn hoa non tươi đã bị "đông lạnh", không sống mà cũng chẳng chết cho. Tao hằng tự hỏi:"Bao giờ mình mới được chết?" Câu trả lời là: "Ta đã chết từ lâu rồi !"

Góc trời của Giao và Thìn mờ mịt hơn, cho đến khi Hùng bất ngờ nhận được một lá thư của người bạn tội lỗi đó. Dòng thư như lời xưng tội :

"...Thìn phản tao, cướp chồng người ta. Sau vài năm, anh chồng tên Georges trở về với vợ chính thức. Thìn cô đơn, năn nỉ tao cho trở lại, nhưng quá trễ vì tao đã có vợ mới chính thức cưới sau khi chính thức ly dị với Thìn. Ít lâu sau, tao nghe tin Thìn sắp chết vì bệnh ung thư. Trước khi nó chết, tao có đến thăm vài lần. Nó gầy khẳng khiu, đầu không còn tóc, chẳng khác cành cây khô héo mất dần sinh lực. Riêng tao cũng chẳng khá hơn. Con vợ trẻ của tao và tao càng ngày càng không hiểu nhau. Chúng tao sống với nhau như hai cây kiếng để bên nhau, một già một trẻ, không bao giờ san sẻ được vẻ đẹp, sinh lực, đam mê thể xác cũng như tinh thần, của nhau. Thời gian của tò mò, háo thắng, ham muốn lúc đầu đã mất đi thật nhanh, và không bao giờ lập lại được. Lâu dần, hai chúng tao xa nhau cả tâm hồn lẫn thể xác. Những gần gũi sinh lý bất chợt càng ngày càng hiếm hoi. Tao biết rằng mình đã già nua và sẽ bị cô vợ trẻ của tao bỏ rơi trong quên lãng một ngày không xa...Bạn cũ của mày.Giao."

Dù tan tác hay còn chung một cành, những bông hoa khô héo trên đây tượng trưng cho một số không nhỏ linh hồn cần cỗi vì sự cô đơn không cứu vãn được, hậu quả của những lầm lỗi trong tình yêu và tình bạn. Dù là định mệnh đưa đẩy, là bản chất con

người gây nên, hay hoàn cảnh thời đại xui khiến, đó đều là những trường hợp Đau Khổ chiến thắng Hạnh Phúc. Đó là nguồn vô tận cho những dòng thơ đời này nối tiếp trang thơ đời trước và khêu gợi ý thơ đời sau, vẫn điệu những bài thơ đó mang vại thay đổi...

Hoa tim khô héo tả tôi,

Tiếc tình hay xót thương đời dở dang?

Mấy lần tâm chút khăn tang,

Vì đâu mà thiếp với chàng xa nhau?!

... Sau lần du lịch bên Âu Châu trở về, Hùng và Thủy-Tiên đã khiến cho hai con của họ, Thế-Hào và Giáng-Tiên, hết sức ngạc nhiên, sung sướng. Mỗi khi đi làm về, Hùng quần quít bên vợ như chú rể mới. Còn Thủy-Tiên cười nói nhiều hơn, dùng mỹ phẩm đều đều, thay đổi y phục mới hàng tháng. Sau một thời gian ở với bố mẹ để nhận xét chắc chắn sự thay đổi của hai người, Thế-Hào và Giáng-Tiên yên chí mua nhà ra ở riêng để được hưởng quyền lợi về thuế má của Hoa-Kỳ dành cho thanh niên thiếu nữ độc thân có công ăn việc làm tốt và biết đầu tư tiền bạc vào ngôi nhà của riêng họ.

Không bao giờ Thế-Hào và Giáng-Tiên biết rằng, trong mấy tuần lễ nghỉ Hè ở Âu Châu, Hùng và Thủy-Tiên đã ghé thăm nước Pháp, rồi một thôi thúc vô hình khiến hai người đi Métro tới nhà ga xe lửa Montparnasse, thay vì nhà ga Lyon để xuống Nice. Ở nhà ga Montparnasse, họ thấy một tủ gỗ có nhiều hộc đựng những tấm giấy ghi tên các tỉnh và giờ những chuyến xe lửa. Mắt họ chột chú ý tới chữ LOURDES trên một tấm giấy. Vốn biết Lourdes là một thánh địa, họ lấy tấm giấy, mở ra xem, và thấy lộ trình Paris- Lourdes dẫn qua rất nhiều tỉnh nổi tiếng. Họ bèn tới quầy bán vé, xếp hàng, mua vé xe lửa tốc hành TGV đi Lourdes, một tỉnh hành hương quốc tế cạnh biên giới Pháp-Tây Ban Nha.

Sau khi thuê được phòng tại một khách sạn ngay cạnh nhà ga xe lửa, hai vợ chồng ra đường, theo chân các du khách hành hương đủ mọi quốc tịch tấp nập đi vào đại lộ Grotte của trung tâm tỉnh Lourdes.

Đại lộ sầm uất đó dẫn thẳng tới cổng vào khu đền thờ rộng mênh mông dưới chân núi. Mặc dù không có Đạo, Hùng và Thủy-Tiên tự nhiên theo nhóm người hành hương uống nước trong mạch chảy ra từ ngọn núi xưa kia nữ thánh Bernadette đã được thấy Đức Bà Maria hiện xuống. Bước sang khu thấp nển, họ để tiền vào thùng, lấy hai cây nến trắng dài, châm lửa, cắm chung với các cây nến khác trên giàn giá nến bát ngát, lửa khói lung linh huyền bí. Đoàn, họ tới hang đá ngay bên cạnh, có tượng Đứa Mẹ trên cao. Họ xếp hàng để được tới gần bàn thờ, sờ tay vào thành núi đá nhẵn bóng. Cũng như mọi người, hai vợ chồng im lặng lần bước vòng trước mặt hang đá. Cả hai đều cảm thấy xúc động mãnh liệt. Tâm tư bề bộn buồn sầu chán nản, hoà cùng ước muốn của hai vợ chồng, đã được kính cẩn dâng lên cùng với lời nguyện cầu thành khẩn phó thác mọi sự vui buồn vào trong tay Đức Mẹ Maria nhân từ.

Cửa hang Lộ-Đức trên cao

Mẹ Từ Bi giữa ngàn sao sáng ngời

Giơ tay cứu độ người đời:

Con dâng lên Mẹ muôn lời khổ đau

Khi trở về nhà bên Hoa Kỳ, Hùng và Thủy-Tiên mang theo hai tâm hồn mới, chứa đựng Tình Yêu bao la, trong đó có tình yêu vợ chồng thật khăng khít đậm ấm.

Bó hoa khô héo của tâm hồn Thủy-Tiên đã trở thành tươi tốt, toả ngát hương thơm trân quý, mang lại mùa Xuân trọn vẹn cho cuộc đời riêng tư của nàng, hoà nhịp cùng hoa lá cỏ cây huy hoàng lộng lẫy cùng vạn vật hân hoan tươi trẻ mà Thượng Đế đã ban cho Cõi Trần duy nhất của loài người.

Hồn ta gột rửa trắng phau,

Cung đàn phụ phụ trước sau nhịp nhàng,

Đường tình trải rộng thênh thang,

Sơn xanh quá khứ, thếp vàng tương lai...

Đồng Tác Giả BÌNH HUYỀN

(Paris)

Cô Kiều Hỡi Phạm Quỳnh

Gs Phạm Thị Nhung

Kỳ 5

(Tiếp theo và hết)

Thời Làm Quan Tai Huê (1932 – 1945).

Chuyện gì đến đã đến. Tháng 3 năm 1932, vua Bảo Đại về nước, tháng 11 Phạm Quỳnh trình bày lập trường, vua Bảo Đại rất hợp ý liền bổ ông vào chức Tổng-lý Ngự-tiền Văn-phòng, hàm Thượng-thư*. Lúc đó ông vừa bốn mươi tuổi.

Ngày 2 tháng 5 năm 1933, vua Bảo Đại giải tán nội các cũ, lập nội các mới với năm ông thượng thư thuộc phái trí thức tân học trẻ, trong đó có ông Ngô Đình Diệm Thượng thư Bộ Lại, và

Phạm Quỳnh Thượng thư Bộ Giáo Dục.

"Ngày 10 tháng 12 năm 1932, vua Bảo Đại công bố một đạo dụ loan báo ý định cầm quyền dưới hình thức Quân chủ lập hiến và cải tổ lại ngành quan lại, ngành quốc gia giáo dục và ngành tư pháp .. . Dân chúng nhiệt liệt hoan nghênh. Tương lai có nhiều hứa hẹn tốt đẹp .. . nhưng họ (người Pháp) chống đối ngấm mọi cố gắng về cải cách .. . nên nỗ lực của mình hoàn toàn tê liệt." *

Ông Ngô Đình Diệm bất mãn, từ nhiệm một cách "rùm beng" (démissionner bruyamment)** ngay từ tháng 9 .. .

Còn Phạm Quỳnh thì sao ?

Vốn bản tính trầm tĩnh, cẩn trọng nên Phạm Quỳnh có một thái độ

ôn hoà ("*modéré dans son comportement*")**, huống gì ông là một nhà Nho còn nặng nghĩa vua

tôi ("*il s'estimait lié à l'empereur par les liens moraux*"

** (** **Phạm Quỳnh,**

Rénovateur de la langue vietnamienne, Bernard Le

Calloc'h, Văn Hóa số 3, Aout 1992), thế nên, nay nhà vua đã

phán xét "*Thời gian chưa tới. Đành phải đợi, không thiếu gì cơ hội sau này*" * (* **Con Rồng**

Việt Nam, Bảo Đại, Nguyễn Phước tộc xb 1990), Phạm

Quỳnh không thể không nghe theo.

Riêng Phạm Quỳnh cũng nghĩ, đó là điều bắt buộc phải

chấp nhận trong hoàn cảnh này.



Phạm Quỳnh tại văn phòng Bộ Ngoại giao (Tháng 1932-1945) trong ngôi nhà "Trái", đó là ngôi nhà cũ tại phố "Tràng Thiệp" Phạm Quỳnh đã chọn mua ở năm 1931.

Phạm Quỳnh còn có một nhược điểm là con người "bản tính tình cảm" (như đã dẫn giải ở phần I, kỳ 1), khiến ông không nỡ bỏ nhà vua đang lúc khó khăn.

Lại nữa, theo Phạm Quỳnh, dù sao ở lại triều đình Huế lúc này cũng có lợi cho dân tộc hơn, vì những đòi hỏi cho quyền lợi của nước nhà qua tiếng nói chính thức của triều đình vẫn mạnh hơn là tiếng nói trên giấy trắng mực đen của người dân; huống chi vốn là người "quân tử", Phạm Quỳnh vẫn tin và vẫn muốn tin vào những lời hứa hẹn được nhắc đi nhắc lại trong bài diễn văn của cựu Toàn quyền Albert Sarraut ở Marseille, khi tiễn chân vua Bảo Đại về nước trước bao nhân vật tai mắt bấy giờ: "*Bảo hộ sẽ không phải là một điều dối trá, một sự giả tưởng, nó sẽ không là một trò hề (hypocrisie), nó sẽ được thực hiện. Chúng ta đã có những hiệp ước, chúng ta chẳng những sẽ thi hành, mà còn tôn trọng đúng tinh thần của nó.*" (**Introduction au Nam Phong** Phạm Thị Ngoạn)

Và còn có một lý do cuối cùng, quan trọng hơn hết, theo Phạm Quỳnh, là người Pháp khôn ngoan sẽ phải nhận ra và thực hiện giải pháp "Quân chủ Lập hiến" của ông, là một giải pháp ôn hoà, tốt đẹp nhất để cứu vãn tình thế chính trị khản trương hiện nay ở Việt Nam, nếu họ muốn tránh một cuộc đổ máu thảm khốc sẽ xảy ra, mà sự thiệt hại ghê gớm cho cả đôi bên không thể lường trước được. Đồng thời đây cũng chính là điều mong mỏi tha thiết nhất của Phạm Quỳnh. Vì thế ông vẫn muốn nấn ná ở lại đợi chờ... tìm dịp vận động, thuyết phục người Pháp thêm nữa. Đó là tất cả (?) những lý do vừa lý vừa tình đã khiến cho Phạm Quỳnh chấp nhận ở lại triều đình Huế.

Từ khi chấp nhận ở lại Triều Đình, Phạm Quỳnh đã cố gắng thực hiện tốt nhất những gì nhà vua giao phó, và ông vẫn tiếp tục đeo đuổi việc "*yêu cầu chính quyền Pháp thi hành giải pháp quân chủ lập hiến như họ đã hứa*" :

- Một mặt ông viết thư nhờ ông Louis Marty, nay đã về hưu ở Pháp, giúp ông vận động cho giải pháp ấy thành tựu. Trong một lá thư gửi cho Louis Marty từ văn phòng Huế, đề ngày 30 tháng 12 năm 1933, Phạm Quỳnh viết: "*Tôi tri ân ông đã thông cảm điều đó, và trong phạm vi ảnh hưởng của mình, đã hết lòng tìm cách xúc tiến cho thoả hiệp mà tôi đề cập trên đây sớm tới ngày thành quả.*" (**Thư gửi ông Giám Đốc**, tài liệu: **Introduction au Nam Phong**).

- « Tháng 8 năm 1939, Phạm Quỳnh lại tháp tùng vua Bảo Đại sang Pháp vận động để chính phủ Pháp (Daladier) thi hành đúng Hiệp ước 1884, mục đích thu chủ quyền về cho Nam Triều trên thực tế. *Phạm Quỳnh đã giải bày rất nhiều với ông Mandel (Bộ trưởng Thuộc địa), nhưng việc đó đã không thành* ». (**Tôi gặp Phạm Quỳnh ở Biệt thự Hoa Đường**, Nguyễn văn An, báo Tin Điển, 23-3-1952).

Song tất cả những cảnh tình éo le trên đây của Phạm Quỳnh nhiều đồng bào đã không chia sẻ. Một số độc giả vẫn cảm tình với Phạm Quỳnh qua báo Nam Phong đã thất vọng, vì khi ông vào Huế họ tin tưởng ông sẽ thực hiện được giải pháp Lập Hiến, sẽ thi hành được những cải cách tốt đẹp về văn học, giáo dục... nhưng tất cả đều chẳng có tăm hơi mà ông vẫn ngồi đó. Từ ngày 3 tháng 9 năm 1942, ông lại được bổ chức Thượng thư Bộ lại, đứng đầu đám quan liêu phong kiến mà họ có nhiều thành kiến không tốt.

Những nhà ái quốc cách mạng dấn thân (như Phan Chu Trinh...) thì cho Phạm Quỳnh là "giả ái quốc... phân tử cơ hội... bắt cá hai tay, được cả công cả lợi và cả danh tiếng nữa" (**Mấy Về Mặt Thi Ca Việt Nam**, Nguyễn Huệ Chi, nxb Tác Phẩm Mới, Hà Nội, 1983).

Giới báo chí trong nước thường vì ngộ nhận "nên đã có những phản ứng chống đối Phạm Quỳnh gay gắt, nghiệt ngã. Nhẹ nhất là họ đem ông ra làm đầu đề riếu cợt, mua vui cho độc giả

như vẽ hình ông đội mũ cánh chuồn bay vô Huế trên báo Phong-Hoà (số đặc biệt, 1936), hay đem cái chủ trương "bảo tồn quốc túy" của ông ra để trêu chọc.

Nặng hơn hết, và làm cho Phạm Quỳnh đau đớn hơn hết, là đã có một số ký giả dựa vào việc Phạm Quỳnh hợp tác với Louis Marty làm báo Nam Phong để chỉ nhìn Phạm Quỳnh qua hoàn cảnh bề ngoài, nói như Đỗ Lăng, là chỉ "xét hàng động trong khi chưa thấu triệt cứu cánh, chưa tưởng tận tâm lý » (Thử Nhận Xét Quan Điểm của N.V.T. Trong Vụ Án Truyện Kiều, Đỗ Lăng, báo Tự Do ngày 18-10-1962), mà đưa ra những luận điệu phê phán đầy ác ý.

Trong lá thư gửi ông Louis Marty, Phạm Quỳnh tâm sự : « ... Trong thời gian qua, tên hai chúng ta hằng ngày được dính liền với nhau nhân các cuộc bàn luận trong báo chí. Cả hai chúng ta đã bị một bày ký giả ác ý đưa ra làm đầu đề chất vấn để hạ phẩm ... Một số người không thể tưởng tượng được và không thể hiểu giữa một người Pháp và một người An-nam lại có thể có cảm tình, một thứ cảm tình đồng hóa với tình bạn chân thành và các đương sự không do đó mà phản bội tổ quốc của mình. Một sự kiện như vậy thật quá cao xa với tâm hiểu biết của những người này ... Là một nhà ái quốc An-nam, tôi yêu nước tôi với tất cả tâm hồn, người ta lên án tôi phản bội tổ quốc, vì tôi đồng lõa với xâm lăng và phục vụ xâm lăng !"

Phạm Quỳnh chỉ còn biết an ủi bằng "số mệnh đã an bài" và nghĩ rằng "Sẽ không bao giờ được người đời hiểu mình." – vì sao ?

- "Tôi là người của chuyển tiếp ... chuyển tiếp giữa Á đông và Âu tây, giữa quá khứ và tương lai, giữa một trạng thái chính trị sản phẩm của xâm lăng và đương nhiên là phải hư hỏng ngay từ nền tảng, và một trật tự mới không thể nhất đán mà thành tựu, khả dĩ biết tôn trọng phẩm cách của con người. Sống giữa đây những mâu thuẫn đó,

với hoài bão thực hiện một chương trình tiến hoá hợp tình, hợp lý khả dĩ đưa đến tình trạng hoà hợp toàn diện ; dĩ nhiên tôi phải đương đầu với những ngộ nhận đủ loại."

"Tôi tự an ủi vì tin tưởng mãnh liệt ở vai trò cần thiết của mình, vai trò đó hiện nay chỉ mang lại cho tôi những 'đắng cay .. ." (Thư gửi ông **Giám đốc, Introduction au Nam Phong**).

Cuối cùng câu chuyện lập hiến chẳng đi đến đâu, con đường chính trị của Phạm Quỳnh đã hoàn toàn thất bại.

–Đêm mùng 9 tháng 3 năm 1945, quân đội Nhật hoàng được lệnh đảo chánh và giải giới quân Pháp trên toàn cõi Đông dương. Hôm sau mọi việc xong xuôi, quan Đặc sứ Yokoyama vào yết kiến Hoàng đế Bảo Đại. Vấn đề độc lập nước Việt Nam được đặt ra. Ngay đêm đó bản tuyên bố độc lập được các cụ Viện Cơ Mật soạn thảo.

Ngày 12 tháng 3 năm 1945, vua Bảo Đại tuyên bố hủy bỏ hoà ước 1884, Việt Nam độc lập, ra nhập khối Đại Đông Á, chấm dứt lệ thuộc Pháp. (**Nhật Với Thuyết Đại Đông Á, Quân Dân Việt Nam chống Tây Xâm**, Bộ Tổng Tham Muu Việt Nam Cộng Hoà xb, 1971).

Tiếp đó Phạm Quỳnh từ chức, vua Bảo Đại mời ông Trần Trọng Kim đứng lên lập nội các mới.

Sau khi từ già chính trường, Phạm Quỳnh về ở ẩn tại biệt thự Hoa Đường như chúng ta đã biết.

Phải đến khi đã ngoài năm mươi tuổi, cái tuổi "tri thiên mệnh", trên đầu tóc đã muối tiêu, trải qua bao nhiêu nổi cay đắng, ê chề trong cuộc sống, Phạm Quỳnh mới hiểu rõ được người và nhất là hiểu rõ được đâu là giá trị đích thực của mình.

Ông đã phải than rằng : "Sinh vào thời loạn lạc là buổi Á Âu xung đột, mà tự khờ dại đem mình ra lẫn lộn giữa phong trào hỗn loạn, trong thời buổi nhá nhem, không biết cái thân "Nho quèn" đương nổi làm sao được thời thế." (**Lão Hoa Đường, Thiếu Hoa Đường, Hoa Đường Tuỳ Bút**).

Trước sau gì Phạm Quỳnh cũng chỉ là một văn nhân thuần túy – mà "đã là nhà văn thuần túy thì không nên tham dự chính trị : hoa lan phải mọc trong u cốc, không thể đem trưng bày nơi đầu đường góc chợ được." (**Văn Học Chính Trị, Hoa Đường Tuy bút**).

Phạm Quỳnh hồi tưởng lại suốt cuộc đời hoạt động của mình, từ thời làm báo Đông dương (1913), nhất là từ thời đứng chủ trương báo Nam Phong (1917), rồi dấn thân vào đường hoạn lộ cho tới ngày về ẩn, tính ra có trên ba mươi năm.

Suốt ba mươi năm ấy, vì lý tưởng phụng sự quốc gia dân tộc như các nhà Nho ta xưa, Phạm Quỳnh muốn đem tâm huyết, trí thức của mình để phù thế-giáo và xây dựng một nền học mới cho nước nhà, những mong phát huy chủ nghĩa quốc gia, cùng gây được tinh thần độc lập, tự cường cho dân tộc ; có vậy dân ta sẽ không còn bị những tư tưởng, những phong trào ngoại lai chi phối, khuynh đảo, mới mong có ngày giải phóng được quê hương, đưa nước nhà đến chỗ độc lập thật sự, độc lập hoàn toàn.

Như thế, mục đích hoạt động văn hoá của Phạm Quỳnh là nhằm ở tương lai, ở việc xây dựng cái gốc quốc gia cho bền vững, nên nhiều người cấp thời đã không nhìn ra. Ngay cả việc ông đề nghị giải pháp Quân chủ lập hiến, Pháp Việt đề huề, cũng là muốn cứu vãn cái tình hình chính trị rối ren bấy giờ, chứ không nhất thiết là cứ phải theo giải pháp đó mãi, như ông đã từng giải thích trong bài "**Bàn Về Cái Tinh Thần Lập Quốc**" (Nam Phong số 164, 1931) : "*Chính trị không có định sách, tùy tình thế, tùy cơ hội mỗi lúc mà thay đổi phương châm, mà di chuyển kế hoạch*".

Còn việc ra làm quan ư ? Chẳng qua chỉ là một bổn phận, như ông đã từng khẳng định trên báo Nam Phong số 160, trong phần phụ trương tiếng Pháp, hồi tháng 3-1931 : "*Nếu những ý tưởng của tôi đề nghị, một ngày nào có cơ hội*

thực hiện và người ta mời tôi, thì tôi coi như có bổn phận phải chấp nhận" (**Serai-je ministre ?**).

Nhưng những lý tưởng phụng quốc ấy của Phạm Quỳnh nhiều người vì lý do này hay lý do khác, mà phần lớn là đã chịu ảnh hưởng quan niệm "chính trị đạo lý" của xã hội đương thời, nói như Hồ Sĩ Khuê (**Hồ Sĩ Khuê : Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng**, Văn Nghệ xb, CA (USA) 1992, trang 44), nên đã không hiểu hay cố tình không hiểu, khiến cho ông phải chịu biết bao nhiêu ngộ nhận, oan ức, khó nỗi giải bày.

".. . *Lúc nước ta đang ngoại thuộc, nhiều chủ trương trung dung đã công khai (công khai, nên chỉ có thể trung dung) mượn khung cảnh hạn hẹp tất nhiên của chế độ ngoại trị mà vận động cải tiến xã hội. Những người có chủ trương này đều bị xã hội chính trị đạo lý đương thời lên án là "tay sai". Như Bùi Quang Chiêu, Nguyễn Phan Long ở Nam, hay Phạm Quỳnh ở Bắc. Nói đúng ra, họ cùng mục đích Duy tân như nhóm Cụ Cử Can, như "Ông Già Bến Ngự", nhưng vì không phải là những "nhà cách mạng", họ đã bị mắng như thế, tuy họ không nói chi khác hơn Phan Chu Trinh là, "Dựa vào Pháp mà cải tiến dân trí trước đã .. . Người đã bị đạo lý lên án sẵn, còn xét đến tư tưởng, đến lập trường làm chi ! Người đã được xem là tiêu biểu cho đạo lý, nói gì cũng phải, cũng đúng cả. Thái độ đạo lý này quên mất lời thầy Khổng "thất phu bách lự .. ."*

Từ những oan ức nhỏ như việc vận động trong bao nhiêu năm "Tiếng Việt mới có cái địa vị hần hoi trong quốc dân giáo dục", cũng bị nhiều người phản đối, nào là "quốc ngữ không cần học, học bao nhiêu là chậm mất thì giờ học chữ Pháp bấy nhiêu." (**Ông Phan Chu Trinh Với Chữ Quốc Ngữ**, Thời Đàm, Nam Phong số 95).

Nào là : "Ông Phạm Quỳnh chủ trương lấy quốc ngữ làm cơ quan cho bậc tiểu học là ngắn

trở sự học của con em trong nước !.. ." Ngày nay thời chính các ông tai mắt trong hàng trí thức Nam kỳ cũng công nhiên yêu cầu cho chữ quốc ngữ như thế, thời đủ biết các ông đã hiểu rõ rồi !.. ." (**Thời Đàm**, Nam Phong số 120, 1927).

Như chuyện nhiều người nhất thiết gán cho Phạm Quỳnh việc đề xướng đưa truyện Kiều vào học đường. Thực sự là do ban cải cách giáo dục quyết định. Họ chọn một số tác phẩm có giá trị như Gia Huấn Ca, Lục Vân Tiên, Nhị Độ Mai và nhất là Truyện Kiều.. . để dạy vào giờ Việt ngữ trong chương trình Trung học Pháp Việt. Chương trình còn chép ở phần Công báo trên Đ.D.T.C. số 77, ngày 5-11-1914. (Tài liệu : **Lịch Sử Văn Học Việt Nam**, Phạm Thế Ngũ)

Đến các oan ức lớn như có một số người đổ riệt cho Phạm Quỳnh tuyên truyền truyện Kiều cốt để mê hoặc quốc dân, như một thứ thuốc ma túy làm cho người bấy giờ sa vào sự ăn chơi dâm ô trác táng .. . cùng với bao nhiêu công trình làm văn hoá khác của Phạm Quỳnh cũng đều bị ghép cho tội làm văn hoá trong chính sách ngu dân và làm cho người Việt quên đấu tranh chính trị của thực dân Pháp. Họ cố tình buộc Phạm Quỳnh vào cái án "phản quốc, vì đồng lõa với xâm lăng và phục vụ xâm lăng !" (Chữ của Phạm Quỳnh trong "**Thư Gửi Ông Giám Đốc**").

May mắn thay, ngôn từ, văn nghiệp của Phạm Quỳnh đã, đang và còn tiếp tục "nói răm lên" (chữ của Thanh Lãng trong bài "**Trường Hợp Phạm Quỳnh**, Văn Học, 1963) đã giúp Phạm Quỳnh làm sáng tỏ vấn đề, để đồng bào tận thấy, ông đã không làm văn hoá theo xu hướng ác hại của Pháp; trái lại, đã giúp ích rất nhiều cho người dân trong việc mở mang kiến thức trên đường văn minh tiến bộ, mà vẫn bảo tồn được bản sắc tốt đẹp của nòi giống. Và đã làm cho quốc dân phải luôn luôn nhớ đến chính trị, từ ý thức được cảnh ngộ hèn yếu, đen tối hiện tại của

đất nước để phải tự phấn, tự cường, nuôi lấy một tinh thần quốc gia làm lý tưởng phụng quốc, giải phóng cho dân tộc.

Lại còn cái oan này nữa : người ta cho rằng, tất cả sự nghiệp viết lách để phụng sự văn hoá dân tộc của Phạm Quỳnh, cũng như kế sách "Quân chủ Lập hiến" của ông chẳng qua chỉ để ông mua lấy danh vọng, ở ngôi cao mà hưởng phú quý.

Có thật không ?

Nếu Phạm Quỳnh ham làm quan để « vinh thân phì gia » thì ngay từ khi vừa giựt được chức thủ khoa kỳ thi Diplôme đầu tiên ở Bắc Kỳ, ông đã nộp đơn xin học bổng du học Pháp quốc, theo ban Bản Xứ Trường Thuộc Địa (Section Indigène, Ecole Coloniale) rồi ; khốn thay Phạm Quỳnh lại là người có lý tưởng về việc phụng sự văn hoá cho dân tộc : " .. . *bẩm sinh ra vẫn có cái tính hay biết sướng khổ vì một cái lý tưởng. Tưởng giá nghèo khó đói rét cũng có thể chịu được, mà trong lòng, trong trí không có một cái lý tưởng, một cái chủ nghĩa đích đáng để làm trụ cột cho sự tư tưởng hành vi của mình thời khổ không biết đường nào. Nói thế không phải là đem tâm lý riêng mà phô bày cho thiên hạ đâu. Thiên hạ nào có biết chi ! Nhưng nói thế là để tỏ rằng đối với cái vấn đề văn hoá này thành thực và sốt sắng là đường nào.*" (**Bàn Phiếm Về Văn Hoá Đông Tây**, Nam Phong số 84, 1924). Vì thế, đối với Phạm Quỳnh, ra làm quan chẳng qua chỉ vì nghĩa vụ cấp thời, nếu không muốn nói là một sự hy sinh : "*Nếu theo sở thích cá nhân và xu hướng tự nhiên của tôi, tôi (Phạm Quỳnh) đã quyết định chẳng bao giờ rời khỏi cái tháp ngà của tôi.*" (**Serai-Je Ministre ?**)

Sau nữa, chính cuộc sống cần mẫn, bình dị của Phạm Quỳnh trong thời gian làm quan tại Huế cũng đã trả lời được điều đó.

- Qua nhận xét của ông Phạm văn Bính : "Khi cụ còn là một ông chủ báo, tôi thấy hằng ngày cụ đi bộ từ số 5 Hàng Da ra bờ hồ Hoàn Kiếm, làm

việc tại trụ sở Khai-Trí Tiến-Đức. Cụ đi làm giản dị như một viên thư ký đi làm ở một công sở, đều đặn, đúng giờ, chăm chỉ.

"Khi cụ được vua Bảo Đại triệu vào Huế làm Ngự tiền Văn phòng và Thượng Thư Bộ Quốc gia Giáo dục, cụ cũng không đổi phương cách làm việc. Vẫn cần mẫn siêng năng, vẫn chu đáo như khi cụ làm chủ báo" (**Hai Quái Kiệt Của Làng Báo Bắc Việt**, Văn Bình Phạm văn Bính, báo Đời, số 33, 1970, Sài Gòn).

- Qua lời tâm sự của cô tiểu thư Phạm thị Hoàn, con quan Thượng Thư Bộ Lại Phạm Quỳnh: "Chỉ có tôi là con gái « đúng tuổi » để sai vặt, tôi chuyên cắt móng tay cho thầy ... Tôi có nhiệm vụ vận đĩa hát cho thầy nghe khi người nghỉ trưa. Tôi không biết lúc đó có thấy hay hay không, chỉ nhớ như in là buồn ngủ mà không dám ngủ, vì đĩa hát cổ, máy hát cổ, luôn luôn phải thay kim, thay đĩa, lên dây cốt ...

"Công việc thứ ba của tôi là đọc sách, cứ hai ngày đọc một quyển dày ! Thầy tôi quả là một con một sách".

".. . Tôi biết thầy tôi vui mừng những lúc ngồi ngắm thơ trước ấm trà độc ẩm, hoặc đem truyện Nhị Độ Mai, Kim Vân Kiều ra đọc cho mẹ tôi nghe. Hay vui hơn nữa thì gợi ý mẹ tôi họp mặt-chợc. Còn những lúc buồn lo hay bất mãn chuyện gì, tôi đoán là những lúc thầy tôi nói bác tài Mai đưa xe lên chùa Vạn Phước. Trên đó, sư cụ luôn luôn để sẵn ngoài hành lang chánh điện một cái xích-đu. Thầy tôi thường nghỉ đó, tìm di dưỡng tinh thần. Và như thế đến tối mới về" (**Thầy Tôi**, Phạm thị Hoàn, Ái Hữu số 115, 1992).

Còn giải pháp "Quân Chủ Lập Hiến" không được thi hành, đầu Phạm Quỳnh đã hết sức vận động, nào có phải lỗi tại ông – mà bị các ông quan thực dân hứa hẹn quá nhiều và cuối cùng chính họ đã phản bội.

Phạm Quỳnh quá cay đắng, tự hỏi "*Hữu tài thương nỗi vô duyên lạ đời !* » Là cố làm sao

vậy? « Chữ tài liền với chữ tai một vần » ? Lại có sao người có sắc cũng như người có tài « Vô duyên là phận hồng nhan đã đành " ? (Vô Duyên, Hoa-đường Tỳ Bút)

Từ đó Phạm Quỳnh nhận thấy cô Kiều đã có chung một số phận không may như ông. Quả thế, trong suốt cuộc đời lưu lạc của Kiều, cô lúc nào cũng cố vươn lên để được sống thanh cao, ở mọi hoàn cảnh, cô đều cố bám vào một người, những mong họ giúp cô thoát khỏi cảnh đời ô trọc, bấp bênh này.

Và cô Kiều đã nhận được rất nhiều lời hứa hẹn :

- Từ lời hứa của Mã Giám sinh :

Buộc chân thôi cũng xích thẳng nhiệm trao

Mai sau dầu có thế nào

Kìa gương nhật nguyệt, nọ đao quỷ thần.

- Lời hứa của Sở Khanh :

Nàng đà biết đến ta chẳng

Bể trầm luân, lấp cho bằng mới thôi

- Lời hứa của Thúc Sinh :

Trăm điều hãy cứ trông vào một ta

Đã gần chi ngại đường xa

Đá vàng cũng quyết, phong ba cũng liều.

Nhưng... cô Kiều đã bị hết sự phản bội này đến sự phản bội khác, để đến nỗi phải chìm đắm trong bao cảnh ngộ oan ức: "*Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*".

- Lại tới chuyện Tổng đốc Hồ Tôn Hiến dụ hàng để rồi đánh lừa, khiến Từ Hải phải thác oan.

Người ta cũng cho rằng vì Kiều:

Lẽ nhiều, nói ngọt, nghe lời dễ xiêu.

Nên đã xui Từ Hải ra hàng. Nay triều đình giết được Từ, họ kể là cô cũng có một phần công.

Oan ôi ! Cô đã có công trong việc giết Từ Hải, một người chồng anh hùng, một người tri kỷ, đồng thời cũng là một người đại ân, đại nghĩa của cô ư ?

Thật là :

Oan kia theo mãi với tình

Một mình mình biết, một mình mình hay.

Người ta hỏi Kiều muốn thưởng công gì ? Cô yêu cầu được chôn cất Từ Hải cho tử tế, còn riêng cô chỉ xin một điều khiêm tốn nhất, nhưng cũng thiết tha nhất, là được trở về quê hương :

Thân tàn được thấy gốc phần là may.

Đến thế cũng không xong !

Sau khi bắt ép Kiều thị yến dưới màn trong tiệc khao quân, họ Hồ lại gán nạng cho tên thổ quan. Kiều bị hấn đưa thốc xuống thuyền đem đi . Đau đớn ê chề quá, tuyệt vọng sâu xa quá, Kiều chỉ còn biết lấy cái chết để trút nợ đời.

Thôi thì một thác cho rồi

Tắm lòng phó mặc trên trời dưới sông.

Nguyễn Du đã không thể cầm lòng trước bao nỗi oan khiên của Kiều, mà phải than rằng :

Thương thay cũng một kiếp người

Hại thay mang lấy sắc tài làm chi ?

Những là oan khổ lưu li

Chờ cho hết kiếp còn gì là thân !

Nay chúng ta trở lại bốn câu thơ mở đầu trong bài tùy bút "**Cô Kiều Với Tôi**" của Phạm Quỳnh, để xem ông muốn gửi gắm tâm sự gì ở đây ?

Nàng từ lánh gót vườn hoa

Đường gần rừng tá, đường xa bụi hồng

Nhân duyên đâu nữa mà mong

Khởi điều thẹn phận tui hồng thời thôi.

Từ ngày về ở ẩn tại biệt thự Hoa đường, Phạm Quỳnh cảm thấy cuộc đời mình cũng được yên tĩnh, lòng mình cũng được nhẹ nhàng, thanh thản, đã xa hẳn được rồi cuộc sống đầy bão táp, sóng gió ngoài đời.

Nàng từ lánh gót vườn hoa

Đường gần rừng tá, đường xa bụi hồng

Con đường chính trị của Phạm Quỳnh đã hoàn toàn thất bại và ông cũng đã quá chán

chương, hối hận. Qua bài phỏng vấn của ký giả Nguyễn Vạn An hồi tháng 6-1945 tại Huế, Phạm Quỳnh tâm sự :

*"Tôi đã lỡ làm mà ra làm quan, vì trước khi **đấn thân** vào hoạn lộ, thật ra tôi vẫn tưởng tôi sẽ làm được rất nhiều việc mà trước kia tôi chỉ **phụng sự** được trên mực đen giấy trắng.*

"Nhưng trong những hoàn cảnh khó khăn tôi mới cảm thấy mình không làm được gì hết. Đổi lại, tôi còn bị ngờ vực."

Như thế đã rõ, từ nay Phạm Quỳnh sẽ không bao giờ còn dám tơ tưởng tới những hoạt động chính trị nữa.

Khi tự vấn lương tâm (là vị quan toà sáng suốt nhất, nghiêm khắc nhất), Phạm Quỳnh thấy mình không chút hổ thẹn, mặc dầu các công việc **phụng sự** đất nước về phương diện chính trị ông không thành công, nhưng còn về văn hóa, ông đã làm trọn được cái nghĩa vụ của một người cầm bút xây dựng văn hoá dân tộc trong buổi giao thời khó khăn này :

Nhân duyên đâu nữa mà mong

Khởi điều thẹn phận tui hồng thời thôi.

Và để hưởng tới tương lai, Phạm Quỳnh quyết tâm trở lại nghiệp viết văn của mình :

"Suốt một đời, tôi đã phụng sự cho văn học thì ngày nay không vì lẽ gì tôi lại không muốn trở lại cái đời cầm bút đã bị một thời gian bỏ dở .. ."

(**Truyện Kiều Một Lợi Khí Tri Vận Của Nguyễn Triều**, Vũ Quốc Thúc, Làng Văn, số 25, tháng 9-1986).

Phạm Quỳnh say sưa nghĩ đến tương lai :

- Hiện thời chúng ta đang ở một giai đoạn lịch sử mà một nền văn hoá mới phải được tạo lập. Tất cả nhân tài phải được dung nạp và trọng dụng.

*Tương lai nước ta sau này là do ở chữ quốc ngữ, nó sẽ là nền móng của công cuộc giải phóng và độc lập sau này " .. .(**Tôi Đã Gặp Phạm***

Quỳnh Ở Biệt Thự Hoa Đường, Nguyễn Vạn An, báo Tin Điểm, 23-03-1952)

III. Phân Kết Luận

Nếu những lời dẫn giải của tôi là đúng thì qua một cái nhìn tổng quát, ta thấy quả là tình cảnh của học giả Phạm Quỳnh đã có nhiều điểm tương đồng với cảnh tình cô Kiều của Nguyễn Du, từ đó ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy Phạm Quỳnh xem cô Kiều như kẻ "một hội một thuyền" với mình, và đã muốn đem thân thế long đong, cùng tâm sự bi thiết của cô để giải bày cho cảnh ngộ éo le cùng nỗi niềm u uất bấy nay của mình.

Và để kết thúc cho bài nói chuyện **Cô Kiều Với Phạm Quỳnh**, tôi muốn mượn lời bài Tổng luận của vua Minh Mạng đề vào tập thơ Thanh Tâm Tài Nhân, do quan Đại thần Hà Tôn Quyền soạn năm 1830 :

"Ôi ! Tài với tai, tình sinh ra cảnh. Tài tình rất mực thương gặp cảnh đoạn trường. Hiếu nghĩa đủ đường, có thể làm gương nghìn thuở. Nếu bàn không đúng lý, hỗn nơi cỏ biếc sao khỏi mang oan ? Nếu chẳng xét tình, người dưới suối vàng hẳn là cười khẩy !"

Theo ý giáo sư Vũ Quốc Thúc, bài Tổng luận này không khác chi bản án kết thúc một vụ tranh tụng về luân lý, đạo đức của cô Kiều, đã xảy ra trong giới quan trường đối với cô Kiều trong Thanh Tâm Tài Nhân cũng như đối với cô Kiều trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du. (**Truyện Kiều Một Lợi Khí Trí Vạn Của Nguyễn Triều**, Vũ Quốc Thúc, Làng Văn, số 25, tháng 9-1986).

Phần cô Kiều như thế đã xong, còn Phạm Quỳnh thì sao ?

Không kể bao nhiêu bài biên dịch, luận thuyết của Phạm Quỳnh đăng trên báo Đông dương Tạp chí (1913-1917), chỉ nhìn vào mấy

trăm số Nam Phong từ 1917 đến 1934 (sau một số bài từ 1928-1931 được sưu tập in thành bộ Nam Phong Tùng Thư và một số bài khác từ 1917-1922 được in thành năm cuốn Thượng Chi Văn Tập) ta phải công nhận, sự nghiệp của Phạm Quỳnh đối với văn nghệ mới và nền văn học mới Việt Nam thật là to tát.

Sự nghiệp ấy trải rộng trên nhiều địa hạt, gây được ảnh hưởng tốt đẹp cùng đem lại nhiều bổ ích cho quốc dân, đã được rất đông các nhà phê bình văn học xưa nay phân tích và ca ngợi. Tôi xin được miễn kể lại, mà chỉ thêm một câu rằng, công nghiệp ấy cũng như di sản của Phạm Quỳnh để lại (ngoài **Hoa Đường Tỳ Bút**, còn tập **Tuyển Dịch Thơ Đỗ Phủ** , gia đình học giả Phạm Quỳnh vừa được bà sương phụ Đông Hồ, tức nữ sĩ Mộng Tuyết trao hoàn nhân dịp bà sang Pháp) đã soi sáng cho tâm hồn trong sáng và cao quý của ông.

Nhưng còn việc Phạm Quỳnh ra làm quan thì phải giải thích thế nào ? Phán xét thế nào ? Nay xin mượn (lại mượn) mấy câu trong cuốn **"Đời Viết Văn Của Tôi"** của tiểu thuyết gia nổi tiếng Nguyễn Công Hoan, để trả lời cho câu hỏi này.

"Tôi nhìn thấy cảnh bề ngoài cười nụ bề trong khóc thầm này thì sự nhớ đến Phạm Quỳnh. Tôi cho Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh là những người có chính kiến. Thấy ở nước ta, ba kỳ có ba chế độ chính trị khác nhau, Nguyễn Văn Vĩnh mới chủ trương thuyết "trực trị". Người Pháp trực tiếp cai trị người Nam như ở Nam Kỳ, không phải qua vua người Nam, thì dân được hưởng chế độ rộng rãi hơn. Phạm Quỳnh, trái lại, chủ trương thuyết "lập hiến". Người Pháp nên thi hành đúng hiệp ước 1884, chỉ đóng vai bảo hộ, còn công việc trong nước thì vua quan người Nam tự đảm nhiệm lấy.

Bấy giờ Phạm Quỳnh vào Huế làm quan, không phải vì danh. Quốc dân biết Phạm Quỳnh hơn là biết mấy thượng thư Nam triều. Cũng không phải vì lợi. Làm báo Nam Phong, Phạm

Quỳnh cũng được phụ cấp 600 đồng một tháng, món tiền này to hơn lương Thượng thư. Phạm Quỳnh ra làm quan chỉ là để lấy danh nghĩa chính phủ Nam triều đòi Pháp trở lại hiệp ước 1884.

Vậy một người yêu nước như Phạm Quỳnh, sở dĩ phải có mặt trên sân khấu chính trị, chẳng qua chỉ là làm một việc miễn cưỡng trái với ý muốn, để khuyến khích bạn đồng nghiệp làm việc cho tốt hơn, chứ thực lòng, là một người dân mất nước, ai không đau đớn, ai không khóc thầm. Thế là tôi nghĩ ra được truyện Kép Tư Bền, là một anh kép hát, nổi tiếng về bông-lơn, đã vì giữ tín nhiệm với khán giả mà phải lên sân khấu nhà hát làm trò cười, ngay cả vào cái buổi tối mà cha của anh đương hấp hối."

PHẠM THỊ NHUNG (Paris)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cựu hoàng Bảo Đại, **Le Dragon d'Annam**, Bản dịch Việt ngữ : **Con Rồng Việt Nam**, Nguyễn-Phước tộc xb 1990, Xuân Thu phát hành;
- Bernard de Calloch, **Pham Quynh Rénovateur de la Langue Vietnamienne**, Văn Hoá No 3, Aout 1992;
- Hồ Sĩ Khuê, **Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm Và Mặt Trận Giải Phóng**, Văn Nghệ xb Ca 1992;
- Làng Văn, số đặc biệt **Truyện Kiều và Nguyễn Du**, số 25, tháng 9-1986, Canada;
- **Nhật Với Thuyết Đại Đông Á, Quân Dân Chống Tây Xâm**, Bộ Tổng Tham Mưu xb, 1971;
- Nguyễn Vạn An, **Tôi Đã Gặp Phạm Quỳnh Ở Biệt Thự Hoa Đường**, báo Tin Điển, ngày 23-3-1952;
- Nguyễn Tiến Lãng, **Les Chemins De La Révolte**, Ý Việt xb, Pháp Quốc 1989;
- Nguyễn Công Hoan, **Đời Viết Văn Của Tôi**, nxb Văn Học 1971;

- Nguyễn Văn Trung, **Vụ Án Truyện Kiều**, Xuân Thu tái bản tại Mỹ Quốc;
- Nguyễn Huệ Chi, **Mấy Về Mặt Thi Ca Việt Nam**, nxb Tác Phẩm Mới 1988;
- Phạm Thế Ngũ, **Lịch Sử Văn Học Việt Nam**, Tập III, Phạm Thế xb 1965, in lần thứ ba, Sài Gòn 1972;
- Phạm Thị Ngoạn, **Introduction Au Nam Phong** (1917-1934), Extrait du Bulletin des Études Indochinoises, Nouvelle Série, Tome XLVIII, Nos 2 et 3 (2è et 3è Trimestres 1973);
- Phạm Quỳnh, **Nam Phong Tạp Chí**
- Phạm Quỳnh, **Thượng Văn Chi Tập**, Bộ Quốc Gia Giáo Dục tái bản lần thứ nhất, Sài Gòn 1962;
- Phạm Thị Hoàn, **Thầy Tôi**, Ai Hữu số 115, Paris 1992;
- Trần Trọng Kim, **Một Cơn Gió Bụi**, Vĩnh Sơn xb, 1969;
- Trần Trọng Kim, **Việt Nam Sử Lược**, q. II, Bộ Giáo Dục xb, Sài Gòn 1971;
- Vũ Ngọc Phan, **Nhà Văn Hiện Đại**, nxb Tân Dân, Hà Nội 1941, Thăng Long tái bản Sài Gòn 1960;
- Xuân Diệu, **Các Nhà Thơ Cổ Điển Việt Nam**, nxb Văn Học, 1987;
- Và một số độc giả viết bài trong mục **Nói Hay Đừng** trên báo Tự Do :
- Tân Văn Hồng, **Nhân Buổi Diễn Thuyết Của Ông Nguyễn Văn Trung** (ngày 07-10-1962 tại trường Quốc Gia Âm Nhạc), mục **Nói Hay Đừng**, nhật báo Tự Do, Sài Gòn, ngày 24-10-1962;
- Sông Thái, **Vài Ý Kiến Về Quan Điểm Phê Bình Mới** của ông Nguyễn Văn Trung, mục **Nói Hay Đừng**, nhật báo Tự Do, liên tiếp ba kỳ tháng 11-1962;
- Ái Linh, **Đặt Vấn Đề Với Ông Nguyễn Văn Trung Về Văn Học Và Chính Trị**, mục **Nói Hay Đừng**, nhật báo Tự Do, liên tiếp mười bảy kỳ từ ngày 17-11-1962 đến ngày 02-12-1962.

Chuyện Vui, Chuyện Buồn, Tết Tây, Tết Ta

Văn Quang

Những ngày lễ Giáng sinh và Tết Dương lịch qua rồi, ở Việt Nam lại chuẩn bị đón cái Tết Nguyên Đán của dân tộc. Theo thói quen từ xưa, người ta vẫn gọi là Tết Tây và Tết Ta, nghe hơi... bình dân, nhưng gần gũi.

Ở miền Bắc mùa này là mùa đông, mưa lạnh là chuyện thường tình và có phần thú vị. Nhưng ở miền Nam, mưa nắng hai mùa, lúc này là mùa nắng. Vậy mà Sài Gòn và nhiều tỉnh vẫn cứ mưa lia rai vào buổi chiều. Nhiều người cho rằng thứ mưa trái mùa này rất "độc" nên những ông bà sáu bảy bô cầm cúm, sổ mũi, nhức đầu, ho liên miên. Bắt bệnh theo cái kiểu dân già này thế mà đúng. Song thiệt hại nhiều nhất là những người nông dân ở nhiều tỉnh miền Trung, lúa vừa lên đã bị nước nhấn chìm. Những cánh đồng trắng xoá, người nông dân đành trắng tay. Sau đó là những làng hoa quanh TP. Sài Gòn - Hà Nội, chỉ trông mong vào dịp Tết Tây Tết Ta, nay hoa nở tung bùng, đến Tết Ta này chỉ còn trơ lại cành và lá. Chắc chắn hoa năm nay sẽ hiếm và đắt đỏ, chỉ những "đại gia" mới đủ sức chơi hoa đẹp vào dịp Tết này.

Chuyện buồn văn hoá Hà Nội

Chuyện đáng nói nhất như nhiều bạn đã biết, đó là sự tàn phá thô bạo của người Hà Nội với Phố Hoa Hà Nội.

Lần đầu tiên Hà Nội có phố hoa, lần đầu tiên người Hà Nội được dự một lễ hội đường phố lộng lẫy mà tinh tế do chính bàn tay và những tâm hồn yêu Hà Nội sáng tạo. Những tưởng thành phố thủ đô sẽ có cơ hội trình diễn với nhân dân cả nước và du khách quốc tế một bộ mặt thủ đô với văn hoá truyền thống và văn minh lịch sự trong thế kỷ này.

Nhưng chính trong lễ hội hoa này đã bị phàn bội để thấy rõ hơn những nét vô văn hoá, những

tâm lòng ích kỷ tệ hại, trơ trẽn của một số người dân Hà Nội. Tất nhiên không thể nói là tất cả người dân Hà Nội đều như thế. Trong hơn mười ngàn con người tham dự lễ hội, không thể đếm hết được có bao nhiêu người tàn phá phố hoa, ăn cắp, thậm chí ăn cướp hoa cảnh mang về làm của riêng hoặc đâm đạp lên những cành hoa, luống hoa để chụp một tấm hình, để băng qua một lối đi cho tiện việc của riêng mình. Có một điều thấy rõ là dù số được gọi là "hoa tặc" đó không nhiều, nhưng không thấy ai ngăn cản.

Với lễ hội hoa đêm 31-12-2008, có thể thấy hết những mặt trái của văn hóa, của thói quen ứng xử, của tinh thần công dân.

Cướp giựt văn hoá

Ngay sau khi phần khai mạc chấm dứt, bộ phận làm nhiệm vụ bảo vệ tháo dây giăng xung quanh khán đài, cho bà con vui hội có thể vào lễ đài thường thức những nét tinh tế của đôi rồng châu dưới chân tượng vua Lý Thái Tổ, do nghệ nhân Nguyễn Mạnh Hùng kỳ công làm suốt hơn một tháng trời. Người ta chưa kịp thưởng thức hết nét đẹp của văn hoá thì tấn thảm kịch bắt đầu. Mạnh ai nấy vật. Những vảy rồng được kết bằng những cánh hồng môn tươi rói đã bị chộp giựt tơi tả. Ngay cả đến những chậu hoa bày trên sân khấu làm cảnh cũng bị những con người ăn mặc rất thanh lịch thân nhiên... bê đi.

Những chiếc chuông gió, lồng chim... đang được cầm trên tay nhân viên ban tổ chức cũng bị cướp một cách rất thân nhiên. Một nhân viên bảo vệ phần nộ quá văng tục, người đàn ông vừa cướp chậu hoa rất đạo đức quay lại mắng: "Ăn nói vô văn hóa thế à!". Người bảo vệ trẻ ghen ngào: "Anh mới là người vô văn hóa, anh dẫn con theo mà vẫn ăn cướp hoa giữa đường thế sao?". Người đàn ông thân nhiên ôm chậu hoa dắt con đi thẳng. Để lại... thứ văn hoá quái đản cho những người trẻ tuổi.

Bên kia đường dây phố Đinh Tiên Hoàng sát bờ hồ Hoàn Kiếm, 300 nhân viên bảo vệ của Công ty bảo vệ Trường Sơn đang căng hết từng dây thần kinh để đối phó với những bàn tay vô tình cứ điềm nhiên thò ra vặt, ngắt, bẻ. Những bàn chân cứ hồn nhiên giẫm đạp để tìm một thể đứng đẹp, mong có một kiểu ảnh độc đáo đêm cuối năm.

Cả một rừng lau trắng vừa mới phơ phát trước đó không đầy một giờ, chỉ sơ sễ vài phút quay lại đã lưa thưa xơ xác. Cả một gánh hàng hoa bị nhấc gọn bởi một gia đình nào đó gồm đủ bố, mẹ, hai con nhỏ. Có cây trị giá đến 20 triệu đồng bị vặt không còn một cái lá. Những giá nền lung linh giữa phố bị thổi tắt và cướp sạch từng cây một. Thảm cỏ nhưng mịn màng làm nền cho dây phố gồm bị xéo nát...

Đền nửa đêm, cả ban tổ chức và toàn đội vệ sĩ hù hồn vì người dân quanh hồ đốt... thiên đàng, đèn bay lên rồi rơi xuống đúng vào mái lá của một shop hoa. Vệ sĩ ra sức dập lửa rồi báo công an quận ngay gần đó. Công an trả lời: không có luật nào cấm dân đốt đèn. Chiếc đèn được trả lại cho các chủ nhân vô tư của nó ngay sau đó.

Nỗi đau của người tạo dựng lên công trình nghệ thuật là vô bờ, cảm nín, từ trong đáy sâu tâm hồn họ có một chút khinh bỉ.

Sự tan hoang còn ở ánh nhìn thảng thốt, kinh dị của những người nước ngoài nào nức cùng người dân Thủ Đô tham dự lễ hội. Họ nhìn công dân thủ đô đang chuẩn bị kỷ niệm ngàn năm văn hiến của mình hành xử không có chút gì gọi là văn minh đô thị, văn hóa cộng đồng. Bốn ngàn năm văn hiến của thủ đô Việt Nam là như vậy sao??? Rồi đây những tấm hình, những thước phim của họ sẽ được mang đến khắp nơi trên thế giới. Người Việt Nam nào, dù bất cứ ở đâu cũng thấy nhục, cũng muốn chui xuống đất mà trốn với những hình ảnh ấy.

Không phải lần đầu tiên cũng không phải lần cuối cùng

Chuyện ngắt hoa, bẻ cành không phải lần đầu. Sự việc tương tự mới xảy ra hôm nào ở Trung tâm hội chợ - triển lãm Giảng Võ khi những đóa hoa anh đào từ Nhật Bản đưa sang. Rất nhiều bãi cỏ, vườn hoa ở công viên, các hiện vật trưng bày ở bảo tàng, các bức tường ở những di tích thường bị xâm

phạm kiểu như vậy, không bị bẻ cành lá thì bị vẽ bần, khắc tên, ghi vài hàng "lưu bút".

Những chuyện như thế trở thành thường tình ở Hà Nội, có điều đáng suy nghĩ hơn là trước một sự kiện như thế người ta trở nên vô cảm, coi như chuyện của người khác chứ không phải chuyện của mình. Người ta lại liên tưởng tới Hà Nội với nền văn minh âm thực "phở quát", "miến chửi", "xôi chém"... Còn gì là niềm tự hào Hà Nội thanh lịch ngàn xưa? "Ngàn xưa và ngàn sau" khác nhau có thể thôi sao?

Sửa rồi lại phá

Ngày thứ bảy 3-1 vừa qua, dù tốn rất nhiều công phu, phố hoa Hà Nội đã được tu bổ, chỉnh trang sửa chữa lại với hàng trăm ngàn bó hoa tươi. Nhưng người đến xem vẫn "vô tư" tiếp tục cướp phá.

Ngày từ đầu giờ sáng, ban tổ chức đã thay thế số hoa cũ bị héo, bị hỏng bằng hoa mới. Lợi dụng thời điểm các nghệ nhân đang thay hoa mới, đã có rất nhiều bạn trẻ xông vào vặt, ngắt hoa, nhẹ nhàng hơn thì dẫm đạp lên luống hoa chụp ảnh với lý do hoa mới đẹp hơn.

Các gian hàng trưng bày tác phẩm hoa trong lễ hội ngày 3-1 đã được tăng cường hàng rào sắt thay vì buộc dây thừng như sáng 2-1, nhưng không ngăn cản được số người đến đây phá hoa, vặt hoa.

Thậm chí, nhiều người có tuổi đã nhảy hẳn qua hàng rào dẫm nát vào những tác phẩm hoa dưới chân chi đề... chụp ảnh. Còn các học sinh Hà Nội vẫn ngang nhiên mặc đồng phục nhảy "hội đồng" lên các tác phẩm hoa để quay phim, chụp ảnh bằng điện thoại.

Một số gian hàng đã tăng cường thêm bảo vệ để... đuổi những người thiếu ý thức phá hoại các tác phẩm hoa. Bên cạnh đó, có những gian hàng như gian hàng hoa tươi nghệ thuật Sáo sau khi thay thế hoa mới vẫn để nguyên những đống hoa cũ cạnh các tác phẩm hoa vừa được thay thế, nhiều người xem ngỡ ngàng vị không hiểu đó có phải là chủ ý của tác giả trong một nghệ thuật sắp đặt trưng bày ở phố hoa hay là một lời cảnh cáo đầy mỉa mai?

Dưới chân tượng đài Lý Thái Tổ là hai con rồng hôm nay cũng lại trở nên xơ xác. Đây là tác phẩm đẹp nhất trong Lễ hội phố hoa nên thu hút nhiều người đến

xem, nhưng những túm “lông” dưới cổ, phía đuôi rồng lại bị vặt trụi.

Phố hoa Hà Nội thêm một lần nữa bị tàn phá đến tả tơi. Chỉ nhìn những hình ảnh ấy cũng đủ nói lên văn hoá Hà Nội xuống cấp như thế nào? Qua sự kiện này cần suy nghĩ một cách nghiêm túc hơn, sự thanh lịch vẫn còn là niềm mơ ước, còn là mục đích hướng tới. Sự kiện này cần được nhìn nhận như một nỗi xót xa của Hà Nội để mọi người chúng ta cùng suy ngẫm, cùng tinh ngộ. Một thành phố mang tiếng là thủ đô của một nước tự hào có hơn bốn ngàn năm văn hiến, dù ở bất cứ thể chế nào cũng không thể dung dưỡng những hành động phi văn hoá như thế. Không thể chỉ chú ý đến những bài học công dân giáo dục nhồi nhét một mớ thời sự viên vông, quên đi những những nét đẹp văn hoá vốn là bộ mặt của cả một dân tộc.

Nhà nước cần có kỷ cương hơn, có luật pháp với những việc tương tự. Dần dần để mọi người trở nên tự giác và biết sống văn minh ở nơi công cộng. Việc rèn luyện cho xã hội có một nếp sống văn minh, trong đó có ứng xử văn hóa ở nơi công cộng là một việc vô cùng khó khăn. Trước hết phải là những người coi trọng văn hoá hơn danh lợi. Bây giờ tôi mới thấy thấm câu nói của bà BS Nguyễn Ý Đức sau khi thăm Hà Nội: "Làm đại gia thì dễ, nhưng làm quý tộc thì phải ba đời mới đạt tới được".

Xôn xao ngày cuối năm

Năm nào cũng vậy, cứ đến những ngày cuối năm, tôi lại thấy một thoáng bàng khuâng như thương nhớ một cái gì đó hay nhớ tất cả những ngày tháng đã trôi qua trong cuộc đời mình. Những ngày thơ ấu, những năm tù đầy, những ngày chia xa gia đình, xa người thân yêu, xa con cái... với cả những gì đã mất và cả những gì còn lại... Không thể xác định rõ ràng vì cái gì nhất định. Nó bàng bạc như sương khói. Tôi không hiểu hết tâm tư của các bạn ở nước ngoài vào những giây phút này, nhưng tôi chắc nỗi bàng khuâng của các bạn còn đầy hơn tôi nhiều. Có lẽ vào những ngày này, sự cảm thông giữa người trong nước và người ở nước ngoài cùng gặp nhau ở một điểm chung đó.

Và cũng chính vì vậy tôi mong mang đến với

XUÂN KHÔNG MÀU

Một người trên biển vắng
Lao xao sóng bạc đầu
Tìm đâu mùa Xuân trắng
Chìm ngập hồn thương đau.

Một người trong rừng sâu
Dấu chân đời quạnh quẽ
Mùa Xuân qua lặng lẽ
Nghe vượn hú trên đầu.

Một người nơi sa mạc
Nhìn cát trắng phau phau
Biết đâu mà tìm nhau
Qua ngày Xuân đậm, nhạt.

Ba người ba phận bạc
Ba mùa Xuân không màu
Tìm tình người gõ cửa
Chỉ rào rạt mưa mau.

ĐĂNG NGUYỄN

(Maryland)

bạn đọc những hình ảnh của Sài Gòn vào mấy ngày cuối năm xôn xao này.

Từ thành phố đến các khu công nghiệp

Đúng 7 giờ sáng ngày 28 Tết tôi hẹn một người bạn "làm một vòng quanh Sài Gòn" như mọi năm để có những dữ kiện thật nhất tường trình cùng bạn đọc, ghé mắt nhìn qua thành phố của

minh năm nay thế nào. Phương tiện chính của chúng tôi là chiếc xe gắn máy, phương tiện của những người được gọi là "phóng viên chân chính" đúng nghĩa. Ở Việt Nam, những ông đi "xe ô tô con" không bao giờ là phóng viên được cả. Chỉ có xe gắn máy mới len lỏi được vào hang cùng ngõ hẻm, đến được nơi cần đến. Mặc dầu bây giờ có những ông phóng viên "lên đời", chơi xe ô tô con cho bảnh, nhưng khi hành nghề (ở đây còn gọi là tác nghiệp) thì chỉ có xe gắn máy là... nhất.

Người bạn đi cùng tôi, có bút hiệu là "Thanh Sài Gòn", anh lý luận giản dị với bạn bè: "Chúng mày đi hết, còn mình tao ở đây thì thêm cái "mác Sài Gòn" vào cho rõ, khỏi nhầm với Thanh Cali, Thanh Canada". Tôi thấy anh cũng có lý nên lẳng lặng leo lên chiếc Citi thuộc loại "cổ" nhất VN, mặc cho Thanh Sài Gòn rú ga vọt đi.

Con đường một chiều Điện Biên Phủ mới sáng sớm đã đông nghẹt và bị dòn cục như nghẹt lỗ cống vì cái lô cốt dài vẫn chiếm giữ gần hết mặt đường. Hiệu ứng của những chiếc lô cốt này, lâu ngày, dường như làm cho người dân thành phố thêm được một đặc tính là ai cũng vội vàng hơn, ai cũng "bon chen" và người ta bớt lịch sự đi, không còn ai nhường ai dù chỉ nửa cái bánh xe. Mọi người đều có thêm sức "chiến đấu" tranh giành nhau từ một khoanh đất hẹp, lao lên vỉa hè, đi ngược đường, hoặc bất cứ chỗ nào có thể cho chiếc xe gắn máy của mình vượt qua.

Tội nghiệp hơn là những ngôi nhà, những cửa tiệm lớn nhỏ hai bên, bị lô cốt "án ngữ", bây giờ không còn sức đề than vãn nữa, cánh cửa chỉ mở hé vừa đủ cho một người đi. Họ sợ bụi cát và sợ cả "đạo tặc" trong tháng "củ mật" nên âm thầm chịu đựng như chịu đựng bóng tối trong thời chiến tranh. Cứ làm như tai họa từ trên trời giáng xuống chứ không phải do con người. Làm ăn buôn bán trông vào mấy ngày Tết, vậy mà phải đóng cửa từ mấy tháng nay, đành chịu! Có mà kiện củ khoai! Nhìn những khuôn mặt cảm nín trong bóng tối chập choạng ở những cửa hàng, những ngôi nhà tối tăm mà thấy buồn ngủi. Nói chuyện "lô cốt" mãi không khác gì nói chuyện với đầu gối.

Tuy nhiên, rồi ai cũng vượt qua được những "đoạn đường đau khổ" đó. Chúng tôi băng ra xa lộ, ngày xưa gọi là xa lộ Biên Hoà, bây giờ gọi là xa lộ Hà Nội. Dòng người từ ngoài kéo vào thành phố

nườm nượp, họ mang vào đủ thứ, hầu hết là thực phẩm từ những vùng quê gần đó, kể cả gia cầm nhập lậu và những thứ không kịp kiểm nghiệm và tôi cũng chẳng thấy trạm kiểm nghiệm nào ở đây. Xa lộ được trang điểm thêm những chậu hoa ngất ngưỡng trên những chiếc xe ba gác, những chiếc xích lô cuối mùa. Có lẽ Tết năm nay là Tết cuối cùng, người dân Sài Gòn được nhìn thấy loại xe ba bánh này. Thành phố đã có lệnh cấm. Xe ba bánh sẽ trở thành một thứ "đồ cổ" như xe ngựa Sài Gòn - Trung Chánh - Hóc Môn ngày nào. Tôi còn nhớ những buổi sáng sớm tinh mơ xưa kia, nằm trên căn lầu 3 ở Building Cửu Long, đường Hai Bà Trưng, với Thanh Nam, Thái Thủy, Hoàng Thư, Lâm thợ điện vẫn nghe tiếng vó ngựa gõ nhịp đều đều trên mặt đường nhựa vắng lên. Bây giờ tôi vẫn chưa quên âm thanh ấy.

Những vẻ mặt trầm tư "đọc đường gió bụi"

Nơi chúng tôi đến đầu tiên là khu công nghiệp Biên Hoà. Ngã tư trống hoác, hiện rõ một vẻ tiêu điều. Đi trong khu công nghiệp vào giờ phút này như bỏ hoang. Những người công nhân để lại mồ hôi công sức của họ trên những con đường này. Họ trở về ăn Tết với quê nghèo, rồi có bao nhiêu người trở lại giữa thời buổi suy thoái kinh tế này? Tương lai họ ra sao là điều không ai trả lời được.

Chúng tôi đành trở lại Thủ Đức. Suốt dọc đường từ Biên Hoà về Thủ Đức, nơi bắt đầu có những khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX), những nam nữ công nhân, đứng dài với mô hình lý ngôn ngang đón xe về miền Trung, miền Bắc, nét đăm chiêu hiện rõ. Đồi chỗ họ tụ tập lại bên những cây xăng, những siêu thị, những chợ búa ven đường, nơi những "xe dù" thường đón khách.

Thình thoảng một chiếc xe dừng lại, những chú phụ xe lấu cá lên giọng hỏi khách "về đâu", toán công nhân lại nháo nhác: "Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế..." Tức khắc một cái giá "trời ơi" được đưa ra. Cuộc mặc cả lại bắt đầu: "Hai trăm tám, ba trăm.. mắc quá...". Gã phụ xe thần nhiên: "Chuyên cuối cùng rồi, không đi thì đứng đó mà ăn Tết". Vài người vội vã leo lên xe, vài chục người bị bỏ lại, mặc dù xe còn trống. Chiếc xe 16 chỗ chuyên bánh, chiếc hơn 30 chỗ xà đến. Và cứ thế cảnh đón xe về quê kéo dài chưa biết bao giờ mới chấm dứt. Một chiếc xe chạy vòng đến khoảng

cuối đường Biên Hoà, nó quay đầu trở ngược lại đón khách. Nhồi nhét cho đầy xe mới chịu chính thức khởi hành. Xe nào cũng chật như nêm cối. Hành khách như những con gà bị nhốt trong chiếc lồng sắt, không nhúc nhích được. Tôi và Thanh nhìn mãi chẳng thấy bóng anh Cảnh sát Giao thông nào. Có lẽ Tết nhất hay vì một lý do gì khác mà mấy anh Cảnh sát hôm nay có về... để tỉnh hơn.

Dịch vụ thuê người làm Tết và chạp bầy

Trong các KCN, KCX hầu hết các nhà máy đã đóng cửa. Ngay cả những quán cà phê đầu đường, những quán cơm bình dân, nơi mọi ngày những anh chị em công nhân (CN) thường tụ tập, giờ này cũng vắng hoe. Hầu hết các hàng quán chỉ lác đác vài người ngồi trong những dãy bàn ghế thấp lè tè và những chiếc ghế vải dưới chòm lá cây trướng cá, không biết là "tiếp viên" hay công nhân. Những nơi này trong vài tháng vừa qua thường có khá đông công nhân mất việc hoặc chỉ làm vài ngày trong tuần. Đời sống của họ trở nên thiếu thốn, ăn vẫn cứ phải ăn, nhà trọ vẫn phải trả đủ tiền, bệnh vẫn cứ phải mua thuốc, tiền gửi về quê không còn. Họ ngồi chờ bất cứ việc gì có thể kiếm thêm bù đắp qua ngày. Đến 28 Tết không có tiền về quê, đành ở lại nhà trọ. Họ mò ra các quán xá đầu đường cho bớt cô đơn, chẳng biết chờ đợi gì nữa.

Ở một vài nơi, đã có những "dịch vụ lẻ" tìm việc ngăn ngày cho người không có việc làm. Nhà nào cần mướn người giúp việc, trông nhà, coi em, làm việc vặt, vào dịp Tết, họ sẵn sàng giới thiệu, tùy theo công việc và số tiền đề lấy hoa hồng.

Lần lộn trong đám đó, không thiếu những anh xe ôm làm nghề "bắt mồi" cho những ông khách ở thành phố về đây "tìm của lạ". Rất có thể có một vài nữ công nhân xinh đẹp nào đó vì buồn chán, vì nhu cầu cuộc sống, vì thích đua đòi đã buông thả thân mình vào những cuộc chơi hoặc ít lắm thì cũng là bạn đi chơi Tết. Hiện tượng này không phải chỉ có trong năm nay, mà ở những năm trước, cái cảnh "vợ thuê, chồng mướn", thuê "đào" đi chơi Tết đã diễn ra. Tôi không thể biết năm nay nhiều hơn hay ít hơn những năm trước.

Chúng tôi bắt gặp trong dãy phố nghèo, lác đác những "nhà nghỉ", những phòng cho thuê rất kín đáo bên những hàng tre um tùm. Nhìn vào mấy cửa hàng cầm đồ giờ này vẫn có khách ra vào. Tết gần kề,

phải mang xe, mang đồ trong nhà đi cầm cố là một thảm cảnh. Vậy thì mấy cô gái mang thân mình đi "cầm đồ" trong mấy ngày Tết cũng chẳng có gì là lạ.

Nếu cuộc sống ở các khu công nghiệp cứ diễn ra như thế này, chưa biết những người công nhân sẽ ra sao. Sẽ có bao nhiêu người từ bỏ nhà máy trở về làm nông dân, có bao nhiêu cô gái quê sẽ sa ngã? Một câu hỏi lớn cho xã hội hiện nay.

Ngơ ngác đường hoa thôn dã

Trên đường từ Thủ Đức về Sài Gòn, chúng tôi đi theo con đường cũ qua cầu Bình Triệu. Con đường nhựa chạy dọc theo đường xe lửa, vốn là con đường "đặc biệt" vào những ngày cận Tết với những cây cảnh bày bán hai bên lề đường. Những nhà vườn lớn mang hoa lên thành phố bán, còn những nhà vườn nhỏ, trồng hoa kiếm thêm như nuôi con gà con vịt kiếm tiền tiêu Tết, mang ngay ra đường bày bán cho khách vãng lai. Hoa nào cũng có nhưng chỉ là loại hoa thường, giá cả ở đây khá rẻ, khó có thể kiếm ra một chậu hoa quý. Con đường này cũng là con đường vào nhà ông Trần Thiện Hiệp từ San Jose về VN vui thú điền viên.

Đầu tháng vừa qua, đợt triều cường gây ngập lụt tại những "làng hoa" gần đó đã gây ảnh hưởng đến "con đường hoa thôn dã" này, vắng vẻ hơn hẳn mọi năm. Người bán ngơ ngác và người mua càng hiếm hơn. Xen lẫn vào những chậu hoa ế khách, có những sạp bán quần áo "sida", bày thành từng dãy dài. Ở đây đượm một màu sắc "phố phường" tinh lẻ, yên bình thanh thản, chứ không mới theo thời một như những khu Phú Mỹ Hưng, Tưng Sơn, Thảo Điền và những khu ngoại ô khác.

"Càng đói càng hoành tráng", một nhu cầu có thật

Trở lại thành phố Sài Gòn vào giữa buổi trưa nắng đẹp, từ Ngã tư Hàng Xanh, không khí đã có vẻ nhộn nhịp hơn nhiều. Mọi con đường đều là chợ, là hoa cảnh, là bánh mứt, là những gian hàng xanh đỏ với những đồ quà gói sẵn treo lủng lẳng. Trong những gói quà đó, không thiếu những sản phẩm qua để đem tặng, đem biếu cho đủ "lệ bộ", cho "xong chuyện đời", chứ khách không mua về để thưởng thức loại quà gói sẵn này. Cho nên được tặng quà Tết chưa chắc đã là "hạnh phúc". Nhìn ở

đâu cũng vậy thành quen mắt, nên nó không mời gọi được ai. Tuy vậy cũng vẫn có vài người trong ngõ xóm sẫm soi, trà giá, mỗi phần quà loại "bình dân" này chừng vài trăm ngàn.

Càng về gần trung tâm thành phố, không khí Tết càng chan hoà hơn. Tuy nhiên, chỉ những con đường lớn, đường chính, mới được "trang điểm nhan sắc" theo cái kiểu càng "hoành tráng" càng tốt. Như tôi đã có dịp nhận định rất thẳng thắn rằng "càng đời càng cần hoành tráng". Bởi người dân tiết kiệm, không mua sắm xa xỉ hoặc chẳng có tiền mua hoa, nên được nhìn hoa, ngắm cảnh, xem pháo hoa rực trời cũng đủ "lãng quên đời" hay nói cho rõ hơn là "nhìn cho quên đời"... Đỡ tủi thân với những "đại gia" chơi cảnh hoa bạc tỉ, uống chai rượu vài triệu, đưa vợ con đi nghỉ Tết tận trời Tây. Cái khoảng cách giàu nghèo cứ dần ra theo năm tháng. Thôi thì chịu khó góc cổ lên nhìn đường hoa... cũng đỡ khổ. Vậy đó là một nhu cầu có thật.

Bởi thế, năm nay từ đường Thống Nhất, trước đình Độc Lập cũ, đến nhà thờ Đức Bà, vòng ra đường Đồng Khởi (Tự Do cũ) đèn hoa lại rợp trời. Ban tổ chức đã hết sức cố gắng tạo ra một hình ảnh mới cho con đường cũ. Nhưng thật ra so sánh với năm trước, nó cũng chẳng mới được bao nhiêu. Vẫn là hoa là đèn, là những đường cong cổ uốn lượn cho ra hình dáng một con rồng, con phượng. Vài nhà hàng cũng theo đó mà tạo dấu ấn riêng cho thương hiệu của mình.

Đường hoa Nguyễn Huệ, bình mới rượu cũ

Chiều 28 Tết, chỉ còn vài giờ nữa là khánh thành đường hoa Nguyễn Huệ, cái "đỉnh" của bộ mặt thành phố lớn nhất nước. Từ cả tháng nay, đường như bao nhiêu công phu "nghệ thuật" đổ cả vào đây. Tốn bao nhiêu cũng làm. Có những công trình làm từ mấy tháng trước ở một địa điểm khác, nay mới được mang về "tu bổ lại nhan sắc" đưa vào vị trí.

Theo Ban tổ chức, đường hoa năm nay có 7 phân khu, chạy dọc suốt gần 1km đường Nguyễn Huệ từ vòng xoay Cây Liễu ra đến trước sông Sài Gòn. Mỗi phân khu có một cái tên khá "kêu" như Khơi nguồn, Nghị lực, Sáng tạo... Nhưng chẳng có du khách nào quan tâm đến những chủ đề này, họ chỉ chú ý đến cảnh vật, đầu kia có bày trâu năm nhai cỏ dưới lũy tre làng, đầu kia là ba quả dưa hấu gọi nhớ tới chuyện quả dưa đỏ An Tiêm. Năm đang

tới là năm Kỷ Sửu nên hình tượng con trâu được trưng bày rải rác khá nhiều và bằng đủ thứ chất liệu như trâu bằng rom, trâu gốm, giả gốm, giả sơn mài, trâu sắt, trâu giấy bồi... Dù thứ trâu!

Các loại cây trái được mua từ nhiều địa phương nổi tiếng của Đồng bằng sông Cửu Long. Các loại hoa từ Đà Lạt, Sa Đéc, rom, lúa từ Long An, gốm từ Bình Dương, tre từ Củ Chi được trưng bày trong những chiếc dờ phất trong gió.

Một vài vị khách nước ngoài có vẻ thú vị trước khung cảnh lạ lẫm đó, chụp ảnh lia lịa. Nhưng số lượng khách nước ngoài năm nay ít hẳn. Cả đến khách trong nước lúc này cũng còn đang bận rộn với cuộc mưu sinh nên còn thưa thớt.

Những cố gắng tạo nên một đường hoa hoành tráng năm nay cũng chưa thấy có gì đổi khác nhiều. Vẫn là phong cách cũ, chỉ là thay hình đổi dáng những phẩm vật trưng bày trong một không gian xưa, như một thứ bình mới rượu cũ. Chưa thể thay đổi cho du khách chỉ thấy một đường hoa của ngày Tết trong một không gian mới.

Chợ hoa 23-9 ế nặng

Rời Nguyễn Huệ, chúng tôi chạy một đoạn ngắn tới chợ hoa 23-9, trước Chợ Bến Thành. Nói cho đúng, đây là chỗ bán đủ loại hoa Tết cho người dân TP. Sài Gòn từ vài trăm ngàn đến vài ba triệu một chậu hoa. Từ những loại hoa rất được ưa chuộng trong ngày tết như Vạn Thọ, Cúc đại đoá, Mồng Gà... đến Bông Giấy, Mai chiếu thủy, Mai vàng, Mai ghép, cây Thanh Long, quất... đều có mặt. Có một cây độc nhất được gọi là "cây thần kỳ" chữa bệnh tiểu đường được trưng bày. Nếu đúng là cây chữa được bệnh tiểu đường chắc sẽ giúp ích cho rất nhiều bệnh nhân mắc thứ bệnh nan y này.

Người mua có thể leo xe lên lề đường trả giá rồi vẫy một chiếc taxi, xích lô, ba gác đậu ngay bên đường chờ về. Cây nhỏ và hà tiện thì cho lên xe gắn máy chờ về luôn.

Có một khu riêng biệt cho người bán hoa đào từ miền Bắc mang vào, có khi từ Đà Lạt mang xuống. Tất nhiên giá cả hoa đào giữa miền Nam rất đắt. Người bán nhăm vào thành phần những "đại gia" từ miền Bắc vào Nam lập nghiệp, dù thành công ít hay nhiều, vài triệu chẳng có nghĩa gì. Người dân miền Nam không mặn mà gì với hoa đào, đi hàng trăm nhà may ra mới thấy một nhà hoặc một công ty khoe

cây đào trong đại sảnh. Hoa đào để đầy khu đất rộng mà hầu như chưa có ai hỏi đến.

Chợ hoa này năm nay ế nặng. Bằng giờ năm trước, tôi đã thấy rất nhiều người chờ hoa về. Chỉ còn 1 ngày 29 Tết nữa thôi, nếu không bán hết hoa, sang ngày 30 Tết chỉ có nước bán "sôn". Lúc đó giá nào cũng phải bán để thương lái còn kịp thu xếp ra xe về lục tỉnh. Thế nên đây là lúc đến lượt người mua "ép giá" người bán, một năm chỉ có một lần. Nhiều vị không cần chơi hoa cầu kỳ, thường đợi đến thời điểm "chém về" này đi mua hoa "đại hạ giá".

Vườn Tao Đàn có "hầm bà làng" đủ thứ

Sau đó, chúng tôi đến với vườn Tao Đàn, bây giờ gọi là Công Viên Văn Hoá. Nơi trưng bày hoa nhiều hơn là bán. Chưa đến ngày khai mạc, nhưng cửa bán vé đã mở. 15 ngàn một vé. Có đủ cả các thứ hoa cảnh chia thành từng khu.

Ngay trên lối vào có một vườn hoa Đài Loan, tuy nhỏ nhưng trưng bày nhiều loại hoa khá độc đáo. Nhất là những loại hoa lan.

Loại hoa được "tôn vinh" nhiều nhất là những cây mai đủ loại dự thi, lão mai, mai trắng, mai mười cánh san sát.

Trong một góc khác, các loại đá, loại gỗ tạo hình được trưng bày không khác năm trước bao nhiêu. Những thảm cỏ nhiều màu sắc đối nghịch cứ như từ năm nào còn sót lại.

Chúng tôi chú ý đặc biệt đến một "nữ họa sĩ" nét mặt thanh tú ngồi khiêm nhường, thu mình lại trong một góc thâm cô, bên rặng tre xum xuê cảnh lá. Không băng biên giới thiệu cô ngồi đó làm gì. Khi hỏi mới được biết cô chờ khách để vẽ caricature và chân dung. Để ý mới thấy bên cạnh cô, trên bãi cỏ xanh có một hộp bút vẽ, một cuộn giấy croquis nhỏ. Một vị khách trung niên xà đến nhờ cô vẽ. Vì lịch sự, ông khách không hỏi giá. Bàn tay mềm mại lướt nhẹ trên giấy. Hình ảnh vị khách dần hiện ra, khá linh động. Một vị khách khác tiếp theo ngồi vào chiếc ghế nhựa nhỏ trước mặt. Tôi cũng định nhờ cô vẽ cho một bức làm kỷ niệm, nhưng thấy cô bắt đầu bận rộn nên lại thôi. Tôi gửi lại cô tấm danh thiếp để khi nào cô rảnh sẽ thông báo cho tôi biết để đến... trình diện. Nhưng cô lễ cô bận vào dịp Tết này nên chưa "có lệnh đòi".

Ở đây trong khu vườn được gọi là Công viên Văn Hoá này, người ta có cảm tưởng như bao gồm "hầm bà làng" đủ thứ.

Vườn Hoa Tao Đàn năm nay buồn tẻ hơn mọi năm. Khung cảnh làm gợi nhớ nhiều năm trước, năm nào tôi và Phan Nghi, Vương Đức Lệ cũng rủ nhau vào Chợ Tết Tao Đàn, nay cả hai ông đã theo nhau về Cõi Phật. Năm nay cũng không thấy cô gái làng Bát Tràng ngồi bán mây pho tượng, mấy chiếc đĩa bằng đất nung mang dòng chữ Phúc Lộc Thọ. Một nỗi trống vắng ủa đến, nỗi mất mát tràn khắp trên cả vườn hoa.

Chỉ thấy ông đồ trẻ bày mực Tàu giấy đỏ

Cuối cùng chúng tôi tìm đến khu phố của những ông đồ ngồi viết thư pháp. Trên vỉa hè đường Phạm Ngọc Thạch, sau nhà thờ Đức Bà, một đoạn phố rất ngắn được dành cho các ông đồ "bày" mực tàu giấy đỏ bên phố đông người qua, ngồi viết thư pháp. Nhưng những ông đồ ở đây toàn là những ông đồ trẻ. Cũng khăn đóng áo dài, năm phủ phục trên sạp chiếu hoa. Có những câu đối viết sẵn để người đến "xin chữ" cứ thế bê về. Ngày xưa các cụ gọi là đi "xin chữ" cho ra vẻ tôn trọng thầy đồ, nhưng ngày nay, khách hàng chưa gọi trăng ra là đi "mua" chữ, song người ta chỉ nói "anh đồ viết cho tôi câu đối này" và... chi tiền. Lễ nghĩa cũng giảm đi nhiều phần. Dù sao giữ lại được những hình ảnh xa xưa cũng là điều nên làm, miễn là nó đừng giả tạo quá đáng và cũng đừng vì thời buổi kinh tế thị trường làm hỏng cả truyền thống của một dân tộc.

Chiều 30 Tết Kỷ Sửu khi tôi vừa viết xong bài này, trong khu chung cư của tôi đã có tiếng trống của đoàn múa lân rộn ràng khua động mùa xuân. Tết đến rồi.

Chúc bạn đọc Năm Kỷ Sửu vượt qua mọi khó khăn, khoẻ mạnh và đạt được mọi ước mơ, thành công trong cuộc sống.

(Trích *Lắm Cẩm Sài Gòn Thiên Hạ Sự*

Số 292 - Ngày 04-1-2009
và Số 295 - Ngày 25-1-2009)

Văn Quang

Jamais Deux Sans Trois

Gọi Người Trong Mơ

© Huy Lâm 2001

Musique & Paroles:

Huy Lâm

Slow ♩ = 56

Ne sois pas si naïve pour croire tout ce qu'il
Gọi thăm người tình trong mơ, gọi thăm người tình ngày

dit. Bien sou - vent l'a - mour n'est pas fait de pro-messes hâ - tives, mais de sin - cé - ri -
thơ, biết không em bao nhiêu đêm thâu ta óm cô đơn đợi chờ. Đợi một bình minh nắng

té pour une é - ter - ni - té, c'est toi qui me l'a - vais dit toi - même. —
mới, tình yêu nồng nàn sẽ tới, mang cho ta nụ hồng ngát hương trên đời. —

— Et si tu penses qu'il t'aime bien plus que moi je
— Dù rằng tuổi đời ngày thơ, nắng đẹp thật là kiêu

t'aime, en bon a - mi je te sou - haite tout le bon - heur que tu mé -
sa. Biết nói sao cho nên câu khi ta gặp ngừng bên em. Lòng ta muốn

rites, tout sim - ple - ment pour ta can - deur, mais mé - fie - toi des ap - pa -
nói trăm câu mong chờ, ngàn lời yêu thương, nhưng vẫn ngại ngừng dù chỉ nói

rences par - fois trom-peuses. — Quant à moi je vais par - tir pour une ré -
với người trong giấc mơ! — Ta quen em một chiều nắng phai, trời không mây



gion loin-taine, — où je m'é - clip - se - rais de la vie mon - daine, — à moins que
cao vời vợi. — Nhưng ta đâu màng mơ tới em, vì em quá xinh! — Nhớ tới bóng



toi, par une mince chance, tu ne dé - cides de me re - join - dre, qu'en penses-
hình nằm ôm gói chiếc, mới biết lòng mình, tình mình thắm thiết cùng người trong



tu? — C'en est ain - si l'a - mour qui vient par un beau
mơ — Gọi thăm người tình ngày thơ, nhìn cuộc đời đẹp như



jour ap - por - ter au - tant de joie que de cha - grins la - tents, au - tant d'en - chan - te-
mơ. Có ai hay tìm ta yêu em khi ta yêu trong mộng thôi. Hỏi rằng nàng thật hay



ment que de dé - sil - lu - sion, quand toi - même tu tiens à l'a - ban - don. —
mơ, hỏi rằng thật nàng ngày thơ khi trao ta nụ cười ánh mắt đa tình? —



— Dé -jà ton cœur fri - vole ou - blie ces douces pa - roles mur - mu - rées juste à no-
— Dù là nàng thật hay mơ chỉ cần nàng thật yêu ta. Thế nhưng sao tìm ta e



tre pre - mier bai - ser, et cet a - mour tant sou - hai - té s'est en - vo-
ấp ngập ngừng bên em. Lòng ta muốn nói trăm câu mong chờ, ngàn lời yêu



lé comme la fu - mée, pri - vé de pla - ce dans ton cœur!
thương, nhưng vẫn ngại ngần, dù chỉ nói với người trong giấc mơ! —

VỀ THĂM YÊN TỬ

HÀ NGUYỄN

Tôi là một đệ tử Phật giáo thuần thành. Tôi qui y tam bảo lúc vừa lên 3 tuổi. Trong một lần về thăm Ba Mẹ tôi ở Việt Nam vào năm 2006, tôi thật là xúc động khi Mẹ tôi soạn đưa tôi một tờ giấy QUI Y TAM BẢO đã cũ, giấy ngả sang màu vàng sậm. Tờ giấy qui y Tam bảo của tôi được viết bằng chữ Hán và chữ Quốc Ngữ, do đó tôi đọc được rằng mình trở thành đệ tử của Phật môn từ năm 1962.

Nhìn tờ giấy qui y trước mặt, tôi thấy tên sư phụ tôi là Thượng Tọa Thích Như Huệ, một hòa thượng trụ trì tại chùa Thiên Hội, thị trấn Kon Tum, miền cao nguyên Trung phần Việt Nam. Lòng tôi chợt cảm thấy bồi hồi và bao nhiêu kỷ niệm tuổi ấu thơ lần lượt hiện về, như chỉ vừa mới xảy ra ngày hôm qua. Tôi bỗng giật mình nhận thấy rằng thời gian trôi nhanh quá, thoáng chốc mà hơn 40 năm đã qua đi, với biết bao nhiêu dâu bể cuộc đời của một kiếp người lưu lạc, nổi trôi theo vạt nước.

Ba Mẹ tôi là dân Nam Kỳ thứ thiệt, sinh trưởng ở Gò Công, thuộc tỉnh Định Tường của miền Tây Nam phần. Địa danh Định Tường ngày nay không còn nữa và những người trẻ sinh trưởng sau năm 1975 chắc sẽ không còn biết đến tên này. Nội tổ và Ngoại tổ tôi theo Nho giáo, nếu nói theo người bình dân ở miền Nam thì gọi là đạo “Thờ cúng ông bà”. Ba tôi theo Tây học và chẳng muốn theo tôn giáo nào. Mẹ tôi giỏi chữ Nho, rất rành về lý thuyết của Nho giáo, Lão giáo và Phật giáo nhưng cũng chỉ muốn thờ cúng ông bà giống như Nội, Ngoại của tôi lúc bấy giờ.

Ba Mẹ tôi kết hôn không bao lâu thì rời khỏi căn nhà hương hỏa của ông bà Nội tôi ở đất Gò Công để đến Sài Gòn lập nghiệp vì Ba tôi nhận được một nhiệm sở rất tốt ở Sài Gòn. Đời sống công chức của đôi vợ chồng trẻ trên vùng đất mới thật êm đềm hạnh phúc. Mẹ tôi vui vẻ hòa nhập vào cuộc sống nhịp nhàng của Sài Gòn sung túc và cảm thấy Trời Phật đã ban cho mình quá nhiều ân sủng bởi vì Ba

tôi là một người trí thức có địa vị xã hội. Điều quan trọng nhất là ông chịu ảnh hưởng của văn minh Tây phương, rất tôn trọng phụ nữ, nhất là người phụ nữ kiêm nội tướng của mình.

Nhưng những ngày vui trong đời của Mẹ tôi đã qua đi rất nhanh. Đất nước Việt Nam bị chia đôi. Như bao chàng trai nước Việt thời bấy giờ, Ba tôi đã theo tiếng gọi của non sông đi vào quân đội và dần thân vào cuộc đời chinh chiến.

Vì quân vụ, Ba tôi phải rời Sài Gòn và bắt đầu cuộc đời lưu động của một quân nhân rày đây mai đó. Mẹ tôi muốn giữ trọn đạo Tam Tông theo quan niệm Nho giáo: “Thiếp là phận gái chữ Tông, Chàng đi Thiếp cũng một lòng xin đi”. Từ đó, Ba Mẹ tôi lại dần thân vào một đời sống mới, lấy trại gia binh làm nhà, cứ di chuyển càng ngày càng xa Sài Gòn, xa nơi chôn nhau cắt rốn Gò Công, đi xa mãi về phía Bắc của dãy giang san hình chữ S.

Tại một nơi trong hành trình của cuộc đời chinh chiến, tôi được mở mắt chào đời. Vì quá yêu mến nơi này cho nên Ba Mẹ tôi đã chọn địa danh đó để đặt tên cho tôi làm kỷ niệm.

Khi tôi tròn một tuổi thì Ba tôi lại nhận “Sứ Vụ Lệnh” để đi đến một nơi thật xa, vùng 2 chiến thuật, nơi vùng cao nguyên núi rừng biên giới của tổ quốc. Là quân nhân, Ba tôi sẵn sàng chấp nhận đi bất cứ nơi đâu khi đất nước đang cần, nhưng ông nghĩ thật là không công bằng nếu để Mẹ con tôi phải theo ông chịu khổ. Ba tôi đề nghị Mẹ tôi hãy đưa tôi về miền Nam ở với ông bà Nội để được sống những ngày tháng an toàn, sung túc nhưng Mẹ tôi cương quyết chối từ. Mẹ tôi biết rằng người đời xưa nay thường quan niệm “cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi”, hay nói theo văn chương quốc ngữ là “lấy chồng là chiến binh, có mấy người đi mà trở lại”, thế mà Mẹ tôi lại sẵn sàng chấp nhận định mạng nghiệt ngã dành cho những người phụ nữ có chồng đi chinh chiến. Mẹ tôi nhất định tiếp tục làm người bạn đồng hành trung thành của Ba tôi trên từng cây số của những chặng đường đời với một lý tưởng rất khiêm nhường, nhưng cũng rất cảm động,

cao cả và rất chân tình: “CHÀNG ĐI THEO NƯỚC, THIẾP THEO CHÀNG.”

Thế là tôi được nuôi lớn lên tại núi rừng cao nguyên hùng vĩ. Ngày tháng cứ trôi qua và miền Nam với cuộc sống êm đềm xa xôi ngày cũ chỉ còn là những kỷ niệm đẹp trong ký ức của Mẹ tôi. Vì quân vụ, Ba tôi thường hay vắng nhà và Mẹ tôi đã dành hết thời giờ để nuôi nấng, dạy dỗ tôi. Vì thời giờ của Mẹ tôi nhiều quá cho nên tôi phải học nhiều thứ lắm làm cho tôi thấy mệt. Tôi cảm thấy vui nhiều những lúc Ba tôi đi công tác ở xa về, Mẹ tôi dạy tôi phải đền phụ Mẹ tôi để nhặt hết những bông cỏ may đang bám đầy trên đôi giày nhà binh cao cổ của Ba tôi. Tôi sung sướng đọc được niềm vui trong ánh mắt của Ba tôi. Tôi được Ba tôi ôm vào lòng, tôi ôm cô Ba tôi cho khỏi té và tôi ao ước mỗi ngày của tôi cứ được diễn ra như thế mãi.

Tôi cứ lớn dần lên để nhìn thấy chung quanh nơi mình ở cũng có nhiều đứa trẻ con giống như tôi nhưng chúng tôi phải sống cách biệt với thế giới bên ngoài. Xung quanh chúng tôi là những hàng rào kẽm gai dây đặc, kể đó là những hàng bao cát được chất cao và bên cạnh là phần đất được đào thật sâu song song với hàng bao cát đó. Tôi nhìn thấy xe cộ và người đi lại bên ngoài vui vẻ tấp nập vào buổi sáng. Tôi cũng nhìn thấy giữa hàng rào kẽm gai dây đặc đó là một cái cổng có trạm gác và người bên ngoài muốn vào phải xuất trình giấy tờ. Tôi được Ba Mẹ dạy rằng không bao giờ được chạy ra khỏi trạm gác đó để ra ngoài một mình. Thịnh thoảng tôi có được Ba Mẹ tôi dẫn ra ngoài phố ăn hủ tiếu mì hoặc mía hấp nóng vào buổi chiều. Vì khí hậu tại Kon Tum rất lạnh cho nên người ta thường hay bán mía hấp nóng chớ không phải mía ướp lạnh như ở miền Nam. Phố ở đây rất nhỏ, lại không được nhộn nhịp như phố trong Nam cho nên có một ông nhạc sĩ lần đầu tiên ra đây đã viết một bài hát có những lời rằng “phố núi cao, phố núi đầy sương, phố xá thênh thang, trời đất thật buồn, đi năm phút đã về chốn cũ, một buổi chiều nao, lòng thấy băng khuâng...” Ông nhạc sĩ này ở trong Nam ra, cho nên thấy trời đất nơi đây sao buồn quá.

Thật ra trời đất ở nơi đây không phải lúc nào cũng buồn lặng lẽ như vậy. Nơi chốn rừng núi cao nguyên này cũng có nhiều đêm thật rộn ràng với bầu trời đầy hóa châu rục sáng. Đó là những đêm dài tôi nằm run rẩy co mình khi nghe tiếng đạn đại pháo rền vang. Những giọt nước mắt nóng cứ chảy dài trên gương mặt trẻ thơ của tôi mặc dù tôi đã cắn chặt môi mình đến rướm máu để cố ngăn không cho những tiếng nấc được bật ra ngoài. Tội nghiệp cho Mẹ tôi những lúc đó đã tìm đủ mọi cách để giải thích cho tôi biết chuyện gì đang xảy ra ở bên ngoài và rất lúng túng không biết nói thế nào trước những câu hỏi “Tại sao?” dồn dập mãi mãi của tôi.

Mẹ tôi thường không bao giờ rời khỏi doanh trại nếu không có Ba tôi đi cùng. Mẹ sống khép kín và biệt lập hẳn với thế giới bên ngoài. Buổi tối sau khi dỗ cho tôi ngủ xong là Mẹ tôi đọc sách mãi đến khuya. Có nhiều đêm bắt chợt giật mình thức giấc tôi vẫn còn thấy Mẹ tôi ngồi chong đèn bên quyển sách đang đọc dở dang. Mỗi buổi trưa, khi trên bầu trời có tiếng động cơ máy bay buồn buồn vọng lại là lúc Mẹ tôi bắt đầu ru tôi ngủ. Lời ru của Mẹ buồn buồn giúp tôi đi vào giấc ngủ thật nhanh. Tôi vẫn nhớ những lời ru ấy như thế này:

“Chim Đa Đa đậu nhánh đa đa,
Chồng gần không lấy, đi lấy chồng xa,
Lỡ mai cha yêu mẹ già,
Chén cơm đôi đũa, bộ kỷ trả ai dăng.”

Hay là:

“Anh đi đâu cho Thiếp đi cùng
Đói no có Thiếp, lạnh lùng có chẵn.”

Hoặc:

“Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ, ruột đau chín chiều.”

“Vĩ dẫu cầu ván đóng đình,
Cầu tre lắt lẻo, gập gềnh khó đi
Khó đi mẹ dắt con đi
Con thi trường học, mẹ thi trường đời.”

Có những lúc tôi cảm thấy lời ru của Mẹ tôi buồn da diết làm cho tôi mũi lòng chảy nước mắt:

“Anh về để áo lại đây,
Đề khuya em đắp, kéo gió Tây lạnh lùng.”

Những lúc có Ba tôi ở nhà, lời ru của Mẹ nghe thật ngọt ngào nhưng lại rộn ràng vui vẻ:

“Tiếng anh ăn học lão thông,
Cho em xin hỏi khăn lông mây đường.
Em về đếm hết cỏ vườn,
Lại đây anh nói mây đường khăn lông.”

Hay là:

“Đền Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ,
Đền Mỹ Tho ngọn tở, ngọn lu.
Anh về anh học chữ NHU,
Chín trăng em đợi, mười Thu em chờ.”

Tôi cứ lớn dần theo từng lời ru của Mẹ. Tiếng ru của Mẹ tôi trong vắt ngọt ngào. Nghe nói rằng ngày xưa lúc còn con gái thì Mẹ tôi là một trong những người phụ nữ có giọng hò hay nhất ở đất Gò Công. Nhiều khi tôi bắt gặp Ba tôi tùm tùm cười khi nghe Mẹ tôi ru con ngủ qua câu:

“Gió năm non thổi lòn hang để
Muru kể học trò anh để nơi đâu.

Em ơi anh để đầu nằm,

Để trong tủ sách, để ngoài lá thơ.”

Rồi một ngày kia, chính Ba tôi chịu khó dạy tôi học thuộc lòng một bài tập đọc bằng văn vần và hứa sẽ thưởng cho một đồng bạc các nếu tôi thuộc được. Bài văn đó như thế này:

“Có những trưa Hè xưa rất xưa
Trời hiu hiu gió, nắng hanh vừa,
Trong vòng tay mẹ, tôi say ngủ,
Tiếng hát hòa theo tiếng võng đưa.

Tiếng mẹ hiền thơm ngát sử xanh,
Bao nhiêu thơ phú đắp xây thành,
Đắp hồn dân tộc bằng gang thép,
Vững với làn gươm, lửa chiến tranh.

Tôi dần thân ra vụn dậm dài,
Năm sương gối gió, nếm chông gai,
Diệt trừ hung bạo, lo gìn giữ,
Nước Việt ngàn sau chẳng kém ai.”

Tôi đã học thuộc lòng được bài văn vần đó, lãnh được đồng bạc tiền thưởng của Ba tôi kèm theo một điều kiện là phải đọc bài văn đó cho Mẹ nghe hoài để Mẹ được vui. Bất chợt có một lần tôi ngâm thơ hỏi Mẹ:

“Mẹ ơi, Ba Mẹ để ra con thì con biết rồi, nhưng mà ai để ra Ba Mẹ sao con không thấy?”

Tôi thấy Mẹ tôi hơi sững sờ một chút, mắt Mẹ đỏ hoe và Mẹ tôi vội xoay mặt đi nơi khác, kéo tay áo lên chùi nước mắt. Tôi hốt hoảng không biết mình đã làm gì khiến cho Mẹ khóc cho nên tôi vội vàng ôm Mẹ và nói luôn miệng:

“Con xin lỗi Mẹ, con xin lỗi Mẹ. Từ nay con không dám hỏi như vậy nữa đâu, Mẹ đừng khóc nữa. Hay là Mẹ cứ đánh đòn con đi cho Mẹ đừng buồn.”

Mẹ tôi cũng ôm tôi thật chặt và dỗ dành tôi:

“Con đừng sợ. Con không có lỗi gì đâu, đó là lỗi của Mẹ. Mẹ không muốn kể chuyện gì cho con nghe cho đến khi nào con có đủ trí khôn để hỏi Mẹ về những người đã sinh thành ra Ba Mẹ. Người sinh ra Ba con thì con gọi là ông Nội và bà Nội. Người sinh ra Mẹ thì con gọi là ông Ngoại và bà Ngoại.”

Tôi hỏi Mẹ tôi:

“Vậy ông Nội bà Nội và ông Ngoại ở đâu mà sao con không thấy?”

“Ông Nội bà Nội và ông Ngoại bà Ngoại ở rất xa nơi đây. Dù rất thương yêu con và luôn mong muốn được thấy mặt con nhưng vì đường xá quá xa xôi nên không thể đến đây thăm con được, mà Ba Mẹ cũng không thể nào đưa con về miền Nam để được gặp các ông bà. Mỗi lần nghĩ đến chuyện ấy là Mẹ cảm thấy buồn cho nên Mẹ không muốn nhắc đến. Con nhìn giống y hệt như bà Nội của con từ ánh mắt cho đến nụ cười. Bà Nội con chỉ sanh được 3 người con trai, không có cô con gái nào hết cho nên nếu nhìn thấy mặt con, chắc chắn là ông bà Nội sẽ thương yêu con không biết nói sao cho hết.”

“Nhưng tại sao Ba Mẹ không về ở gần ông bà Nội và ông bà Ngoại cho vui?”

“Tại vì đất nước đang có chiến tranh. Ba con phải theo theo lệnh của chính phủ đến ở nơi này đánh giặc, phải chịu rời xa cha mẹ của mình. Khi nào yên giặc thì chính phủ lại cho Ba trở về sống gần ông bà Nội.

“Vậy chính phủ là ai? còn giặc là ai?”

“Chính phủ là những người đứng ra sắp xếp đời sống hàng ngày cho chúng ta, lo cho chúng ta được yên ổn, có cơm ăn, áo mặc, có giấc ngủ ngon. Giặc là những người luôn làm cho đời sống chúng ta bị xáo trộn, đêm đêm họ hay pháo kích vào

thành phố làm cho những đứa trẻ giống như con bị giạt mình không thể ngủ yên được đó.”

“À, như vậy thì con hiểu rồi. Nhưng tại sao mấy người giặc xấu quá, phải đi làm giặc như vậy?”

“Muốn biết tại sao thì bây giờ con phải học. Bắt đầu ngày mai thì Mẹ sẽ là cô giáo của con để dạy cho con học chữ”.

Thế là cuộc đời học trò của con thực sự bắt đầu và người thầy khai tâm cho tôi chính là Mẹ tôi. Tôi được học văn Quốc ngữ và còn được học Tứ Thư và Ngũ Kinh của Nho Giáo. Theo lời yêu cầu của Ba tôi, về Hán văn, Mẹ tôi chỉ dạy cho tôi học nói chứ không học viết.

Tôi bắt đầu học thuộc lòng Thiên là Trời, Địa là đất, thất là mất, tồn là còn, tử là con, tôn là cháu, lục là sáu, tam là ba, gia là nhà, quốc là nước, quân là vua, sư là thầy, phụ là cha, mẫu là mẹ, nhân là người... Sau đó thì dùng những chữ ấy để ráp lại thành câu. Thí dụ như:

“Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”

“Quốc phá gia vong”

“Thiên thời địa lợi nhân hòa”

“Vị quốc vong thân”

“Nam quốc sơn hà Nam Đế cư”

“Địa linh nhân kiệt”

“Nhân di sơ tính bốn thiện”

“Ngọc bất trắc bất thành khí, Nhân bất học bất tri lý”

“Học như nghịch thủy hành chu, không tiến tất thoái”

“Tiên học lễ, hậu học văn”

“Nhất tự di sư bán tự di sư”

“Đức thắng tài vi quân tử, tài thắng đức vi tiểu nhân”

“Sĩ khả sát bất khả nhục”

“Tử bất giáo, phụ nghiêm chi hóa”

“Quan chi phụ mẫu”

Mỗi câu Mẹ tôi đều giải thích rất rõ ràng, dễ hiểu và tôi cảm thấy học chữ Nho dễ ợt như người ta ăn cơm hay uống nước. Thầy cứ say mê dạy và trò cứ say sưa học. Mẹ tôi đã thôi không còn ru tôi ngủ nữa và thay vào lời ru là những câu chuyện cổ tích đã sử lý kỹ, hấp dẫn của lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ dựng nước và giữ nước.

Qua những câu chuyện về lịch sử của Mẹ, tôi thấy đất nước tôi cứ luôn có giặc giả triền miên làm

cho những người đàn ông phải đi đánh giặc để gìn giữ xóm làng, không để cho giặc tràn vào cướp phá, giết người, cướp của... Chính người đàn ông phải đứng ra nhận trách nhiệm bảo vệ tổ quốc vì hệ nước mất thì nhà tan, tất cả mọi thứ sẽ không còn nguyên vẹn.

“Tại sao giặc lại cứ muốn đến đánh nước mình để cho dân mình phải khổ mãi như vậy hả Mẹ?”

“Bởi vì giặc muốn chiếm nước mình để bắt dân mình lặn xuống biển mò ngọc trai, lên rừng đốn gỗ quý hoặc săn bắt các loài thú hiếm để chúng chở đem về Tàu làm của riêng.”

Mẹ tôi dạy rằng trong Nho giáo có câu “quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách” để nêu cao vai trò của người đàn ông trong nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc. Riêng ở nước Việt ta thì tục ngữ còn có câu “giặc đến nhà, đàn bà phải đánh” để xác định mạnh mẽ rằng người phụ nữ Việt cũng rất có tinh thần và nghĩa vụ bảo vệ đất nước không thua gì nam giới. Mẹ tôi bảo rằng sở dĩ có câu tục ngữ trên là vì ở nước ta trước khi Thiên Chúa giảng trần đã có những người phụ nữ dũng cảm đứng lên chống giặc để giành lại nền độc lập cho tổ quốc, đuổi giặc chạy về Tàu. Những vị anh thư lừng lẫy đó là hai bà Trưng Trắc, Trưng Nhị qua câu chuyện “Đầu voi phát ngọn cờ vàng” và Bà Triệu được tặng danh xưng Nhụy Kiều Tướng Quân qua câu nói lưu truyền bất hủ: “Tôi muốn cỡi cơn gió mạnh, đạp làn sóng dữ, chém cá kình ở biển khơi chớ không cam lòng chịu nhục, khom lưng cúi đầu đi làm ti thiếp cho người.”

Đó là những người phụ nữ Việt đã đi tiên phong để dựng nên những trang sử chống xâm lăng, đòi tự chủ rang ngời của dân tộc. Gặp khi thế giặc mạnh, tất cả các bà đã anh chợn cái chết anh hùng để trả nợ non sông. Rồi Mẹ dạy tôi học thuộc những câu văn vẫn nghe rất hùng tráng như thế này:

“Tay ngọc vờn cao, giông bão nổi,
Mê Linh riêng chiếm một thành trì”

Và:

“Phấn son tô điểm sơn hà,
Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam.”

Tôi thật sự rất thích nghe những câu chuyện lịch sử do Mẹ tôi kể lại, và sau khi nghe xong, tôi chìm vào giấc ngủ. Trong giấc ngủ ấy tôi mơ gặp các bà với võ phục hiện ngang, đang cỡi voi mùa

gươm xông trận. Từ đó tôi đã hiểu chiến tranh chống giặc là gì và tôi chấp nhận đương đầu với những nghiệt ngã đau thương của dân tộc Việt.

Về chữ Quốc ngữ, tôi được bắt đầu học thuộc lòng những bài văn mang âm điệu tươi vui như:

“Tiếng Quốc Ngữ,
Chữ nước ta,
Con cái nhà,
Đều phải học,
Miệng thì đọc,
Tai thì nghe,
Đừng khóc nhè,
Chớ láu táu,
Anh lên sáu,
Em lên năm,
Học cho chăm,
Thầy khỏi mắng.”

Nhờ sự chăm chỉ dạy dỗ của Mẹ tôi, tôi đã bắt đầu biết đánh vần chữ quốc ngữ và cũng học thuộc lòng được nhiều câu chữ Nho khó nhớ. Mẹ tôi khoe với Ba tôi rằng tôi có trí nhớ rất tốt và có thiên tư để học văn chương. Một lần có một việc gì đó rất quan trọng, Mẹ tôi bảo tôi chạy đến phòng trực để gọi Ba tôi về gấp. Khi đến nơi tôi tò mò nhìn xung quanh gian phòng nhỏ, trên tường gần nơi bàn viết của Ba tôi là những chữ được sơn đậm nét rất đẹp. Tôi lẩm nhẩm đứng đánh vần. Những chữ ấy là: “TỔ QUỐC – DANH DỰ - TRÁCH NHIỆM”. Hai cha con nắm tay nhau đi về phía khu trại gia binh, tôi tò mò hỏi Ba tôi những chữ ấy có nghĩa là gì. Ba tôi trả lời rằng đó là những chữ cũng có nghĩa giống như những bài học mà Mẹ tôi đã dạy cho tôi, tức là “quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”, cũng có nghĩa là đàn ông gặp khi đất nước có giặc thì phải hăng hái đi đánh giặc để bảo vệ tổ quốc, phải có trách nhiệm với đất nước như vậy thì mới là một người công dân có danh dự. Tôi sung sướng nắm tay Ba tôi thật chặt và thò ngay nói với ông rằng:

“Sau này khi lớn lên, con sẽ luôn luôn nhớ mãi những dòng chữ TỔ QUỐC, DANH DỰ, TRÁCH NHIỆM. Mẹ còn dạy con rằng đối với người Việt Nam thì con còn phải luôn nhớ đến câu “giặc đến nhà, đàn bà phải đánh” nữa. Mẹ nói rằng ở nước Việt Nam thì đàn bà cũng phải có trách nhiệm đánh

giặc giống như đàn ông. Ba ơi, mai một ba phải cho con đi học võ như mấy đứa con trai trong trại nữa nghe.”

Ba tôi bật cười thành tiếng rồi cuối xuống ẵm tôi lên, miệng nói nựng “Con tôi có cô giáo dạy giỏi quá”. Tôi được Ba tôi bồng trên tay trên suốt đoạn đường về nhà, vừa đi tôi vừa nghe ông khe khẽ hát: “Xếp bút nghiên, lên đường tranh đấu. Xếp bút nghiên, coi thường công danh như phù vân, son hà nguy biến...” Tôi thấy thương Ba tôi hơn bao giờ hết và trong mắt tôi, những người đàn ông Việt Nam quả thật anh hùng. Trong trái tim non nớt của tôi, tôi thấy chan chứa cả một tình yêu thương và lòng cảm phục tất cả những người đàn ông đã và đang dần thân thể gìn giữ sự bình an cho đất nước.

Tôi được Ba tôi giữ lời và cho tôi đi tập võ. Từ đó tôi trở nên dạn dĩ lạ lùng. Những đêm khi nghe tiếng đạn đại pháo vọng về tôi không còn sợ hãi và khóc nhè như những ngày còn bé tí. Dù không có Ba tôi bên cạnh để ôm tôi thật chặt vào lòng, tôi vẫn bình tĩnh tìm lối đi vào hầm trú ẩn một mình. Tôi biết rằng xung quanh tôi đang có rất nhiều người đàn ông giống như Ba tôi đang cầm chắc tay súng để lo đánh giặc, bảo vệ những đứa trẻ thơ như tôi được tiếp tục giấc ngủ yên lành và mơ gặp Bà Trưng, Bà Triệu.

Một cơ duyên chợt đến đã thay đổi cả đời sống tâm linh của Ba Mẹ tôi. Ba tôi có một người bạn thân là đồng đội vừa nằm xuống trong cuộc chiến. Người vợ bác ấy từ trong Nam ra, muốn cho Bác ấy được nằm yên nghỉ tại núi rừng cao nguyên và mang di ảnh người chồng quá cố đến một ngôi chùa ở Kon Tum để vong linh người quá vãng được hàng ngày nghe kinh Phật. Vì là người từ trong Nam ra cho nên thấy cái gì cũng lạ, bác gái muốn Mẹ tôi đi chung cho có bạn đồng hành. Đó là lần đầu tiên Mẹ tôi đến chùa và khám phá ra rằng ngôi chùa ở cao nguyên thật là yên tĩnh, thoát tục. Tiếng chuông chùa vang vọng ngân nga như vỗ về những linh hồn đang đau khổ nơi trần thế. Mẹ tôi thấy tinh thần rất thoải mái và cảm nhận rằng chưa bao giờ tâm hồn của mình được an tĩnh đến như vậy.

Vị Hòa Thượng trụ trì ra tiếp khách cảm thấy lạ khi nghe giọng nói miền Nam của Mẹ tôi và người bạn gái. Người lại hỏi thăm vì đâu mà Mẹ tôi đến sinh sống ở miền cao nguyên này. Mẹ tôi trình bày rằng cả hai người đều thuộc gia đình quân nhân và muốn mang di ảnh của người quá cố đến cửa thiền để hương hồn được mỗi ngày nghe kinh Phật. Vị Hòa Thượng vội phân ưu cùng hai vị nữ khách và giảng giải cho hai người nghe về cội nguồn của sanh tử theo giáo lý nhà Phật. Mẹ tôi thành kính chăm chú nghe giảng Pháp. Sau khi giảng xong, vị Hòa Thượng hỏi Mẹ tôi:

“Mô Phật, xin hỏi thí chủ đang theo tôn giáo nào, hoặc có bao giờ quy y tam bảo hay chưa?”

Mẹ tôi cung kính trả lời:

“Bạch Thầy, bởi vì tâm con chưa tịnh và luôn sống giữa chốn ba quân cho nên con không nghĩ mình có đủ điều kiện để trở thành đệ tử nơi cửa Phật.”

Vị Hòa Thượng vội tiếp lời:

“Mô Phật, bởi vì tâm của thí chủ chưa tịnh nên mới cần tìm đến một cảnh giới an tịnh để giữ vững tinh thần. Hy vọng rằng Phật Pháp vô biên sẽ giúp cho thí chủ được tịnh tâm và lạc quan tin rằng đời sống cũng chưa hẳn là bề khổ. Nếu thí chủ có thời giờ đọc sách, nhà chùa xin tặng cho thí chủ một ít kinh sách để xem, rất bổ ích cho tinh thần.”

Mẹ tôi vui vẻ nói:

“Bạch Thầy, con rất thích đọc sách. Nếu được Thầy hoan hỉ cho thỉnh một ít kinh sách về xem thì con cảm ơn vô cùng.”

Mẹ tôi sau đó rời chùa, trở về nhà với một số kinh sách Phật giáo và nghiền ngẫm đọc. Đó là những quyển sách về lịch sử Phật giáo và Thiền Tông Trúc Lâm tại Việt Nam. Một tháng sau, khi mang những quyển kinh sách trên để trả lại cho nhà chùa, Mẹ tôi đã quyết định cả hai Mẹ con tôi đều quy y tam bảo. Mẹ tôi được đặt Pháp danh là Diệu Chơn, còn tôi là Diệu Lạc.

Từ khi trở thành phật tử, đời sống của mẹ con tôi thay đổi nhiều. Mỗi tháng hai lần vào ngày rằm (15) và mồng một âm lịch, Mẹ tôi đưa tôi đến chùa để cúng hội và nghe thuyết Pháp. Mỗi tháng một lần, thường là đầu tháng, nơi doanh trại chúng tôi ở có phân phát nhu yếu phẩm “Quân Tiếp Vụ” thường là đường cát trắng, sữa bột, bột mì, đậu

xanh, dầu ăn... Mẹ tôi thường làm những món ăn trắng miệng như bánh chuối hấp, bánh bò hấp, bánh bò nướng, bánh khoai mì nướng, bánh Trung Thu chay, bánh bao chỉ, bánh quai vạt, bánh hạnh nhân, bánh in, bánh men, bánh gai, bánh ít, bánh Tét, xôi vò, xôi vị, xôi đậu xanh, xôi lá cẩm, mứt bí, mứt gừng, mứt dừa, mứt khoai lang, mứt mít... để mang đến chùa cúng hội và sau đó cho mọi người cùng thưởng thức những món ăn trắng miệng của miền Nam. Quý Thầy và những thiện nam, tín nữ phật tử đều rất thích, bảo rằng Mẹ tôi nấu những “món Sài Gòn” món nào cũng ngon tuyệt vời. Riêng Mẹ tôi thì rất vui khi nhìn thấy những người già, những em bé lam lũ ở miền cao nguyên, tay run run cầm chiếc bánh bò trắng nõn hay miếng bánh khoai mì vàng ngậy đưa vào miệng nhai một cách ngon lành. Niềm vui trong việc nhường cơm xẻ áo đã làm cho Mẹ tôi thấy cuộc đời đẹp hơn, Mẹ tôi đã thực hiện hạnh bố thí của nhà Phật và cảm thấy tâm hồn vô cùng thanh thản.

Từ những ngôi tam bảo hiền hòa, Mẹ tôi đã có cơ hội gặp được rất nhiều người dân hiền lành mộc mạc của miền cao nguyên đất đất đỏ hoang dã. Họ ñơn giản và chất phát thật thà. Mẹ tôi lại sinh tình lưu luyến, mến cảnh mến người và dần dần tự coi mình như người thuộc về địa phương ấy. Mẹ tôi ân cần tặng muối cho những “đồng bào Thượng” sống trên miền núi cao, họ thường đem măng tươi về chùa để bán trong những ngày cúng hội. Mẹ tôi âu yếm chùi sạch những vết lem luốc trên gương mặt đứa bé thơ đang được anh hay chị của nó cõng trên lưng, léch thếch lồi thoi như kiểu ếch đang tha nhái. Nhìn những hình ảnh trẻ thơ như thế, tôi tự cảm thấy mình đã may mắn hơn chúng nó rất nhiều và trong lòng không dám mơ ước đến những điều viễn vông xa xỉ có thể làm buồn lòng Ba Mẹ. Trong trái tim non của tôi lúc ấy thì Mẹ tôi là hình ảnh của một bà Tiên hiền lành trong chuyện cổ tích, được sinh ra đời để yêu thương người khác.

Dần dần Mẹ tôi lại tiến xa hơn trong vấn đề bố thí. Mẹ tôi xin Ba tôi hãy liên lạc với Ty Xã Hội của tỉnh, xin đem thực phẩm đến những chùa trên núi cao trong những ngày lễ lớn của Phật giáo để phát cho các trẻ em nghèo, con của những người nông dân làm rẫy và những trẻ em đồng bào

Thượng. Thực phẩm mà các em cần nhất là sữa bột của Mỹ viện trợ nhân đạo cho các trẻ em Việt Nam để tăng lượng dinh dưỡng cần thiết cho lứa tuổi đang phát triển.

Trong một lần tháp tùng với phái đoàn của Ty Xã Hội đi phát sữa bột tiếp tế cho các trẻ em tại chùa, Ba tôi đã có duyên gặp được vị Hòa Thượng trụ trì. Sau những câu xâ giao khách sáo giữa chủ và khách, vị Thầy trụ trì chùa đã hỏi Ba tôi:

“Mô Phật, hạnh bố thí của thí chủ quả thật là công đức vô lượng. Thí chủ có bao giờ có ý định quy y tam bảo hay không?”

Ba tôi chấp hai tay trước ngực, thành kính trả lời:

“Bạch Thầy, làm người ai cũng mong có một tin ngưỡng để làm nơi nương tựa cho tâm hồn. Nhưng con tự thấy mình đang sống giữa chốn ba quân, vai đang mang trách nhiệm, thân không rời vũ khí, nghiệp sát sinh của con còn quá nặng nên không xứng đáng để làm đệ tử nơi cửa Phật.”

Hòa Thượng ôn tồn nói:

“A Di Đà Phật, xin thí chủ an tĩnh. Thí chủ đừng nên tự trách mình như vậy. Thời thế có khi TRI, khi LOAN. Thí chủ đang làm trai thời loạn thì phải làm tròn trách nhiệm của mình để báo quốc, an dân. Tôn chỉ của Phật Giáo Việt Nam là HỘ QUỐC, HỘ DÂN và HỘ PHÁP, do đó người phật tử Việt Nam phải dũng cảm đứng ra nhận lấy trách nhiệm này. Đạo Phật cấm sát sanh, nhưng dẹp giặc cứu dân thì không có gì là trái đạo. Đó là những lời di huấn của Tổ Sư Thiền phái Trúc Lâm. Đức Phật Tô Như Lai cũng từng dạy đệ tử rằng: “Ta không vào địa ngục thì ai vào địa ngục”. Điều quan trọng nhất khi trở thành Phật tử là phải giữ tâm trong sáng. Khi gặp việc đúng, dù nhỏ cho mấy cũng không thể bỏ qua; Khi gặp việc trái, dù nhỏ cho mấy cũng không nên can dự vào. Nếu giữ được tâm như thế thì tâm của mình chính là tâm Phật vậy.”

Có lẽ đó là lần đầu tiên Ba tôi nghe những lời thuyết pháp mạnh mẽ như vậy từ một vị tu hành. Ba tôi không ngờ rằng tại nơi thâm sơn cùng cốc này ông đã gặp mình sư. Ông kính cẩn chấp tay xá Hòa Thượng và thành tâm trả lời:

“Bạch thầy, con thật cảm ơn những lời giáo huấn của thầy. Con cần tịnh tâm suy nghĩ lại và

mong được thu xếp thời gian để đến nơi này quy y Phật Pháp.”

“Mô Phật, xin thí chủ cứ thong thả, cửa chùa luôn mở rộng. Nhà chùa xin tặng thí chủ một quyển kinh Phật để xem trong những khi rảnh rỗi việc quân. Kể từ hành này xin mỗi ngày hồi hướng công đức, cầu nguyện Phật Pháp vô biên phù hộ độ trì cho thí chủ luôn được bình an khi xông pha giữa chốn hòn tên mũi đạn để làm nghĩa vụ bảo quốc an dân.

“Con xin cảm ơn Sư Phụ.”

Ba tôi đã trở lại gặp vị Hòa Thượng kể trên để xin được thọ giới quy y. Hòa Thượng đặt Pháp danh cho Ba tôi là Minh Giác và có tặng một tượng Phật Thích Ca nhỏ xiêu bằng sành trâu để Ba tôi luôn mang trên người.

Từ đó, gia đình tôi phát tâm tu hành theo những điều kiện mà mình đang có. Mẹ tôi lập một bàn thờ Phật trong nhà, may những chiếc áo trắng màu nâu hoặc màu lam để mặc trong lúc tụng kinh Sám Hối tại nhà, hoặc mang theo để mặc khoác bên ngoài bộ quần áo thể tục những khi tụng kinh tại chùa. Vào những ngày lễ lớn của Phật Giáo, tôi thường cùng Mẹ tôi tháp tùng những cao tăng đến bờ sông Dabla ở Kon Tum, lập đàn tràng cầu siêu cho những chiến sĩ trận vong và đồng bào tử nạn đã bỏ mình trong các trận giao tranh đẫm máu.

Trong những lần đọc kinh Cầu Siêu như vậy, tôi luôn cảm động tui thân chảy nước mắt và thành tâm cầu nguyện cho hương linh người quá vãng được về làm dân nơi đất Phật, được thiên thu sống cuộc đời an lạc, không còn phải đối diện với cảnh chiến tranh chết chóc đang xảy ra hàng ngày nơi cõi tạm này nữa.

Rồi Ba tôi lại thuyên chuyển đến một vùng chiến thuật khác, xa đồng đội cũ, xa những đồng bào ruột thịt miền núi chất phát hiền lành, xa những cao tăng của các ngôi chùa nghèo nàn cỏ kính và bỏ lại sau lưng là vùng cao nguyên đất đỏ Kom Tum với trận chiến chưa tàn.

Mẹ con tôi lại tìm những ngôi tam bảo khác để được nghe thuyết pháp, giảng kinh. Năm tôi chừng 8 tuổi, một lần theo Mẹ đến chùa lễ Phật. Vị Hòa Thượng tiếp chuyện với Mẹ tôi, nhân đó ngài thấy tôi và tiện thể hỏi vài câu về chuyện chữ nghĩa, học

hành. Thấy tôi trả lời trôi chảy thì hài lòng lắm. Ngài lại hỏi tôi:

“Con có thích các loại hoa không, và con thích nhất là loại hoa gì?”

Tôi chấp 2 tay trước ngực, kính cẩn trả lời:

“Bạch Thầy, đệ tử thích ngắm tất cả các loài hoa, nhưng đệ tử yêu thích hoa sen hơn cả.”

Hòa Thượng lại hỏi:

“Con có thể cho Thầy biết vì sao con lại thích hoa sen hơn cả hay không?”

“Bạch Thầy, bởi vì mỗi khi nhìn thấy hoa sen thì trong lòng đệ tử luôn cảm thấy thư thái, nhẹ nhàng. Hoa sen tượng trưng cho những điều tinh khiết nhất, cho dù phải sống lẫn với bùn nhưng vẫn toả ngát hương thơm và không nhuộm mùi bùn.

Rồi để chứng minh quan điểm của mình, tôi ngâm thơ đọc cho Hòa Thượng nghe bài

Thơ tả hoa sen mà tôi đã học được từ những câu hát ru con của Mẹ :

“Trong đầm gì đẹp bằng sen,

Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng

Nhụy vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.”

Gương mặt vị hòa thượng bỗng trở nên rạng rỡ.

Ngài nói với Mẹ tôi rằng tôi có căn duyên với Phật Pháp và sau này sẽ có khả năng lãnh hội được giáo lý Phật giáo rất sâu. Ngài còn ân cần tặng cho tôi quyển kinh “Ánh Đạo Vàng” để tôi được học hỏi thêm về đạo Phật.

Từ ngày nhận được quyển kinh “Ánh Đạo Vàng”, tôi đọc say sưa và suy nghĩ mãi về sự tích Đức Phật Thích Ca từ lúc ngài mới đản sinh cho đến khi được nhập Niết Bàn. Lòng tôi thật vô cùng cảm phục Đức Phật Thích Ca tức Thái Tử Tất Đạt Đa, người đã dám lia bỏ cung vàng điện ngọc, vợ đẹp con thơ và cả một ngai vàng đang chờ Ngài đăng quang ngự trị để ra đi tìm một con đường giải thoát cho chúng sinh vượt khỏi những SANH, LÃO, BỆNH, TỬ thường tình.

Tôi đã chia sẻ với Mẹ tôi tất cả những cảm tưởng của tôi về lòng cung kính và ngưỡng mộ Đức Phật Thích Ca thì được Mẹ tôi dạy rằng ở nước Đại Việt ta thuở xưa cũng có hai vị vua như thế. Đó là vua Trần Thái Tôn (Trần Cảnh) và vua

Trần Nhân Tôn (tức Thái tử Trần Khâm), cháu nội của vua Trần Thái Tôn.

Tôi đang học chương trình Lịch Sử lớp Ba về chiến thắng Bạch Đằng Giang và Hội Nghị Diên Hồng nên tôi được biết hai vua là bậc đại anh hùng của dân tộc Việt, đã anh dũng hướng dẫn toàn quân toàn dân 3 lần đại phá giặc Mông Cổ, khi mà gót giày xâm lược của chúng đã dẫm nát từ Âu sang Á, đi xâm lược khắp nơi chưa lần nào ném mùi chiến bại. Tôi cũng biết được rằng vua Trần Thái Tôn đại thắng quân Mông Cổ lần thứ nhất vào năm 1258, và cháu nội của Ngài là vua Trần Nhân Tôn đại thắng Mông Cổ lần thứ 2 vào năm 1285, lần thứ ba vào năm 1288. Riêng việc hai vua đã từng bỏ ngai vàng để xuất gia tu hành nơi cửa Phật thì tôi không được biết, bởi vì cô giáo tôi không hề giảng cho chúng tôi nghe về chi tiết này.

Mẹ tôi lại giảng cho tôi nghe rằng sau khi đất nước sạch bóng quân Mông Cổ xâm lược, toàn dân Đại Việt cùng nhau ca khúc khải hoàn, ăn mừng chiến thắng. Vua Trần Nhân Tôn đã cho cả nước mở hội trong 3 ngày, gọi là THÁI BÌNH DIÊN YÊN. Tháng 3 năm 1288 vua Nhân Tôn cùng bá quan văn võ tề tựu về thăm lăng tẩm của vua Trần Thái Tôn ở phủ Thiên Trường và làm lễ “Hiển Tiệp” (dâng tin thắng trận). Trước lăng mộ tổ tiên, vua Trần Nhân Tôn đã cảm khái đọc hai câu thơ:

“Xả tắc lưỡng hội lao thạch mã

Son hà thiên cổ điện kim âu”

(Xả tắc hai phen bon ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng)

Sở dĩ vua Nhân Tôn cảm khái đọc hai câu thơ trên vì khi đi tế lễ xung quanh lăng tẩm, đức vua khám phá ra rằng trên chân tất cả các con ngựa đá đặt trong lăng đều dính vết bùn, dấu bùn còn rất mới, giống như các con vật này vừa từ trận mạc lội bùn dơ trở về để tiếp tục đứng hầu cận trong lăng. Nhà vua cảm động vì thấy tinh thần đoàn kết keo sơn trong hai trận chiến chống giặc Nguyên Mông, người sông đánh giặc và cả người chết cũng đi đánh giặc. Nhà vua cho rằng tất cả tổ tiên nhà Trần đang nằm yên trong lăng tẩm đã cười những con ngựa trên để xông ra trận mạc, quyết cùng con cháu bảo vệ giang sơn tổ quốc đến cùng.

Vua Nhân Tôn trở về kinh thành Thăng Long, truy phong cho những cho những tử sĩ đã hy sinh cho tổ quốc, thăng thưởng cho tướng sĩ tùy theo công trạng của từng người. Ngài nghiêm trị những kẻ phạm tội cộng tác với giặc, xuống chiếu cho những kẻ bán con làm nô tì được chuộc lại và ban chiếu chỉ đại xá trong thiên hạ. Nơi nào từng bị giặc đốt phá thì được tha cho khôi phục ruộng đất và thuế ruộng, được miễn đi làm dân phu. Riêng những nơi không bị tàn phá trong chiến tranh thì cũng được giảm sưu thuế theo từng bậc khác nhau. Đức vua kêu gọi cả nước cùng nhau hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển tăng gia sản xuất để xây dựng lại đất nước.

Vua Nhân Tôn lại hạ lệnh tăng cường huấn luyện quân đội, củng cố quốc phòng vững mạnh và quyết tâm xây dựng một nước Đại Việt hùng mạnh về quân sự, vững chắc về kinh tế, rục rờ về văn học.

Ngài cho mở thêm trường giảng dạy Tứ Thư và Ngũ Kinh để đào tạo học trò giỏi, khuyến khích Những người khoa bảng có tài sáng chế ra chữ Nôm, một loại chữ có thể viết theo lối phát âm của người Việt, hoàn toàn độc lập với chữ Hán của người Trung Hoa. Nước Đại Việt đã thật sự bước vào một kỷ nguyên độc lập về văn học đối với người Tàu. Trong đợt cải cách này đất nước đã đào tạo ra danh tài Chu Văn An, sau đó đã trở nên bậc thầy của cả nước, người đã có công dạy dỗ, huấn luyện ra rất nhiều bậc đại khoa có đức, có tài làm rường cột vững chắc cho triều đại nhà Trần.

Vua Nhân Tôn lại cho mở Giảng Võ Đường để dạy thanh niên luyện tập võ nghệ, mở khoa thi để chọn văn võ Trạng Nguyên, đã qui tụ được rất nhiều nhân tài cho đất nước. Đất nước Đại Việt đã thật sự lột xác để trưởng thành, non sông hoàn toàn độc lập về chính trị và văn hóa, vẹn toàn về lãnh thổ và lãnh hải. Mọi người đều có niềm tin vào sức mạnh của dân tộc. Lòng dân ai nấy đều hoan hỉ và hoàn toàn tin tưởng vào triều đại mới. Lòng dân thật sự đã gom về một mối, không còn buồn bã và tưởng nhớ đến triều đại nhà Lý năm xưa.

Sáu năm sau, vào năm 1293, sau khi Thượng Hoàng Trần Thánh Tông mất được 3 năm, vua Trần Nhân Tôn liền nhường ngôi cho con là Thái Tử là Thái Tử Trần Thuyên (tức vua Trần Anh Tông),

xưng là Thái Thượng Hoàng, dọn về phủ Thiên Trường để trông coi lăng miếu Tổ Tiên nhà Trần và chuyên tâm nghiên cứu soạn thảo kinh sách Phật rồi sau đó Ngài xuất gia tu hành ở Vũ Lâm, lấy đạo hiệu là Trúc Lâm Đại Sĩ. Năm ấy Thượng Hoàng vừa tròn 36 tuổi. Một thời gian sau, sau khi bình định xong giặc giả ở Ai Lao, Ngài về núi Yên Tử để tu hành, Pháp danh là Điều Ngự Giác Hoàng.

Điều Ngự Giác Hoàng đã viết rất nhiều kinh sách Phật Giáo để hướng dẫn cho dân tu học. Ngài đi các nơi thuyết Pháp, dạy dân sống hiền lành, đạo đức, chân thật. Ngài kiên quyết bài trừ những hủ tục mê tín dị đoan trong dân gian, hạ chiếu cho các quan lại địa phương dẹp bỏ dẹp bỏ tất cả các đền miếu đang thờ những tà thần, ác thần, dâm thần. Ngài đã sáng lập ra một Thiên phái mới, đặt tên là Thiên Phái Trúc Lâm, rất phù hợp với hoàn cảnh của nước Việt và tập quán phong tục người Việt. Ngài rút ra những ưu điểm của Phật Giáo Đại Thừa ở Ấn Độ và Phật Giáo Trung Hoa, nhưng lại cắt đứt đạo thống với tất cả các Thiên phái cũ du nhập từ Trung Quốc, thể hiện một tinh thần độc lập dân tộc rất cao. Thượng Hoàng Trần Nhân Tông chính là Trúc Lâm Đệ Nhất Tổ, là người đã đứng ra tổ chức thành lập Giáo Hội Phật Giáo Đại Việt đầu tiên ở nước ta, sau đó lựa chọn những đệ tử tài đức để trao y bát tiếp tục cho những giáo chủ của đời sau, thống nhất Phật Giáo trong cả nước Việt về một mối.

Khi phát họa về chân dung của Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, những đệ tử đời sau đã diễn đạt lại hình ảnh của Ngài qua các câu đối hay những câu thơ:

“Dạy dân tu Thiên Giáo, yêu đạo yêu đời
Dẹp giặc cứu độ chúng sinh, làm Vua làm Phật.”

Và:

“Ngài lên đỉnh núi cheo leo
Bỏ trang huyền mộng, lưng đeo trắng sương
Ngài về giữa cõi vô thường
Hỏi đâu xứ sở, cõi nguồn từ sinh
Người về cõi áo vô minh
Cửa Khổng trắng chiếu, tâm tình lặng trong. (1)

Qua lời kể của Mẹ, tôi thật sự như đang được dẫn vào một cõi khác, cõi của một nhân vật siêu

phàm, một người tuy xuất gia đi tu nhưng vẫn không trốn tránh thế tục, vẫn sống lẫn với thế tục. Điểm độc đáo của Ngài là tuy không trốn tránh thế tục nhưng lại không vướng mắc thế tục. Ngài đã sống vượt hẳn lên trên thế tục. Tiền tài, danh vọng, quyền lực, sắc dục... không làm lung lay tâm niệm đắc đạo của Ngài. Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông quả thật là một Thiền sư siêu việt.

Nói phải tội, Nam Mô A Di Đà Phật, từ khi nghe lời Mẹ kể, lòng tôi thật quá cảm phục Thiền sư Điều Ngự Giác Hoàng, Đệ Nhất Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Đại Việt, còn hơn cả Thái Tử Tất Đạt Đa, tức là Đức Thích Ca Phật Tổ. Tôi đã say mê đi tìm đọc tất cả các kinh sách hoặc sử sách nói về Ngài để tìm hiểu thật tinh tường về cuộc đời của một vĩ nhân nước Việt.

Tôi tìm đọc những bộ sách về Lịch Sử Việt Nam như Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên, Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam, Trúc Lâm Tam Tổ Thực lục, Trúc Lâm Tam Tổ Hành Trang, Phật Giáo Việt Nam đời Trần, Thiền Tông Trúc Lâm...tôi đã học được rất nhiều chi tiết về Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông.

Vua Trần Nhân Tông lúc thiếu thời là Thái Tử Trần Khâm, con của vua Trần Thánh Tông (Trần Hoảng) và Thiên Cảm Hoàng Hậu Trần Thị Thiệu. Thái tử Trần Khâm sinh ngày 11 tháng 11, năm 1258, vào thời điểm vua Trần Thái Tông vừa đại thắng quân Mông Cổ lần thứ nhất. Khi mới sinh ra, Ngài đã là người: “Mang nét tinh anh của Thánh Nhân, chân dung đạo mạo thuần túy, nhan sắc như vàng, thần khí tươi sáng, Đức vua và Hoàng Hậu đều cho là lạ, thường gọi đùa là KIM ĐỒNG TỬ hay là KIM PHẬT. Trên vai bên trái của Thái Tử lại có nốt ruồi đen, chứng tỏ là người có thể cáng đáng được việc lớn” (Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư).

Tục truyền rằng trước khi Hoàng Hậu Thiên Cảm có mang, Hoàng Hậu nằm mơ thấy được một vị Thần hiện đến trao cho 2 thanh gươm và bảo:

“Thượng Đế có lệnh cho Hoàng Hậu tự chọn lấy một thanh gươm.”

Hoàng Hậu Thiên Cảm thấy trong lòng rất vui và chọn lấy thanh gươm ngắn. Hoàng Hậu chọt giạt mình tinh giác, từ đó có mang Thái Tử Trần Khâm.

Thái Tử được vua cha và Hoàng Hậu hết lòng yêu quý, chăm lo giáo dục kỹ càng để sau này có đủ tài đức lên ngôi vua giữ được yên vui cho trăm họ. Vua Trần Thánh Tông đã chọn lựa những người có đức hạnh, có tài cao trong giới Nho học tuyển vào Đông Cung để làm thầy dạy cho Thái Tử. Những đại học sĩ nổi tiếng thời Trần như Lê Phụ Trần, Nguyễn Thánh Huân, Nguyễn Sĩ Cố đều là thầy học của Thái Tử Trần Khâm. Thái Tử đã được dạy dỗ tận tường về Nho Giáo, Lão Giáo, Phật Giáo và hiểu rất sâu về lịch sử đạo Phật. Về Thiên Văn, Lịch Số, Binh Pháp, Y Thuật, Âm Nhạc, ...Thái Tử cũng rất am tường. Ngài là một người học trò thông minh và chăm chỉ, được tất cả các thầy dạy rất vừa ý cho nên hết lòng truyền dạy cho Thái Tử tất cả kiến thức uyên bác của mình.

Thái Tử là người rất chăm đọc sách. Trong thư phòng của vua cha và ông Nội có rất nhiều sách quý. Thái Tử đã đọc được quyển sách tự thuật của ông Nội mình là Thượng Hoàng Trần Thái Tông, do đó Thái Tử biết được rằng ông Nội mình đã từng bỏ ngai vàng để đến núi Yên Tử đi tu, cầu làm Phật.

Rồi Thái Tử thường được tháp tùng theo vua cha Trần Thánh Tông, ông Nội Trần Thái Tông và cậu ruột của mình là Hưng Ninh Vương Trần Tung đến núi Yên Tử để nghe các Thiền Sư thuyết giảng kinh Phật. Ngài nhận thấy đạo Phật rất thích hợp với mình và có ý muốn đi tu. Một đêm Thái Tử nằm mộng thấy nơi rốn mình mọc lên một đóa hoa sen vàng và mình thành Phật. Khi tỉnh dậy, Thái tử bắt đầu ăn chay, sống cuộc đời khổ hạnh như người tu hành khiến cho hình vóc hao gầy. Vua cha thấy vậy rất lấy làm lo ngại.

(Còn tiếp)

HÀ NGUYỄN

(Virginia)

Nữ Tướng Ngũ Phụng Thư

(Trích đoạn truyện "Thần Tướng")

Lê Luyến

Chóm thu. Trời quang đặng không một gợn mây. Đêm khuya. Ngọn Kim Sơn sẫm màu âm u, cỏ cây say ngủ bên dòng Hữu giang sóng nhẹ vỗ về như ru giấc. Gió mát trời xanh, khung cảnh tịch mịch vữa thơ mộng lại vừa u hoài.

Từ phía thượng nguồn bỗng xuất hiện một đoàn năm chiếc thuyền buồm to lớn, nối đuôi nhau thành hàng chữ nhật. Buồm no gió nhưng đoàn thuyền vẫn trôi chậm chạp, như cái mệt mỏi của người đàn bà thai nghén sắp đến ngày ở cữ. Quả vậy, lòng thuyền chắt đây hàng hóa, cao vọt như cái bụng có chứa. Những sản vật quý giá của núi rừng từ ngà voi, sừng tê, nhung nai cho đến trầm hương, kỷ nam, mật ong ... chất khẳm cả lòng thuyền. Buồm căng, gió mạnh nhưng vẫn không làm thuyền rẽ sóng mau hơn. Đi giữa đoàn, trên chiếc thuyền bốn buồm lớn nhất treo kỳ hiệu hình vuông nền xanh, giải đỏ, thêu bốn chữ vàng nổi bật : Đại Tổng Lý Bùi. Dưới khoang thuyền rộng rãi, có mui che mưa nắng đan bằng cật tre già, bên ngoài phết dầu rái bóng láng không thấm nước. Bên trong trang trí đơn sơ nhưng tiện nghi. Chiếc đèn dầu chai treo bên án thư, ở giữa là một cái bàn nhỏ bốn ghế, dính liền vào khoang là một sạp nằm bằng gỗ có trải chiếu hoa điều. Ánh sáng yếu ớt, vàng vọt nhưng cũng đủ cho thấy một phụ nữ thân hình thon thả, mặc váy áo màu xanh chàm của dân tộc người Bah Nar, tóc xõa dài trên gối, đang say sưa ngủ. Mành cửa trúc khẽ lay động, từ bên ngoài bước vào một người con gái xinh đẹp khoảng đôi mươi, dáng mạnh khỏe, bờ mông nở nang, cặp chân dài bước đi nhẹ nhàng nhưng vững chắc. Nàng vẫn lại mái tóc bị gió sông thổi xõa tung. Hai cánh tay tròn lẳn chắc nịch, làn da phơn phớt màu nâu non, dấu vết của những ngày lặn lội trên ngàn tìm mua đặc sản quý hiếm núi rừng. Khuôn ngực

người con gái thẳng đứng đầy đặn, dường như chật chội trong bộ võ phục gọn gàng màu thiên thanh. Ông quần quần xà cạp nhà võ, chiếc đai thắt lưng là cặp nhuyễn tiên mềm mại không biết làm bằng gì đã lên nước đen bóng, cuốn tròn quanh chiếc eo thon nhỏ nhắn. Trên tay cầm song kiếm. Dưới ánh đèn lung linh nằng hiện thân là một giai nhân nhưng không kém phần uy nghi, kỳ vĩ của đấng tướng. Nàng ngồi xuống với tay nhắc ấm chè xanh rót vào chiếc bát sành có điểm hoa văn sắc sỡ. Cùng lúc người phụ nữ Bah Nar cũng vừa thức giấc. Thấy cô gái, nàng mim cười ngồi dậy vắn gọn lại mái tóc dài óng mượt. Nhan sắc người đàn bà trẻ miền núi cũng đẹp không kém gì cô gái, còn có phần mặn mà quyến rũ hơn. Nàng bước đến ngồi bên cạnh và hỏi cô gái:

- Sao em không ngủ thêm?

Người con gái mặc võ phục trả lời :

- Em cũng vừa thức giấc, ra ngoài xem có gì lạ không?

Đưa tay đón bát nước chè xanh cô gái trao, người phụ nữ Bah Nar hỏi tiếp:

- Thê thuyền đã đến đâu rồi em? Liệu chúng ta có kịp về trong phiên chợ ngày mai không?

- Ở đây thuộc địa phận gần vùng núi Kim Sơn. Trước kia, nơi này là ổ cọp. Dân lục lâm, thổ phi gây án bị truy nã bí đường, thường trốn lên đây kết bè kết đảng làm ăn cướp. Quan quân sợ không dám bén mảng. Mãi đến ngày Tây Sơn Vương dấy nghĩa và Trần huynh theo lệnh, đã mấy lần vào đây tảo trừng, chiêu dụ chúng về theo hàng dưới cờ, nay thì không còn nạn cướp bóc nữa.

Cô gái ngừng lời, bước đến bên cửa vén mành trúc nhìn ra ngoài. Trời vẫn trong và lua thừa ánh sao đêm. Nàng tiếp lời:

- Bây giờ mới đầu canh ba. Nếu có gió nổi nổi lên thì thuyền ta về đến Kiên Mỹ sớm nhất cũng vào lúc trời đứng bóng.

Cô gái quay lại bên bàn, uống bát nước rồi nhìn người phụ nữ Bah Nar tiếp lời:

- Cô Hầu cũng biết đó, sắp đến ngày lập đàn tế cáo trời đất xuất quân nên cần nhiều kim ngân lo việc quân vụ. Chuyến này hàng thu mua rất nhiều nhưng chẳng có ai giám định được giá trị để bán, nên Vương mới bảo Cô Hầu cùng về với em. Và lại, cũng đã lâu ...

Cô gái bỏ lưng câu nói, cười vang. Người phụ nữ Bah Nar nguýt dài, dứ dứ nắm đấm dọa thiếu nữ áo xanh. Nghe nhắc đến Tây Sơn Vương, lòng cô gái Thượng bỗng rung động dạt dào. Nàng thì thầm tâm sự, như tự bảo lòng:

- Đã mấy mùa trăng rồi ta không được kề cận đấng phu quân. Vì chàng, vì nghiệp lớn dân tộc, ta đành bóp bụng gác lại tình riêng, chứ có mấy ai vừa lấy chồng, chưa mặn nồng hơi hướm lại muốn chia tay, phải không em?

Lời nói làm cô gái áo xanh cảm động. Nàng chưa có chồng, chỉ mới có người yêu thôi mà khi xa nhau đã thấy xốn xang nhớ nhung, chứ còn nói gì đến vợ chồng mới cưới.

Như một điều thật cao quý trội hơn tất cả mọi thứ quý giá trên đời, để người con gái yêu của vị tù trưởng lưng danh phải chấp nhận hy sinh, có chồng lại phải xa chồng. Có chăng đó là vì tình yêu đôi với tổ quốc, dân tộc. Một thứ tình yêu chỉ mua được bằng xương máu, không bằng con tim.

Quả vậy, vốn mộ côi mẹ từ bé, cha là thủ lĩnh sắc dân Bah Nar nằm sâu trong rừng nên nàng được cha cung chiều, đón thầy về dạy học từ tế. Ngoài văn, cha còn dạy cả võ nghệ và thuật bắn tên, bắn nỏ cho nàng. Vừa đến tuổi cập kê, Cô Hầu đã hiểu được thế nào là tình yêu khi gặp Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc. Có chồng là một vị anh hùng chí lớn, đứng ra nhận lãnh trách nhiệm của dân tộc giao phó, nên chi nàng cũng sớm nhận thức được thế nào là tình yêu đối với tổ quốc, an nguy đối với muôn dân. Cô Hầu nhận công tác khai hoang vùng Mộ Điều, rừng Cổ Yên thành một khu canh tác ruộng lúa nơi thấp và khoai bắp trên cao. Chẳng bao lâu nghĩa quân đã có một kho lương thực phi nhiều rộng hàng nghìn mẫu, tự canh tác tự bảo vệ, nổi tiếng là khu an toàn.

Về sau, khi Nguyễn Nhạc xưng đế, Cô Hầu được đón về Qui Nhơn phong làm thứ phi, nhưng vốn không quen chốn phồn hoa náo nhiệt và những

ràng buộc lễ nghi quan cách rườm rà nơi cung đình, nên Cô Hầu xin phép chồng trở về rừng Cổ Yên sống thành thoi tự do với lâm tuyền, thôn bản. Thịnh thoảng mới xuống thành thăm chồng.

Năm 1793, khi vua Thái Đức băng hà, con là Nguyễn Bảo nổi dậy nhưng rồi cũng thất bại, chịu chết. Bà Chánh cung họ Trần đem hai con là Văn Đức, Văn Lương chạy lên Mộ Điều tỵ nạn ở với Cô Hầu. Cô đối xử thân ái chí tình, lo lắng hết lòng như chị em. Quan quân nhà Nguyễn đã nhiều lần lần la dò thám, nhưng đều bị bà bắt được trị tội. Từ đó về sau chúng không còn dám bén mảng đến nữa.

Võ văn Dũng đã nhiều lần đến thăm và đề nghị Cô Hầu chiêu binh mãi mã để tái phục nhà Tây Sơn, nhưng Cô Hầu chỉ mỉm cười, đưa tay chỉ núi rừng chung quanh và nói :

- Chuyện dân tộc, tổ quốc là việc quan đại, hệ trọng dành cho người có chí lớn. Còn tôi chỉ là đàn bà, muốn sống với giang sơn riêng của mình thôi. Địa vị, danh vọng thật xa lạ hão huyền hơn là nương rẫy, buôn làng ...

Danh tướng Võ văn Dũng đành từ tạ ra đi.

*

Quen nhau chưa được bao lâu nhưng cô gái áo xanh rất mến phục người đàn bà Thượng xinh đẹp này. Tuy là vợ của Tây Sơn Vương nhưng tâm lòng lúc nào cũng chất phát, mộc mạc như thờ còn sống trong bản làng sơn cước.

Đang miên man suy nghĩ, bỗng vọng trong thính không nổi lên tiếng tù-và rền rĩ. Âm thanh trầm đục, không khoan nhặt, từ tốn như mọi lần mà lại giục đã hồi thúc, dường như báo nguy .

U... ù... ù ... ùm... ùm ... ùm ... ù ù ù ... ùm ùm ...

Nghe tiếng tù-và nổi hiệu cấp báo, hai người đàn bà bật đứng lên. Cô gái mặc võ phục chụp vội song kiếm, vén mảnh cửa nhảy vút lên mũi thuyền, đảo mắt nhìn quanh bốn phía. Những phu thuyền đã thức giấc và túc trực ngay tại vị trí, tay đuốc tay đao sẵn sàng nghinh chiến. Chiếc thuyền đi đầu vừa nổi hiệu báo nguy, đèn đuốc thấp sáng rực đã dừng lại bố trí tại chỗ chờ các thuyền theo sau cùng lên. Người con gái ngược nhìn lên đài chi huy đặt trên cao gần đỉnh buồm, đánh dấu tay ra hiệu. Lập tức tiếng tù-và ban lệnh được phát đi lờng lờng trong gió. Chung quanh có tiếng đáp lại. Hai

thuyền đi sau được lệnh liền chinh buồm bỏ hàng chữ nhất, chạy chéch về phía bên trái và phải dàn thành hàng ngang, bảo vệ chiếc thuyền "Soái" của cô gái rồi ba chiếc cùng song song tiến lên. Chẳng mấy chốc đã thấy rõ trong khoang thuyền đi đầu, khoảng chục tên mặc quần áo dạ hành, bịt kín mặt, dùng vũ khí nhị khúc và đoản côn, đang đánh vùi với các phu thuyền. Gần đó, một tên bịt mặt cao lớn có lẽ là thủ lĩnh, đang chống trường côn thân nhiên đứng lướt trận.

Cô gái áo xanh lâm bầm: "Bọn thảo khấu nào đàn độn quá, dám chạm đến quân Tây Sơn. Phải cho chúng biết oai mới được". Các phu thuyền phản công kịch liệt và chưa bị một tổn thất nào. Thật ra, họ chính là những chiến sĩ tinh nhuệ trong đội quân "bảo an sơn phòng chiến khu" của Tây Sơn Vương. Họ được huấn luyện chính quy và xử dụng đoản đao thuần thực để ứng phó trong những vị trí chật hẹp và cận thân địch thủ. Lần này họ được bí mật giao công tác quan trọng là chuyển và bảo vệ hàng quý giá về đến căn cứ địa. Có thể đôi đầu ngang tay với họ là đã được xếp vào hạng khá. Tuy nhiên các tay lục lâm này quả thật không phải hạng xoàng, chúng đã đá ngã được vài ba quân sĩ. Những phu thuyền khác còn lại lập tức nhào lên rước địch trám chỗ. Cô gái yên lòng khi thấy nhân số của địch không đông. Rồi như để giải quyết nhanh chóng trận đấu và cũng muốn thử tài tên thủ lĩnh, cô gái quyết định nhập trận. Nàng thét lớn một tiếng lanh lảnh thị oai, rồi dùng thế "Yến tử xuyên vân" tung người bay vèo từ mũi thuyền soái đến khoang thuyền đang lâm chiến. Hai tay dang rộng, đầu hơi cúi xuống, thân nàng tựa như chim én đang bay liệng trong mây. Đôi song kiếm rút ra khỏi vỏ sáng lấp lánh dưới ánh đuốc, bỗng tỏa thành tán rộng phủ chụp xuống đầu tên thủ lĩnh lục lâm bằng thế võ sấm sét "Phong lôi động thiên". Tay thủ lĩnh cũng không vừa, bình tĩnh chờ ánh kiếm rơi xuống gân, lập tức dùng thế "Thiền thủ thoát xác" trờn người né tránh, đồng thời cây trường côn trở ngọn xé gió đánh thốc vào mặt cô gái. Nàng lẹ làng thu kiếm về che mặt. Song kiếm trường côn chạm nhau toé lửa. Cô gái nương theo sức va chạm, bật người ra xa hạ chân nhẹ nhàng xuống lòng thuyền. Đòn trao đôi đầu tiên xảy ra

trong chớp mắt, rồi cô gái và gã lục lâm lại lẫn xả vào nhau trở tài, quyết tranh phần thắng. Tiếng la hét cổ vũ huyền ảo. lát sau, bỗng từ chiếc thuyền đoạn hậu một bóng vàng chao mình phóng vụt qua. Chân chưa chạm thuyền, cây nhuyễn tiên trong tay đã vút ra như ánh chớp. Lại một giai nhân nữa xuất hiện. Nàng mặc võ phục toàn một màu vàng, tóc bím thắt nơ bỏ thành hai lọn gọn gàng trên bờ vai trẻ trung, mạnh khỏe. Nàng xông vào trận như hổ đói vào đàn dê, gặp đâu đánh đó. Cây nhuyễn tiên như con rắn vàng, quẫy mình lồng lộn vun vút tứ phía, rình mò bọn thảo khấu. Chỉ trong vài hiệp, xử dụng mười thế võ, nàng đã đá ngã loại ra khỏi vòng chiến hai tên lục lâm. Hàng ngũ địch bắt đầu rối loạn. Trong khi đó cô gái áo xanh và gã đầu lĩnh đã đấu nhau đến hồi kịch liệt, bất phân thắng bại. Tài nghệ tên cầm đầu bọn cướp quả thật cừ khôi, đáng gờm. Tuy đang đối địch nhưng vẫn để tâm theo dõi đám thủ hạ, nên lúc cây nhuyễn tiên của cô gái áo vàng sa xuống đầu một tên thảo khấu thập phần nguy hiểm. Trong lúc tên cướp bó tay, chỉ còn nhắm mắt chờ chết thì gã thủ lĩnh đã kịp thời hoành thân gạt mạnh đôi song kiếm của cô gái áo xanh, rồi thi triển một loại khinh công kỳ bí, thân hình như một vệt khói mờ, chập chờn bay vút đến đỡ kịp ngọn roi trong gang tấc. Một tiếng "chát" khô khan nhưng dữ dội vang lên. Cô gái áo vàng ngã nhào ra sau, cây nhuyễn tiên rời khỏi tay rơi xuống thuyền. Chiến trường chợt lặng đi một giây rồi lại tiếp tục. Nhưng cùng lúc đó cô gái áo xanh đã nhảy ra khỏi vòng chiến, thét lớn :

- Tất cả hãy ngừng tay.

Rồi thỉnh linh nàng vát cặp song kiếm xuống lòng thuyền kêu loảng xoảng. Trong khi ai nấy đang trở mắt ngạc nhiên không hiểu chuyện gì xảy ra, thì nàng đã quay sang gã thủ lĩnh lục lâm, hờn dỗi nói to:

- Trần huynh đừng đùa nữa.

Gã đầu lĩnh bật ra tiếng cười dòn dã, đưa tay lên tháo chiếc khăn bịt mặt. Dưới ánh đuốc hiện rõ là một thanh niên tướng mạo khôi vĩ, khuôn mặt vuông vức, chiếc cằm bạnh cương trực và đôi mắt sáng quắc như sao băng. Phong độ hiên ngang, uy vũ ngời ngời làm người đối diện phải nể sợ. Chẳng cung tay hướng về cô gái áo xanh và nói:

- Khá khen cho muội đã sớm nhận được huynh.

Rồi quay qua đám lục lâm, lúc này cũng đã tháo khăn bịt mắt, thanh niên tiếp lời:

- Tất cả các đệ hãy đến ra mắt nữ tướng Tây Sơn.

Đám lục lâm vòng tay quyền cung kính hướng về cô gái, đồng thanh nói to:

- Chúng thủ hạ xin ra mắt Bùi Tổng Lý.

Đúng vậy, cô gái mặc võ phục màu thiên thanh võ nghệ siêu quần bạt chúng kia chính là nữ tướng lừng danh Tây Sơn, người cầm đầu Ngũ Phụng Thư tên là Bùi thị Xuân. Riêng cô mặc võ phục màu vàng là Hoàng phụng Huynh thị Cúc, một trong bốn đại đệ tử cũng là những bộ tướng thân tín của nàng.

Đến đây người thanh niên được cô gái gọi là Trần huynh, mới quay sang đám quân sĩ son phồng giả làm phu thuyền, cất tiếng nói sang sảng:

- Ta được lệnh của chủ soái đến hộ tống đoàn thuyền về căn cứ, đồng thời cũng nhân dịp thủ tài kiểm côn và tinh thần cảnh giác của các người đến đây. Ta có lời khen ngợi tất cả và sẽ có ban thưởng sau. Tuy nhiên, đừng vì thế mà lơ là rèn luyện, phải luôn luôn nhớ câu: "văn ôn, võ luyện".

Tiếng hoan hô reo mừng vang lên tờ mờ. Quay qua hai nữ tướng, thanh niên tiếp lời:

- Hoàng phụng khá lắm, đã đá ngã được hai bộ tướng của ta, quả thật là bậc anh thư. Ta sẽ về trình với chủ soái khen thưởng xứng đáng. Riêng với nữ tướng, quả không hổ danh người đứng đầu Ngũ Phụng thư. Mãi đến bây giờ tay ta vẫn còn ê ẩm vì sức mạnh của song kiếm.

Nói đến đây, thanh niên cười cười rồi hạ thấp giọng, chỉ vừa đủ cho cô gái họ Bùi nghe:

- Riêng nàng, chủ soái đã quyết định ban thưởng ta cho nàng. Vậy từ nay ta sẽ là nô lệ, đời đời thuộc về nàng và tùy nàng xử dụng nhé.

Nghe người thanh niên nói, mặt cô gái bỗng đỏ bừng ửng, nguyệt dài quay đi không nói. Ai ai cũng biết họ là đôi tình nhân khăng khít. Có thân thiết nhau mới biết được rõ loại khinh công thượng thừa vô địch, dường như đã thất truyền trên giang hồ mà thanh niên họ Trần vừa xử dụng, đó là "Hầu phong hành". Cô gái đã nghe và từng xem người yêu biểu diễn. Gặp tình thế nguy cấp, buộc lòng chàng phải xử dụng để giải nguy cho thủ hạ, do đó đã

để lộ chân tướng.

Bùi thị Xuân quay trở về Soái thuyền, tiếp tục giọng buồn. Cô Hầu có dịp trêu ghẹo trả miếng. Nữ tướng một mực làm thính, xấu hổ. Thế mới hay "nhi nữ thường tình". Có dầu là bậc cân quốc anh thư hay nữ tướng anh hào, nhưng một khi đề cập đến tình yêu trai gái vẫn thẹn thùng, bẽn lèn.

Hôm sau, đoàn thuyền về đến căn cứ địa an toàn. Đúng như lời thanh niên họ Trần nói trong đêm thủ tài trên dòng Hữu giang, bên dãy núi Kim Sơn định mệnh; Tây Sơn Vương Nguyễn Nhạc đứng ra tác thành cho đôi thanh niên nam nữ anh hùng thành vợ chồng. Đám cưới họ tiến hành đơn giản trước ngày Nguyễn Nhạc lập đàn cáo bái Trời Đất, tế cờ xuất quân tại đèo An Khê, dưới bóng hai cây đại thụ. Đó là ngày rằm tháng tám năm Quý Tỵ (1773). Người thanh niên anh hùng được làm chồng vị nữ tướng tài sắc, lừng danh Tây Sơn là Thiếu Phó Trần Quang Diệu.

*

Bùi thị Xuân quê quán thôn Xuân Hoà, Phú Phong. Nữ công khéo, chữ viết đẹp. Mà ngài, mắt phượng. Đã đẹp người lại còn có sức mạnh phi thường nên rất thích luyện tập võ nghệ. Lúc nhỏ thích mặc quần áo con trai, lớn lên xem sách, ảnh rồi tự mình phát thảo, chế ra những kiểu mẫu quần áo dành riêng cho hiệp nữ. Cha mẹ thương chiều, không nỡ rầy la nên Xuân được theo nghề kiếm cung. Ban đầu Bùi thị Xuân học võ với ông Ngô Mạnh là ông nội của tướng Ngô văn Sở, nhưng chỉ được ba năm thì thầy mất. Năm lên 15 tuổi, thi ngộ kỹ duyên. Đêm đêm có một bà lão đến truyền thụ võ nghệ từ đầu hôm đến gà gáy lần thứ nhất thì ra đi. Không ai biết gốc gác lai lịch của bà lão, chỉ biết bà là một nữ lưu có võ công rất thâm hậu. Ngoài giờ học tập quyền thuật, bà chuyên luyện cho Bùi thị Xuân phép đánh nhuyễn tiên (roi mềm) và song kiếm. Năm thứ nhất bà lão bắt buộc học trò phải tập nhảy từ gần đến xa rồi nhảy cao, bằng cách cột bao cát nơi hai chân, từ nhẹ đến nặng. Lúc đầu nhảy trên đất bằng, rồi kể đến nhảy ở hào cạn và hào sâu. Còn nhảy xa thì ban đầu dùng sào, sau dùng tre tươi vít ngọn uốn cong xuống thấp rồi nương theo sức bật của tre mà nhảy. Cứ thế, đêm ngày Bùi thị Xuân kiên trì tập luyện, rồi gian nan

cũng qua, thành công cũng đã đến. Bà lão dạy: "nữ giới dẫu có mạnh đến đâu cũng không bì kịp với nam nhân. Vậy muốn thắng chỉ còn nhờ vào tài lanh lẹ, dẻo dai. Lúc lâm chiến, chờ khi địch thủ đã mệt nhọc lơ là phòng bị, ta xuất kỳ bất ý ra đòn sẽ nắm chắc phần thắng".

Cứ thế ròng rã suốt ba năm, bà lão ra công dạy, Bùi thị Xuân gắng sức học. Đến năm lên 17 tuổi, thì tài nghệ nàng đã tinh thông, điêu luyện.

Một đêm bà lão từ biệt ra đi. Bùi thị Xuân theo khóc lóc năn nỉ, bà lão mới nói:

- Ta ở gần đây. Trong ba hôm nữa thì con sẽ biết nhưng phải tuyệt đối giữ bí mật.

Nói rồi bà nhảy vọt vào bóng đêm mất dạng.

Ba hôm sau, tại thôn An Vinh có một bà lão goá bụa, sống với vợ chồng người con gái, vừa mới qua đời. Khi bà Xuân tìm đến nơi thì biết đây chính là ân sư của mình nhưng nhớ lời căn dặn, bà chỉ điều tang như một người quen. Khuya hôm đó, Bùi thị Xuân thiết bàn hương án nơi vườn dạy võ, làm lễ xin chịu tang sư mẫu.

Nhớ ơn thầy dạy dỗ nhưng không thể làm cách nào đền ơn, nên Bùi thị Xuân dốc lòng rèn luyện võ nghệ. Nàng thu nhận đệ tử, mở đầu phong trào võ nghệ cho phải quần thoa. Ban sơ chỉ năm, bảy người, sau lên đến vài chục người. Tài nghệ tinh thông, cách dạy dỗ đứng đắn, nàng luôn lấy tình chị em mà đối xử nên ai ai cũng kính yêu.

Đề đến ơn dạy võ con gái, một phú ông họ Đinh ở Lai Nghi đã tặng bà Xuân một con ngựa toàn sắc màu trắng, to lớn, mạnh khoẻ, chạy suốt buổi không biết mệt, không đổ mồ hôi. Nhờ thông thạo cách luyện ngựa, do đó sau này bạch mã đã trở thành một chiến mã, theo chân nàng dong ruổi khắp nơi, xông pha trên mọi chiến trường.

Sở dĩ Bùi thị Xuân biết được phương pháp luyện ngựa cũng là một kỳ duyên. Một hôm nàng đang đứng ở trường trâu Kiên Mỹ, chợt thấy một tráng sĩ trẻ tuổi tay cầm đồng côn, chân mang hài sắt, cỡi ngựa ô, từ Thuận Nghĩa chạy lên Phú Lạc thuộc vùng Tây Sơn Hạ. Tướng mạo người ấy hiên ngang nhưng khuôn mặt hiền lành. Bùi thị Xuân bí mật theo sau. Đến Trung Sơn, thanh niên cho ngựa chạy lên núi, quanh quất một hồi rồi dừng lại ở lưng chừng núi. Tráng sĩ thả ngựa tự do, xắn tay áo

múa côn. Bại côn lạ mắt, tiếng gió vun vút, khí lạnh rợn người, côn đến đâu sương sớm ban mai tan dần ra đến đó. Hết thảo này đến thảo khác, luyện liên tiếp mấy bài mà mặt không hề đỏ sắc, hơi thở vẫn như thường. Bỗng tráng sĩ ngưng múa đưa tay lên miệng huýt một tiếng dài. Từ xa, tuấn mã nghe lệnh liền phi đến chủ. Chờ ngựa chạy ngang, tráng sĩ tung mình nhảy lên lưng rồi ra roi phi nước đại. Đường núi khúc khuỷu gập ghềnh, đá lớn nhỏ chất chồng lung tung, thể mà ngựa chạy như trên bình địa. Ngồi trên lưng ngựa, tráng sĩ nhào lộn, xoay trở đủ thể đứng, nằm, nghiêng trái, phải, ngựa dễ dàng như đùa. Chợt đâu một bầy quạ bay ngang, tráng sĩ liền giương cung bắn liên tiếp hai phát, hai con quạ rớt xuống đất tức khắc.

Bùi thị Xuân suyốt buốt miệng la lên, khen tài thanh niên xuất chúng phi thường. Sau đó điều tra mới biết được lai lịch của người tráng sĩ tên là Đặng xuân Phong. Còn con ngựa đen thần mã có tên là Ô Du. Nữ tướng liền trở về chiến khu rồi bàn bạc với Đại Tổng lý Vũ đình Tú, xuống Dũng Hòa mời họ Đặng cùng tham gia đại cuộc. Sau này nhờ Đặng xuân Phong chỉ dẫn, Bùi thị Xuân biết được thêm một số phương pháp bí truyền trong cách luyện ngựa.

Bùi thị Xuân cũng học được cách luyện ngựa chiến với một người khác trong hàng ngũ Tây Sơn Thất Hồ Tướng, đó là Lý văn Bru. Ông còn có tên là Mru, người làng Đại Khoang huyện Phù Cát, Bình Định. Nổi danh từ thuở niên thiếu, có biệt hiệu là Phi Vân Báo (con beo bay trong mây). Gia đình họ Lý chuyên việc chăn nuôi ngựa chiến truyền từ đời ông cao tổ. Ngựa của họ đem bán khắp nơi, cả tỉnh Phú Yên đến Quảng Ngãi. Nhà giàu có, làm ăn qui mô, ở vùng thảo dã hẻo lánh nên trong nhà nuôi nhiều thầy võ bảo vệ. Do đó, từ nhỏ Lý văn Bru đã được luyện tập võ nghệ và huấn luyện chăn nuôi ngựa. Lý văn Bru có tài cỡi ngựa không yên cương, vừa phi nước đại vừa múa kiếm, phóng lao, bắn tên trăm phát trăm trúng. Nhờ địa thế Đại Khoang, Thuận Truyền qua đến Thuận Ninh đất toàn gò nong, đồi núi cỏ hoang rất thích hợp cho việc chăn nuôi, săn bắn, luyện ngựa, tập kiếm cung và nghiên cứu binh thư đồ trận. Nhờ tài thao lược, ông được phong chức Đô đốc cầm binh tham gia các trận đánh trong Nam và giải phóng thành Thăng Long.

Sau khi vua Quang Trung băng hà, tình cảnh nhà Tây Sơn ngày càng suy sụp. Vua Cảnh Thịnh tranh dành quyền lực với vua Thái Đức. Bùi đặc Tuyên lộng quyền, các võ tướng trung dũng lừng lẫy như Võ văn Dũng, Trần quang Diệu đều bị nghi ngờ, thất sủng. Lý văn Bưu chán nản, viện cớ tuổi già sức yếu xin được trở về cố hương, sống những ngày thanh thoi với cô đồng hương nội, thanh thản với trời mây non nước. Từ đó ông biệt tịch giang hồ.

*

Một hôm Bùi thị Xuân cùng bộ thuộc tổ chức đi săn ở khu vực Đồng Sim, Đồng Trăng Thuận Ninh, bỗng bà nghe tiếng voi gầm thét trầm thồng, bí thảm. Lấy làm lạ, bà Xuân giục bạch mã phi nhanh về hướng có tiếng voi kêu cứu. Đến vùng thung lũng xanh tươi, bên một khe suối nước bạc tuôn chảy cuộn cuộn, Bùi thị Xuân trông thấy một con voi trắng ngà dài cong vút hơn thước, đang bị một con trăn núi to lớn khùng khiếp quấn chặt, vô phương vùng vẫy. Thân hình to lớn, bệ thế của voi bị trăn cuốn chặt, từ từ siết dần, siết dần đau đớn và yếu hẳn đi. Chiếc vòi voi không làm gì được trăn núi, nó giận dữ quật tứ tung làm ngã gãy tất cả cây cối chung quanh. Bùi thị Xuân bỏ ngựa men theo cây rừng lần đến bên trăn núi, rồi cẩn thận lựa thế bắn ngay một mũi tên vào mắt trăn. Bị trúng hiểm, trăn vùng vẫy nói lòng vòng siết, quăng mình há miệng tấn công bà Xuân. Chi đợi có thể, nữ tướng liền triển khai thân công, phóng ngay mũi lao đang cầm sẵn trên tay. Cây lao xé gió, tiếng rít nghe rờn rợn. Ngọn lao cắm phập vào đầu trăn núi, xuyên suốt và ghim chặt vào góc cây to lớn. Quả đau đớn, trăn quăn mình vào thân cây lần lộn vùng vẫy làm cây đổ. Trăn duỗi mình nằm chết, thân hình to lớn và dài thượt. Bà Xuân quay nhìn voi lâm nạn. Voi trắng đưa vòi cạ cạ vào vai bà Xuân ra chịu thân mật, rồi vươn lên cao thét mấy hồi dài làm rung động cả núi rừng. Có tiếng chân chạy rầm rập từ hướng xa, cây rừng xào xạc ngã rạp. Một đàn voi xuất hiện chung quanh voi trắng. Thêm một tiếng thét dài nữa của bạch tượng, một hiện tượng kỳ lạ diễn ra, cả đàn voi đồng loạt xếp chân quỳ xuống co vòi như hành lễ bái kiến nữ tướng Bùi thị Xuân. Vấn chuyên luyện voi nên bà biết rõ đặc tính của nó. Trước cảnh đàn voi rừng làm lễ tạ ơn người đã cứu chúa đàn, ban đầu bà còn ngỡ nhưng về sau lòng vui mừng vô hạn, vì bà biết đây là cử chỉ ơn tình và

thuần phục của giống vật thông minh, trung nghĩa. Đàn voi kéo nhau theo bà về làng. Thế là nhờ cơ duyên may mắn hi hữu, Bùi thị Xuân đã có được một đàn voi trung thành, dũng cảm hàng chục con.

Sau khi Tây Sơn khởi nghĩa, các sắc dân miền núi đem tặng thêm nhiều thốt voi nữa, cộng với số voi cống phẩm, chiến lợi phẩm, chẳng bao lâu đàn voi chiến của bà Xuân đã lên đến hàng trăm con. Về sau theo lệnh vua Quang Trung, đội tượng binh của bà được điều ra bảo vệ thành Phú Xuân, chỉ khi cần thiết mới xuất trận. Đoàn tượng binh đã lập được nhiều chiến công lừng lẫy, nhất là trận đại phá quân Thanh ở Ngọc Hồi. Tượng binh đã đánh tan kỵ binh của Hứa thế Hanh và dày chét hàng ngàn quân Thanh ở Đầm Mực.

Ngoài ra bà Bùi thị Xuân đã tuyển mộ, tổ chức và huấn luyện tinh nhuệ 4 lữ đoàn nữ binh. Một lữ đoàn gồm 5 tốt tức 500 người. Trợ giúp mọi việc quân cơ có bốn nữ tướng thân cận trong Ngũ Phụng Thư là : Bùi thị Nhân, Trần thị Lan, Nguyễn thị Dung và Huỳnh thị Cúc.

Năm Nhâm Tuất (1802), Nguyễn phúc Ánh xưng đế, hiệu Gia Long, kéo đại binh ra đánh Bắc Hà. Trần quang Diệu, Võ văn Dũng cùng tướng sĩ vượt thượng đạo trở ra Nghệ An. Trên đường hành quân Diệu lâm bệnh nặng, đến Hương Sơn thì bị đột kích và bị bắt. Bùi nữ tướng hay tin liền đem nữ binh đi giải cứu. Đến Giáp Sơn thì cứu được chồng và Võ văn Dũng cùng các tướng sĩ, nhưng chạy đến sông Thành Chương thì bị đại quân nhà Nguyễn chặn đánh. Quân Tây Sơn liêu chết chồng cự kịch liệt, dần dần yếu thế, lớp chết lớp bị thương, lần lượt bị bắt trở lại, chỉ có Võ văn Dũng và vợ chồng bà Xuân thoát được. Song, hai chân của Diệu bị bệnh sưng phù đi không nổi. Bùi nữ tướng vừa công chồng, vừa đánh mở đường máu, nhưng quân nhà Nguyễn đông quá, phần bà bị thương tích chưa lành, đành sa cơ chịu giặc bắt. Riêng tướng Võ văn Dũng thoát được chạy đến Thanh Hoá thì bị bắt lại. Cả ba bị đóng cũi giải ra Nghệ An. Trên đường đi Võ văn Dũng phá cũi thoát thân và giải cứu được cả hai bạn, nhưng Diệu không đi nổi, Bùi nữ tướng không nỡ bỏ rơi chồng, nên quyết định ở lại cùng chịu chết. Võ văn Dũng đành thoát đi một mình. Tháng 11 cùng năm, tất cả võ tướng nhà Tây Sơn đều bị thọ án tử hình. Riêng Bùi thị Xuân, Gia Long truyền dẫn đến xem mặt.

Trước bá quan văn võ, Ánh hiu hiu tự đắc hỏi xách mé nữ tướng:

- Ta và Nguyễn Huệ, ai hơn?

Nữ tướng Bùi thị Xuân đồng dặc trả lời :

- Nói về tài ba, thì tiên đế ta bách chiến bách thắng, với hai bàn tay trắng xây dựng nên cơ đồ. Còn nhà ngươi thì trốn chui trốn nhủi, quy lụy cục cung cầu viện hết quân Xiêm đến Pháp. Chỗ hơn kém rõ ràng như ao trời nước vũng.

Nói về đức độ, thì tiên đế ta lấy nhân nghĩa mà chiêu hiền đãi sĩ, kể cả những kẻ trung thần thất thế của nhà ngươi như Nguyễn huỳnh Đức. Còn ngươi thì ngược lại, dụng cái tâm tiểu nhân mà đối xử với những bậc nghĩa liệt, hiền tài. Chỗ hơn kém rõ ràng như ban ngày với đêm tối. Nếu tiên đế ta không sớm vãng long, thì để gì nhà ngươi đặt chân trở lại được non sông tổ quốc này.

Gia Long hỏi gần :

- Ngươi có tài sao không giữ được ngay vàng cho Cảnh Thịnh?

Nữ kiệt ung dung đáp:

- Giá như Tây Sơn có thêm một nữ tướng như ta nữa thì cửa Nhật Lệ sẽ không bao giờ lạnh lẽo. Cửa Nhật Lệ không bỏ trống thì để gì nhà ngươi đặt chân lên được đất Bắc Hà. Ta đâu sợ chết mà phải hạ mình trước kẻ tiểu nhân tí tiện như nhà ngươi để nói những lời van xin tha thứ.

Quả như lời nữ tướng Tây Sơn nói, Gia Long căm gan, truyền lệnh đem bà về Qui Nhơn, cởi bỏ hết quần áo, cột đứng trên tù xa, dong đi khắp nơi khắp chốn. Mọi người bắt nhand ngoảnh mặt ngó lơ. Mọi nhà đều cửa đóng then cài kín mít. Khi xe đến Đập Đá, nơi nổi tiếng về nghề dệt lụa, bỗng có trận gió lạ thổi tung những tấm lụa trắng tinh khô phủ lên chung quanh tù xa. Đám tướng sĩ hộ tống vung gươm chém đứt tả tơi lụa. Từng mảnh vải tung bay vào xe, phủ kín thân hình lỏa lồ của vị nữ tướng trung dũng bất khuất.

Gia Long lại hỏi:

- Đã biết nhục chưa?

Bùi thị Xuân mỉm cười khinh bỉ, đánh thếp đáp:

- Nhục đâu có vương vào thân ta tí nào mà chỉ tổ đổ thêm trên đầu nhà ngươi. Hãy nhìn khắp thiên hạ mà hỏi xem có đúng thế không? Quả tâm địa nhà ngươi còn độc hơn cả sài lang, bản thiu hơn cả loài cẩu trệ.

Bị nguyên rủa Gia Long tức giận, hèn hạ bắt đưa con gái của nữ kiệt đem ra giết trước mặt mẹ, cột làm cho nữ tướng đau lòng phải hạ mình van xin. Thấy voi đến, đưa con gái sợ sệt kêu lên:

- Mẹ ơi ! mẹ cứu con với.

Nữ kiệt trừng mắt hét lớn:

- Con nhà tướng dẫu có phải chết cũng không được một phút khiếp nhược, hèn yếu.

Đến lượt xử nữ kiệt. Chúng trời bà để nằm trên cỏ rồi thúc voi đến dầy. Con voi hung hãn chạy đến gợn chân trước toan chà nữ tướng. Bà Xuân trợn mắt nhìn voi, hét lớn một tiếng như sấm nổ. Voi thất kinh chùn bước thụt lui, mặc nài thúc búa chan chất lên đầu cũng không chịu tiến tới. Lĩnh lấy giáo đâm, voi quay mình bỏ chạy.

Gia Long bực tức sai thủ hạ áp dụng hình phạt tàn bạo là "điểm thiên đăng". Chúng lấy vải nhúng sấp lông rồi đem quấn vào người bà, sau đó cột nữ tướng vào trụ sắt giữa trời châm lửa đốt. Lửa cháy phừng phực như cây đuốc người. Bà Xuân vẫn bình thản không hề kêu than một lời nhỏ. Một hồi sau có tiếng nổ vang. Sọ nữ kiệt vỡ tung. Bỗng một lần thanh quang bay vút lên trời xanh. Trưa đang nắng chang chang chợt mây đen từ đâu kéo về mờ mịt. Chốc lát mưa tuôn xối xả phủ kín bầu trời. Người dân truyền miệng rằng nữ tướng Bùi thị Xuân đã hóa Thánh bay về trời cao, theo chồng là Trần quang Diệu về phò Tiên đế Quang Trung.

Hàng năm vào ngày mùng sáu, tháng mười một âm lịch, người dân thành kính bày bàn hương án, tưởng nhớ vị nữ tướng Tây Sơn, nhân vật đứng đầu Ngũ Phụng Thư. Người nữ lưu xinh đẹp, hiền thực nhưng cương cường dũng liệt, đã biết vượt qua cái thường tình của nhân thế trong cuộc sống danh lợi, đẩy đẩy những toan tính vị kỷ hẹp hòi để làm con người trở nên tầm thường, nhỏ nhoi đối với mọi thử thách gian nan trong cuộc đời ... để hiến dâng trọn vẹn sinh mệnh cho tổ quốc, dân tộc. Người nữ lưu ấy đã trở thành bất tử với thời gian lịch sử dân tộc. Mãi mãi lưu danh thiên cổ và đời đời được ngưỡng vọng, tôn thờ. Vị anh thư ấy chính là nữ tướng Tây Sơn : **Bùi thị Xuân**.

Lê Luyên
(Virginia)

CHAI RƯỢU KHAI XUÂN

Nguyễn Tường Thiết

Mùa hè vừa qua nhân ghé tỉnh Vancouver BC bên Canada để thăm một người quen tôi tình cờ được đọc một tờ tạp chí cũ in từ Việt Nam. Đó là số báo Xuân Đinh Hợi 2007 với chủ đề Chơi Xuân của tạp chí NHÀ ĐẸP do Hội Kiến Trúc Sư Việt Nam thực hiện.

Số báo Xuân này là một bộ sưu tập giới thiệu những “quán đẹp” của ba miền Trung Nam Bắc với những hình ảnh màu tuyệt mỹ được in với kỹ thuật tinh xảo không thua bất cứ một magazine quảng cáo nào của các hãng máy bay mà ta thường thấy trên các chuyến phi cơ bay đường quốc tế.

Khi giờ đến trang báo giới thiệu quán cà phê La Poste của thành phố Đà Lạt tôi ngẩn ngơ xúc động và vội xin chủ nhà số báo đó để mang về cất giữ làm kỷ niệm. Bởi vì quán cà phê này chính là căn nhà xưa mà chúng tôi đã từng ở 52 năm trước và là nơi ghi dấu biết bao kỷ niệm êm đềm của tôi với cha tôi.

Đây là một biệt thự lớn hai tầng có lối kiến trúc rất tây, xưa kia nó mang số 12 đường Yersin nay đổi thành 12 đường Trần Phú. Nguyên từng dưới của biệt thự một thời từng là nhà hàng bán thực phẩm và rượu tây mang tên Poincard et Veyret, nay biến thành một Restaurant. Tầng trên của biệt thự chia thành nhiều phòng nhỏ thuộc nhiều đơn vị gia cư, trong đó gia đình chúng tôi chiếm 2 gian có ban công nhìn sang Hôtel du Parc nằm bên kia đường Yersin. Những gian phòng đó nay chắc đã được phá ra tân trang lại để biến thành quán cà phê La Poste.

Tôi nhìn vào bức ảnh căn biệt thự ấy. Mặt tiền dưới nhà trên cái cửa chính tấm bảng hiệu Poincard & Veyret thay bằng Le Café de la Poste, Restaurant.

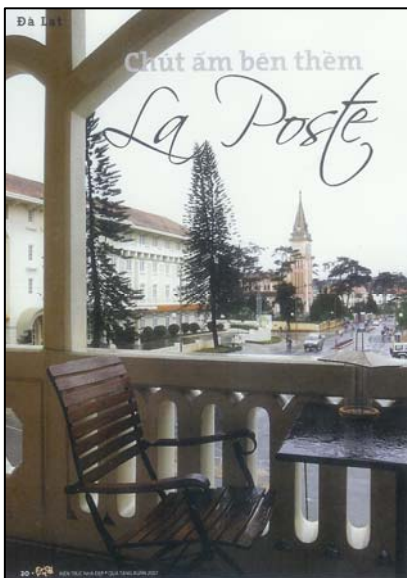
Bên cạnh bức ảnh là mấy lời giới thiệu quán La Poste của tác giả Lạc Việt: *Có lẽ uống cà phê là một cái thi vị không thể thiếu của thành phố Đà Lạt. Thú nhất là được nhâm nhi cà phê và nhìn từ trên cao quan sát thành phố sương mù. Món “đắt” nhất của quán này là những view nhìn bên cửa sổ. Đó chính là những bức tranh thiên nhiên sinh động, mà tại đó bạn có thể hàng giờ đọc sách và ngắm mưa rơi để được hưởng cái lạnh của Đà Lạt. Bạn có thể ngồi tại vị trí ban công để cái lạnh mơn man da thịt và để những giọt cà phê nóng ấm tan trên đầu môi và hoà vào trong bạn...*

Tôi nhìn bức hình cái view đặc ý nhất ấy của quán La Poste. Hình chụp một ban công với cái bàn vuông, chiếc ghế gỗ, bên kia đường là khách sạn Du Parc, xa xa là “nhà thờ con gà” của Đà Lạt.

Lòng tôi băng khuâng...

Cái view đó cũng đúng là cái view mà cha tôi đã nhìn ngắm và vẽ nên một họa phẩm bằng bút chì. Rất tiếc là nay tôi không giữ được bức họa ấy.

Tôi nghĩ tới một ngày nào đó tôi sẽ ngồi trên chiếc ghế ấy để nhìn lại cảnh cũ mà người xưa không còn để ngâm ngùi hồi tưởng một thời xa vắng đã qua trên nửa thế kỷ. Ngồi uống cà phê ở đó tôi biết là mình sẽ có một cảm giác rất riêng tư nó không thể giống cảm giác của bất kỳ một người khách nào của quán La Poste, bởi vì tôi là người duy nhất ngồi đó mà có cảm tưởng như được ngồi lên chính tuổi thơ của mình...



Thời gian tôi ở căn nhà đó là năm tôi học lớp Đệ Lục trường trung học công lập Quang Trung Đà Lạt niên khóa 1955-56. Trường cách nhà khá xa, đi bộ cũng mất trên nửa tiếng. Mỗi chiều tan trường lúng lẳng cạc tạt trên vai đứa bé 15 tuổi tung tăng đi dọc con đường men theo hồ Xuân Hương về nhà. Bước qua đập Ông Đạo lần nào cũng vậy mùi cá tanh của phân bón bốc lên từ cánh ruộng rau trong ấp Ánh Sáng sộc vào mũi nó nhắc nhở tôi là mình đã sắp sửa về đến nhà. Qua đập nước tôi rẽ phải lên một con dốc rất ngược, ngắn mà cong, là dốc Lê Đại Hành. Đứng lại ở đầu dốc để thở tôi ngược nhìn lên đỉnh nhà thờ Đà Lạt. Trên cao chót vót có một con gà bằng thép nhỏ xiu gắn trên đầu cây thánh giá. Rẽ trái trên đường Yersin đi ngang nhà bưu điện của thành phố đã thấy biệt thự Poinsard & Veyret quét màu vôi vàng hiện trước mắt.

Trên lầu biệt thự đó khi thì tôi thấy thắp thoáng trên ban công bóng dáng cha tôi đang lui cui treo một giỏ hoa phong lan khi thì có tiếng kèn của cha tôi văng ra một bản nhạc tây mà hồi đó ông thường hay thổi, đó là bản nhạc mang tên *Quán trọ chiều tà: L'Auberge au crépuscule...Où je reviens toujours... Lorsque l'oiseau module... Un dernier chant d'amour...*

Từ nhà bưu điện Đà Lạt bước qua đường Tự Đức tôi đặt chân lên vỉa hè xi măng kẻ ca-rô rộng thênh thang. Ngõ nhà chúng tôi nằm ở vị trí giữa hai khách sạn lớn nhất của thành phố là khách sạn Du Parc và khách sạn Langbian, tọa lạc ngay trên mũi nhọn của hai con đường chầu nhau là đường Yersin và đường Tự Đức. Lần nào đi trên vỉa hè ấy tôi cũng không quên ghé nhìn bên trong cửa hàng Poinsard&Veyret. Sau một quầy kính bán thực phẩm Pháp như pa-tê, xúc-xích, phó-mát, bơ... một bà đầm béo phục phịch bận áo choàng trắng đứng bán hàng. Có bạn cha tôi dẫn tôi vào tiệm mua thuốc lá và rượu vang. Trong lúc tôi đứng lơ ngơ trong tiệm cha tôi nói chuyện ở quầy với bà đầm, thỉnh thoảng bà ta lại phá lên cười. Tôi chẳng hiểu hai người nói gì chỉ nghe thủng đợc mỗi một tiếng *Écrivain* thốt ra từ cửa miệng cha tôi. Tôi đoán là bà ta hỏi cha tôi làm nghề gì. Dù là ở ngay trên lầu của nhà hàng nhưng chúng tôi lên gác bằng cầu thang riêng, không dính gì đến nhà hàng phía dưới.

Đi trên vỉa hè qua mấy cửa tiệm *boutique, salon...* trên đường Yersin, gần đến phía sau khách sạn Langbian, tôi rẽ vào một cái sân rộng lát đá hình tam giác, xung quanh sân là mặt lưng của những cửa tiệm nói trên. Bước qua một cái chuồng ngựa ở cuối sân tôi lên một cầu thang gỗ rộng là lối đi chung của tất cả các đơn vị gia cư ở trên lầu.

Đây là khung cảnh tổng quát căn nhà cha con chúng tôi đã từng ở nơi mà ngày nay 50 năm sau biến thành quán cà phê La Poste. Chắc bạn bây giờ đã hiểu tại sao họ đặt tên La Poste cho quán vì nó ở rất gần nhà bưu điện chính của thành phố.

Là một số báo Xuân nên trong tạp chí NHẢ ĐẸP cuối bài quảng cáo cho quán La Poste trong một cái khung có ghi những hàng chữ sau đây: Địa chỉ 12 Trần Phú TP Đà Lạt. Giờ mở cửa: 6G-22G30. Không nghỉ Tết.

Chính cái hàng chữ “Không nghỉ Tết” như một lời mời gọi mọi người hãy ghé đến quán La Poste để thưởng thức ly cà phê đầu xuân mà tôi nghĩ tới viết bài Chai Rượu Khai Xuân này để ghi lại kỷ niệm về một cái Tết xưa, Tết Bính Thân 1956, cũng là cái Tết ghi dấu kỷ niệm sâu đậm nhất của tôi trong thời gian tôi ở căn nhà cũ mà nay là quán cà phê La Poste ấy.

Ngày ấy... những ngày cuối năm...

Thành phố như phủ một làn mưa rất mỏng lẫn vào trong sương khiến khách đi đường cảm thấy như có những mũi kim trong suốt và lạnh giá chích lâm râm trên da mặt mình.

Phía hông bên trái của căn biệt thự chúng tôi ở là con đường nhỏ Tự Đức, con đường cong vòng đằm xuống hồ Xuân Hương ở ngay chỗ trước nhà Thủy Tạ. Cha tôi yêu con đường ấy lắm. Nó ngắn thôi nhưng rất nên thơ. Một bên đường là hông của khách sạn Langbian, bên kia, sau hàng thông xanh mặt hồ hiện ra lấp lánh ánh nắng. Hai bên hè trồng hai hàng lê mà năm ấy hoa lê nở trái mùa trắng xóa. Những cánh hoa trắng theo cơn gió đồng bay là là trong sương. Mỗi lần đi ngang cha tôi lại khẽ ngâm câu thơ Kiều: *Cành lê trắng điểm một vài bông hoa...* Có lần cha tôi nói với anh Thạch tôi là ông mong muốn một ngày nào đó con đường ấy sẽ mang tên Nhất Linh.

Để sửa soạn cho cái tết năm ấy cha tôi và chị Thoa ra đó bê những cành lê mang về cắm trong những lọ thủy tinh. Ngoài hoa phong lan treo trên tường căn phòng đầy những lọ hoa lê trắng thay cho hoa mai vàng để đón xuân.

Còn tôi, một buổi chiều cuối năm đi học về tôi đón nhận cái Tết Bình Thân ấy với lòng rộn rã khôn tả. Bước chân sáo trên vỉa hè rộng của đường Yersin ngay phía dưới ban công nhà tôi, tôi nghe từ phía bên kia đường trong khuôn viên của Ty Ngân Khố thành phố Đà Lạt có tiếng nhạc tiếng pháo tung bừng rộn ràng. Thì ra là nhân viên của Ty đang tổ chức liên hoan Tất Niên.

Chạy vội lên gác tôi quăng cái cặp táp rồi chạy ngược trở ra băng qua đường tới trước Ty Ngân Khố tọa lạc ở góc đường Yersin và Bà Đa Lộ. Quây chung quanh Ty Ngân Khố là một bờ tường thấp trên cắm hàng rào sắt. Tôi không thể nhìn vào phía trong được vì người đứng xem đã chiếm chật suốt dọc hàng rào. Bất chấp mây ông già khó tính cự nự tôi chen bừa vào giữa đám đông treo lên đứng trên bờ tường, hai tay vịn song sắt, nhìn vào trong.

Trên một khoảng vườn rộng người ta thiết lập ở góc một cái sân khấu gỗ có mái che trang trí hoa lá cành xum xuê và những bóng đèn xanh đỏ. Trên mái của sân khấu có treo bức ảnh lớn được kết hoa ở xung quanh, ảnh chân dung Tổng thống Ngô Đình Diệm. Trước sân khấu là mấy chục chiếc bàn

phủ khăn trắng, bàn nào cũng có bình hoa, chung quanh bàn quan khách ngồi vừa ăn uống vừa hướng mặt về phía sân khấu. Khách đàn ông bận đồ vét cổ đeo cà vạt, khách đàn bà lộng lẫy trong những chiếc áo dài, áo măng tô.

Một nữ ca sĩ bước ra sân khấu cúi chào khán thính giả cầm lấy micro gõ gõ mấy cái. Rồi nhạc trỗi lên, ca sĩ hát. *Người ơi... nước Nam của người Việt Nam... Vì đâu oán tranh để lòng nát tan.. Đây Bến Hải là nơi ngăn cách đôi tình... Đứng lên tìm chốn yên vui thanh bình.... Người ơi...* (Nhạc phẩm *Về đây anh* của Nguyễn Hiền).

Tiếng vỗ tay ran lên trong đám thực khách khi cô ca sĩ ngưng tiếng hát khẽ cúi đầu đi lùi về cuối sân khấu. Đám thính giả đứng ở ngoài đường coi cộp như tôi không một ai vỗ tay hết. Họ đang bận chửi lộn. *Ê! thằng nhóc này!*

Mày đập bần hết cái áo mời của tao rồi... Tôi quay lại phía sau. Một người đàn bà mặt mày nhăn nhó đang cúi xuống phủi một vết lấm trên cánh áo trắng. *Tổ sư cha mày...* Bà ta vừa nói vừa ngừng lên làm tôi biết ngay không phải bà chửi tôi. Cái thằng nhóc đứng cạnh tôi trên bờ tường, trong lúc xem nó ngửa ngáy thò chân đạp phía sau, nhe đưng ngay áo bà đứng trên hè. Nó cười giả là rồi xây lung lại nhẩy từ trên bờ tường xuống miệng nói: *Dờ ẹ! Hát vậy mà cũng đòi hát...* Xong nó kéo thằng em nó bỏ đi chỗ khác chơi. Tôi có chỗ đứng

Một nơi lý tưởng, nếu bạn muốn tận hưởng thú nhõng có phố tại Đà Lạt

BÀ LỘC VIỆT ANH MIỀN BẮC

Có lẽ uống cà phê là một cái thú vị không thể thiếu của thành phố Đà Lạt. Thú nhất là được nhâm nhi cà phê và từ trên cao quan sát thành phố sương mù.

Nếu đã đời lần ngồi lại, thì bạn sẽ thấy không gian ở đây thật tinh, tinh để hưởng thú sự mát lành của khí trời, để kịp nhìn lại, để quan sát và phát hiện nhiều điều thú vị. Màu vàng rực hoa quý vàng điểm tô trên vách xem ra sẽ đánh thức thị giác của ta vào những ngày đông. Bàn ghế, chỗ ngồi hoàn toàn được bố trí thoáng, để tạo cảm giác nhõng từ cho từng chủ ngồi. Bàn hoàn toàn có thể ngồi đây để viết thư, nhất là học nghiên ngâm cuốn tiểu thuyết ưng ý. Đó đây là bàn bít da, tấm bảng ghi tiêu đề ta tiêu khiến nếu chợt có cơn mua đến bên ngoài. Cách bài trí có lẽ là một sự hòa trộn khá hoàn hảo giữa cấu trúc Pháp và chất liệu địa phương. Sàn nhà gạch tạo, sứ đá, những chiếc ghế để dùng hoa, những chiếc nón để treo lên giăng giăng đầy đủ, những chiếc nệm, cung tên... như một cách nhắc về quá khứ của Đà Lạt, của những rừng cây, của những người dân tộc. "Đường như trong Tây cũng có rất nhiều Ta".

Và món "đặc" nhất của quán này là những view nhìn bên cửa sổ. Đó chính là những bức tranh thiên nhiên sinh động, mà tại đó bạn có thể hàng giờ đọc sách và ngắm mưa rơi để được hưởng cái lạnh của Đà Lạt. Bạn có thể ngồi tại vị trí bàn công để cái lưng man man da thật và để những giọt cà phê nóng ấm tan trên đầu môi và hòa vào trong bạn.

ĐỊA CHỈ: T2 TRẦN PHÚ, TP. ĐÀ LẠT
 SỐ MÔ CỬA: 66 - 22630
 KHÔNG NGHỈ TẾT

rộng hơn ở lại coi thêm hai màn diễn nữa, một màn kịch tổ Cộng và một màn múa thượng Đường Lên Sơn Cước rồi tôi cũng bỏ về, vừa đi vừa nhẩy cẳng lên bắt chước điệu bộ của mấy anh cán bộ trong vở kịch tổ Cộng tôi vừa xem, miệng hát: *Son mi son, mi son tổ mi...*

Sáng hôm sau tôi được nghỉ Tết. Buổi trưa có thầy giáo Khuê của tôi lại thăm cha tôi. Thầy Khuê là thầy giáo dạy môn Việt văn của tôi trong niên học trước, khi tôi còn ở Sài Gòn học lớp Đệ Thất trường trung học tư thục Chi Lăng ở ngã sáu Chợ Lớn. Hè vừa rồi khi tôi theo chân cha tôi lên sống ở Đà Lạt thì thầy Khuê cũng rời trường Chi Lăng, thầy tìm được một việc làm mới ở đây với chức vụ quản đốc đài phát thanh Đà Lạt. Từ ban công nhìn qua khách sạn Du Parc tôi có thể nhìn thấy đài phát thanh chiếm 4 tầng lầu bên cánh phải cùng của khách sạn Du Parc.

Nói đến đài phát thanh Đà Lạt tôi lại nhớ tới trong khoảng thời gian ấy chúng tôi không lần nào quên đón nghe chương trình nhạc yêu cầu của đài này, phát thanh mỗi tuần một lần, chương trình mở đầu bằng một bản nhạc ngoại quốc điệu Paso Doble vui tươi rộn rã. Tuần nào cũng vậy hai bản *Đường về miền Bắc* và *Chiều vàng* do Tôn Thất Niệm hát được thính gia Đà Lạt yêu cầu nhiều nhất. Mỗi chiều thứ sáu giọng hát vừa cao sang lại vừa trầm ấm của người ca sĩ tài tử này lan đi từ đài phát thanh ấy truyền khắp không gian ẩm lạnh của miền cao nguyên thấm vào hồn và sưởi ấm lòng người dân Đà Lạt; giọng hát có sức truyền cảm và quyến rũ đến độ ngày nay - tôi tin thế - sau hơn nửa thế kỷ, những người của Đà Lạt thuở nào đã từng một thời nghe Tôn Thất Niệm hát trên đài ấy, nay hẳn vẫn còn giữ nguyên mỗi xúc động khi nghe lại ... *chiều nào áo tím... nhiều quá.. lòng thấy rộn ràng.. nhớ người... Đường về miền Bắc bao cách xa ... Nhìn về đường lối muôn khó khăn... Đây núi cao... Đây suối sâu...* (Đường về miền Bắc) hoặc... *đường về lòng người tha phương nhớ... Chiều dần mờ mờ cô thôn vắng... Người yêu dấu ngàn đời thấu chẳng... Ta nên đau thương gắng bước hoài... Thuyền chèo tới nơi đâu ngừng bến...* (Chiều vàng). Ca sĩ Niệm là anh rể tôi. Anh lấy chị họ tôi, chị Nguyệt, con gái lớn của bác Thụy. Anh

TIẾC THƯƠNG

Về đây để nhớ một thời
Phố xưa còn đó, bóng người xưa đâu?

Ta lại về thăm Hà Nội cũ
Một thời trai trẻ mộng đời xanh
Một thời đất khách thân lưu lạc
Mơ ước năm xưa dệt chẳng thành.

Trường xưa vẫn đó, bạn xưa đâu
Đất nước vừa qua cuộc biển dâu
Đã mất bao người con Hà Nội
Sử xanh ai chép những niềm đau?

Trở về thương lấy ngôi nhà cổ
Ôm giấc mơ xanh thuở thiếu thời
Trên những con đường Hà Nội cũ
Bồi hồi tìm mãi dấu chân tôi.

Trở về để thấy thương Hà Nội
Để thấy yêu đời, nhớ cố nhân
Hoa sáu, hoa me chiều nghỉ học
Chiều hồn Hà Nội một thời Xuân.

Hoàng Song Liêm

Virginia 4/2007

Niệm không bao giờ là người hát chuyên nghiệp. Cha tôi mê giọng hát của anh lắm có lần nói đùa: “Cháu hát hay thế thì theo nghề bác sĩ làm gì!”.

Thầy Khuê nói chuyện với cha tôi khoảng một tiếng đồng hồ. Thầy mang biếu cha tôi một chai rượu vang. Tôi đứng chơi ở cửa khi cha tôi tiễn thầy Khuê về. Thấy tôi cha tôi mắng: “Thằng này hay nhí? Đúng ý đó hả? Sao không ra chào thầy

đi!”. Tôi cúi đầu nói li nhí trong miệng: “Chào thầy ạ!”. Cha tôi đưa mắt lờm tôi trong khi thầy Khuê xoa đầu tôi nói: “Thằng này đúng nhất môn Việt văn của tôi đấy! Không biết sau này có theo được nghề văn của bố nó không?”.

Sau khi thầy Khuê ra về cha tôi mở giấy bọc chai rượu đưa chai lên cao chăm chú đọc những hàng chữ nhỏ trên chai rồi quay qua nói với mẹ tôi: “Chai rượu vang Bordeaux này đắt lắm đây... thế là Tết này mình có được chai rượu quý để khai xuân rồi...”.

Mông một Tết.

Tôi thức dậy rất trễ. Tiếng pháo nổ lẹt đẹt ở xa. Nó chỉ vừa đủ thấm vào trong giấc mơ chứ không đủ sức lôi tôi ra khỏi giấc nồng. Cho tới khi anh Triệu đốt một phong pháo dùng ở ngay trên ban công nhà thì tôi choàng dậy. Mùi pháo thơm - mùi của Tết - từ ngoài hiên ập vào phòng ngủ. Tôi dụi mắt. Mọi người đã chỉnh tề trong bộ quần áo mới. Chị Thoa nói:

– Em mặc quần áo đi rồi còn mừng tuổi cậu mợ chứ!

Tôi mặc quần áo mới rồi qua phòng bên cạnh. Hai phòng thông nhau qua ngã hành lang ở ban công. Phòng này bình thường chỉ có một mình cha tôi ở. Cũng như phòng bên cạnh chỉ có mình tôi và chị Thoa. Nhưng Tết năm ấy có thêm mẹ tôi và anh Thạch từ Sài Gòn lên, anh Triệu hồi ấy dạy học ở dưới Sóc Trăng cũng lên, thành thử hai gian phòng nhỏ bỗng trở thành chật chội. Phòng cha tôi ở có một cái lò sưởi nhưng không mấy khi đốt. Trên vách tường treo đầy những giỏ phong lan. Bộ sa lông chỉ có một cái ghế đặt trước lò sưởi. Ở góc buồng có một cái phản gỗ làm giường ngủ, cũng dùng để ăn cơm thay bàn ăn. Cha tôi còn mặc bộ đồ ngủ, ngoài khoác chiếc áo choàng dây có giấy thắt ngang bụng, ông ngồi uống trà tàu trên ghế sa lông. Mẹ tôi đầu vẫn khăn bận chiếc áo dài nhưng ngồi trên phản. Trước mặt bà là một cái tráp đựng trái cau, hai ba cái thau đựng kẹo bánh. Các anh chị tôi đứng quanh phản, miệng người nào cũng nhấp nhớp cắn hạt dưa. Tôi cúi xuống bóc một nắm mít sen bỏ miệng. Mẹ tôi quay qua nói với cha tôi:

– Mình ngồi xuống phản đây cho con nó còn mừng tuổi.

Cha tôi ngồi yên trên ghế, không nhúc nhích. Ông nói:

– Các con mừng tuổi mợ thì còn có tiền mà tiêu Tết chứ. Mừng tuổi cậu thì cũng như không.

Mẹ tôi cúi xuống mở cái cháp lấy ra mấy phong bao đỏ. Bà cầm một cái đưa tay về phía anh Triệu. Anh cúi xuống toan cầm. Chị Thoa nhắc:

– Không nói gì à?

Anh Triệu nói như máy:

– Năm mới con chúc cậu mợ được dồi dào sức khỏe, an khang, thịnh vượng, buôn bán phát tài...

Rồi anh ngừng lại không biết nói gì hơn. Chị Thoa bảo:

– Ân nói thế mà cũng đòi đi dạy học Việt văn.

Đến người cuối là tôi, mặc dù chỉ lí nhí nói vài câu, tôi cũng được mẹ tôi li xì những hai cái phong bì. Bà bảo mọi người:

– Thằng út này hôm nọ được thầy giáo khen, thường nó gấp đôi.

Thế là Tết ấy tôi có nhiều tiền nhất nhà để đánh tam cúc và đánh bắt. Mừng tuổi bố mẹ xong chúng tôi ra ngoài ban công thì thấy ở bên kia đường trên lầu hai của khách sạn Du Parc trước một cái cửa sổ mở rộng có một người đang giơ tay vẫy qua vẫy lại. Nhìn kỹ thì đó là bác Thụy tôi. Cha tôi cũng ra đứng ở hiên vẫy tay chào lại bác. Thật là một ngạc nhiên lớn cho chúng tôi vì bác Thụy năm ấy không hiểu vì lý do gì lại không ăn Tết với gia đình ở dưới Sài Gòn mà lại một mình lên Đà Lạt ăn Tết với chúng tôi. Hình ảnh bác Thụy và cha tôi vẫy tay chào nhau buổi sáng mông một Tết Bính Tuất 1956 ấy lưu giữ mãi trong ký ức tôi. Cố nhiên cái hình ảnh ấy đối với một đứa bé 15 tuổi như tôi hồi ấy không mang một ý nghĩa gì đặc biệt. Nhưng nay, 52 năm sau, nhớ lại hình ảnh ấy tôi không thể nào không liên tưởng đến Hội nghị trừ bị Đà Lạt 1946 xảy ra đúng 10 năm trước đó, cha tôi là trưởng phái đoàn Việt Nam và bác Thụy tôi là cố vấn của đoàn. Khách sạn Du Parc này 10 năm trước đã là nơi trú ngụ của tất cả các nhân viên phái đoàn Việt Nam trong thời gian phái đoàn thương thảo với Pháp tại hội trường của lycée

Yersin Đà Lạt. Thời gian đó vào những buổi chiều sau những giờ phút căng thẳng của hội nghị cha tôi và bác tôi thường ngồi uống rượu ngắm cảnh hồ Xuân Hương trước thềm hiên của khách sạn Langbian. Bây giờ hồi tưởng lại tôi tự hỏi biết đâu sự hiện diện bất ngờ của bác tôi vào dịp Tết năm ấy chẳng phải là sự tình cờ mà do sắp xếp trước của cha tôi mời bác lên Đà Lạt để hai anh em kỷ niệm (riêng với nhau) 10 năm những ngày lịch sử trọng đại đầy sóng gió ấy.

Chúng tôi đang đánh tam cúc thì bác Thụy qua chơi. Bác người cao lớn, mắt sâu mày rậm mũi cao, trông bác như một ông tây. Bác bận bộ đồ lớn đi đứng đường vệ, một cánh tay gấp trước ngực, vung cái ống *pipe* khi nói chuyện. Nguyên là tổng giám đốc bưu điện quốc gia Việt Nam con người bác toát ra một vóc dáng bề thế nó làm lũ trẻ chúng tôi luôn luôn nhìn bác với cặp mắt e dè kính nể có phần nào xa cách gần như sợ hãi. Vì vậy ngồi đánh bắt với bác buổi sáng mỏng một Tết năm ấy lần đầu tiên tôi nhìn thấy con người bình dân trong bác và từ đó mỗi lần nhớ về người bác cả của tôi, tôi thấy bác gần gũi hơn nhiều trong tâm tưởng.

Thấy chúng tôi ngồi đánh tam cúc bác nói:

– Dẹp bộ tam cúc đi! Đánh bắt vui hơn...

Nói rồi bác vén hai gấu quần tây ngồi xếp bằng xuống chiếu. Chúng tôi bốn người có thêm bác là năm. Anh Triệu trao bài. Bác hỏi có ai muốn làm “chương” không, chỉ có anh Triệu giơ tay. Bác nhường anh tôi làm cái trước. Anh Triệu đang làm

chương thắng được mấy ván lớn thì bác Thụy chia hai con bài và giành làm nhà cái. Mất chức làm cái anh tôi tiếc rề hát bài Kiếp Hoa: *Thương thay đời... chương, kiếp sao sớm nở tối tàn...* Tôi vì không thuộc mặt bài nên tôi chỉ hai con bài của bác Thụy hỏi chị Thoa:

– Lá bài có vẽ con cá là thế nào?

– Đó là bát vạn. Lá kia là nhị văn. Tám cộng hai là mười, mười to nhất được làm chương, hiểu chưa?

Rồi chị quay qua nói với bác Thụy:

– Bác hèn quá! Nhị tổng bát mà lại không tổng cừ!

Bác Thụy bảo:

– Bác bắt con bát vạn trước, con nhị văn sau.

Tất cả bỗng ò lên:

– Trời! Sao bác liều quá vậy... tám mà bốc nữa thì dễ “bương” lắm.

Biết được cái “tử” ấy của bác chúng tôi thắng lớn. Khi thấy nhà cái chỉ rút có độc một cây thì chúng tôi cảm chắc đó là con cừ. Đánh mà biết rõ cách chơi bài của bác chúng tôi chỉ có một là thắng hoặc hòa chứ rất ít thua. Một tiếng đồng hồ sau bác tôi đứng lên nói:

– Tụi bây vắt hết tiền của bác rồi! Thôi không chơi nữa.

Tết ấy tôi có dư tiền mua một cái kèn Harmonica mới. Nhớ tới buổi đánh bắt ấy bây giờ tôi mới hiểu ra là Tết đó bác đã cố tình đánh thua và tiền chúng tôi thắng được chính là tiền lì xì của



Cha tôi nhìn tôi qua mâm cơm
(12 Yersin Đà Lạt, năm 1956)

bác, một hình thức cho tiền mừng tuổi hết sức tế nhị của bác Thụy tôi.

Buổi trưa cha tôi mời bác Thụy ở lại dùng cơm nhưng bác nói có việc phải đi hẹn hôm sau trở lại. Chúng tôi quây quần ngồi trên mâm cơm đặt trên phản. Cơm có thịt kho dưa chua. Hai cái bánh chưng được cắt bằng giấy lạt thành những miếng hình tam giác.

Trước khi ăn cha tôi nói:

– Nào! Có chai rượu quý phải mở ra để uống mừng xuân chứ.

Rồi ông nhìn quanh tìm cái mở rượu. Không thấy cái mở rượu đâu ông quay qua hỏi mẹ tôi. Đặt đĩa dưa chua trên phản, mẹ tôi nói:

– Hình như ở trên lò sưởi ấy.

Nói rồi mẹ tôi tiến lại lò sưởi giơ tay lên bệ cao để tìm. Bỗng “xoảng” một cái. Chúng tôi giật mình quay lại. Chai rượu quý đặt trên bệ cao rơi xuống sàn vỡ tan. Cha tôi lúc ấy đang ngồi trên ghế xa lông cạnh lò sưởi nhòm ngay dậy đưa tay dựng đứng chai rượu vỡ trên sàn. Mẹ tôi cúi xuống cầm lấy chai đặt lên bàn. Chai rượu vang bị vỡ đôi ngang chỗ cổ chai. Nhờ cha tôi nhanh tay nên rượu trong chai vẫn còn gần đầy. Nhưng chúng tôi đều biết là mảnh vụn thủy tinh đã lẫn vào trong rượu.

Chị Thoa giúp mẹ tôi quét dọn miếng thủy tinh và lau chùi rượu trên sàn.

Cha tôi chỉ chai rượu trên bàn bảo mẹ tôi:

– Còn chai này nữa. Sao không dẹp đi cho rồi.

Mẹ tôi nhìn chai rượu tiếc rẻ nói:

– Rượu còn đầy nguyên mà. Rượu đắt tiền chứ có phải rẻ đâu mà đổ đi. Phí của trời!

– Uống vào để cho thủy tinh nó cửa thùng bụng hả?

Mẹ tôi trầm ngâm một lát rồi nói:

– Tôi có cách!

Bà xuống nhà bếp lục lọi một hồi mang lên nhà một cái phễu lại đi tìm một cái chai rượu không đặt phễu lên trên. Xong bà lấy thật nhiều bông gòn bỏ trên phễu và bắt đầu trút rượu trong chai vỡ lên trên miếng bông gòn. Mẹ tôi làm công việc trút rượu này rất chậm rãi và cẩn thận. Khi chai rượu được đổ sang gần hết mẹ tôi chừa lại ít cặn trong cái chai vỡ rồi mang chai này vào bếp vớt thùng rác. Cha tôi nhìn mẹ tôi làm yên lặng không nói gì. Nhưng rõ ràng là ông bực mình. Mẹ

tôi nhìn cái mũi cau cau nhăn nhăn của cha tôi thì biết ngay là ông đang cau, bà nói:

– Ông không uống thì để tôi uống. Rượu đắt thế này mà không uống có phí của trời không chứ.

– Bà thì chỉ nghĩ đến cái lợi nhỏ mà quên cái hại lớn. Lỡ mà còn có mảnh chai nó cửa vào bụng thì có phải chết người không?

– Minh không thấy tôi làm à? Lọc kỹ thế này làm sao mà còn thủy tinh trong đó cơ chứ?

Nói xong mẹ tôi tự rót cho mình một nửa cốc đưa lên uống một hơi cạn. Rồi “khà” một cái bà tấm tắc khen rượu ngon như để chộc tức cha tôi.

Quay sang mâm cơm mẹ tôi bảo chúng tôi:

– Uống đi. Ai uống được rượu cứ uống. Mợ cho phép đây!

Anh Triệu vội đứng dậy. Anh là một tay uống rượu cừ không thua cha tôi. Rót cho mình một cốc đầy anh nói với cha tôi:

– Cậu uống đi. Con chắc chắn là mợ đã lọc kỹ rồi. Thủy tinh nặng hơn rượu nên lắng xuống đáy chai, lúc này con để ý mợ đã cẩn thận chừa lại chỗ rượu ở đáy không trút qua. Như vậy là chắc ăn rồi.

Cha tôi không nói gì. Lát sau ông mới lên tiếng:

– Uống rượu là để tìm cái thú. Uống mà vừa uống vừa lo thì uống làm gì. Cậu không uống vì có uống cũng sẽ không còn thấy ngon nữa. Không thấy ngon mà vẫn cứ uống, nghĩa là uống chỉ vì tiếc tiền thì rất không nên.

Câu nói của cha tôi không có tí nào tác dụng đối với chúng tôi vì sau đó cả anh Thạch và tôi cùng đứng lên đòi uống.

Thế là cái chai rượu quý khai xuân thầy giáo Khuê tặng cha tôi trong dịp Tết Bính Thân năm 1956 đó cha tôi không thưởng thức được lấy một giọt.

Ngồi trên xa lông nhìn bốn mẹ con tôi chia nhau uống sạch bách chai rượu vang lại say sưa ăn nói huyền thiên ông chỉ yên lặng khẽ lắc đầu.

Seattle, bên thềm Xuân Ất Sửu 2009.

Nguyễn Tường Thiết

(Washington State)

TẠ TÌNH

Đỗ Dung



Thời con gái mộng mơ. Những buổi sáng nắng ngời trên sân thượng, thả hồn theo những cụm mây trắng. Những chiều mưa khoác chiếc áo toi, lang thang trên những con đường dài có lá me bay. Những đêm buồn nằm ôm chiếc cassette, chơi với với những khúc nhạc tình đê hoặc thốn thức hoặc mỉm cười vu vơ với cái đình màn ... Tuổi con gái ôm ấp nhiều hoài bão, ngẩng mặt nhìn lên đi tìm thần tượng, thắc mắc trong lòng không biết người ấy sẽ là ai??? Một nửa kia đâu? Tôi ở đây còn chàng ở nơi đâu?... Với lòng đa sầu, đa cảm, tính tình lãng mạn, chất ngất đam mê, tôi vẽ cho tôi một mẫu người trong mộng, để rồi - "Ai đi tìm ai suốt đời" - Có những lúc tưởng như là tình yêu nhưng chỉ là cái bóng. Có những lúc tưởng như gặp người trong mộng nhưng mộng lại vỡ tan.

Một buổi chiều đứng lúc ngang nhà chàng thì cơn mưa ập đến, mưa Sài Gòn, mưa tháng sáu. Em đến thăm anh một chiều mưa, không mơ màng như "Em đến thăm anh một chiều mưa" của Tô Vũ mà ướt lướt thướt, ướt tả tơi. Ông Tơ bà Nguyệt đã đợi sẵn đâu đó để se sợi chỉ hồng. Chàng không phải là người toả hào quang nhưng ở chàng tôi tìm được nơi nương tựa, một sự che chở và một tình yêu tuyệt đối. Chàng là anh họ của một nhỏ bạn cùng lớp ở Trung Vương, âm thầm để ý tôi từ năm cuối trung học, nhưng dưới mắt con bé mười tám còn nhiều cao vọng, chàng không lọt được vào tầm nhìn. Sau đám cưới chúng tôi có một tuần lễ thần tiên trên Đalat, một năm sau con gái Hạnh Quyên chào đời, cùng thời gian tôi ra

trường với mảnh bằng Dược sĩ. Cuộc đời tưởng cứ êm đềm trôi, tôi yên phận cho thuê bằng để ở nhà lo cơm nước cho cha con Anh Giáo. Chúng tôi sống thật Hạnh Phúc, cái Hạnh Phúc nhỏ bé, tầm thường, để rồi hai năm sau có thêm thằng bé Thiên Khôi. Chúng tôi chỉ mong một mái ấm và một đàn con xinh.

Nhưng... 30/4/75... cha đi học tập, chồng đi cải tạo. Mới hai mươi mấy tuổi đầu, một nách hai đứa con thơ, tôi bị quăng vào đời thật tàn nhẫn... Một chiếc xe đạp mini, con ngồi ghế nhỏ đằng trước, con ôm lưng mẹ đằng sau, hai bên ghi đông hai giỏ cối, tôi trải miếng nylon ở vỉa hè thương xá Tax, mua bán, bán mua ... thế mà cũng chả yên thân, người ta muốn làm đẹp thành phố nên dí súng AK vào đầu đuôi đi. Tôi lang thang, lẩn lộn trong những khu vực chợ trời để kiếm sống. Bên Nội có đó, bên Ngoại còn đó mà nào dám để lụy phiền. Ai cũng còn gánh nặng phải mang. Ai cũng ngờ ngác, tang thương trước cảnh đời. Những đêm nằm ôm hai con thơ mà nuốt nước mắt, xót xa phận mình, thương chồng và cha đang nhọc nhằn trong trại cải tạo. Nhưng biết làm sao, cái đau chung của cả một dân tộc, mọi người đều trôi nổi theo vận nước nổi trôi ...

Trời Sài Gòn không còn đẹp, nắng không còn tươi, cảnh vật ủ ê khoác lên màu xám. Một ngày, cũng với tâm trạng ngậm ngùi đó, tôi thơ thẩn lên thương xá Tam Đa, đánh liều mượn một quầy nhỏ trong gian hàng của Phạm Mạnh Cường, thế rồi ... may, thôi, vẽ ... tận dụng hết các nghề tay trái của mình để kiếm gạo nuôi con. Như Hảo chia cửa hàng của chị làm năm phần, ngoài cùng là hai quầy nhỏ, tôi một bên, hai chị em Vân Ly một bên. Đằng sau tôi là quầy hàng của Nhã Ca, có cô em Bội Hằng tươi vui, nhí nhảnh, khôn lanh. Đối diện với Nhã Ca là gian hàng của vợ chồng Nguyễn Xuân Hoàng với cô vợ Diệu Trữ khéo léo,

Quán Bên Đường

Thân gửi Nguyễn-Vĩnh-Tường. (CA)

Phảng phất hương thơm một góc trời,
Kéo nhau cùng ghé quán "Minh-Ơi."
"Cà phê nhỏ giọt" vui chờ nhé,
Bún Huế quê nhà thưởng thức chơi.

Cầm tay, thù tạc, cười, nghiêng ngả,
Thời khắc qua mau cứ thanh thoi.
Đừng nói tần ngần câu gặp lại
Chuyện sau tái ngộ khó y lời

"Ta là ai ? Cũng không cần biết!"
Mấy kẻ lang thang ở cuối đời.
Hội tụ hôm nay mai biệt dạng,
Thường tình nhân thế, vẫn khơi khơi.

Nguyễn-Phú-Long
(Virginia)

nhánh nhện, đằm đằm. Còn Như Hảo giữ lại một quây lớn nhất trong cùng. Nhớ lại khoảng thời gian đó tôi thấy cũng vui vì tự nhiên mình lại lọt vào nơi toàn là văn nghệ sĩ. Thịnh thoảng được tiếp chuyện với nhà văn Mai Thảo, nhà thơ Trần Dạ Từ. Lâu lâu được đến nhà anh chị Phạm Mạnh Cương để thưởng thức bánh bột lọc và món nhậu tôm khô củ kiệu tuyệt cú mèo của Mẹ. Đạo phong trào bán áo thun vẽ, bên Nhã Ca và NXH thuê người vẽ toàn các nhân vật Disney, Cartoon, còn tôi... vẽ lầy! Buổi tối sau khi ru con ngủ là ngồi vẽ, cũng hình thiếu nữ mà hôm nào vẽ đẹp thì "Chợt đáng buồn xưa động mắt em". Hôm nào coi không được thì "Ác quỷ hiện hình khi trăng lên". Khi mệt quá khoảng đại

mấy vòng tròn như huy hiệu Olympic, thế mà thò cái nào ra là bán liền cái đó vì ... "unique"! Lúc khâm khá vẽ một mình không xuể tôi phải giao bớt cho lũ em, đề tài tự do, Phương Nam hồi đó cũng giúp chị rất đắc lực, lúc vẽ Thăng Hè, lúc vẽ con sên, con ốc hoặc một đám lá vàng rơi ... đến khi thấy tác phẩm của mình đi ngoài phố cô nàng khoái chí về khoe.

Chẳng được bao lâu, nhà mẹ bị đánh Tư sản mại bản, nhà con bị đánh Tư sản kinh doanh. Mẹ phải mua một túp lều lá hồi hương để khỏi đi kinh tế mới. Con phải ngồi nhà để lãnh thù may. Rồi cũng đến một ngày chồng được tha về, tôi phải ra quận để làm giấy bảo lãnh và cam kết sẽ giáo dục chồng (!) Những ngày tháng vun ròi kế tiếp, ngom ngóp lo âu. Chàng được sở giáo dục điều về dạy ở một trường cấp hai tại quận 11 với đồng lương chỉ đủ cho một người ăn quà sáng. Ngày ngày cong lưng đạp xe đi làm, thỉnh thoảng được phân phối một miếng thịt heo khoảng 200g buộc toòng teng bằng sợi lạt còi. Ngoài giờ làm việc chàng phải chờ vợ đến nhà khách hàng để nhận và giao đồ thù may. Hai vợ chồng ráng chặt chiu dành dụm, kiếm đủ một chỉ đi mua một chỉ, gom đủ mười chỉ đổi lấy một cây. Thì thảo nhỏ to tìm đường vượt biển, chúng tôi cũng bị mất mát vài phen nhưng may không bị bắt.

Cuối cùng tháng tư năm 80 chúng tôi cũng ra khơi trên một chiếc ghe lồng mỏng manh, nhỏ bé vượt đại dương. Đến bến bờ tự do với hai bàn tay trắng, chúng tôi phải làm lại từ đầu, vất vả cực nhọc từ sáng sớm đến nửa khuya, làm việc quần quật để lo cho tương lai. Thời cuộc đầy đura, phất lên như điều gặp gió... năm 83 ra đời thêm chú bé Lam Sơn. Điều lên vun vút ... rồi điều lại đứt dây, tay trắng lại hoàn trắng tay!!!

Gửi các cháu lại cho ông bà ngoại và các di trông nom, hai vợ chồng lại dắt nhau đi tìm đất

mới. Chỉ vì vụng tính, kém suy nên bao nhiêu tiền của như nước lũ ra sông, tôi nhìn các con mà đau lòng xót ruột. May mắn thay các cháu cũng nên người. Tôi nhìn chàng thương xót, chàng nhìn tôi xót xa, chúng tôi an phận làm nghề lao động, chen vai thích cánh với lực lượng thợ thuyền Mỹ và Mỹ đen. Những đêm dài khó ngủ, vùi đầu vào ngực chồng khóc tức tưởi, chàng cũng chỉ im lặng thờ dài.

Lúc quen công biết việc, tâm hồn thôi chao đảo, xao động thì tôi phải vào bệnh viện. Sau hơn mười ngày điều trị, làm đủ thứ “test” trên đời, bác sĩ phán rằng tôi bị “Pulmonary Hypertension”, bệnh hiểm, không chữa được, chỉ chờ chết hoặc đợi “lung transplant”. Ông ta thản nhiên nói, tôi chỉ còn hai năm để sống, hãy về mà “enjoy” những ngày tháng cuối của cuộc đời.

Sau khi xuất viện tôi phải thở bằng bình dưỡng khí. Bác sĩ không cho đi làm. Tôi trở thành kẻ tàn phế!!! Tại sao trời cao lại cho tôi trăm cay, nghìn đắng??? Tôi chỉ biết khóc, và khóc. Đêm ngủ không được vì vừa lo nghĩ, vừa giận mình, giận đời. Tôi dọn ra phòng riêng vì không muốn làm phiền chàng, chàng cần nghỉ ngơi để sáng còn phải đi làm. Sau mỗi lần bị chụp thuốc mê, đi vào con chết tạm để bác sĩ thông tim, khám phổi, khi mở mắt tỉnh dậy, tôi thấy khuôn mặt chàng méo xẹo, xám ngoét ngời bên, thấy mà thương.

Rồi như một cơ duyên, tôi nhận được kinh Phật và băng giảng của các Thầy, tôi bắt đầu thiền tập, từ từ thấy tâm an lại, thấy lẽ vô thường, thấy đời là phù du, mộng ảo ... Buổi sáng sau khi tập Dịch cận kinh, tôi ra sân sau nằm võng đọc sách, ngắm hoa, ngắm lá, nhìn ánh nắng lung linh... thấy đời thật đẹp, thật đáng sống. Tôi không còn sợ chết.

Thời gian cứ trôi, Hạnh Quyên lập gia đình và có hai thằng con trai. Thiên Khôi đã lấy vợ và có một cháu bé gái. Khi chàng về hưu chúng tôi quyết định dọn về ở gần các

con. Hai cây củi mục mong đem sức tàn để giúp cho đàn con cháu. Tôi trông con bé cháu nội, chàng dạy hai thằng cháu ngoại. Cả ngày chúng tôi quần quýt với mấy đứa trẻ. Chúng tôi cố gắng để các cháu không quên tiếng mẹ đẻ. Thằng bé bốn tuổi ở nhà với bà nhiều nên giỏi tiếng Việt nhất, biết giải thích cho thằng anh sáu tuổi. Buồn cười nhất là bà bắt cháu nói tiếng Việt, không cho nói tiếng Mỹ, thằng bé vít cổ bà xuống an ủi: "Don't worry bà ngoại, I can teach you English (!!!). Rồi khi ông hàng xóm ra sau làm vườn, nó kéo bà ra giới thiệu còn nói nhỏ vào tai bà: "Ông Don speaks English only". Thế là hai bà cháu cứ nửa Việt, nửa Mỹ nói chuyện với nhau. Cho đến nay các cháu nói tiếng Việt rất khá, biết hát "Bà ơi cháu rất yêu bà ..." và ngày nào cũng "Kéo cửa lừa xê..."

Phải chăng đời là một giấc chiêm bao? Thời Trung Vương áo trắng, tưởng như mới hôm qua. Thời gian vùn vụt trôi. Tôi với chàng đã trải qua bao nỗi thăng trầm, lên voi xuống chó. Có với nhau ba đứa con ngoan ngoãn, giỏi giang, một bầy cháu kháu khỉnh, khôi ngô. Bây giờ tóc đã bạc, răng đã long, mỗi buổi sáng ngồi bên tách cà phê nóng, vẫn còn nhìn nhau, mắt trong mắt, tay trong tay, chàng vẫn lo cho tôi từng viên thuốc bệnh, cũng như nhắc nhở uống từng viên thuốc bổ. Tuổi già cũng có những cái chướng ách của tuổi già. Lời nói không còn ngọt ngào như xưa mà đôi khi còn gắt gỏng như mấm. Nhưng nhìn quanh tôi vẫn cảm nhận được niềm Hạnh Phúc, cái Hạnh Phúc của Tình Yêu Vĩnh Cửu, của Sự Kết Hợp Chung Thân. Ngày xưa tôi hay hát phần đầu - "Ai đi tìm ai suốt đời" - thì hôm nay tôi xin hát lên lời cuối - "Tình yêu này em cảm ơn anh".....Xin được nói một lời Tạ Tình cho người chồng chung thủy .

Đỗ Dung

HÔM ĐÓ MÙA XUÂN

KIM VŨ

Diễm và Chương đang sóng đôi trên hai chiếc xe đạp đi về hướng ngoại thành. Phần cuối con đường nội ô bụi bậm ồn ào đang lùi lại phía sau, và hai người bắt đầu tới dốc cầu cao, phía dưới là dòng kênh nước chảy xiết. Chương đỡ tay sau lưng Diễm để đẩy nàng lên dốc. Sau làn áo, lưng nàng mềm mại, và chàng còn cảm thấy rõ trong bàn tay phần hõm sâu nơi cột sống lưng. Diễm nói nhỏ với chàng.

- Đừng làm thế anh. Người ta thấy kỳ chết.

Chương cười, rút tay lại. Thực ra chàng chẳng ngăn gì cái chuyện người ta cười. Cười thì hờ mườì cái răng chứ có gì đâu. Nhưng chàng muốn chiều Diễm. Trong nàng, có hai con người tương phản. Khi chỉ có hai đứa riêng với nhau, nàng sống thật hết mình. Thế nhưng trước mặt người khác, nhất là giữa phố phường, nàng luôn luôn giữ ý. Nàng không bao giờ muốn là cái đinh trước mắt thế gian. Đối với nàng, tình yêu là cái gì cao quý và kín đáo chỉ có hai người được chia sẻ với nhau mà thôi.

Cầu tuy cao nhưng lại rất ngắn. Hai chiếc xe tuột dốc rất mau. Trước mắt họ bây giờ là con đường đồng quê, nhỏ nhưng cũng trải đá xanh và tráng nhựa đường hoàng. Hai bên là những tàn dừa xòe tán lá hay những thân cau cao vút. Nhà cửa lùi mãi sâu phía trong, mái lá đơn sơ, thỉnh thoảng mới có một ngôi nhà mái ngói đỏ.

Gió mát nhẹ thổi trong các tàu lá dừa kêu xào xạc. Vài con chim sẻ ríu rít hót trên đường giây điện. Trên cao, mây trắng từng đám sáng lên chói mắt lơ lửng trôi bồng bềnh giữa màu xanh ngăn ngắt của nền trời. Toàn cảnh là một

bản giao hưởng đồng quê êm đềm, với màu sắc và âm thanh hài hòa, tuyệt vời trong cái đơn sơ mộc mạc đến tầm thường của nông thôn Nam bộ. Con đường vắng, lâu lâu mới có một chiếc xe đạp ngược chiều lướt qua.

Diễm liếc nhìn Chương, ánh mắt nghịch ngợm nhưng cũng thật đa tình:

- Bây giờ thì anh có thể sờ lưng em được rồi đấy!

Chương cười:

- Thế sờ chỗ khác được không?

- Bậy nào. Anh thì lúc nào cũng thế. Tham ơì là tham!

Chương muốn dừng ngay xe lại, ôm nàng mà hôn. Nhưng chàng dần lòng được. Có lẽ cái dần lòng đó lại làm cho nỗi cảm xúc nồng nàn bùng dậy trong chàng có thời gian nghiền ngấu nhiều hơn. Phải chăng đó là cái phần thưởng đẹp đẽ của sự tự chế?

Hôm nay là sinh nhật của Diễm. Cũng ngày này những năm trước, hai người đã từng đi trên đúng con đường này, khi thì bằng xe hơi, khi thì bằng xe gắn máy. Nhưng bây giờ thời thế đã đổi thay, Chương không còn lại chút gì của những vinh quang ngày cũ. Chỉ có một điều an ủi chàng, và đó là tất cả. Diễm vẫn yêu chàng như bao giờ. Trong bao nhiêu là đổi thay của cuộc đời, riêng nàng không thay đổi. Và trong cái cũ càng của cõi nhân gian lẩn quẩn vòng vo, riêng nàng luôn luôn mới lạ. Hạnh phúc thay là chàng, một con người không có gì đặc sắc, trong trường đời đã thất bại nhiều hơn thành công. Nhiều khi chàng đã băn khoăn tự hỏi, chàng đã làm gì để được nàng yêu đến như thế. Có lẽ nàng cũng không giải thích được cho chàng. Tình yêu tự bao giờ vẫn là một bí nhiệm của tạo hóa, và con người yêu hay không yêu, chứ không thể giải thích được tình cảm của mình

cho hợp lý. “*Le Coeur a sa raison*” Và trái tim em là của một người..

Hai chiếc xe đạp cứ sóng bước chậm chậm bên nhau. Chương cứ quay sang nhìn Diễm hoài, nhìn mở tóc ngắn của nàng được ánh nắng vàng sớm mai viền sáng, nhìn bờ vai nhỏ, nhìn đôi cánh tay trần với những ngón mềm mại giữ hai tay ghi đông xe, nhìn chiếc quần lụa đen phấp phới trong gió sớm. Diễm cũng nhìn chàng, ánh mắt đắm thắm thiết tha. Ôi hạnh phúc sao đơn sơ. Không cần lời nói gì nữa cả. Ánh mắt long lanh đã nói hết giùm nàng.

Chương bỏ một tay khỏi ghi đông nắm lấy tay Diễm. Chàng bóp chặt. Da thịt nàng mềm mại trong những ngón tay chàng. Rồi chàng buông lỏng. Rồi chàng quàng tay quanh lưng nàng. Hai chiếc xe đạp ru sát vào nhau, chệch choạng. Chương vội buông tay ra giữ lại ghi đông, và Diễm cũng lấy lại được thăng bằng trên xe đạp. Nàng bật cười:

- May quá không té. Anh có nhớ một lần trước anh cũng làm như vậy, em té bầm đầu gối, về nhà mẹ em hỏi vặn hoài. Bà cụ lo cho em dữ lắm. Sợ bà cụ không cho anh cưới em đâu. Cụ sợ mất con gái.

- Anh thì không sợ mất em.

- Oai nhỉ. Ai làm anh nghĩ như thế?

- Em chứ còn ai!

- Vâng. Hình như kiếp trước em nợ anh cái gì nặng lắm thì phải. Thành bây giờ rút không ra. Bà cụ cứ gàn quải em hoài. Cụ bảo bây giờ thì anh còn có tương lai gì nữa mà mong, lấy làm chi cho khổ. Thà ở vậy trông cụ còn sướng hơn.

- Đố em mà rút ra khỏi anh được đấy.

- Thì em có bao giờ định rút ra khỏi anh đâu! Anh có bắt em làm đây tớ, em cũng chịu.

- Anh không thích làm ông chủ đâu. Anh chỉ thích làm chồng em thôi.

- Thế anh có đủ sức đáp lại thách cưới của em chưa?

- Thách gì thế? Em nói cho anh nghe nào.

- Một trăm hòn ngọc, hai mươi tám ông sao trên trời.

- Ôi anh làm sao mà kiếm được những thứ ấy!

- Thế anh có gì cho em đây?

- Xem nào, thế này nhé *một quả tim vàng, một chìa khóa nhỏ*..

- Vâng, thế thì em là của anh.

- Sao em thông minh thế?

- Không thông minh sao bắt được hồn anh!

Đường đi thật ngắn không ngờ. Đã đến đầu sông rồi. Trước mắt là giải nước mông mênh lẫn tăn những làn sóng nhỏ. Chiếc đò ngang đang ở bên kia sông. Diễm nhìn Chương:

- Hôm nay chúng mình đi đâu anh?

Chương chỉ vào quán hàng bên trái ngay cạnh bờ sông. Một chiếc cầu bắc qua một hồ nước có những bông súng nở. Những chiếc bàn tròn với ghế bằng đá hoa mài có dù che. Những tàu dừa in bóng lá trên nền vải dù. Khách hàng thưa thớt.

Diễm gật đầu ứng chịu. Hai người dẫn xe vào quán, ngồi vào một cái bàn dưới bóng dù nhìn ra hồ nước có bông súng, và gọi hai ly cam vắt.

Chương nắm tay Diễm, đặt nhẹ vào lòng bàn tay nàng một tờ giấy mỏng gấp tư vừa lấy trong túi áo ra. Chàng xúc động nghe rộn lên nỗi xốn xang hồi hộp của nàng, có lẽ cả tiếng tim nàng đập nữa. Diễm bóp chặt tay chàng một hồi lâu, nhìn chàng thắm thiết, rồi từ từ mở tờ giấy ra đọc:

... *một quả tim vàng
một chìa khóa nhỏ*...

Những câu đầu của bài thơ mừng sinh nhật chàng viết cho nàng.

KIM VŨ
(California)

CẢM Ứ “Hôm Đó Mùa Xuân”

Thế rồi “*Hôm Đó Mùa Xuân*”
Điểm, Chương hạnh phúc muôn phần bên nhau
Thật là ý hợp tâm đầu
Trao nhau tha thiết những câu ân tình...

Buổi nào hai đứa chúng mình
Sóng đôi xe đạp bóng hình kề nhau
Yêu thương tình tứ từng câu
Liếc đưa đôi mắt và âu yếm cười
Ra ngoài thành phố vui chơi
Như đôi chim nhỏ lưng trời tung bay
Hai người tâm sự đắm say
Vui đùa khúc khích, tình đầy chứa chan
Đôi bên trao đổi nồng nàn
Hẹn nhau gửi trái tim vàng cho nhau
Mắt nhìn mắt tựa nhịp cầu
Nói bờ tình ái những câu hẹn hò

Ngày xưa tôi tuổi học trò
Cũng từng có lúc hẹn hò đi chơi
Thanh xuân nào biết mùi đời
Có nhiều cay đắng ‘vùng trời yêu thương’
Con tim rạo rực cửa trường
Đón chờ bạn gái mến thương ra về
Sóng đôi xe đạp cặp kề
Hỏi nhau vợ vắng, cũng đê mê lòng
Cũng có khi, buổi nắng hồng
Sáng ngày Chủ Nhật hẹn cùng dạo chơi
Đạp xe đi khắp mọi nơi
Từ trong thành phố ra ngoài ngoại ô
Cũng từng bóng gió hẹn hò

Tưởng rằng chung thủy, ai ngờ chia tay
Đời tôi bao nỗi đắng cay
Đời nàng thì cũng làm say bao người?
‘*Mười Năm Tình Cũ*’ dòng đời
Tình cờ tôi gặp nàng ngồi ôm con
Vai gầy vẻ mặt héo hon
Nhìn tôi nàng có ý buồn kín sâu
Cả hai không nói một câu
Chào nhau chỉ một gật đầu rồi đi
Nhớ xưa tuổi trẻ tình si
Cười đùa nào có biết gì mai sau
Mình từng qua mấy nhịp cầu
Còn nàng cũng đã khổ đau bao lần?

Mở xem “*Hôm Đó Mùa Xuân*”
Đọc xong cảm thấy có phần khó tin!
Tình yêu đẹp, khó giữ gìn???
‘*Đẹp khi đang dở*’, thề nguyện gió bay
Dù cho chìa khóa trao tay
Con tim vàng cũng có ngày vỡ tan
Phải chăng tôi quá bi quan?
Vì tôi đã bị cung đàn đứt dây!
Con đường tình ái chông gai
Không như nhung lụa, xin ai dè chừng
Tuy nhiên, tôi nói: “Thế nhưng
Hỡi người tuổi trẻ hãy đừng nghe tôi
Xin mời bạn nhập cuộc chơi
Biết đâu bạn có cuộc đời lên hương?
Biết đâu không gặp “*đoạn trường*”
‘*Mùa Xuân Hôm Đó*’ bạn vương trong lòng?”

Sài Thành, tiết Trạng Xuân

CỤ VỮ

NIỀM VUI CUỐI ĐỜI

Tạ Quang Khôi

Ông Cảnh đã yêu Nhạn suốt cả cuộc đời. Trong tuyệt vọng và thâm kín. Nhạn là con gái đầu lòng của một người bạn thân. Người bạn này còn kém cả tuổi ông. Hai người cùng học một lớp với nhau nhiều năm. Khi người bạn lấy vợ, ông là một trong hai người rể phụ. Nhưng chính ông thì chưa bao giờ làm chú rể. Nhiều thầy bói đã cho biết số ông là số “cô độc cô quả”. Thật ra, ông cũng đã có một vài lần hỏi vợ, nhưng lần nào cũng dở dang và đổ vỡ. Có đám thì sắp đến ngày cưới bỗng nhà gái từ hôn với lý do không rõ ràng. Có đám thì chính ông từ hôn vì bất ngờ trông thấy vợ chưa cưới đi chơi với một người đàn ông lạ mặt. Có điều đáng nói là dù đi hỏi vợ ông chưa hề thực tâm yêu một người con gái nào. Ông thấy bạn bè lần lượt có gia đình thì cũng muốn có một người vợ để đi về có nhau. Ông cũng nghĩ tới lời khuyên của một câu tục ngữ Pháp: ”L'appétit vient en mangeant”, nghĩa là cứ lấy vợ rồi sẽ yêu vợ.

Tình yêu đến với ông rất muộn khi ông đã đi tới nửa đường của tuổi “bất hoạc”. Người yêu đầu tiên của ông lại chính là người con gái lớn của ông Thiện, người bạn học cũ của ông. Lúc đó Nhạn mới 15 cái xuân hồng. Như vậy, ông hơn nàng đúng 30 tuổi. Vì yêu một cách quá bất thường và mù quáng, ông giấu kín mối tình đó tận đáy lòng. Nhạn là một thiếu nữ xinh đẹp, có thân hình nầy nở đều đặn sớm, nên có nhiều cậu trai theo đuổi ngay từ khi vừa tới tuổi dậy thì. Thấy ông bướm dập diu như vậy, ông Cảnh buồn và lo lắng. Có lần ông đến thăm ông Thiện, thấy Nhạn thân mật cười nói với bạn trai, ông thầm ghen, nhưng biết mình không thể làm gì được, ông bỏ ra về một cách đột ngột, không lý do, khiến ông Thiện rất ngạc nhiên.

Vì xinh đẹp, duyên dáng, có nhiều người yêu, Nhạn lơ là việc học hành nên chưa học hết bậc trung học đã lấy chồng năm 18 tuổi. Chồng nàng là con trai một nhà buôn giàu, cũng học hành dở dang như nàng. Sở dĩ nàng chọn anh chàng này vì anh đã

chịu khó bỏ nhiều tiền ra mua những món quà đắt tiền mà nàng thích để tặng nàng. Ông bà Thiện không ưng chàng rể nhưng cũng phải bằng lòng. Thật ra ông bà đã ngầm chắm một cậu sinh viên trường thuốc cho con gái.

Thấy Nhạn lấy chồng, ông Cảnh buồn lắm, nhưng biết thân biết phận mình, chẳng dám hở môi ra nói gì hết, dù có lúc ông Thiện ngộ ý không ưng cuộc hôn nhân này, cho rằng Nhạn còn trẻ người non dạ, chưa biết chọn người xứng đáng.

Hôm cưới Nhạn, ông Cảnh không dự, chỉ gửi mừng nàng một món quà đắt giá. Nhưng cuộc hôn nhân này không bền, chưa đầy hai năm, vợ chồng nàng đã chia tay. Nàng nói với bố mẹ là chồng nàng chưa trưởng thành. Con nhà giàu được nuông chiều quá đáng nên không hiểu gì về cuộc đời thực tế. Không những thế, bà mẹ chồng lại khó khăn, nghiệt ngã rất mực, bắt nàng vào khuôn vào phép đến cực khổ. Kết quả của cuộc hôn nhân là một bé trai mấy tháng tuổi. Bà mẹ chồng muốn bắt đứa bé vì nó là cháu đích tôn, nhưng nàng không chịu, bế con về với cha mẹ.

Thấy Nhạn bỏ chồng, ông Cảnh mừng thầm và lại nuôi hy vọng. Ông sẵn sàng nhận đứa bé làm con và ông tự biết ông đủ khả năng nuôi nó cho đến khôn lớn. Ông tính hôm nào thuận tiện sẽ ngỏ lời thách với Nhạn. Bây giờ nàng không còn là gái tân hờ hờ nữa. Ông tin rằng lần này ông có thể được nàng để mắt tới. Nhưng tiếc rằng ông chưa có dịp nào thuận tiện ngỏ lời thì nàng đã lại... bước thêm bước nữa. Người chồng mới của nàng cũng còn trẻ, chưa hề lấy vợ. Anh ta là một sĩ quan trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Cuộc hôn nhân này còn ngăn ngui hơn cuộc hôn nhân trước. Chưa đầy sáu tháng sau ngày cưới, anh đã vội vã... đền nợ nước. Thế là nàng lại góa bụa, ông lại hy vọng. Nhưng muốn tỏ tình với nàng không phải là một chuyện dễ dàng. Làm sao ông có thể mở miệng nói với con gái của bạn là ông yêu nó, muốn cưới nó làm vợ. Ông cố gắng tìm lời lẽ nào cho hợp tình bác cháu nghe khả dĩ lọt tai.

Ông lần nữa mãi vì chưa tìm ra lời mà cũng không dám hỏi ý kiến ai thì Nhận lại ôm cầm bức sang thuyền thứ ba. Chủ thuyền này là một luật sư mới xong thời kỳ tập sự. Như vậy anh là người có thể giá cao, ít nhất so với ông Cảnh, một nhà giáo tầm thường. Lần này thì ông vừa thất vọng vừa giận nàng. Hừ, người gì mà lấy chồng lạ như thay áo lót vậy, ông thầm trách nàng.

Nhận sống với người chồng thứ ba này khá lâu, nhưng không có con. Nàng khoe với bố mẹ là nàng được chồng rất chiều. Vì thế, nàng không thích có con, chàng luật sư cũng bằng lòng. Không những thế, chàng còn mua thuốc ngừa thai cho vợ. Nhưng người xưa đã nói :”Hồng nhan đa truân”, má hồng phận bạc. Vì thế, Nhận cũng không thoát khỏi định luật đó. Sau khi cộng sản chiếm miền Nam, vợ chồng nàng vượt biên tìm tự do. Ghe bị hư máy giữa biển, lênh đênh trôi dạt theo sóng gió nhiều ngày. Thuyền nhân bị chết đói gần hết trước khi được tàu buôn của Na Uy vớt. Trong số rất ít người sống sót có Nhận. Khi được cứu tỉnh, nàng không hiểu tại sao nàng lại không chết cùng với chồng con. Số người sống sót này được đưa tới Singapore, rồi được định cư ở Mỹ. Nhận bị bệnh tâm thần hơn một năm trời mới khỏi.

Khi đã trở lại bình thường, nàng vào học trường đại học cộng đồng để vừa học Anh văn vừa học lấy một nghề. Trong thời gian đi học, nàng cũng phải đi làm để tạm sống. Cả ở trường lẫn nơi làm việc có nhiều đàn ông theo đuổi, nhưng nàng làm ngơ hết. Nàng chán chuyện chồng con rồi. Nàng nghĩ rằng trên cõi đời này không ai có thể bằng được người chồng luật sư của nàng. Tốt nhất là chẳng tơ vương làm chi cho nặng nợ.

Sau hai năm học, nàng có một nghề để có thể sống vững vàng. Nàng xin được một việc làm ở một sở Mỹ, lương cũng đủ sống. Khi đã tương đối ổn định, nàng lo giấy tờ bảo lãnh cho bố mẹ sang đoàn tụ với nàng. Ông bà Thiện được sang Mỹ sau hai năm chờ đợi. Trong khi đó, ông Cảnh cũng sang đoàn tụ với gia đình người em trai, nhưng phải chờ đợi tới bảy năm. Sang tới Mỹ, ông vội liên lạc ngay với ông bà Thiện, rồi thu xếp chuyển sang ở gần bạn. Ông chỉ có một thân một mình nên làm gì cũng sống được, ở thì thuê lại một căn phòng nhà người ta cũng xong.

Điều cốt yếu là ông được ở gần Nhận, khi nàng lại độc thân. Thật ra ở gần hay ở xa, tình trạng cũng chẳng thay đổi gì, vì ông có bao giờ dám tỏ tình với nàng. Mỗi khi gặp nhau, nàng bao giờ cũng cung kính “bác bác cháu cháu” khiến ông ngại ngùng.

Trong khi đó, Nhận vẫn có nhiều người theo đuổi, cả Mỹ lẫn Việt. Nhưng nàng vẫn quyết tâm ở một mình cho... nhẹ nợ. Vết thương cũ vẫn chưa lành trong tâm hồn nàng. Thịnh thoảng, về đêm nàng vẫn khóc thương thằng con chết yểu.

Tháng ngày êm ả trôi, rồi ông Cảnh đến tuổi về hưu khi Nhận mới 35, cái tuổi đẹp lộng lẫy của một thiếu phụ có nhan sắc. Soi gương thấy mình già, mặt mũi nhăn nheo, tóc đã nhiều muối hơn tiêu, ông biết mình không còn hy vọng gì nữa, đành cố quên đi hình bóng người đàn bà ông ấp ủ suốt hai chục năm trời. Mấy năm sau, ông Thiện, rồi bà Thiện cũng về hưu. Hai ông bà từ ngày sang Mỹ vẫn ở chung với con gái nên để dành được khá nhiều tiền. Còn ông Cảnh cũng có cuộc sống thoải mái hơn khi ông được nhận vào một khu nhà dành cho người già, được nhà nước giúp đỡ

Rảnh rỗi, ông bà Thiện thường cùng nhau đi chơi xa. Trong một chuyến đi thăm một người bạn ở tiểu bang khác, lúc trở về, ông bà đã gặp tai nạn trên xa lộ. Cả hai cùng chết ngay tại chỗ. Kẻ gây tai nạn là một tài xế xe vận tải hạng nặng, đã ngủ gật để cho xe vượt làn ranh giữa sang đường ngược chiều. Công ty xe vận tải chịu mọi trách nhiệm và hãng bảo hiểm của công ty xe phải bồi thường cho Nhận một số tiền lớn. Nhưng số tiền này cũng không sao cứu nàng khỏi cơn mê sảng. Khi nghe tin cha mẹ bị tử nạn, nàng bị xúc động quá mạnh nên té xuống đất hôn mê ngay. Từ đó, dù các bác sĩ tâm thần đã tận tình chạy chữa, nàng không sao trở lại được bình thường. Ngay cả khi được coi là tỉnh, nàng vẫn ngơ ngác ngác, lúc quên lúc nhớ.

Ông Cảnh tuy không phải là họ hàng ruột thịt nhưng cũng là người thân của gia đình, lại là người từng thâm yêu Nhận hơn hai chục năm trời, nên tự nguyện lo cho nàng. Ông săn sóc nàng như chồng lo cho vợ. Lúc tinh táo, nàng gọi ông bằng bác, xưng cháu. Nhưng những lúc ấy rất hiếm. Nàng thường lẫn lộn ông với ông Thiện. Lại có nhiều khi nàng còn tưởng ông là người chồng luật sư đã chết

trên biển cả. Nàng kêu ông bằng anh và xưng em. Có lúc nàng lại âu yếm ôm ghì lấy ông mà hôn tới tấp lên mặt, lên cổ. Lúc đầu ông cũng cảm thấy thích thú vì được ôm người con gái mà ông yêu thầm trộm nhớ mấy chục năm trời. Nhưng những lần sau, ông không còn cảm giác gì nữa vì người đàn bà mê sáng ấy đang yêu một người khác, không phải là ông. Rồi ông trở nên bực mình. Dần dần tình yêu ông dành cho Nhan phai nhạt. Ông không còn thấy thích thú được ôm nàng trong vòng tay nữa. Ông đứng im lặng, tro như đá, để mặc nàng âu yếm, vuốt ve, hôn hít và gọi tên người chồng đã khuất.

Thế rồi bỗng một hôm nàng đòi “chồng” vào giường ngủ với nàng. Ông Cảnh sững sờ trước đòi hỏi này. Ông thầm tự hỏi ông có nên chiều nàng không? Nếu ông từ chối, bệnh của nàng có nặng hơn không? Từ lâu ông vẫn mơ ước được ngủ với nàng, với một cô Nhan xinh xắn, hấp dẫn, tinh táo, không phải một người bệnh đang trong cơn mê sáng. Ngủ với nàng lúc này có phạm tội lợi dụng một người bệnh hoạn không? Thật là một điều khó nghĩ cho ông.

Ngoài nỗi lo lắng trên, ông còn sợ trong khi hai người đang ân ái nàng bỗng tỉnh lại, nhận ra ông không phải là người chồng luật sư của nàng thì phản ứng của nàng sẽ ra sao? Bệnh nàng có nặng hơn vì tức giận tưởng ông lợi dụng nàng trong cơn mê không? Đây là một hoàn cảnh vô cùng tế nhị và khó khăn vì bệnh tâm thần không phải là một bệnh dễ chữa như các bệnh khác. Ông đành phải tìm cách trì hoãn, nói thác rằng ông đang bệnh, không thể ân ái với nàng ngay bây giờ được. Rồi ông đưa nàng vào giường đỡ cho nàng ngủ. Nhìn người đàn bà một thời ông yêu tha thiết nay đã héo mòn vì bệnh tật ông cũng không còn thấy ham muốn nữa, chỉ xót thương thôi. Sau đó, ông vội gọi cho bác sĩ đang điều trị cho nàng để trình bày sự việc và hỏi cách đối phó. Nhưng không may vào dịp đó, bà bác sĩ điều trị cho Nhan nghỉ hàng năm nên đã đi vắng xa.

Bỗng, vào một đêm, ông đang ngủ trong phòng riêng, Nhan vào nằm cạnh ông và đánh thức ông dậy. Ông tỉnh ngủ ngay vì thấy một thân thể trần truồng bên cạnh. Ông chồm dậy và định lao ra khỏi giường. Nhan ôm ghì lấy ông và âu yếm gọi

XUÂN HỒNG

Hoàng hôn tiễn ngọn gió đông
Bình minh chào đón xuân hồng bước sang
Vườn xuân nắng sớm mênh mang
Chim ca ríu rít hoa vàng phất phơ

Chập chờn cánh bướm trong mơ
Hoa xuân hé nụ ngẩn ngơ đợi chờ
Người xa xăm mãi hững hờ
Để ngàn hoa thắm thẫn thờ gió lay

Xuân xưa một thoáng mây bay
Xuân này ngơ ngác tháng ngày tha hương
Mai vàng như giải khỏi sương
Phất phơ gió sớm muôn phương rạt rào

Rung rung những sợi nắng đào
Ngỡ rằng xuân trước chiêm bao lại về

QUỖNH ANH

(Virginia)

tên người chồng luật sư. Ông muốn gỡ nàng ra mà không được vì mỗi lúc vòng tay nàng xiết chặt hơn. Khi đi ngủ, ông chỉ mặc có một chiếc áo lá và một quần xà lỏn nên bị nàng lột ra một cách dễ dàng, nhanh chóng. Ông không ngờ lúc ấy nàng mạnh như vậy. Biết mình đã lớn tuổi, yếu hơn người đàn bà đang tuổi hồi xuân và bất bình thường nên không thể chống cự, trốn tránh được nữa, đành nằm yên...

Chuyện làm lần còn xảy ra nhiều lần nữa. Chính ông cũng thấy thích thú. Ông nghiệm ra rằng sự làm lần dường như cũng có ảnh hưởng tốt cho bệnh tâm thần của Nhan. Nàng có vẻ tỉnh dần ra.

Nhiều việc nàng đã có thể tự làm lấy mà không hư hỏng. Ông vừa mừng vừa lo. Mừng vì thấy bệnh đã đỡ nhưng lo vì có thể nàng sẽ trách ông đã lợi dụng lúc nàng không tỉnh táo để làm bậy. Làm sao ông có thể giải thích chính nàng đã làm lẩn? Ông ở vào tình trạng tình ngay mà lý gian. Ông phân vân không biết nên sử trí cách nào. Tránh nàng hay vẫn cứ để nàng tiếp tục làm lẩn? Quan trọng nhất vẫn là vấn đề sức khỏe của nàng.

Trong khi ông phân vân thì nàng vẫn tiếp tục làm lẩn, nhưng thưa dần đi. Hình như lúc hơi tỉnh táo nàng không làm lẩn nữa. Chính những đêm ấy, ông lại thao thức mong nhớ nàng. Ông biết mình tự mâu thuẫn, nhưng làm sao ông dễ dàng quên được thân thể của người đàn bà mà ông mơ ước suốt cả cuộc đời. Không những thế, ông còn sợ nàng khi đã khỏi hẳn bệnh tâm thần sẽ xa lánh hay xua đuổi ông.

Từ ngày Nhận có thể tự làm lấy nhiều việc, ông bắt đầu đi chơi loanh quanh trong khu phố gần nhà cho bớt ngột ngạt. Thoạt tiên, cuộc đi chơi chỉ ngắn năm, bảy phút. Khi thấy không có chuyện gì xảy ra cho nàng, ông kéo dài thêm để hưởng không khí ngoài trời.

Một hôm, đi chơi về, ông giật mình khi thấy Nhận cúi húi nấu nướng trong bếp. Từ ngày nàng bị bệnh, ông không bao giờ cho nàng vào bếp vì sợ nguy hiểm cho nàng. Ông vội đến gần nàng để kiểm soát bếp lửa. Nàng đang rửa rau, ngừng lên nhoén miệng cười với ông. Nụ cười thật tươi, không có vẻ ngờ nghệch như lúc nàng đang bị bệnh nặng. Ông yên tâm vì không có gì đáng ngại, vừa định ra khỏi nhà bếp thì nghe tiếng nàng hỏi :

“Anh mới đi dạo mát về ?”

Ông quay lại mỉm cười với nàng, đáp:

“Thỉnh thoảng đi ra ngoài cho thoải mái.”

Nhận lại nói :

“Anh nghỉ ngơi một chút rồi ăn cơm... Bữa nay đặc biệt.”

Nghe lời nàng, ông rất mừng vì không có một chút mê loạn nào. Ông vui vẻ hỏi lại :

“Bữa nay thì có gì đặc biệt?”

Nhận úp mở “

“Lát nữa anh sẽ biết.”

Rõ ràng là cách nói của một người tinh táo, ông càng ngạc nhiên hơn, nhìn nàng đăm đăm.

Nàng cúi xuống như muốn giấu một nụ cười. Ông rất mừng khi thấy nàng đã bớt nhiều, có thể coi như đã bình thường. Nhưng ông lại thắc mắc nếu đã bình thường sao nàng vẫn làm ông với người chồng luật sư mà gọi ông bằng anh? Đáng lẽ nàng phải nhận ra ông là “bác Cảnh”, bạn của cha nàng. Thật khó hiểu. Thôi thì đành chờ đến bữa cơm xem sao, ông trầm tư nhủ.

X

Ông Cảnh còn ngạc nhiên hơn khi thấy Nhận mặc áo dài ngồi cạnh bàn ăn. Không những thế, ông còn nhận ra một lớp phấn son trên mặt nàng. Lớp phấn hồng đã làm cho mặt nàng bớt xanh xao sau nhiều ngày bệnh hoạn. Nàng trông trẻ hẳn ra và thật xinh đẹp. Thấy nàng có vẻ trịnh trọng quá, ông chợt lo vì nghĩ rằng bệnh tâm thần của nàng trở lại. Ông đứng nhìn nàng thật lâu để dò xét. Nàng vui vẻ chỉ chiếc ghế đối diện, mời :

“Anh ngồi xuống đi.”

Ông rụt rè hỏi :

“Nhận... Nhận thấy trong người... thế nào?”

Nàng phì cười hỏi lại :

“Anh tưởng em bệnh hả ?”

“Vây... vây sao Nhận có vẻ... bất thường quá ?”

Nàng lắc đầu :

“Có gì bất thường đâu... Hôm nay đặc biệt thì em mặc áo dài và trang điểm một chút cho hợp... tình hợp cảnh.”

Ông vẫn đứng yên một chỗ, rồi hỏi tiếp :

“Hôm nay là ngày gì mà Nhận coi là đặc biệt?”

Nàng tươi cười đáp :

“Ngày em khỏi bệnh.”

“Khỏi bệnh? Bệnh gì ?”

“Từ ngày ba má em bị tai nạn, em không được bình thường, bị mê loạn. Bây giờ thì em tỉnh táo rồi. Như vậy là khỏi bệnh chứ còn gì nữa.”

Ông Cảnh vẫn nghi ngờ, hỏi thêm:

“Nhận có biết tôi là ai không ?”

Lần này thì nàng cười phá lên :

“Có lẽ anh bất thường mới đúng. Anh là Cảnh chứ còn là ai nữa.”

Câu trả lời của nàng làm ông giật thót mình. Nàng gọi ông bằng anh ngọt xớt. Thế thì nàng đâu có

mê sáng. Nàng không nhìn lầm ông ra người chồng luật sư quá cố nữa. Thấy ông vẫn đứng, nàng lại giục:

“Anh ngồi xuống đi. Em có chuyện muốn nói.”

Ông không trái lời nàng nữa, nhưng vẫn đắm đắm nhìn nàng chờ đợi. Nàng nữa e thẹn nữa vui vẻ nói:

“Anh với em, từ lâu đã thành vợ chồng, bây giờ chỉ hợp thức hóa thôi. Mình đã ăn nằm với nhau bao nhiêu lần. Có thể lúc đầu em đã lầm anh là người khác. Nhưng dần dần em tỉnh lại và nhận ra anh. Mới đầu em cũng hơi ngạc nhiên và tức giận, tưởng anh lợi dụng lúc em bệnh mà làm vậy. Sau em để ý nhận xét thấy anh không tỏ ra tha thiết với em, chỉ chiều em thôi thì em biết anh muốn chữa bệnh cho em nên em muốn gì anh cũng làm. Điều quan trọng là chưa bao giờ anh tìm cách ngủ với em, chính em là kẻ chủ động. Đã có lần em già bộ lắm anh với chồng cũ của em, anh cũng không cưỡng lại... Bây giờ anh hiểu hết rồi, có chịu làm chồng thiết của em không?”

Càng nghe nàng nói ông càng ngỡ ngàng. Rồi từ ngỡ ngàng ông sung sướng vô cùng. Ông nhìn nàng đắm đuối mà không nói nên lời. Nàng chỉ mấy món ăn bày trên bàn, nói:

“Đây là tiệc mừng chúng mình chính thức xum họp với nhau. Em mới khỏi bệnh, không làm được những món đặc biệt, chỉ đơn sơ thế này thôi. Anh đừng chê, nghen.”

Ông vẫn nhìn nàng, không nói nên lời vì chưa bao giờ ông dám ngờ mình có hạnh phúc này. Nhận xong cơm rồi gấp thức ăn vào chén cho ông, mời:

“Nào, mình bắt đầu chứ, em cũng đói rồi.”

Ông ngoan ngoãn làm theo lời nàng. Ông cho rằng nếu ông có được dự một bữa tiệc đầy sơn hào hải vị cũng không thể ngon bằng bữa cơm đơn giản hôm nay. Khi thấy Nhận vui vẻ cười nói, ông rụt rè hỏi:

“Nhận... Nhận có biết tôi yêu Nhận từ lâu lắm rồi không?”

Nàng gật đầu:

“Em cũng biết chứ. Ngay từ hồi mới mười lăm, mười sáu, em thỉnh thoảng bắt gặp mắt anh nhìn em đắm đuối thì cũng đoán ra ngay. Những lúc đó, em lại nhủ thầm là ông già này dè dặt, dám yêu cả con gái bạn. Chắc chắn là em nghĩ em không thể lấy một ông già như anh... Em đâu có điên.”

Nói xong, nàng phá lên cười, rồi thêm:

“Bây giờ thì đúng là mới khỏi điên nên mới chịu làm vợ anh.”

Ông Cảnh chậm rãi nói:

“Nhận không cần phải ép mình làm điều Nhận không thích...”

Nàng hỏi lại ngay:

“Bộ anh không còn yêu em nữa?”

“Lúc nào tôi chả yêu Nhận, nhưng tôi không muốn Nhận buồn vì có một người chồng già hơn cả tuổi ba mình. Có thể Nhận sẽ mắc cỡ với bạn bè và những người chung quanh. Thấy Nhận khỏi bệnh là tôi mừng rồi.”

Ngập ngừng một chút, nàng đánh bạo hỏi:

“Những lần mình ăn nằm với nhau, anh không thích sao?”

“Sao lại không thích! Nhưng tôi vẫn cho đó là một cách chữa bệnh.”

Nàng dọa:

“Bây giờ em hết bệnh cũng chỉ là hết tạm thời thôi, vẫn cần có anh bên cạnh. Nếu anh bỏ em có khi bệnh trở lại thì sao? Anh đã yêu em suốt cả đời anh, bây giờ em yêu lại, chả lẽ anh không nhận tình của em? Mình ở Mỹ, có phải ở Việt Nam đâu mà sợ tai tiếng. Đưa nào cười thì hờ mườì cái răng, mặc xác chúng nó. Mình chỉ biết mình thôi.”

Thấy lời nàng chí tình và hợp lý, ông Cảnh đành ngồi im lặng, trong bụng vui như mở cờ. Trong đời ông đã gặp nhiều chuyện bất ngờ, nhưng chưa có bất ngờ nào thú vị như bất ngờ này. Ông nhìn nàng đắm đuối, ấp úng nói:

“Thì... thì tôi vẫn yêu Nhận...”

Nàng liền ngắt lời ông:

“Yêu mà vẫn kêu bằng Nhận và xưng tôi? Bộ em không xứng đáng để anh kêu bằng em sao?”

“Tôi... tôi... Anh sung sướng quá đến nghẹn lời.”

Nhận tỏ vẻ bằng lòng, gật đầu:

“Từ nay em cầm anh xưng tôi với em nữa đấy.”

Ông sốt sắng nhận lời:

“Từ nay chỉ anh với em thôi.”

Nhận liền cất tiếng cười vang. Ông Cảnh bỗng có cảm giác ròn rợn. Ông biết ông chưa thể hưởng hạnh phúc trọn vẹn với nàng được dù ông đã có nàng.

Tạ Quang Khôi
(Virginia 11/2008)

MƯA XUÂN VỀ MUỘN

Trần Đan Hà

Kỷ niệm ngày đời 30.4

Lâm trở về quê sau một biến động của đất nước, một khúc quanh lịch sử đã trôi qua, nhưng thảm cảnh chiến tranh vẫn còn ám ảnh. Từ những ngày triệt thoái cao nguyên, với hàng hàng lớp lớp chui ra từ lửa đạn; đến những ngày Sài Gòn tan tác, cảnh hỗn loạn khiến cho bao người hốt hải, kinh hoàng. Mọi chọn lựa đều không mang tính trọn vẹn để đáp ứng nhu cầu cho những người đã một lần đánh mất quê hương. Ngày đi, anh chưa bao giờ nghĩ rằng sẽ trở lại nơi chốn thân yêu, sau một lần phải ngậm ngùi bỏ lại tất cả với bao nuối tiếc. Vì nơi ấy, chiến tranh đang lan tràn, khiến cho hoài vọng trở về vẫn còn mịt mù khuất vắng. Ngỡ như cuộc chia xa sẽ dài mãi chưa biết đến bao giờ.

Nhưng hôm nay, anh đang đi trên con đường mà ngày xưa anh đã từng đi nhiều lần. Nét quen thuộc của phong cảnh hai bên đường khiến cho anh cảm thấy bớt lẻ loi. Hình như có một cái gì mà Lâm không thể hình dung ra được, nhưng nó đã tạo nên một cảm giác âm áp, băng khuâng. Niềm vui chợt đến với chàng có lẽ đang ôm ấp lâu nay với một ước mong tìm lại những kỷ niệm tuổi thơ của mình. Chàng thấy hân hoan với những cảm nhận vừa đến, triu mến như khúc phim quay lại khung trời tuổi nhỏ với biết bao mến yêu, mà Lâm đã sống với từng ấy kỷ niệm êm đềm. Để hôm nay chàng trở về với những gì mà trong lòng đang ôm ấp một nguồn hy vọng đẹp đẽ, tươi sáng cho tương lai. Tuy không gian xa cách chẳng giúp gì cho chàng nối lại những dở dang, vì chuỗi ngày thơ mộng ấy chưa có cơ hội để ghi lại trọn vẹn vào ký ức, nên bây giờ hình như đã tàn phai theo thời gian vô tình.

Chàng chợt nhớ đến chuỗi ngày chung bước với cô bạn gái cùng làng lên học trường Quận. Người con gái tên Lan ấy ở cách nhà Lâm non nửa cây số, muốn đến trường thì phải đi theo hướng đến nhà Lâm. Thành ra không hẹn mà cứ mỗi buổi sáng, Lâm đều chờ đợi bóng dáng của Lan đến ngay đầu

ngõ, Lâm mới bước ra để đi chung. Ngày ấy, tình bạn giữa hai người rất đơn sơ trong trắng, tự nhiên như đôi chim chuyền cành, chạy nhảy tung tăng, hót ca líu lo giữa đất trời cao rộng.

Lâm chưa có một cảm giác gì khác thường khi đi chung với một người con gái. Nhưng hình ảnh ấy, bóng dáng của Lan đã in sâu trong Lâm lúc nào không hay. Tình tự mến yêu đã nuôi dưỡng đôi tâm hồn son trẻ sống trong một nguồn suối mát bất tận tuôn chảy vào cuộc đời, như thiên nhiên mưa nắng.

Từ nhà đến trường phải đi bộ mất nửa tiếng đồng hồ. Nhưng dần rồi cũng quen, vì ở thôn quê trường gần chỉ có bậc Tiểu học; trường Quận mới có các lớp Trung học lên đến lớp 9 (đệ tứ) và ai có khả năng học tiếp thì phải lên trường Tỉnh. Vì thế mà hầu hết những người sinh sống nơi những làng quê như Lâm, không mấy ai học lên cao. May mắn lắm là học hết lớp cuối của trường Quận, rồi trở về theo nghề cha truyền con nối trong gia đình.

Tiện đường đi học, nên thỉnh thoảng Lan ghé nhà Lâm chơi. Mẹ Lâm xem Lan như con cháu trong nhà. Vì bà đối với mẹ Lan là đồng song, cùng bạn học một thời, và cùng sống với nhau nơi một làng quê nên rất thân thiện. Lan đối với gia đình Lâm cũng tự nhiên, thường gọi mẹ Lâm bằng dì. Còn Lâm thì vẫn xem Lan chỉ là người bạn học như người bạn khác mà thôi, chứ chưa có tình ý gì cả.

Mẹ Lâm đã dành cho Lan với tất cả cảm tình và bà luôn hy vọng sau này, nàng sẽ trở thành cô dâu trong gia đình bà ta. Có lần bà nói với Lâm: - “Mi coi giữ gìn con Lan cho kỹ, đừng để mất nó thì uổng lắm đó nghe không con!”

Lâm chưa hiểu ý mẹ, nên thành thật trả lời: - “Thì Lan vẫn đi học với con hằng ngày đó chứ, mần răng mà mất đi cho được?”

Mẹ nhìn Lâm với lòng thương hại và nói với Lâm: “Này thằng ngốc của mẹ, sao con bằng tuổi nó rồi mà còn ngu ngơ như rứa?”

Lâm cũng chống chế: “Con đi học đến trường đều thuộc bài, về nhà cũng làm bài tập được, răng mà nói con ngốc?”...

Đến đây thì bà lắc đầu và phì cười, nói thêm: “Thôi được con hãy cố gắng lên, chứ đừng để cho mạ thất vọng đó nghe”.

Tuy nói vậy, nhưng trong lòng bà luôn lo lắng, không biết sao thấy Lâm lớn nhanh và khoẻ mạnh, mà vẫn còn ngu ngơ như đứa con nít mới lên ba. Không lẽ nó “không có nam tính?”, trông bên ngoài thì tất cả đều tốt, không có triệu chứng gì khả nghi cả!

Rồi bà lại có một suy nghĩ với hy vọng là Lâm vẫn bình thường, có lẽ sự phát triển của những đứa con trai ở thôn quê đều giống nhau, đối với tình cảm lứa đôi thì hơi chậm, đến tuổi mười lăm mười sáu, nhưng đứng trước người bạn gái “vẫn thấy như không...!” chứ không đến nỗi khờ khờ, chậm lụt như thế đâu....

Còn Lan thì hoạt bát, tự nhiên hơn nên thỉnh thoảng đến nhà Lâm chơi đã khiến cho mẹ Lâm đặt rất nhiều kỳ vọng nơi nàng. Hai gia đình rất thân thiết với nhau, tuy ba của Lan mất sớm, nhưng mẹ đã dành cho Lan với tất cả tình thương.

Có lần mẹ Lâm nói với chàng:

–“Tau chộ con Lan càng ngày nó càng châu lầy, hiền thực dễ thương lắm chớ. Hèn chi người ta thường nói: “Lâu ngày trở sắc thêm duyên”. Những đứa con gái mà có cái duyên thâm, với khuôn mặt bánh đúc, nước da bánh mật, thì tha hồ mai mối mà ụng”. Rồi bà nhìn Lâm mỉm cười, nụ cười của bà như thâm nhủ: “Mẹ đã chọn cho nhà mình một nàng dâu rồi đó”.

Nhưng Lâm thì chỉ hiểu lơ mơ hình như chỉ được mấy mươi phần trăm là cùng. Lâm chỉ hiểu “ụng” là như những bà mẹ đang bồng trên tay một đứa bé rất bụ bẫm, nâng lên đưa xuống rồi nói với nó: –“ Ầu... ầu con ai mà dễ ghét quá chưa nè, cho bà cắn một miếng nghe, bà cắn nè, rồi rúc mặt vào bụng đứa bé, thì nó sẽ cười như đười ươi, nấc nè...”. Lại nhắc đến chuyện hai con vật gần như huyền thoại này nữa. Con đười ươi thì Lâm có thấy hình, nhưng con nấc nè thì chưa bao giờ thấy, mặc dầu ngày xưa mẹ có kể cho Lâm nghe rằng: hai con ấy mỗi lần gặp nhau thì ôm nhau cười đến ngắt ngư, rồi lăn ra chết giắc. Chuyện kể đã lâu, lúc ấy Lâm còn nhỏ nên không biết, nhưng bây giờ nhắc lại mà Lâm cũng dừng dung, không muốn truy tìm nguồn tích làm gì.

Lâm chỉ biết đại khái vậy thôi, nên nhiều khi tự hỏi: – “đối với Lan thì bây giờ nàng đã là một thiếu nữ, mai mối sẽ lớn lên nữa thì làm sao mà ụng?”

Một lần khác, Lan thêu một tấm khăn tay để tặng cho Lâm, với hình một cánh lan rừng, phía trên có hai chữ L viết hoa, tạo thành hình cánh bướm.

Lâm đem hỏi mẹ ý nghĩa của cảnh hoa thêu trên khăn có cánh bướm. Mẹ neho neho mắt tùm tùm cười, như thâm nhủ đến bây chừ mà còn như “con nai vàng ngơ ngác!”

Nhưng mẹ cũng đem chuyện tích ngày xưa để ngầm giải thích cho Lâm hiểu ý nghĩa bức thêu với cảnh hoa lan rừng và cánh bướm:

–“Có lẽ ngụ ý chuyện ngày xưa Trang Sinh nằm mơ thấy mình hóa bướm, đến khi thức giấc thì không biết mình là bướm hay người. Bức tranh thêu này có hình bướm đậu trên cánh lan rừng, ngụ ý gì thì con cứ tìm hiểu tiếp đi”.

Lâm thấy câu chuyện này khó quá, nên lảng sang chuyện khác cho khỏe. Vì mẹ chỉ giải thích nửa chừng chứ không bao giờ nói rõ ràng chi cả. Hình như tính tình của Lâm rất đơn giản, không muốn suy tư những chuyện như thế đâu, chưa cần biết đến những việc còn trong ý niệm về tương lai. Hiện tại thì Lâm chỉ nghĩ đến lời khuyên của mẹ: –“Con gắng học ba chữ, để sau này khỏi thua sút bạn bè, khỏi hối hận với những điều chưa biết, mà đáng lý ra con có thể học để biết”.

*

Cuộc sống đầm ấm của gia đình Lâm thật hồn nhiên như cây cỏ, gần như không vương bận những nét sầu. Cứ thân nhiên trôi đi như những áng mây trắng bay thong dong trên bầu trời xanh.

Cha Lâm thì ít nói, chỉ biết ngày ngày ra đồng cày cấy, mong sao cho mùa gặt hái mau về, để cho gia đình khỏi thiếu thốn. Khi nào mưa thuận gió hòa, được mùa lúa gạo đầy sân, sản khoai cao đồng thì thể hiện trên khuôn mặt ông niềm vui rất lớn. Ông chỉ có niềm vui sướng khi thấy những thành quả ấy mà thôi. Ngoài ra không có ước mơ gì cao vời, nên đời sống của ông rất giản dị và bao dung.

Còn mẹ Lâm thì với yêu thương, đã dành cho chồng con một nguồn hạnh phúc chan chứa, một tình mẹ nồng nàn đã nhiều lần bà diu bước con trẻ từ mới chập chững vào đời; đến những bước

vững chãi, nên lòng luôn dõi theo dò đường cho con khỏi vấp ngã.

Chợt một hôm chiến tranh lan tràn và tàn phá một vùng quê nơi Lâm đã sinh ra và lớn lên trong cuộc sống tuy không mấy sung túc, nhưng đã cho gia đình Lâm những tháng ngày bình yên và sau này đã trở thành những kỷ niệm đáng nhớ. Tuy thời ấy chưa đến tuổi trưởng thành, nên những cảm giác về nơi chốn thân yêu ấy, cũng chỉ mơ hồ, lảng đãng ẩn hiện trong tâm hồn ngây thơ và hồn nhiên của Lâm. Cho đến một đêm định mệnh đã cướp đi tất cả những gì mến yêu nhất của đời chàng với nỗi niềm tiếc nuối khôn khuây.

Lâm chỉ nhớ mang máng là một đêm, dân làng đang sống trong yên vui hạnh phúc, chợt đâu xuất hiện rất nhiều người xa lạ, người nào cũng có súng ống trên tay, ăn mặc lạ lùng đi vào làng với mấy người hướng dẫn. Họ chia nhau vào từng nhà, rồi sau đó đào hầm trú ẩn. Họ liên lạc với nhau bằng ám hiệu, như những người bí mật. Họ giữ dân làng lại nhà nào ở nhà đó, không được đi đâu và canh phòng cẩn mật. Lâm thấy cha mẹ mình lo lắng gần như nỗi sợ hãi đã hiện lên khuôn mặt. Lâm chưa hiểu chuyện gì đang và sắp xảy ra, nhưng thấy tâm trạng bất an của cha mẹ khiến Lâm cũng lo lắng.

Đêm vẫn âm thầm buông xuống một màu đen tối, phủ trùm lên cảnh vật và thân phận của bao người đang băn khoăn, sợ sệt. Chưa ai đoán biết việc gì sẽ xảy ra, nhìn ra ngoài vườn thấy những bóng người đang âm thầm di chuyển, lúc ẩn lúc hiện như những bóng ma. Dân làng sống trong nỗi lo âu đến cùng cực, họ cũng tìm những chỗ thuận tiện để khi hữu sự có thể ẩn nấp. Chỉ mới một đêm thôi mà ai nấy cũng đều phờ phạc không phải vì thức đêm, mà vì sống trong một nỗi chờ đợi không lối thoát. Cứ chập chờn ẩn hiện sự di động của những người xa lạ kia, càng lúc càng thấy nỗi âu lo đậm nét.

Trời vừa hừng sáng, thì Lâm đã nghe tiếng súng từ nhiều phía. Mới đầu còn lẻ tẻ, càng sáng thì càng liên tục vang rền. Tiếp theo là ngoài cánh đồng đã thấy xe thiết giáp chạy dần đến làng, rồi máy bay yểm trợ dội bom. Với một ngày quần thảo giữa đôi bên, vẫn không phân thắng bại. Vì những người lạ mặt ở trong làng họ đã đào nhiều hầm trú ẩn dọc theo bờ đê có rặng tre bao bọc quanh làng,

họ có súng chống xe thiết giáp, nên đã cản bước tiến của bên ngoài rất hữu hiệu.

Máy bay dội bom, thêm những trọng pháo bắn vào hàng tre bao bọc xung quanh làng đều bị gãy ngang và oằn xuống. Phía trong làng thì nhiều đám cháy đang còn âm ỷ bốc khói, cây cối xiêu vẹo, xơ xác gần như tan nát, tiêu điều.

Nhưng những đợt tiến công từ ngoài vào đều bị dừng lại, vì sau khi dứt sự yểm trợ của máy bay và hỏa pháo, thì những người nấp dưới rặng tre trồi lên chống trả. Họ cầm cự suốt một ngày hôm ấy, đến tối mới mở đường di chuyển để trốn thoát. Những người còn sống sót, lúc nửa đêm họ tập trung lại và di chuyển theo hướng lên rừng. Trước khi trốn thoát, họ cũng đã đào hố để chôn cất vùi vả những người chết, súng ống mà họ không thể mang theo hết được.

Sau này Lâm nghe những người lớn kể lại đó là bộ đội Việt cộng từ ngoài miền Bắc xâm nhập vào, rồi bị quân đội miền Nam bao vây nơi làng này. Và cũng từ đêm kinh hoàng ấy, gia đình Lâm không còn lại gì nữa ngoài một bộ áo quần mặc trên người. Nhà cửa cháy thành tro, làng xóm không còn an ninh để tiếp tục sinh sống. Nên gia đình Lâm phải theo dòng sóng của người đi lánh nạn. Bước đầu đến nơi chốn tập trung, sống tạm dưới những tấm lều vải. Sau một thời gian ngắn, thì chính quyền miền Nam thông qua Quốc Vụ Khanh đặc trách di dân, trung dụng những chuyên máy bay quân sự, chuyên chở đồng bào chạy loạn vào miền Nam.

Bấy giờ các tỉnh Long Khánh, Bà Rịa Vũng Tàu đang nhộn nhịp tiếp đón dòng người tỵ nạn ấy vào nhập cư. Tuy đến đây là nơi an toàn có thể bảo vệ cho làn sóng di cư này, nhưng những ngày đầu họ cũng vẫn có cảm giác bất an, cảnh kinh hoàng mà ai nấy đều trải qua.

Cũng như mọi người gia đình Lâm được trợ cấp một số thực phẩm và vật liệu để dựng lên một mái nhà. Lâm phụ giúp cha mẹ dựng lên một mái nhà che mưa đỡ nắng, và canh tác khu đất xung quanh nhà để trồng trọt. Vài năm sau cuộc sống gia đình đã có nơi ăn chốn ở, có một mái nhà để dung thân. Tuy còn phải vất vả nhiều lắm để có một cuộc sống thăng bằng lại từ vật chất đến tinh thần. Tuy vậy,

nhưng cha mẹ của Lâm cũng cảm thấy bây giờ đã đem đến cho gia đình một nguồn sống an vui. Vì vùng đất này rất yên ổn, tuy đã xa bà con láng giềng, nhưng bù lại không còn lo lắng đến những cánh chiến tranh như lúc còn ở ngoài quê, đêm đêm bị pháo kích phải xuống hầm trú ẩn để nấp không biết đến bao giờ mới ngưng, và cứ thế tạo nên một cảnh bất an triền miên.

Bây giờ, cuộc sống cũng tạm ổn định, nhưng thấy cha mẹ không vui, vì chưa hợp với phong thổ, không quen biết ai để thỉnh thoảng tâm sự với nhau. Lâm cảm thấy buồn ngủ nhưng không biết lấy gì để an ủi mẹ cha.

Và rồi vài năm sau nữa, thì Lâm lại đến tuổi nghĩa vụ quân sự. Vào trung tâm nhập ngũ, qua mấy tháng quân trường, Lâm được chuyển chuyên về phục vụ một đơn vị gần nhà và địa phương nơi đây khá yên ổn, nên Lâm về thăm nhà luôn, hầu như hàng tháng. Tiền lương của lính tuy không bao nhiêu, nhưng Lâm tiết kiệm dành dụm mang về cho mẹ để phụ giúp thêm kinh tế gia đình, cuộc sống bây giờ xem như đã ổn định. Không còn thấy nét lo âu trên khuôn mặt cha mẹ nữa, nên Lâm cũng cảm thấy yên tâm.

Gặp vận may mà gia đình Lâm thoát khỏi vùng chiến tranh tàn khốc, để bây giờ được an cư và Lâm có thêm một niềm tự hào là mình cũng đã có cơ hội đóng góp vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tình đồng đội dần quen đã đem đến cho Lâm nguồn an ủi lúc xa nhà. Lâm tự nhủ biết đâu trong hoàn cảnh lưu lạc này, đã cho mình một cuộc sống đầy ý nghĩa hơn. Biết đâu bây giờ còn sống ở ngoài quê, rồi đến tuổi nghĩa vụ thì cũng phải đi xa, nhưng có thể đi xa hơn bây giờ nữa là khác. Lâm cảm thấy thỏa mãn với những gì đang có, và thầm cảm tạ ơn trên đã ban cho gia đình Lâm một cuộc sống tốt đẹp như hiện tại.

Lúc này thì Lâm đã thực sự vững chãi rồi, đời lính cũng đã dạy cho Lâm thêm những kinh nghiệm sống, cùng với những cảm xúc về đời sống tình cảm. Sự trưởng thành này là hoài vọng mà cha mẹ chàng luôn ôm ấp, nhất là mẹ chàng đang dấu kín niềm vui, sau khi thấy sự báo hiệu hiện tượng tốt đẹp đang đến với Lâm. Nhưng vào nơi đây, hoàn cảnh xa lạ cũng như chưa có cơ hội để

tìm kiếm ý trung nhân, mặc dù Lâm cũng đã gần đến tuổi “chỉ lập” rồi mà vẫn còn long bong.

Những lúc Lâm về nhà, mẹ thường chuyện trò với anh ta để đo lường sự trưởng thành của con. Có lần chợt dung mẹ hỏi Lâm:- Con còn nhớ con Lan không? Câu hỏi bất chợt khiến Lâm không che dấu được tâm sự của mình, nên trở thành vụng về và ngớ ngẩn. Mẹ đã thấy trọn vẹn cử chỉ đáng yêu của Lâm khi vô tình thú thực với mẹ tất cả những gì đã dấu kín trong lòng, khiến mẹ mỉm cười và cảm thấy lòng rộn lên một niềm vui. Như trước đây, thỉnh thoảng mẹ cũng đã trải nghiệm tình cảm của Lâm có ghi lại một chút kỷ niệm tuổi thơ nào không, nhưng lần nào thì bà cũng thấy thất vọng!

Bây giờ thì Lâm đã thú thật với những cảm giác xao xuyến mỗi lần nhắc lại kỷ niệm tuổi thơ của mình. Và tình cảm đối với Lan cũng đã bắt nguồn trong xa vắng, niềm nhớ nhung về một người bạn học ngày xưa, tuy chưa có một dấu ấn nào rõ rệt, để xác định đó là tình yêu đôi lứa.

Nên đã mấy lần Lâm đánh bạo viết thư về thăm Lan, nhưng không biết phải viết gì. Cũng như thời điểm này đường về miền Trung hay bị đặt mìn, khủng bố những đoạn đường mất an ninh, nên thư từ không thể gửi về được. Tin tức mỗi xa dần và đi vào quên lãng.

*

Thế rồi cuộc sống đầm ấm hạnh phúc, tuy như tạm thời ấy cũng không còn dừng lại với gia đình Lâm, với tất cả mọi người ở miền Nam. Mà giao động trở lại khốc liệt hơn, một cuộc chiến kết thúc vào ngày 30.4.75. Người người chạy đi tìm đường sống, lính tráng thì rã ngũ tan hàng. Cảnh hỗn loạn kéo dài mấy tuần lễ, khiến cho nỗi lo âu của mọi người dần dần trở nên nghèn lỏi. Không biết chọn lựa gì đây, đành để cho cuộc đời chày trôi theo dòng định mệnh. Gia đình Lâm ở cách thủ đô Sài Gòn non trăm cây số, thế mà cảnh khủng hoảng còn lan đến. Mấy tuần trước thì dòng người từ cao nguyên đổ xuống, bây giờ đến thành phố tan tác chạy về.

Tình trạng gia đình Lâm cũng không thoát khỏi định luật ấy, ba mẹ của Lâm thì rút vào trong nhà, chờ đợi con trở về. Và mấy ngày hôm sau thì Lâm đã trở về thật, mẹ con ôm nhau mà nước mắt dàn dụa...

HẢI ĐĂNG

Em vẫn để đêm khuya đèn cháy sáng
Như hải đăng định hướng kẻ quay về
Người thủy thủ bình bồng cùng sóng bể
Thấy ấm lòng khi bão dậy trùng dương

Đèn lung linh soi mỗi sào vô lượng
Ôm vai gầy xoa dịu nỗi lẻ loi
Hiên nhà xưa tưởng ai lên tiếng gọi
Chỉ gió rung, cây rụng lá hàng hàng

Anh đi rồi, ngày lên đèn vẫn sáng
Như quan tâm mang hơi ấm vỗ về
Thềm vòng tay đoàn viên mất nhòa lệ
Kiếm tìm người lạc lõng giữa rừng mưa

Lạnh xuân thì không én bay ngoài cửa
Gió vô tình đem giá rét ngày đông
Chúc người đi bình an qua biển rộng
Đèn phòng em vẫn sáng lửa niềm tin.

Lý Hiểu

Va 1/2009

Tiếp theo mấy tuần sau nữa tình hình ổn định trở lại, thì người ta lại đua nhau chạy trốn ngã khác. Người có tiền của thì tổ chức các cuộc vượt biên, người nghèo khó thì lại trở về quê quán để sinh sống.

Mấy tỉnh nơi đây phần lớn là người di cư từ miền Bắc vào năm 1954, nên họ đã có nhiều kinh nghiệm với cộng sản, họ đã tìm đủ mọi cách để xa lánh với chế độ đang đến, mà họ biết chắc chắn là không bao giờ có tương lai khi ở lại.

Trong cảnh chạy loạn ấy, lại một lần nữa khiến cho ba mẹ của Lâm vô cùng lo âu. Mặc dù đã trải

qua bao cảnh hải hùng như vậy, nhưng lần này ai nấy cũng đều tuyệt vọng.

Trước tình thế như vậy, gia đình Lâm bàn luận với nhau những điểm lợi hại, hơn kém của việc ở lại hay trở về. Mẹ của Lâm thì cho rằng tuy nơi đây cũng dễ sinh sống, nhưng suy lại cho cùng thì không nơi nào bằng quê hương chúng ta hết cả. Ở đây cũng cày cuốc, sản xuất ra của cải để tiêu dùng; về ngoài quê cũng phải làm lụng để kiếm cái ăn cái mặc. Nhưng về ngoài mình thì còn có bà con làng xóm, để hôm sớm có nhau. Còn nơi đây thì tứ cố vô thân biết lấy ai nương tựa.

Lâm đồng ý với mẹ và cũng còn thêm niềm hoài vọng bấy lâu nay ôm ấp trong lòng, tuy Lâm không bao giờ thổ lộ cho ai biết cả, nhưng hy vọng thì vẫn luôn giấu kín trong nỗi chờ.

Còn ba thì khi nghe mẹ Lâm giải thích hợp lý như vậy, ông không thêm ý kiến gì nữa. Nhưng ông cũng yêu cầu là nên ở lại một thời gian ít nhất là một năm, để giải quyết tất cả những hoa màu đã trồng trọt. Bán hết tất cả những gì đã tạo dựng mấy năm nay, để khi về chỉ mỗi người xách một xách tay quần áo mà thôi.

Trước khi trở về, Lâm không quên viết thư báo tin cho Lan biết và hứa hẹn sẽ dành nhiều sự ngạc nhiên, cũng như ngầm bảo người đầu tiên sẽ đến thăm chính là nàng. Lâm cũng chỉ viết vồn vện vài hàng vậy thôi, chứ chưa biết tình trạng như thế nào vả lại giữa hai người chưa có điều gì hẹn ước.

*

Lan nhìn ra đầu ngõ, thấy bóng dáng Lâm đang đi đến mà nghe lòng xao xuyến lạ. Cái cảm giác mà Lan không biết nên vui hay buồn, nên đón chờ hay chạy trốn? Vì biết rằng hiện tại nàng đã lỡ làng, không còn gì nữa để đợi chờ! Bao nhiêu nỗi niềm chợt đến khiến cho Lan có cảm tưởng như đây là một tai nạn sắp sửa giáng xuống cho đời nàng, cho cuộc đời hẩm hiu mà nàng đã trải qua và gánh chịu.

Như không bao giờ nghĩ đến ngày còn có thể gặp lại người bạn xưa, tuy chưa có lời ước hẹn nhưng hình như trong lòng của hai người đã ngầm trao nhau những lời hẹn biển thề non. Vì hoàn cảnh trở trêu phải đôi ngã phân ly, cho nên chưa bao giờ có thể nghĩ đến sẽ có một cuộc trùng phùng như thế này.

Tháng trước, Lan nhận được thư của Lâm cho biết ngày nầy sẽ về thăm. Vón vẹn mấy lời ngắn ngủi nhưng cũng đã khiến cho Lan thêm dài chờ mong hình bóng của một người bạn mà gần như đã mất hút trong tâm mình sau những tháng ngày chia xa. Tuy chưa có một chút gì để ràng buộc, để đợi chờ..., chưa có một lời giao ước, nên cũng không có trách nhiệm tinh thần, cần phải đáp ứng cho phải đạo. Suy nghĩ của Lan không phải là không có lý, vì khi chia tay Lâm không để lại lời hứa hẹn nào, ngoài lời từ giả thường tình.

Nhưng dù sao thì Lan vẫn cố gắng tạo ra vẻ thân nhiên đón Lâm như một sự bình thường, sau khi đã dấu kín tất cả những nỗi niềm vào trong ngăn kéo ký ức, để cho ngày về của Lâm không đến nỗi quá bề bồng. Lan cố gắng trang điểm cho ngày trở về của Lâm còn mang một ý nghĩa hồi sinh. Để cho Lâm được tìm lại một quãng đời dĩ vãng, dù chỉ những mảnh vụn còn sót lại trong ký ức nhạt mờ.

Lan đã mừng rỡ được những hoài vọng của Lâm khi nàng nhận được thư Lâm cho biết chàng sẽ trở về. Lan đã hết sức cố gắng để cất lên tiếng chào.

-Anh Lâm mới về? Sao dì và ba của anh có khỏe không? Đi đường có mệt lắng không?

-Ừ, thì từ từ từng câu hỏi, chứ dồn dập như rứa thì mần rãng trả lời cho kịp?

-Tại mần rãng bây chừ gia đình anh mới về?

-Vì gia đình anh phải thanh toán hết tất cả những gì đã tạo dựng nên, đem đi bán hết mới trở về được.

-Vào trong ấy anh Lâm có được những gì mới mẻ không?

- Chẳng được gì hết, vì vào đó nơi chốn đất lạ quê người...

-Và bây giờ anh lại trở về với làng quê nầy với hai bàn tay trắng?

-Đúng thế, vì anh nghĩ không nơi nào có thể cho mình nguồn mền yêu, như nơi vùng quê mà mình đã lớn lên với biết bao nhiêu điều...

-“Vậy mà em cứ tưởng anh đã quên đi tất cả! Vì vào trong ấy gặp nhiều điều mới lạ, và cũng đã gặp...”

-“Chuyện đời thường là vậy, sao với anh thì lại cứ long đong?”

-“Nhưng tại sao em là người đầu tiên được anh đến thăm?”

-“Vì em đã nói câu chờ...”

-“Răng chừ rứa?”

-“Từ ngày anh bước chân đi... *đôi ta cùng đứng bên hàng tường vi. Em nói rằng em sẽ đợi tôi...*”

-“Ồ... nói hay chưa! Đó chỉ là câu hát”.

-“Nhưng sao có câu hát trùng hợp với tình cảm của chúng ta như vậy, không lẽ em đã chưa bao giờ nghĩ đến nội dung của câu hát chăng? Em biết không câu hát ấy đã một lần thoát đi từ một người, và đã đậu lại trong lòng anh lâu. Đến nỗi anh cứ tưởng như đây là một lời thề nguyện, như một bằng chứng hy vọng, để ước mơ, để đợi chờ...”

Nghe Lâm nói một thôi, như một chuỗi trách móc vu vơ. Như muốn níu kéo những lý do để biện minh cho thời gian chia xa. Vì ngày xưa, Lan cũng đã chờ đợi câu nói ấy, nhưng chưa bao giờ được nghe Lâm nói đến.

-Xin lỗi anh, hồi ấy em không định hát câu ca mong chờ, vì anh đã không ngờ ý... “À mà răng bữa ni nghe anh ăn nói lưu loát như rứa, mà ngày xưa thì luôn cầm cái miệng hén lại, như không muốn chia sẻ với ai một điều chi cả.”

-Lâm nghe Lan nhận xét cái “anh chàng Lâm” của ngày xưa, thì đâm ra thẹn thùng và nghĩ rằng câu hỏi ấy như ngấm trách móc những ngày rất xa, đến bây giờ mới hiểu ra, đến bây giờ mới nghe đến. Khi Lâm biết tình cảm mà Lan đã dành cho Lâm chỉ đơn sơ nhưng là một trời thăm thăm dấu kín trong lòng, nên Lâm phân trần:

-Thì ngày xưa anh đâu có ngờ rằng, sẽ có ngày chúng ta phải đối ngộ, nên khi nghe em đã nói thì anh không còn thắc mắc gì nữa, chỉ biết ghi lòng...

-Xin lỗi anh, vì lúc đó em không biết nói gì, đành phải nhâm nhi câu hát, mà lòng em không dám ước hẹn. Vì hình như anh không một mảy may muốn chạm đến cõi lòng em đang chơi vui, đang chờ đợi một người mà em hằng ôm ấp trong lòng. Để em được bám víu, được che chở và hy vọng được sống trong khung cảnh yêu thương.

-Anh cũng xin lỗi em vì thườ ấy thấy cuộc đời đang còn đong đưa như giọt nắng, chưa biết tương lai sẽ như thế nào. Vả lại chuyện đời anh cũng chưa biết gì nhiều, nên đâu dám đón ngộ đưa đường, hay buông lời hẹn ước...

- Lan cúi xuống như dấu một nỗi niềm. Ngày ấy tuy đã xa rồi, nhưng trong lòng vẫn còn ghi nhớ những điều...

*

Câu chuyện giữa hai người chợt dừng lại khi thấy đứa bé gái từ ngoài ngõ chạy vào gọi mẹ. Lâm hết dỗi ngạc nhiên, như tất cả những ý tưởng đang khựng lại, những nỗi ước mơ thầm kín bấy lâu nay đang tan vỡ thành từng mảnh vụn. Như áng mây mù đang phủ xuống giăng kín niềm hy vọng mà Lâm đã ôm ấp, đang nâng niu, trong khi Lan vẫn điềm nhiên nói với con bé rằng:- Con hãy đến chào cậu Lâm đi con, và nàng giới thiệu đây là con của em, rồi bắt đầu tiếp tục kể chuyện:

-Ngày anh đi rồi, thì non tháng sau mẹ em ngã bệnh, trong nhà chỉ một mình em đơn chiếc, thật bối rối không biết phải tính sao, thì anh Hậu xuất hiện. Chắc anh còn nhớ anh Hậu? Anh ấy ở làng trên, cùng học chung với chúng ta một thời. Anh ấy đến thăm và có ý muốn giúp đỡ đưa mẹ em đi bệnh viện. Trong tình cảnh như vậy nên em đành phải nhờ vả anh ấy, cầu mong mẹ qua cơn nguy biến. May nhờ anh Hậu mà mẹ em được bình phục sau một thời gian ngắn.

Đâu ngờ mấy tháng sau, anh ấy đưa mẹ đến thăm gia đình em với ý định cầu hôn (“có lẽ anh ta đã âm mưu từ lâu rồi mà em không biết đến”). Em chưa chuẩn bị tinh thần và không biết phải quyết định như thế nào, vì em nghĩ tình cảm không bao giờ lẫn lộn với những chuyện ân nghĩa mà người đời giăng ra như một thứ cam bẫy.

Nhưng nhìn đôi mắt cầu khẩn của mẹ, nhớ lại sự nhiệt tình của anh Hậu đã giúp mẹ qua khỏi cơn trọng bệnh, mà em thấy nao lòng... Cuối cùng đành chấp nhận một cuộc tình mà em chưa có cơ hội để dọn đường cho lòng mình gặp gỡ. Em vẫn chưa cảm thấy một chút xao xuyến nào, mỗi lần anh ấy đến nhà thăm em. Hình như em chưa có dịp để ghi dấu hình bóng và tình cảm của anh Hậu vào trong tim mình, nên em chưa có một cảm nhận thương yêu, của một người con gái trước ngưỡng cửa hôn nhân. Không biết Hậu có cảm thấy không, nhưng thâm tâm em vẫn cứ mãi cần rứt một điều là cho đến ngày bước chân về nhà chồng rồi mà lòng em vẫn dửng dưng. Không có một cảm giác trao truyền, chia

sẻ niềm hạnh phúc đến với anh ấy. Hay nói một cách khác là em chấp nhận cuộc hôn nhân này là để đền đáp công ơn của anh Hậu đã giúp đỡ gia đình em bước qua cơn hoạn nạn. Chứ em chưa chuẩn bị một tình cảm, một chút gì có thể khả dĩ làm hành trang cho người con gái trước khi về nhà chồng.

Chúng em làm đám cưới đơn sơ vì thời buổi chiến tranh, người người ly tán, gia đình khốn khó. Nhưng cũng chỉ được một năm, thì anh Hậu phải lên đường thi hành nghĩa vụ quân sự. Và cũng không may cho chồng em vấn số. Không đầy một năm sau nữa thì được tin anh ấy hy sinh trên chiến địa Hạ Lào. Hoàn cảnh gia đình em thì mẹ em trở bệnh, đau rề rề hoài và năm sau bà cũng qua đời. Và từ đó em sống với con bé như nguồn an ủi duy nhất của em.

Bây giờ em mới cảm thấy ân hận, là sao em không giao trọn vẹn trái tim của em cho anh Hậu cất giữ, để bây giờ anh ấy ra đi còn có hành trang để đắp ấm, còn có kỷ niệm để nâng niu. Nghĩ lại thật tội nghiệp cho chồng em, một người con trai chân thành, nhiệt tình, và đã dành cho em trọn vẹn với tất cả tình yêu thương mà anh ấy có.

Lâm ngồi nghe Lan kể lại chuỗi đời của mình mà ngỡ tưởng như đang sống trong cõi mộng nào. Nghe lòng đang nhói lên một nỗi niềm đắng cay như không còn hoàn cảnh nào có thể hơn thế nữa. Lâm cảm thấy tội nghiệp cho Lan vô cùng, nỗi cùng khổ mà Lan đã chịu đựng gần mười năm nay, không có ai san sẻ, không có ai ủi an, không có ai đền bù chỉ một mình thu vào ngõ hẹp, nuốt trọn vào lòng những đắng cay cùng cực, những tiếc thương mất mát, một nỗi đời tàn phai khiến cho tâm hồn nàng trở thành chai đá.

Trong phút giây như thắp thoáng hư thực lẫn lộn, buồn tủi dâng cao lên tột đỉnh mây trời. Lâm cảm thấy thương Lan vô cùng, thứ tình yêu như gừng cay, muối mặn đã chín chắt, đã sàng lọc ra ngoài những bóng dáng của thị phi, những so đo hơn thiệt. Tình cảm mà Lâm dành cho Lan đã vượt lên trên tất cả những tính toán của đời thường, được gom lại từ những kỷ niệm ngày xưa, nó vọng lại những lời thầm chưa nói, nó chắt chứa những nỗi nhớ chia xa, nó hân hoan với phút giây đoàn

tụ..., những thứ ấy hợp lại đã ươm mầm cho cành hoa yêu thương chớm nở.

Lâm muốn nói với Lan lời an ủi, mong san sẽ bớt những buồn đau mà nàng đã gánh chịu. Nhưng không biết mở lời như thế nào. Nên lặng lẽ để cho thời khắc dâng lên một nguồn thương cảm ngập lòng. Nghe đòi đoạn cho tình đời mà thầm trách con tạo khéo đa đoan. Và tôn trọng giây phút đang trộn lẫn giữa thương đau và hạnh phúc đang hiện diện cùng một lúc với hai tâm hồn đã từng chung nhau khôn khó, đang hồi sinh trở lại trên mảnh đất quê hương của một thời chứa chan kỷ niệm.

Chợt Lâm cầm tay Lan như mong muốn truyền qua một cảm giác chia sẻ, san sốt những nỗi buồn của phận người, những hệ lụy đa mang, những khổ đau chồng chất lên đến ngợp người mà một mình Lan gánh chịu.

Lan để yên bàn tay trong tay Lâm như thầm cảm ơn và cúi xuống để cho hai dòng lệ tự do tuôn trào. Lan nghe lòng mình như ảm lại, tươi mát như cây cỏ sau cơn mưa đã gội sạch.

Nàng chợt nhớ đến một cuốn sách mà mình đã đọc lúc trước, một nhà văn nào đó đã viết: *“Những lúc nào mà bạn cảm thấy như đang rơi vào tình trạng khốn khổ nhất, đau thương nhất thì bạn hãy khóc lên, vì khi khóc nước mắt sẽ rửa sạch hết tất cả những bụi bặm đang bám trong hồn bạn, khiến cho bạn dịu bớt cơn đau”*.

Lan được an ủi bởi những giọt nước nhiệm màu kia đang rơi xuống, đang xoa dịu dần những vết thương đau, những nỗi buồn thân phận hẩm hiu của đời nàng. Khiến cho cõi lòng dâng lên một nguồn cảm vui sướng, tưởng như đang chìm đắm trong biển hạnh phúc vô biên.

Ngoài kia cánh đồng trải dài, gió xuân đang nhẹ lướt trên tóc lúa xanh non, dưới làn mưa xuân phơi phới mà tưởng chừng như mái tóc con gái đang trải xuống nguồn mến yêu khiến cho mỗi cảm hoài cũng lắng xuống, nhẹ nhàng như được trút hết bao phiền muộn, vui đi những lo lắng của tháng ngày chia xa.

Chàng như thầm với mình là nên cảm ơn đời, dù sao thì hình như tất cả vẫn còn. Lan vẫn còn mặn mà duyên dáng, đầm thắm dịu dàng như ngày nào.

Lâm mơ hồ như đang hình dung lại những ngày nào, thấy bóng dáng của Lan từ rất xa đang hiện đến, với đầy đủ nét duyên dáng mà ngày xưa mẹ mình đã nhận xét: “khuôn mặt bánh đúc, nước da bánh mật...” người con gái có cái duyên thầm ấy, đã một thời chiếm trọn cảm tình của mẹ, và bây giờ đã giúp cho chàng tìm lại nguồn cảm yêu thương, nên thấy đời không còn cô độc như tháng năm mong chờ... ▪

Trần Đan Hà
Reutlingen. Germany



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN



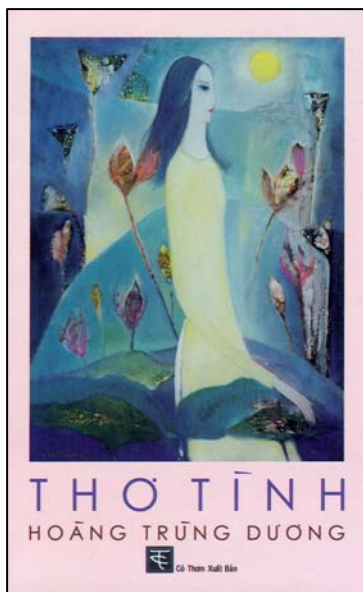
ĐỀ TƯỜNG NHỚ THI SĨ HOÀNG TRÙNG DƯƠNG

*Chiều Thu Rơi Hạt Mưa Sa Cuối Mùa **

THI SĨ HOÀNG TRÙNG DƯƠNG VÀ
NHỮNG MÙA THU TRÔI QUA CỦA
KIẾP SỐNG LỬU VONG.

Phong Thu

Mùa thu năm 1999, tôi đến tham dự một buổi ra mắt sách tại trường Đại Học George Mason. Khi ra về, Hoạ sĩ Vũ Hối dẫn đến một người bạn áo quần còn dính dầy sơn trắng, khuôn mặt đầy đặn có nụ cười trẻ thơ giới thiệu với tôi “Phong Thu, chú giới thiệu với cháu đây là nhà thơ Hoàng Trùng Dương”. Tôi gật đầu chào anh và đùa một câu “Áo quần dính sơn mà còn mê văn nghệ.” Mặt nhà thơ Hoàng Trùng Dương đỏ ửng, anh cười cười đáp “Tôi đang đi làm nên quần áo dính sơn lung tung. Tôi có nghe anh Vũ Hối nói về chị và tôi cũng có đọc một bài chị viết rất cảm động”. Tôi hỏi anh “Bài gì vậy anh Hoàng Trùng Dương”. Anh đáp “Những Người Ra Đi”. Tôi nói nhỏ “Tôi viết về những người chết. Có người chết rồi vẫn làm cho người sống thương nhớ mãi mãi. Nhưng có người còn sống mà người ta không thích đến gần”. Từ đó,



tôi có thêm một người bạn văn nghệ sĩ và anh là người gây cho tôi ấn tượng khó quên.

Có lẽ tôi có duyên nợ với người Quảng Nam nên suốt hơn 10 năm qua tôi cứ quanh quẩn bên các chú, các anh. Mỗi lần có văn nghệ sĩ nào ra mắt sách, tôi đều “hú” hoạ sĩ Vũ Hối, nhà thơ Hoàng Trùng Dương, nhà thơ Phan Khâm, nhà thơ Đăng Nguyên...Bốn ông nhà thơ tuổi đời hơn tôi rất nhiều nhưng do bản tính các ông hiền hậu, dễ mến,

không khoe khoang, hợm hĩnh, tự cao xem mình là những nhà đại văn hào. Các ông lại thích chơi với một con nhỏ ngộ ngáo như tôi nên tôi cứ hành hạ các ông đủ thứ. Chính vì hành hạ được các ông nên tôi thương mến các ông như những người bạn cố tri. Lâu lâu không gặp, không gửi thư, không gọi điện thoại là thấy thiếu một cái gì đó...

Năm nay, mùa thu lại về, mưa thu buồn giăng mắc cả bầu trời xám như chì. Gió mang theo hơi lạnh và cuốn theo những chiếc lá vàng rơi. Đất trời vẫn luân vũ nhưng bạn tôi giờ ở đâu? Anh đã đi về một nơi nào đó xa

xôi lắm mà chúng tôi không thể nào đến viếng thăm. Anh còn để lại đây một nụ cười trẻ thơ, một tấm lòng đôn hậu và những dòng thơ buồn của “Kiếp Lưu Vong”. Tôi còn nợ anh một bài viết về thơ anh. Nợ anh một buổi dự đám cưới con anh nhưng không thể đến vì nhớ ngày không chính

xác. Tôi nợ anh ngày đưa anh về cõi vĩnh hằng, tôi không kịp thấp cho anh một nén hương trước linh cữu người đã khuất. Tôi tệ bạc quá phải không anh Hoàng Trùng Dương. Tôi làm gì cũng trễ, hẹn gì cũng sai... vậy mà tôi lại hay oán trách người khác.

Có phải mùa thu để làm lòng tôi xao động, hay thu thường gợi cho tôi nhiều suy tư về một kiếp người phù du. Tôi tìm thấy tâm tình của anh trong bài thơ “Thu Buồn”. Mùa thu trong thơ anh là mùa chia tay, đau buồn tiễn biệt của kẻ ở, người đi, có những giọt nước mắt của Ngưu Lang-Chức Nữ, có tiếng mưa rơi gõ nhịp ngoài hiên và tiếng hát ai nào nùng vang vọng mênh mông:

...Anh đi lệ vẫn còn vương
Quanh viền mi mắt đau thương vào sâu
Ngoài trời chợt đổ mưa ngâu
Ngưu Lang-Chức Nữ gần nhau còn buồn
Giờ đây nước đã xa nguồn
Dư âm tiếng hát mường lòng nào nùng...
(Thu Buồn)

Những chiếc lá đã theo gió bay đi. Mùa thu đã tô điểm cho lá thu biến thành những đoá hoa nhiều màu sắc gợi cảm. Hoàng Trùng Dương đã xúc động diễn tả một buổi chiều thu thật đẹp, thật thơ mộng. Nhà thơ cảm thấy nỗi trống vắng cô đơn giữa một mùa thu lá rụng tới bờ:

Thu Về trên Virginia.
Vàng, nâu, tím, đỏ...Như Hoa trên cành
Chiều buông sợi nắng mong manh
Thiên nhiên tô vẽ bức tranh tuyệt vời
Gió đưa từng chiếc lá rơi
Không trung mây trắng nhẹ trôi lững lờ
Mờ xa cánh nhạn bơ vơ
Ta đơn côi giữa hoang sơ chiều tàn.
(Chiều Thu Trên Virginia).

Niềm cô đơn trong thơ anh như tiếng khóc của một cánh chim bạc xứ. Chim bay về đâu mà cánh đã mỏi rã rời vẫn chưa trở lại quê xưa, vẫn

chưa được một lần hôn lên tóc mẹ, vẫn chưa một lần được nhìn lại “mái tranh buồn, khoai sắn nấu cùng ngô...”(Quê Nghèo trang 86) để rồi “...những cây lúa lớn lên thờ ơ không trở hạt...”(Quê Nghèo trang 86). Lúa không thể ra hoa hay chính thế hệ trẻ Việt Nam đã không còn nhìn thấy tương lai trên đất nước Việt lắm khổ đau, chia cắt, hận thù. Đọc thơ Hoàng Trùng Dương, chúng ta ta rất dễ bắt gặp những dòng chữ thương mến tặng bạn bè thân ái sống quanh anh. Hình như anh làm thơ để tâm sự, gởi gắm, chia sẻ niềm đau mất nước, chia sẻ nỗi lo toan áo cơm của kiếp sống lưu đày. Hơn thế nữa, anh làm thơ để chia sẻ trái tim và một tấm lòng:

...Giữa trời đốc đã buông tay
Vùng tương lai đó lưu đày nẻo xa
Điêu buồn trên phiếm tay ngà
Chiều thu rơi hạt mưa sa cuối mùa...
(Thu Tàn)

Con người đa sầu, đa cảm như Hoàng Trùng Dương có một niềm tâm sự sâu kín. Nhìn anh ít nói hay cười, nhưng nếu không đọc hết thơ anh, tôi không thể nào hiểu hết những gì đang giấu phía sau nụ cười của anh. Bài thơ “Thu Buồn” gồm 16 câu viết theo thể 5 chữ, tôi không thể xác định được Hoàng Trùng Dương sáng tác năm nào. Nhưng đọc và suy gẫm, tôi có thể khẳng định anh sáng tác bài thơ này khi còn ở Việt Nam. Bài thơ mang dư âm của một người tuyệt vọng, đau khổ, đơn độc và bất lực trước cuộc sống không có ngày mai. Tác giả đã diễn đạt mùa thu buồn bằng những cụm từ “hoàng hôn tím, buốt giá, giông bão, hiu quạnh” để diễn đạt lên khung cảnh ảm đạm, thê lương của một buổi chiều thu.

Mây mùa thu giăng mắc
Hoàng hôn tím hoang sơ
Phố nhỏ buồn cúi mặt
Gác vắng lạnh mong chờ

Khói thuốc quyện hồn coi
Mười ngón tay buốt giá
Cà phê lạnh bờ môi
Linh hồn nghe băng rã
Còn gì cho tương lai?
Quá trình nhiều thống khổ
Đêm tối vẫn miệt mài
Hành trình trong giông bão
Phố nhỏ đèn hiu quạnh
Mưa lất phất đan nhau
Trời sang thu lạnh lạnh
Ngày mai ta về đâu
(Thu Buồn)

Câu thơ cuối cùng tự hỏi mình nhưng tác giả cũng không thể trả lời và không biết thân phận bọt bèo của mình sẽ về đâu? Tôi không biết anh đã có bao nhiêu cuộc tình và yêu bao nhiêu người con gái? Tôi cũng không biết rõ lúc còn là một thanh niên tuấn tú, anh đã có người yêu nào khác ngoài phu nhân của anh bây giờ không? Nhưng man mác trong những bài thơ anh viết tôi biết anh có những cuộc tình dang dở khiến lòng anh vẫn ôm ấp, thương nhớ. Bài thơ “Thu Nhớ” anh đã viết “Tặng một người ở Việt Nam” (trang 90). Anh tặng cho ai? Có thể đó là một người bạn, một người em gái, một cô hàng xóm...Nhưng chắc chắn rằng anh yêu mến con người này lắm nên lời thơ tha thiết nhớ mong. Nhà thơ cũng hỏi rằng biết người còn nhớ ta chăng hỏi người? Hỏi nhưng không đợi người ta trả lời mà tự anh ví mình như một con thuyền không bến đỗ, là một kẻ không nhà với đôi bàn tay trắng, nghèo xác xơ nên đành ôm mối tình si ra đi sống kiếp lưu đày nẻo xa:

Thu Nhớ

Tặng một người ở Việt Nam

Mưa bay ngoài song cửa
Lác đác lá vàng rơi
Ta tìm trong ánh lửa
Sưởi ấm chút hương đời

Mùa thu nhè nhẹ đến
Em còn nhớ người xa?
Ta con thuyền không bến
Lênh đênh kẻ không nhà
Thiên đường đành đánh mất
Ta còn lại những gì?
Ngoài hai bàn tay trắng
Ôm một mối tình si!
Thu về khơi nỗi nhớ
Thương chiếc lá vàng bay
Như đời ta hiu quạnh
Nỗi trôi kiếp lưu đày.

Nỗi lòng thương nhớ của nhà thơ còn trải rộng ra thành mối tình thương nhớ quê hương. Câu thơ “thiên đường đành đánh mất. Ta còn lại những gì?” như một lời than thở, oán trách bản thân bất lực nên đã đánh mất quê hương yêu dấu. Mất quê hương là mất tất cả. Còn lại gì ngoài tấm thân tàn tạ, nhục hình trong các trại tù cải tạo. Cuối cùng là phải rời bỏ quê hương sống kiếp lưu đày. Nỗi buồn nào lớn hơn khi nhìn lá bay mỗi buổi chiều thu để hiểu cuộc đời mình bé nhỏ như chiếc lá mà mộng hải hồ đã khép kín từ lâu. Có còn đâu lối về đất mẹ để mỗi độ thu về thường gợi cho nhà thơ một nỗi buồn mang mác, nhưng nhớ mong lung một mùa thu trên đất mẹ hiền:

...Nhớ những mùa thu trên đất Việt

Cúc vàng rực rỡ dưới nắng mai
Mây hồng trải lụa trên trời biếc
Có ánh trăng thu chiếu đêm dài...
...Khung trời lạ mây trời khiêu vũ
Lòng buồn chợt nhớ những thu qua
Làm sao tìm lại dư hương cũ
Thu vọng ngàn đời chẳng phai pha.

(Thu Vọng)

Bài thơ “Sáng Thu Trên Hồ Fairlake” là bài thơ cảm tác về mùa thu cuối cùng trong tập thơ của Hoàng Trọng Dương. bằng những từ ngữ đơn

giản, mộc mạc, anh đã vẽ lên một bức tranh thủy mặc về cảnh mùa thu bên hồ nước Fairlake:

Nắng vàng hong chiếc lá vàng,
Lá khô rơi rụng giữa hàng cây phong.
Trời thanh soi nước trong xanh,
Thiên nga bơi lội thong dong trên hồ.
Chim muông bay lượn lao xao
Thu vàng về dưới nắng đào bình minh.

Trời xanh mà nước cũng xanh, nắng vàng mà lá cũng vàng. Phong cách dùng chữ đối chữ, câu đối câu để nhấn mạnh màu sắc, vật này đặt bên cạnh vật kia như so sánh, đối chiếu, tô điểm cho vật kia thêm sinh động, tươi sáng. Câu thơ đầu nghệ thuật nhân cách hoá thật đáng yêu. Tác giả ví von “nắng như một người tình đã biết nâng niu hong cho lá thêm vàng.

Hoàng Trùng Dương yêu mến mùa thu nên trong tập thơ “Kiếp Lưu Vong” chỉ có 133 trang, bao gồm 104 bài thơ với nhiều thể loại khác nhau nhưng có 9 bài thơ viết về mùa thu. Trong tập thơ, có bài thơ “Đất Đẹp Miền Nam” đã được nhạc sĩ Trịnh Hưng phổ nhạc. Bài hát này cũng rất dễ thương đã gọi lại hình ảnh xinh đẹp, trù phú hiền hoà của Miền Nam Việt Nam mến yêu.

Tôi còn nhớ ngày tôi chuẩn bị tổ chức buổi ra mắt sách cho nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên và nhà thơ Đỗ Bình, người tôi gọi đầu tiên là “tứ đại danh bộ”: Vũ Hối, Đặng Nguyên, Phan Khâm, Hoàng Trùng Dương. Lúc đó, Hoàng Trùng Dương nói với tôi anh đang bị bệnh. Anh hứa hẹn với tôi đủ thứ y hết như lúc còn khỏe mạnh rằng anh sẽ cố gắng hỗ trợ, giúp gửi thư, mời bạn bè, vô hội trường sắp xếp bàn ghế...v...v..dù anh rất bận rộn. Anh cũng như tôi lo áo cơm, công việc gia đình. Tôi nghe phấn khởi quá! Tôi còn hỏi anh in tập thơ mới để tôi phụ anh ra mắt sách. Anh vui vẻ nói với tôi nhạc sĩ Trịnh Hưng sẽ qua và lần này tôi có thể gặp được nhạc sĩ Trịnh Hưng

chờ không phải anh hứa lèo như lần trước...VẬY mà ngày tổ chức ra mắt sách rầm rộ lại vắng mặt anh. Tôi và mọi người lo và buồn. Mấy hôm sau, anh đã thực sự ra đi bỏ lại bạn bè, bằng hữu, gia đình trong niềm thương tiếc. Một tuần sau, nhà thơ Đỗ Bình gửi email cho tôi báo tin nhạc sĩ Trịnh Hưng cũng đã mệnh chung. Tôi bàng hoàng khi mất hai người bạn văn nghệ cùng một lúc. Vậy là hai người nghệ sĩ yêu mến tài nhau đã hẹn ngày tái ngộ bên kia thế giới.

Anh Hoàng Trùng Dương ơi! mùa thu năm nay lại về, trời giá lạnh hơn mọi năm. Mưa ào vỗ trên lá và trời u ám. Nắng ít lên để hong cho lá thêm vàng. Có phải ở cõi trời xa xăm nào đó anh đang nô đùa cùng lá chết? Có lẽ, anh đang viết những bài thơ không lời gửi cho đất trời chăng? Trên dương thế tôi vẫn còn đọc lại thơ anh. Tiếng thơ như tiếng lòng của một thi nhân yêu quê hương đất nước, yêu cuộc sống, nhân sinh và yêu thiên nhiên vô tận. Tâm tư và nỗi lòng anh buồn như chiếc lá thu rơi.

Phong Thu ví von anh như một giọt mưa sa cuối trời thu để nâng niu, nuôi dưỡng những mầm xanh của hoa lá đất trời. Xin anh hãy ngủ yên và nhận nơi đây một vòng nguyệt quế, một nén hương lòng thay cho buổi tiễn đưa anh về cuối trời thương nhớ:

Quen nhau từ độ thu vàng ấy
Nhặt lá bên thềm đan tóc mây
Người đi cách trở muôn trùng nhớ
Nắng đã vàng phai lá đã tàn

Phong Thu
Mùa Thu Maryland, tháng 11 năm 2008

Chú thích: “Chiều Thu Rơi Hạt Mưa Sa Cuối Trời” là một câu thơ trong bài thơ Thu Tàn của Hoàng Trùng Dương.

Một Tai Nạn Nghề Nghiệp

Nguyễn-Phú-Long

Trước đây để phê bình Tân-Đà, Phạm-Quỳnh đã viết trên báo Nam-Phong: "người ta, phi người cuồng, không ai trần truồng mà đi ngoài phố. Nhà làm sách cũng vậy, không ai đem cái thân thể mình mà làm truyện cho người đời xem."

Số là trong tác phẩm Giác Mộng Con, xuất bản năm 1916, Tân-Đà đã kể lại cuộc đi chơi "Tiêu Diêu Du" tưởng tượng bằng thơ với nhân vật là chính tác giả, khiến cho phần lớn độc giả cảm thấy rất tuyệt vời kỳ thú, nhưng riêng đối với Phạm-Quỳnh thì có lẽ ông không cùng quan niệm giống bao người khác nên đã mỉa mai như trên.

Thực ra đối với "Nhà làm sách" xưa nay, muốn để mọi người khác không biết "Cái thân thể mình" mà vẫn thích giữ nguyên nội dung và những tình tiết "Cái thân thể mình" thì cũng dễ thôi.

Nhưng bây giờ dù xấu hoặc tốt, rất nhiều người không cần và không muốn né tránh, dè dặt để khỏi bị chê trách như lời nhận xét của Phạm-Quỳnh. Còn vấn đề trần truồng, ta thấy thời nay cả hơn nghìn người hò hẹn tụ tập nhau ngoài phố để cùng khỏa thân đứng chụp hình chỗ nọ, chỗ kia thiếu gì! Họ đâu có cuồng.

Lại nữa, về vấn đề này, thiết tưởng cũng nên lưu ý thêm một điểm, khi xem hay đọc một tác phẩm, đối với loại độc giả bình thường, thực hay giả, hư cấu hay không thì có gì quan trọng.

Vậy thì tôi cũng xin trình bày "Một Tai Nạn Nghề Nghiệp" để "làm truyện cho người đời xem" và trong khi thực hiện tôi rất thoải mái không thấy ngại ngùng gì về việc nếu phải bộc lộ cái "thân thể" của tôi liên hệ trong truyện, mà quả thực chỉ thoáng chút bàng khuâng, là, không biết rồi đây, sau khi kể cái tai nạn nghề

nghề này, nó có để ra thêm một tai nạn nghề nghiệp nào khác hay chăng!

Trước hết tôi xin xác nhận: Tôi không phải là thi sĩ dù có làm thơ và dù sắp sửa nói về chuyện mấy câu thơ của tôi cùng mấy câu thơ của một người bạn.

Xung quanh chúng ta bây giờ, theo tôi, thi sĩ thực sự kể ra vẫn hiếm hoi. "Từ Chu Hán vốn sĩ này là quý.". Song người làm thơ thì rất nhiều. Như thế, công thức "Điều kiện cần và đủ để thành một thi sĩ là phải biết làm thơ." Nghe có vẻ nặng tinh thần toán học nhưng không đúng.

Thế làm sao để biết một người lúc nào cũng lơ mơ, mài miệt ghép chữ, tác giả của rất nhiều áng văn vần...là thi sĩ hay không phải thi sĩ? Đó lại là chuyện khác, rất phức tạp, chắc chắn không thể mổ xẻ, chứng minh, phán quyết theo lẽ lối khoa học tuyệt đối. Nên tôi đâu có dại gì mà nhào vô bàn luận vấn đề này! "Văn chương không phải là đơn thuốc, Chớ có khuyên xằng chết bỏ bu." Chỉ biết câu "Văn mình vợ người." có thể cũng là một trong số các nguyên nhân khiến cho những kẻ, dù chưa được đời chấp nhận là thi sĩ vẫn tiếp tục làm thơ, vẫn tiếp tục "đường ta ta cứ đi."

"Đường ta ta cứ đi" cũng mang ý hướng thời gian, nhẩn nại, học tập, tiến bộ, nghiên cứu, nhận xét..."Đường ta ta cứ đi" vì đi chưa đến, có thể sẽ đến, có thể sẽ không đến, và hiện thời dù đến hay không, rất nhiều người chẳng muốn bỏ cuộc dẫu cho con đường có khắp khênh gập ghềnh.

Hãn hữu lắm mới có trường hợp thiên phú, bầy bước thành thơ. Và có lẽ không ai đột nhiên sáng ngủ dậy thấy mình tự nhiên lột xác, trở thành thi sĩ mới toanh! Lại nữa, được ăn cả ngã về không, chắc chắn chẳng kẻ nào chấp nhận danh xưng...phó thi sĩ (thợ thơ) giống như bên hệ thống khoa cử của nước Việt-Nam Xã hội chủ nghĩa hiện thời có chức vị tiến sĩ và những vị chẳng leo nổi tới ghế tiến

sĩ thì được cấp bằng phó tiến sĩ. (Nghe đâu người ta nói, dắt con bò qua Liên Xô khi về nó cũng trở thành phó tiến sĩ. Lại nghe đâu các vị phó tiến sĩ cũng chẳng lấy thể làm hoan hỷ, bất mãn tùm lum nên nhà nước lại phải điều chỉnh, gọi các vị ấy là tiến sĩ, còn các vị tiến sĩ thì lại được kêu là Tiến sĩ khoa học.)

Bởi lẽ đó, lại thêm lúc nào cũng đình ninh trong bụng lời phán của ông tú Vị-Xuyên “Nhập thế cuộc bất khả vô văn tự.” nên dù chưa phải thi sĩ tôi vẫn tiếp tục “trần trở” làm thơ lai rai và điều quan trọng là, riêng cá nhân tôi, không bao giờ quên ưu tiên cho công việc, công việc nhẹ nhàng hay cực nhọc, hấp dẫn hoặc không thích cũng phải luôn luôn được ưu tiên:

Em ngồi nghe nhạc trời mưa,
Anh đang tư lự tìm chưa được vần,
Câu thơ nghĩ cũng chẳng cần,
Hay là tắt nhạc cho gần gũi nhau.
Thơ NPL. Trong tập BBNT.

Bất cứ việc gì thì cũng có vui có buồn. Làm thơ đối với tôi cũng vậy. Khi thấy thơ của mình trên nguyệt san đâu đó thì mở ra coi hoài, đặc chí, đọc tới đọc lui rất tiếc chẳng thể “Viết vào giấy dán ngay lên cột.” như tiền bối được. Song ngược lại khi kiểm tìm mỗi mắt “đưa con tinh thần” không thấy trên giấy trắng mực đen (Quái, rõ ràng đã gửi tới tòa báo lâu rồi mà!) thì đành âm thầm làm lại từ đầu hoặc đợi chờ kiên nhẫn ở kỳ sau, đây là sự thể thông thường của người đi chưa đến mà nhiều kẻ bi-đát hóa có thể gọi là nổi vinh nhục. Đây, đại khái một phần hoạt động của người làm thơ là như vậy, không có gì to tát, không có gì nặng nhọc, bởi vì, thơ phú, theo một số người nó đâu có chi quan trọng, đến ngay truyện Thúy-Kiều của Nguyễn-Du, từng được dịch ra tiếng nước ngoài như bản Pháp ngữ của nhà xuất bản Gallimard Paris chẳng hạn, bản dịch này đã cũ, nhưng mới đây, năm 1983, cố học giả Huỳnh-Sanh-Thông, một lần nữa cũng dịch ra tiếng Anh, nhan đề The Tale Of Kiều...là một trong số mấy tác phẩm tiêu biểu được chọn lựa,

giới thiệu để nhiều người ngoại quốc biết đến văn học Việt-Nam mà nay còn có kẻ đặt vấn đề định lại giá trị...thì mọi sự nghĩ cũng thường.

Nơi trường văn trận bút câu nói của một thi sĩ Pháp, Alfred de Vigny, thú thực cũng giúp cho kẻ làm thơ nói riêng, suy nghĩ, thấy an ủi và rút tỉa nhiều kinh nghiệm quý báu, đó là: “Thói thường trong văn học người ta thích làm cho kẻ đã chết sống lại và làm cho kẻ đang sống chết đi.”

Nguyễn-Bá-Học, một nhà nho, mô phạm, tác giả quyển sách giáo huấn “Lời Khuyên Học Trò.” Đã viết: “Văn văn chỉ là để tiêu khiển trong lúc trà dư tửu hậu. Tiểu thuyết, ký sự, luận thuyết, diễn thuyết mới là những văn chương hữu dụng còn thơ phú, ca dao có văn điệu chỉ dùng để ngâm nga, không suy ra sự thực...”

Những lời ngâm hoa vịnh cũng không đáng giá một đồng tiền kẽm.”

Dù biết thơ không đáng giá một đồng tiền kẽm, dù biết bài thơ phổ biến chẳng có nhuận bút, từ lâu tôi vẫn hỳ hục ghép vần, gửi bài đăng báo nọ báo kia trong vùng, và cũng từ lâu, như thể, sự làm ăn khấm khá, thỉnh thoảng tôi còn liên lạc với các tờ báo ở Oklahoma, ở Texas, ở Cali...báo này xen vào mấy câu lục bát, báo kia bài Đường thi vài đoạn tứ cú...thậm chí trên một tờ bán nguyệt san ở Chicago, một lần thấy có mục thiếu nhi, tôi cũng háng hái tham gia, gửi một đoạn thơ rất dẫn dụ, rất lành mạnh nhằm phục vụ quý độc giả nhi đồng, thí dụ như bài này:

Thơ đồ vui.
Cây gì chẳng hết em ơi,
Chẳng hoa chẳng lá mọi người mến yêu.
Thân cây cao chẳng bao nhiêu,
Cắt ra sào nấu được nhiều món ăn.

Ôi chao câu đố khó khăn,
Cũng xin đáp thử một lần mà chơi!

Cây còn chẳng hết anh ơi,
Thủy chung tình nghĩa với người, thương yêu.

Giữ nhà giúp ích bấy nhiêu,
Nỡ đem làm thịt thành nhiều đồ ăn.
N.P.L.

Thường thường có lẽ mọi người đều biết, trên báo chí, những câu vận văn, bức vẽ hay ngay cả những đoạn văn xuôi đồ vui ít khi thấy kèm giải đáp ngay như tôi trình bày trên đây mà phần trả lời để ở trang khác, hoặc ở một kỳ báo khác cho người tham dự có thời gian suy nghĩ. Tôi làm khác cho tiện và đỡ mất thì giờ quý báu của độc giả đang cần thư giãn nghỉ ngơi.

Bài thơ gửi đi suôn sẻ, lên báo suôn sẻ. Ông chủ báo, thi sĩ Thủy Lâm Sinh rất thủy chung, chiêu hiền đãi sĩ, sau đó “lại quả” cho tôi hai số để “anh giữ làm kỷ niệm.” Tôi mở ra đọc, thấy không có gì in sai vậy kể như xong. Mà có thấy sai thì cũng kể như xong! Nổi quạu là bậy, kêu ca khiêu nại ư? Có ai để ý lời đính chính và xin lỗi tác giả ở số báo sau, thôi im lặng cho tiện việc, đỡ mất thì giờ của mình và của nhân viên tòa soạn. Còn người đọc thì bây giờ có ai để ý đâu, có thấy chẳng, nhiều khi, cũng chẳng thèm bắt bẻ gì.

Một người bạn quen hồi cùng học làm lính tại Thủ-Đức, sau khi ngồi bóc hơn mười cuốn lịch trong trại, hiện ngụ ở vùng Trung Bắc Mỹ, đọc bài này nhớ đến tôi, bèn gọi điện thoại hỏi thăm, lời lẽ còn phảng phất tình huynh đệ chi binh:” Mày bây giờ cũng bày đặt làm thơ à!” Tôi đã nghe nhiều câu hỏi như thế, thú thực ban đầu cũng bực, tìm cách trả đũa đích đáng, nhưng thấy làm vậy có thể mất hòa khí, hơn nữa theo tôi thì, có tới chín mươi chín phần trăm người hỏi đều vô tình, hỏi mở đầu câu chuyện cho vui ấy mà, chứ thực sự không có ác ý gì đâu. Do đó bây giờ tôi thường chẳng buồn đáp lại, chỉ cười, đường ta ta cứ đi.

Tiếp theo hẳn góp vài lời bàn Mao-Tôn-Cương về bài thơ cho có lệ, rồi lan man hồi tưởng tới thời gian xa xưa, hồi năm 1966...hồi mấy tên SVSQ chưa gắn Alpha, chưa được đi phép về “Sai-Gòn đẹp lắm” để thăm gia đình, để trả thù dân tộc, để bồi dưỡng...bèn tụ tập hùn hạp “ngả cờ tây” nhậu nhẹt, ở khu gia

binh trường Thiết-Giáp vào những ngày nghỉ cho đỡ sầu đời...rồi cuối cùng hẳn ngỡ ý mời tôi sang chơi, “dụ khi” qua chơi sẽ được thết món giả cây bà xã hẳn nấu là hết xẩy, là tuyệt cú mèo, là ngon lành chẳng khác chi cờ tây ở Thủ-Đức hồi nào..

Tưởng gì chứ bà vợ hiền của tôi cũng hãnh diện nấu món giả cây không ai sánh bằng đấy. Bả nghe vậy nói nhẹ nhàng:” Ông muốn ăn thì mai tôi nấu liền, đâu cần phải đi xa!”

Lạ nhỉ! Tôi đã tỏ thái độ muốn đi xa ăn giả cây đâu! Và cái món giả cây nấu ở nhà thì tôi có nói là không muốn ăn bao giờ đâu! Hóa ra do vụ này tôi mới khám phá ra một điều, là, cái màn nấu ăn cũng sinh ra thật nhiều tự ái, phần lớn các nội tướng không ai chịu thua kém ai về phương diện bếp núc.

Ở quê hương ta, thời gian các đảng đĩnh cao trí tuệ bày đặt hô hào tiêu thổ kháng chiến, họ không muốn những tiếng “Gâu! Gâu!” làm cản trở bước chân âm thầm, nên đã bịt miệng, kết quả: loại thực phẩm này hồi ấy vô cùng... nở rộ, thế mới biết, trong khói lửa, chẳng những người lương thiện, ngay cả gia súc cũng bị vạ lây. Mà thôi, “Vật dưỡng nhân” Nói chung thì trước sau món ăn này cũng rất phổ thông. Cây còn “Cắt ra xào nấu được nhiều món ăn.” Như luộc, xào lăn,, dồi, thịt nướng, xào măng...

Tuy nhiên, sống trên đời... nơi đây có lẽ không bọm nhậu nào có gan “ngả cờ tây”, những lúc ngồi bàn thần nghĩ tới quê hương rồi lan man nhớ tới món khoai khẩu này, thì nên thi công làm nồi giả cây cầm hơi, nghĩa là tạo ra hương thơm bốc lên ngào ngạt y như thật để mà tha hồ hít thở khoan thai...thịt cây thay thế bằng thịt heo cũng đỡ lắm, và, giả cây thì chỉ làm giả món nhựa mạn thôi, những món khác của cây còn không thấy ai làm giả bao giờ.

Gọi là món nhựa mạn vì nhìn nó màu nâu, sền sệt như nhựa cây mạn, nước không ra nước, khô chẳng phải khô, bày trên bàn, trên mâm bằng bát lớn hoặc bằng đĩa cũng được. Món giả cây phải có riêng, mẻ, phải thui cái

chân giò cho vàng, canh lửa riu riu, nấu cho nhừ, nêm nếm công phu, chuyên nghiệp...ăn với bún, rau răm xắt nhỏ, đưa cay bằng rượu nếp than...ôi thôi! Xin đừng nói tiếp, nhỏ nước miếng, chịu không thấu!

Ông cha mình thiệt hay, đã ngả cờ tây, nghiên cứu tỉ mỉ nhiều thứ cần đi với nhau để thành công qua những món ăn khoái khẩu, bỏ dưỡng rất đáng khâm phục, lại cẩn thận chế biến ra những món tương tự như giả cầy để phòng hồ sai vào những trường hợp bất khả kháng làm phong phú kho tàng ẩm thực quê hương tuyệt vời, tiện lợi. Tiện lợi biết bao cho những người như chúng ta, đang trong hoàn cảnh xa xứ, khi ngựa mất nhìn mấy con nai đồng quê gặm gù, đẩy nhau...chịu không muốn nổi thì làm món giả cầy thường thức, chứ đừng ngả cờ tây lén lút ở đây nhờ lộ ra chính quyền địa phương nó gọi lên làm việc cũng mất mặt bầu cua cá cọp.

Chuyện bài thơ đó vui, rồi lan man bắt qua vấn đề ăn uống với món giả cầy độc đáo tưởng sẽ quên đi như nước chảy qua cầu, ai dè bỗng một hôm, cách ít ngày, còn nhớ đó là mùa hè, trời nóng ời là nóng! Vào buổi sáng, như thường lệ, tôi mở máy computer xem báo, chéch thư...thì bất chợt nhận được mấy câu thơ của bà bạn ở xa, như sau:

Đố thi huynh biết là cái gì:
Cây gì chẳng hết anh ơi!
Phái tôi yêu thích chẳng rời ngày đêm.
Thân cây cứng ngắc chẳng mềm,
Lại thêm mũi nhọn dùi xuyên thịt mình.
T.L.

Đọc xong tôi sững sốt, sững sờ nhưng không...sợ sệt!

Đúng ra thì mấy câu “đố vui” này cũng chẳng có gì ghê gớm, cảm trẻ em dưới mười tám tuổi, chẳng thuộc loại XXX bưng bưng khiêu khích, song, qua mấy câu thơ, như là thái độ của bà bạn đã thay đổi từ xã giao quy ước, chừng mực tới thân thiện phá rào đột ngột làm tôi không thể tưởng tượng bà bạn

khả kính bao lâu mà nay thực tế lại thay đổi thái độ, gửi cho tôi như vậy.

Vì ở xa, cho đến khi đang viết những dòng “hồi ký” này tôi vẫn chưa hân hạnh gặp mặt bà T.L. Nhưng biết bà hiện là bác-sĩ, hăm mộ thơ văn. Trước đây, còn nhớ, bà cũng đã in một tập thơ mỏng, rất dễ thương, từ năm 1996 với trang bìa màu sắc dẫn dụ, nhã nhặn, trình bày hình một thiếu nữ rất trẻ, “Em còn bé lắm các anh ơi!”, em mặc áo dài, ôm chiếc đèn nguyệt trước một bối cảnh quen thuộc, quê hương, có mái tranh lu nước, cây cau...

Do thư từ qua lại rất thường thì tôi bắt buộc phải kết luận một điều: Bà là người đứng đắn, cởi mở, thực tình. Thịnh thoảng mỗi lần liên lạc bà thường sốt sắng hỏi, có cần gì không? Khổ quá! Về sức khỏe, tôi cần nhiều chứ! Dù có medicare, rồi thì medicaid nữa. Nhưng mấy cái đó đâu có giúp được gì, và thú thực, đến ngay cả bà bạn hay ngay cả bác sĩ gia đình cũng chẳng giúp được gì. Làm thế nào kể ra bây giờ! Làm thế nào để chữa trị bây giờ! Thí dụ như cái quả tim trong lồng ngực đôi khi nó cũng gây lắm điều ray rứt, lộn xộn khiến tôi nhiều lúc cứ bần thần chẳng hiểu mần răng!

Mới lại, “Rằng quen mất nét đi rồi” vì không thích vạch áo cho người xem lưng, nên ngay như mấy bệnh lật vật, thí dụ đau răng, trừ khi quá quắt, tôi cũng thả nổi, chẳng muốn khai ra, khai ra vợ hiền lo lắng lại áp lực lằng nhằng dẫn độ tới nha sĩ làm root canal là về nhà hôm đó hết muốn ăn giả cầy, thà cứ để vậy cho cuộc đời nó có chút “thú đau thương” nhẹ nhẹ, nhằm nhò gì, ai mà sống hoài, Socrate cũng vậy, mai sau lúc sắp đi đoong, cứ bình tĩnh, như thốt voi già khi linh cảm thấy gần tới ngày cùng tháng tận, âm thầm lặng lẽ từng bước chậm chạp vào vùng thâm sơn cùng cốc mà sửa soạn gục xuống an giấc nghìn thu, cô độc, biệt tăm, chẳng ai biết, chẳng ai hay, không kèn, không trống...

Chúng tôi đối với nhau tương kính, lại cùng hoạt động thơ văn trong một thi đàn, cũng vì vậy mới quen biết và tôi lớn hơn mấy tuổi nên

bà T.L. vẫn gọi tôi là thi huynh. “Thi huynh” gọi nhớ, phảng phất thời gian Lều Chông của Ngô-Tất-Tổ trở về trước, hơi cổ, nhưng là sự chọn lựa xưng hô rất đúng, hợp với cái lãng đãng của Đường thi xứng họa. Chưa gặp nhau mà gọi anh thì hơi gần, ông thì hơi xa. Thi huynh tuy xa mà gần, tuy gần mà xa...vui, văn vẻ, vừa vắn!

Xem bốn câu đó, tôi không tin là do bà sáng tác hoàn toàn, nhiều phần nó đã có sẵn cái khung, khác đi chút đỉnh đã được truyền tụng trong nhân gian như ca dao mà tôi không biết. Tuy nhiên mặt khác, tôi bắt buộc phải tin là nó cứng nhắc, nhọn hoắt, dùi xuyên vào da thịt mà phải nữ yêu thích ngày đêm!

Lẽ dĩ nhiên theo bà, bốn câu này phải là để mô tả một vật thể khác (Mục đích chắc chắn chỉ để mô tả vật thể khác ấy thôi!) nhưng tôi vốn “khờ khạo lắm! ngây ngô lắm!” lại “nhất trí” hiểu theo nghĩa khác mới đỡ nợ chứ!

Vì muốn giữ trọn tình bạn văn thơ đừng dẫn tôi định yên lặng không trả lời. Không ngờ bài thơ vui với trẻ em của tôi phổ biến trên báo vùng Ngũ Hồ còn bà thì ngồi bắt mạch cho toa mãi bên bờ bể viễn tây, cũng đã đọc, nên mới hào hứng nhập cuộc chơi, đổ lại tôi như thế. Mà sao bà chẳng đưa lên báo để mọi người cùng thưởng thức tham dự mà nhè chỉ gửi riêng cho tôi vậy cả? Về sau, trước khi câu chuyện đó vui kết thúc, tôi hỏi, thì chính bà kể cho hay, vào dịp đó “người ta” đi thăm bạn ở Chicago, lúc tới một tiệm ăn Việt-Nam nhật tờ báo chợ tình cờ đọc thấy tên tôi, nên mừng quá, chẳng kịp suy nghĩ vội gõ cho tôi...ai dè...thiệt là xui!

Trời đất! Tôi còn xui hơn chứ bộ. Tai bay vạ gió, đầu chẳng phải phải tai! Đọc bốn câu thai đó tôi nghĩ nếu không trả lời thì chẳng những bất lịch sự mà còn cảm thấy yếu quá! Hơn nữa sự im lặng có thể bà T.L. sẽ nghĩ là bị coi thường làm cho bao nhiêu điều hăm dọa, kính nể của bà ấy dành cho mình, chủ quan tôi nghĩ vậy, sẽ không cánh mà bay để chẳng bao giờ trở lại. Tạo ra được chút uy tín rồi giữ được cái uy tín tạo ra cũng là điều rất khó. Vài

câu thai đó mà ám ớ trả lời chẳng xong thì mặt mũi “thi huynh” còn gì!

Vả lại đây không phải là chuyện tôi khơi mào trước, tôi đã kinh nghiệm, biết đâu bè bạn chẳng muốn thử tôi xem sao, xem có khả năng đa hiệu không, chứ đi với bụt biết mặc áo cà-sa nhưng đi với ma không biết mặc áo giấy thì cũng dở ẹc

Từ trước đến nay, hơn “sáu mươi năm cuộc đời” đôi khi cũng sẩy trường hợp làm tôi suy nghĩ, hóa ra tôi trông vậy mà không phải vậy. Tôi từng nghe, hơn một lần, người đối thoại đã thố lộ thẳng với tôi “Xin lỗi, với cái thùng nước lèo khá bự, mới nhìn tưởng đứng trước một xi-thầu hiền lành, nghiêm nghị, xa cách... Lúc đánh bạo rập vô “nói chuyện” mới rõ thì ra ông cũng là ...Ồ-Nàm! Đó chẳng biết có phải là câu khen hay lời chê? Một nhược điểm của tôi? Hay đó là một ưu điểm trời ban riêng cho tôi? Và có ảnh hưởng với tôi thế nào? Thôi mặc! Việt-Nam hay Chú Ba cũng tốt dzồi! Chứ mà để người ngoài nhìn tưởng con tặc-kè mới thực vừa tặc vừa kẹt! Bây giờ để tôi nhả nha viết mấy câu trả lời nói đuôi (Tiếp theo văn câu thơ cuối của T.L.) xem sao nhé!

Thưa chị T.L.

Vốn tôi chẳng mấy thông minh

Nghĩ suy chưa cạn thì hình dung thêm:

Xuyên vào da thịt ngày đêm,

Lại còn mũi nhọn chẳng mềm...đã thay!

Các bà yêu thích...ơ hay!

Chắc là cái đó! Nói ngay hơi kỳ!

N.P.L.

Đến đây chẳng biết quý độc giả có tưởng tượng ra được đoạn kết sẽ như thế nào chẳng? Sau khi “Send” bài thơ cũng kể như bức thư phúc đáp, ngay lập tức, bà bạn phản đối tôi gay gắt, nhưng vẫn lịch sự: “Đó là cây kim khâu phải phụ nữ dùng để may vá sao lại trả lời vậy? “Thi huynh” coi tôi là người như thế nào?”

Ơ kia! Tôi đâu có coi bà là người như thế nào? Hồi nào? Tôi trả lời vậy vì đâu biết đó là cây kim khâu! Thế nó chỉ dùng để tả cây kim

khâu à?Thật khổ! Thường mấy câu thai đồ hay dẫn người ta đi lạc vào con đường suy nghĩ tục. Cũng hay! Lẩn thẩn, không biết kho tàng thai đồ của Việt-Nam hiện còn lưu truyền nơi nhân gian có được kể như một loại văn chương bình dân đặc thù của dân tộc cần bảo vệ giữ gìn không nhỉ?

Mà trả lời như tôi thì cũng đâu có sai, như một học sinh làm luận văn, tôi đọc kỹ đầu đề rồi mới viết xuống giấy đấy chứ! Thử xét lại coi! “Bài làm” của tôi đâu có lạc đề. Chỉ hơi dài dòng, phải sà tới sáu câu mới trả lời xong cho bốn câu thai đồ, không cân đối, hơi dờ!

Rất may là hai người đang ở xa, nếu đối diện ai cũng lý sự, không biết sự thể sẽ như thế nào, và, dù thế nào tôi cũng lấy làm mừng vì đã chẳng nhìn thấy hình ảnh một đống, nồi xúng của nhau lúc ấy.

Mặc dầu câu chuyện chẳng có gì, nhưng tình bạn giữa chúng tôi do mấy câu thai đồ tự nhiên đã rơi vào một tình trạng khác, chẳng còn như cũ. Thật là tai bay vạ gió, đáng tiếc. Tôi cảm thấy như vậy, và ra cái điều mình là đàn ông, “lỗi tại tôi mọi đảng.”, muốn chấm dứt cho xong, chẳng ăn thua làm gì, nên đã

viết mấy dòng sau đó đề nghị không nói nữa để cùng quên đi...

Từ đó thì hai bên chẳng ai nhắc tới nữa, nhưng có lẽ quên không được, bè bạn thư từ chẳng trở lại bình thường, nghe như nó vẫn còn một chút phảng phất uể oải, âm ỷ, nhẹ nhàng. “Thì huynh coi tôi là người như thế nào?” “Ờ kia! Tôi đâu có coi bà là người như thế nào!” Khiến tôi dù không có chi ân hận nhưng có lẽ mãi mãi chẳng thể quên được câu chuyện đã xảy ra.

Từ từ mọi liên hệ giữa hai bên cứ bớt dần, năm ngoài chúng tôi cũng chẳng gửi thiệp giáng sinh cho nhau như trước, mặc dù tôi vẫn kính trọng bà bạn tôi, tôi vẫn thấy vui mỗi lần đọc thơ của bà trên đặc san, ngược lại bà bạn tôi vẫn là độc giả dài hạn của tờ báo tôi thường xuyên cộng tác, và...bây giờ lại là mùa hè, trời nóng ơi là nóng, thấm thoát thế mà đã mấy năm!

Nguyễn-Phú-Long
(Virginia)

Bác Sĩ

NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine



- Nguyên Bác sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới
(Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

- Tốt nghiệp hậu đại học Nội Khoa tại New York

- Bác sĩ điều trị tại bệnh viện Alexandria, Virginia



CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

6305 Castle Place, suite 3D, Falls Church, VA 22044

Tel. (703) 538-2200 -- Fax: (703) 538-2201

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:00 AM - 6:00 PM

Thứ Bảy: **10:00 AM - 2:00 PM**

Chủ Nhật: Theo hẹn

Nhận Medicaid, Medicare,
và các loại bảo hiểm.



Đại Văn Hào của Nước Anh

CHARLES DICKENS

(1812 - 1870)

và Tác Phẩm **DAVID COPPERFIELD**

PHẠM VĂN TUẤN

1- Thời niên thiếu của Charles Dickens.

Charles Dickens là tiểu thuyết gia lừng danh của nước Anh và cũng là một trong các nhà văn hàng đầu của mọi thời đại. Các tác phẩm danh tiếng của ông gồm "*Một Bài Ca Giáng Sinh*" (A Christmas Carol), "*David Copperfield*", "*Các mong đợi lớn lao*" (Great Expectations), "*Oliver Twist*", "*Các tài liệu Pickwick*" (the Pickwick Papers) và "*Câu chuyện kể về hai thành phố*" (A Tale of Two Cities).

Charles Dickens đã sáng tạo ra các nhân vật đặc biệt trong nền Văn Chương Anh, đã mô tả đặc sắc các cảnh sống và các địa danh khiến cho độc giả phải say sưa tìm đọc, bởi vì ông là một nhà văn nhận xét tinh tế về cuộc sống, hiểu biết tường tận về bản tính con người, nhất là giới thanh niên. Ông đã có cảm tình với các người nghèo, các người thiếu may mắn và ông đã chế giễu các kẻ ích kỷ, các kẻ tham lam và những người tàn nhẫn.

Charles Dickens cũng là một văn sĩ hài hước. Bản tính khôi hài và ân cần của ca nhân ông đã thể hiện qua các nhân vật trong các tác phẩm văn chương giá trị.

Charles John Huffam Dickens chào đời vào ngày 7 tháng 2 năm 1812 tại Portsmouth, thuộc bờ biển phía nam của nước Anh. Cha của Charles là ông John Dickens, là một thư ký cấp thấp của văn phòng hải quân, lãnh một số lương nhỏ mọn

nhưng phải nuôi tám đứa con. Charles là con thứ hai trong gia đình. Khi Charles được 2 tuổi, ông John dọn nhà tới Chatham rồi về thành phố London và cư ngụ tại các xóm nghèo, mỗi lần dọn nhà lại qua một khu nghèo hèn hơn và cuối cùng, ông John và cả gia đình đã bị giam trong nhà tù Marshalsea vì nợ nần.

Khi còn nhỏ tuổi, Charles Dickens đã phải làm việc trong một nhà kho đổ nát, sống trên một gác xếp tồi tàn trong thành phố London và vào mỗi ngày chủ nhật, tới thăm gia đình trong nhà giam. Những kinh nghiệm sống cực khổ này đã theo đuổi Charles Dickens suốt đời và được mô tả qua hình ảnh của nhân vật David Copperfield, với hình ảnh người cha yêu dấu là nhân vật Wilkins Micawber và cảnh sống trong tù qua tác phẩm "*Little Dorrit*".

Về sau, nhờ thừa hưởng một di sản nhỏ, gia đình Dickens đã được thả khỏi nhà giam và Charles được đi học cho tới tuổi 15, mặc dù thời gian cấp sách không đều đặn. Charles Dickens đã vĩnh viễn rời khỏi ghế nhà trường khi còn quá nhỏ tuổi, nhưng lại là một cậu thiếu niên ham đọc truyện: các câu chuyện thần tiên, truyện phiêu lưu và tiểu thuyết. Cậu đã bị ảnh hưởng bởi các nhà văn Anh của thời kỳ ban đầu như William Shakespeare, Henry Fielding và đặc biệt là Tobias Smollett. Nhưng phần lớn hiểu biết mà Charles Dickens thu thập được là do cách quan sát cuộc sống ở chung quanh.

Vào cuối thập niên 1820, Charles Dickens bắt đầu với nghề thư ký tại một văn phòng luật

sự, kinh nghiệm này khiến ông rất ghét luật pháp và đã diễn tả luật pháp một cách khôi hài qua tác phẩm "*Bardell vs. Pickwick*" hay một cách bi kịch trong cuốn truyện "*Ngôi nhà lạnh lẽo*" (Bleak House). Sau đó, ông trở nên một phóng viên báo chí, đặc biệt phụ trách việc theo dõi các tranh luận tại Quốc Hội và ông cũng viết một số bài báo khác. Nghề làm báo đã giúp ông phát triển cách quan sát, lối mô tả một cách tinh tế các nhân vật với những lời nói thường ngày, sát với thực tế và cũng nhờ đó mà ông viết văn nhanh hơn, rõ ràng hơn. Charles Dickens lại có khả năng của một nghệ sĩ là biết chọn lựa các sơ liệu của các điều quan sát, để rồi dùng cho các tác phẩm giá trị.

Charles Dickens đã sống tại thành phố London, học hỏi nhờ cuộc sống này và ông thường xuyên tới các rạp hát, theo dõi các vở kịch mang đầy đủ các đặc tính bi hài về tình yêu, tranh chấp, lừa dối... và đôi khi ông cũng theo học cách đóng kịch. Nhờ điều sau này mà Charles Dickens đã hấp dẫn người nghe trong các lần ông trình bày tác phẩm trước đám đông. Vào thời gian này, Charles Dickens si mê cô nàng Maria Beadnell, một cô gái trẻ, nhẹ dạ, nhưng cha của cô nàng đã ngăn cản vì chàng phóng viên trẻ tuổi Dickens thuộc về giới trung lưu cấp thấp. Sự liên lạc này đã không mang lại kết quả về tình yêu nhưng đã khiến cho Charles Dickens thể hiện dần dần tài năng của mình.

Năm 1832, Charles Dickens được mời cộng tác với tờ báo "*the Morning Chronicle*" và được yêu cầu viết một loạt bài phác thảo về cuộc sống. Ông đã dùng bút hiệu "*Boz*" là tên gọi trong gia đình của người em trai. Sau đó, ông đã tập hợp các bài viết đăng trên "*Tạp Chí Hàng Tháng*" (the Monthly Magazine) và "*Báo London Buổi*

Chiều" (the London Evening Chronicle) thành một tác phẩm có tên là "*Các phác thảo do Boz*" (Sketches by Boz). Đây là chân dung của các nhân vật hư cấu và các chuyện ngắn trình bày về hoàn cảnh xã hội và thói đời của thời đại đó. Ngay từ khởi đầu, loạt bài báo này đã được phổ biến rộng rãi tới độ trong lịch sử văn chương của nước Anh, ít có nhà văn nào thành công như vậy.

Sự thành công của tác phẩm kể trên đã khiến cho nhà xuất bản Chapman và Hall đề nghị Charles Dickens viết về các nhà thể thao của câu lạc bộ Nimrod. Loạt bài mang tính khôi hài viết về các hội viên của câu lạc bộ thể thao đã được phổ biến vào tháng 11 năm 1837 rồi qua năm sau,

được xuất bản thành tập truyện với tên là "*The Pickwick Papers*". Qua tác phẩm này, Charles Dickens đã mô tả các cuộc phiêu lưu và nghịch cảnh khôi hài trong các năm 1836 và 1837, của một nhóm các nhân vật hơi khác thường của thành phố London và của miền quê nước Anh. Charles Dickens trở nên nổi danh vào tuổi 24 và đã duy trì được danh tiếng này cho tới khi qua đời.

Tháng 4 năm 1836, Charles Dickens cưới cô Catherine Hogarth,

một trong ba cô con gái xinh đẹp của một nhà báo. Đôi uyên ương dọn vào cư ngụ trong khách sạn Furnival nhưng rồi hai người đã không thông cảm được nhau, chàng thấy nàng đẹp và yên lặng nhưng thiếu thông minh, không đúng theo ý nguyện, còn nàng không nhận ra ở chàng một thiên tài và không biết rằng tính vị kỷ thường đi liền với thứ tài năng thiên phú. Họ có với nhau 10 người con và rồi ly dị nhau vào năm 1858.

2- Thời kỳ sáng tác.

Charles Dickens là nhà văn có năng lực thể chất và tinh thần rất xuất sắc. Ông đã có nhiều bạn



bè thuộc các thế giới nghệ thuật và văn chương. Khả năng sáng tạo ra các nhân vật mang nhiều kịch tính trong các tiểu thuyết của ông có thể do từ lòng yêu thích kịch nghệ. Các tiểu thuyết lớn vào cuối thập niên 1830 của Charles Dickens gồm các cuốn "*Oliver Twist*", "*Nicholas Nickleby*", "*Old Curiosity Shop*", và "*Barnaby Rudge*".

"*Oliver Twist*" (1837-39) mô tả cuộc phiêu lưu của một em trai nghèo, mồ côi. Cuốn truyện đặc sắc ở điểm đã trình bày một cách xúc cảm cái thế giới tội phạm của thành phố London đồng thời chỉ trích cách đối xử tàn nhẫn của nước Anh đối với giới nghèo.

Trong tác phẩm "*Nicholas Nickleby*" (1838-39), Charles Dickens công kích các ông chủ trường tư thục tham lam, đã đối xử với học sinh một cách tàn nhẫn và không dạy dỗ chúng được điều gì tốt lành.

Cuốn "*The Old Curiosity Shop*" (1840-41) không được thời nay ưa chuộng như thời bấy giờ khi mới được xuất bản, do bởi cái chết của Little Nell mang vẻ quá tình cảm. "*Barnaby Rudge*" (1841) là một tiểu thuyết lịch sử đề cập tới một loạt các rối loạn tại thành phố London năm 1780.

Vào thập niên 1840, Charles Dickens là nhà văn danh tiếng nhất của nước Anh, vượt qua nhà văn Walter Scott và ông Dickens đang tìm kiếm các thế giới độc giả khác để chinh phục. Do xuất thân từ giai cấp bần hàn, ông không ưa đảng Tory và thể chế độc đoán tại nước Anh nên muốn tìm hiểu Hoa Kỳ vì các tự do của miền đất mới này.

Vào tháng 1 năm 1842, Charles Dickens đã cùng vợ lên bến cảng Boston, Hoa Kỳ, sau khi để lại nhà bốn đứa con nhỏ. Thành phố Boston vào tháng này từng bừng đón tiếp Văn Hào người Anh. Đã có các bữa tiệc tiếp tân, các lời ca tụng và trong số các nhà trí thức người Mỹ có cả các nhà văn danh tiếng như H. W. Longfellow, William Ellery Channing. Tiến Sĩ Oliver Wendell Homes là một trong các người đứng ra tổ chức.

Charles Dickens đã thấy ở Boston các tình bạn mà ông không bao giờ quên được, dù cho sau này ông có gặp vài điều cay đắng và ảo tưởng. Từ Boston, ông qua New York, nơi tổ chức một dạ hội khiêu vũ gọi tên là "*Boz Ball*", đông tới 3,000 người rồi thành phố Philadelphia cũng long trọng đón tiếp ông. Sau đó là thành phố Baltimore và Thủ Đô Washington, nơi Charles Dickens được gặp Tổng Thống John Tyler và Quốc Hội. Rồi ông tới thành phố Richmond tìm hiểu nền văn hóa miền nam của Hoa Kỳ. Ông cũng qua thăm miền Tây, tới tận Cairo thuộc tiểu bang Illinois rồi trở về Canada.

Charles Dickens là nhà văn thường lên tiếng chỉ trích các bất công xã hội. Vào thời kỳ đó, Hoa Kỳ hân hoan đón chào các tác phẩm của Charles Dickens, một phần bởi vì chưa có một luật lệ quốc tế nào về tác quyền và các nhà xuất bản Mỹ tự tiện in ấn và phổ biến các tiểu thuyết của ông mà không trả cho tác giả một chút lợi tức nhỏ mọn nào. Tại Hoa Kỳ, Charles Dickens đã lên tiếng về tác quyền và nói về sự bất công, không chỉ đối với chính mình mà còn đối với các nhà văn người Anh khác, đồng thời ông cũng cho biết chính ông Edgar Allen Poe cũng có các tác phẩm in ấn và bán tại nước Anh mà không được đền bù.

Trước các lời xây dựng công bằng này, các báo chí Hoa Kỳ thời đó đã tấn công ông Dickens và cho rằng ông đã lạm dụng lòng hiếu khách của Hoa Kỳ. Từ đó, các hình ảnh tươi đẹp về Hoa Kỳ, từng có trong tâm trí của Charles Dickens, đã phai nhạt dần và các ác cảm cùng thất vọng về xứ sở Hoa Kỳ đã được ông thể hiện qua các bức thư gửi cho bạn bè, qua tác phẩm "*Các lời ghi chú về nước Mỹ*" (*American Notes*) xuất bản năm 1842 và qua cuốn truyện "*Martin Chuzzlewit*" (1844), một khảo sát về các hình thức ích kỷ cùng các lễ thói thô kệch của người Mỹ với hai nhân vật đáng nói trong cuốn truyện này là Pecksniff, một con người đạo đức giả, và cô mẹ Sairey Gamp, hay

say rượu và ngồi lê đôi mách. Theo cách nhìn của Charles Dickens, Hoa Kỳ chỉ gồm những người nhai thuốc lá, nuôi nô lệ để bóc lột giống như tại các cơ xưởng của nước Anh và chính quyền Hoa Kỳ mang về xỏ lá và ăn cướp. Charles Dickens chỉ thấy lãnh thổ Hoa Kỳ là các cánh đồng lầy rất rộng chứa nhiều ếch nhái với các giòng sông mênh mông nhiều phà thuyền qua lại. Ông đã không nhận ra được dáng vẻ rực rỡ của một lãnh thổ bao la, hùng vĩ, không nhìn thấy sức sống đang bừng lên từ các miền đất mới, đang được khẩn hoang.

Sau khi từ Hoa Kỳ trở về, Charles Dickens là một nhân vật của thành công, thanh danh và các hoạt động từ thiện. Vào năm 1851, ông và gia đình sinh sống một cách sang trọng tại Tavistock Square và bạn bè của ông gồm các tác giả, các nghệ sĩ, các kịch sĩ hàng đầu của nước Anh. Ít lâu sau, ông lại mua nhà tại Gad's Hill và thực hiện được những tham vọng của thời niên thiếu.

Các văn phẩm của Charles Dickens dần dần xuất hiện hàng tháng và rất được phổ biến trong mọi giới độc giả của nước Anh và nhiều nước khác. Trong thập niên 1840, Charles Dickens đã viết năm cuốn truyện chuyên về Lễ Giáng Sinh. Cuốn đầu tiên "*Một Bài Ca Giáng Sinh*" (A Christmas Carol) là một trong các tác phẩm danh tiếng nhất trên văn đàn. Trong cuốn này, ba con ma đã cho anh chàng keo kiệt Ebenezer Scrooge thấy quá khứ, hiện tại và tương lai của anh ta và vì nhận thức được mình đang theo đuổi một lối sống tham lam, ích kỷ, Scrooge đã đổi thành một con người vị tha và thân thiện với các người khác. Các tiểu thuyết khác về Lễ Giáng Sinh gồm: "*Bộ Chuông*" (The Chimes-1844), "*Con Dế trong khu lò sưởi*" (The Cricket on the Hearth-1845), "*Cuộc Tranh Đấu của Đời Sống*" (the Battle of Life - 1846) và "*Con người bị ám ảnh*" (the Haunted Man -1848).

Vào cuối thập niên 1840, Charles Dickens đã nhìn vào xã hội của triều đại Victoria và có lẽ nhìn cả sang thế giới bên ngoài với vẻ bi quan hơn. Các mẩu chuyện khôi hài của ông thường mang hình thức châm biếm, chỉ trích. Các cốt chuyện và nhân vật trong chuyện có vẻ như nhấn mạnh về phía xấu xa của con người. Đồng thời với tư tưởng hoài nghi về lòng tốt của con người, Charles Dickens đã tinh luyện lại nghệ thuật viết văn của mình. Giọng văn của ông đã được khai triển và ông đã chú tâm hơn tới cấu trúc và cách xếp đặt cốt chuyện, nhân vật, tình huống... Ông hướng về các đề tài có tính tượng trưng hơn, để diễn tả và mở rộng các điều nhận xét cả về mặt chính trị lẫn xã hội, và ông không quên đề cập tới luân lý và các giá trị đạo đức.

Các tác phẩm kế tiếp của Charles Dickens gồm các cuốn: "*Dombey và con trai*" (Dombey and Son, 1846-48) qua đó tác giả cho rằng tính ích kỷ đã làm xa cách con người ra khỏi sự ấm áp của tình yêu nhân loại. Đây là tác phẩm đã làm rơi lệ cũng như gây nên nhiều tiếng cười nơi độc giả. Cuốn truyện nhấn mạnh về các thói xấu của thời đại Victoria, nhất là sự tôn sùng đồng tiền. Charles Dickens tin rằng đồng tiền vào thời đại này đã trở nên một thứ thước đo các tình cảm cá nhân và là mục tiêu của nhiều tham vọng.

Tác phẩm "*David Copperfield*" (1849-50) được coi là tiểu thuyết lớn lao nhất của Charles Dickens. Qua cuốn này, tác giả đã giảm bớt việc chỉ trích xã hội mà quay sang cách tự thuật về cuộc đời của chính mình. Cuốn truyện mô tả một người trẻ tuổi khám phá ra các thực tế của cuộc đời trưởng thành, và tuổi trẻ của David Copperfield là một phần hình ảnh lúc trẻ của chính tác giả.

Tác phẩm "*Căn nhà lạnh lẽo*" (Bleak House, 1852-53) cũng là một trong các tiểu thuyết cỡ lớn về nhiều phương diện, có cấu trúc phức tạp, mang nhiều cấp độ ý nghĩa và lẫn bên trong là các bình

luận về xã hội Anh cùng các lời châm biếm. Tác phẩm này cũng đề cập tới nhiều thói xấu, với các tu sĩ và các nhà đạo đức giả, trình bày các thủ tục pháp lý của nước Anh vừa phí phạm, vừa tàn nhẫn, và xã hội Anh đã mang các bệnh hoạn, lại đặc biệt thiếu trách nhiệm đối với các người nghèo và các người bất hạnh.

"*Các thời kỳ khó khăn*" (Hard Times, 1854) là một tác phẩm ngắn hơn và đơn giản hơn. Charles Dickens đã dùng truyện này để tấn công chủ thuyết thực dụng (utilitarianism) của nhà triết học Jeremy Bentham. Ông Bentham tin rằng mọi ý tưởng, hành động và các định chế của con người nên được cân nhắc theo "công dụng" của nó. Dickens lại cho rằng ông Bentham đã xét các liên hệ xã hội theo lợi ích vị kỷ, vừa lạnh lùng, vừa máy móc.

Viết ra thật nhiều tác phẩm để chỉ trích các thói xấu của xã hội Anh chưa làm cho bản chất của Charles Dickens thỏa mãn, và vì xuất thân từ nghề phóng viên, ông còn muốn là chủ biên của một tờ báo để cho công cuộc cải tiến được phổ biến sâu rộng hơn. Tháng 1 năm 1846, Charles Dickens làm chủ bút của nhật báo Daily News (Tin Tức Hàng Ngày) nhưng 19 ngày sau, ông đã phải rút lui vì công việc quá phức tạp. Năm 1850, Charles Dickens thành lập tờ tuần báo Household Words (Lời Gia Đình) rồi 9 năm về sau, lại chủ trương tạp chí All the Year Round (Quanh Năm). Cho tới ngày ông qua đời, Charles Dickens đã viết thêm các cuốn tiểu thuyết "*Các Câu Chuyện Giáng Sinh*" (Christmas Stories), "*Câu chuyện kể về hai thành phố*" (A Tale of Two Cities), "*Các Mong Đợi lớn lao*" (Great Expectations) cùng vài cuốn khác.

Qua tác phẩm "*Little Dorrit*" (1855-57), Charles Dickens tiếp tục chỉ trích tinh thần vật chất và thói trưởng giả dõm mà đại diện là gia đình Merdle và các người bạn của gia đình này, họ là những người tìm cách leo lên địa vị xã hội.

Ông cũng chế nhạo sự bất lực của chính quyền Anh qua hình thức "*Văn Phòng Vòng Vo*" (the Circumlocution Office) và tác giả đã cố biện minh rằng nhà tù tởng trưng cho các điều kiện đau đớn của đời sống trong một xã hội vật chất đang thoái hóa.

"*Câu Chuyện kể về hai thành phố*" (A Tale of Two Cities, 1859) là tiểu thuyết lịch sử thứ hai, được dựng trên hai thành phố London và Paris và kể về sự anh hùng của nhân vật hư cấu Sidney Carton trong cuộc Cách Mạng Pháp.

Qua tác phẩm "*Các Mong Đợi Lớn Lao*" (Great Expectations, 1860-61), Charles Dickens trở về chủ đề khám phá ra các thực tế của đời sống. Nhân vật chính trong truyện là anh chàng trẻ tuổi, khá anh hùng, tên là Pip, đã được một người ẩn danh cung cấp tiền bạc để có thể sống như một nhà quý phái. Sự kiêu hãnh của Pip đã giảm bớt khi anh chàng hiểu rõ nguồn gốc của "*các mong đợi lớn lao*" của mình và nhờ xét lại các giá trị mà Pip biết đặt căn bản của cuộc sống trên tình cảm hơn là trên tài sản, trên sự khoe khoang và địa vị xã hội.

"*Bạn Tương Giao*" (Our Mutual Friend, 1864-65) là tiểu thuyết chỉ trích xã hội cuối cùng của Charles Dickens qua đó, ông đã tấn công các giá trị giả hiệu của các kẻ mới giàu có. Ông đã châm biếm lòng tham lam, dùng đồng rác to lớn của thành phố London làm biểu hiệu của thứ tiền bạc bẩn thỉu. Cuốn truyện này cũng đáng kể vì đề nghị cách xử dụng giồng sông Thames.

Ngoài công việc viết tiểu thuyết, Charles Dickens còn đặc biệt quan tâm tới sân khấu. Nhiều vở kịch thời đó đã được soạn theo các tiểu thuyết của ông và đã có lần sau buổi trình diễn, Nữ Hoàng Victoria trẻ tuổi và Quận Công Consort đã yêu cầu được gặp mặt "*Ông Dickens*", một danh dự lớn lao, nhưng Văn Hào Dickens đã khước từ với lý do y phục của ông không đủ trọng cho việc trình diện trước Nữ Hoàng.

Charles Dickens còn tham gia vào các buổi diễn thuyết công cộng và đọc tác phẩm. Có hoạt động này từ khi ông đọc một trong các câu chuyện Giáng Sinh cho các bạn bè và họ đã tán thưởng nồng nhiệt. Ngoài ra, Charles Dickens còn thực hiện một số chuyến đi xa, trong nước Anh cũng như tới xứ Tô Cách Lan và Ai Nhĩ Lan, vào các năm 1858-59, 1861-63, 1866-67 và 1869-70. Ông cũng sang Hoa Kỳ lần thứ hai vào khoảng thời gian 1867-68.

Năm 1858, Charles Dickens ly dị với vợ. Người em vợ tên là Georgina Hogarth đã sống với vợ chồng ông từ năm 1842, vẫn còn tiếp tục chung sống với gia đình ông cho tới khi ông qua đời và trước khi chết, Charles Dickens đã viết di chúc, chia tài sản cho cả hai người phụ nữ này.

Charles Dickens viết được hai phần ba tác phẩm cuối cùng khi ông qua đời vào ngày 9 tháng 6 năm 1870, đó là cuốn tiểu thuyết "*Bí Mật của Edwin Drood*" (*The Mystery of Edwin Drood*). Không ai đoán được ý định của tác giả muốn kết thúc cuốn truyện này ra sao. Trong nhiều năm, nhiều người đã đề nghị các giải đáp cho điều bí ẩn của cuốn truyện.

3- Cốt truyện David Copperfield.

Bà Copperfield là một góa phụ trẻ đẹp khi David chưa chào đời, và khi đứa trẻ này được sinh ra thì bà cô giàu có, có tính tình bất thường, tên là Betsey Trotwood, đã nổi giận khi hay tin đứa bé không phải là gái. David được nuôi dạy trong một gia cảnh vui sướng, với chị giúp việc Clara Peggoty. Nhưng tuổi thơ thanh thoi này đã bị gián đoạn khi ông Murdstone, một người đàn ông có bộ ria mép màu đen, đến tán tỉnh bà Copperfield. Vào lúc này, David về thăm làng quê Yarmouth của chị giúp việc Peggoty, đã gặp người anh làm nghề đánh cá của chị ta tên là Daniel, gặp cháu nuôi Ham và cháu bé gái Emily.

Khi David trở về nhà thì ông Murdstone đã kết hôn với bà Copperfield và không lâu sau đó, người em gái Jane của ông ta cũng dọn vào, ở chung nhà. Ông Murdstone và cô Jane thường hay bắt nạt mẹ của David và khùng bố tinh thần David cho tới một ngày kia, David đã nổi điên, cắn vào tay ông Murdstone. Để trừng phạt hành vi này, David bị gửi tới một nhà trọ gần thành phố London, có tên là Salem. Dù sống trong hoàn cảnh bị hành hạ, David đã làm quen được 2 người bạn mới: Tommy Traddles là một thiếu niên đứng đắn nhưng chậm hiểu, còn James Steerforth là học sinh xuất sắc, lớn tuổi hơn và được David luôn luôn coi trọng.

Các ngày đi học của David đã bị gián đoạn khi có tin bà mẹ và đứa bé sơ sinh đều qua đời. Sau đám tang buồn thảm này, David không được quay trở về trường học nữa mà bị giữ tại nhà, sống lờng bờng không học hành trong khi chị giúp việc Peggoty bị sa thải, chị đã về quê và kết hôn với một chàng đánh xe ngựa tên là Barkis. Ít lâu sau, ông Murdstone cho biết đã chọn cho David một công việc làm trong nhà kho chứa rượu vang của ông ta. David mới 10 tuổi nhưng phải làm việc cực nhọc nhiều giờ một ngày để lấy vài shillings, 6 ngày một tuần, cùng với các trẻ em khác dơ bẩn, vô giáo dục. Trong thời kỳ u tối này, David chỉ có một niềm vui, đó là sự quen biết với gia đình Micawber nghèo khó, cùng thuê phòng trong tòa nhà. Nhưng khi gia đình Micawber này dọn đi nơi khác, David đã trốn đi mà không có tiền trong túi, tới tá túc nơi căn nhà tranh của bà cô Betsey tại Dover. Bà cô Betsey đã bối rối khi thấy đứa cháu rách rưới tới nhờ vả mình nhưng bà đã che chở cho David khi ông Murdstone đến tìm kiếm. Và mặc dù vẻ ngoài khó khăn, cô Betsey đã nhận nuôi David, đối xử tử tế và cho David theo học một ngôi trường khá quy củ. Trong thời gian này, David đã làm quen được một số người khác gồm có ông Dick, tính tình giản dị, sống cùng cô

Betsey, luật sư của cô Betsey là ông Wickfield với người con gái dịu ngọt tên là Agnes, và người thư ký hay nịnh hót Uriah Heep, ngoài ra còn có ông hiệu trưởng, Tiến Sĩ Strong, với bà vợ trẻ Annie và người bà con của bà này là chàng thanh niên hay tán tỉnh, tên là Jack Maldon.

David Copperfield đã lớn lên trong hoàn cảnh có các người quen biết kể trên và khi đã học xong, cô Betsey để David đi London chọn nghề. Tại thành phố London, David gặp lại người bạn cũ là James Steerforth và anh chàng này đã dẫn David về nhà, giới thiệu với bà mẹ giàu có cùng cô bạn gái Rosa Dartle. Bù lại, David cũng dẫn Steerforth về Yarmouth để thăm chị Peggoty và gia đình của chị này.

Trở lại London, David thực tập tại văn phòng luật sư Spenslow và Jorkins. David đã gặp cô gái trẻ đẹp Dora của ông Spenslow và đã say đắm cô này. David cũng gặp người bạn cũ Tommy Traddles khi anh này đang sống với gia đình ông Micawber. Khi David tới Yarmouth để dự đám tang của ông Barkis thì vào đêm hôm đó, Emily, người cháu cưng của chị Peggoty, người đã hứa hôn với Ham, đã trốn nhà đi theo Steerforth. Cả gia đình đã buồn rầu về rắc rối này nhưng rồi ông Peggoty đã đi tìm thấy Emily và đưa cô này về nhà.

Vào lúc này, David phải làm việc khá bận rộn để giúp đỡ cô Betsey. Bà này đã dọn về London, sống nhờ David khi mọi tiền bạc đầu tư đã bị thua lỗ. Trong cảnh lợi tức eo hẹp này, David vẫn âm thầm theo đuổi nàng Dora, cho tới khi ông Spenslow qua đời và cả hai người có thể tuyên bố hứa hôn. Nhưng ông Spenslow đã không để lại tài sản nào khiến cho David càng phải cố gắng làm việc, để có đủ tiền lo đám cưới. Chàng David làm thêm nghề phụ, đó là phụ tá cho Tiến Sĩ Strong, vị hiệu trưởng cũ, nay đã dọn nhà về London. David cũng theo học môn tốc ký và bắt đầu làm nghề tường thuật các vụ tranh luận tại Quốc Hội. Sau nhiều cố gắng, David đã có đủ

tiền để cưới Dora, họ dọn qua một căn nhà bên kia đường, đối diện với nơi cư ngụ của cô Betsey.

Sau khi về sống chung, David đã khám phá ra rằng cô vợ của chàng là một người đàn bà không biết gì về nội chợ và không biết trách nhiệm. Vì vậy David đã tìm quên trong công việc và đã nổi danh về cách viết truyện. Cũng vào lúc này, David chứng kiến sự dàn hòa giữa Annie và Tiến Sĩ Strong. Gia đình này đã bất hòa vì sự tán tỉnh Annie bởi chàng Jack Maldon và David đã nghe Annie nói với Tiến Sĩ Strong rằng tình yêu đã cho nàng sức mạnh cùng sự khôn ngoan, điều này khiến cho David tự hỏi liệu hôn nhân của chính mình có thể sống còn hay không.

Sau vụ rắc rối tại gia đình Tiến Sĩ Strong, David nhận được tin từ Canterbury, cho biết cơ sở thương mại của ông Wickfield đã bị tên Uriah Heep chiếm đoạt khi tên này lại đang theo đuổi cô nàng Agnes. Ông Wickfield đã thất vọng và uống quá nhiều rượu, trong khi đó người đàn ông thường bị thất nghiệp là ông Micawber lại đang làm việc cho tên Heep, và không biết vì sao, tính tình của ông Micawber cũng đổi khác, nên đã đối xử với vợ vừa bí mật, vừa tàn nhẫn. Do lòng yêu quý ông Micawber trước kia, David đã cùng với Traddles tìm các chứng cứ để lật tẩy tên lường gạt, cứu nguy ông Wickfield và phục hồi một phần tài sản của cô Betsey.

David cũng giúp đỡ ông Daniel Peggoty tìm ra Emily. Cô nàng này trở về London và đã trở thành một người đàn bà tàn tạ. Cô ta và người chú đang dự trừ di cư sang xứ Úc xa xôi để không ai biết được quá khứ của họ. Bà cô Betsey cũng khuyến khích gia đình ông Micawber nên bắt đầu một cuộc sống mới bằng cách di cư sang Úc và bà đã giúp cho ông ta một món tiền để ra đi dễ dàng.

Trở về London, David cùng với Agnes chăm sóc Dora đang lâm trọng bệnh nhưng cuối cùng, Dora cũng qua đời. Trong cơn đau buồn vì vợ chết, David đã giúp đỡ nhóm người di cư và đồng ý cầm

bức thư của Emily gửi cho Ham. Nhưng một trận bão tàn phá Yarmouth và David đã nhìn thấy Ham xông ra cứu giúp những người bị đắm tàu. Và David chứng kiến cảnh Ham bị chết đuối trong khi đang cứu nạn nhân cuối cùng là Steerforth. Thân xác của Steerforth trôi dạt vào bờ.

Sau khi nhóm người di cư đã ra đi, David qua Thụy Sĩ để tìm quên. Chàng bắt đầu viết một cuốn truyện kể lại các kinh nghiệm sống của mình. Chàng cũng nghĩ tới Agnes, cảm thấy yêu thương nàng và tiếc rằng Agnes từ trước chỉ mang một thứ tình cảm của người em gái. Khi trở về London, David cuối cùng đã bày tỏ tâm sự cùng Agnes và được biết rằng Agnes cũng yêu chàng. Họ lập gia đình với nhau, sinh con và sống với nhau trong hạnh phúc.

4- Vai tương đương giữa David Copperfield và tác giả.

David Copperfield được viết tắt thành D.C., là hai chữ viết ngược của C. D. hay Charles Dickens. David Copperfield là cuốn tiểu thuyết tự thuật với nhiều nét giống như cuộc đời của tác giả.

David bị bắt buộc thôi học khỏi trường Salem House và phải làm việc trong nhà kho của Murdstone và Grinley tại thành phố London. Dickens cũng rời khỏi trường Chatham và lao động trong nhà kho của James Lamert thuộc London.

David sống với gia đình ông Micawber, vì nợ nần ông này bị tống giam vào nhà tù King's Bench rồi chẳng bao lâu, gia đình ông ta cũng dọn vô nhà tù này. Tương tự, cha của Charles Dickens là ông John Dickens vì nợ nần bị tù trong nhà giam Marshalsea với gia đình sinh sống bên trong.

David lãnh việc thư ký cho văn phòng luật sư Spenlow và Jorkins rồi sau này học thêm tốc ký và trở nên thư ký Quốc Hội. Cũng giống thế, Charles Dickens làm nhân viên văn phòng luật sư Ellis và Blackmore vào năm 1827, học thêm tốc ký rồi lãnh chân thư ký của Quốc Hội vào năm 1832.

David bắt đầu viết văn, có sáng tác phổ biến rồi sau này, dồn toàn thời gian vào công việc viết truyện. Vào cuối năm 1832, Charles Dickens bắt đầu phác thảo vài mô tả về các đời sống trong thành phố London, với các truyện ngắn được phổ biến trên "*Tap Chí Hàng Tháng*" (the Monthly Magazine) rồi sau lần thành công với tác phẩm Pickwick vào năm 1837, Dickens từ bỏ công tác phóng viên tường thuật cho tờ báo Morning Chronicle.

5- Vai nhận xét về Charles Dickens.

Charles Dickens là tiểu thuyết gia của nước Anh có các tác phẩm bán chạy nhất trong thế kỷ 19. Vào thời kỳ đó, đã không có các giải trí phổ thông như chiếu bóng, truyền thanh và truyền hình, đọc tiểu thuyết là hình thức giải trí chính và các tiểu thuyết không mang tính "*văn học*" nhiều như được đánh giá theo tiêu chuẩn hiện nay. Các tác phẩm của Charles Dickens được nhiều giới độc giả tìm đọc. Giới trí thức ưa thích các bình luận châm biếm vừa mang tính chính trị, vừa có tính xã hội. Giới trung lưu thấy các tiểu thuyết của Charles Dickens có chứa đựng nhiều hoàn cảnh tình cảm và các lời nhắn nhủ về đạo đức, còn giới nghèo cười lớn vì các phần khôi hài trong chuyện và họ theo dõi những lúc hấp dẫn. Charles Dickens đã nổi được các nhịp cầu thông cảm tới mọi giai tầng của xã hội bằng các cốt chuyện ly kỳ, các nhân vật đa dạng và tới cuối đợt bài viết đăng trên các báo, là các cao điểm hồi hộp, gây ra nhiều thắc mắc, khiến cho độc giả phải tìm hiểu ở phần kế tiếp.

Charles Dickens đã dùng các tiểu thuyết của mình để cứu xét các vấn đề xã hội. Trong cuốn truyện "*Oliver Twist*", ông đã trình bày các điều kiện sống nghèo khó của những khu nhà ổ chuột. Ông chỉ trích các trường học tàn nhẫn, thiếu trách nhiệm của miền Yorkshire trong tác phẩm "*Nicholas Nickleby*", cũng như chê bai Tòa Án Chancery trong cuốn "*Bleak House*" (Căn nhà

lạnh lẽo). Charles Dickens còn phơi bày nỗi thống khổ của các trẻ em phải lao động quá sớm và chế nhạo các cải tiến nhà tù. Ông hướng về lòng từ thiện Thiên Chúa Giáo và các lý tưởng theo sự công bằng.

Các chỉ trích mang tính xã hội trong các tiểu thuyết đã làm cho danh tiếng của Charles Dickens được phổ biến, đã khiến cho giới trung lưu của thời đại Victoria tự coi rằng họ là các công dân phải quan tâm tới những vấn đề được nêu ra. Các tác phẩm của Charles Dickens mang nhiều yếu tố bi hài, bí ẩn, chỉ trích các thói xấu xã hội và mang cả đặc tính giải trí. Qua tác phẩm "*David Copperfield*", tác giả viết về cuộc đời của chính mình và khám phá bản chất của các cá nhân con người hơn là bản chất xã hội, còn phạm vi tâm lý được ông đào sâu qua các cuốn tiểu thuyết viết về sau, chẳng hạn như "*Little Dorrit*", "*Great Expectation*" (Các Mong Đợi lớn lao) và "*Our Mutual Friend*" (Bạn Tương Giao).

Charles Dickens là nhà văn quan sát rất nhạy cảm, ông đã đả kích nhiều loại bạo hành và lạm dụng của xã hội, ông mô tả trẻ em thiếu tình thương của cha mẹ, không được xã hội bảo vệ, ông trình bày hình ảnh của các trường học ghê tởm, nhiều loại hình luật tàn nhẫn với cách nhốt tù vì nợ nần, các khu nhà ổ chuột mất vệ sinh và từ nơi đây đã đẻ ra các kẻ phạm tội. Ông cũng nói tới cách đối xử tàn nhẫn với trẻ em và việc khai thác sức lao động của thiếu niên, sự thiếu an toàn trong nhà máy. Như vậy phải có nhiều sai trái trong trật tự xã hội và cần phải cải tổ các kẻ xấu cũng như các định chế xấu (badly-run institutions). Những chỉ trích này, theo George Orwell, không có tính chính trị hay kinh tế mà mang tính đạo đức (moral) và tác giả Dickens đã không đề nghị gì về hệ thống xã hội mới hay các định chế mới.

Thế giới của các tiểu thuyết do Charles Dickens sáng tác là một thế giới hư cấu, giống

như chuyện thần tiên nhưng lại chứa đựng các cơn ác mộng. Đây là thế giới nhìn qua đôi mắt của một đứa bé, nó đã thấy sương mù dày đặc hơn, bóng tối đen sẫm hơn, các căn nhà cao lớn hơn, khu phố trống trải hơn và mang tính đe dọa. Charles Dickens cũng mô tả cách du lịch của thời đại với xe ngựa, xe lửa, quán trọ cùng các sinh hoạt của thời kỳ Cách Mạng Kỹ Nghệ (the Industrial Revolution) với hình ảnh của kỹ nghệ gia sẽ là chủ nhân của tương lai.

Các tác phẩm của Charles Dickens hàm chứa tính triết lý về các cách tranh đấu của con người trong các định chế xã hội và về phương diện này, ông xứng đáng được xếp hàng cùng với các nhà văn lớn như Herman Melville, Fyodor Dostoevsky và Franz Kafka. Các nhân vật trong các tiểu thuyết của Charles Dickens mang nhiều phong thái về màu sắc, năng lực, đời sống và biến hóa, thể hiện đầy đủ tính bi hài của đời người và độc giả đã tìm thấy các nhân vật đặc sắc tương tự trong các tác phẩm của Đại Văn Hào William Shakespeare.

Theo ý kiến của nhiều nhà phê bình văn học, Charles Dickens là nhà văn sáng tạo lớn lao nhất của nước Anh với tên và bản chất của các nhân vật trong tác phẩm không thể quên được trong lòng độc giả. Tính hài hước trong các tác phẩm của ông thật là độc đáo, bởi vì ở sâu phía dưới còn thể hiện lòng nhân từ, biết thương xót kẻ khác.

Hiện nay, các tác phẩm của Đại Văn Hào Charles Dickens vẫn được độc giả khắp nơi tìm đọc và vào tháng 12 mỗi năm, cuốn truyện "*Một Bài Ca Giáng Sinh*" (A Christmas Carol, 1843) thường là một món quà đặc sắc của Mùa Lễ Giáng Sinh./.

PHẠM VĂN TUẤN

(Virginia)



TIN MỪNG



Được hỗ trợ từ Ông Trần Gia Thái

(Học Giả TS Trần Bích San)

và Bà Tạ Thị Kim Loan đã làm lễ vu qui cho

Trưởng Nữ là

CATHERINE TRẦN

đẹp duyên cùng

HARRY EDWALD FELLOWS

thứ nam Ông Bà George W. Fellows

Thứ bảy ngày 3 tháng 1 năm 2009

tại New Orleans, Louisiana.

Trân trọng chúc mừng anh chị Trần Bích San.

*Chúc hai cháu Catherine và Harry trăm năm hạnh phúc,
sắt cầm hòa hợp.*

Toàn thể văn thi nghệ sĩ

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

HOA VÀ XUÂN

Thơ : Phan Khâm

Nhạc : Vĩnh Điện

Nhịp vừa (nhiệt tình, thấm thiết)



Đón xuân mai hẹn cùng đào, em hoa biết



nói ngọt ngào ý xuân. Em hoa tươi thắm hương trời giai



nhân, tôi đang mê đắm dạt dào băng khuâng. Em tha thướt tuyệt



vời, tôi cô lữ bên trời. Xuân theo con tạo vẫn



xoay, nghìn con bướm trắng ngắt ngây về trần. Tôi xin ngọn sóng hồng ân dâng



trần, tôi nghe hơi ấm mây ngàn đang trôi. Tôi nghe em gọi mời tình lên



ngôi. Bao nhiêu xuân cũng qua một đời, bao nhiêu hoa chỉ có một thời. Còn



gi động lại trong tôi, chút tình xuân tới ghé môi cùng hoa. Còn



gi ở lại quanh ta, hương lòng hoa đó mạn mà tình xuân...



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM



**591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901**

**Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG**

**Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454**

BÁNH CHỪNG NAM MỸ

DIỆU TÀN

Chàng nhận được thư nhà, biết rõ được sự thật mà chàng đã đoán biết sẽ xảy ra. Không còn nỗi giận được nữa, chỉ còn lại nỗi buồn thấm thía. Thật ra chàng cũng có lỗi trong vụ này, lỗi của một người đàn ông một thời lãng mạn. Giờ đây, điều cần nhất là chàng phải đưa được hai đứa con sang bên này, trong khi người đàn bà, vợ chàng, nhất định không chịu qua, đòi ly dị và cố chèo kéo giữ chúng lại. Hai đứa con là một thứ con tin để vừa moi tiền vừa để trả thù tình cảm.

Đó là chuyện chàng phải đối phó với người bên kia đại dương. Tại đây chàng cũng bận tâm đối phó với một người đàn bà. Tên nàng là Martinez, cũng như chàng là dân nhập cư, có điều cha nàng nhập đất Mỹ thuộc thế hệ thứ nhất, nàng là nhị thế. Tuy là một dân Mỹ trăm phần trăm, nhưng đầu óc nàng vẫn đặc sệt chất Mỹ La tinh. Chừng ngoài ba mươi, đã có bằng cao học về giáo dục ở một nước Nam Mỹ. Chàng cười về bằng cấp của nàng, có lần bị nàng giận trợn mắt cự:

- Mỗi xứ có một nền giáo dục riêng, anh không nên cười mỉa mai như thế!

Bởi chàng biết có nhiều giáo sư gốc Nam Mỹ, trên bằng cấp tự xưng là Doctor, tương đương như Ph. D. của Mỹ, nhưng trên thực tế, thời gian học cũng như trình độ chỉ cao hơn B.S., B.A. chút xíu thôi. Khổ nhất cho chàng là khi nghe họ nói tiếng Anh, chàng và các bạn Á Đông không hiểu họ nói thứ tiếng gì, chỉ thấy họ cong lưỡi phát âm có nhiều giọng R quá. Matinez thì không thế, nàng xoắn tiếng Anh lưu loát và đúng mọp luật như một Mỹ da trắng sinh sống lâu đời ở đây. Do đó có lần nàng trả đũa chàng:

- Anh nói tiếng Anh như dân Avignon Pháp nói tiếng Anh vậy.

- Đúng thế, vậy mà có người khen là sang đấy, là rất Âu châu đấy!

Lời khen lịch thiệp này là của chính Martinez ban tặng chàng trong buổi sơ giao

Nàng nói:

- Nghe anh nói tiếng Anh, em nghe như đầu dây nét thanh lịch của dân Paris!

Những gì của Âu châu là Martinez khen lầy khen để, còn cái gì của Mỹ đều bị nàng chê hết. Tây ban nha là nhất, Bồ đào nha là nhất. Nàng góa chồng, tác người cao lớn, nước da ngăm đen. Chàng bỏ qua khuyết điểm này để thấy rõ ưu điểm là nàng có cặp chân mày rậm, mi cong vút và mái tóc thật dày màu nâu sẫm, nói chung là nàng có duyên thầm. Một khuyết điểm khác là cách phục sức và trang điểm của nàng quá xuề xòa. Chàng có lần nhắc khéo nàng về chuyện này, nàng trả lời:

- Em không phải là người mẫu hay một tài tử chiếu bóng. Em như thế đó, anh có chịu thì chịu, không chịu anh đi tìm người khác đi!

Chàng nhớ lại buổi mới gặp nhau, trong một buổi hội thảo về ngôn ngữ. Nàng đại diện cho ban Tây ban nha, thuyết trình về *Tiếng tây ban nha tại Nam Mỹ*. Trong phần góp ý, chàng có khen những chi tiết trong bài là phong phú, nhưng cũng đưa ra nhận xét là vấn đề rộng lớn quá. Giống như đề tài tiếng Anh ở chính quốc với tiếng Anh lai thổ ngữ tại các xứ thuộc địa Anh cũ; tiếng Pháp ở Paris với tiếng Pháp của các dân tộc hải đảo Thái Bình Dương và Phi châu. Nàng cảm ơn và nhận điều nhận xét đó là đúng.

Đến lượt chàng, muốn bầu không khí tươi lên, chàng đưa ra nét biến chuyển tài tình của tiếng Việt, tuy có nhược điểm là không chia động tự

được, nên thiếu chính xác về thời gian. Chàng đưa câu ví dụ ngắn ngủi của linh mục giáo sư Lê Khắc Lý: *Sao không bảo nó đến? có thể đảo vị trí để tạo thành 25 câu nghĩa hoàn toàn khác nhau: Nó đến sao không bảo; đến sao không bảo nó?.....* Tiếng Anh, tiếng Pháp dịch năm chữ này của Việt Nam thành những câu khá dài. Câu chuyện ngắn của chàng đã gây được nhiều tiếng cười thích thú và một tràng pháo tay giòn giã.

Vào giờ nghỉ uống cà phê, Martinez đến làm quen, bắt tay chàng, khen:-

- Ngôn ngữ nước ông lạ thật, và ông đã cho chúng tôi nghe một bài nói chuyện bổ ích. Rồi nàng nói tiếp:

- Ông có tài nói trước đám đông, còn mấy ông già kia- nàng hát hàm về phía một vài người Trung Đông và Đông Âu khác – thú thực với ông, họ nói tôi chẳng hiểu gì hết!

- Cám ơn bà có lời khen, tôi chỉ nói ra những điều có thực ...

- Cứ gọi tên tôi cũng được, tôi sống độc thân.

Rồi nàng rủ đi ăn sáng, ăn trưa, nàng ra chiêu trước, đến khi được mời đến nhà ăn tối, mối thân tình coi bộ khó gỡ cho ra. Tối hôm đó, nàng đãi một bữa thịnh soạn theo kiểu Nam Mỹ, có rượu vang, rồi cuối bữa là sâm banh. Đứa nhỏ đã ngủ yên trong phòng riêng, người coi trẻ về từ chiều, Martinez và chàng hoàn toàn tự do. Má nàng hồng lên vì men rượu, một điều ít thấy, bởi nước da nâu, giọng nàng vốn trầm và mạnh, lúc này được vẻ lãng mạn:

- Em tưởng em chỉ thích anh thôi, nhưng em nhầm, em yêu anh.

- Cám ơn em ...

- Bỏ cái giọng khách sáo đó đi. Thật khó hiểu quá, tại sao lại yêu anh?

Rồi nàng vòng ra sau ghế, bóp vai chàng, không cần đợi chàng trả lời, cúi xuống hôn chàng, nụ hôn có hơi rượu và mùi thịt bò. Tuy hãnh diện hấp dẫn được người khác phái, nhưng chàng hơi ngạc nhiên

và hơi bất mãn là không ứng dụng được nam tính của mình là chinh phục là tấn công trước.

Có đến năm năm chàng không gần gũi phụ nữ, muốn sống đời tu hành, bận đầu trí với vợ bên nhà, lo lắng cho hai đứa con còn vắng mặt, lo đọc sách, dạy học. Giờ đây bị tấn công trước, chuyện xảy ra không phải lỗi ở chàng. Dường như lúc đó chàng có ú ở phản ứng sao đó, nhưng có hơi men đồng lõa, bản năng đàn ông trỗi dậy.

Chàng đáp lễ bằng một nụ hôn mạnh bạo, sau đó chuyện phải xảy ra đã xảy ra. Chàng biết trước là nàng sẽ đa tình lắm. Bởi Martinez cao bằng chàng, thân hình thật chắc chắn, mái tóc rậm. Nàng hoàn toàn chủ động, chàng chỉ còn nước chịu trận.

Nàng thở mạnh và bảo:

- Đêm nay ngủ lại đây với em.

- Anh phải về, sáng mai còn chấm thi cho sinh viên ...

- Ô mặc xác đám sinh viên. Đừng nói đến công việc làm ở đây. Anh sống cô đơn mãi chưa chán sao? Em cũng vậy ...

Có lần nàng tâm sự – chưa bao giờ nàng nói nhiều như thế- cuộc sống lẻ loi với một đứa con nhỏ, với công việc không đủ lấp chỗ trống thời gian và tâm hồn em. Nàng ứa nước mắt, nàng khóc thật sự, từ khi quen nhau chàng chỉ biết nàng là người quyết đoán, dứt khoát, không ngờ nàng cũng giàu tình cảm. Em sẽ phải sống buồn chán đến bao giờ? Đến mãi đời chăng? Chàng bị bất ngờ và thấy hơi hài trước tấm chân tình của nàng. Là người đàn bà sống và làm việc bằng lý trí, thông minh, nàng hiểu ngay:

- Em thành thật bị anh cười, em cũng cứ nói, em cần nói. Nhưng coi chừng, đừng đùa với em, không dễ đùa đâu!

Chết thật, khi không mắc vào cái vòng, cái lưới rắc rối tơ vò này. Được yêu thương mà sợ toát mồ hôi! Chàng đã bắt đầu thấy hệ lụy ái tình từ từ xâm chiếm đời sống vốn buồn nản nhưng tự do của chàng. Chàng từ từ, vừa vùng vẫy để thoát

khỏi, vừa thụ động lười biếng nằm im hưởng cái thú vị trên tấm lưới êm ả do Martinez tung ra. Càng gần nàng chàng càng thấy không nên đùa rỡ với người phụ nữ gốc Nam Mỹ này. Ảnh hưởng nàng bao trùm lên đời sống độc thân bất buộc, đôi lúc chàng thấy thiếu tự do. Chàng phải lên tiếng:

- Thì em cũng phải cho anh thoải mái một chút, phải cho anh có đời sống riêng của anh chứ!

Nàng nghiêm trang đáp:

- Anh ích kỷ lắm. Em biết anh vẫn chưa thật lòng yêu em đâu. Nhưng rồi em sẽ thắng, anh phải yêu em, thật đó! Em không thích người Mỹ sống lâu đời ở đây, họ máy móc và bủn xỉn lắm, họ thực tế quá mức đến nỗi em phát sợ. Còn đàn ông Nam Mỹ, em hiểu quá rồi, tuy giàu nam tính, nhưng phần đông thô lỗ, ồn ào, vô tích sự. Em vẫn dành rất nhiều thì giờ cho anh đấy chứ, nghĩ lại coi.

Đúng thế chàng chỉ cần có mặt ở nhà nàng vào những ngày lễ, kể cả thứ bảy. Có rất nhiều thì giờ để nghe nhạc, viết thư cho các con, gọi điện thoại về Việt Nam, soạn bài, chấm bài ...không bao giờ nàng quấy rầy chàng vào những ngày chẵn và ngày chủ nhật. Nàng tính cũng gọn:

- Anh cứ việc bảo lãnh hai đứa con anh, sang đây ở luôn nhà này. Em sẽ luyện giọng Mỹ cho chúng, em sẽ coi chúng như con em, cũng như anh coi đứa nhỏ kia là con anh...

Cái đó mới phiền, gỡ không ra. Cảnh *con anh* và *con em đánh con chúng ta*, một ngày nào đó sẽ diễn ra.

- Anh khỏi phải thuê phòng riêng nữa. Người Nam Mỹ và người Á Đông *ăn hết nhiều, ở hết bao nhiêu*. Anh và em sẽ chung tiền nhau nơi thêm phòng ngủ nữa cho đủ ở. Em sẽ, em sẽ..., nàng đưa ra nhiều chương trình ngắn hạn và dài hạn.

Tấm lưới ngày càng thất lại, chặm mà chắc. Ở chỗ làm việc, đồng nghiệp coi chàng và Martinez

là vợ chồng rồi. Chuyện đó đối với họ quá thường, xảy ra rất nhiều, chẳng có gì phải tò mò. Việc đối phó với tình hình, đầu tiên là phải làm sao không có con với Martinez. Việc thứ nhì là phải về Việt Nam chuyển đầu tiên và là chuyển chót để đưa hai đứa con qua bên này. Khó khăn nhất, là phải thoát ra khỏi ảnh hưởng và sự quyến rũ của nàng, không còn ở cảnh thơ mộng nữa mà là tình nghĩa vợ chồng. Martinez nói:

- Em không nghĩ là anh sẽ mau chán em đâu. Yêu anh, em thiệt thòi hơn anh nhiều. Tùy anh, em không cần cầu xin tình yêu. Em không bao giờ bỏ anh trước, em nghĩ anh không phải là những người dân bản xứ, thay bạn tình như thay áo. Nếu anh xa em, em sẽ sống một mình suốt đời để gặm nhấm cái lầm lẫn, đánh giá sai con người.

Nàng không khóc lóc van xin, chàng đâu phải là triệu phú cao sang như một ông hoàng, cũng không dữ dằn đe dọa. Nàng cứ từ từ, dầm dề tiến tới. Nàng nấu cơm nổi điện, ăn ớt cay hơn cả chàng, tập luộc bún để nấu bún bò Huế. Có một món mà chàng không thể nào ăn được là món rau xương rồng. Khi cần, nàng nốc bia Corona và rượu Taquila với muối, chàng cũng phải đầu hàng. Nàng tìm hiểu phong tục, tập quán Việt Nam không vì tò mò tìm hiểu, mà để thắt mối giây cho chặt hơn.

Chàng nghĩ đến cách rời bỏ thị trấn này để kiếm một việc làm khác, nhưng thời buổi khó khăn, tìm được việc làm đúng với khả năng, ý thích không phải dễ.... Điểm đặc biệt ở Martinez là khi gần nhau, nàng quá tích cực, buông thả hết mình khiến chàng vừa hài lòng vừa e ngại.

Một bạn đồng hương bảo chàng:

- Cỡ cô ấy là anh ban đêm phải cao tay lắm mới trị nổi.

- Sao anh đoán như thế?

Chẳng phải thầy tướng số tôi cũng biết. Mái tóc rậm, giọng nói đục, khào khào là dữ lắm! Phải tằm bổ vào cho lại sức nhé!

Chàng giật mình, ngó trong gương và đứng lên cân biết mình đã xuống ký. Nếu có chênh mảng là nàng biết ngay và cho rằng chàng đã bắt yêu mình đi. Nàng lả lơi, dí tay vào trán chàng, bảo:

- Câu nói *Tối nay anh nhưc đầu* là dành cho đàn bà, không phải cho anh đâu. Anh đừng có giả vờ, đừng có làm biếng!

*

Trong thâm tâm chàng chưa yêu Martinez nhưng có nể vì và quý nàng chân tình thổ lộ và rất thẳng thắn. Khác với một vài người đàn bà da trắng chàng đã có liên hệ. Họ chỉ lợi dụng sức khỏe và tiền bạc của chàng. Họ giả bộ sôi nổi nồng nhiệt, nhưng khi chán, rời bỏ chàng ngay, rất thản nhiên, rất vô tâm. Martinez không thể, nàng rất Á Đông. Nếu nàng như mấy người kia, thật dễ cho chàng giải quyết. Một hôm chàng chỉ nói bằng quơ là thích mái tóc dài màu đen, nàng lẳng lặng nuôi tóc và hôm đó dành cho chàng một ngạc nhiên. Mái tóc nàng vốn màu nâu đã nhuộm đen bóng! Chàng quên và chưa hiểu, hỏi:

- Bây giờ em thích theo một rồi, phải không?

Nàng nhảu nhó:

- Anh quên, anh đã nói là thích mái tóc đen dài phụ nữ nước anh rồi à? Anh không khen em, còn hỏi nữa!

Chàng phải xin lỗi, không ngờ nàng chiều mình đến như vậy. Về giải trí, cả hai cùng có sở thích ưa đọc sách, nghe nhạc cổ điển và nhạc nhẹ tình cảm. Cho nàng thưởng thức những bản nhạc buồn Việt Nam, Martinez phê bình:

- Tuy không đơn điệu và thê thiết như nhạc Mỹ Da Đỏ, sao em nghe thấy buồn thảm quá. Hèn chi nước anh bị đô hộ hàng trăm năm, hàng nghìn năm. Dân nước chậm tiến là như vậy đó. Cũng như dân nước em và rất nhiều nước Trung Nam Mỹ lời nhạc cũng buồn lắm, tuy nhạc thì ảnh hưởng từ Tây ban nha. Dân bị trị, dân mất nước thường có những nét nhạc buồn. Nhưng em rất thích nhạc dân dã rất độc đáo nước anh.

Từ chuyện âm nhạc, nàng nhảy sang chuyện chính trị, chê trách Mỹ. Nàng nói Mỹ đối với các nước tại châu Mỹ theo chính sách sâu sau, sâu nhà rất kẻ cả và trịch thượng. Cũng như cung cách đối xử với các nước đồng minh. Chắc anh thừa hiểu có nhiều loại đồng minh, như với Anh, Pháp, Nga là loại một, còn các nước nhược tiểu tiếng là đồng minh, nhưng chỉ ở vào loại ba thôi. Đã từ lâu chàng cố quên biến cố 1975, quên đi quá khứ đau buồn, nghe gợi lại, chàng thở dài. Đó cũng là khía cạnh giữa chàng và nàng có mối đồng cảm, chưa kể cả hai đồng nghiệp, nghề *gõ đầu trẻ lớn*, có những câu chuyện, những vấn đề chung để trao đổi.

Nàng tấn công lối giáo dục tại Mỹ. Cũng như chàng, cho rằng nhất tự vi sư, bán tự vi sư, thầy là thầy, nhưng quan niệm mới, thầy chỉ là bạn, là anh, chị. Với trẻ nhỏ, nàng trách nhà cầm quyền không trực tiếp can thiệp để học sinh xem ti vi nhiều giờ hơn là giờ học ở trường ở nhà. Với sinh viên, chủ trương để sinh viên phê bình giáo sư quá trình độ của họ và dựa vào đó để đánh giá giáo sư là điều trái ngược. Người ta chủ trương thầy phải thật giỏi, tri thức phải cập nhật hóa, nhưng quên đi là cũng cần phải có sinh viên giỏi, chăm, cần tuyển lựa sinh viên. Thậm chí coi người thầy chỉ là người đứng bán món hàng hiểu biết, trò là khách hàng, khách hàng chê là thầy thất nghiệp, thầy dốt. Thật ra thời buổi bây giờ, đó là sự thực chua xót, nhưng không chối cãi được.

Nàng khá bảo thủ, trong khi chàng buồn nhớ lại chuyện học hành thi cử hiện nay, thầy cô bỏ lớp kiếm việc làm để sống hơn, trò bỏ học đi kiếm cơm trước đã, ở bên nhà. Chàng trêu nàng:

- Em là thế hệ thứ hai ở đây rồi, chưa Mỹ hóa à?

- Mỹ hóa tùy từng cái chứ!

- Em bảo thủ trong lớp học nhưng không bảo thủ trong phòng ngủ.

Nàng xấu hổ và bất hợp tác mất một tuần. Martinez hay hỏi chàng về phong tục tập quán Việt

Nam. Áo dài, nón lá, nước mắm, nằng biết rồi, còn biết cách chế biến nước mắm ra sao nữa. Còn món chả giò nổi tiếng thế giới, nằng học cuốn và chiên mãi chưa thành công mà chiếu cố tận tình! Câu tục ngữ *vắng chúa nhà, gà mọc đuôi tôm*, hay *vắng chủ nhà, gà vọc niêu tôm*, nằng hiểu cả hai nghĩa, và còn biết cái *nổi* khác với cái *niêu* ra sao.

Năm đó gần Tết nguyên đán, chàng có dịp giảng cho nằng nghe khá nhiều về phong tục tết Việt Nam, chàng hài lòng đã có một trò thông minh mau hiểu. Càng về gần cuối năm chàng càng bị giằng co, chọn lựa là nên *dứt giây chuông* hay thắt chặt giây chuông. Đúng là cảnh bở thì thương, vương thì tội, cũng như chàng hiểu rõ được nghĩa câu quen hơi bén tiếng. Đi vấn kế bạn bè, họ bày cho nhiều giải pháp mà chàng không thể dùng được:

Chàng sẽ nói dối với Martinez là vợ chàng đã hòa lại với chàng, bằng lòng cho bảo lãnh qua cùng với hai đứa con, nên buộc lòng phải xa cách nhau.... Không, chàng không thể nói dối, không thích nói dối như thế muốn thành thực với lòng mình và với Martinez, một cô giáo có cá tính mạnh, trực tính.

Qua hai ngày lễ Tạ Ôn và lễ Giáng Sinh, nằng cho chàng thưởng thức món ăn Mỹ chính hiệu con nai vàng, chàng no đến tận cổ, ớn mùi món ăn Mỹ đến mang tai. Hai đêm đó chàng ở lại và là đêm của nằng, nằng chủ động như hỏa diệm sơn. Sáng hôm sau nằng gật gù:

- Còn ngày Tết âm lịch của anh nữa đấy...

Nằng bỏ lửng và nở nụ cười bí mật. Đã trải qua nhiều cái Tết vô vị trên đất Mỹ, chàng thờ ơ, rồi bị công việc cuốn hút, chàng cũng chẳng nhớ ngày nào là mừng một Tết.

Sáng thứ Tư, chàng nhận được cú điện thoại, giọng nằng vui vẻ:

- Hôm nay là ngày thứ Tư, ngày chẵn của anh, nhưng cứ ghé em đi. Anh sẽ nhận được món quà Tết.

Mình tệ quá, Tết nhất mà chẳng nhớ, chẳng chuẩn bị đón Tết

Cảnh vật cũng không báo tin gì cho biết là sắp đến ngày đầu năm thiêng liêng. Con người ở thị trấn quê người này cũng đứng đưng. Chàng như lầy nổi mừng vui của cô bạn. Chàng diện đồ lớn để chứng tỏ vẫn giữ phong tục, hãnh diện bởi có người thương yêu mình, biết nhớ đến ngày Tết cổ truyền. Chàng nhớ là đã giảng nghĩa nhiều về những tục lệ Tết cho Martinez nghe. Trên đường lái xe, chàng nôn nao nhớ lại những kỷ niệm Tết hồi còn ở Sài Gòn, ở trại tị nạn Mã Lai..

Đến nơi, bấm chuông, có tiếng nằng vọng ra:

- Chờ một phút!

Chàng phải chờ đến ba phút cửa mới mở. Một khung cảnh đầm ấm chờ đón chàng. Đèn sáng trưng, góc phòng khách bày một chậu đào lùn miền nam, trên bàn một bình hoa cúc khoe sắc vàng thắm. Nằng tươi cười trong tấm áo dài gấm màu đỏ sẫm bông vàng.

Thằng Joe, con nằng đứng kia trông hoàn toàn khác lạ trong áo dài màu xanh lam, hơn nữa trên đầu còn có chiếc khăn xếp cùng màu ngộ nghĩnh.

Chàng ngạc nhiên sung sướng. Nằng bước lại gần chấp tay nói, giọng lơ lớ:

- *Chốt mừng nam mui!*

Chàng quá hài lòng, ôm lấy nằng để khen thưởng, bị nằng đẩy ra và nói bằng tiếng Anh:

- Ấy, không được. Người Việt đâu có ôm hôn vào ngày Tết?

Chàng hơi ngỡ ngàng, nằng nói tiếp:

- Anh mừng tuổi cho cho thằng Joe đi.

Chàng lúng túng, vì không chuẩn bị, rút ví tiền đưa tờ 5 đô la cho đứa nhỏ. Nó nhận tiền, nói cảm ơn rồi quay đi chạy biến vào trong.

Bấy giờ nằng mới ôm chàng, âu yếm hỏi:

- Anh thấy thế nào, đã đúng với phong vị Tết Việt Nam chưa?

- À, à, em giỏi quá. Em là một học trò có trí nhớ tốt, thông minh.

- Tối nay em cho anh thưởng thức món ăn quê hương. Nhưng em không phải là đầu bếp giỏi, ăn

không đúng vị cũng phải khen đó. Em làm bánh đây và gói bánh chưng. Lại đây, mời anh ngồi.

Nàng lắng xằng, đon đả, đưa tay ngón tay dứ dứ:

- Anh chẳng nhớ gì cả. Anh đã nói là tiền lì xì phải bỏ vào chiếc phong bì nhỏ màu đỏ kia mà!

- Anh xin lỗi. Đã lâu lắm rồi anh có mừng Tết đầu.

- Đó là lỗi ở chính phủ Mỹ – nàng khô hài – anh không có lỗi vì họ bắt anh đi làm vào ngày thiêng liêng. Thôi, xem món bánh chưng này có được không, anh?

Trên bàn ngoài mấy món ăn tây phương, chàng thấy một chiếc bánh trông giống như bánh chưng. Hỏi ra mới biết là nàng lấy gạo nếp nấu cơm nếp, rồi xới ra, bọc giấy bạc, hấp lên, xong dùng phẩm làm bánh màu xanh quét bên ngoài bánh. Bên trong cũng có nhân đậu xanh và thịt heo. Khổ nỗi thịt nếm như thịt luộc nhạt thêch, nhân đậu chưa chín, nàng đã bỏ vào máy xay nhuyễn bét, nhai sậm sệt.

- Em không kiếm được lá chuối, nhưng cũng có màu xanh đó chứ. Ngon không, anh?

Chàng phải gật đầu nói dối:

- À, à, ngon lắm!

Đã hết ngạc nhiên, con người kén ăn như chàng đã tắt nụ cười. Còn thứ bánh gì kia nữa? Chàng tự hỏi.

- Đây là bánh dầy, bánh dầy hình tròn tượng trưng cho Trời, bánh chưng hình vuông tượng trưng cho Đất, có đúng không?

Thứ bánh muốn tượng trưng cho Trời được tạo nên bằng *glutinous rice*, dĩ nhiên, ngó mới thấm hại làm sao. Martinez em ơi, em thương anh thì có thương thật đấy, nhưng sao em bôi bác văn hóa phong tục nước anh quá vậy? Bánh gì nát nhão, lởm chởm trông phát ớn thế em ơi!

Thấy chàng nướng mắt ngó thứ gì tròn tròn trên bàn, nàng thôi cười, giải thích

- Lần đầu tiên làm bánh dầy em chưa có kinh nghiệm. Cơm nếp dính quá, xay không nổi!

Chàng tự an ủi: thôi, được thế này là may lắm rồi, cốt ở tấm lòng thành. Chàng vỗ về nàng:

- Em giỏi lắm, anh mới thật đoảng. Cám ơn em đã cho anh sống lại những giây phút xa xưa vào ngày Tết cổ truyền.

Nói xong chàng ứa nước mắt, chàng đã nói thật và tưởng như đang nói với vợ chàng trước năm 1975. Qua giây xúc động, bỗng nhiên chàng cảm thấy lòng trống rỗng, nguội lạnh hẳn. Con người Việt Nam trong chàng, một con người khá cổ điển, bảo thủ lên tiếng

Quả thật Martinez đã vô tình phạm nhiều lỗi lầm. Khổ người cao lớn, cứng cỏi không tài nào phù hợp với tà áo dài mềm mại. Nàng lại mặc quần tây ống chật, thêm sơ xuất nữa, lại đi đôi dép lặc loài. Còn thằng nhỏ, nó không phải là hình bóng của chàng thời thơ ấu. Những bông hoa thì chấp nhận được. Ở không gian nào thì hoa vẫn là hoa, dù là chưa có đào Nhật Tân, cúc vàng Hóc Môn. Nhưng bánh thì quá tệ, không thể chấp nhận được. Thà đừng bày vẽ ra.

Chàng im lặng. Biết có điều gì không vừa ý, nàng hỏi:

- Thế tiền mừng tuổi của em đâu?

Chàng như chợt tỉnh, đánh trống lảng:

- Ó, ơ.. thì con người anh đây là một món quà tặng riêng em rồi còn gì nữa?

- Bữa nay mới nghe được một câu tình tứ của anh.

Nàng thông minh lắm, hình như đoán biết được phản ứng của bạn tình, nàng mới có nét gượng gạo. Nàng hiểu lắm, nghĩ rằng chàng đang nhớ những kỷ niệm xưa cũ ở quê nhà, càng quý chàng hơn, một người rất giàu tình cảm:

- Nay, uống nữa đi, rồi em nhận phần thưởng của anh tặng đấy. Mình lì xì lẫn cho nhau bằng cách đó là thú nhất.

Chàng không trả lời, còn lưng chai vang hai người cụng ly uống hết. Rượu vang trộn lẫn với xâm banh khiến chàng say. Chàng giải tỏa nỗi bất mãn bằng cách tấn công trước. Nàng ngạc nhiên thích thú. Món quà lì xì Nam Mỹ nặng mùi trần tục. Nàng thì thào:

- Ở lại với em đêm nay, em lì xì cho anh nhiều...

Nàng hài lòng. Tết năm ấy, chàng không có pháo, không có cây nêu, không có khói nhang, câu đối. Chỉ có hơi rượu, hơi phụ nữ, mùi kem, dầu thơm, có tiếng nhạc tây phương êm dịu...

Nửa đêm về sáng, đã hả hết hơi men, chàng thức giấc, nhìn qua khe màn cửa. Ánh đèn đường vàng quạch, chàng cảm thấy mệt mỏi rã rời, trống rỗng. Người bạn tình ngủ mê ú ớ trong miệng. Giở đây nàng là hiện thân của cám dỗ, nhảm lẫn. Đùi vai hở hang trong tấm áo ngủ mỏng như sương khói, có làn da nâu mịn màng. Ở phía ngực và hông lờ mờ khoảng da thịt trắng hơn nhờ năng phơi nắng mặc bikini. Thời gian đầu, chàng ngắm nàng và khen là có vẻ uể oải, chán chường, lồi cuốn ngậm. Nhưng sao đêm nay chàng thấy rõ cái xấu xí, chán chường của nàng khi đã no nê, thỏa mãn. Đến đêm nay chàng mới thấy rõ những nhược điểm của Martinez. Đi đứng mạnh bạo, quá thẳng thắn, hai vai ngang, không thôn thả để mặc áo dài cho mềm dịu. Nàng nằm cạnh, miệng hơi há ra, son phấn không còn, mái tóc rũ rượi, thiếu thắm mỹ.

Nàng không hiểu được là sắp có tin không vui. Chàng đã quyết định ngay từ lúc này, dứt khoát rồi. Cũng không hiểu sao mình lại có quyết định mau chóng đến thế. Kể từ ngày mai, phải rời bỏ nơi đây, phải xa lánh người đàn bà này ngay. Nàng không có lỗi gì cả, chỉ vì chàng đã thấy rõ ràng Martinez, người đàn bà Nam Mỹ, không thể trở thành vợ chàng được, không thể là nàng dâu Việt Nam được. Nàng không có vóc dáng quê hương, không biết làm những món ăn quê hương. Tuy nàng đã cố gắng hết sức, nhưng tất cả chỉ là cái vỏ. Cái cốt lõi nàng đã không trở thành, không biến thành được. Nàng không có một quá khứ Việt Nam, không chia xẻ được những vui sướng, đau buồn của giống giòng Giao Chỉ suốt một chiều dài lịch sử.

Martinez là người Mỹ pha lẫn với một chút phong tục tập quán Nam Mỹ. Ngay cả chuyện gối chăn cũng vậy, đó là cách thức của Âu Mỹ, nhất định không phải của phụ nữ Á Đông. Chàng không chấp nhận điều gì trái với tự nhiên. Chàng không cố chấp, chỉ hơi cổ điển một chút. Soi mình trong gương chàng thấy quả đúng như người bạn đã tiên đoán, chàng hơi xanh. Nếu còn đắm đuối vào thứ hồ ly tinh tân thời này, sinh lực sẽ bị rút tĩa mau chóng.

Còn hai đứa con chàng nữa, trách nhiệm làm cha còn nặng nề lắm, trong khi cách giải quyết của nàng về chúng xem ra chưa ổn. Khác giòng máu, chắc gì người đàn bà này yêu thương con mình?

Chẳng có gì giấu diếm, chẳng cần lẩn tránh đi nơi nào khác. Dường như quyết định chột đến chỉ là kết quả của nhiều ngày suy nghĩ đắn đo và nhất là do tấn kịch Tết nàng đã vô tình đóng trò vụng về. Thật vậy, tệ hại nhất là câu chúc đầu năm ngọng nghịu, tất nhiên và rõ ràng thất bại. Tội nghiệp cho Martinez, chỉ vì muốn vừa lòng người bạn tình.

Nàng cũng chẳng thiệt thòi mất mát gì. Chàng biết nàng chỉ tự trách là đã chọn lầm người. Nàng can đảm và có cá tính mạnh mẽ, sẽ không than van, khóc lóc. Dù sao cũng phải cảm ơn nàng đã cho chàng những tháng ngày hạnh phúc có giới hạn. Dù sao cũng nên xin lỗi nàng, tuy chàng không hứa hẹn gì. Chàng sẽ gọi điện thoại hay viết cho nàng mấy hàng chữ đại ý như sau:

Anh nghĩ chúng ta nên xa nhau thì hơn. Lý do thật đơn giản, dễ hiểu. Chúng ta không thể kết hợp với nhau lâu dài được. Anh và em đều cố gắng và đều hiểu rõ như thế. Đừng bi thảm hóa vấn đề như em thường nói. Cho anh xin lỗi em, nếu em nghĩ anh có lỗi. Chúng ta vẫn là bạn và vẫn là đồng nghiệp. Chúc em và Joe vui mạnh.

DIỆU TÂN

(California)

NGƯỜI MẸ

Nguyễn Lân

Từ ngày biết Tố Tâm, con gái mình đắm chìm trong tình yêu, bà giáo Định lo lắng lắm. Tố Tâm là người thật thà tốt bụng, ưa giúp đỡ mọi người, lễ phép với người trên, nhường nhịn kẻ dưới, giàu lòng nhân từ. Cô lại giỏi nội trợ, chăm chỉ công việc nhà và là người con có hiếu. Cô không từ bất cứ công chuyện gì trong gia đình để cha mẹ khỏi đụng tay, ngay cả việc nặng nhọc của đàn ông cô cũng quán xuyến; dù lúc cô mười sáu tuổi, ông giáo Định, cha cô mới ngoài năm mươi. Nhưng Tố Tâm có nhược điểm là yếu bóng vía, hay hoảng sợ, đa lo, lúc nào nàng cũng e ngại không làm vừa lòng mọi người, nhất là cha mẹ. Bà Định biết những nhược điểm của con nhưng bà mặc kệ, vì nghĩ cho kỹ; chính nhờ cái tính thiếu tự tin của con gái mà bà dễ dạy con theo ý mình. Bà chỉ cần con cái biết phục tùng cha mẹ. Bà có cái uy nên con cái sợ, vào khuôn vào phép. Bà chỉ cần con cái biết sợ và bà bằng lòng với lối giáo dục của bà. Vì thế cả hai người con, cậu ấm Lương và cô Tố Tâm đều rụt rè, e sợ trước mặt mọi người, mọi việc, và ngay cả trong trường đời.

Cậu ấm Lương là một thanh niên tốt bụng, hiền lành, chỉ phải cái tính ngại việc và thích chơi. Khi Lương xong Tú Tài Hai, bà Định tính chạy cho cậu cả sang du học ngoại quốc, trốn lính. Xưa kia, ông Định đi dạy học quen nhiều, nay học trò cũ của ông nhiều người có danh phận, nhiều người làm lớn trong chính phủ; nhưng tính ông e ngại, không thích nhờ vả cậy cựa. Vì thế, bà phải ra tay, bà gõ cửa đúng chỗ. Thế là cậu ấm Lương lên đường sang Đức du học, khỏi phải

ra trận. Lòng bà hả hê vì làm tròn bổn phận “mẫu tử tình thâm”. Sang tới Đức, thiếu cha mẹ bên cạnh, lại sẵn tiền ông bà gửi sang, Lương ăn tiêu vung vãi, chơi bời thả cửa, học hành dang dở, tương lai mờ mịt không như mẹ cậu mong ước. Bao dự định, đầu tư vào cậu con trai duy nhất đã tan ra mây khói, tiền ông bà dành dụm cho con đi du học ngoại quốc đã rã thành bọt biển.

Ông bà thất vọng! Sau khi định cư ở Mỹ, ông bà nhần cậu sang; Lương trả lời cha mẹ là nếu ông bà có sẵn nhà và sang một cửa hàng để cậu vẽ tranh bán thì cậu mới xum họp được với gia đình. Ông bà đành chịu thua, chỉ còn trông cậy vào cô Tố Tâm thôi. Tố Tâm đã ngoài bốn mươi, nàng còn sống với cha mẹ đến giờ này cũng là nhờ bà Định biết quản giáo, biết dạy dỗ con đặt chữ hiếu lên đầu. Năm hai mươi tuổi, Tố Tâm đã một lần dang dở do chính tay bà mẹ phá. Bà không muốn con gái xa cha mẹ, nàng còn trẻ, nhẹ dạ, anh chàng bồ lại thuộc loại “hippi”, tóc để xõa tới lưng, râu ria lởm chởm. Ông bà ghét cay ghét đắng. Ngày mất nước năm 75, anh chàng trước khi rời Việt Nam có đến xin phép ông bà và năn nỉ Tố Tâm đi cùng. Nhưng làm sao được! Yêu thì nàng yêu lắm, nhưng Tố Tâm không bao giờ có can đảm xa cha mẹ. Anh chàng đi rồi, nàng như người chết dở... Mấy năm đầu, nàng còn nhận được thư từ, nhưng sang đến năm thứ ba, nàng bật tin anh chàng luôn. Sau này có người quen cho biết anh ta đã lấy vợ bên Mỹ. Tố Tâm khóc mấy tháng ròng nhưng rồi cũng xong, Bà Định thâm nghĩ: “Thế cũng may!” Rồi bà chột sớ hãi: “Chắc con gái nó oán mình lắm”.

Bà hắng giọng:

- Tâm ơi, con ra đây mẹ hỏi!

Tố Tâm đang nấu dở nồi bún thang, nàng chỉ cất giọng:

- Con đang dở tay, chốc nữa cơm trưa xong, mẹ nói gì hãy nói.

Bà Định bực mình, cao tiếng:

- Tắt bếp lên ngay đây, chuyện quan trọng.

Tố Tâm đành vâng lời mẹ, nhưng mặt nhăn nhó, miệng lép chếp:

- Khó thế! Mẹ không để con nấu bếp thì bao giờ mới xong nồi bún thang cúng ông nội chiều nay?

Đợi Tố Tâm ngồi ngay ngắn trên ghế, bà Định nhìn thẳng vào mặt con gái, thung thủng nghiêm nghị hỏi:

- Tối qua mẹ gọi đến nhà Lan Chi, bạn con nói con không đến nó. Con đi đâu và đi với ai vậy?

Tố Tâm tái mặt. Nàng xin phép cha mẹ ở chơi nhà Lan Chi qua đêm, nhưng nàng đã đến nhà Lộc, người yêu mới. Lúng túng, Tố Tâm lắp bắp trả lời:

- Con tới thăm anh Lộc. Mẹ vẫn bảo anh Lộc là người đáng tin cậy mà!

Bà Định quắc mắt, giọng đanh lại:

- Ấy là tao định dùng thằng Lộc để nhờ cậy mọi việc vì nhà mình không có đàn ông, chứ không phải để cô cậu mèo mỡ với nhau. Con gái đi chơi với trai ban đêm tối là đốn mặt!

Tố Tâm nóng mặt:

- Chúng con tuy gặp nhau ban đêm nhưng không có gì đáng phiến trách cả. Anh ấy dẫn con đi chơi vùng Georgetown, đi ciné, trò chuyện về bài vở. Anh ấy đứng đắn, lễ độ và người lớn lắm.

Bà Định đổi giọng, nhẹ nhàng:

- Vẫn biết vậy. Nhưng nếu hấn có ý quyến rũ con, mẹ không để hấn yên đâu!

Tố Tâm thẳng thốt:

- Trời ơi! Mẹ! Con đã bốn mươi hai tuổi rồi!

Bà Định im lặng, thong thả, lạnh lùng đứng dậy bỏ vào phòng ngủ trước vẻ ngơ ngác của con gái. Cách xử sự của bà bao giờ cũng nhẹ nhàng mà cương quyết, các con bà phải chịu thôi. Bà đã để vuột mất cậu quý tử, hấn đã thoát khỏi tầm tay của bà, hấn không bao giờ trở lại nữa! Bây giờ chỉ còn cô con gái, bà không thể để mất Tố Tâm! Bà cần nàng, chồng bà cần nàng. Tố Tâm gần gũi cha mẹ suốt từ nhỏ cho tới giờ, nàng đã quen

phụng dưỡng ông bà, nàng phải hầu hạ cha mẹ cho đến ngày ông bà theo nhau qua bên kia thế giới. Nhất là ở xứ này, ông bà không biết tiếng Mỹ. Ông đã quá già bảy mươi tuổi rồi, còn học gì nữa! Phần bà, bà ghi danh đi học, những tưởng vài năm sẽ bập bẹ nói được mà sao khó quá! Cứ thấy người Mỹ là bà cứng họng, lưỡi thụt vào, ấp úng không ra tiếng, chữ nghĩa biến vào không gian!

Ông Định ngày càng suy sệt, có lẽ vì sầu xa xứ, vì thiếu bạn tâm giao.

Ông không còn ham thích dự những cuộc vui của cộng đồng người Việt nữa. Ông khổ sở vì sống ở cái xứ văn minh này. Quyết định ra đi là của bà chứ không phải của ông. Bà muốn bứt ông ra khỏi đám bạn già mà bà nghi họ chơi bởi hút sách. Bà sợ ông ghiền ả Phù Dung, mê bàn đèn, đọc tẩu; chứ cũng chẳng phải bà nghĩ đến tương lai của Tố Tâm, con gái đã quá thì còn làm gì được nữa, ở vậy lo cho cha mẹ là đúng rồi. Bà Định là người duy nhất trong nhà ham sang Mỹ. Ngày còn ở Việt Nam với Cộng Sản, Tố Tâm đã là giáo sư Anh Văn, nàng dạy tiếng Anh cho những người sắp đi ngoại quốc, tiền bạc thu vào nhiều, vì thế nàng cũng chẳng thiết đi. Sang tới Mỹ, nàng học về ngành Luật, nàng trở thành một phụ tá đắc lực cho một luật sư Mỹ. Dù công việc bề bộn, vì nàng phải lo đối đầu với khách hàng người Việt, nàng vẫn thu xếp đưa cha mẹ đi chơi hằng ngày sau bữa cơm chiều. Những ngày cuối tuần, nàng đưa ông bà Định đi xa ngắm thắng cảnh, đi chợ Việt Nam, đi chơi bài, đi xem văn nghệ để ông bà khỏi cảm thấy tù túng, lạc lõng.

Nếu cuộc đời cứ mãi êm trôi như vậy, bà Định cũng vui rồi. Những mơ ước giàu sang từ thuở mới lấy chồng không còn nữa. Bây giờ bà chỉ mong chồng con mãi mãi bên mình... Bà chỉ sợ con gái có kẻ rước đi thôi. Tố Tâm lấy chồng ai lo cho ông bà, nghĩ liên miên, bà chạnh nhớ tối hai cụ phán, thân sinh ra bà, bà thở dài ân hận...

Khi xưa, bà Định là con nhà giàu, là con gái một, là con cưng của hai cụ phán, được cha mẹ nuông chiều, muốn gì được nấy. Khi gặp thầy giáo Định đẹp trai phong nhã quá, bà mê say ông và quyết lấy cho kỳ được dù hai cụ phán không ưng vì thầy Định nghèo, con nhà thanh bạch. Hai cụ muốn gả con cho nơi giàu sang phú quý, học vấn cao như bác sĩ, kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ để cô con gái rước có một cuộc đời phong lưu nhàn hạ. Nhưng trước ý chí cương quyết của con gái, các cụ phải chiều lòng. Các cụ mang chàng rể về nuôi, tránh cho con cái cảnh làm dâu. Bố mẹ chồng lần lượt qua đời, bà Định vẫn chưa bao giờ phải lo toan hầu hạ. Kịp đến năm 54, khi đất nước bị phân cắt, ông Định mang vợ con di cư vào Sài Gòn, bà Định theo chồng và từ ngày đó bà không còn nhìn thấy cha mẹ nữa. Thương cha mẹ, bà vẫn thương, nhưng cha mẹ không thể bằng chồng, con cái cũng không thể bằng chồng, chồng là nhất!

Vào Nam, không còn hai cụ phán bên cạnh giúp đỡ tiền bạc, bà Định bắt đầu một cuộc đời vất vả. Đường là một mệnh phụ giàu sang bà trở thành một người buôn bán tầm thường. Bà có gian hàng bán vải ngoài chợ Bến Thành. Bà thức khuya dậy sớm, làm lụng suốt ngày để lo cho gia đình. Rồi khi cậu Lương khôn lớn, bà lại chắt chiu giành dụm để có tiền lo chạy cho con đi ngoại quốc. Ngày cậu ấm Lương đi, bà phải hốt hai bát hụi, sau này lại cất lực làm việc trả nợ. Tuy vậy, bà vẫn thấy tràn trề hạnh phúc với người chồng thương yêu bên cạnh, dù có những ngày ông Định mê rượu chè bài bạc, bỏ bê vợ con, bà vẫn không trách cứ, vẫn khéo léo chiều chuộng mỗi khi ông về nhà.

Ngày bà Định theo chồng vào Nam, hai cụ phán thương nhớ héo mòn, đôi vợ chồng già vẫn kéo dài cuộc sống cô đơn hơn một phần tư thế kỷ. Năm 75, sau khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam, bà Định được tin hai cụ vẫn còn, nhưng bà không thể ra Bắc thăm vì đúng lúc đó bà đang lo

giấy tờ đi Mỹ. Trước ngày đi, bà được tin cha mẹ già đau bệnh, rồi lần lượt qua đời trong vòng vài tháng; bà đau lòng nhưng biết làm sao?! Vì thế, bà sợ Tố Tâm noi theo “vết xe lãng tử” của mình, bà phải chặn trước, bà đánh vào cái tính thiếu tự tin của con gái, làm như sến cha mẹ là chỉ có đời sống trôi nổi bấp bênh, làm như rời cha mẹ là không còn bầu vú được vào ai, làm cho cô ả sợ, co vòi yêu đương mơ mộng, trai gái vẫn vợ lại. Ngoài bốn mươi tuổi rồi, còn yêu đương gì nữa! Bà vẫn nhắc khéo con, nào “có chồng đeo gông vào cổ”, nào “có con nặng nợ trần gian”. Bà hướng dẫn con gái một cuộc sống “chay tịnh” để Tố Tâm từ bỏ ý định lập gia đình.

Đạo này, ông Định xuống sắc quá, yếu hẳn. Lần lần, ông không thể đứng lên đi lại được nữa, hít thở ngày một khó khăn nặng nhọc. Hồi trẻ, ông rượu nhiều, hút thuốc liên miên nên khi già, cuống phổi teo lại, rồi ông bị stroke, liệt giường, nói năng khó khăn, ú ớ không ra lời.

Bà Định và Tố Tâm thay nhau bón cơm, mớm nước. Ông Định không kiểm soát được tiêu tiểu nữa; ông “bậy”, ông “phọt” ra bất cứ lúc nào. Tố Tâm phải cho ông đeo tã như con nít. Lúc cái tã nặng quá, ông ra dấu, Tố Tâm phải hành xử nghề y tá bất đắc dĩ “giường cứt chiếu đá” cho cha. Một mình nàng khiêng ông tắm rửa, thay quần áo cho ông một cách chật vật.

Tay chân bà Định đã bắt đầu yếu, bà không lo cho chồng được nữa, bà khuyến khích con gái “hầu hạ cha mẹ là điều đại phước”. Bà vẫn bảo con là bà bạc phước nên không được hầu hạ hai cụ phán trong những ngày cuối của hai cụ. Đôi khi bà mỉm mỉm cười thâm, tự nghĩ: mình nói với con là mình vô phước không được hốt phân, dọn nước tiểu cho cha mẹ, nhưng chính ra là mình đại phước, mình không có nợ với cha mẹ, không phải nhúng tay vào những thứ dơ bẩn, còn con mình nó mắc nợ với mình. Nghĩ vậy, nhưng bà kín tiếng. Con Tố Tâm nó ngoan và khù khờ, bảo sao nó cũng chịu,

nhất là lời của bà, một bà mẹ có quyền uy, một mẫu mực cho con cái noi gương.

Vợ chồng Lộc là hàng xóm cũ của ông bà Định từ ngày ở Sài Gòn. Cả hai vợ chồng đều thanh lịch, lễ độ nên xưa nay ông bà có cảm tình. Ngày gia đình ông bà Định gặp lại Lộc tại thủ phủ Hoa Thịnh Đốn, chàng đã góa vợ. Vì là hàng xóm cũ, chàng năng lại thăm ông bà và Tố Tâm. Bà Định nhấm Lộc thay vào chỗ của Lương, cậu con trai xa cách mà bà không trông cậy được. Ông Định đã già yếu vì thế bà định nhận Lộc làm con nuôi vừa để nhờ cậy, vừa phân rõ ngôi thứ anh em giữa chàng và Tố Tâm, để cô cậu khỏi lằng nhằng, để thẳng đàn ông khỏi gạ gẫm con gái bà. Bà đã tính kỹ, hành xử đúng vậy mà hai đứa vẫn phải lòng nhau!

Lộc đẹp trai, khéo nói, vậy mà bà quên điều đó. Tố Tâm mang giòng máu mẹ, đã ái mộ Lộc từ lâu, từ hồi còn ở Việt Nam, trước khi chàng góa vợ. Còn Lộc chàng thích tính tự nhiên và cảm mến lòng chân thành của nàng. Hai người trở thành đôi bạn chân tình, họ thành thật thương nhau, lo lắng cho nhau. Biết được, bà Định lo quá, bà không ngờ con gái mình đã lớn tuổi mà còn nồng nhiệt đam mê! Nó giống mình! Bà lạnh người khi nghĩ cái ngày Tố Tâm lập gia đình, nó sẽ quên bố mẹ như chính bà thuở xưa đã quên hai cụ phán!

*

Đã bốn năm qua, kể từ ngày ông Định mất, bà sống một mình trong nhà già vì Tố Tâm đã thành hôn với Lộc. Tất cả những dự tính của bà Định đã bị xáo trộn, bà không chấp nhận cuộc hôn nhân của con gái, nhưng bà đành chịu thua vì Tố Tâm đã quá tuổi trưởng thành. Tố Tâm thương mẹ lắm. Ngày nào sau khi ở sở ra nàng cũng ghé vào nhà già thăm mẹ. Cuối tuần nàng vẫn đưa bà đi chơi.

Từ ngày chồng mất, bà Định tham dự vào những hoạt động của các bậc cao niên, đi nơi này nơi nọ ngoạn cảnh, những cuộc vui nhàn tản, khi

thì tam cúc, chắn; lúc lại tổ tôm, mạt chược. Bà còn tiếp tục học Anh Văn để giết thời giờ chứ không phải để dùng vì đi đâu bà vẫn có con gái lo. Tố Tâm vẫn mang mặc cảm bỏ bê mẹ. Khổ nỗi, Lộc không bằng lòng đón mẹ vợ về chung sống và chàng cũng tránh dự phần vào gia đình vợ. Tố Tâm đau lòng vì nàng muốn Lộc thương yêu mẹ nàng như chính nàng. Lộc thẳng thắn nói với vợ:

- Em lo cho mẹ là việc của em, anh không dự phần vào, anh còn nhiều việc phải làm. Nếu bảo phải lo cho người già thì anh lo cho tất cả các cụ chứ chẳng phải riêng ai.

Tố Tâm biết chồng không ưa mẹ mình vì theo chàng, bà Định tuy là người vợ hiền nhưng không phải là người con ngoan, người mẹ tốt. Suốt đời bà Định chỉ biết tới chồng, biết thương yêu, biết lo cho chồng, nhưng với những người khác bà chỉ biết “dùng”, ngay cả với cha mẹ con cái bà cũng có chủ ý. Nuôi con là có đi có lại như bà vẫn tuyên bố “trẻ cậy cha, già cậy con”.

Tố Tâm buồn lắm, nàng biết chồng không hợp với mẹ mà nàng là người con chí hiếu. Cũng chỉ vì bà Định mà hai vợ chồng cắn đắng nhau hoài! Cuộc sống lứa đôi càng ngày càng khó thở!

Mặc dầu con gái vẫn dấu diếm, nhưng bà Định biết. Bà thừa khôn ngoan kinh nghiệm để hiểu chuyện vợ chồng chúng nó. Tố Tâm hằng ngày đến thăm mẹ nhưng Lộc thi họa hoàn. Ngày giỗ ngày Tết mới có mặt chàng. Nhiều lần, trước mặt bà, Lộc dám nói thẳng để sửa vợ, nào “thiếu tự tin, nhát nhúa”, nào “đụng đầu đổ đảy”, nào hơi tí là la hoảng, làm to chuyện.

Bà Định bức lắm vì Lộc dám nói như vậy là coi bà không ra gì, làm như bà giáo dục con cái sai lầm. Nhưng bà không nói ra cho có vẻ hiền mẫu, không dự phần vào đời sống gia đình của con cho thẳng con rể phải phục và cô con gái sẽ thấy thương mẹ hơn, gần gũi mẹ hơn. Trong thâm tâm bà thấy Lộc nói đúng, bà biết tính con gái từ thuở nhỏ, nhưng chính nhờ nó yếu đuối như vậy

bà mới chỉ huy được con, nó mới thấy bà hơn nó, nó mới nghe lời bà. Bà chỉ cần con hiếu đễ. Bà đã mất Lương vì cậu xa bà khi còn quá trẻ, nhưng bà không bao giờ mất Tố Tâm vì nàng đã thấm nhuần lối giáo dục của bà, đã quen sống trong vòng tay cha mẹ, chỉ thấy yên ổn dưới mái gia đình cha mẹ. Sự nghiêm nghị quá đáng của ông và sự hà khắc của bà chỉ là điều tất nhiên phải có.

Tố Tâm không bao giờ so sánh cuộc đời mình với những cô gái khác có cha mẹ cởi mở hơn, nàng bằng lòng với cuộc sống từ tấm bé, nàng đã sống với cha mẹ già nửa đời người, những lời khuyên nhủ của bà đã thấm sâu vào trí não, vào huyết mạch nàng rồi. Bà luôn luôn là tấm gương sáng, là mẫu người cho Tố Tâm ngưỡng mộ từ lời nói đến hành động, từ cách cư xử với chồng con tới lối giao tế với bà con quyến thuộc, lúc nào bà cũng làm đẹp mặt chồng, lúc nào bà cũng được mọi người khen tụng cái giọng nói dịu dàng mềm mỏng mà uy nghi, mệnh phụ.

Tố Tâm không được những cái khôn khéo của mẹ. Nàng hành xử tự nhiên như trẻ thơ, nói năng hấp tấp. Ông Định đã nhiều lần cần nhằn vợ:

- Con mình ngoan và tâm tốt thật nhưng nói năng chẳng ra đâu vào đâu, cứ như con nít, ồn ào, vô ý thức. Người ngoài nhìn vào coi sao được!

Bà Định nhẹ nhàng trả lời chồng:

- Theo tôi, cứ để nó tự nhiên. Chẳng ma nào nhìn, chẳng thằng nào rước lại hoá hay. Nhiều người ngợi khen, lắm kẻ ngấp nghé, đâu có tốt lành gì! Minh chỉ cần nó lo cho mình, chứ tôi hỏi ông; nó đi lấy chồng, ai lo cho ông với tôi đây?

Bà háy mắt với chồng:

- Cái gì tôi làm cũng có chủ định. Ông để mặc tôi.

- Ấy, thế bà cho thằng Lương đi du học cả mấy chục năm nay, nó đã làm được cái gì?

Bà nhìn chồng, giọng trách móc:

- Nếu nó ở nhà thì đã bị bắt lính, biết đâu xác đã bị vùi dập nơi nào?! Ông mà biết lo ư?

Ông Định bực mình, xẵng giọng:

- Con nhà người ta thì sao? Ai cũng trốn lính thì lấy đâu người bảo vệ tổ quốc?!

Bà nguýt dài:

- Ôi chao! Tổ Quốc! Tổ Quốc đã làm gì được cho gia đình ta? Rõ hão!

Ông đành ngậm miệng, để bà toàn quyền, càng khoẻ thân.

*

Tiếng chìa khóa lách tách tra vào ổ làm bà Định ngưng suy nghĩ, bà biết con gái đến thăm mình. Nó có chìa khóa phòng bà nên bà chẳng cần ra đón.

Tố Tâm ào vào, vội vã:

- Mẹ vào sửa soạn, con đưa mẹ đi xem hoa anh đào ở ven sông Potomac. Hoa đương nở rộ, đẹp lắm!

Bà hỏi vọng:

- Anh Lộc đâu? Anh ấy không đi cùng với mình ư?

- Anh ấy còn bận họp, bận hội này hội nọ, bận lắm!

Bà Định biết ngay, lúc nào Lộc cũng bận, đó là cái cố để chàng thoái thác, để tránh mặt bà. Thoáng nhìn, bà đã thấy cặp mắt con gái mọng đỏ. Lại cãi cọ nhau! Bà không nói gì, lẳng lặng vào phòng thay áo, điểm trang. Ngắm mình trong gương, bà vừa lòng, chỉ tiếc ông Định không còn sống để thấy bà vẫn đẹp. Bà đã bảy mươi nhưng diện lên vẫn còn phong độ chán! Lộc vẫn chọc mẹ vợ là Hoa Hậu Lão Niên! Mà cũng thế thật!

Ngoài phòng khách có tiếng nấc nhẹ của Tố Tâm. Bà chạnh lòng. Bà biết vợ chồng chúng nó cãi cọ chỉ vì bà. Con gái bà và Lộc sống với nhau không có hạnh phúc như bà và ông Định. Chắc hẳn Tố Tâm không thương yêu chồng đủ như bà thương yêu ông. Ngày bà lấy ông Định, bà đã quyết đặt chồng lên hàng đầu của cuộc đời. Con

gái bà không như vậy, nó thương yêu và lo cho bố mẹ nhiều hơn.

Vừa thoa son môi, bà vừa nghĩ tới những đêm trần trọc khó ngủ. Quả thật, bà sợ sống một mình ban đêm. Ban ngày, bà không cần con, bà còn bận vì những hoạt động của Hội Lão, bà còn nhiều bạn bè. Đêm đến, dù đã bốn năm trong căn phòng ấm cúng của nhà già, bà vẫn thấy lạnh lẽo lo âu. Thật là một cực hình! Bà phải chấm dứt tình trạng này. Con gái bà, Tố Tâm không có hạnh phúc với chồng. Tại sao bà không khéo léo khuyến khích nó tìm chân hạnh phúc nơi mẹ? Nếu nó thương yêu và kính để bà, dốc lòng vì bà thì nó sống suốt đời bên bà là nó đủ sung sướng, tìm được sự thoải mái trong tâm hồn, hơi đâu dè

bồng thêm thằng chồng cứng cổ! Tại sao bà không nhẹ nhàng kéo dẫn con gái ra khỏi vòng tay của thằng chồng bạc phước? Hai mẹ con hủ hỉ với nhau không phải là hạnh phúc thế gian sao? Bà đã bảy mươi, con gái bà cũng ngoài bốn mươi rồi, nó phải hầu hạ kẻ cận bên bà cho đến ngày bà nhắm mắt. Bà Định mủm mỉm cười, một kế hoạch mới phác họa trong đầu, toan tính này sẽ làm bà không còn cô đơn trống trải lúc đêm về... Bà biết, bà còn tinh tướng lắm!

NGUYỄN LÂN

(Virginia)

SOVEREIGN REALTY, INC.

3907 Annandale Road, Annandale, Virginia 22003



DIANA DUYÊN NGUYỄN

- Member of Million dollar President's Club
- NVAR Multi-Million Dollar Sales Club
- NVAR, Top Producer
- Chuyên viên địa ốc nhiều kinh nghiệm

Xin gọi

DIANA DUYÊN NGUYỄN

Office: (703) 941-3650

Fax: (703) 941-4692

Cell: (703) 598-6374



BẢO ĐẢM UY TÍN, KÍN ĐÁO, CHUYÊN NGHIỆP

XUÂN NÀY CHÁU KHÔNG VỀ

Thư ngoại gửi đùng về quê ăn Tết
Giờ xóm làng tràn ngập cảnh đau thương
Giặc rút pháo rơi sát vách giáo đường
Đang lúc ấy bày con chiến hành lễ

Tối hôm qua, giặc giật cầu Cái Khế
Nhà gần cầu đành hóa kiếp thành tro
Kẻ không nhà về tá túc bến đò
Người lối xóm gom góp tiền giúp đỡ

Bác Hai Ròm từ bao năm quét chợ
Chạng vạng ra đĩa dỏ cá giăng câu
Sáng dân làng phát giác chết trên cầu
Cổ bị cắt, tay còn cầm râu cá
Bóng thần chết về trong đêm lạnh giá
Dân phập phồng gặp phải những tin hung
Tai nạn ai cũng là nỗi buồn chung
Không ruột thịt cũng tình người lối xóm

Sống với ngoại từ lúc còn để chòm
Cháu học xa, ngày lễ mới về thăm
Cuối mùa Đông vào trước Tết mỗi năm
Hoa nở rộ, én phương xa trở lại

Ngoại để dành trái cây cho cháu hái
Chờ cháu về cắt mấy nhánh mai vàng
Bình pha lê cắm bông điệp, bông trang
Quét dọn lại ngôi miếu thờ Thổ Địa

Cây bùm sụm uốn rồng chờ cháu tia
Mấy đứa ở nhà vốn chẳng khéo tay
Cuối gốc sân hoa đơm trắng khóm lái

Chờ cháu hái để ép vào trang giấy
Bánh phồng nếp nướng lửa rơm vàng cháy
Mứt gừng cay, bánh tráng cuốn chuối ngào
Nến chập chờn ánh lửa dưới trời sao
Nhang cháy đỏ, hương lan trong gió lốc

Cháu thương ngoại, thương vòm trời tuổi ngọc
Đôi guốc sơn, quần áo lụa mới may
Nón vải xanh có nơ bướm bông cài
Làm quà Tết, đẹp lòng cô cháu nhỏ

Cháu vô tư như hoa đồng, bướm cỏ
Lớn khôn dần trong nhịp sống thôn quê
Niềm vui riêng mỗi độ đón Xuân về
Được thư ngoại, lòng ơi buồn biết mấy!

DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN

Lên ...

**Nâng lên tròn trịa xuân thì
Nhón lên gót mỏng cực kỳ khít khao
Hãy hãy lên tới má đào
Lâng lâng lên giữa đường vào bướm hoa
Nhìn lên em gặp hồn ta
Kéo lên em cứ xuýt xoa phong trần
Tình lên quanh đỉnh phù vân...
Gió lên cuốn hết nợ nần giao thoa**

Phan Khâm

CƠN ĐAU MÙ LÒA

Trần thị Hương Cau

Diem Mi vừa tô son vừa nói vọng vào phòng khách:

- Biết hôm nay anh có giờ dạy trẻ nên em không thức. Bánh mì trong lò nướng còn cả phê thì em đã chế vô bình rồi, anh vô ăn đi cho nóng.

Không có tiếng trả lời. Màn hình đang đưa tin tức nóng bỏng từ Israel về, trên rẻo đất Gaza bom đạn cày xới ngày đêm còn chưa thức tỉnh được Hiền. Cả tuần nay anh vẫn cứ lằm lỳ như một cái xác chết biết di động, tê liệt mọi xúc cảm bởi vì anh không làm sao tiêu hóa được lời thú tội của vợ. Anh muốn la hét, muốn đập phá tất cả tan tành để thỏa mãn cơn thú tính đang lồng lên trong người; nhưng rồi trước một cơn bùng nổ, lý trí là thứ cuối cùng còn thoi thóp trong anh lại như đang nheo mắt đũa cột nhắc nhở cho anh biết, anh mới chính là thằng đầu têu đã đưa gia đình tới nguồn cơn tan tác như hiện nay.

Giá như năm trước anh đừng quá lú lẫn đến nỗi tự tin rằng, Kim Hoàng, một cô gái xinh đẹp, ngọt ngào, thua anh đến 32 tuổi đời ấy sẽ yêu anh đắm đuối cho đến ngày răng long tóc bạc như cô vẫn thầm thì bên tai anh hàng đêm, thì bây giờ nỗi đau đón ê chề đâu có bóp nát tim anh đến hai lần như thế...

Lần thứ nhất xảy ra hồi Giáng Sinh. Buổi sáng hôm đó anh còn lơ mơ ngủ thì Kim Hoàng gọi qua. Cô nũng nịu trách móc Giáng Sinh là mùa cưới bên này, bạn bè làm chung khách sạn với em ríu rít phân phát thiệp hồng, em thấy mà tủi ghê. Thậm chí những cô nàng xấu như cá sấu mà cũng vênh vang có người đến rước đi, còn bé yêu của anh cứ phải thui thủi một mình, dù cho bao người sẵn đón em vẫn then cài cửa đóng chờ đợi có mỗi mình anh. Mới xa nhau có 4 tháng mà chao ơi, dài lê thê như là 4 năm, nhưng thôi, đến Tết Nguyên Đán vậy, về với em anh nhé. Cô còn không quên hỏi là chuyện li dị của anh với chị Diệm Mi năm tới chắc

là dứt điểm anh nhỉ, hy vọng tòa không kéo dài thời gian hòa giải thêm nữa, chứ chờ đợi kiểu này, em phát cuồng lên mất (!) Người đẹp mà lời cũng đẹp, nghe tới đâu là Hiền thấy người cứ rạo rục lên như vừa được uống sâm. Cú điện thoại của Kim Hoàng đưa Hiền đến một quyết định táo bạo, tại sao không nắm bắt cơ hội ngay, đại học cho sinh viên nghỉ lễ đến 3 tuần, còn gì để mà chần chừ.

Ngồi trên máy bay mà gan ruột Hiền tự dưng bất yên, chộn rộn. Anh tự cười mình, năm mươi sáu tuổi đời rồi mà vẫn sôi sục y như hồi trai tân. Phải cảm ơn Kim Hoàng đã chu môi thổi phù vào đời anh một luồng gió xuân thì phơi phơi như thế, chứ mà cứ ở đời với vợ anh, Diệm Mi đó hả, chắc giờ đây anh sẽ cứ mãi trì trệ, lù đù như một công chức mẫu mực, sáng cấp ô đi chiều cấp ô về, 19 giờ ăn tối, 20 giờ nghiêm chỉnh chờ xem bản tin chính thống của kênh số 1 trong ngày, và đêm nào cũng tắt đèn đi ngủ trước 10 giờ tối như một bầy gà công nghiệp. Sự hồi sinh như đã soi rọi vào tận mỗi giác quan, hình tượng người vợ cũ được đem ra mổ xẻ dưới một lăng kính khác, một lăng kính âm đạm và rất thiếu khách quan. Người đàn bà ngày xưa từng nổi tiếng là hoa khôi, anh phải đánh đồng dẹp bắc mới xin được bàn tay nàng, giờ đây sao quá đổi cũ kỹ, nhàm chán. Hiền nhớ hồi mới lấy nhau, Diệm Mi rất ít khi trang điểm, thậm chí nước hoa cũng không, vậy mà giờ đây, không kể đi làm thì thôi chớ ngay cả đi chợ, cô cũng tô chuốc cẩn thận. Tuổi đời của phụ nữ hình như tỷ lệ thuận với thời gian ngồi trước bàn phấn. Hiền có hỏi thì cô trả treo liền:

-Già rồi thì ai chả vậy. Với lại em phải đẹp luôn luôn kéo hàng xóm nhà mình tưởng anh có hai vợ, một bà ngày thường đi làm thì diện ngất còn một bà đi siêu thị với chồng thì xập xệ, xềnh xoàng!

Đến chuyện nội trợ còn chán hơn, những ngày chung sống với Kim Hoàng, hôm nào cô bé cũng xăng xái trở tài mỗi bữa ba bốn món cầu kỳ bỏ dương lợi khí, nài ép anh phải ăn suốt bữa thì bội

thực, trong khi 24 năm sống chung với Diệm Mi thì thống kê ra chắc hơn 23 năm là ăn đồ xào rau quả, trộn chung với com, mỗi người mỗi tô cứ như là cho heo ăn; rồi những lúc Hiền đi đâu về, Kim Hoàng luôn luôn chờ đón anh tại cửa nhà với một chiếc khăn mát lạnh và một vòng tay ôm quanh cổ rưng rục đam mê, còn về với vợ thì nhà cửa gì mà lạnh lẽo như nhà mồ, anh phải thò đầu vào từng phòng mới tìm ra được vợ đang mê man đọc sách còn hơn cả mê chồng, và nhiều bận quên nấu ăn, cô đã hồn nhiên mời anh trệu trạo nhai món bánh mì đen cứng ngắt, chọi chó chắc chắn chó chết ngay. Những thứ đó, Hiền nghĩ cũng chưa là hệ trọng, có lẽ vì... *lâu rồi, đời mình cũng qua (*)* nhưng cái làm anh chạnh người mỗi khi nghĩ đến là sự lạnh lạnh giữa hai vợ chồng. Ngày tiếp ngày với những đụng chạm ra vào quen thuộc dần dà dẫn tới sự chai cứng trong mọi cảm giác. Còn đâu cái ầm áp, cái thiêng liêng đầy ấp tin yêu khi được cọ sát, gần gũi nhau; cầm tay vợ mà thân nhiên cứ y như cầm chính tay mình thì coi như cuộc tình đã đi vào đoạn cuối. Trái lại những khi kề cận bên Kim Hoàng, cái áo ngủ sa tanh cũn cũn như cổ tình mời gọi, chỉ cần đặt tay lên vùng da thịt căng mịn, ngà ngọc trầm hương đó thôi, thì tất cả những phiền muộn trong cuộc sống đều như bị trôi tuột vào phía sau lưng, để khẳng định với chính mình, đâu là niềm vui có thực trên thế gian này...

Chuyến bay dài 17 tiếng lê thê rồi cũng chấm dứt việc hành hạ những kẻ đang hồi xuân như Hiền. Không cần đưa đón gì cả, anh nhảy ngay lên Taxi về căn hộ của Kim Hoàng để dành cho cô sự ngạc nhiên mà theo anh là đầy ấn tượng nhất kể từ khi hai người quen nhau. Mới hơn 9 giờ mà bé yêu của anh đã tắt đèn đi ngủ. Ngủ nhiều thì bé sẽ lại càng đẹp hơn. Nhưng hôm nay ngoại lệ, phải thức mèo con dậy thôi. Niềm vui như đã chấp cánh cho Hiền phóng tung hai bậc, vụt một cái là lên đến tầng bốn với kỹ lục thế giới. Căn hộ này chính Hiền đã thuê cho Kim Hoàng nên anh cũng có chìa khóa riêng và xộc ngay vào phòng ngủ.

180 năm trước, Nguyễn Du đã mô tả Từ Hải chết đứng ra làm sao chắc giờ đây Hiền cũng đã chết đứng như thế: Kim Hoàng bé bỏng- nai tơ- mèo con-cục cưng-cục vàng của anh đang cuộn

tròn ngon giấc trong vòng tay một người đàn ông khác! May mắn Việt Nam không phải là Mỹ, súng ống không được tự do giắt kè kè bên lưng, nếu không, chắc chắn đêm đó ít nhất thành phố cũng phải có hai người chuyển hộ khẩu xuống âm phủ. May mắn thứ hai nữa là nhờ vào thói quen sáng nào cũng đứng dưới bóng sen tắm nước cực nóng- cực lạnh xoay vắn trong vòng 5 phút đã giúp cho sự tuần hoàn máu trong cơ thể của Hiền đề kháng được mọi bất biến, dù là cơ học hay tâm lý tác động từ bên ngoài vào, nếu không thì nguy cơ tai biến mạch máu não hay nhồi máu cơ tim trước một sự cố kinh hoàng như hôm đó sẽ dẫn tới việc đột quỵ như chơi.

Hai ngày sau Nô-el Hiền mới lấy được vé qua lại được Đức. Ngồi đợi máy bay ở phi trường, mua một tờ báo đọc đột thì giờ, vô tình có hai câu thơ của Hoàng Nhuận Cầm làm Hiền chết điếng: *Quả tim anh như căn nhà nhỏ/ Gió em vào nếu chán gió sẽ ra.* Hiền đã trúng nhằm ngọn gió độc nhất trong đời một người đàn ông, đó là ngọn gió phản trắc, ngọn gió dối gian. Anh nghiêng rằng kèn kẹt nguyên rủa Kim Hoàng không tiếc lời (tuy vốn từ của anh trong lãnh vực này nhiều nhận lầm là đây một cái lá mít). Nếu Kim Hoàng mà xuất hiện trước mặt Hiền lúc đó chắc anh cũng không ngăn được cơn giận để bóp nát cái gương mặt mỹ miều của cô như anh đang vầy vò tờ báo vô tội trong tay. Anh đầu hai thứ tóc; anh, học vị cao nhất nào cũng có trong túi, suốt cả đời toàn gặt hái được những thành công khiến anh tự tin đến độ thấy quyết định nào của mình cũng chuẩn xác, vậy mà nay bị một con bé nhãi ranh gạt cho ngã nhào, xác bác xang bang.

Từ ngày trở lại Đức, Hiền chán chường thả nổi cuộc sống của mình. Buồn rầu, nhục nhã, hồi tiếc những những bám theo anh vào tận cả giấc ngủ, còn ban ngày tuy vẫn lên lớp đều đặn theo một quán tính vô thức nhưng hồn vía của Hiền thì mù mịt trong một cõi hoang hoải u sầu nào đó; tệ hại đến nỗi không ít lần bọn sinh viên phải âu yếm nhắc nhở, thưa giáo sư, chương này giáo sư vừa giảng ngày hôm qua rồi đấy ạ. Một lỗi lầm gần 30 năm đứng trên bục giảng anh đã chưa lần nào va vấp. Tựa tựa như sự ăn năn pha trộn với lòng bao dung của các Phật tử thuần thành vào những ngày đại lễ

thường phóng sanh chim muông, cuối học kỳ đó, anh phá lệ cho tất cả sinh viên ban cao học tồn đọng từ nhiều năm, đều đậu trót lọt cái môn Vật lý Hạt Nhân hắc ám mà họ khiếp sợ đến mất ăn mất ngủ từ bao kiếp nay. Buổi tối vò vò một mình còn kinh khủng hơn, Diệm Mi có mặt bất cứ nơi đâu. Anh thấy rõ mồn một cô đang bụng chứa vượt mặt ngời chăm chỉ đan vớ nón cho đứa bé sắp chào đời, thứ nào cũng màu tím; cô giải thích màu hồng phấn cho con gái còn màu xanh trời cho con trai, pha hai màu đó lại sẽ ra tím cà, trai gái gì mặc cũng không phá cách. Rồi có lúc anh lại thấy mình đang lo lắng đi lại trước phòng hồi sinh, Diệm Mi hôn mê bằng bạc vì bị băng huyết suýt mất mạng sau lần sinh con. Nháy mắt một cái là hình ảnh Diệm Mi phụng phịu khi anh nhân nhớ là sao em cứ bắt anh ăn chay hoài vậy... Hiện còn nhớ luôn những lúc vợ chồng cãi lầy nhau, phải thành thật công nhận bây giờ nghiền ngẫm, lời nào Diệm Mi nói đều đúng như thánh:

-Anh tin em đi, các cô ấy chỉ dùng đàn ông bên này làm cầu nối để thoát khỏi cảnh túng cùng chứ làm sao mà còn chuyện cú sét ái tình ở thời đại này nữa đâu anh. Các ông phải dòm lại mình đi chứ, các ông có phải là ca sĩ nổi tiếng, ngôi sao điện ảnh số một đâu để mà các cô trẻ măng trẻ mướt, thua ông đến mấy chục tuổi đời, phải thần tượng, lăn xả vào như thiêu thân! Anh còn nhớ ông Rê không, cái ông hôm trước tới sơn nhà ông bà ngoại đó. Ông Rê đọc báo còn đọc ngược, vậy mà về Việt Nam qua lại, ông kể với ông bà ngoại, con gái bên đó bu ông phui đi không hết, nhưng không biết mấy cô có thiệt lòng không nên bây giờ sáu mươi ngoài rồi mà ông vẫn cứ chèo queo một mình!

Ngày đó tay chưa nhúng chàm, Hiện còn gần giọng với vợ:

- Mấy bà bên này bà nào cũng cao ngạo. Mở miệng ra là chê con gái trong nước dối gian, lơ lửng nhưng đâu phải cô nào cũng vậy. Thiếu gì người tử tế, tính chuyện dài lâu.

Diệm Mi cười khẩy:

- Mơ đi anh! Những cô đứng đắn họ đã lấy người họ yêu, cùng trang phải lứa, chớ dại gì đi lấy một ông cao niên sắp vô viện dưỡng lão để đem về

nuôi báo cô chắc!

Vậy mà cũng chưa hết ám ức, Diệm Mi còn hậm hực thêm:

-Chưa thấy quan tài chưa nhỏ lệ đâu anh. Nhân tiện đây em cũng chơi bài ngựa với anh luôn, ngày nào anh chán em rồi thì anh cứ nói thẳng với em một tiếng, bây giờ cô già quá rồi, cô vừa dữ dằn vừa đánh đá, tôi không thể sống thêm với cô một ngày nào nữa. Thà anh cứ nói như thế, em sẽ đau lắm nhưng chúng ta sẽ chia tay một cách đàng hoàng. Đời em thù nhất là chuyện vụng trộm, bắt một tay hai cá. Em thề rồi, ai du côn với tui thì tui cũng sẽ du côn lại!

Gớm chưa, con nhà tử tế, lại có học mà nói năng cứ y như là dân cứu vãn ngôi ở chợ người (Thú thật đời Hiện chưa tiếp xúc với dân cứu vãn bao giờ, chỉ nghe các thanh niên đi lao động hợp tác bên các nước Đông Âu tài qua cụm từ này). Chuyện gì chớ cãi lý là Hiện không bao giờ chịu thua:

-Em nói gì cũng phải có cái logic, cái trật tự tuyến tính của nó chứ; cái gì cũng phải trải qua thời kỳ quá độ rồi mới đổi mới hoàn toàn được. Ví dụ như anh quen cô nào anh cũng phải thử thách cho thật cặn kẽ rồi mới dứt khoát. Chớ ai mà quen gái hôm trước hôm sau đã đùng đùng về chia tay với vợ, rồi sau đó lỡ gặp thứ cà chớn thì có phải trót quớt cả hai đàng không ?

Hiện nhớ Diệm Mi đã nhìn anh với đôi mắt không phải mang hình viên đạn mà mang cả kho đạn cảm hờn:

-Anh nhiều cuống họng quá em nói không lại. Em chỉ có thể hỏi anh điều này, anh cứ tưởng tượng đi, nếu em cũng nói với anh những câu như vậy khi em quen với một người đàn ông nào khác, thì anh nghĩ sao? Anh có chờ cho em... quá độ không, hay anh đã bóp cổ cho em chết liền tại chỗ hả anh?

Sau này, lúc Hiện và Diệm Mi rã đám, không ai bóp cổ ai cả, cũng không có ai du côn với ai luôn. Anh nhớ khi anh ngập ngừng đề nghị chia tay, Diệm Mi đang ngồi chải tóc trên giường. Nghe xong, cô đã bất động như hóa đá. Bộ đồ lụa tàu, đồ rục đã không ánh được một sắc hồng nào lên mặt Diệm Mi, mà trái lại, nó còn làm nền để tôn gương

mặt trắng như tuyết, suối tóc đen như mun và đôi môi mọng đỏ mím chặt gần như bật máu của cô (Chỗ nhận xét này sao Hiền thấy quen quen, à nhớ ra rồi, miêu tả nhan sắc công chúa, da trắng như tuyết, tóc đen như mun và môi đỏ như máu trong truyện thần thoại *Bạch Tuyết và 7 Chú lùn* của Anh Em nhà họ Grimm (Brothers Grimm). Hình ảnh trước mắt làm Hiền ngây ra, chưa bao giờ anh lại thấy vợ mình đẹp đến chết người như thế, anh xúc động ghen cả lời như khi chiêm ngưỡng một kiệt tác của nhà danh họa. Tự đứng trong một tích tắc Hiền đã phân vân, mình có thả mồi bắt bóng, có đem vàng ròng đổi vàng mã hay không đây(?) Nhưng sau đó rồi anh cũng đành đoạn bỏ đi. Bây giờ mặt mũi đâu mà đến câu mong người ta thứ tha. Nghĩ vậy chứ đêm đêm Hiền cứ âm thầm tha thán qua nhà cũ, ẩn mình vào hàng trúc bá điệp nhìn lên căn gác chuông chim mà anh biết chắc là Diệm Mi đang vẽ tranh trên đó. Lần triển lãm tranh của cô sau này đã cho anh biết tâm trạng người sáng tác; không còn những bức tranh chói lọi màu sắc nóng bỏng nữa mà thay vào đó là những mảng màu u ám, nhày nhụa bầm dập đến nao lòng.

Khi Hiền tưởng mọi thứ đã vụt khỏi tầm tay thì Diệm Mi tự nhiên rộng lượng dịu dàng trở lại.

Liên lạc mãi với Hiền để kết thúc giấy tờ li dị mà không được, đành phải ghé vào trường đại học, nơi anh đang giảng dạy, Diệm Mi mới biết anh phải vào viện vì cơ thể suy nhược đến nổi nước tràn vào cả phổi. Lúc đầu cô đến thăm anh cũng như đi thăm một người bạn cũ nhưng dần dần nhận ra không phải cơ thể mà cả tinh thần anh cũng suy sụp hoàn toàn khiến Diệm Mi rung rung mềm lòng. Cái biển tình thăm thẳm hai mươi mấy năm chung sống tưởng chỉ cuốn trôi được những người ủy mị nay lại triều dâng trong cô đến ngợp ngàn; vợ chồng thì khắc khẩu nhưng hiểu nhau đến từng chân tơ kẽ tóc, mà cũng có khi không cần phải van xin, một cái nắm tay run rẩy, một ánh mắt khắc khoải cũng đủ để thâm thấu tới từng tế bào đang hấp hối trong tim. Diệm Mi hận chồng nhưng vẫn yêu chồng, cô biết rõ điều đó trong những đêm khổ sở quằn quại đến độ gần như điên dại. Hiền dọn ra khỏi nhà rồi nước mắt Diệm Mi mới trào tuôn. Mẹ cứ hay kể, con Diệm Mi là con đại lý, nhỏ không

bao giờ khóc nhè nhè còn khi lớn lên tập xe đạp té trầy trụa, tuột cả da đầu gối ra cũng chỉ nghe hần rên hừ hừ, tuyết nhiên không thấy một giọt nước mắt. Công ơn cha mẹ gìn giữ nâng niu suốt cả một đời để giờ đây lại bi lụy thế thảm vì một kẻ bạc tình. Độ này đã khá nguôi ngoai, nhớ lại những vật vã đó, Diệm Mi còn tự ngao mình, may là mình chuyên trị tranh sơn dầu, chớ mà mình chơi màu nước thì suốt năm qua, tất cả sự bộ tranh của mình hòa với nước mắt sẽ thành tranh sơn thủy hết.

Mà đâu chỉ Diệm Mi là thành viên duy nhất của câu lạc bộ *Chồng Mê Gái*, mấy tháng trước đi chợ Á Đông gặp Kim, một người bạn hồi học chung đại học, đang cấp tay một ông người Đức, cao to như cái cối xay bột mì trong khi Kim thì bé lốt choắt như cái kẹo, Diệm Mi trợn tròn cả mắt:

- Sao lại có sự *thay máu* ở đây? Đừng nói với ta ông ấy là ông hàng xóm tốt bụng cho mi đi xe nhờ đó nghe. Lão chồng quanh năm hen suyễn của mi đâu rồi?

- Về Việt Nam lấy tiền nữ rồi. Việt Nam mình cái gì cũng nghèo đói, thiếu thốn chỉ riêng cái khoản gái tơ thì thừa mứa. Lúc đầu ta cũng hận lão hen ấy lắm nhưng mới đây tình cờ gặp lão ngoài đường, ta chủ động chạy tới nói với lão: thiệt lòng em phải cảm ơn anh vô cùng, sao anh không bỏ em sớm sớm hồi 5, 10 năm trước, để em khỏi phải mất đi những năm tháng hạnh phúc trần gian với ông bò của em hiện nay!

Hai người đàn bà ôm nhau cười ngất. Kim tình tứ nháy mắt với bạn tình mới, liền thoáng kể tiếp:

-To như gấu mà lại hiền như thỏ, bị ta ăn hiếp quá chừng. Tới sở làm thì ông là sếp phòng mình còn về nhà thì mình lại leo lên làm sếp của ông, oách chưa? Vậy mà cũng chưa oách bằng con Ngân ròm em gái ta, chồng nó cũng về Việt Nam lấy tiền nữ luôn. Con Ngân nó sùng quá, bay về Sài Gòn tìm tới mấy mỹ viện sửa sang nâng cấp cái mặt tiền, rồi tân trang cả điện nước bên trong lên hàng tiêu chuẩn quốc tế và cuối cùng là kẹp một chàng bồ nhí, cao mét tám, đẹp từng đường các nam diễn viên Hàn quốc! Ông ăn chả thì bà phải ăn nem mới cân đôi. Đọc luôn cho mi nghe mấy câu thơ chua của một nhà thơ ẩn danh, dành tặng riêng cho các chàng Việt kiều mê gái: *Hôm qua anh đến*

*nhà em/ Ra về mới nhớ rằng quên... năm ngàn /
Anh bèn quay lại vội vàng/ Em còn ngồi đó, ...năm
ngàn mất tiêu.*

Lại một trận cười. Kim sực nhớ ra, quên hỏi chuyện chồng con mi độ này ra sao, Diệm Mi miệng vẫn còn cười, nhưng cười như mếu:

- Ông Hiền nhà mình cá mè một lứa, đang ôm một em trẻ măng, tuổi đáng đầu con. Vài tháng nữa giấy tờ li dị bọn mình sẽ hoàn tất.

Kim lại sôi sục lên nguyên rủa cái giống bội bạc, và sau đó an ủi Diệm Mi bằng cách hăng hái đề nghị sẽ giới thiệu cho Diệm Mi sếp tổng của nó, hiện đang độc thân và rất thích mẫu người đàn bà Á Châu thùy mị như Diệm Mi, bảo đảm chàng mà gặp mi, chàng sẽ hồn xiêu phách lạc liền. Về nhà làm bà Tám, *buôn dưa lê* cho mẹ nghe chuyện chị em Kim, mẹ xua tay như đuổi tà, mi đừng bắt chước mấy con bạn mi, hiện nguy hết rồi. Mẹ ca cẩm cho mấy bài gia huấn:

- Thế nào rồi thằng Hiền cũng quay đầu hỏi hướng, lá rụng sẽ về cội, mẹ bảo đảm với con như rứa. Già rồi mới thấy không ai lo lắng cho mình hết lòng bằng chồng mình đâu con ơi. Nếu ngày trước mẹ mờ nóng nảy như con thì làm sao bây giờ cha mẹ lại có được những tháng ngày bình an như ri.

Không biết có phải vì mẹ cứ chơi đòn tâm lý (Mưa dầm thấm dai), láy đi láy lại cái điệp khúc rằng mà học chữ Nhân hay không, đến khi nhà thương cho ra, Diệm Mi đã rộng lượng đề nghị Hiền về nhà để thuận tiện trong việc chăm sóc.

Về nhà ba ngày, sáng nào thức giấc, Diệm Mi cũng hỏi đêm qua anh ngủ được không? Hiền khí thế, cả năm nay, chưa bao giờ anh lại ngủ ngon lành say sưa như vậy, trong người gần như bình phục hoàn toàn. Tí nữa chắc anh sẽ thêm sức bằng cách tắm nóng-lạnh như ngày xưa, em còn nhớ không? Thấy Diệm Mi định há họng ra nói, Hiền càng lên gân, em không tin anh làm được sao, tí nữa anh sẽ biểu diễn cho mà xem... Diệm Mi xua tay, để yên cho em nói, nhu cầu chúng mình bây giờ là nói thật nên em thấy cần phải cho anh biết một cách thẳng thắn là trong thời gian anh... mẹ gái, em cũng đã có một người bạn trai mới!

Sấm sét nào đang bổ xuống đầu Hiền sáng lòa. Đó là cơn đau thứ hai mà anh phải chịu trong đời.

Cơn đau này dữ dội và tàn nhẫn hơn cơn đau với Kim Hoàng hàng vạn lần. Đền đài thần thánh của anh cháy rụi tan hoang còn thân xác anh thì thâm đen, xám xịt. Thà cứ để cho anh nằm cô quạnh trong nhà thương còn hơn vực anh về đây rồi đốn ngã anh bằng những đòn roi vô hình xé toạc thịt da. Nổi khùng nổi điên lên mấy cũng ráng mà ngâm tẩm chớ quyền hạn đâu nữa mà trách cứ người khi lỗi mình còn bày bày ra đó. Còn cứ mà chơi kiêu gàn bát sách ngâm nga ư ử, đàn ông có quyền năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ được một chồng thì coi như... xưa rồi Diễm ơi! Ngàn lần hỏi là cả ngàn lần tự trả lời: Diệm Mi hoàn toàn có quyền tự do tìm bạn mới. Cụ bà móm mém bên này cũng còn tìm bạn bốn phương hưởng hồ trẻ đẹp như Diệm Mi. Hồi Hiền còn kè kè một bên mà cũng có mấy tay ba trợn nhắm nháy cô, gặp thời cơ vườn hoang nhà trống như năm rồi, ngu gì tui nó không nhào vô bốc hốt. Lúc còn phong độ, chưa bị bó rọ trong hoàn cảnh bế tắc, Hiền rất ít khi tin vào những điều mà anh cứ cho là siêu hình, như khi đọc một câu tiếng La Tinh trong Kinh Cựu Ước: *par pro pari referto* (= to pay like with like, xin tạm dịch một cách vụng về là gieo gió ắt phải gặt bão, còn dịch theo kiểu... cừu vạn nhưng vô cùng dễ hiểu của Diệm Mi là ai du côn với tui thì tui sẽ du côn lại), thì nay nghiệm lại với những hành động u mê của mình, anh mới thấy luật trời sao mà công tâm minh triết vô cùng! Nhưng lý lẽ chính xác thì chỉ giúp Hiền nguôi ngoai trong phút giây, còn cái cách suy nghĩ hạn hẹp với cục bấu phong kiến to chân vùn ngày cứ cương phòng trong đầu Hiền, dề lên bán cầu não trái, nén lên bán cầu não phải, khiến anh ngộp ngạt đau đớn gần như quần quai...

Bước ra khỏi nhà Diệm Mi mới biết trời đang mưa. Mưa bụi mỏng tang không đủ làm ướt áo nhưng cũng làm không khí ẩm sục lên. Diệm Mi khoan khoái hít đầy lồng ngực mùi hoa hồng xen lẫn với oải hương thảo, và có cả mùi hơi đất nồng nồng mà cô lúc nào cũng mê mẩn. Diệm Mi dụ dăng cúi xuống luống hoa mấy tuần trước còn tro một màu đen khô cứng, hôm nay đã nảy lên cơ man những chồi non bụ bẫm của các sứ giả mùa xuân, nào là uất kim hương, dạ lan hương, bạch dã

quỳ, thủy tiên... nhìn không chán mắt. Còn đúng một tuần nữa là đến hôn nhậ lần thứ 25. Hôm qua len lén thử lại bộ váy cưới, Diệm Mi sung sướng vì chui vào vẫn còn vừa vặn, khít khao. Diệm Mi và Hiền lấy nhau vào mùa xuân và sinh con cũng vào mùa xuân. Chao ơi, bao nhiêu là mùa xuân nồng ắm. Hai mươi bốn mùa xuân đầu tiên mình đã một lòng một dạ đóng hết mình vai tỳ nữ tận tụy với chồng con; năm trước được chồng ưu ái cho chuyển lên làm đào thương, khóc ngày khóc đêm suốt nửa là đôi luôn hai con mắt như Lục Vân Tiên khóc mẹ; còn mấy tuần vừa rồi thì tự biên tự diễn vai đào lẳng để bắt chồng trải nghiệm nỗi đau của kẻ bị phụ tình. Vai nào mình diễn cũng xuất sắc, giá mà còn ở trong nước thì bao nhiêu danh hiệu cao quý như là nghệ sĩ ưu tú, nghệ sĩ nhân dân chắc mình sẽ lượm hết ráo. Nhưng tuồng diễn đến đây kéo màn là vừa, hành hạ phạm nhân đã nư rồi, ký giấy khoan hồng đi thôi. Những buồn phiền nặng trĩu, những hờn giận ngút ngàn, những khổ đau gập ghềnh đang vây bủa từ bấy lâu rồi cũng phải được sang trang, nếu không, con người sẽ tự chôn sống vào vũng lầy của chính mình đến chết mất. Chiều nay đi làm về, Diệm Mi sẽ thú thật tất cả: Từ khi anh bỏ tôi ra đi, tôi đã đau đớn co cụm lại, đã lạnh lùng cách ly với tất cả xao động bên ngoài gần bằng các nữ tu Benediktiner dòng kín khổ hạnh, thông dong đâu mà dám tính chuyện trời buộc thêm lần nữa, hả anh? Và còn một điều thầm kín mà ngay chính mẹ cha hay cả anh cũng không bao giờ nhìn thấu: Lộ diện ra bên ngoài là sự li lợm, bướng bỉnh nhưng sâu thẳm bên trong, tôi cũng chỉ là một người vợ đầm thắm, nhu mì như ngàn vạn người vợ khác, đối với chồng là cả trời yêu thương hun hút, cung cúc hiến dâng, ngọc ngà chung thủy, rời nhà cha mẹ ra đi lấy chồng chỉ đau đầu tâm niệm đến cuối đời mỗi một câu: *Một lần là trăm năm(**)*...



Dưới cơn mưa xuân, Diệm Mi hân hoan mừng tượng ra mình sẽ xinh đẹp như thế nào trong lần kỷ niệm đám cưới bạc sắp tới...

Trần thị Hương Cau

(Germany - Tết Nguyên Đán 2009)

(*) Lời nhạc của Vũ Thành An

(**) Lời nhạc của Trịnh Công Sơn

TIỂU SỬ

Tên thật Trần thị Vân Loan, sinh vào 23.12.1959 tại Sài Gòn nhưng gốc gác là người Huế đặc sệt. Ở Sài Gòn học Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật, sang Đức năm 1984 theo diện đoàn tụ gia đình và đôi qua học Điện Toán. Sau khi lập gia đình, chỉ ở nhà chăm sóc chồng và hai con.

Từ hồi lên trung học đã tập tễnh viết văn vì theo truyền thống gia đình của cha lẫn mẹ và 5 chị em gái trong nhà, ai cũng say mê trong việc đọc và viết. Trước 1975 đã viết cho trang Mai Bê Bi báo Chính Luận, báo Dân Chủ; sau khi ra nước ngoài có tham gia viết cho Làng Văn tại Canada và hiện nay đang là cộng sự viên đặc lực của báo Viên Giác tại Đức. Từ năm 2005 đã mày mò tự học vẽ tranh, cho đến nay đã cùng các họa sĩ trong thành phố tham gia triển lãm tranh nhiều lần. Sở trường là tranh sơn dầu lập thể, màu sắc tươi tắn, mãnh liệt.

Dù cầm bút hay cầm cọ, đều làm việc rất nghiêm túc. Luôn luôn cố gắng tìm tòi những điều mới mẻ, vì lòng tôn trọng người thưởng ngoạn. Còn đối với bản thân, theo đuổi nghệ thuật là một lối thoát, dù chỉ là khoảnh khắc, nhưng cũng đủ đem lại những thăng hoa trong cuộc đời nắng gió, đầy rẫy những gập ghềnh này...

Em Sáu Của Tôi

VŨ NAM

Sau nhiều năm suy nghĩ về em Sáu tôi thấy có bốn phận phải viết lại những dòng chữ kể lại cuộc đời của em.

Năm tôi lên hai tuổi, em Sáu đã được một. Sinh năm một chắc là má tôi mệt lắm. Hai vợ chồng gọi là trẻ nhưng cũng không còn trẻ nữa phải lo cho đến năm đứa con. Sau hiệp định Genève chia đôi đất nước, hoà bình lập lại ở miền Nam. Từ một làng chài lưới, nhà lá mái tranh, ba má tôi dời cư về ấp du lịch, nơi có núi, có biển. Thời chiến tranh ấp này đây Việt Minh ẩn núp, nên là vùng mất an ninh, nhưng khi nước nhà độc lập, ấp này trở thành nơi du lịch, người ta có thể đến đó để mở quán ăn, nhà hàng.

Ba má tôi về cắm dùi trên một miếng đất cạnh biển. Cát lên một căn nhà lá, mái lợp bằng tranh, vách bằng lá dừa. Chị em tôi áo quần vá chằng chịt. Có một tấm hình tôi còn giữ mãi đến hôm nay. Trong hình tôi đen đúa, ở trường, chỉ được có chiếc áo sơ-mi màu đen che được cái lưng mỗi khi đang nắng khỏi phỏng da. Sau này khi nhìn tấm hình này, vợ tôi hay cười nói rằng hồi nhỏ tôi xấu quá trời! Hình chụp trước quán ba má tôi, với những người khách du lịch giàu có từ Sài Gòn xuống đây để tắm biển, nghỉ ngơi cuối tuần, sau ngày đất nước đã có hòa bình. Tôi đứng cạnh một thằng bé con tuổi bằng tôi, có quần áo đẹp và giày sandal sang trọng. Trong hình tôi đang nhìn nghiêng hướng mắt về thằng bạn. Đâu thấy thằng mặt tôi, vậy mà bà xã vẫn chê tôi xấu, chắc tại vì tôi quá đen, đứng bên cạnh mấy cậu Sài Gòn có da mặt thật trắng.

Quán ba má tôi bán cà phê suốt cả ngày. Bán thức ăn chỉ có hai ngày cuối tuần. Cứ bất cứ lúc nào khách muốn có cà phê, hay nước giải khát, đều có ngay trong khoảng từ 5 giờ sáng đến 10 giờ tối. Vừa sáng sớm đã có chiếc xe đồ chạy chuyên sớm nhất mang cho quán nửa cây nước đá, để bán cho suốt cả ngày. Đường sữa, cà phê, nước ngọt thì khi

hết ba tôi lấy xe đạp đi đến làng lân cận mua đem về. Ngày thường má tôi ngồi bán lai rai, ba tôi làm trường ấp, làm thêm vườn rẫy. Nhộn nhịp nhất là hai ngày cuối tuần. Khách Sài Gòn xuống tập nập. Ba má tôi phải lo nấu ăn cho khách, bỏ mặc anh chị em tôi muốn làm gì thì làm.

Gió biển hải hòa cứ thổi và từ từ chị em tôi cũng dần lớn lên trong khoảng thời gian thanh bình của đất nước. Dãy núi nằm trước mặt nhà tôi gần đến đồi tôi còn nghe tiếng con man tát (man kêu) mỗi buổi sáng. Sương và mây trắng phủ trong những ngày mùa đông. Hè về lá cây xanh màu rực rỡ. Phía sau nhà là biển, gió biển thổi vào nhà suốt cả ngày. Mùa hè ánh nắng rọi xuống mặt biển. Mặt biển chiếu sáng như màng kim tuyến. Mùa gió bắc, mặt biển lồng lộn với những con sóng, đầy bọt trắng.

Dần dà có tiền ba má tôi phá bỏ cái quán ăn làm bằng tranh và lá dừa, xây lại quán bằng gạch, xi-măng, mái lợp tôn thiếc. Có thể nói quán ba má tôi là trung tâm „dịch vụ“ ở đây. Những người dân từ ở nơi xa dời cư về đây làm nghề hái củi hầm than, làm vườn làm rẫy trồng khoai bắp trái cây; những gia đình được chủ Tây, chủ Việt mướn đưa về đây để làm gát-dan cho những Villa to lớn vừa mới cất, hay đến ba tôi để xin hỏi những giấy tờ cần thiết. Không nườm nượp, nhưng trong quán ba má tôi hằng ngày thường vẫn có khách vắng lai.

Thế rồi nhịp độ chiến tranh ngày càng tăng, khách vắng lai ngày càng vắng, vì những buổi chiều thỉnh thoảng đã có những du kích Việt cộng xuất hiện. Ban đầu chính quyền Quốc gia còn chịu để dân tiếp tục sinh sống nơi đây, sau du kích làm quá nên chính quyền ra lệnh cho dân tản cư về vùng an ninh. Như mọi người dân khác trong ấp, gia đình tôi đành bỏ ấp du lịch, dời lại về làng đánh cá.

Dù xa núi rừng ở ấp du lịch, nhưng từ xa, những sớm mai, hay những buổi chiều, từ nơi nhà mới chúng tôi đều có thể dõi mắt về những đỉnh núi xa xa, màu xanh đậm và mờ một ngày nào sẽ quay về lại nơi đây, khi không còn chiến tranh.

Đến mười tám tuổi, tôi phải vào lính. Tôi xa nhà, xa các chị, dần dà không còn nghĩ đến chuyện của em Sáu. Chuyện về em dần dần mờ như sương chiều mỗi lúc một dày đặc phủ trên cảnh vật theo theo thời khắc của đêm thâu. Lúc đang ở quán

trường tôi nghe nhà nhắn tin ra là nhà đã tìm lại được em Sáu. Qua những thư từ nhà gửi đến, tôi cũng thấy rộn ràng trong lòng. Lý do: Em Sáu của tôi rất đẹp, dù cô mới 17 tuổi. Nhà cho biết thêm, cứ nhìn cô ca sĩ cải lương Phượng Liên, thì nhan sắc của em Sáu tôi cũng vậy. Phượng Liên vóc dáng mảnh mai, giọng ca rất ngọt. Cô đẹp nhưng bao giờ trong tuồng hát mặt cũng dào dào buồn vì đóng đào thương. Dù là anh em ruột, thất lạc nhau từ lúc em còn nhỏ, nhưng nghe tin tôi cũng mong có ngày về phép để gặp em.

Năm em Sáu vừa được gần một tuổi, ba tôi có lăng nhăng với một người nấu ăn cho đoàn hát, tên Di Hai. Rất mê cải lương nhưng ba tôi không mê đào hát mà lại mê người nấu ăn cho đào hát. Có lẽ mỗi buổi sáng đi chợ mua hàng về cho quán ăn, ba tôi đã quen Di Hai. Ba tôi lên lút gặp mặt Di Hai, chớ không ra mặt, vậy mà cũng đến tai má tôi. No mắt ngon, giặt mắt khôn, đang đến mỗi với năm đứa con, cộng giận chồng có vợ nhỏ, má tôi đem em Sáu tôi đi cho.

Chỉ chưa đầy một tháng sau đó, ba tôi nghe tin mất con, về đi xin lại. Đến nơi họ giấu, họ không muốn cho lại. Chúng tôi mất em Sáu từ đó.

Nỗi buồn dần dà vì một đứa em, đứa con bị mất, cũng theo ngày tháng phai pha. Chúng tôi lớn lên với những gợn sóng biển lãng tãng trong ngày hè. Lớn dần lên với những người bạn hàng xóm, như Hùng như Lạc. Rồi qua tuổi thiếu niên, bước vào thời thanh xuân tôi cũng biết yêu đời, yêu người. Hình ảnh em Sáu ngày càng xa hơn. Nhưng Lạc tôi vẫn có bên mình. Cô gái hàng xóm, sớm chiều có nhau. Chúng tôi cùng vào tiểu học ở ngôi trường làng, vì áp du lịch không có trường tiểu học. Chiều thứ bảy tan học, chị em tôi cùng anh em Hùng, Lạc đi bộ từ làng về ấp, nơi còn gia đình tôi và Lạc. Chiến tranh lan rộng, tàn khốc lắm rồi. Chúng tôi linh cảm được rằng ngày chúng tôi xa ấp không còn bao xa. Ngày chủ nhật cuối tuần, xa trường lớp, chúng tôi sống với núi rừng cây cỏ trong ấp. Sống trọn vẹn một ngày, để sáng hôm sau, thứ hai lại phải cấp tập lục đục trở về làng để học.

Tết năm 1973 tôi được về phép thăm nhà và là dịp đầu tiên tôi gặp em Sáu. Chị tôi diễn tả về em Sáu không sai. Nét mặt em giống cô đào cải lương

Phượng Liên lắm. Ở nhà quê nên em không mặc quần áo điệu đà. Em mặc rất đơn giản. Một chiếc áo bà ba màu hồng và chiếc quần dài đen. Tóc em để đến thất lúng. Màu tóc đen mượt. Vóc mình em nhỏ, mảnh mai. Nếu không biết trước là anh em, gặp đâu đó ngoài đường, những thằng thanh niên đang đi lính như tôi, chắc theo chọc gheo, tán tỉnh em ngay. Anh em từ ngày đẻ ra đến mười chín hai mươi năm sau mới gặp mặt lần đầu, nên dù muốn thân thiện cũng không thể thân thiện nhanh được. Hai anh em nói chuyện với nhau như cặp tình nhân vừa mới quen, còn đây e ngại. May mà em đã về lại nhà tôi được hơn nửa năm, nên trong gia đình em không còn ai rụt rè e lệ với ai, ngoại trừ tôi, người anh vừa từ xa về nhà.

Đời lính, nên sau mấy ngày phép rồi tôi cũng phải ra đi. Và em Sáu tôi vẫn đi qua lại giữa hai gia đình cha mẹ nuôi và ruột của mình. Trong thư từ về gia đình lần nào tôi cũng viết vài lời thăm em Sáu. Sau đó tôi còn biết em Sáu sắp lên xe hoa với một trung sĩ Địa Phương Quân. Gái lớn lên thì phải lấy chồng và em Sáu đi lấy chồng là việc bình thường. Tôi ở xa quá nên cũng không về dự đám cưới được. Và tôi chỉ gặp lại em Sáu, cũng như gặp lại gia đình là sau ngày ba mươi tháng tư năm bảy mươi lăm, khi đất nước được gọi là đã chấm dứt chiến tranh.

Nhưng khi tôi vừa về đến nhà sau ngày đất nước vừa hòa bình, thì như nhiều người dân Việt Nam lúc bấy giờ thường gặp những chuyện buồn, tôi cũng biết được một chuyện buồn cho em Sáu: chồng em mới vừa tử trận chỉ trước ngày 30 tháng 4 vài tuần! Đang xin tiền tử thi miền Nam hoàn toàn được „giải phóng“. Chồng chết, tiền tử không có, con chưa đầy một tuổi. Bao chồng chất khó khăn cho người thiếu phụ.

Đất nước vừa có hoà bình. Tiếng súng đã không còn đêm đêm vọng về, nhưng nỗi lo âu về sự đói khổ, thiếu ăn, đã làm mọi gia đình ở miền Nam trong những ngày tháng này cũng thật khổ sở. Trong những ngày này chúng tôi rủ nhau đạp xe trở về ấp du lịch để thăm lại làng bản ở đây và ngôi nhà của cha mẹ nằm cạnh bờ biển. Quang cảnh tiêu điều. Cầu sập. Đá núi lòi ra trắng xoá vì

BÀI TANGO MUÔN THUỞ

Em yêu dấu,

Có đêm không ngủ được, nghĩ đến em nhiều

Thế mới biết đêm dài quá đỗi!

Nghe yêu thương và nỗi nhớ ngập tràn

Ngón tay dài và hình bóng em ngoan...

Anh muốn em là bài Tango muôn thuở!

Anh muốn em là dòng máu luân lưu

Em là niềm hạnh phúc, là nỗi đau dịu dàng

Ngự trị hồn anh và cả trái tim...

*

Em ơi, rồi một mai em sẽ chết

Anh không muốn ghi lên mộ hoa bia đá

Anh sẽ khắc tên em trong trái tim anh

Không đưa em về huyệt mộ,

mà chôn chặt tận đáy hồn...

Em đi rồi, đôi mắt em còn quanh quẩn

Hương đấm say dù lỡ cuộc tình trần

Kỷ niệm ái ân còn đầy hồ hện

Ngày nào cũng ly rượu chén choáng men cay...

Và... diu nhau trong bài Tango không-muốn dứt!

Tình yêu này... đã cho nhau bắt tuyệt...

Em đi rồi, chiều tím cả bờ môi!

Mỗi lúc đêm về, lặng lẽ, đơn côi

Thế mà có một lần, anh làm bài thơ

(mà cả hai tâm đắc)

"Ta hiểu rằng ta không còn cô độc" gửi tặng em!

BÙI THANH TIÊN

(Virginia)

bom đạn. Đường xá đầy những lỗ đào để chống chiến xa. Cây hai bên đường bị bom cây sới.... Phải tạm quên tất cả để bước vào giai đoạn mới của đất nước. Phải làm lại từ đầu. Phải lao động. Trong nhà tôi phận ai nấy làm. Việc ai người ấy tiếp tục. Riêng em Sáu vì chồng chết nên không còn ở bên nhà chồng, em về tá túc lại với nhà cha nuôi. Vì gia đình trong hiện tại chỉ còn mình ông. Dù sao em Sáu cũng phải có bổn phận chăm sóc ông trong tuổi già. Em làm lại nghề may, ngồi may ở nhà, hằng ngày nấu cơm, chăm sóc con nhỏ và người cha nuôi.

Gái một con trông mơn con mắt. Người đời nói không sai. Em Sáu đã đẹp, giờ sau một lần sanh nở lại đẹp hơn. Đang độc thân nên không thiếu ông bướm ve vãn. Nhà cha nuôi của em Sáu cách nhà tôi khoảng mười cây số, nên thỉnh thoảng có việc ngang qua chị em tôi hay ghé thăm Sáu. Ngược lại em Sáu thỉnh thoảng cũng ẵm con xuống thăm gia đình ba má ruột.

Ở miền Nam vào thời kỳ sau năm 75, chắc ai cũng còn nhớ là Cộng Sản có chính sách đưa bộ đội xin vào ở trong nhà dân. Nhà nào đông con cự tuyệt không cho thì họ chịu. Nhà nào ít người thì phải chịu để cho họ ở chung đụng trong nhà. Nhà cha nuôi em Sáu chỉ có ba người nên phải để bộ đội vào ở. Thấy Sáu đẹp, tên trung úy người Bắc, đại đội trưởng, lấy nhà Sáu làm bộ chỉ huy đại đội. Nghĩa là cả ngày và đêm hấn ở đây, ngoài lúc đi công tác. Tên này đã có vợ con ở ngoài Bắc, nhưng lại mê em Sáu kinh khủng, dù biết Sáu là vợ "lính Ngụy". Chuyện anh trung úy bộ đội "thả dè" em Sáu mạnh nha đến tai ba má tôi. Nhưng dù có thương em Sáu, ba má tôi cũng phải để em Sáu tiếp tục ở nhà người cha nuôi để chăm sóc ông trong lúc tuổi ông cũng đã già và đã phải chịu chứng ghiền rượu đế. Mỗi bữa cơm không có nửa xị rượu cho ông là không được. Ông lại có thêm bệnh suyễn.

Biết phận mình không lo gì được cho em trong cuộc sống mới đầy gian nan vất vả, nhưng vì tình máu mủ ruột thịt vẫn còn đó, nên thỉnh thoảng tôi ghé thăm gia đình người cha nuôi của em Sáu, nhất là muốn thăm em và đứa con trai đầu lòng vừa được sinh ra đã mất cha. Tình thương em trong tôi không khảng khít mặn nồng như mùa hè chói chang, không quá lạnh lẽo như mùa đông, mà mơ hồ như mùa thu., bâng bạc với con gió nhẹ. Tôi cũng nghe nói có anh bộ đội đang theo đuổi em

nhưng cũng không biết phải khuyên can em ra sao. Vài chuyện tình của tôi sau ngày đất nước không còn chiến tranh cũng đã đi vào ngõ cụt. Chuyện tình cảm của tôi, tôi còn lo chưa xong thì còn biết lo cho ai! Ngọc từ Sài Gòn lặn lội đến thăm tôi một lần rồi biệt tăm vì biết tôi không thể nào trong hiện tại lập gia đình với Ngọc được. Hoàn cảnh sau 75 đầy khó khăn, có muốn một mái ấm gia đình nho nhỏ cũng là chuyện không đơn giản chút nào. Vài cô gái cùng làm chung trong nhà thầu xây dựng, cũng chỉ là nỗi vui vẻ qua những ngày rộng tháng dài không thấy tương lai trong lúc này.

Nhưng tai họa lớn nhất cho em Sáu là sau khi em có bầu với người bộ đội. Anh này biết tây ông già nuôi em Sáu nghiện rượu nên cứ chiều chiều mua về cho ông một xị rượu đế, uống xong ông còn biết trời trăng là gì, và tay bộ đội cứ ra tay hành động theo những toan tính đã có từ trước. Ngày mọi người hàng xóm biết em Sáu có bầu cũng là ngày không còn thấy bóng dáng anh chàng bộ đội này trong nhà em Sáu nữa. Anh xin đổi đi đơn vị khác hay xin phục viên ra khỏi bộ đội cũng không ai biết, mọi người chỉ biết một điều là anh đã có vợ con ở ngoài Bắc. Điều này do chính những người lính Bắc Việt dưới quyền anh “báo cáo” cho bà con làng nước biết.

Em Sáu lại có bầu, lại sanh con một mình, nói như câu ca dao miền Nam là đi biển một mình! Chị em tôi thỉnh thoảng ghé lại thăm em Sáu và hai đứa cháu không cha. Ba má tôi ít dám bàn nhiều đến chuyện em Sáu vì nghĩ mình có ít nhiều trách nhiệm đến cuộc đời gian truân của em trong hiện tại.

Sau này, khi nói chuyện đôi lúc em Sáu tâm sự với tôi. Minh là đàn bà con gái ở một mình, lại mấy ông cứ nói mình là vợ của “lính nguy”, nên ông hiệp mình, mình cũng phải ráng chịu chớ biết đi thưa với ai. Sau bảy mươi lăm có người vợ “lính nguy” nào dám đi thưa cán bộ, bộ đội nếu bị họ chọc ghẹo, bị hiệp? Không khéo còn bị quì chụp là nói xấu cán bộ! Cũng tại số phận hết anh Năm à! Cũng có thể Sáu bị hiệp, cũng có thể Sáu nông nổi, cũng có thể sự đòi hỏi từ người goá phụ trẻ..., mọi câu hỏi từ từ cũng không ai buồn nhắc đến. Mọi người chỉ thấy Sáu lo tần tảo may vá nuôi hai đứa con mà cha nó là hai người Việt Nam, trong thời chiến tranh Quốc Cộng đã ở hai bên chiến tuyến. Một đã hy sinh cho miền Nam và một đang chôn

tránh vì hành vi “tiêu cực” của mình.

Bây giờ, mỗi khi anh em gặp lại, là mỗi lần tôi thấy em Sáu mập thêm ra. Lại cũng giống y như cô đào Phượng Liên khi tôi thấy cô xuất hiện trên sân khấu ở hải ngoại. Cũng mập ra. Lớn tuổi nên người mập ra là chuyện bình thường, nhưng có lẽ do gia đình không còn quá khó khăn vất vả nên người đàn bà dễ trở nên đầy đặn, có da có thịt. Hai đứa con trai Sáu trở thành tài xế cho một công ty lo về xây dựng. Cả hai đã có gia đình. Một ở riêng và một ở chung với Sáu. Ngoài giờ coi cháu, đưa đón cháu đến trường, hình như Sáu chỉ còn một việc làm và làm mỗi ngày là đánh Tứ sắc, nhất là trong dịp Tết. Tôi nghe hàng xóm Sáu nói như vậy. Tôi cũng thấy, những bà hàng xóm đến rủ Sáu đi đánh Tứ sắc, thỉnh linh gặp tôi họ cũng thập thò không dám vào rủ, phải đợi đến lúc tôi về họ mới dám trở lại rủ gầy sòng. Chắc mấy bà này cũng bực mình vì tôi lắm. Đồ kỳ đà cản mũi. Ai có ghiền bài bạc, Tứ sắc thì biết sự ghiền ra sao.

Nghe Sáu kể hai thằng con trai rất thương yêu nhau. Sáu không cho tôi biết tụi nó có biết là hai đứa cùng mẹ khác cha không. Nhưng chuyện này không quan trọng. Quan trọng là chúng biết thương yêu nhau và cùng lo cho người mẹ đã vì cha chúng nó mà phải trải qua một thời thanh xuân đầy gian truân, khổ cực. Giờ Sáu phải có quyền được hưởng sự an bình, hạnh phúc trong tuổi già bên cạnh cháu con.

Những ngày trước Tết chị em chúng tôi thuận đường xe hay ghé cho tiền để em Sáu sài, sau đó em mang bánh trái qua nhà chị em chúng tôi cho lại. Gặp nhau em Sáu thường lập lại: Giờ ba má cả ruột lẫn nuôi đều chết hết rồi. Hồi nhỏ em không ở được với anh chị vì hoàn cảnh gia đình, giờ em chỉ còn anh chị là ruột thịt, anh chị cho phép thỉnh thoảng em ghé thăm anh chị, nhà có giỗ lễ ba má, anh chị gọi điện thoại cho em, em sẽ đến phụ anh chị cúng kiến, dù gì cũng là cha mẹ của chung, em cũng muốn phụ một tay.

Người chồng trước đã chết thì không nói làm gì. Người chồng sau, bộ đội, mãi đến tận hôm nay vẫn chưa trở lại để nhìn mặt đứa con trai đã có với Sáu.

Đó là câu chuyện về em Sáu của tôi.

Vũ Nam
(Germany)

BẠN HỮU BA MIỀN

ĐỒ PHÚ

Hắn đang lựa chọn áo quần bán đại hạ giá trong dịp những ngày nghỉ lễ, bỗng cảm thấy như có người đang nhìn hắn. Quay lưng lại, hắn thấy ba chàng đang nói chuyện nhìn hắn rồi vội quay mặt đi chỗ khác làm như không để ý đến hắn. Đi vài bước, hắn quay lại, bắt gặp một cặp mắt đang nhìn hắn, rồi lại vội quay qua hướng khác, ba anh chàng Á Châu, không rõ Việt, Nhật hay Tàu. Người đàn ông vừa nhìn hắn, hắn thấy có nét quen quen, hắn vận dụng trí nhớ để xem người này là ai, đã gặp ở đâu, mấy cha nội này đúng là dân Việt mình rồi.

- Anh có phải là Hải Bắc không? Một anh tiến lại phía hắn, hỏi.

- Phải, hắn ngạc nhiên vì có ai biết biệt danh Hải Bắc của hắn.

-Không nhận ra mình hả, Hoàn Trung đây, giờ ở mô, đi mô rứa?

Phải ngấm Hoàn một lúc, hắn mới nhận ra thằng bạn cũ. Hoàn quay qua giới thiệu hai người bạn cùng đi với hắn Thuận và Khải. Lâu quá không gặp nhau, chắc phải trên 30 năm rồi còn gì, Hoàn nói trên 40 năm chứ không phải 30 đâu. Dù ở Mỹ trên 30 năm nhưng dáng mình hạc của hắn vẫn không thay đổi là bao trừ nét mặt nhăn nheo, phong trần hơn, tóc muối tiêu, muối nhiều hơn tiêu, nhờ vậy mà Hoàn còn nhận ra hắn. Hắn kéo cả ba người bạn vào tiệm Mc Donald kiếm chút chút gì ăn, uống cafe nói chuyện. Hoàn kể từ ngày vào Thủ Đức khóa 13 năm 1962 là lúc chúng mình xa nhau, mỗi đứa mỗi nơi, không còn dịp gặp lại nhau. Sau khi ra trường, tớ đổi lên cao nguyên Lâm Đồng, quen

được nhiều em gái Đà Lạt, tớ có gia lắm nên bắt được một em gái hậu phương xứ anh đào, sau là vợ tớ chắc cậu chưa gặp, khi gặp cậu sẽ mến *em* ngay. Tớ có hai con đã trưởng thành, cậu chắc cũng không ngờ đâu, sau bao nhiêu năm vất vả trong quân ngũ, rồi lại đi học tập trên 7 năm, vợ tớ vẫn tần tảo nuôi con, chờ chồng. Bây giờ chúng tớ có cửa tiệm buôn bán xe đạp nhỏ ở quận 3 Sài Gòn, đời sống ổn định lại thêm gia đình nhà vợ đông, mẹ già nên tớ không nghĩ đến xin ra đi nữa. Cái thời của địa ngục cũng đã qua. Hắn hỏi làm sao cậu qua đây, du lịch hả, làm ăn chắc khá? Hoàn nói tớ xin đi theo phái đoàn thương mại tham quan thị trường Mỹ, ghé vào tai hắn, Hoàn cười: tham quan cái nổi gì, có thằng bạn quan chức lớn rử, thấy nó cho cơ hội là tớ xin đi chứ cái tiệm xe đạp của tớ thì cần tham quan, tham kiết gì. Nhà nước xin được chi phí cho phái đoàn, nên tớ chi ít mà được đi nhiều, xem nhiều. Dịp may hiếm có.

Hắn gặp Hoàn vào năm 1955, lúc xuống Cần Thơ làm việc và quen Hoàn lúc ngồi tán chuyện gẫu ở câu lạc bộ thể thao. Những người bạn mới phần lớn là dân di cư mới từ ngoài Bắc hay Trung vào, Hoàn từ miền trung, dạy học cho một trường trung học tư thục. Sau vài lần gặp nhau rồi thân nhau, Hoàn nói hắn muốn mở lớp riêng của hắn chứ không muốn đi làm công cho người khác, hắn khuyến khích Hoàn nên làm, vì thấy Hoàn là người rất năng động, xông xáo. Hoàn là một con người nhiều thắc mắc, nói nhiều, đòi hỏi nhiều, rất kỹ tính. Ít ngày sau đó Hoàn cho biết mới thuê được 1 căn nhà kiểu biệt thự, hai phòng ngủ, 1 phòng khách rộng dùng làm lớp học. Hoàn đã có 1 số học trò. Hoàn kéo thêm Thái từ Sài Gòn xuống là có thể khai

trường các lớp học tú này, Thái là công tử con nhà giàu, kiểu công tử Bạc Liêu, du học Pháp vài năm, chán quá bỏ về, được quảng cáo là đã tốt nghiệp ở Montpellier mà không thấy nói tốt nghiệp ngành gì. Thái sẽ dạy hai môn Pháp và Anh văn. Anh lại là loại người bất cần đời, bất cần tiền nên Hoàn yên tâm phần nào nếu không đủ học sinh, sở hụi. Thế là ba thằng bọn hán dọn vô ở hai phòng. Hoàn nhận lo phần quản lý nhà cửa luôn cả nội trợ.

Chiều chiều Thái dùng chiếc Renault cũ của hán chở cả ba ra câu lạc bộ thể thao ăn cơm tối. Bà Tư chủ quán ăn tại câu lạc bộ, mỗi khi thấy bọn hán tới thì chào hỏi âm ỹ, chào ba cậu Trung Nam Bắc, hôm nay có món canh chua, tôm ướp muối ngon lắm, tàu hũ chiên, khá kho tộ... cái miệng như ống loa của bà Tư làm họ trở thành ba chàng Trung Nam Bắc. Khi thấy hán tới một mình thì mọi người gọi hán là cậu Bắc. Mặc nhiên nó trở thành tên của hán. Hoàn trở thành Hoàn Trung, còn Thái thì ai cũng thấy rõ hán là người Nam, dù giọng nói đã lớ lớ, có khi hán cố tình làm vẻ dân Tây học, vì ở Pháp lâu ngày, nên phần nào quên tiếng mẹ đẻ.

Hải Bắc hay cậu Bắc là tên gọi thân thương của mọi người ở Cần Thơ gán cho hán, Hán cải chính thế nào cũng không được, đành nhận, ai cũng tỏ vẻ thân thiện hay có thể nói không quá là ai cũng yêu mến ba chàng trai trẻ tuổi mới vào đời này. Hán ngạc nhiên và vui sướng thấy sự hội nhập vào miền đất mới quá dễ dàng. Lần đầu tiên gặp người miền Nam hán hiểu họ ngay và họ cũng hiểu hán nói gì ngay. Trái với những điều hán lo lắng như người ta đã nói với hán. Có một số ít từ ngữ như người Bắc gọi *cái cốc* thì người Nam kêu là *cái ly*, người Bắc gọi *cái lọ* người Nam kêu *cái chai*, người Bắc gọi *quả bưởi*, *quả cam* thì người Nam kêu *trái bưởi*, *trái cam*, người Bắc gọi *lạc* trong Nam kêu *đậu phộng*, người Bắc

CHỜ NHAU

(cho tha nhân)

Em thả trôi theo những ước mơ
Phố quen vẫn kẻ đại mong chờ.
Người đi dẫu cũ còn nguyên đó
Nhà vắng đèn khuya lại thẫn thờ!
Ôm phím ngà xưa tìm bóng cũ
Mà nghe hồn ngân khúc đêm thu.
Bỗng dung ta nhớ bài em hát
Dịu dặt lời thơ tiếng sáo ru.
Từ độ em về quên mất lối
Gió ngàn quyến rũ nét son môi.
Còn ta tình lẫn vào sương tuyết
Lặng lẽ buồn riêng một góc trời.
Ngày tháng mỗi mòn xuân chấp cánh
Làm sao em hiểu nỗi buồn quanh
Nắng tàn khói thuốc thâm quầng mắt
Ta vẫn chờ em phố vắng tanh!

Đỗ Bình

(Paris 2009)

gọi *cái ô*, trong Nam kêu *cái dù*, người Bắc gọi *đau*, Nam kêu *ôm*, Bắc nói *khoác lác*, Nam kêu *ba sạo*, người Bắc khen *cô bé đẹp xinh quá*, trong Nam *con nhỏ đẹp xinh quá trời, quá xá...* Nói chung, cách nói, giọng nói của người miền Nam, chậm, kéo dài một cách hết sức dễ thương, ít từ ngữ khác biệt không làm Bắc Trung Nam xa cách, trái lại hán thấy nó kéo họ lại gần nhau hơn.

Sau khi Hiệp Định Geneve được ký kết, Việt Nam bị phân chia làm hai miền, lấy vĩ

tuyển 17 làm ranh giới. Gần một triệu người đã từ bỏ miền

Bắc di cư vào miền Nam, thấy làn sóng di dân quá lớn, quá bất lợi cho chính quyền kháng chiến mới nên họ đã đưa ra nhiều tin đồn nhằm ngăn chặn bớt làn sóng di dân. Những tin đồn thâm độc như Bình Xuyên giết người Bắc di cư, miền Nam tuyển mộ dân mới tới một cách cưỡng ép đi làm đồn điền cao su, dân Nam rất kỳ thị dân Bắc... Hẳn là người duy nhất trong gia đình di cư vào Nam. Trước ngày có lệnh di dân, bà di hẳn đã bay vào Sài Gòn vài ngày thăm thú tình hình, khi trở về bà ta nhất quyết ngăn cản mọi người trong gia đình di cư, bà nói rằng chính mắt bà đã chứng kiến công an Bình Xuyên vô cớ đánh người, họ rất hung hãn đối với người Bắc. Ngay cả những người Bắc đã vào Nam từ thế chiến thứ Hai vẫn sống trong lo âu, sợ hãi, bị kỳ thị Nam Bắc, chưa hoàn toàn hội nhập được. Sự cương quyết của bà cộng với sự nhu nhược của bố hẳn, nên cả gia đình ở lại, nó lại còn lôi kéo theo nhiều gia đình hai bên nội ngoại. Lúc đó Hải đang học ở Hải Phòng, ở nhờ nhà người chú họ, Hải theo đoàn học sinh, sinh viên xuống tàu vào Nam.

Miền Nam mở ra trước hẳn một không gian mới lạ, rộng lớn, cái gì cũng như bao la bát ngát, cũng mới, cần phải quan sát, học hỏi. Sau vài tháng làm việc ở Sài Gòn, hẳn được đổi xuống Cần Thơ và từ vùng đất miền Tây này, hẳn mang tên Hải Bắc. Và hẳn có thêm hai người bạn mới là Hoàn và Thái. Ở vào tuổi hai mươi, vừa học xong trung học, bước chân vào đời với hàng trăm giấc mộng, hoài bão và niềm kiêu hãnh của tuổi trẻ, hẳn và Hoàn Trung nghĩ rằng mình có thể làm được mọi điều mơ ước. Những người sinh ra vào thập niên 30 thế kỷ trước, thường là nhân chứng hay là nạn nhân của nhiều biến động chính trị dồn dập xảy ra cho dân Việt. Sinh ra từ kiếp nô lệ, nhìn thấy cha ông, chú bác họ hàng, dân chúng bị chà đạp nhục nhã bởi thực dân Pháp, rồi Nhật đảo chánh Pháp, rồi VN đứng lên tranh đấu dành độc lập... Thời học sinh của Hải, lịch sử được giảng dạy trong trường là lịch

sử Gaulois, lịch sử đã sàng lọc kỹ càng của cha ông bọn thực dân Pháp. Cho đến năm 1954, môn lịch sử Việt vẫn chưa được phát triển và phổ cập đại chúng vì quá nhiều biến động chính trị xảy ra, quá nhiều ưu tiên cho các chính quyền mới phải giải quyết. Những hòn tử, đau đớn, những vết nhớ mà thực dân Pháp, phát xít Nhật để lại người dân, chính phủ mới cũng không có thì giờ để xóa rửa chúng như người Do Thái đã từng làm đối với bọn quốc xã Đức. Khi đất nước bị chia đôi với miền Bắc thuộc về Cộng Sản, miền Nam thuộc về Quốc Gia, thanh niên, học sinh, sinh viên sung sướng ra nhập vào mọi sinh hoạt mới của miền đất tự do. Khi cuộc di cư khởi đầu, vấn đề kỳ thị Nam Bắc được nói đến đây đó nhưng không quá rộng lớn đến độ nguy hiểm.

Lúc mọi người gọi hẳn là Hải Bắc, Hoàn là Hoàn Trung, và Thái Nam, vài thằng bạn còn gọi dờn cợt bọn hẳn là ba chàng ngự lâm dù chẳng có gì để có thể liên kết chuyện của họ với chuyện ba chàng ngự lâm cả, do đấy họ tìm hiểu nguyên do của nạn kỳ thị đưa tới chia rẽ. Lý do kỳ thị Nam Bắc đã làm gia đình Hải phân tán. Di Hoa của hẳn tưởng như mình là người nắm được tình hình trong Nam trước ngày di cư nên đã ngăn cản mọi người ra đi và những ai nghe bà đều sợ hãi ở lại.

Hoàn thường nói nếu chúng ta chịu đọc qua sử Việt cận đại dù rất thiếu sót chúng ta cũng thấy được chánh sách cai trị của người Pháp là chia để trị, chỉ dùng ít người mà cai trị được cả nước, mà vợ vết được tối đa tài nguyên cho họ. Pháp đã áp đặt được ở Việt Nam *một chánh sách thực dân trực trị*, biến VN thành thuộc địa của họ và cai trị bằng các công sứ, trú sứ pháp tại các tỉnh. Riêng tại Nam Kỳ, các chức vụ quận trưởng trở lên đều do người Pháp nắm giữ. Họ tước đoạt dần quyền hành của vua quan nhà Nguyễn. Chính sách chia rẽ để trị biến Việt Nam từ một quốc gia thống nhất thành ba quốc gia riêng biệt: Nam Kỳ (cochinchine), Trung Kỳ (Annam) và Bắc Kỳ (Tonkin). Mỗi Kỳ có một chế độ cai trị, luật pháp riêng, và người Việt muốn đi từ Kỳ này sang Kỳ khác phải có thông hành như

GÓP PHẦN XUÂN

Rực rỡ thêm xuân vạn cánh hoa
Sắc hương thấm đượm với muôn nhà
Thơ trong lưu luyến thơ ngào ngọt
Ý đượm mơ màng ý thiết tha
Trên áng trang nghiêm hương khói tỏa
Ngoài hiên thánh thót giọng oanh ca
Giòng văn e ấp chưa tròn ý
Ước được tri âm góp vận hòa

VĂN THỊ KIỀU ANH
(Minnesota)

đi qua một quốc gia xa lạ. Thâm độc hơn nữa, thực dân Pháp còn tạo ra *những kỳ thi địa phương* giữa người Bắc, người Trung, người Nam, người Miên, người Lào, người Kinh và người Thượng. Để thực hiện chính sách chia rẽ này, họ dùng bọng tay sai, quan lại hèn nhát để cai trị người Việt như bọn Nguyễn Thân, Lê Hoan, Hoàng Cao Khải... để họ rảnh tay khai thác tài nguyên về làm giàu cho xứ sở của họ.

Hậu quả của chính sách chia để trị tạo nên tính kỳ thị lẫn nhau, sự chia rẽ, bài xích nhau, như một thú nọc rắn độc, một khi đã thấm sâu vào cơ thể rất khó chữa hoặc xóa bỏ nó đi được. Nó còn tồn đọng trong chúng ta đến ngày hôm nay. Những ngày đầu vào Nam, nhất là sau ngày nhóm Bình Xuyên bị tảo trừ, hán không hề thấy hay cảm nhận thấy sự kỳ thị nào. Trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa, miền Nam thành miền đất tự do, thanh bình. Sau khi Đệ Nhất Cộng Hòa sụp đổ, nạn kỳ thị lại có manh nha xuất hiện do nhu cầu bảo vệ quyền lợi của vài phe nhóm chính trị sồi thọt.

Gần ba trăm năm Trịnh Nguyễn phân tranh 1570-1786, với bảy lần chúa Trịnh đưa quân vào đánh chúa Nguyễn, chiến tranh Nam Bắc thời đó cũng không hẳn đã làm phân hóa đất nước, bởi vì cả hai phủ chúa đều nhân danh phò nhà Lê trị vì, không có chính sách phân chia dân chúng để cai trị, không có chính sách làm người dân chia rẽ nhau, miền Bắc thì lo đối phó với triều đình nhà Mãn Thanh, lo chống Tàu lúc nào cũng làm le muồn tràn qua xâm lấn đất Việt, miền Nam lo mở mang bờ cõi. Hơn nữa, dân số Việt lúc đó còn thấp, chỉ gia tăng mạnh vào đầu thế kỷ thứ XX, 13 triệu dân khoảng 1900 và 31 triệu dân năm 1960. Vì không có con số thống kê về dân số, nên dân số dự đoán của dân Việt vào thế kỷ 15, 16 chừng vài triệu dân.

Hoàn là người lưu tâm đến nhiều thứ trong đó có tệ nạn kỳ thị, sự chia rẽ nên hay thảo luận với hán, với bạn bè và đã viết nhiều bài gửi đăng báo vào những năm 1960. Gặp lại Hoàn, hán thấy lại tuổi thơ, hỏi tưởng lại những buổi ba thằng tranh luận hàng giờ, cả một chặng đường đời đã qua, nó hiện hữu trở lại những vấn nạn của 60 năm trước, ngày nay có vẻ như trầm kha hơn. Tuổi già làm cho giấc mơ của họ teo lại, rồi giấc mơ vẫn chỉ là giấc mơ. Ngày nay sự tiến bộ về khoa học, kỹ thuật, dân sinh và xã hội nhanh chóng và thay đổi hàng ngày, không cho phép một người hay một nhóm người nghĩ thay, nói thay cho người khác hay quần chúng. Sự độc đoán, độc quyền làm đui chột tính cạnh tranh, sự mở mang trí thức, sự kiểm soát lẫn nhau để cùng phục vụ xã hội, nó chỉ đưa tới lạm dụng, lạm quyền, tham nhùng, bao che tội ác, bao che mọi tệ nạn xã hội.

Bọn độc tài, hại dân, hại nước luôn khai thác những vấn nạn xã hội, để làm phân tán sự chống đối của dân, để dễ cai trị dân, để che dấu những sự sai lầm triền miên có thể nhận chìm cả một dân tộc. Họ sẽ phải nhận sự phê phán của lịch sử càng ngày càng khắc nghiệt.

ĐỖ PHÚ (Virginia)

XIN NGHỈ HƯU

Tiết Thượng Nguyên khí trời mát mẻ,
Xin có lời rành rẽ cáo tri.
Kể từ lia nước ra đi,
Dẫn thân hoạt động thiếu gì góp công.
Việc lớn nhỏ cộng đồng sớm tối,
Chẳng kể gì mỗi gói chôn chân.
Văn chương, thi phú góp phần,
Vun bồi học thuật toàn dân tỏ tường.
Thi Văn Đoàn Bốn Phương ra mắt,
Khắp đó đây kết chặt tinh thân.
Văn nhân, thi sĩ xa gần,
Cùng nhau tương kính như tân kết đoàn.
Tình giao hảo hân hoan sớm tối,
Năm năm ròng tựa Hội Hoa Đăng
Tương thân chi khác môi răng,
Ngày đêm sinh hoạt càng tăng hợp quần.
Thơ xướng họa Long Vân tốt đẹp,
Lấy khiêm nhường khuôn phép xã giao.
Khi đi đứng, lúc ra vào,
Thương yêu, đùm bọc khác nào anh em.
Tuổi chồng chất càng thêm biếng nhác,
Lúc đứng ngồi đã khác khi xưa.
Dẫu cho thiện chí có thừa,
Hàm răng khắp khểnh, muối dưa bẽ bàng.
Luôn quý lễ “đáo giang tùy khúc”, (1)
Vẫn trọng “câu tùy tục nhập gia”.(2)
Thời gian mỗi tuổi một già,
Mất mờ, chân chậm cũng là tự nhiên.
Noi gương bậc Thánh Hiền đạo cả,
Thuận lẽ trời, “lão già an chí” (3).
Tuổi già ngày một yếu đi,
Việc chung không được nể vì tham gia.

-Xưa nay luật “tre già măng mọc”,
Rừng Bích Đào nảy lộc đơm hoa
Thanh niên gánh vác sơn hà,
Để cho lão trượng về nhà nghỉ ngơi.
Tám hai tuổi thanh thoi nhàn hạ,
Vẫn nhớ câu chị ngã, em nâng.
Lời quê góp ý xin dâng,
Xây lầu Văn học cao tầng sánh mây.
Lời chân thật tỏ bày tha thiết,
Để anh em đều biết ý tôi.
Hoàn thành tác phẩm ba rồi,
Tìm người thay thế là tôi rất mừng.
Thi Đoàn vẫn tung bừng hoạt động,
Vẫn con đường Chính Thống ta đi
Chữ rằng “NGÔN DỊCH TRƯỜNG PHI”
Nghìn sau tiếng tốt còn ghi để đời.

TRƯỜNG GIANG

San Jose 2- 2009

GHI CHÚ :

- (1) Thuyền đi tới đoạn sông nào, phải tùy theo khúc sông ấy thẳng hay quanh co mà lái thuyền cho khỏi đâm vào bờ. Người ta cũng vậy, phải tùy theo hoàn cảnh mà cư xử với nhau khéo léo, không để gây ra va chạm, xích mích với nhau.
- (2) Vào nhà ai phải theo gia quy, khuôn phép của nhà đó mà cư xử cho đúng phép tắc của gia đình họ.
- (3) Già rồi thì an phận, không đua đòi

Văn-Hóa Tiền Sử Việt Nam:

VIỆT-NAM, TRUNG-TÂM NÔNG-NGHIỆP LÚA, NƯỚC VÀ CÔNG-NGHIỆP ĐÁ, XƯA NHẤT THẾ-GIỚI

(Tiếp theo và hết)

BS TS Nguyễn Thị Thanh

Một sự kiện lịch sử vĩ đại mới xảy ra tại Hà Nội đầu năm 2004 càng chứng minh thêm sự vững vàng về những nền văn hóa tiền sử và lịch sử của đất nước ta. Khi nhân công đào móng để xây nhà Quốc hội thì gặp ngay một di tích lịch sử có tầm quan trọng về khảo cổ học và nhất là về di tích lịch sử nước nhà lớn nhất từ xưa đến nay: Đó là sự xuất hiện một phần cung điện kinh đô Thăng Long do vua Lý Thái Tổ xây dựng từ đầu thế kỷ thứ 11. Hiện các nhà khảo cổ Việt Nam tìm thấy nhiều tầng lớp văn hoá cùng những cổ vật quan trọng, những hòn gạch lớn có khắc niên hiệu các triều đại Đinh, Tiền-Lê, Lý, Hậu Lê. Họ đang bàn cãi về nhiều vấn đề, về số lớn các giếng nước hầu như còn nguyên vẹn, cùng về những di tích cung điện vua chúa, thành trì với những sân gạch và hàng cột gỗ quý, có khi cách nhau đến 5 mét hoặc 6 mét mà có người cho rằng đó là công trình cuối thế kỷ 19 bằng bê tông cốt sắt của triều Nguyễn (các chúa và vua nhà Nguyễn đóng đô ở Quảng Trị rồi Thuận Hoá thì làm sao có công trình ở Thăng Long vào cuối thế kỷ 19). Ngày xưa những cây gỗ quý cao đến 8, 10 mét để cất cung điện chắc không thiếu. Người ta đã múc uống ly nước giếng trong vắt của tổ tiên 1000 năm để lại mà xúc cảm tận cả tâm can.

Các nhà khảo cổ đang bàn tán dữ dội về việc di tích tìm thấy bị chôn vùi sâu dưới lòng đất đến nhiều mét (từ 2 đến trên 3 mét?). Di tích hiện tìm

thấy thuộc cung điện nào trong thành Thăng Long? Họ lấy làm lạ tại sao có những hòn gạch ngói cổ niên hiệu triều Đinh và Tiền-Lê. Theo thiên ý, thì lúc vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, cũng phải mang theo những vật liệu xây cất có sẵn ở Hoa Lư từ thời các vua trước. Và việc chôn vùi dưới đất sâu là do lũ lụt đắp nhiều lần suốt gần 10 thế kỷ nay, và con người cũng đã vun thêm đất cho vững chắc để xây đường sá nhà cửa. Tôi e rằng rồi đây người ta phải hy sinh các chùa chiền, miếu vũ, cao ốc, nhà cửa dân chúng có tính cách văn hoá mới sau này để làm sống lại toàn thể di tích kinh thành cổ Thăng Long. Sự xuất hiện thành Thăng Long cổ như một phép lạ vĩ đại cho nền văn hoá mỹ thuật lịch sử nước nhà. Và trong tương lai thành Thăng Long cổ khi hiện nguyên hình sẽ trở nên một trung tâm lịch sử về vang, một di tích văn hoá độc đáo không lồ, niềm hạnh diện dân tộc của chúng ta.

Có những người Việt, và ngay cả dân khoa bảng lớn đã lầm lẫn và lầm cảm cho rằng Việt Nam không có văn hóa mà đại diện là nhà khảo cổ Nguyễn Văn tốt và ông bác sĩ giáo sư Đại học Mai Kim Ngọc. Tệ hơn nữa, hiện có một ít bác sĩ và khoa bảng Việt Nam tự xưng là không hiểu văn hóa là gì và cho là dân mình không có văn hóa. Bs. Vũ Đình Minh thì cho rằng văn hóa Việt Nam có chăng chỉ là cái "búi tóc trên đầu ông nội ông ta" đăng trong bài "Bảo tồn Văn-hóa" của ông khoa bảng bác sĩ giáo sư Đại học Y khoa kiêm nhà văn Mai-Kim-Ngọc. Bài cũng được đăng trên nhiều báo đặc biệt là báo Y-giới. Bài viết có tính cách mỉa mai Việt Nam không có văn hóa gì để mà bảo

tồn 'hết trơn hết trọi', hoặc giả có chăng chỉ có cái "búi tóc" của ông nội ông ta mà thôi.

Nhà khảo cổ Nguyễn Văn Tôt đã đọc sách tây thực dân, sao chép lại nguyên văn tư tưởng khinh bạc dân tộc Việt Nam của bọn H. Mansuy và bà M. Colani (khoảng cuối thế kỷ 19 và đầu thế 20) để làm ra quyển sách "Introduction à l'Art Ancien du Việt Nam, 1er trimestre 1969"; mặc dầu lúc đó thế giới đã cải chính âm âm những xác quyết sai lạc của H. Mansuy (Gisement Préhistorique du Tonkin 909; Stations Préhistoriques dans les massifs calcaires de Bắc Sơn 1924), H. Mansuy et M. Colani (Néolithique Bacsonien Inférieur et Supérieur dans le Haut-Tonkin 1925) và bà M. Colani (Découverte du Paléolithique dans la Province de Hòa Bình Vol XVI 1926) rất lâu rồi. Năm 1932, Đại Hội Nghị Quốc tế các nhà khảo cổ tiền sử học Viễn đông đã khẳng định tính cách tiền phong của nền văn hóa bản địa Hòa-Bình nước ta rồi. Vấn đề thực tiễn là nền văn hóa Hòa Bình đã được thế giới công nhận rõ ràng là nơi phát xuất lúa nước và công nghiệp đá đầu tiên trên thế giới rồi. Vậy mà năm 1969 ông Trần Văn Tôt vẫn theo đúng luận điệu thực dân lạc hậu của H. Mansuy mà viết sai lạc một cách sai lạc trầm trọng về nền văn hóa Hòa Bình (cách đây từ 10000 đến 17000 năm) và văn hóa Bắc Sơn (cách đây 10000 năm đến 6000 năm) rằng:

"Người Hoà-Bình có mặt trên đất nước Việt-Nam vào khoảng từ 5000 đến 3000 trước TC...coi như chưa biết gì về nông nghiệp và chăn nuôi, không biết gì gốm "...... Đá mài đã có vào thời Bắc-Sơn, nhưng ít được sử dụng. ";..."... nghệ thuật đá mài có vai rất tiêu biểu cho văn-hóa tộc họ Auxtro asiatique, được dùng nhiều ở miền Trung Đông Dương. Người ta đã cho là những rìu mài này được nhập cảng từ Tây-Tạng, Giang Nam bên Tàu, vì chúng nó cũng có ở Hoa-Nam, An-Độ, Nhật-Bôn, Đại-Hàn... "; ... "... và những dụng cụ đá mài hình đĩa là của văn-hóa Úc từ Tàu truyền xuống vv. "...

Than ôi! thật vô cùng đáng trách ! Thật vô cùng xấu xa, hổ nhục cho chúng ta khi thấy Nguyễn Văn

Tốt chẳng những sao chép lại y-nguyên những lập luận lầm lạc, vội vàng và đầy đầy thành kiến đầu tiên của ông H. Mansuy mà còn xuyên tạc một cách nặng nề vô lý thêm, cùng bỏ qua hoàn toàn mọi chứng minh khoa học xác đáng và mới mẻ của các ông C.O. Sauer (với nhiều sách vở ví dụ quyển Agricultural Origins and Dispersals, New York năm 1952) và ông W.G. Solheim II (1960 với nhiều sách về Hoà bình sẽ kể sau), và bỏ qua mọi xác quyết của Đại hội nghị quốc tế các nhà khảo cổ Viễn đông năm 1932, không biết với mục đích gì?. Như thế phải chăng ông Tôt đã cố ý làm tay sai cho thực dân lỗi thời cho thực dân Pháp mà thế giới đã lên án, để phản bội văn hóa dân tộc, chửi lên đầu ông bà tổ tiên Việt Nam của ông !?. Ông Tôt đã theo đuôi thực dân đưa ra một thứ suy luận hàm hồ quá quắt. Vì hễ cứ thấy nơi nào có, thì tất là "nhập cảng của nơi đó", bắt chập cả thời gian nơi nào có trước, nơi nào có sau, và bắt chập cả nơi nào có tính cách sản xuất nghiệp vụ, và nơi nào có tính cách tiêu thụ. Vậy thì ông Tôt viết sách về văn-hóa tiền sử Việt-Nam, phải chăng là để tìm cách dìm dập thóa mạ tổ tiên mình hay và để nổi giặc cho giặc chẳng ?.

Nhà học giả C. Sauer Hoa-Kỳ đã viết nhiều về văn hoá hoà Bình trong nhiều sách ví dụ quyển 'Đồng-Quê'. Chúng ta hãy nghe mấy dòng sôi nổi của ông C.O. Sauer viết trong quyển Agricultural Origins and Dispersals - Xuất bản ở New York 1952:

"Đúng là nông nghiệp đã tiến triển qua 2 giai đoạn, mà giai đoạn đầu là giai đoạn của văn-hóa Hòa-Bình (Bắc Việt), lúa nước đã được trồng cùng một lúc với củ môn nước (khoai sọ)... "...... Tôi đã chứng minh Đông-Nam-Á là cái nôi của nền nông nghiệp xưa nhất.... Và tôi cũng chứng minh rằng văn-hóa nông nghiệp có nguồn gốc gắn liền với đánh cá bằng lưới ở xứ này (Bắc Việt).... Tôi cũng đã chứng minh rằng những động vật gia súc xưa nhất bắt nguồn từ Đông-Nam-Á.... Và nơi đây là trung tâm quan trọng của thế-ygiới về kỹ thuật trồng trọt và cải biến cây cối bằng cách tái sinh sản thực vật".

Đến nay tất cả các nhà khảo cổ học, sử học Hoa-kỳ như các ông C. Sauer, R. Somhein, Trương Quang Trục (Ông Trục là người Mỹ gốc Trung-hoa), ông Jorhman và học-giá Liên-Xô là ông N. Vavilov đều công nhận:

"Đông-Nam-Á mà chủ đạo là Việt-Nam đã có một nền văn hóa tiền sử phát triển rất sớm, tiên tiến và nhanh chóng, sáng tạo và sống động chưa từng thấy một nơi nào khác trên thế-giới."

Trước đây người ta vẫn ca tụng địa điểm văn-minh tân thạch khí ở vùng Tây-Á Tiểu-Á và cho rằng đây là một xứ nông-nghiệp xưa nhất thế-giới. Vì đã có những niên đại C14 lên đến thiên niên kỷ thứ VII, thứ VI tr.TC. Việc phát hiện ra nền nông-nghiệp tại Hòa-Bình cách đây trên 10.000 đến 15000 năm đã làm cho thế giới rung chuyển, chao động. Như vậy trung tâm nông-nghiệp xưa nhất không còn là vùng Lương Hà mà là Đông-Nam-Á, mà chủ đạo là Việt-nam. Việt-Nam đóng vai trò quan trọng nhất vì nơi đây là điểm phát xuất chính.

Chúng ta hãy nghe lời bình luận xác đáng của ông Willhelm G. SOLHEIM II (đã viết trong nhiều sách: Southeast – Asia Vol VI 1962; Reworking Southeast – Asian Prehistory Vol WV 1969; The Hoabinhian and Island Southeast Asia 1972; An Early Agricultural 1972; Remark on the Neolithic in South China and Southeast Asia Vol IV 1973 vv.) rằng :

"Tôi cho rằng khi chúng ta nghiên-cứu lại nhiều cứ liệu ở lục-địa Đông-Nam-Á, chúng ta hoàn toàn có thể phát giác ra rằng việc thuần-thực-hóa cây trồng đầu tiên trên thế-giới đã được dân-cư Hòa-Bình (Việt Nam) hoàn thành vào khoảng 10.000 năm trước TC..." "Rằng văn-hóa Hòa-Bình là văn-hóa bản-địa, không hề chịu ảnh-hưởng của bên ngoài, đưa tới văn-hóa Bắc-Son.".... "Rằng miền Bắc và miền Trung lục địa Đông-Nam-Á có những văn-hóa tiến bộ mà trong đó đã có sự phát triển của dụng cụ đá mài láng đầu tiên của Châu-Á, nếu không nói là đầu tiên trên thế giới và đồ gốm (Hình 17) đã được phát minh. "Rằng không

phải là sự thuần hóa thực vật đầu tiên như ông Sauer đã gợi ý và chứng minh mà thôi. Mà còn đi xa hơn, nơi đây đã cung cấp tư-tưởng về nông nghiệp cho phương Tây. Và sau này một số cây đã được truyền đến Ấn-Độ và Phi-Châu. Và Đông-Nam-Á còn tiếp tục là một khu-vực tiền-tiến ở Viễn-Đông cho đến khi Trung-Quốc thay thế xung lực này vào nửa đầu thiên niên kỷ thứ 2 tr.TC tức khoảng 1500 tr TC...."(Nửa đầu thiên niên kỷ thứ 2 tr.TC tức sau khi Mông-Cổ chiếm lục địa Trung-Hoa non 1500 năm, tức là vào giai đoạn nước Xích Thần ổn định trở lại về nông nghiệp và Trung Quốc bắt đầu đánh chiếm đất đai nước Xích Quỷ.)



Hình 17 - Gốm Hoà Bình : Ly rượu cao cổng đất nung thuộc, 12000 năm tr.TC.

Như đã nói trên, Trung-quốc thừa hưởng văn hóa nông nghiệp phát triển nhờ dân Bách Việt còn lại trên hoa lục. Chính nhờ sự phát triển của những sắc dân Bách Việt này mà Trung quốc rộng lớn có đủ tư cách thay thế xung lực phát triển nông nghiệp Đông Nam Á vào khoảng năm 1500 tr TC. Như vậy chứng tỏ chính dân Trung hoa Bách Việt khai hóa về nông nghiệp cho Tàu Hán tộc Mông Cổ chứ không phải ngược lại như Trần Trọng Kim và Đào Duy Anh đã viết trong các quyển sách Chính sử giáo khoa cho con dân Việt Nam học bao lâu nay.

Chúng ta phải xúc động trước những lập luận rất vô tư, công bằng và rất khoa-học của W. G.

XUÂN NHỚ

Mới đầu xuân, dấy anh đào,
Đã hồng tươi khắp bờ ao thủy hồ,
Vất ngang cửa ngõ Hoa Đô,
Hoa cười soi bóng ven hồ nước xanh.

Tình xuân tràn ngập kinh thành,
Khách du lạc bước dạo quanh vườn Đào,
Cố nhân lạc bước nơi nao?
Mình ta lẻ bóng ra vào ngấn ngõ!

Trời cao xanh ngắt hững hờ,
Nước buồn se sắt mặt hồ lặng im,
Còn ai? Ai nữa mà tìm?
Tình xuân chừng cũng đắm chìm nơi đâu?

Mắt ta còn đọng giọt châu,
Tình ta còn đượm sắc màu thời gian!
Mùa xuân hoa nở rồi tàn!
Trời cao lồng lộng mây ngàn nhẹ bay...

Còn chi vui để mình say?
Còn gì say nữa mà cay lệ tình?

Hà Bình Trung

(Virginia)

Solheim II, cng như rất xúc động trước nắm gạo bị cháy dở hóa thạch đã tìm thấy ở Đồng-Đâu Vinh-

Phú có niên đại 5.500 năm tr.TC tức cách đây 7.500 năm, nắm gạo này đã được thử nghiệm bằng carbone 14 (Hình nắm gạo cháy). Nắm gạo cháy dở của thời phát triển trồng lúa nước này cũng chứng minh cho chúng ta rằng lúa nước đã được trồng từ rất lâu không ai biết được, trước lúc nắm gạo bị cháy tức là trước 7500 năm +/- 300 năm lúa nước đã được trồng qui mô, như ông Sauer đã cho rằng lúa nước đi đôi với nghề đánh cá có lưới. Những sự kiện trên đây đã được công bố lên thế giới từ lâu với C.O.Sauer chẳng hạn, trong quyển "Agricultural Orgins and Dispersals, New-York-1952 ", với Wilhelm G. Solheim trong quyển "Southeast Asia and the West. Science vol. 157, 1967, p.899 " và còn với nhiều tác giả khác mà kẻ viết bài này chỉ nghe mà chưa hân hạnh có sách.

Ít nhất là 3 năm trước thời gian mà ông Trần Văn Tốt xuất bản quyển " Introduction à l'art ancien du Việt-Nam " bằng tiếng Pháp năm 1969. Với ông Gs. Bs. Mai Kim Ngọc, thì ông ta đã tự nhận dân VN là dân vô văn hóa; có văn hóa chăng chỉ có cái « búi tóc » của ông nội Gs. Bs. Mai Kim Ngọc. Vì vậy khi đọc bài của Gs. Bs. Mai Kim Ngọc tôi thấy không có gì phải nói với người tự xưng là vô văn hóa, tuy bài của tôi đã được viết đề trả lời nhưng tôi đã tự nghĩ khó được báo của Mai Kim Ngọc cho đăng. Tôi có gửi bài này tới ông bà chủ nhiệm chủ bút báo Văn Lang, nhưng được bà chủ bút Nguyễn Hương trả lời rằng tôi đã quá hãnh diện với văn hoá tiền sử Việt Nam, bà ta không tin nên không đăng. Với ông Nguyễn Văn Tốt thì chúng tôi chỉ còn nói ngay với ông rằng, một trong các văn-hoá tiền sử Việt Nam, văn hóa Hòa-Bình của Việt Nam, không phải là đứa con nuôi, con vay mượn, con thên di, con hoang, hay con mồ côi, nó chính là con đẻ của văn-hóa Sơn-vi kéo dài từ rất xa xưa, có thể lên đến 500.000 năm đến 15.000 năm tr TC. Thường người ta lấy một niên đại tượng trưng gần nhất là 30.000 năm làm mốc trung gian. Và để tiếp tục cuộc đời, văn hóa Hòa Bình đã dẫn đưa nhanh chóng đến một nền văn-hóa nổi danh thế giới của Việt Nam là văn-hóa Bắc-Son. Và từ văn hóa Bắc Son đến các nền văn hóa Quỳnh Văn, Bàu Tró,

Hoa Lạc, Phùng Nguyên, Gò Mun, Đông Đậu vv. và cuối cùng là Đông-Son.

Sự liên tục của các nền văn hóa luôn được duy trì bằng những chứng minh cụ thể. Thật vậy các nền văn-hóa Việt-Nam cổ ngày càng được tìm thấy là có những liên hệ chặt chẽ, những bước tiến mạnh mẽ, những nét phát triển huy-hoàng. Mãi cho đến thời Bắc-thuộc lần thứ nhất thì, văn hóa Đông Sơn nước ta, bắt nguồn từ thời tiền sử, bị ngưng hẳn. Chính Mông-Cổ là những người đã xâm lăng các nền văn hóa tiền sử và sơ sử Việt cổ từ trên đất Trung Nguyên cho đến Việt Nam. Họ lấy hết cả, vừa đất đai, vừa công trình, vừa sản phẩm, vừa công cụ, vừa con người, những người thợ tài giỏi, gái đẹp Việt cổ đem về Tàu để phát triển nên nền văn hoá siêu-việt của Trung-Hoa sau này. Đồng thời cướp lấy, họ phá hoại, họ cầm cán mọi sự phát triển văn hóa địa phương của kẻ bị trị trong suốt trên 1000 năm đó hộ khủng khiếp. Họ đã có tâm cướp đoạt, hủy hoại, cầm đoán, dìm dập và dấu diếm tất cả mọi vết tích, mọi hình thức phát triển của văn-hóa lịch-sử Việt-Nam. Lòng đất đã được phơi bày mọi sự thật. Chính sách vờ và các học giả Trung Hoa hiện-đại cũng đã nhìn nhận những sự thật văn hoá tiền sử trên. Văn-hóa Việt-Nam bị tê liệt, bị biến mất do xâm lăng và cướp giựt của Trung-quốc. 1000 năm quá dài, con cháu không được truyền đạt, nên dần dà người Việt-nam tự cho là mình đã được người Tàu khai hóa như các sử gia Trần Trọng Kim và Đào Duy Anh nói trên, thật là hổ thẹn với tiền nhân thay !!.

Từ rất sớm, năm 1932, tại Đại Hội Nghị Quốc tế của các nhà khảo cổ tiền sử học Viên đông, vấn đề văn hóa Hòa-Bình nước ta đã được xác nhận một cách khẳng định. Vấn đề thực tiễn là nền văn hóa Hòa Bình có mặt trên toàn thế giới. Nhưng điều quan trọng ở đây là nền văn hóa này đã được tìm thấy ở Việt Nam sớm hơn đâu cả, nghĩa là có trước những nơi khác trên thế giới và tìm thấy ở Hòa-Bình, một làng nhỏ Việt Nam, ở vào một thời gian xa xưa nhất, cách đây trên 6.000, đối với các nơi khác trên thế-giới. Điều này có nghĩa là người Việt cổ tại Hòa-Bình Việt Nam đã làm nên nền văn hóa

Hòa Bình trước nhất trong nhân loại. Nói một cách khác, người Hòa Bình trên đất Việt Nam đã có một thời văn minh xưa nhất thế-giới, đó là sự thật mà khoa khảo cổ học thế giới minh chứng và xác quyết. Thế nên khảo cổ học thế giới đã lấy tên của một làng quê Hoà-Bình Bắc-Việt đặt tên cho nền văn hóa này gọi là văn hóa Hòa Bình cho toàn thế giới (xem Encyclopédie d'Archéologie).

Thế là Hòa Bình tại Việt-nam đã được coi là trung tâm văn minh tiền sử đầu tiên của nhân loại về nông nghiệp lúa nước và về công nghiệp đá. Chẳng những nền văn minh tiền sử này ngang hàng với Trung Mỹ và miền Lưỡng Hà về phương diện kỹ thuật, mà còn đi trước hai nơi nói trên về thời gian đến trên 3000 năm. Đó là điểm rất đáng hành diện : **Hòa Bình đã được thế giới xác nhận là trung tâm phát minh nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp cùng chăn nuôi gia súc đầu tiên trên thế giới.**

Trung tâm nông nghiệp cùng chăn nuôi đầu tiên trên thế giới tại Hoà Bình Việt Nam đã có trước vùng Lưỡng Hà đến 3000 năm. Như vậy thì còn điểm nào nghi ngờ rằng nơi nào "nhập cảng" nơi nào!. Hòa-Bình, trung tâm văn-minh nông nghiệp đầu tiên của nhân loại trên thế-giới, để rồi từ đó nền văn-minh trên được lan tràn khắp vùng Đông-Nam-Á: Trung-Quốc, Nhật-Bản, Mã-Lai, Thái-Lan, Ấn-Độ v v và đi xa dần trong hàng nghìn năm. Mà ở Hòa-Bình là nơi sầm uất, giàu thịnh hơn đâu hết và đã có vị vua Viêm Đế (vua nóng tượng trưng cho mùa trồng trọt) tức là Thần-nông, người đã nghiên cứu dạy nghề nông và được tôn sùng như một vị vua, và bà Nữ-Oa là người đã nghiên cứu thời tiết nắng mưa, cùng các ngày lễ, ngày Tết phù hợp với mùa màng và sự nghỉ ngơi của người nông dân sau khi mùa đã thu hoạch. Bà Nữ Oa đã nghiên cứu thời tiết lúc gieo, lúc cấy, lúc gặt, mà dạy dân làm ruộng không thất mùa, đầy đủ mưa và nắng đúng lúc đúng thời. Vì thế dân gian coi bà Nữ-Oa như một vị thần linh có khả năng " lấy đá vá trời ".

Văn hóa tiền sử nước ta đã thu hút thế giới vào văn hóa Hòa Bình. Một trung tâm kinh tế sản xuất lúa nước đầu tiên trên thế giới. Một trung tâm kỹ nghệ

đá đầu tiên của nhân loại, trước rất xa văn hóa Lưỡng-Hà và Trung-Mỹ (Mexico hiện tại) đến cả 3 thiên niên kỷ. Bước tiến này nhảy vọt mạnh với văn hóa Hòa Bình, có lẽ một phần cũng nhờ ở biển cổ thiên-nhiên là trận Đại Hồng Thủy thế giới đã xảy ra thời văn hóa Hòa Bình. Nói chung đó chỉ là một suy luận, nhưng thực chất là đã có sự phát triển liên tục và rõ ràng từ văn hóa Sơn Vi đến Hòa Bình.

Tiềm lực của văn hóa Hòa Bình là càng ngày càng đưa con người thích nghi nhu cầu sự sống với một cố gắng như là một cuộc cách mạng. Đó là cuộc cách mạng sinh sống bằng kỹ nghệ sản xuất công cụ để bán đi khắp nơi cho thợ đá. Và dụng cụ nông nghiệp đá cho người dùng. Với nhu cầu sản xuất nông nghiệp mới này, tất nhiên kỹ nghệ đồ đá phải phát triển. Văn hóa Hòa Bình là văn hóa đá giữa, nên nó có một ảnh hưởng sâu rộng về nghệ thuật đá mới. Vì chính nơi đây, Hòa Bình, trên đất nước Việt cổ, là điểm phát xuất ra những nền văn hoá thuộc nền cách mạng đá mới của các nước Trung quốc, Nhật Bản, Philippine, Indonêsi-a, Mã đảo và cả miền Địa Trung Hải vv. **Chính vì vậy, Việt Nam cổ chính là trung tâm cách mạng sản xuất công cụ đá mới cho thợ đá khắp nơi đã được thế giới khẳng định.**

Có rất nhiều tầng văn hóa của các nước trên thế giới thuộc văn hóa Hòa-bình nhưng trẻ trung hơn, tức ra đời sau hơn nhiều, so với Hòa Bình, đã được nghiên cứu đến và đều được qui về văn hóa Hòa Bình. **Thế giới đã khẳng định rằng trong những nền văn hóa ấy không hề có nghệ thuật chế tạo đá sỏi như ở Việt Nam.** Đá sỏi hay đá cuội là lõi đá rất cứng. Với đá này công việc chế tạo, đẽo gọt rất khó. Nhưng không có công cụ làm bằng đá sỏi, thợ đá không làm nghề đục đẽo gọt dựa mài các loại đá khác như đá tảng, mềm hơn nó được. Vậy nên chỉ có thợ bậc sư mới làm nên những công cụ bằng đá sỏi, sản xuất ra đồ nghề bán cho thợ đá. Như thế thợ đá mới có công cụ chế tạo ra dụng cụ đá cho nông dân hay tiểu phu, hay bất cứ ai. Thời gian, mưa gió và ánh nắng mặt trời đã làm tan vỡ đá tảng ra, rồi bào mòn và tẩy sạch những tảng đá lớn. Hạt nhân đá còn lại có độ cứng rất cao gọi

là đá sỏi hay đá cuội. Chế tạo những hòn đá cứng này rất khó khăn. Nhưng người ta cần những rìu đá, búa đá, dao đá bằng đá sỏi mới có thể sản xuất ra những rìu, búa, dao, cày đá vv... bằng đá tảng mềm hơn cho người nông dân. Đẽo gọt trên đá sỏi cứng rất khó khăn nhưng vô cùng cần thiết. Người cổ Việt đã nghiên cứu dụng cụ và kỹ thuật đẽo gọt đá sỏi như thế nào, đó là cả những bí quyết nhà nghề không phải ai cũng có thể học và làm được. Và như vậy việc sản xuất công cụ nông nghiệp ở Hoà Bình trở nên quan trọng cho khắp các miền nông nghiệp. Vì phải có những công cụ bằng đá sỏi cứng mới có thể chế tạo ra các dụng cụ đá tảng một cách dễ dàng. Chỉ ở Hòa Bình mới có nghệ thuật chế tác đá sỏi cứng, với số lượng rất cao, dùng để bán đi khắp nơi cho thợ đá chế tạo những dụng cụ bằng đá. Thợ đá dùng công cụ đá sỏi cứng của Hoà Bình mà chế tác các dụng cụ nông nghiệp đá tảng mềm hơn đá sỏi. Khắp nơi trên địa cầu có rất nhiều học trò về chế tạo đá của các bậc thầy đá Hoà Bình Việt Nam. Như vậy rõ ràng là chỉ trong nền văn hóa Hòa bình tại Việt-nam mới có việc sản xuất công cụ đá cứng cho người thợ đá xử dụng như là dụng cụ chế tạo đá xưa nhất thế giới.

Vậy còn ai hoài nghi Hoà Bình không phải là trung-tâm đẻ ra nghiệp vụ đá cho nhiều quốc gia trên thế giới. Văn hóa Hòa Bình là một nền Văn hóa cách mạng ra đời trước văn hóa Bắc Sơn, và như trên đã nói, lẽ dĩ nhiên trước Đông Sơn rất lâu, ít nhất đến cả từ 8.000 đến 13.000 năm. Và chính Hòa Bình là mẹ đẻ ra nền văn hóa nổi danh Bắc Sơn và sau này là văn hóa Đông Sơn rực rỡ huy hoàng. Văn hóa Đông Sơn kéo dài cho tới khi Tàu qua chiếm nước ta lần đầu tiên thì ngừng hẳn. Điều này chứng minh rõ ràng Tàu đã đến cướp mất, phá hoại, cấm chỉ sự phát triển văn hóa của nước Việt cổ. Rõ ràng cũng nhờ cướp bóc lõi cốt văn hoá Bách Việt cộng với sự giàu mạnh của cải và nhân lực mà văn hóa Trung Hoa tiến nhanh sau này.

Thật vậy, nhờ vào khảo cổ học mà mọi bí ẩn của tiền sử đã được làm sáng tỏ. Và thế giới đã công nhận Việt Nam, tiêu biểu là văn hóa Hoà Bình (và Bắc Sơn) mà tên tuổi đã được "thế-giới-hóa"

(Encyclopédie d'Archéologie), đã được thế giới xác nhận là nơi có một nền nông nghiệp lúa nước và công nghiệp đá xưa nhất thế giới. Có thể vì văn hóa Hòa Bình nằm vào thời điểm của trận Đại-hồng-thủy cách đây từ 17.000 năm đến 6.000 tr.TC. Cuộc Đại Hồng Thủy này bao gồm cả thế giới, theo đó chắc nó ăn khớp và trùng hợp với cuộc Đại Hồng Thủy đã được diễn tả trong Cựu Kinh Ước của đạo Do Thái và Đạo Công Giáo. Vì vậy theo khoa học, rõ ràng trước và sau Đại Hồng Thủy loài người đã có mặt thậm lâu trên miền Đông Nam Á, mà quan trọng là tại Việt Nam cổ.

Sau vụ đại hồng thủy này, nơi trên thế giới nguy hại nhiều nhất là Lục Địa Đông Nam Á nói chung và có lẽ còn là Việt Nam nói riêng, cho nên mảnh đất chữ S của tổ quốc Việt Nam ngày nay thật là ốm o, mảnh dẻ quá sức. Vì một phần đất lớn của miền này đã sụp xuống biển, mở rộng thêm Thái-bình-dương. Xét theo thêm lục địa Đông Nam Á, các nhà khảo cổ nhận thấy Đại Hồng Thủy lên và lui rất chậm chạp, vì thế không xảy ra tai nạn chết người tập thể. Như vậy số người đã sống trên bình nguyên Đông Nam Á cổ mà nay là biển đã di tản nguyên vẹn ra khắp các lục địa Đông Nam Á, và Úc Châu. Có lẽ đó là lý do chính của sự hỗn hợp nhiều chủng tộc trên miền Đông Nam Á. Phần đất còn sót lại sau Đại-hồng-thủy trở nên quá ít đối với số dân sống bằng hái lượm trước kia. Do đó vấn đề cần thiết cho sự sinh sống của người Đông Nam Á mà trong đó người Bách Việt cổ là căn bản, là đi tìm thức ăn mới. Người Bách Việt cổ đã di tản lên chốn cao nguyên tức là lục địa Bách Việt cổ mà nay là Trung Hoa và đồng bằng Bắc Việt và thẳng đến miền duyên hải Trung Việt (vùng Quảng Trị Quảng-Hóa tức là Thừa-Thiên). Người Việt cổ bắt buộc phải nghĩ đến cách làm tăng số lượng thực phẩm cần thiết để sinh sống mà trước đây họ chỉ cần tìm thấy dễ dàng trong thiên-nhiên. Đây có lẽ là nguyên nhân phát triển nghề nông của các chủng Bách Việt di tản đến Đông Nam Á mà chủ yếu là Việt Nam cổ.

Trên đây tôi đã dẫn những cứ liệu lịch sử về văn hóa Hòa Bình với mục đích xóa tan những luận

điệu và nhận xét sai lạc của thực dân Tây, Tàu và những người Việt phản văn hoá; đồng thời cũng để trình bày một cách tương đối sơ lược, một khía cạnh nào đó sự nghiệp lớn lao của tổ tiên chúng ta. Hiện tại thế giới đã công nhận rằng nước Việt Nam chúng ta đã có một nền nông nghiệp lúa nước và một nền công nghiệp đá đã từng phát triển rực rỡ và xưa nhất thế giới.

Vậy mà bao nhiêu trăm năm nay đất nước chúng ta phải trải qua biết bao gian truân, đói khổ, xâm lăng, huynh đệ tương tàn. Đến nỗi con cháu mờ mịt cả mắt mũi không còn thấy gì về tiền nhân, không còn biết gì đến công lao sự nghiệp của tổ tiên. Đồng thời con cháu cũng đã để ngoại bang hiềm lăm về sự nghiệp của các Vị Tiên Bồi. Hiện tại dân Việt phải đói khổ, nghèo nàn, đau thương, chậm tiến một cách man rợ. Thật là một điều vô cùng phi lý và tủi hổ cho thân phận con người Việt Nam ngày nay, tất cả cùng chỉ vì xâm lăng Tàu đặc biệt là từ sau thời Vua Trung. Thôi thì, tục ngữ ta vốn có câu "Mấy ai giàu ba họ, mấy ai khó ba đời". Ngày xưa Việt Nam vượt hẳn các nước Đông Nam Á và nhiều nước khác trên thế giới, vinh thật là vinh. Ngày nay chúng ta trở lại thua kém tất cả thì nỗi nhục ấy quả nhiên thật là nhục. Chung quy cũng vì bị đô hộ và chiến tranh quá nhiều và cũng do lòng người tham ô những nhiều trải qua mọi thời đại và gần đây là từ thời Việt Nam Cộng Hòa cho đến ngày nay.

Vậy, chúng ta chỉ còn cầu mong hết nhục và ắc sẽ có ngày vinh quang. Chúng ta hãy đầy lòng tin tưởng cho ngày mai. Sau cơn sáng trời lại mưa, thì ắc sau cơn mưa trời lại sáng. Chúng ta phải tin tưởng như vậy. Chúng ta sẽ không tự mãn, tự hã hê trước những thành tựu về tiền tài, học hành thi cử hay nghề nghiệp của chúng ta và của con em trên đất khách. Vì đó chỉ là chuyện đương nhiên, mà trái lại chúng ta phải tự kiểm điểm những thiếu sót, những mất mát lớn lao của chúng ta và của các thế hệ trẻ về phương diện văn hóa dân tộc. Chúng ta phải có bốn phận vun trồng mầm móng văn hóa Bách Việt nước nhà lên trong lòng chúng ta và trong lòng non con cháu chúng ta ở hải ngoại. Đó tất nhiên

phải là điều khó khăn, chúng ta có thể bỏ công lao mồ hôi nước mắt, nghị lực thời gian làm việc hữu ích cho hậu duệ chúng ta; hơn là ngày đêm ganh tương, tị hiềm, kinh địch, châm biếm, chia rẽ, giành giật chức tước, địa vị ảo, đua nhau bịa đặt, bôi nhọ, vu khống, chửi bới nhau, chia rẽ nhau lan tràn khắp nơi. Những hành động đó chẳng những đã biến dần dân lưu vong thành một sắc dân mất gốc, vô văn hóa, vô cuội nguồn. Chúng còn biến một số người Việt lưu vong đông đúc, tuy có nhiều tiền bạc, khoa bảng, bằng cấp, nhiều chức tước, địa vị cao nhưng vô văn hóa, thiếu nhân phẩm, thành « man di mọi rợ » đúng như danh nghĩa mà người Trung-Hoa đặt cho dân tộc ta trước đây vậy.

Nhà triết gia Nhật đã nói : « Mỗi người Việt là mỗi viên ngọc quý, nhưng nhiều người Việt hợp lại thì thành bùn thối. Mỗi người Nhật chỉ là một hạt cát, nhưng nhiều người Nhật hợp lại thì trở nên thành quách kiên cố. » Thật là xấu hổ cho người Việt. Các dân tộc khác như Trung-hoa, Nhật-bản, Do-Thái... họ có tinh đoàn kết dân tộc, bỏ qua để dành hận thù cá nhân, tập thể, để bảo tồn và xây dựng văn hóa dân tộc. Họ ra sức đi tiên phong trong tinh thần đoàn kết dân tộc, trong tinh thần vì quyền lợi chung, trong hy sinh nhân nhượng cá nhân vô cùng khó khăn vất vả trong mọi trạng huống cho kỳ đạt mục đích : ví dụ dân Nhật Bản sau chiến tranh khủng khiếp với 2 trái bom nguyên tử ; ví dụ dân tộc Do Thái. Và họ đã thành công. Các dân tộc ấy là những tấm gương sáng giúp chúng ta trong mọi nỗ lực đoàn kết, đại đoàn kết trong công bằng nhân ái, trong lòng tôn trọng quyền làm người tự do. Biết sống có tình có nghĩa có lý, biết coi thường danh lợi vật chất riêng tư, biết làm phát triển văn minh tinh thần, tức văn hóa truyền thống dân tộc.

Mới đây, sau 100 năm bị đô hộ, sau nửa thế kỷ nội chiến, người Việt trong cũng như ngoài nước, hầu như quên đường lối sống vương đạo của tiên nhân, lao mình vào nhiều thoái hoá đạo đức, những thủ tánh khiến cho sự phát triển văn hoá tri trệ rất đáng trách. Sự đoàn kết dân tộc là một tiềm năng sức mạnh vô biên. **Một dân tộc không biết đoàn kết, không biết sống làm việc vì quyền lợi chung là**

một dân tộc tự hoại. Đoàn kết là sức mạnh cho tất cả, sức mạnh làm cho ngoại xâm khiếp sợ, kính nể, làm cho đất nước phát triển, toàn dân phát triển, mỗi một người cho tất cả, tất cả vì mỗi người. **Đoàn kết là kho tàng tài sản tinh thần và vật chất vô cùng quý báu mà không tốn tiền, không hao tổn tài nguyên. Đoàn kết là không gieo trồng mà chỉ có gặt hái.** Nguyên cầu Tổ Tiên dân tộc Việt Nam, những vị đã biết đoàn kết để làm nên sự nghiệp cao cả cho đất nước, giúp cho con cháu biết giá trị của sự đoàn kết và biết đoàn kết lại.

Như một phép màu, chính Tổ Tiên Việt Nam đã soi sáng cho trí tuệ chúng ta nhìn thấy tài sản của tiên nhân để lại cho con cháu qua những sự thành tựu của họ trong tinh nghĩa, vị tha và đoàn kết để thành công trong một nền văn hóa ưu việt, sống động. Đó là văn hoá tinh thần sinh vật chất của tổ tiên. Chắc chắn Tổ tiên đã làm rạng ngời nó trong nhiều tâm can người Việt, đã làm sống lại bừng bừng thật sự văn hóa trong nhiều trái tim rướm máu của người Việt, trong tinh thần dân tộc biết tìm đến đoàn kết dân tộc. Chắc chắn Tổ Tiên Việt Nam đang và sẽ luôn chỗi dậy trong tiềm thức, trí tuệ, trong từng tế bào của nhiều người Việt để phát thành âm hưởng qua không biết bao nhiêu hình thức xây dựng.

Niềm tin chắc chắn sẽ trở nên hiện thực trong một ngày mai gần gũi, cũng phải do ở những hành động sâu ẩn trong ưu tư hoài bảo tài sản văn hóa dân tộc của mỗi một người trong chúng ta. Để cầu chúc cho bước tiến văn hóa ở tương lai gần của dân Việt, chúng tôi xin kính hiến chút tình cảm lên trước bao công lao khó nhọc của Tổ Tiên chúng ta suốt từ thời tiền và sơ sử đến nay qua câu nói của nhà văn hào Jean Valery:

«Hỡi tâm hồn cao cả, đã đến lúc mà người cần được mụcchức áo xinh đẹp xứng đáng với cơ thể người»

BS. TS. **Nguyễn Thị Thanh**
(Montréal tháng Mười 1992)

TIẾNG CƯỜI

Có một dạo em cười to, to quá
Anh cau mày bảo nhỏ: Hỡi em yêu
Hãy nghiêm trang trầm mặc, chớ cười nhiều
Anh không muốn người chê em lời lẽ
Từ dạo ấy, tiếng cười dường tan rã
Nhạc muôn lời bật hẳn trên môi tươi
Chim không mong bên cửa ngắm em cười
Và hoa lá không buồn reo trong nắng
Rồi từ đó bóng hình em xa vắng
Buồn quạnh hiu, anh lại muốn em cười!!!

CẨM TÚ (Virginia)

GIỌT BUỒN

Réo rất vào ai những giọt buồn
Mình thôi cũng lẻ những canh buồn
Gió gầy vẫn thổi khung trời vắng
Trăng mảnh còn nương bóng liễu thương
Héo dạ đêm thâu cuồng giấc mộng
Tàn hơi ngàn dặm đoạn tơ vương
Nhớ hoài điệu nhạc cung trầm ấm
Xa cách tình ơi những đoạn trường.

UYÊN PHƯƠNG

Minh Nguyệt
(Texas)

ĐẾN VỚI NHAU

Ta bên nhau một chiều Xuân hoa thắm
Hàng cây vươn ngạo nghễ lá xanh non
Ven rừng thưa, tay chuyền tay êm ấm
Cỏ mừng Xuân rạo rực khắp lối mòn.

Cà phê nóng, môi nồng cùng chung uống
Quên thời gian, nắng đã ngả về Tây
Anh trao em ánh mắt bao triu mến
Nhuộm hoàng hôn rơi đỏ cuối chân mây.

Màn đêm xuống, đèn đường lên soi bóng
Mái đầu nghiêng âu yếm tựa vai nhau
Tâm sự nồng nàn, biển tình gợn sóng
Chẳng suy tư giông bão nổi về sau.

Đi vào mộng, nhiệt tim dâng say đắm
Cung đàn lòng rung động nhịp hòa mau
Trăng mật ngọt, gió gọi tình sâu đậm
Ta bên nhau sống trọn phút nhiệm mầu.

HOÀNG
BẠCH
MAI
(Virginia)



Bạch Mai diễn ngâm một bài thơ

VỌNG TƯỚNG BÓNG CỜ XƯA

Nổi nước, tình nhà hai khối hận
Dựng cờ phục quốc ngự chung trang
Dấn thân dài các vào binh lửa
Vạn thuở còn ghi trí quật cường.

Nhìn áng mây Xuân vàng thắm nhuộm
Sắc cờ nương tử nhớ Trung Vương
Chiến y lẫn với màu Mai trắng
Tiếng ngọc âm vang giữa chiến trường.

Tướng lệnh trang nghiêm truyền khắp cõi
Cỏ thơm mừng đỡ gót thiên hương
Lời ca quyết thắng ngân theo gió
Nhịp bước hành quân rộn rã đường.

Bóng rợp non xanh chim gọi bạn
Biển, hồ lấp lánh ánh minh dương
Ngàn hoa bùng nở mùa Xuân mới
Vạn vật chào mừng Trung Nữ Vương.

Muôn ngàn Thu tiếng còn vang
Muôn ngàn Xuân một dấu hương khôn nhòa
Nét son tô điểm sử nhà
Bóng cờ độc lập thuở giờ còn tươi.

TRÙNG QUANG (California)

LONG AN

Từ Miền Đông,
Sang Miền Tây,
Cùng Hoàng Khởi Phong đi thăm mộ Long Ân.

Ngàn dặm đi tìm bạn.
Tìm hoài không thấy nhau.
“Ngôn ngang những gò đồng” (1)
Biết tìm nhau ở đâu?

Ngàn dặm đi tìm bạn.
Tìm hoài không thấy Long.
Chỉ thấy một nắm đất!
Và muối sát trong lòng.

Tao đến đây tìm Long.
Cho Long chực bông hồng.
Tìm Long hoài chẳng thấy.
Lệ tao tuôn thành giòng!

“Rót rượu cho giòng sông” (2)
Giòng sông xưa đã cạn.
Hắt rượu vào hư không.
Hư không nào có Long!

Đau thương này chát ngắt.
Long Ân! Hỡi Long Ân!
Trời kia cao mấy tấc?
Đất này dày mấy phân?

Ngàn dặm đi tìm bạn.
Long về đâu? ở đâu?
Chỉ còn lại nắm đất!
“Mang mang thiên cổ sầu” (3)

Tạ Quang Trung Orange County mùa đông 2004

(1) Thơ Nguyễn Du. (2) Thơ Long Ân
(3) Thơ Xuân Diệu

Đầu Xuân Mua Vui Với TRUYỆN KIỀU

Lê Thương

Đoạn Trường Tân Thanh tức Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du là một áng văn chương tuyệt tác của nền văn học Việt Nam, được phổ cập sâu rộng trong mọi tầng lớp dân gian, từ trí thức cho đến bình dân. Sở dĩ được như vậy là vì ngoài giá trị độc đáo của văn chương, Truyện Kiều còn gói ghém những thực trạng xã hội với những tình tiết tâm lý éo le khiến người đọc có thể tìm thấy đâu đó trong Truyện Kiều hoàn cảnh và tâm trạng của chính mình rồi ngẫm lên cho khuây khoả nỗi lòng. Chẳng hạn như chúng ta, những kẻ đang sống nơi đất khách quê người bèn mượn hai câu Kiều để gói ghém tâm trạng nhớ nước, thương nhà:

*Đoái trông muôn dặm tử phần,
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.*

Còn những kẻ chán ngán thể thái nhân tình, gác kiếm sống như một ẩn sĩ, xa lánh cõi trần ô trọc đầy gió tanh mưa máu rồi ngẫm hai câu Kiều lấy để ký thác tâm sự mình:

*Từ nay khép cửa phòng thu,
Chẳng tu mà cũng như tu mới là.*

Hay trong thời chiến tranh, người chồng đi chinh chiến ở chiến trường xa, người chinh phụ ở lại quê nhà chần đờn gối chiếc, đêm đêm nhìn ánh trăng tưởng nhớ đến chồng rồi ngẫm lên hai câu:

*Vàng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.*

Hoặc những kẻ bị thất tình nhiều lần, yêu lần nào cũng dang dở cho nên vì tình mà tâm hồn điên đảo, vì tình mà áo não tâm can rồi chán đời, hận đời bèn mượn hai câu Kiều để chửi đời:

*Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!*

Cụ Nguyễn Du và nữ sĩ Hồ Xuân Hương chửi đời mà không thô tục. Cụ Tố Như thì “Chém cha cái

số hoa đào. Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi!”. Còn nữ sĩ Hồ Xuân Hương thì:

*“Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.
Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh lùng.”*

Cái triết lý mà cụ Nguyễn Du gói ghém trong Truyện Kiều là thuyết “Tài mệnh tương đố” cho nên cụ mở đầu tập Truyện Kiều bằng hai câu:

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

Đôi khi những người có tài cũng khôn khổ lắm vì “Chữ tài liền với chữ tai một vần” hay “Tài tình chi lắm cho trời đất ghen”.

Truyện Kiều là một áng văn chương tuyệt tác, vì thế không những người ta đọc, người ta ngẫm những vần thơ tuyệt tác này mà người ta còn làm thơ vịnh Kiều, đố Kiều, lấy Kiều, bói Kiều...

Vịnh Kiều:

Nhiều nhất là thơ vịnh Kiều của tao nhân mặc khách và nổi tiếng hơn cả là một bài tổng vịnh và 20 bài thơ “Vịnh Kiều” của cụ Chu Mạnh Trinh. Về vịnh Kiều có ba phái, phái khen Kiều như Chu Mạnh Trinh. Còn phái chỉ trích Kiều thì có Nguyễn Công Trứ và phái trung dung như Tân Đà v...v...

Xin trích đăng một vài bài trong “Thanh Tâm Tài Nhân Thi Tập” của Chu tiên sinh:

*Cuốn ngó rèm xuân trái mấy sương,
Sắc tài chi lắm để làm gương!
Công cha bao quản liễu thân thiếp,
Sự nước xui nên phụ nghĩa chàng.
Cung oán ni non đàn bạc mệnh,
Duyên may dun rui lưới Tiền Đường.
Hai bên vẹn cả tình cùng hiếu,
Đem bắc đồng cân đáng mấy vàng.
(Chu Mạnh Trinh)*

Và sau đây một bài khác cũng của cụ Chu Mạnh Trinh:

*Thằng bán tơ kia giờ mới ra,
Làm cho bận đến cụ Viên già.*

*Muốn êm phải biện ba trăm lạng,
Khéo xếp nên liêu một chiếc thoa.
Đón khách mượn màu son phấn mụ,
Bán mình chuộc lấy tội tình cha.
Có tiền việc ấy mà xong nết,
Đời trước làm quan cũng thế a?*

Trong khi Chu Mạnh Trinh hết sức bênh vực Kiều thì Nguyễn Công Trứ lại nghiêm khắc lên án Kiều nào là mất nết, nửa đêm lên sang nhà Kim Trọng rồi lấy hết Mã Giám Sinh đến

Thúc Sinh, Từ Hải..., trong vòng 15 năm lưu lạc đã làm vợ không biết bao nhiêu người:
*Đã biết má hồng thời phận bạc,
Trách Kiều nết chưa vẹn tấm lòng vàng.
Chiếc quạt thoa đành phụ với Kim lang,
Nặng vì hiếu, nhẹ vì tình thôi cũng phải.
Từ Mã Giám Sinh cho đến Từ Hải,
Cánh hoa tàn đem bán lại chốn thanh lâu.
Bấy giờ Kiều còn hiếu vào đâu?
Mà bướm chán, ong chường cho đến thế!
Bạc mệnh chẳng làm người tiết nghĩa,
Đọa trường cho đáng kiếp tà dâm!
Bán mình trong bấy nhiêu năm,
Đố đem chữ hiếu mà làm được ai.
Nghĩ đời mà ngán cho đời!
(Nguyễn Công Trứ)*

Còn cụ Tam Nguyên Yên Đổ cũng mỉa mai Thúy Kiều và cười Kim Trọng cố tình nhạt cánh hoa tàn đã lắm bùn nhơ:

*Kiều nết giặc mộng thật nên cười,
Tình dậy xuân xanh quá nửa rồi.
Số kiếp bởi đâu mà lận đận?
Sắc tài cho lắm cũng lôi thôi.
Cành hoa vườn thúy duyên còn bén,
Ngọn nước sông Tiền nợ chẳng xuôi.
Không trách chàng Kim đeo đẳng mãi,
Khăng khăng vót lấy một phần đôi.
(Nguyễn Khuyến)*

Và phái trung dung:
*Giọt nước Tiền Đường chẳng rửa oan,
Phong ba chưa trắng nợ hồng nhan.
Lòng tơ còn vương chàng Kim Trọng,
Gót ngọc chưa phai chốn thủy quan.
Nửa giấc đoạn trường tan gỏi điệp,*

*Một dây bạc mệnh đứt cầm loan.
Cho hay những kẻ tài tình lắm,
Trời bắt làm gương để thế gian.
(Phạm Quý Thích dịch)*

Cũng thuộc phái trung dung, Tản Đà vịnh Thúy Kiều hầu rượu Hồ Tôn Hiến:
*Tiếng súng ân tình bốn mặt ran,
Tuồng quân chi tiết cánh hoa tàn.
Đôi hàng nước mắt, đôi làn sóng,
Nửa đám ma chồng, nửa tiệc quan.
Tổng Đốc ví thương người bạc mệnh,
Tiền Đường chưa chắc mã hồng nhan.
Trơ trơ nắm đất bờ sông nọ,
Hồn có xa nghe mấy tiếng đàn.
(Tản Đà)*

Cũng về vịnh Kiều, còn có một giai thoại lý thú với quan án sát Từ Đạm ngày trước, giai thoại được truyền tụng như sau:

Một hôm lính hầu có bắt giam một thư sinh nông cuồng. Đêm đã về khuya mà chàng thư sinh cứ ngâm Kiều vang dội. Lính canh la mắng bắt im, nhưng chàng thư sinh cãi lại rằng: “Quan lớn ra lệnh tổng giam, chứ có ra lệnh cấm ngâm Kiều đâu?”. Sự cãi cọ ồn ào làm mất giấc ngủ của quan án, quan truyền giải chàng thư sinh lên hầu. Thấy nói là học trò biết chữ nghĩa lại thích ngâm Kiều, quan án bèn ra lệnh phải làm một bài thơ vịnh Kiều, nếu bài thơ hay thì sẽ được tha tội và thưởng cho ba quan tiền, còn nếu bài thơ dở sẽ bị đánh đòn ba roi, bắt trở lại nhà giam và phải ngâm miệng không được ngâm nga gì nữa.

Quan án sát ra đầu đề: “Vịnh thân thể nàng Kiều”. Chàng thư sinh suy nghĩ một lát rồi ứng khẩu đọc bài vịnh như sau:

*Khóa cửa phòng xuân để đợi chờ,
Mà em mất nết tự bao giờ.
Chàng Kim mê gái công đeo đẳng,
Viên ngoại chiều con chết ngắt ngợ.
Nợ trước hẹn hò con đã Đạm,
Duyên sau gặp gỡ bố cu Từ.
Mười lăm năm ấy bao nhiêu sướng,
Còn trách làm chi chú bán tơ.*

Đáng chú ý là hai câu thơ:
*Nợ trước hẹn hò con đã Đạm,
Duyên sau gặp gỡ bố cu Từ.*

Hai câu này thật tài tình, câu trước nói lên việc Thúy Kiều viếng mã Đạm Tiên trong tiết Thanh Minh, còn câu sau tả lúc Kiều gặp gỡ Từ Hải. Nhưng hai câu thơ ấy lại ghép tên quan án sát Từ Đạm, với danh xưng là “con đi Đạm” và “bố cu Từ”. Tuy vậy quan án Từ Đạm với tinh thần một nhà nho trọng lời hứa nên phải nuốt giận khen bài thơ hay, thường chàng thư sinh ba quan tiền và ra lệnh tha chàng thư sinh “ngông” thích ngâm vịnh Kiều.

Còn trong dân gian thì có cái thú “Đố Kiều”, tức là đặt ra những câu đố nhiều khi rất hiểm hóc về truyện Kiều để thử thách xem người đọc có thật thuộc, thật nhớ về Kiều hay không.

Ngày xưa, nhất là vào những ngày xuân người ta có các hội vui để hai bên nam nữ hát đố nhau về truyện Kiều thật hào hứng và trước khi đố, cả hai phe nam nữ đồng hát lên những câu hát trống quân để tăng phần trữ tình:

*Một đàn cò trắng bay chung,
Bên nam, bên nữ ta cùng hát lên.
Hát lên một tiếng linh đình,
Cho loan sánh phượng, cho mình sánh ta.*

Những câu đố Kiều trong dân gian còn truyền tụng như sau:

NỮ ĐỐ:
*Truyện Kiều anh đã thuộc lòng,
Đố anh kể được hai dòng toàn nôm?*
NAM ĐÁP:

*Này chồng, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.*

NỮ ĐỐ:
*Truyện Kiều anh thuộc đã thông,
Đố anh kể được hai dòng toàn nho?*
NAM ĐÁP:

*Hồ công quyết kể thừa cơ,
Lễ tiên binh hậu, khắc cờ tập công.*

NỮ ĐỐ:
*Truyện Kiều anh thuộc từ lâu,
Đố anh đọc được một câu mười người?*
NAM ĐÁP:

*Hai bên mười vị tướng quân,
Đặt guom, cỡi giáp trước sân khấu dàu.
(Lúc Từ Hải sai binh sĩ rầm rộ đến đón Kiều)*

NỮ ĐỐ:
Truyện Kiều anh thuộc đã nhiều,

Đố anh đáp được câu Kiều ngàn năm?
NAM ĐÁP:

*Anh hoa phát tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.*

NỮ ĐỐ:
*Truyện Kiều anh thuộc đã lâu,
Đố anh đọc được hai câu hết Kiều?*
NAM ĐÁP:

*Lời què chấp nhật đông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.*

NỮ ĐỐ:
*Truyện Kiều anh thuộc từng vắn,
Đố anh kể được ba lần trăm năm?*
NAM ĐÁP:

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

*Rằng trăm năm cũng từ đây,
Của tin gọi một chút này làm ghi.
Người dẫu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không.*

NỮ ĐỐ:
*Truyện Kiều anh thường đọc luôn,
Đố anh kể được, bốn buồn, bốn khi?*
NAM ĐÁP:

*Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?*

*Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

*Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt nước một màu xanh xanh.*

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.
(Tả cảnh buồn lúc Kiều ở Lầu Ngưng Bích)*

*Và:
Khi tựa gối, khi cúi đầu,
Khi vò chín khúc, khi chau đôi mày.*

NỮ ĐỐ:
*Truyện Kiều anh thuộc đã nhiều,
Đố anh kể được câu Kiều mười cho?*
NAM ĐÁP:

*Làm cho cho mệt cho mê,
Làm cho đau đớn ẽ chề cho coi!
Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại, cho tàn, cho cần!*

Từ này giờ phe nữ đố phe nam và phe nam đã đố đáp trôi chảy, mạch lạc, suông sẻ. Để tiếp tục mua vui bằng trò chơi trữ tình, bây giờ đến phiên phe nam đố phe nữ:

NAM ĐỐ:

Thấy em hay đọc truyện Kiều,
Cho nên anh hỏi mấy điều xem sao.
Kiều Vân em chị thế nào?
Tuổi ai hơn kém, má đào giới giang?

NỮ ĐÁP:

Hỏi chi ngoắt ngoéo hỏi chàng?
Thúy Kiều là chị rõ ràng hẳn hoi.
Hai người cùng về sinh đôi,
Chàng xem trong truyện, chàng thời hiểu ra.
Đầu lòng hai á tổ nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Hai người một tuổi, một năm,
Lấy đâu hơn kém mà thăm hỏi dò?
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
Cho nên bạc mệnh ai mà chẳng hay!

NAM ĐỐ:

Thúy Kiều sao tẻ lắm thay,
Phụ lòng Kim Trọng, nước mây sao đành?
Cầu Lâm chàng đoái chút tình,
Hàm oan những để một mình chịu riêng.
Uống công thuê Lãm, Thúy Hiên,
Uống công thế thốt chẳng nên việc gì!

NỮ ĐÁP:

Thực chàng vụng nghĩ chẳng suy!
Thau đồng lẫn lộn, bác chi chưa tỉnh.
Thúy Kiều là bạc bi kinh,
Chàng Kim cũng bạc trăm anh con nhà.
Có đâu ép liễu nài hoa,
Có đâu tang bộc như là ai kia.
Bởi chung gia biến trăm bề,
Bán mình trăm lạng đền nghì muôn chung.
Dở dang duyên phận vợ chồng,
Đó là tại bởi tơ hồng cột trêu,
Ấu là cũng tại ông xanh,
Vẽ ra cho đủ mọi vành mà chơi.
Sự tình em đã kể rồi,
Xin chàng suy nghĩ liệu lời khen chê!

Phe nữ đố đáp cũng trơn tru suông sẻ không thua gì phe nam, chúng tỏ phe nữ cũng thuộc Kiều

rành mạch. Để tiếp tục cuộc chơi, phe nữ đố tiếp phe nam, lần này các nàng ra quân bằng các câu đố càng hiểm hóc hơn với những lời hứa hẹn đong đưa trữ tình:

NỮ ĐỐ:

Đầu Kiều có một chữ **nho**,
Anh mà giải được em cho làm chồng,
Giữa Kiều có một chữ **thông**,
Anh mà giảng được bé bỏng em đi.
Cuối Kiều có một chữ **chi**,
Anh mà đáp được em thì cho không.

NAM ĐÁP:

Đầu Kiều nói đến **nho** phong,
Vương Quan là chữ nói dòng **nho** gia.
Giữa Kiều cũng đã nghĩ ra,
Như anh giảng được em là của anh.
Đêm ngày một mực giấu quanh,
Rây lãn mai lửa như hình chưa **thông**.
Cuối Kiều cũng đã nghĩ xong,
Em đừng hời hợt đổi lòng mà sai.
Có tài mà cậy **chi** tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.
Em ơi bước lại cho gần,
Một lời em hứa thánh thần chứng tri...

Thi hào Nguyễn Du đã để lại cho hậu thế không những một áng văn chương tuyệt tác mà còn những thú vui tao nhã nữa. Tuy thế, Tổ Như tiên sinh đã viết trong hai câu kết của Đoạn Trường Tân Thanh một cách thật khiêm nhường:
Lời quê chấp nhật đông dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

Kính chúc quý độc giả,
quí Anh Chị CỎ THƠM
Năm Kỷ Sửu An Khang
Đôi Đào Sức Khỏe Và:
Tiền vào như nước Sông Đà,
Tiền ra nhỏ giọt như cà-phê phin.

Lê Thương

Richmond-Virginia – Xuân 2009

LA NOTE UNIVERSELLE "SI"

Depuis l'antiquité, la femme est considérée au moyen de son évolution comme une vertu. Si la vertu, suivant la conception pure et sentimentale devient une fleur dans son jardin, la musique, elle, en est son parfum.

Quand à l'homme, il est toujours né enfant. Se transformant, changeant, créant depuis le fœtus, l'homme écoute les battements du cœur: un rythme aisé, inspiré, souffle des superstitions innées. Il est né dans le rythme. Il est fait pour changer le rythme.

La mythologie musicale remonte au temps jadis d'Hermès, créateur de la Nature sophistiquée, qui a inventé le premier instrument de musique à l'aide des entrailles d'une tortue. Un don criminel, une harmonie de conquête. Mais aux yeux d'Apollon, c'est une découverte. La mythologie grecque a eu une admiration immense à son égard, et l'a considéré comme un Dieu.

Dans toutes les ruines grecques antiques, la musique a posé ses empreintes. Certes, les sons, les voix ne résonnent plus jusqu'à nous, mais les écritures et même les poses des danses, des chants restent gravées sur les pierres dans l'entonnoir de temps.

Au 6^e siècle avant J.C., la musique a dépassé l'extrême, la frontière lui est devenue inconnue. N'était-elle pas la gloire par laquelle l'homme a profité de sa conquête pour inspirer son déclin? Dans l'abîme des connaissances, l'homme l'a changée et l'a transformée. Elle représente pour lui une source d'inspirations constantes, elle achève ses sentiments, exploitée par lui-même dans sa courbe de variations constantes.

Elle est telle qu'elle est, comme l'homme devient quelqu'un tel qu'il est. Par contre, l'homme a trouvé son emploi juste dans la mesure où elle

s'offre à lui, afin qu'il puisse l'examiner, l'écouter, et puis la changer.

Au 3^e siècle avant J.C., Confucius a écrit: "Le but de l'homme dans le monde n'est pas de créer la musique, mais de la changer." Certes, l'homme de la tribu l'a imitée en transformant la danse traditionnelle en chasse rituelle. En frappant longtemps sur un tronc de bambou vide, l'homme a trouvé un son, un son net, équilibré, évolué. Il en a fait usage dans sa vie professionnelle. Equilibre plus recherché, plus instinctif que chez l'animal, conséquence d'un piège mesquin, d'une conquête destructive.

Dès l'usage du fer et du bronze, l'homme a trouvé ce qu'il a cherché. Les six premières notes d'une gamme représentent pour lui une profonde exploitation de l'univers, les derniers degrés de l'aristocratie. Dès lors, l'homme crée, invente suivant ses recherches, sa victoire, ou sa déception. Mais il lui manquait un septième sens, le sens de l'extrême, pouvoir abusif d'une nouvelle colonisation.

Il fallut attendre jusqu'au 2^e siècle avant J.C. pour que l'Orient ait senti le septième sens: la note "SI" est considérée comme universelle, favorable à la diplomatie globale, et à la réunion commune des pays.

Tel est l'être humain dans son pouvoir musical et sa force rythmique, comme la musique dans sa nature créative et sa vie immortelle, parce que l'homme doit tout à sa musique, tandis que la musique, elle se suffit...

DIỄM HOA

Virginia, Février 2009

BỔNG DỪNG MÙA XUÂN ĐẾN

HOÀNG DUNG

Một chút Đông
Một chút Thu
Một chút Hạ
Ta bỗng có một mùa Xuân tuyệt diệu
Thời gian ơi
Không gian ơi
Lòng ta muôn hồng nghìn tía
Mặc thời gian trôi
Không gian có đời đời
Ta bắt kẻ
Vị đang “ở đỉnh đời muôn trượng”
Ở một nơi người ta gọi địa đàng

Mỗi lần nhìn thấy ông dùng cái móc sắt thay thế bàn tay, kẹp lấy cái ly bằng thủy tinh thì tôi cảm thấy lạnh toát, toàn cơ thể của tôi gồng lên theo từng cử động của ông, quai hàm tôi cứng lại, đồng thời trái tim tôi thắt lại đau buốt, lòng nôn nao, nước mắt chực trào ra. Cứ như thế trong mấy ngày tôi ở Cali... khiến cõi lòng tôi chùng xuống, nên tôi cảm thấy không còn ham muốn điều gì nữa. Trong khi đó ở Virginia những người bạn trông ngóng tôi từng giờ từng phút, vậy mà khi tôi trở về, hỏi han tôi nồng ấm, lại bắt gặp tôi với cái vẻ hoang mang hồ hững, cho nên mới nổi đóa gọi tôi là “Blond & Blue”, cái danh xưng mà ở xứ Mỹ này thiên hạ dành cho những người ngây thơ khờ khạo, à... tôi có ngây thơ khờ khạo không nhỉ, chắc là có rồi, không thì sao lại ngỡ ngỡ ngàng ngàng như thế chứ...

Mấy ngày qua tôi có dịp sinh hoạt gia đình với Ông Chúa, biệt danh của một thiếu tá phi công người Việt, nhiệm vụ của ông là thả và rước các toán hoạt động trong và ngoài biên giới VNCH. Ông có nụ cười rất tươi, đáng vẻ

thoải mái, mặc dù ông đã mất cả đôi tay trong một trận “thur hùng” với địch quân trong khoảng thời gian của năm 1970. Tôi đã từng nghe nói tới ông, tôi đã từng ngưỡng mộ ông, người phi công bị tàn phế trong cuộc chiến khốc liệt tại miền nam Việt Nam.

Ông có đôi mắt thật lạ. Tôi nhìn thấy nó reo vui khi ông nhắc đến những điều thú vị đã đi qua cuộc đời ông. Đôi mắt to đen, có hai hàng mi rậm, mỗi lần reo vui, như có hàng ngàn con bướm đang bay lượn đến độ rối rắm. Tôi dùng chữ rối rắm vì tôi cảm thấy có rất nhiều niềm vui chen lẫn cùng một lúc trong đôi mắt đó. Nếu các bạn có dịp qua Washington DC vào mùa xuân khi hoa anh đào đua nở khắp chốn, bỗng có một trận gió xuân thổi mạnh qua, hàng ngàn hàng triệu cánh hoa anh đào trắng hồng bị bứt lìa, tung bay khắp trời, như hàng ngàn hàng triệu cánh bướm đang đua vui với đất trời, và khi đó mắt chúng ta sẽ rối lên, và chúng ta sẽ cảm thấy... Tự nhiên chữ rối rắm ở đâu hiện ra, khiến tôi giải thích mãi cũng không xong, hay là tại lòng tôi đang rối rắm???, có lẽ là thế.

Nhưng khi mọi người chia tay, tôi lại thấy đôi mắt đó tối sầm lại, hai hàng mi như những hàng liễu rủ bên bờ hồ trong một buổi chiều mùa đông có nhiều mây xám... ở Hàng Châu, nơi mà tôi đã từng ghé qua.

Nếu các bạn có dịp ghé qua Hàng Châu vào mùa đông, một thành phố của Trung Quốc, nơi Lý Bạch đã cảm cảnh mà làm ra những bài thơ bất hủ (???). Lúc đó thì các bạn sẽ cảm thấy nó đẹp đến dường nào...

Hoàng Dung

Virginia 26/11/2008

NIỀM TIN BẤT DIỆT

Tháng Tư từ độ ấy chia tay
Kẻ ở người đi vẫn nhớ ngày
Thép súng bao năm trở sét rì,
Vàng son phút chốc thoát mây bay!
Ta còn ấp ủ niềm tin ấy
Lòng vẫn chưa nguôi mối hận này
Xác tín cờ vàng ba sọc đỏ
Trường tồn cùng Sử Việt hôm nay

HỒ CÔNG TÂM

Pomona, February 10, 2009

CHIỀU NƠI ĐẤT KHÁCH

Bé ơi, từ độ anh xa bé
Mỗi bước lưu vong những tháng ngày
Một góc quê xưa vời vợi nhớ
Bao mùa tuyết trắng lạnh lùng bay
Vẫn luôn gợi mộng về phương ấy
Rồi mãi chôn chân ở chốn này
Đất khách mệnh mang sầu lớp lớp
Cho lòng hiu quạnh cả chiều nay

NGUYỄN KINH BẮC

Philadelphia, February 9, 2009

Tuyệt Chiêu

Kìa kìa con công hay múa
Em múa vũ điệu đời nghiêng
Xoay xoay tôi liền chóng mặt
Nhưng tim vẫn muốn cuồng điên

Xòe xòe con công đôi cánh
Cong cón trong mỗi đường cong
Đỏ đỏ lập lòe xanh xanh
Có tôi cánh mồi trời trông

Công ơi bờ lông óng mượt
Múa tiếp cho đời lên hương
Mềm tơ sầu tôi mấy lượt
Điệu thêm để giết một người

Tôi chết công còn thương không
Hay xưa công làm phù thủy
Xoa tóc là gió cũng phiền
Và tôi mấy nổi hư không

Và tôi / em công hay múa
Vẫn vợ múa hết đời mình
Cho tôi sầu kia vầy bủa
Để chết như kẻ đa tình.

Nguyễn Thị
Thanh Bình
(Virginia)

Bản Tình Ca Em Hát Trong Đêm 30

Bản tình ca em hát	Tan hoang!	Ngày / đêm
Trong đêm 30		Sống
Buồn!	Quê hương ta	Đói khát
Buồn như có một điềm báo	Từ một lần	Trong phập phồng
trước	Chia cắt	Lo sợ!
Không vui!	Cho tới ngày	Sống
Có một điềm không lành,	Đất đai thống nhất	Trong những
Sắp tới!	Lại một lần nữa	Điều ngoa,
Thê lương.	Giống nòi Lạc Việt	Đối trá
Dường như Định Mệnh	Một đoàn người lữ thứ	Gạt găm lẫn nhau!
Chúng ta đã phải gánh	Ra đi...!	
Từ Tiên Kiếp!		Những tai ác, ân oán,
Từ ngày dựng nước	Chia cắt	thù hận...
Đã có trong huyền thoại	Giữa những người còn ở lại	Đượ mùa
Tiên / Rồng.	Chia ly	Cổ võ...!
Con Rồng, Cháu Tiên	Trong những mối	Những điều
Của giống nòi	Tị hiềm,	Nhân nghĩa
Lạc Việt.	Nghi kỵ:	Sự thật,
Một tình duyên	Chồng không tin Vợ	Đạo đức,
Không lành.	Cha mẹ không dám tin con.	Luân thường...
Nàng Âu Cơ	Tai họa	Đều bị gạt bỏ!
Lấy Vua Lạc Long Quân	Đe dọa	
Sanh một bọc trăm trứng	Đổ lên đầu	Bản tình ca em hát
Nở một trăm con	Như “tai bay, vạ gió”!	Trong đêm 30,
Năm mươi con	Ngày / đêm	Bài ca buồn,
Theo Mẹ lên Non	Những bất trắc,	nhức nhối!
Năm mươi con	Theo dõi,	Em đã hát những điều
Theo Cha xuống Biển.	Rình rập...	Định mệnh
	Cả một dân tộc	Của thân phận
Giờ đây	Phải chịu chung một	Làm một người
Sau 4000 năm dựng nước	“Bản án”	Việt Nam
Thảm kịch lại tái diễn	Khuyết danh!	Giữa thế kỷ thứ hai mươi
Chúng ta		Bây giờ!
Lại một lần nữa	Những bất cóc,	
Chia ly	Tù đầy,	
Phân kỳ	Khảo tra ...	
Đau đớn	Cả một dân tộc	
		Yên Vi
		(Minnesota)

TRONG MƯA SÀI GÒN

Tàn dư một cuộc tình, say
Xếp vô hành lý đã đầy phần em
Sao không đón giấc êm đêm
Mà như xóa vội nỗi niềm dở dang

Ta về đứng giữa tan hoang
Ưu tư vừa cạn lại mang nặng buồn
Đêm qua đã tưởng trong hồn
Không còn sót mảnh trăng tròn ngày xưa

Sáng ra vuốt tóc nàng thơ
Bụi hoàng kim đọng bờ thờ tình riêng
Thắm mong một chút thần tiên
Cho ta có lại lòng tin thuở nào

Trời mưa ơi hỡi, nguồn đau
Bỗng tan thành lũ dạt vào tâm tư
Mai sau chỗ đợi, nơi chờ
Sẽ phai từng dấu hẹn hò hôm nay

CAO
MỸ
NHÂN
Saigon
18-12-08



NHƯ GIẤC CHIÊM BAO

Cảm hứng từ hai câu thơ của anh
NGUYỄN ĐỨC VINH:
*Như mơ em đến bất ngờ
Không gian chợt ấm tình thơ lại về.*

Biển xanh đùa với cát vàng
Cho ai ngỡ ngàng bàng hoàng nhớ ai.
“Thức lâu mới biết đêm dài”
Sống lâu mới biết là ai thương mình.
Đôi chim ríu rít trên cành
Nhắc ai nhớ đến tuổi xanh xa vời.
Có đôi môi thắm nụ cười
Có vòng tay ấm đón mời yêu đương.
Có ai đợi trước cổng trường
Cho ai say đắm vấn vương đến giờ.
Cuộc đời như một giấc mơ
Duyên may gặp gỡ còn ngờ chiêm bao.

HỒNG
THUỶ
(Maryland)



THE FORGOTTEN GRAVE

After a hundred years
Nobody knows the place,-
Agony, that enacted there,
Motionless as peace.

Weeds triumphant ranged,
Strangers strolled and spelled
At the lone orthography
Of the elder dead.

Winds of summer fields
Recollect the way,-
Instinct picking up the key
Dropped by memory.

EMILY DICKINSON
(1830-1886)

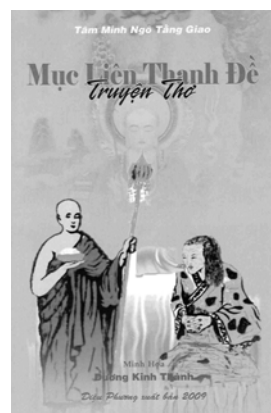
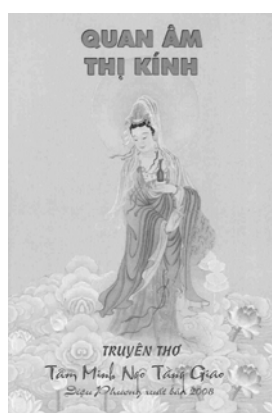
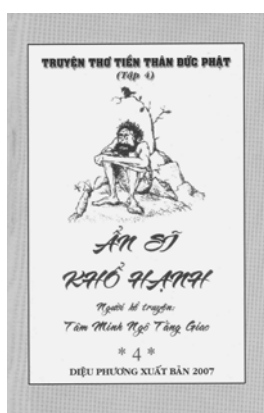
MỘ HOANG

Trăm năm trần thế vẫn xoay
Ai còn biết đến nơi này nữa đâu
Ngày nao chắt ngất thăm sâu
Giờ trở như đá, dãi dầu, tịch liêu.

Cỏ hoang lẫn phủ tiêu điều
Bao chân khách lạ sớm chiều dạo ngang
Mộ bia nhắm đọc từng hàng
Nhớ về người dưới tuổi vàng mấy khi.

Gió qua đồng vắng ngày hè
Lần theo nắng tím xuôi về lối xưa
Lượm đầu mật khóa mong chờ
Mà vùng ký ức hững hờ bỏ vương.

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO
chuyển ngữ.



Truyện thơ *Ẩn Sĩ Khổ Hạnh*, *Quan Âm Thị Kính*, *Mục Liên Thanh Đề*, sách ấn tống, để biếu, không bán, của soạn giả **TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO**. Soạn giả không giữ bản quyền. Hoan nghênh tái bản hoặc phổ biến dưới bất kỳ hình thức nào khác. Liên lạc Tâm Minh Ngô Tằng Giao: <giaongo@msn.com>.

I WANDERED LONELY AS A CLOUD

I wandered lonely as a cloud
That floats on high o'er vales and hills,
When all at once I saw a crowd,
A host, of golden daffodils;
Beside the lake, beneath the trees,
Fluttering and dancing in the breeze.

Continuous as the stars that shine
And twinkle on the milky way,
They stretched in never-ending line
Along the margin of a bay:
Ten thousand saw I at a glance,
Tossing their heads in sprightly dance.

The waves beside them danced; but they
Out-did the sparkling waves in glee:
A poet could not but be gay,
In such a jocund company:
I gazed-and gazed-but little thought
What wealth the show to me had brought:

For oft, when on my couch I lie
In vacant or in pensive mood,
They flash upon that inward eye
Which is the bliss of solitude;
And then my heart with pleasure fills,
And dances with the daffodils.

WILLIAM WORDSWORTH

LANG THANG NHƯ ÁNG MÂY TRỜI

Lang thang như áng mây trôi
Qua thung lũng thấp lên đồi dốc cao
Bàng hoàng chợt thấy lao xao
Thủy tiên vàng thắm đón chào khách du
Bên hồ bóng lá xanh mơ
Vi vu sáo nhạc gió đưa dịu dàng.

Như sao ngời sáng Ngân giang
Long lanh hoa nở cánh vàng trinh nguyên
Thủy tiên khoe sắc khắp miền
Thêu bờ dệt vịnh hỗn nhiên chân trời
Ngàn hoa lóng lánh tuyệt vời
Ngả nghiêng luân vũ chào mời yêu đương.

Dập dồn bên sóng đại dương
Thủy tiên vui khúc nghê thường mừng Xuân
Ngất ngây lãng đãng thi nhân
Tưởng như hội ngộ tri âm bao giờ
Miên man suy ngắm mộng mơ
Dạt dào ý hứng vẫn thơ trữ tình.

Vấn hoài nệm ấm ngả mình
Trầm tư, trống vắng lung linh cõi lòng
Hoa vương ánh mắt bên song
Niềm vui nhòa xóa thú buồn cô đơn
Hân hoan tràn ngập tâm hồn
Như khiêu vũ giữa cánh đồng Thủy Tiên.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

Phỏng dịch

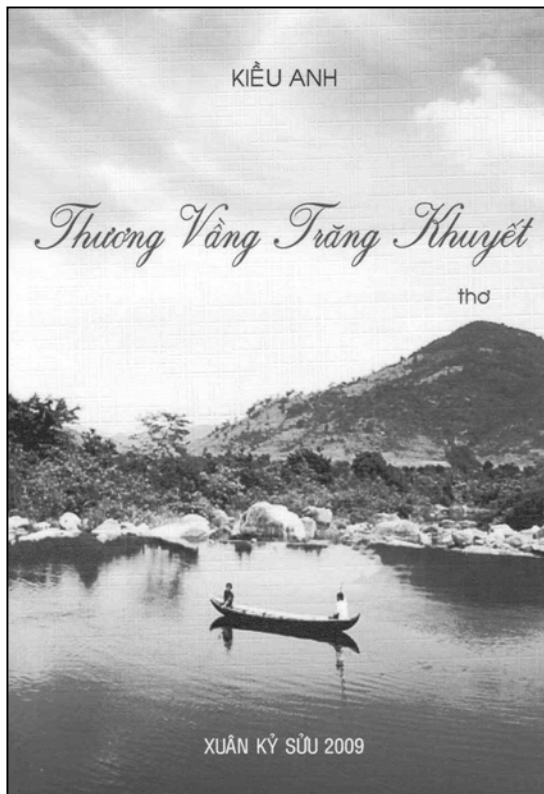
SÁCH BÁO MỚI

Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm trân trọng giới thiệu cùng độc giả những áng thơ cổ điển trau chuốt mỹ tự, dồi dào cảm xúc của:

NHÀ THƠ KIỀU ANH

vừa cho xuất bản tập thơ
THƯƠNG VÀNG TRĂNG KHUYẾT

Liên lạc tác giả:
Mrs. Phan Văn Kiều Anh
600 18 Ave. N 524W
Minneapolis, MN 55411
(612) 521-8908



DIỄN VIÊN
HOÀNG VĂN MINH

TÂM MINH BÚT

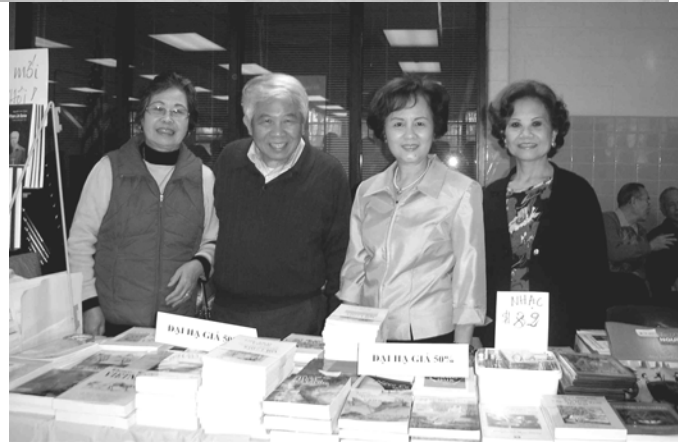
NHÀ XUẤT BẢN DÂN TỘC
2007

Liên lạc:
Nhà xuất bản Dân Tộc
414 East Shaw Avenue
Silver Spring, MD 20904
(301) 879-8730

BÁN SÁCH BÁO CHỢ TẾT KỶ SỬU



Từ trái: Giáo Sư Đào Thị Hợi,
Học Giả Nguyễn Ngọc Bích,
Nữ Sĩ Trương Anh Thụy,
Chủ Nhiệm Cổ Thơm
Nguyễn Thị Ngọc Dung.



Thủy Jr., Kelly, Mai &
Dzung Senser



HỌP MẶT TÂN NIÊN TẠI TÒA SOẠN CỔ THƠM



Từ trái – Hàng ngồi: Hà Bình Trung, Vũ Anh Thanh, Nguyễn Lâm, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Ngô Tăng Giao, Vi Khuê. Hàng đứng: Phan Anh Dũng, Đặng Nguyên, Tạ Quang Trung, Ý Anh, Lê Thương, Trương Anh Thụy, Nguyễn Ngọc Bích, Hồng Yến, Bạch Mai, Đỗ Ngọc Phú.



Ngọc Dung, Trinh, Ánh Bích và Mỹ Hạnh.



MC Thái Phượng mở đầu chương trình với bản nhạc "Xuân Ca của Phạm Duy" với phụ họa của Hoàng Cung Fa và toàn thể quan khách



Phan Anh Dũng & Tâm Hào



Hoàng Cung Fa, Hoàng Dung, Đàm Xuân Linh

Tâm
Hảo
với
“Mộng
Đêm
Xuân”
của
Tuấn
Khánh



Phan Anh Dũng và Đàm Xuân Linh.

Bạch Mai diễn ngâm một bài thơ



Vũ An Thanh trình bày “Em Còn Nhớ Mùa Xuân của Ngô Thụy Miên”



Thái Phượng, Vi Khuê, Anh Dũng, Ngọc Dung.



Một số người tham dự đã ra khiêu vũ theo điệu “cha cha cha”
vui nhộn của bản nhạc “Gió Mùa Xuân Tươi”



Anh Dũng, Cung Fa, Tâm Hảo, Hoàng Dung trình bày
“Gió Mùa Xuân Tươi của Hoàng Trọng”



Thái Phượng, Thu Thủy



Ô B Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Huy Long, Đàm Xuân Linh, Hồng Yến



Hàng ngồi: Ngọc Thanh, Ngọc Dung, Thái Phượng. Hàng đứng: Mẫu Đơn, Trương Anh Thủy, Ngọc Tú, Trúc Mai, Thu Thủy, Tâm Đạt, Minh Trân và Kiều Thu.



Ông Bà Nguyễn Văn Thành, Ông Nguyễn Ngọc Bích và Ông Nguyễn Huy Long.



Ngọc Thanh hát tặng Ngọc Dung
bài "Anh Cho Em thơ: Ngọc Dung; nhạc: Huy Lâm"



Cùng nhau hợp ca các bài "Đón Xuân của Phạm Đình Chương"
và "Khúc Nhạc Mừng Xuân của Nhật Bằng" ...

THƯ MỜI THAM GIA TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Xin mời quý vị tác giả, độc giả và thân hữu tham gia TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM, một tạp chí văn học, nghệ thuật và biên khảo. Niên liễm gia nhập Tạp Chí Cỏ Thơm là \$50 Mỹ kim. Số tiền này để trang trải chi phí in ấn và cước phí.

- _ Mỗi năm quý vị sẽ nhận được 4 số Cỏ Thơm gửi đến tận nhà bằng Media Mail.
- _ Nếu bài viết được chọn đăng, tòa soạn sẽ gửi tặng thêm 1 tập báo nữa tổng cộng là 2 tập cho mỗi số). Khi phát hành số báo kế tiếp (ba tháng sau), bài đã được đăng sẽ đưa lên Website của Cỏ Thơm (www.cothommagazine.com) để mở rộng cho nhiều người đọc.
- _ Hội viên sẽ được giúp đỡ kỹ thuật khi muốn in tác phẩm.
- _ Hội viên mua sách do Cỏ Thơm ấn hành với giá 40% + cước phí bưu điện.
- _ Hội viên phải tôn trọng chủ trương của Cỏ Thơm Foundation:
 - . Tạp Chí Cỏ Thơm duy trì và phát huy nền văn hóa dân tộc tại hải ngoại, mọi tranh luận không có tính cách văn học đều không được chấp nhận.
 - . Website Cỏ Thơm không được sử dụng như một hộp thư để trao đổi thư tín.

Xin mời ghi phiếu tham gia dưới đây.

Thay mặt Ban Quản Trị Tạp Chí Cỏ Thơm
Nguyễn Thị Ngọc Dung
11623 Chapel Cross Way
Reston, VA 20194, USA
(703) 471-1271, <dsenser@yahoo.com>, <www.cothommagazine.com>.



PHIẾU THAM GIA TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Tên họ _____

Ngày và nơi sinh _____

Quá trình sáng tác nếu có _____

Địa chỉ: _____

Điện Thoại: () _____ Email: _____

Đồng ý tham gia với tư cách Hội Viên kể từ ngày _____ tháng _____, 20_____.

CHỮ KÝ HỘI VIÊN

Money Order, chi, ngân phiếu niên liễm \$50 Mỹ kim xin ghi Cothom Foundation và gửi về địa chỉ:

**COTHOM FOUNDATION
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194
USA**

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An	B. Tô Diễm Hồng	B. Nguyễn Minh Tân
B. Phạm Tường An	B. Huệ Phạm	B. Nguyễn T. Ngọc Tân
B. Văn Thị Kiều Anh	Ô.B. Huỳnh Bá Hùng	Ô.B. Nguyễn Diệu Tân(NJ)
B. Nguyễn Ngọc Anh	Ô.B. Bình Huyền (France)	B. Nguyễn Đạp Thanh
Ô. Nguyễn Văn Bá (France)	B. Thùy Hương N.T.T.	Ô. B. Nguyễn Văn Thành
Ô. Trần Hữu Bảo	B.Quỳnh Khanh Nicholson	Ô. B. Trịnh Đức Thông
Ô. Việt Bằng (CA)	Ô. Lê Ngọc Kha	B. Lưu Nguyễn Kiều Thu
B. Phạm Thị Ánh Bích	Ô. B. Phan Khâm	B. Nguyễn Tiểu Thu, Canada
Ô.B. Hoàng Dân Bình	Ô. Nguyễn Quốc Khoa	B. Nguyễn Hồng Thủy
Ô.B. La Trung Chánh	Ô. Phạm Nguyễn Khôi	B. Lương Thu Thủy
B. Nguyễn Phương Châm	B. Vi Khuê	Ô. B. Lê Ngọc Thụy
Ô.B. Nguyễn Hùng Châu	Ô. Bùi Thượng Khuê	Ô. Nguyễn Hữu Thử
B. Vũ Kim Châu	Ô. Võ Lại	Ô. Lê Văn Thương
Ô. Trần Châu	B. Phạm Tố Lan	Ô. Bùi Thanh Tiên
Ô.B. Ngô Chương	Ô. Nguyễn Lân	B. Tiffany Trang Đỗ
B. Nguyễn Hồng Cung	B. Hoàng Thị Phương Liên	Ô.. Nguyễn Văn Toại
ÔB BS Nguyễn B. Cường	B. Ngô Thị Liên	Ô. Lê Văn Trạch
B. Diana Đặng	Ô. B. Nguyễn Huy Long	B. Ngô Khắc Trâm
B. Nguyễn Kim Dung	Ô. B. Nguyễn Phú Long	B. Hoàng Minh Trân
Ô. B. Phan Anh Dũng	Ô. Phạm Đình Long	Ô. Tạ Quang Trung
B. Phùng Ngọc Duy	B. Hoàng Bạch Mai	Ô. B. Võ Trương
B. Dzung Senser	B. Nguyễn Trúc Mai (CA)	Ô.B. Nguyễn Ân Tuấn
Ô.B. Don Van Dang	B. Mai Nguyễn (VA)	Ô. Nguyễn Đăng Tuấn
B. Bùi Thị Đào	Ô. Vũ Nam, Germany	B. Đặng Ngọc Tú
Ô. Nguyễn Hải Đăng	B. Nguyễn Phương Nga	B. Nguyễn Tường Vân (CA)
B. Mẫu Đơn Nguyễn	B. Nguyễn T. Xuân Nga	Ô. Nguyễn Tường Vân (MD)
B. Nguyễn T. Minh Đức	Ô. Đào Nguyễn	B. Khánh Vân Michalek
Ô. Vũ Vương Đoàn	Ô. Đăng Nguyễn	Ô. Nguyễn Xuân Vân
Ô.B.Hoàng Cung Fa	B. Trần Thị Minh Nguyệt	Ô. Nguyễn Tinh Vệ
Ô.B. B.S. Giang Hoàng	B. Cao My Nhân	Ô. Yên Vi
B. Đỗ Thị Minh Giang	B. Nguyễn Tú Nhật	B. Hoàng Hồng Yến
B. Lê Thúy Hà	Ô. Lê Xuân Nhuận	Eastern Loudoun Library
B. Nguyễn T. Song Hà	Ô. Nguyễn Ngọc Oánh	Hà Nguyễn & Associates
Ô.B. Nguyễn Đăng Hải	Ô. Vũ Mạnh Phát	Ivan M. Waldman &
B. Đỗ Trang Mỹ Hạnh	Ô. Trần Phi	Associates
B. Vương Ánh Hằng	Ô. B. Đỗ Ngọc Phú	B.S. Võ Đạm
B. Trần Kim Hân	B. Vũ Thị Phúc	B.S. Nguyễn Quốc Quân
B. Dương Thị Hiền	B. Hoàng Hữu Phước	B.S. Nguyễn T. Kim Dung
Ô. Đặng Văn Hiền	B. Nghiêm Thái Phước	Sovereign Realty, INC.
B. Đặng Thị Hiền	Ô. Lê Quang Phùng	Westgate Realty Group, Inc.
Ô. Lý Thy Hiếu	Ô. Trần Bích San	Buddy Photo
B. Nguyễn Hoa	Ô. Hồ Công Tâm	Harvest Moon Restaurant
Ô.B. Trần Bội Hoàn	B. Nguyễn T. Minh Tâm	

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name):
Địa chỉ (Address):
.....
Phone, Fax, Email:
Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):.....tới số (To issue #):.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)
Số tiền (US dollar amount) \$

**GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM
PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES**

Nội địa Hoa Kỳ và Gia Nã Đại (In USA & Canada): US \$30 []
Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$40 []

**GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8 1/2"):**

1/2 trang trong: US \$30.00 []
1 trang trong: US \$60.00 []
Trang trong bìa trước: US \$100.00 []
Trang trong bìa sau: US \$100.00 []
Trang ngoài bìa sau: US \$120.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194

**QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO
LÀ AN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**

TỦ SÁCH HỘI VIÊN CỎ THƠM

TÁC GIẢ TÁC PHẨM	LOẠI VĂN	ẤN PHÍ	GIÁ HỘI VIÊN CẢ BƯU PHÍ	MUA GHI (X)
TRẦN BÍCH SAN: <i>VẤN KHẢO</i>	BIÊN KHẢO	\$15	\$ 9.	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>TÁC PHẨM ĐẸP CỦA BẠN</i>	BÌNH VĂN THƠ	\$15	\$ 9.	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
QUỖNH ANH: <i>TÌNH TRONG CÔI MỘNG</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
TRẦN QUỐC BẢO: <i>ĐỐI DIỆN NIỀM VUI</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
N.T. NGỌC DUNG: <i>ĐIỂM TRANG LÀM DÁNG CUỘC ĐỜI</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG: <i>MỘT THOÁNG MÂY BAY</i>	TẬP TRUYỆN	\$12	\$ 7.5	
HỒ TRƯỜNG AN, NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG, CAO MỸ NHÂN, PHAN KHÂM... : <i>HOÀI CẢM</i>	THƠ XƯƠNG HỌA	\$12	\$ 7.5	
CAO MỸ NHÂN: <i>ÁO MÀU XANH</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
KIM Y PHẠM LỆ OANH: <i>LIÊU TRAI TRÍ DỊ 1-2-3</i>	TRUYỆN DỊCH	\$21	\$12.	
KIM Y PHẠM LỆ OANH: <i>THI KINH QUỐC PHONG</i>	CỔ THI	\$25	\$14.	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>TRẠM NGHỈ CHÂN</i>	TRUYỆN DÀI	\$10	\$ 6.5	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>ÁNH MẮT</i>	TẬP TRUYỆN	\$12	\$ 7.5	
BÙI THANH TIÊN: <i>TRĂNG NHỎ ĐÊM RẼM</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
PHAN KHÂM: <i>BÊN DÒNG THẠCH HẸN</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
NGUYỄN LÂN: <i>SÔI NỔI</i>	TẬP TRUYỆN	\$15	\$ 9.	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>VƯỜN CAU QUÊ NGOẠI</i>	THƠ	\$10	\$ 6.5	
ĐẶNG NGUYỄN: <i>ĐÃ KHÔ DÒNG LỆ</i>	THƠ	\$12	\$ 7.5	
VIỆT BẰNG: <i>HÌNH ẢNH TRÔI ĐI</i>	THƠ	\$12.	\$ 7.5	
N.T. NGỌC DUNG: <i>PHƯƠNG VẤN NỮ BÊN TRỜI HÀ NỘI</i>	HỒI KÝ	\$18.	\$10.5	
N.T. NGỌC DUNG: <i>SÀI GÒN NẮNG NHỚ MÙA THƯƠNG</i>	HỒI KÝ	\$20.	\$11.5	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>GIẢI THOẠI VĂN CHƯƠNG</i> với Việt Bằng, Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phan Khâm, Vi Khuê, Vũ Nam, Trần Bích San, Tiểu Thu.	BÚT ĐÀM	\$15.	\$ 9.5	
TRƯƠNG ANH THỤY: <i>CHUYỂN MÙA</i>	TIỂU THUYẾT	\$28.	\$16.55	
PHAN KHÂM: <i>DÒNG SÔNG THAO THỨC</i>	THƠ	\$12.	\$ 7.5	
NGUYỄN T.N. DUNG: <i>NON NƯỚC ĐÁ VÀNG</i>	BÚT KÝ	\$15.	\$ 9.5	
HỒ TRƯỜNG AN: <i>NÁO NỨC HỘI TRĂNG RẼM</i>	VÚT KHẢO.	\$15.	\$ 9.5	
HOÀNG TRÙNG DƯƠNG: <i>THƠ TÌNH HOÀNG TRÙNG DƯƠNG</i>	THƠ	\$10.	\$ 7.	
BÙI THANH TIÊN: <i>KHÚC VÔ THANH</i>	THƠ	\$18.	\$11.	

GIÁ BÁN CHO HỘI VIÊN LÀ NỬA TIỀN ẨM PHÍ CỘNG CƯỚC PHÍ BƯU ĐIỆN \$2.50 MỖI CUỐN.